VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

tạ quốc tuấn *văn học phụ nữ trung quốc...* ■ **bạch cư dị** *trường hận ca* **quỳnh dao** *nỗi hận khôn nguôi* ■ **thụy khuê** *thoạt kỳ thủy trong vùng đất...* ■ **lương thư trung** *"lục bát hoàng xuân sơn"...* ■ **trịnh thanh thủy** *siêu tiểu thuyết thời hậu hiện đại* ■ **thu tứ** *lụt trăng mưa sao*

VĂN

hoàng nga • hoàng chính • văn cầm hải • nguyễn ý thuần • lê quỳnh mai • văn cầm hải • murakami haruki - phạm vũ thịnh *dịch* • hoài ziang duy

THƠ

cao nguyên • lý thừa nghiệp • trần thị hà thân • khê kinh-kha • nguyễn nam an • ngô nguyên dũng • nnguong • trần hữu hoàng • mdtt • lưu hy lạc • hoàng xuân sơn • phươngmỹhoa • luân hoán • hà nguyên thạch

đàn bách kiếm *đùa với đường thi* ■ **tưởng năng tiến** *sổ tay thường dân* ■ **hoàng mai đạt** *tạp ghi*

xuân ất dậu

223

tháng 01-02, 2005

VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

PHÁT HÀNH MỖI HAI THÁNG

❖

Chủ biên: Cao Xuân Huy

Đại diện Văn Học ở Âu châu:

Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham,
75013, Paris, FRANCE
Phone (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu:

Mr. Lê Khắc Phú, 14 Lester Road, Reversby
NSW 2212, AUSTRALIA
Phone: (02) 9785-0460
Email: phudieuanh@yahoo.com

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas

Mr. Ngu Yên, 2005 West Gray # F
Houston, TX 77019
Phone: (713) 942-8777

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana

Mr. Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

❖

Đại diện Văn Học ở Atlanta

Trương Bình Minh
67 Chipping Ct. Riverdale, GA 30274
Tel:678-596-5948

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về Văn Học
P.O. Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
Email: tapchivanhoc@yahoo.com - Web site: vanhoc.net
Phone: **(714) 981-5475**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN-0885-128X

VĂN HỌC

kính chúc quý độc giả và văn hữu một năm ất dậu an khang và thịnh vượng

VĂN HỌC
số 223 tháng 1, 2-2005

CAO XUÂN HUY	3	thư tòa soạn
TẠ QUỐC TUẤN	4	văn học phụ nữ trung quốc...
BẠCH CƯ DỊ	18	*trường hận ca*
QUỲNH DAO	25	nỗi hận khôn nguôi
CAO NGUYÊN	28	*vào xuân*
HOÀNG NGA	29	bao la như biển thái bình
LÝ THỪA NGHIỆP	35	*hừng đông*
HOÀNG CHÍNH	36	một mình đón giao thừa
TRẦN THỊ HÀ THÂN	41	*chờ nhau*
KHÊ KINH-KHA	42	*có lẽ*
HỒ ĐÌNH NGHIÊM	43	niềm riêng

NGUYỄN NAM AN	57	*đêm nghe mưa thức giấc*
NGÔ NGUYÊN DŨNG	58	*điệu trầm xuân*
VĂN CẦM HẢI	59	hoa thủy tiên trong đêm 30 tết
NGUYỄN Ý THUẦN	67	áng mây miền núi
NNGUONG	81	*buồn, con mắt huế*
LÊ QUỲNH MAI	82	gã đấu bò thành málaga
TRẦN HỮU HOÀNG	92	*vẫn là viễn mộng*
MURAKAMI HARUKI - PHẠM VŨ THỊNH *dịch*	93	các con của thượng đế đều...
MDTT	108	*khoảng trống của lục bát*
HOÀI ZIANG DUY	109	lạy trời mưa xuống
THỤY KHUÊ	119	thoạt kỳ thủy trong vùng đất...
LƯU HY LẠC	130	*ngụ ngôn rodin*
LƯƠNG THƯ TRUNG	132	"lục bát hoàng xuân sơn"...
HOÀNG XUÂN SƠN	140	*thèm nắng -- vân tiên. hồi cuối*
PHƯƠNGMỸHOA	141	*xanh/hồng*
TRỊNH THANH THỦY	142	siêu tiểu thuyết thời hậu hiện đại
LUÂN HOÁN	148	*ngũ ngôn lh*
THU TỨ	149	lụt trăng mưa sao
NGUYỄN HUY THIỆP	157	trò chuyện với hoa thủy tiên...
TRẦN MẠNH HẢO	170	có thật đa số các nhà văn việt nam...
NGỌC ANH	181	khi nhà văn cười nhà thơ
THÍCH THIỆN NGÂN	188	mổ nhà văn
HÀ NGUYÊN THẠCH	211	*xuân đợi*
HOÀNG NGỌC HIẾN	212	vài lời về bài talawas phỏng vấn...
	213	cái nước mình nó thế!
TRẦN MẠNH HẢO	230	khi ông hoàng ngọc hiến...
BÍCH CHÂU	236	nhân đọc "cái nước mình nó thế"
BÙI VĂN PHÚ	221	về bài phỏng vấn (chưa đăng)
PHAN NHẬT NAM	238	về những tiếng, lời chân thật...
ĐINH TỪ THỨC	260	đọc nếu đi hết biển, chuyện đi, về
QUỐC VIỆT	280	đọc "nếu đi hết biển"
BÙI VĂN PHÚ	295	văn học có thể làm nhịp cầu...?
VŨ ÁNH	298	đọc "nếu đi hết biển"
ĐỖ THÁI NHIÊN	314	bên ni biển
ĐÀN BÁCH KIẾM	331	đùa với đường thi
TƯỞNG NĂNG TIẾN	325	sổ tay thường dân
HOÀNG MAI ĐẠT	330	tạp ghi
HOÀNG MAI ĐẠT	335	giới thiệu sách mới

thư tòa soạn

CAO XUÂN HUY

Văn Học số tất niên ngoài một số bài liên quan đến Tết và những bài thường xuyên, Văn Học thêm một số bài đặc biệt đã đăng trên diễn đàn Talawas và trên các báo chí trong lẫn ngoài nước về những sự việc gây tốn nhiều giấy mực nhất trong năm qua.

Trong nước, bài "Trò chuyện với hoa thủy tiên..." của Nguyễn Huy Thiệp, kế đến là bài trả lời Talawas phỏng vấn của Hoàng Ngọc Hiến, bài trả lời này không được phổ biến chính thức, nhưng vẫn gây nên những tranh cãi. Tuy nhiên, vì có những hạn chế trong và ngoài nước, chúng tôi đã không có được đầy đủ các dữ kiện. Đặc biệt, Văn Học xin cám ơn nhà văn Phạm Thị Hoài đã thuận cho đăng lại những bài trên diễn đàn Talawas.

Hải ngoại, những người cầm bút trả lời phỏng vấn đạo diễn điện ảnh trong nước, Trần Văn Thủy, trong quyển "Nếu đi hết biển", đã gây nên những phản ứng dữ dội cả hai chiều bênh và chống, trên báo chí cũng như đài phát thanh, Văn Học đăng gần hết những bài viết mà chúng tôi thu thập được, dĩ nhiên ngoại trừ những bài mang tính chất mạ lỵ, chụp mũ với những lời lẽ tục tĩu. Ba bài được đài SBS (Úc) phát thanh trong mục Sổ Tay Văn Nghệ do Quốc Việt phụ trách, Văn Học chỉ đăng hai bài, vì bài của nhà văn Tưởng Năng Tiến đã đăng trong mục Sổ Tay (Văn Học số 222).

Văn Học xin nhắc lại, các văn hữu gửi bài cho Văn Học, xin email theo địa chỉ tapchivanhoc@yahoo.com. Nếu gửi theo bưu điện, xin nhớ kèm theo disk và gửi về địa chỉ Văn Học P.O. Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA. Riêng về thơ, xin các thi hữu gửi bài cho Trịnh Y Thư, địa chỉ trinhythu@aol.com. Văn Học không nhận bài viết tay. Và xin quý văn hữu đừng gửi bài đã đăng, kể cả trên net.

Mời độc giả và văn hữu vào xem Văn Học online ở www.vanhoc.net.■

văn học phụ nữ trung quốc trong hai thập niên 1980-1990

TẠ QUỐC TUẤN

Một trong những hiện tượng văn học quan trọng nhất của Trung Quốc là từ đầu thế kỷ thứ 20, bắt đầu với phong trào Tân Văn Học, số các nhà văn nữ xuất hiện càng ngày càng gia tăng và có nhiều người đã chiếm được địa vị ngang hàng với các nhà văn nam. Mặt khác, trong hai thập niên 1980-1990 người ta đã chứng kiến sự nổi lên lẫy lừng của các nhà văn nữ với một số lượng rất lớn về tác phẩm và phẩm chất của các tác phẩm của họ càng ngày càng cao chưa từng thấy ở Trung Quốc. Các nhà văn nữ đã đóng vai trò chính yếu trong hầu hết mọi khía cạnh của công cuộc "*văn học phục hưng*" (lời nhiều học giả Trung Quốc).

Thực vậy, trong dòng chủ lưu của văn học Trung Quốc hiện đại mà các nhà văn cũng như các nhà phê bình văn học Trung Quốc cho là quan trọng, các nhà văn nữ đã góp rất nhiều bộ mặt. Họ đã viết một cắch chân thật theo đường lối xã hội hiện thực chủ nghĩa về các vấn đề phụ nữ trong xã hội Trung Quốc hiện đại, nhất là các nhà chuyên nghiệp nữ ở thành thị, phải đương đầu, như tính dục, hôn nhân, gia đình, chức nghiệp. Hơn nữa, họ thường bàn về các vấn đề giới tính trong xã hội để nêu rõ ý nghĩa xã hội rộng lớn hơn.

I. Số các nhà văn nữ gia tăng nhanh

Năm 1985, tại Thảo Luận Hội Về Văn Học Phụ Nữ nhóm ở Tây Bá Linh, thủ đô nước Cộng Hòa Liên Bang Đức, nữ tiểu thuyết gia hiện đại Trung Quốc là Trương Kháng Kháng (s. 1950) đã tuyên bố rằng:

"*Mặc dù các tác phẩm của tôi đã dựng lên nhiều nhân vật nữ nhưng, theo ý tôi, các tác phẩm đó không thuộc loại văn học phụ nữ, bởi vì, nói một cách chặt chẽ, nó chưa lớn lên thành một trong những đại thụ trong rừng văn học hiện đại Trung Quốc, chứ đừng nói là một khuynh hướng.*"[1]

Mặt khác, trong khi ngôn ngữ của các nước trên thế giới, kể cả Việt Nam, thường dùng danh xưng "tác giả" để chỉ chung những người, bất kể là nam hay nữ, làm hay tạo ra một hành động nào hoặc viết một tác phẩm nào, và nếu là tác phẩm thì bất kể là có tính cách văn chương hay không, thì trong thực tế xã hội cũng như ngôn ngữ Trung Hoa, từ "tác gia" không áp dụng cho các nhà văn nữ, ngoại trừ khi cần nhấn mạnh vào giới tính của người viết, ngay cả cho trường hợp người ấy không viết mà chỉ là biên tập thôi.

Đó là bởi vì nhiều lý do.

Thứ nhất, mặc dù Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã ngự trị mấy chục năm rồi (từ ngày 1.10.1949), chế độ phụ hệ tông quyền vẫn tiếp tục thống trị xã hội Trung Quốc như cách đây hơn 4.000 năm[2]. Hơn nữa, hiện nay chế độ này lại được xã hội chủ nghĩa, một chủ nghĩa cũng lơ là đối với vấn đề nữ quyền như mọi chủ nghĩa khác, gián tiếp hỗ trợ.

Thứ hai, sinh hoạt của phụ nữ Trung Quốc vẫn tiếp tục bị tương quan giữa họ và nam nhân chi phối và quyết định.

Thứ ba, "*vấn đề bình đẳng giới tính và giải phóng phụ nữ vẫn chưa phải là những vấn đề chủ yếu trong nghị trình của các nhà hoạch định chính sách của Trung Quốc hay là đối với chính phụ nữ.*"[3]

Thứ tư, "*đầu thập niên 1980, phụ nữ tin — một cách kiên trì đáng ngạc nhiên — vào sự thấp kém về phương diện sinh vật của họ.*"[4]

Sự thấp kém của phụ nữ trong xã hội phụ hệ Trung Quốc ngay cả dưới chế độ xã hội chủ nghĩa đã được Vivienne Shue nêu ra trong thí dụ là các cô dâu miền thôn dã trong thập niên 1980 vẫn bị buộc phải quì gối nhiều lần trong lễ cưới để chứng tỏ là cô đã hoàn toàn rời khỏi gia đình mình để gia nhập huyết thống nhà chồng với một địa vị khuất tùng và cũng là để chứng tỏ cô dâu bằng một nghi lễ đã từ bỏ thân phận trước của mình để trở thành một phần tử với thân phận thấp nhất trong gia đình hoàn toàn mới là gia đình chồng.[5]

Ngoài ra, đa số các học giả đồng ý rằng địa vị của phụ nữ trong xã hội truyền thống Trung Quốc ở bất cứ nơi nào cũng như trong bất cứ thời gian nào cũng thấp kém hơn nam nhân. Chính vì địa vị thân phận thấp kém của họ cộng với lề lối sống hết sức hạn chế và được học hành ít nên trong lịch sử văn học Trung Quốc trước thế kỷ thứ 20 văn học phụ nữ ít ỏi và phẩm chất thấp.

Thực vậy, nông dân tuy chiếm 80% dân số Trung Quốc, cả nam lẫn nữ, nhưng phần rất lớn lại mù chữ thất học và tuy họ, ít nhất là kể từ thiên niên kỷ thứ nhất trước công nguyên, là tác giả của những bài dân dao hay truyện khẩu truyền, nhưng họ không viết văn làm thơ. Con số những người như Hạ Song Khanh (1716-1737), một nông gia nữ thi nhân thời nhà Thanh (1644-1911), có thể đếm được trên đầu ngón tay.

Còn phụ nữ thuộc các danh môn vọng tộc hay đại gia, phú gia, tuy có học, biết chữ nhưng phải sống một đời sống nơi thâm nghiêm kín cổng cao tường, phải thi hành bổn phận làm vợ, làm con dâu, làm mẹ theo tập tục, quán lệ, giáo điều Khổng-Mạnh trọng nam khinh nữ, tối ngày lo công việc nội trợ, thêu thùa may vá, nấu nướng, v.v... Họ có nhiệm vụ châu toàn bổn phận tề gia, thờ chồng, phụng dưỡng ông bà cha mẹ chồng, cùng là sinh con đẻ cái, nhất là con trai càng nhiều càng hay để nối giõi tông đường nhà chồng. Do đó rất ít người có thể tự do theo đuổi nghiệp văn chương. Đành

rằng Trung Quốc đã có những tài nữ như Ban Tiệp Dư (48-6 TCN), Thái Diễm (khoảng 162-239), Tạ Đạo Uẩn (sống trước sau năm 376-397), Thượng Quan Uyển Nhi (664-710), Lý Dã (?-784), Tiết-Đào (768/770-831/ 832), Lý Thanh Chiếu (1084-khoảng 1151), Chu Thục Chân (khoảng 1063-1106), Uông Đoan (1793-1838) v.v... tuy nhiên suốt chiều dài lịch sử của dân tộc Trung Quốc con số những người này cũng rất ít và các tác phẩm văn chương của họ không nhiều so với danh sách các nam tác giả cùng các tác phẩm của nam giới.

Vào đầu thời kỳ Ngũ Tứ Vận Động (1919-1925) tuy cũng có ít nhà văn nữ được coi là ngang hàng với các nhà văn nam thuộc loại Lỗ Tấn (bút danh của Châu Thụ Nhân, 1881-1936), Hứa Địa Sơn (1893-1941), Diệp Thánh Đào (tên thật là Diệp Thiệu Quân, 1894-1988), Mao Thuẫn (bút danh của Thẩm Nhạn Băng, 1896-1981), Lão Xá (tên thật là Thư Khánh Xuân, người Mãn tộc, 1899-1966), Thẩm Tùng Văn (1902-1988), Ba Kim (bút danh của Lý Nghiêu Đường, s. 1904), Trương Thiên Dực (1906-1985), Tiền Chung Thư (1910-1999) v.v... nhưng các nhà văn nữ như Tô Tuyết Lâm[6], Lư Ẩn (tên thật là Hoàng Lư Ẩn, 1898-1934), Băng Tâm (bút danh của Tạ Uyển Oanh, 1900-1999), Lăng Thục Hoa (1900-1990), Phùng Nguyên Quân (1900-1974, em gái của triết gia Phùng Hữu Lan và cô ruột của nhà văn nữ Tông Phác), Đinh Linh (tên thật là Tưởng Băng Chi, 1904-1986), Tạ Băng Oanh (s. 1906), Dương Giáng (s. 1911), Tiêu Hồng (bút danh của Trương Nãi Oanh, 1911-1942) v.v... cũng đã đóng một vai trò quan trọng trong việc sáng tạo văn học hiện đại và bạch thoại của Trung Quốc.

Rồi đến sự xuất hiện của Trương Ái Linh (1920-1995; ở ngoại quốc bà được biết với tên là Eileen Chang) cho thấy ít nhất là cũng có một nhà văn nữ đã có tác phẩm đạt đến trình độ nghệ thuật ngang hàng với các nhà văn nam, nếu không thể nói là hơn. Điểm đáng chú ý là Tiêu Hồng trong lúc còn sống ít được người để ý tới, nhưng ngày nay được coi là một trong những nhà văn hay nhất, cả nam lẫn nữ, của thập niên 1930-1940.

Số những nhà văn nữ tiếp tục gia tăng trong thời gian Mao Trạch Đông (1893-1976) cai trị Trung Quốc (1949-1976), tuy không nhất thiết là có phẩm chất cao, nhưng không có nhà văn nữ nào nổi bật cả.

Chúng ta phải đợi tới hai thập niên cuối cùng của thế kỷ thứ 20, hay nói cho đúng hơn, từ sau cái chết của Mao Trạch Đông và tiếp theo là vụ bắt giữ nhóm Tứ Nhân Bang[7], mới được thấy một thời kỳ đầy hứng thú trong lịch sử văn học Trung Quốc. Đó là thời kỳ hoạt động sáng tác văn học có sức sản xuất mạnh nhất và đa dạng nhất kể từ khi Đảng Cộng Sản Trung Quốc chiếm được Hoa Lục và thiết lập chế độ Nhân Dân Cộng Hòa.

Các nhà văn nữ của hai thập niên 1980-1990 — nổi bật nhất (tuy không

nhất thiết theo thứ tự này) là Thẩm Dung (s. 1936), Trương Khiết (s. 1937), Đái Hậu Anh (s. 1938, bị giết năm 1996), Trương Kháng Kháng, Tàn Tuyết (bút danh của Đặng Tiểu Hoa, s. 1953), Trương Tân Hân (s. 1953), Vương An Ức (s. 1954), Lưu Tác Lạp (s. 1955), Trì Lợi (s. 1958; có tài liệu viết là 1957), Lâm Bạch (s. 1958), Trần Nhiễm (s. 1962) v.v... — đã cho ra chào đời nhiều tác phẩm văn chương có phẩm chất cao và một lần nữa nâng cao văn học Trung Quốc lên ngang hàng với văn học thế giới.

II. Các nguyên nhân làm gia tăng uy tín của các nhà văn nữ trong hai thập niên 1980-1990

Điều đáng chú ý là các nhà văn nữ Trung Quốc đã thay đổi quan niệm đối với danh xưng "nữ tác gia".

Cuối thập niên 1970 và đầu thập niên 1980, nhiều nhà văn nữ Trung Quốc không chịu nhận cái nhãn hiệu "nữ tác gia", mà chỉ muốn được gọi là "tác gia" không thôi. Đó là vì họ cho rằng cái danh xưng "nữ tác gia" ngụ ý giới hạn các quan tâm vào các đề tài hơn.

Tuy nhiên, đến giữa thập niên 1980, vì các tác phẩm của các nhà văn nữ có phẩm chất cao hơn và được nhiều người hâm mộ hơn, lúc đó họ coi cái nhãn hiệu "nữ tác gia" lại là một huy hiệu danh dự là đằng khác. Nhiều người lấy làm hãnh diện và thường sách của họ được xếp vào loại "nữ tính tiểu thuyết hệ liệt".

Một trong những nguyên nhân đưa đến sự gia tăng uy tín của các nhà văn nữ Trung Quốc là họ đã được nhiều học giả ngoại quốc quan tâm tới. Các học giả ngoại quốc này, nhất là những giáo sư đại học, đã theo đuổi nhiều chương trình, nhiều dự án dịch các tác phẩm của các nhà văn nữ Trung Quốc, với mục đích tạo sự chú ý của quốc tế đối với những nhà văn nữ Trung Quốc.

Rồi đến Hội Nghị Phụ Nữ Quốc Tế Của Liên Hiệp Quốc Kỳ IV đã được tổ chức ở thành phố Bắc Kinh, thủ đô của Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc, vào mùa thu năm 1995. Đó là một cơ hội may mắn lớn lao để cho cả hai giới chính trị và đại học ở Hoa Lục, vốn từ lâu đã cùng quan tâm đến vấn đề bình đẳng nam nữ và ước ao được quốc tế nhìn nhận quan tâm đó của họ.

Vì vậy, để chào đón Hội Nghị, rất nhiều nhà xuất bản của nhà nước (như: Hồng Kỳ Xuất Bản Xã) và của các viện đại học (chẳng hạn: Bắc Kinh Đại Học Xuất Bản Xã) cũng như các nhà xuất bản địa phương hay tỉnh đều gia công xuất bản các sách về phụ nữ và của các tác giả nữ, mặc dù có một vài hệ liệt quan trọng xuất bản sách của các tác giả nữ nhưng lại do nam nhân chủ trương. Thí dụ: Hồng Anh Túc Tùng Thư của Hà Bắc Tỉnh Giáo Dục Xuất Bản Xã năm 1995 đã xuất bản 22 bộ tiểu thuyết của 22 nhà văn nữ.

Có thể nói rằng năm 1995 là năm có nhiều sách do phụ nữ viết về phụ nữ

được xuất bản nhất trong lịch sử Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc. Có nhiều loại "phụ nữ nghiên cứu tùng thư", từ những đề tài như phụ nữ Trung Quốc trong giáo dục, phụ nữ Trung Quốc trong chính quyền, phụ nữ Trung Quốc trong những đợt cải cách chính trị, lịch sử phụ nữ Trung Quốc xưa và nay, tới các tác phẩm văn học của phụ nữ, nghiên cứu phê bình văn học phụ nữ, v.v...

Việc chính quyền và các nhà trí thức nam hăm hở viết về "phụ nữ nghiên cứu" không tiền khoáng hậu này đã bị Từ Khôn (s. 1965), nữ văn sĩ và đồng thời cũng là nhà nghiên cứu văn học, chế giễu. Bà kể rằng:

"*Cụm động từ - thụ từ 'cảo phụ nữ' khá phổ biến ở thủ đô năm 1995. Gần tới ngày Hội Nghị Phụ Nữ Thế Giới Của Liên Hiệp Quốc kỳ IV, người ta đã tung ra một đợt sóng 'cảo phụ nữ'. Trong các thang máy ở tòa lầu nơi Tư làm việc, xưa kia cảnh thường thấy là người ta dùng ám hiệu chào hỏi nhau.*

- Này, Lão Vương, lâu rồi không gặp. Đang làm ăn gì thế hả?

Người được gọi là Lão Vương sẽ vuốt thẳng phần dưới chiếc áo khoác và trả lời rất là khiêm tốn:

- Không gì, chẳng có gì mấy đâu. Chỉ hạ cảo thôi.

Đoạn Lão Vương hỏi lại:

- Lão Lý, còn lão như thế nào?

- Ồ, cũng vậy thôi, vậy thôi.

Đến năm 1995, lời chào hỏi của những ông này đã thay đổi hẳn. Khi hai người gặp nhau ở thang máy, một người hỏi:

- Lão Vương, chúng mình lại gặp nhau nữa rồi! Lão đang làm ăn gì thế?

- Chẳng có gì mấy đâu. Cảo cảo phụ nữ ấy mà.

- Ối chà, cảo phụ nữ hả? Rất nóng đấy nhé! Có tiến bộ chút nào không?

- Chút chút thôi.

Rồi hai người nhìn nhau mỉm miệng cười một cách khá khả nghi và dâm đãng."[8]

Việc quần chúng độc giả hăng hái tiếp nhận các tác phẩm của các nhà văn nữ đã đem lại một món lời lớn cho nhà xuất bản và đồng thời cũng đem lại cho cái nhãn hiệu 'nữ tác gia' một giá trị kinh tế lớn.

Ngoài ra, từ hai thập niên 1980-1990 người ta còn chứng kiến sự phát đạt kinh tế mới và sự nổi dậy nhanh chóng của chủ nghĩa thương mại trong xã hội đương đại Trung Quốc.

Kết quả là nhiều nhà trí thức nam thấy mất định hướng. Ý niệm của họ về sứ mệnh lịch sử nghìn năm của các nhà trí thức hay văn nhân cũng như địa vị chính trị cổ truyền của họ là tiếng nói của nhân dân, là người hướng dẫn tinh thần của quần chúng không còn áp dụng được. Họ hoảng hốt và tức giận thấy mình không còn chiếm một địa vị trọng tâm nữa.

Tuy nhiên, trong khi những đổi thay xã hội này đã giáng nhát búa nặng nề đối với các nhà văn nam thì các nhà văn nữ và học giả nữ không có ý thức mất mát hay kích động tương tự. Trái lại, họ còn đạt được một số lợi ích khác, nhất là vì trước kia họ chưa bao giờ chiếm được địa vị trọng tâm văn hóa, cho nên họ không phải lo lắng là mất nó đi.

Đối với các nhà văn nữ, thay đổi quan trọng nhất là trong thời Đặng Tiểu Bình (1904-1997) và hậu-Đặng, sự kiểm soát ý thức hệ của chính quyền đối với các sản phẩm văn học yếu nhất từ khi nền Nhân Dân Cộng Hòa được thiết lập ở Hoa Lục. Các nhà văn nữ cảm thấy họ không còn cần đến sự cố vấn và hướng dẫn của các cán bộ văn hóa liên quan đến việc cần phải có một "nhãn quan xã hội và chính trị thích đáng và rộng lớn". Những lời chỉ trích hay than phiền rằng các nhà văn nữ "quá ư phụ nữ", "đầu óc thiển cận", "nhỏ mọn", v.v... không còn giá trị nữa. Các nhà văn nữ đã được tương đối tự do tạo nên thế giới riêng của mình bằng các phương tiện văn học.

III. Đặc điểm của các tác phẩm của các nhà văn nữ Trung Quốc

Mặt khác, các tác phẩm của các nhà văn nữ Trung Quốc trong hai thập niên cuối cùng của thế kỷ thứ 20 đã mang một số đặc điểm đáng chú ý.

Nhà văn nữ Lư Ấn có lần nói rằng:

"Nói một cách tổng quát, trong các tác phẩm của các nhà văn nữ dường như có một dấu hiệu không thể tẩy xóa được và không thể giấu giếm được. Người ta chỉ cần mở một quyển sách ra là có thể nói ngay được người viết là một phụ nữ. Lý do chính là vì các nhà văn nữ đã dùng những tình cảm cường liệt của họ làm mực cho những sáng tác của họ, tính khí thủ cận của họ trở thành trọng tâm tính khí của các nhân vật trong các tác phẩm của họ. Hầu hết các tác phẩm của họ biểu đạt tình cảm và mang hình thức tự truyện. Mọi vấn đề đều nằm trong vòng đời sống cá nhân của họ và cảm xúc lấn lướt lý trí."[9]

Tuy nhiên nhận xét của Lư Ấn chỉ đúng vào thời đại của bà (thập niên 1920-1930) thôi. Thực vậy, mặc dù phần lớn các tác phẩm của các nhà văn nữ trong hai thập niên 1980-1990 đúng là tự truyện, nhưng các nhà văn nữ ngày nay không còn *"bị ám ảnh với những phản ứng đầu tiên lúc còn trẻ đối với kinh nghiệm của họ"* và những đề tài văn chương chính duy nhất của họ không còn phải là *"họ khi còn trẻ"* và *"họ là phụ nữ"* (bđd, tr. 145 và 146).

Đọc các tác phẩm tiểu thuyết của các nhà văn nữ Trung Quốc trong hai thập niên 1980-1990 chúng ta thấy có mấy đặc điểm sau:

Thứ nhất, các truyện của họ chủ yếu là nói về thân phận và các vấn đề của phụ nữ trong xã hội Trung Quốc hiện tại.

Thứ hai, các nhân vật chủ yếu đều là phụ nữ, và thường cũng là người kể chuyện.

Thứ ba, các nhân vật nữ này hầu hết là người thành thị có học vấn và có nghề nghiệp chuyên môn hoặc đang cố gắng để có nghề nghiệp chuyên môn.

Thứ tư, các vấn đề mà các nhân vật chủ yếu nữ phải đương đầu là các vấn đề tính dục, tình yêu, hôn nhân, gia đình, chức nghiệp.

Thứ năm, các vấn đề này, nhìn từ quan điểm của những nhân vật chủ yếu nữ có con số gia tăng nhiều, hầu như luôn luôn nhằm phản ảnh và phê bình về các vấn đề xã hội hiện tại lớn lao quan trọng, chẳng những kể cả vấn đề địa vị của phụ nữ trong xã hội Trung Quốc mà còn cả những vấn đề chính trị, kinh tế quan trọng khác nữa.

Thứ sáu, văn thể của họ được khoác cho bộ áo cấu trúc tự sự truyền thống và xã hội hiện thực chủ nghĩa. Đó là dòng văn học được mệnh danh là "xã hội văn học" và vượt lên trên "thực nghiệm văn học" hay "thám sát văn học"[10].

Như vậy cũng chưa hết. Đành rằng các nhân vật chính trong các tác phẩm của các nhà văn nữ Trung Quốc trong hai thập niên cuối cùng thế kỷ thứ 20 là những phụ nữ chuyên nghiệp thành thị, đành rằng các nhà văn nữ, giống các nhà văn nam, thường quan tâm đến các vấn đề tính dục, tình yêu, hôn nhân, gia đình, chức nghiệp, nhưng cũng có một vài nhà văn nữ ngoại lệ đáng được coi là rất quan trọng vì họ đã để lại dấu ấn lớn trong nền văn học hiện đại của Trung Quốc.

Điểm đáng chú ý hơn nữa là trong nền văn học Trung Quốc trong hai thập niên cuối cùng thế kỷ thứ 20 độc quyền truyền thống của "Kinh phái" (phái Bắc Kinh) và "Hải phái" (phái Thượng Hải) bắt đầu bị các phong trào địa phương phá vỡ, nhưng các nhà văn nữ trứ danh nhất lại sinh sống ở hai thành phố này.

Thực vậy, nhà văn nữ nổi tiếng nhất trong nước và được giới văn học ngoại quốc chú ý nhiều nhất là Vương An Ức. Mặc dù ra chào đời ở thành phố Nam Kinh thuộc tỉnh Giang Tô, nhưng từ năm 1 tuổi đã được mẹ là nhà văn nữ Như Chí Quyên (1932-1998) đưa xuống sống ở thành phố Thượng Hải cùng tỉnh. Rất nhiều nhà phê bình đồng ý rằng Vương An Ức là một trong những nhà văn giỏi nhất, hay nhất của Trung Quốc chẳng phải là chỉ trong hai thập niên 1980-1990 mà còn cả trong thế kỷ thứ 20 và chẳng những trong giới nữ văn nhân mà còn cả trong giới nam văn nhân nữa. Vương An Ức không theo nhất định một phương thức nào mà, trái lại, luôn luôn thí nghiệm những phương thức kể chuyện, những phương thức diễn tả mới nhiều nhất trong giới các nhà văn hiện đại ở Hoa Lục, cả nam lẫn nữ. Các tác phẩm của bà rộng lớn, sâu sắc, phong phú về nhân vật cũng như là về nhãn quang, và lại có cấu trúc phóng khoáng. Vương An Ức viết rất nhiều truyện, trong đó nổi bật nhất là ***Tiểu Thành Chi Luyến*** (in năm 1986), ***Hoang Sơn Chi Luyến*** (in năm

1986) và ***Cẩm Tú Cốc Chi Luyến*** (in năm 1987) — thường được gọi là ***Tam Luyến*** —, ***Tiểu Bào Trang*** (in năm 1885), v.v... và có nhiều truyện được trao giải thưởng.

Còn Bắc Kinh (thành phố thuộc tỉnh Hà Bắc) thì có nhà văn nữ tiền phong Trần Nhiễm. Trần Nhiễm rất tinh thông thi từ ca phú nên đã phối hợp nó với lý tưởng nữ quyền của bà để tạo nên những tác phẩm hay nhất của thập niên 1990, mặc dù đôi khi có tính cách khái lược, đồ dạng và thiên kiến. Trần Nhiễm nổi tiếng với tiểu thuyết ***Chủy Thần Lý Đích Dương Quang*** (in năm 1992) thăm dò cách đạt tới tình yêu và thông cảm lẫn nhau còn lại sau nhiều chục năm tranh đấu chính trị và nhạo báng hoài nghi nhau.

Về phía các địa phương khác, ba nhà văn nữ nổi bật nhất là Phương Phưởng (s. 1955), Trì Lợi, và Trương Hân (s. 1954).

Phương Phưởng và Trì Lợi cùng là người thành phố Vũ Hán thuộc tỉnh Hồ Bắc. Trong các tác phẩm của họ, họ đã thí nghiệm kỹ thuật hiện thực chủ nghĩa mới.

Phương Phưởng mô tả cuộc sống của những công nhân vận tải và các nhà trí thức thành thị trong tác phẩm ***Tổ Phụ Tại Phụ Thân Tâm Trung*** (in năm 1992).

Trong truyện ***Lục Thủy Trường Lưu*** (in năm 1993) Trì Lợi mô tả quan hệ vợ chồng của những cuộc hôn nhân bất xứng, còn trong truyện ***Nễ Vị Nễ Thị Thùy*** (in năm 1995) Trì Lợi nói đến các gian nan khổ não của cuộc sống hằng ngày bằng những nhận xét hiện thực bình tĩnh điểm chút hài hước.

Xin mở một dấu ngoặc ở đây.

Nói đến hài hước chúng ta không thể không nói đến Từ Khôn (đã nói tới trong một đoạn ở phần II bên trên). Ngoài việc viết văn ra, bà còn là nhà nghiên cứu làm việc ở Trung Quốc Khoa Học Xã Hội Nghiên Cứu Viện. Từ Khôn được mệnh danh là "nữ Vương Sóc"[11] vì, cũng như nhà văn nam Vương Sóc (s. 1958), Từ Khôn luôn luôn chế giễu, trào lộng không chút khách sáo đối với giới trí thức. Tuy nhiên, điểm khác với Vương Sóc là Từ Khôn thường kể chuyện thật như là điều khôi hài nên không bị giới trí thức trừng trị.

Trong tác phẩm ***Tùng Thử Việt Lai Việt Minh Lượng***, Từ Khôn đã phân tích danh hiệu "nữ Vương Sóc" gán cho bà như sau:

"*Đàn bà = nữ tính + tên một người đàn ông (từ 'nữ tính' là một hình dung từ và 'tên một người đàn ông' là chủ từ và từ căn). Chấp nhận điều đó cũng dễ dàng thôi. Không ai có thể làm đảo lộn hình dung từ và từ căn. Chẳng hạn, người ta không hề bao giờ nghe thấy ai nói một người đàn ông nào đó là 'nam Trương Ái Linh' (đàn ông = nam tính + tên một người đàn bà). Nghe có vẻ kỳ lạ, như thể là thế giới bị đảo lộn.*" (tr. 10)

Trương Hân, người thành phố Quảng Châu thuộc tỉnh Quảng Đông, đã

để lại dấu ấn trong các tác phẩm như ***Tuyệt Phi Ngẫu Nhiên*** (in năm 1995), ***Ái Dục Như Hà*** (in năm 1995) nói về các cuộc tranh đấu của phụ nữ để được chấp nhận ở các thành thị.

Về phía Trường Sa (thành phố thuộc tỉnh Hồ Nam) có Tàn Tuyết, một nhà văn nữ cũng được giới văn học ngoại quốc chú ý nhiều nhất bên cạnh Vương An Ức. Tàn Tuyết cách tân không ngừng. Những tác phẩm theo khuynh hướng hiện đại chủ nghĩa, ngay cả phân liệt tinh thần, của nhà văn nữ này không thể coi là theo khuynh hướng hiện thực xã hội chủ nghĩa hay những tự sự chân thật được. Các đề tài trong những tác phẩm của Tàn Tuyết có thể coi là một hỗ tương tác dụng giữa các hình tượng, tinh thần và quan điểm. Các tác phẩm chính của Tàn Tuyết là ***Thương Lão Đích Phù Vân*** (đăng lần đầu trong **Văn Học** tháng 5/1986), ***Hoàng Nê Nhai*** (đăng lần đầu trong **Văn Học** tháng 11/1986) và tập truyện ***Thiên Đường Lý Đích Đối Thoại*** (xuất bản năm 1988).

Từ cuối thập niên 1980, các nhà văn nữ đã đều đặn cho ra mắt những tác phẩm dài, kỹ thuật điêu luyện, tập trung nhiều vào các nhân vật chủ yếu nữ, nên đã trình bày với độc giả một chân trời mới trước đó chưa hề được vén mở. Những tác phẩm này quyết không phải là lúc nào cũng thoát khỏi các tập tục qui ước hay cặp mắt soi mói của đàn ông.

Truyện đầy những phức tạp xã hội, nhưng được nhìn với nhãn quan của phụ nữ.

Truyện ***Mai Quế Môn*** (in năm 1987) của Thiết Ngưng (s. 1957) kể về vài thế hệ đàn bà sống chung với nhau và tranh chấp nhau một cách gay go đáng thương hại.

Truyện ***Trường Hận Ca*** (in năm 1996) của Vương An Ức nói về một hoa hậu Thượng Hải thuộc loại ký sinh trùng, sống từ thời Dân Quốc (1911-1949) đến thời hậu-Mao (nghĩa là sau năm 1976) chỉ nhờ vào sức mạnh ý chí của mình nhưng sau cùng cũng bị một tên ăn trộm trẻ tuổi bóp cổ chết.

Các truyện ***Tư Nhân Sinh Hoạt*** (in năm 1996) của Trần Nhiễm và ***Thanh Đài*** (in năm 1995) của Lâm Bạch, cùng nhiều truyện khác, nhấn mạnh vào các khía cạnh tâm lý của các nhân vật. Trong những tác phẩm này chủ đề thường là những dòng ký ức của một hay nhiều nhân vật che đậy tính vật chất của thế giới hư cấu của họ.

Lại nữa, từ năm 1994, các tác giả ở Bắc Kinh đã bắt đầu viết "tân thể nghiệm tiểu thuyết", một loại tiểu thuyết do nhà văn nữ Tất Thục Mẫn (s. 1952) và một số nhà văn khác tạo nên, với những chuyện dị thường, tuy trong đó có một vài truyện về những đề tài tầm thường, như là làm giàu, đối diện với tử thần v.v...

Ngoài ra, hầu hết các tác phẩm của các nhà văn nữ, hoặc ít nhất là của các nhà văn nữ nổi danh nhất và được bàn luận nhiều nhất, không chỉ giới hạn

vào sáu đặc điểm kể ở đầu phần III bên trên. Trái lại, trong một thế giới văn học mới, các tác phẩm này mạo hiểm vượt ra khỏi hiện thực chủ nghĩa, cho thấy tài năng tự sự chói sáng, đặt kề nhau quá khứ với hiện tại, ký ức với tưởng tượng, hài hước với thông minh sáng suốt.

Tuy các nhà văn nữ vẫn tiếp tục thám sát các vấn đề giới tính cũng như các vấn đề xã hội, nhưng họ viết một cách sâu xa hơn, mạo hiểm hơn, và cũng thường hài hước hơn, khiến hấp dẫn được các độc giả rộng lớn hơn. Do đó khó mà có thể tổng quát hóa các nhà văn nữ của hai thập niên 1980-1990, vì họ đã dùng nhiều loại đề tài, nhiều loại lĩnh vực và nhiều kỹ thuật hơn. Các tác phẩm của họ điêu luyện, phức tạp, liên quan đến nhiều tiếng nói, nhiều lớp ý nghĩa hơn.

Mặt khác, đáng chú ý hơn nữa là các nhà văn nữ, thường là bằng ngôn ngữ trau chuốt mạnh mẽ hơn là các nhà văn nam, đã chứng tỏ một sự hiểu biết nhạy bén và chân thực về thực tế xã hội và sự chống đối mạnh mẽ thực tế đó. Chúng ta có thể lấy thí dụ lời giải thích chí lý sau đây của Đái Hậu Anh, một trong những nhà văn nữ đã tạo ra nhiều vụ tranh luận nhất, qua miệng nữ nhân vật chủ yếu trong tác phẩm ***Không Trung Đích Túc Âm*** (nxb. Hoàng Giang, Hương Cảng, 1985):

"*Thực ra thì có gì là lạ đâu? Văn chương chẳng qua chỉ là cách diễn tả tâm hồn. Đương nhiên là phụ nữ tự nhiên có một nguyện vọng cần biểu đạt và cần phải được biểu đạt. Hơn nữa, phụ nữ bẩm tính chân thực và thuần khiết hơn nam nhân. Sự hiểu biết của họ về đời sống và xã hội dựa phần chính vào nhận xét bén nhạy và tường tế của họ. Phụ nữ thiếu sự thực thi và kinh nghiệm đấu tranh chính trị (nên nhớ là họ ít khi có tác phong quan liêu!). Vì vậy họ không giỏi hay không quen cân nhắc các hậu quả về thái độ của họ theo một khía cạnh chính trị. Sự thiếu cân nhắc hay cân nhắc không đủ tự nhiên là sẽ dẫn tới xung động mù quáng. Cân nhắc nhiều quá sẽ khắc chế hành động. Vì thế các nhà văn nữ dám viết những gì họ muốn viết*". (tr. 335)

Mặt khác, văn hóa thương mại lại phát đạt về quảng cáo phụ nữ trong các việc mua bán, trong phim ảnh, trong tiểu thuyết bình dân, trong điện thị và trong mọi loại báo san. Trong hoàn cảnh đó, các nhà văn nữ phải đương đầu với sự cạnh tranh của các nhà văn nam viết về hoàn cảnh và phác họa các ưu toan xã hội và tâm lý của phụ nữ hiện đại Trung Quốc với nhiều loại hình ảnh phụ nữ, từ những nữ anh thư hy sinh bản thân cho người khác (những người trong gia đình, trong dòng họ, hoặc là những người trong cộng đồng, trong quốc gia, v.v...) cho đến những phụ nữ bị kích động quá đáng hay độc ác, có những thèm muốn, những dục vọng không sao thỏa mãn được.

Ngoài ra, các nhà văn nữ cũng phải đối diện với sự cạnh tranh khác: đó là các tác phẩm văn học và tiểu thuyết bình dân của các nhà văn nữ Đài Loan và

Hương Cảng đã thu hút rất nhiều độc giả Hoa Lục. Lại còn có những truyện thành công của phụ nữ Hoa kiều hải ngoại cũng lôi kéo được nhiều độc giả HoaL.

Sau hết, các nhà văn nữ là những phẩm vật nóng bỏng trong thập niên 1980-1990.

Nhiều người tự kiểm soát việc bán các tác phẩm của mình và đã hướng truyện của họ theo thị hiếu của quảng đại độc giả, chẳng hạn nếu viết về một người nữ thành niên thì thường phải có những cảnh tự thể tính dục, những cảnh đồng tính ái, những cảnh dị tính ái, v.v...

Trên một bình diện cao hơn, chúng ta thấy có một khuynh hướng nghiêng về việc miêu tả những bộ mặt thay đổi của cuộc sống thành thị mà không chút bình luận nào. Người ta ngờ rằng một vài sự miêu tả "bất tư lợi" và không ý kiến chỉ cốt là để tránh khỏi phải suy nghĩ là nên phê phán như thế nào. Cũng vì vậy một số truyện vẫn thường được coi là "bình dân tiểu thuyết" viết để công chúng tiêu thụ nhanh.

Một đặc điểm khác nữa của các tiểu thuyết của các nhà văn nữ trong hai thập niên 1980-1990 là chú trọng đến kích thước chủ quan.

Trong các thập niên 1920-1930, các nhà văn nữ của thời Ngũ-Tứ Vận Động đã có một chương trình xã hội giới hạn và cuộc sống hạn chế, đến nỗi trong thập niên 1930 người ta đã chỉ trích là các tác phẩm của các nhà văn nữ có phạm vi rất chật hẹp, đặc biệt là các tác phẩm đó tập trung vào tính cách chủ quan chật hẹp, thay vì diễn tả xã hội rộng lớn. Nói cách khác, phụ nữ không có được một phạm vi xã hội rộng lớn để thi triển tài năng, thế mà họ còn bị kết tội là miêu tả thế giới chật hẹp mà họ bị giam hãm.

Trái lại, các nhà văn nữ trong hai thập niên 1980-1990 là những người của đô thị mà nghề nghiệp của họ không phải chỉ là hôn nhân và sinh con đẻ cái. Thực ra, có một số nhà văn nữ đã quyết định không lập gia thất. Thế mà các tác phẩm của họ lại càng ngày càng hướng về nội tâm nhiều hơn, xa rời hiện thực xã hội mà quay về kích thước chủ quan nhiều hơn. Cái mà họ khác với các nhà văn nữ thời Ngũ-Tứ là khuynh hướng tình cảm.

Các nhà văn nữ của hai thập niên 1980-1990 có đầy đủ mọi khuôn mẫu văn học. Họ đã hấp thụ được chẳng những là văn học truyền thống và văn học hiện đại theo hiện thực chủ nghĩa, mà còn cả một chuỗi những kỹ thuật và phối cảnh văn học mới qua những đợt dịch phẩm mới mẻ bằng Hoa ngữ. Tuy nhiên, phương pháp trình bày văn học của họ lại có tính cách cá nhân, tính cách tâm lý, và thường sử dụng hình thức kinh nghiệm hay "bán tự truyện" (hay "bộ phận tự truyện", semi-autobiography).

Thực vậy, các tác phẩm của các nhà văn nữ trong hai thập niên cuối cùng thế kỷ thứ 20 thường được gán cho nhãn hiệu là "nữ tính tâm lý thể nghiệm

tiểu thuyết" hay "tư nhân hóa văn học", "sám hối văn học" hay "tự tự thể văn học". Đó là chiến lược dùng để tạo nên một không gian trong đó chủ quan tính phụ nữ có thể chiếm trung tâm sân khấu.

"Tự tự thể tiểu thuyết" của phụ nữ thường là để thăm dò tương quan giữa những gì phụ nữ được dạy bảo phải làm người như thế nào và những gì phụ nữ cảm thấy mình phải làm người ra sao, giữa những phương cách phụ nữ được cấu tạo trên phạm vi xã hội và phương cách phụ nữ muốn mình trở thành.

Một sự thực không ai phủ nhận là uy lực của văn hóa do nam giới thống trị đã hình thành linh hồn, tinh thần mỗi một người phụ nữ ngay cả trước khi người ta nghĩ đến nó. Trong thế giới của các giá trị bị tiêu tan và thương mại hóa, các nỗ lực của các nhà văn nữ để miêu tả kinh nghiệm chủ quan là một phần của sự cố gắng làm tròn một nhu cầu tâm lý tìm một cái gì chắc chắn và bền vững. Thường thì các truyện của họ nói tỉ mỉ về sự trưởng thành của một phụ nữ và như vậy dường như là để biện minh quan niệm cho rằng kinh nghiệm của phụ nữ có căn cứ văn hóa hơn là sinh lý.

Các truyện như là ***Tư Nhân Sinh Hoạt*** của Trần Nhiễm và ***Nhất Cá Nhân Đích Chiến Tranh*** của Lâm Bạch (in năm 1994) cho thấy phụ nữ tranh đấu cho nhân cách cá nhân của mình đã bị uy lực của các tiêu chuẩn văn hóa qui định về thân phận của phụ nữ như thế nào. Ý niệm về tự thân của phụ nữ có liên hệ tới thế giới và giữa người và người với nhau, nhưng đồng thời sự phát triển của phụ nự có liên can tới tự thể tính dục và tính cảm mà cả Trần Nhiễm lẫn Lâm Bạch đã mạnh dạn thăm dò trong các tác phẩm của họ.

Đối với vài nhà văn, việc chọn nhận cách phát biểu tự sự chủ quan là một cách tham dự vào một cuộc nói chuyện với quá khứ, một nỗ lực cưỡng lại "cộng đồng ký ức". Các tác phẩm của họ đã thay thế tự sự lịch sử to lớn bằng những mẩu ký ức cá nhân không mạch lạc, những chuyện hầu như là có tính cách thần thoại, những biến cố rời rạc, và thiếu vắng phán đoán định giá. Đó là cái mà người Trung Hoa gọi là "cá nhân hóa tả tác" (các học giả dịch từ này sang Anh ngữ là "individualized writing"), nghĩa là viết về những gì có liên quan đến chính mình, chú trọng đến chính mình, khiến cho tác phẩm có kích thước chủ quan. Lâm Bạch đã từng nói rằng:

"*Đối với tôi, cá nhân hóa tả tác xây dựng trên căn bản kinh nghiệm cá nhân và ký ức cá nhân. Qua cá nhân hóa tả tác, chúng ta giải trừ ký ức bị áp phục, những kinh nghiệm cá nhân đã bị coi là điều cấm kỵ. Tôi thấy những kinh nghiệm cá nhân này bay bổng, những kinh nghiệm đó có vẻ biên tế và xa lạ trong luận tập cộng đồng của quốc gia, dân tộc và chính trị. Chính cái xa lạ này đã tạo nên cái độc đặc của kinh nghiệm cá nhân. Là một nữ tính tả tácgiả tôi phải đối diện với hai áp lực – chủ lưu tự sự và nam tính tự sự (đôi khi hai áp lực này lấn ép lên nhau). Hai áp lực này có thể dễ dàng hủy hoại một cá*

nhân như tôi. Tôi cố chống lại sự đàn áp và phá hủy độ bằng cá nhân hóa tả tác của chính tôi."[12]

Trong dạng thức "cá nhân hóa", nhiều nhà văn nữ đã viết về những chuyện, những sự việc, những biến cố xảy ra trong gia đình, nhằm vào các

mâu thuẫn trong gia đình qua các thế hệ.

Hai trung thiên tiểu thuyết ***Thương Tâm Thái Bình Dương*** và ***Kỷ Thực Dữ Hư Cấu*** của Vương AnÚc[13] truy tìm tông tích và tái tạo các chuyện hai gia đình nội ngoại của tác giả.

Sách lược tự sự của tác giả là phá bỏ uy lực của người kể chuyện đâu đâu cũng có mặt, làm mờ đi sự khác biệt giữa thực và hư cấu, để phản ảnh ý nghĩa triết lý và tâm lý của cuộc sống con người. Thay vì trình bày truyện ký (tiểu sử) theo thứ tự thời gian, Vương An Ức đã dùng thần thoại, cố sự, truyện hư cấu và những mảnh vụn lịch sử để xây dựng tông phổ thi vị hóa được cải tạo từ cái nhìn hiện đại.

Trong các truyện này, Vương An Ức không trực tiếp nói về việc phụ nữ bị áp bức và ngay cả các vấn đề giới tính. Trái lại, người kể chuyện tích cực tham dự vào việc tạo dựng một dân tộc xưa và một quốc gia và chỉ qua đó mới thăm dò tương quan giữa giới tính và dân tộc. Bằng cách tiểu thuyết hóa lịch sử, Vương An Ức đã tạo dựng một loại thực tại khác, để cho nhân vật nữ thống suất và tự do thăm dò thế giới quá khứ cũng như hiện tại, thực tế cũng như huyễn tưởng.

Kết Luận

Nói tóm lại, bắt đầu từ thập niên 1980 trở đi các nhà văn nữ Trung Quốc đã càng ngày càng gia tăng hoạt động sáng tác văn học của mình. Họ đã nêu lên nhiều vấn đề cũng như là đề nghị hay kêu gọi nhiều giải pháp để giải quyết vấn đề. Đồng thời họ cũng đặt ra nhiều vấn đề cho các nhà phê bình văn học. Tiếng nói của họ rất lớn và rất rõ ràng, không ai có thể bỏ qua hay làm ngơ không lắng nghe được.

Mặt khác, điểm đặc sắc của các tác phẩm của các nhà văn nữ trong hai thập niên 1980-1990 là phẩm chất của các cuộc thăm dò và biểu đạt khác với tác phẩm của hầu hết các nhà văn nam. Trọng tâm của đại đa số các tác phẩm canh tân này không phải là tình tiết hay câu chuyện rõ ràng, mà là ở các dạng thức phức tạp, đôi khi ở cả những cấu trúc cố ý chẳng theo phương pháp nào, ở sự liên tục bình thường của ngôn ngữ nhẹ nhàng, dịu dàng và trữ tình.

---

(1) Tuyên bố này được ghi lại trong bài "We Need Two Worlds", đăng trong tạp chí **Chinese Literature**, số Mùa Thu, năm 1986, tr. 173.

(2) Theo đa số học giả Trung Quốc và ngoại quốc, chế độ phụ hệ ở Trung Quốc bắt đầu với việc các vua thuộc vương triều Hạ (2205-1766 TCN) đã cha truyền con nối thay nhau cai trị Trung Quốc, chứ không còn là nhượng hiền như các đời trước đó, mặc dù những người cai trị đó, gọi là cộng chủ, vẫn thuộc cùng một dòng họ.

(3) Lời Norma Diamond trong bài điểm sách **Revolution Postponed: Women in Contemporary China** (sách do Stanford University Press, Stanford, xuất bản năm 1985), đăng trong tạp chí **Journal of Asian Studies**, số tháng 11/1985, tr. 136.

(4) Lời Emily Honig trong bài "Socialist Revolution and Women's Literature in China – A Review Article", đăng trong **Journal of Asian Studies**, số tháng 2/1985, tr. 335. Bài này điểm các sách **Women, the Family, and Peasant Revolution in China** của Kay Ann Johnson (University Press of Chicago, 1983), **Patriarchy and Socialist Revolution in China** của Judith Stracey (University of California Press, Berkeley, 1983) và **The Unfinished Liberation of Chinese Women, 1949-1980** của Phyllis Andors (Indiana University Press, Bloomington, 1983). "Sự thấp kém về phương diện sinh vật" ở đây dịch từ "biological inferiority" dùng trong nguyên tác.

(5) Vivienne Shue, "The Long Bow Film Trilogy – A Review Article", đăng trong **Journal of Asian Studies**, số tháng 11/1987, tr. 844.

(6) Sinh năm 1897, nhưng không rõ còn sống hay không; chỉ biết là năm 1997, văn giới Đài Loan đã tổ chức lễ sinh nhật 100 tuổi của bà.

(7) Tứ Nhân Bang là từ dùng để chỉ nhóm lãnh tụ quá khích của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong thời Văn Cách (1966-1976), gồm Giang Thanh (vợ Mao Trạch Đông), Trịnh Xuân Kiều, Vương Hồng Văn và Diêu Văn Nguyên.

(8) Từ Khôn, "Tùng Thử Việt Lai Việt Minh Lượng', đăng trong **Bắc Kinh Văn Học**, số 10, năm 1995, tr. 8. (a) **Thụ từ**: Việt ngữ: túc từ hay bổ túc từ; Anh: object; Pháp: complément.(b) **Cảo phụ nữ**: làm việc về phụ nữ, viết về phụ nữ. (c) **Hạ cảo**: làm vớ vẩn đôi chút. (d) **Cảo cảo phụ nữ**: làm các việc viết về phụ nữ. ,

(9) Yi-tsi Feuerwerker trích dẫn trong bài "Women Writers in the 1920s and 1930s" in trong sách **Women in Chinese Society**, do Margaret Wolf và Roxane Witke biên tập, Stanford University Press, Stanford, xuất bản năm 1975, tr. 159.

(10) Thực nghiệm văn học (experimental literature) hay thám sát văn học (explorational literature) là loại văn học trong đó các tác phẩm thám tra hay nghiên cứu văn học có tính thí nghiệm có liên quan tới việc biện hộ và khuếch trương các khuynh hướng sáng tạo văn học đặt biệt như là hình thức nghệ thuật.

(11) Vương Sóc là nhà văn nam có khuynh hướng vô chính phủ chủ nghĩa, khinh thị, hoài nghi, hoạt kê, hay chế giễu mọi người, nhất là giới trí thức và giới cán bộ, chính quyền.

(12) Lâm Bạch, "Ký Ức Dữ Cá Nhân Hóa Tả Tác", đăng trong tạp chí **Hoa Thành**, số 5, 1996, tr. 125. Thường thì người Trung Hoa gọi nữ tác giả hay nữ văn nhân là nữ tính tác gia hay nữ tính văn nhân, nhưng ở đây Lâm Bạch gọi là nữ tính tả tác giả.

(13) Cả hai truyện này in trong tập **Phụ Hệ Hòa Mẫu Hệ Đích Thần Thoại** do Chiết Giang Văn Nghệ xbx, Hàng Châu, xuất bản năm 1994. Truyện **Thương Tâm Thái Bình Dương** viết xong năm 1992 và **Kỷ Thực Dữ Hư Cấu** viết xong năm 1993.

長 恨 歌

Trường Hận Ca

白 居 易

(Bạch Cư Dị)

漢 皇 重 色 思 傾 國
Hán hoàng trọng sắc tư khuynh quốc
御 宇 多 年 求 不 得
Ngự vũ đa niên cầu bất đắc
楊 家 有 女 初 長 成
Dương gia hữu nữ sơ trưởng thành
養 在 深 閨 人 未 識
Dưỡng tại thâm khuê nhân vị thức
天 生 麗 質 難 自 棄
Thiên sinh lệ chất nan tự khí
一 朝 選 在 君 王 側
Nhất chiêu tuyển tại quân vương trắc
回 眸 一 笑 百 媚 生
Hồi đầu nhất tiếu bách mị sinh
六 宮 粉 黛 無 顏 色
Lục cung phấn đại vô nhan sắc
春 寒 賜 浴 華 清 池
Xuân hàn tứ dục Hoa Thanh trì
溫 泉 水 滑 洗 凝 脂
Ôn tuyền thủy hoạt tẩy ngưng chi
侍 兒 扶 起 嬌 無 力
Thị nhi phù khởi kiều vô lực
始 是 新 承 恩 澤 時
Thủy thị tân thừa ân trạch thì
雲 鬢 花 顏 金 步 搖
Vân mấn hoa nhan kim bộ dao
芙 蓉 帳 暖 度 春 宵
Phù dung trướng noãn độ xuân tiêu
春 宵 苦 短 日 高 起
Xuân tiêu khổ đoản nhật cao khởi
從 此 君 王 不 早 朝
Tòng thử quân vương bất tảo triều
承 恩 侍 宴 無 閑 暇
Thừa ân thị yến vô nhàn hạ
春 從 春 遊 夜 專 夜
Xuân tòng xuân du dạ chuyển dạ
後 宮 佳 麗 三 千 人
Hậu cung giai lệ tam thiên nhân
三 千 寵 愛 在 一 身
Tam thiên sủng ái tại nhất nhân
金 屋 妝 成 嬌 侍 夜
Kim ốc trang thành kiều thị dạ
玉 樓 宴 罷 醉 和 春
Ngọc lâu yến bãi túy hòa xuân
姊 妹 弟 兄 皆 列 土
Tỷ muội đệ huynh giai liệt thổ
可 憐 光 彩 生 門 戶
Khả lân quang thái sinh môn hộ
遂 令 天 下 父 母 心
Toại linh thiên hạ phụ mẫu tâm
不 重 生 男 重 生 女
Bất trọng sinh nam trọng sinh nữ
驪 宮 高 處 入 青 雲
Ly cung cao xứ nhập thanh vân
仙 樂 風 飄 處 處 聞
Tiên nhạc phong phiêu sứ sứ văn
緩 歌 慢 舞 凝 絲 竹
Hoãn ca mạn vũ ngưng ti trúc
盡 日 君 王 看 不 足
Tận nhật quân vương khan bất túc

漁 陽 鼙 鼓 動 地 來
Ngư Dương bề cổ động địa lai
驚 破 霓 裳 羽 衣 曲
Kinh phá Nghê thường vũ y khúc
九 重 城 闕 煙 塵 生
Cửu trùng thành khuyết yên trần sinh
千 乘 萬 騎 西 南 行
Thiên thặng vạn kỵ tây nam hành
翠 華 搖 搖 行 復 止
Thúy hoa dao dao hành phục chỉ
西 出 都 門 百 餘 里
Tây xuất đô môn bách dư lý
六 軍 不 發 無 奈 何
Lục quân bất phát vô nại hà
宛 轉 蛾 眉 馬 前 死
Uyển chuyển nga mi mã tiền tử
花 鈿 委 地 無 人 收
Hoa điền ủy địa vô nhân thu
翠 翹 金 雀 玉 搔 頭
Thúy kiều, kim tước, ngọc tao đầu
君 王 掩 面 救 不 得
Quân vương yểm diện cứu bất đắc
回 看 血 淚 相 和 流
Hồi khan huyết lệ tương hòa lưu
黃 埃 散 漫 風 蕭 索
Hoàng ai tản mạn phong tiêu tác
雲 棧 縈 紆 登 劍 閣
Vân sạn vinh vu đăng Kiếm Các
峨 嵋 山 下 少 人 行
Nga My sơn hạ thiểu nhân hành
旌 旗 無 光 日 色 薄
Tinh kỳ vô quang nhật sắc bạc
蜀 江 水 碧 蜀 山 青
Thục giang thủy bích Thục sơn thanh
聖 主 朝 朝 暮 暮 情
Thánh chúa triêu triêu mộ mộ tình
行 宮 見 月 傷 心 色
Hành cung kiến nguyệt thương tâm sắc
夜 雨 聞 鈴 斷 腸 聲
Dạ vũ văn linh đoạn trường thanh
天 旋 地 轉 迴 龍 馭
Thiên toàn địa chuyển hồi long ngự
到 此 躊 躇 不 能 去
Đáo thử trù trừ bất năng khứ
馬 嵬 坡 下 泥 土 中
Mã Ngôi pha hạ nê thổ trung
不 見 玉 顏 空 死 處
Bất kiến ngọc nhan không tử xứ
君 臣 相 顧 盡 霑 衣
Quân thần tương cố tận chiêm y
東 望 都 門 信 馬 歸
Đông vọng đô môn tín mã quy
歸 來 池 苑 皆 依 舊
Quy lai trì uyển giai y cựu
太 液 芙 蓉 未 央 柳
Thái Dịch phù dung Vị Ương liễu;
芙 蓉 如 面 柳 如 眉
Phù dung như diện liễu như mi
對 此 如 何 不 淚 垂
Đối thử như hà bất lệ thùy
春 風 桃 李 花 開 日
Xuân phong đào lý hoa khai nhật
秋 雨 梧 桐 葉 落 時
Thu vũ ngô đồng diệp lạc thì
西 宮 南 苑 多 秋 草
Tây cung nam uyển đa thu thảo
落 葉 滿 階 紅 不 掃
Lạc diệp mãn giai hồng bất tảo
梨 園 子 弟 白 髮 新
Lê viên tử đệ bạch phát tân
椒 房 阿 監 青 娥 老
Tiêu phòng a giám thanh ngã lão
夕 殿 螢 飛 思 悄 然
Tịch điện huỳnh phi tứ tiễu nhiên
孤 燈 挑 盡 未 成 眠
Cô đăng khiêu tận vị thành miên

遲遲鐘鼓初長夜
Trì trì chung cổ sơ trường dạ
耿耿星河欲曙天
Cảnh cảnh tinh hà dục thự thiên
鴛鴦瓦冷霜華重
Uyên ương ngõa lãnh sương hoa trọng
翡翠衾寒誰與共
Phỉ thúy khâm hàn thùy dữ cộng
悠悠生死別經年
Du du sinh tử biệt kinh niên
魂魄不曾來入夢
Hồn phách bất tằng lai nhập mộng
臨邛道士鴻都客
Lâm Cùng đạo sĩ Hồng Đô khách
能以精誠致魂魄
Năng dĩ tinh thành trí hồn phách
為感君王輾轉思
Vị cảm quân vương triển chuyển tư
遂教方士殷勤覓
Toại giao phương sĩ ân cần mịch
排雲馭氣奔如電
Bài vân ngự khí bôn như điện
升天入地求之遍
Thăng thiên nhập địa cầu chi biến
上窮碧落下黃泉
Thượng cùng bích lạc há hoàng tuyền
兩處茫茫皆不見
Lưỡng xứ mang mang giai bất kiến
忽聞海上有仙山
Hốt văn hải thượng hữu tiên sơn
山在虛無縹緲間
Sơn tại hư vô phiếu diễu gian
樓閣玲瓏五雲起
Lâu các linh lung ngũ vân khởi
其中綽約多仙子
Kỳ trung sước ước đa tiên tử
中有一人字太真
Trung hữu nhất nhân tự Thái Chân

雪膚花貌參差是
Tuyết phu hoa mạo sâm si thị
金闕西廂叩玉扃
Kim khuyết tây sương khấu ngọc quynh
轉教小玉報雙成
Chuyển giao Tiểu Ngọc báo Song Thành
聞道漢家天子使
Văn đạo Hán gia thiên tử sứ
九華帳裡夢魂驚
Cửu hoa trướng lý mộng hồn kinh
攬衣推枕起徘徊
Lãm y thôi chẩm khởi bồi hồi
珠箔銀屏迤邐開
Châu bạc ngân bình đĩ lý khai
雲鬢半偏新睡覺
Vân kết bán thiên tân thụy giác
花冠不整下堂來
Hoa quan bất chỉnh hạ đường lai
風吹仙袂飄飄舉
Phong xuy tiên duệ phiêu phiêu cử
猶似霓裳羽衣舞
Do tự Nghê Thường vũ y vũ
玉容寂寞淚闌干
Ngọc dung tịch mịch lệ lan can
梨花一枝春帶雨
Lê hoa nhất chi xuân đới vũ
含情凝睇謝君王
Hàm tình ngưng thế tạ quân vương
一別音容兩渺茫
Nhất biệt âm dung lưỡng diểu mang!
昭陽殿裡恩愛絕
Chiêu Dương điện lý ân ái tuyệt
蓬萊宮中日月長
Bồng Lai cung trung nhật nguyệt trường
回頭下望人寰處
Hồi đầu hạ vọng nhân hoàn xứ
不見長安見塵霧
Bất kiến Trường An kiến trần vụ

唯 將 舊 物 表 深 情
Duy tương cựu vật biểu thâm tình
鈿 合 金 釵 寄 將 去
Điến hạt kim thoa ký tương khứ
釵 留 一 股 合 一 扇
Thoa lưu nhất cổ, hạp nhất phiến
釵 擘 黃 金 合 分 鈿
Thoa tích hoàng kim hạp phân điện
但 教 心 似 金 鈿 堅
Đản giao tâm tự kim điến kiên
天 上 人 間 會 相 見
Thiên thượng nhân gian hội tương kiến
臨 別 殷 勤 重 寄 詞
Lâm biệt ân cần trung ký từ
詞 中 有 誓 兩 心 知
Từ trung hữu thệ lưỡng tâm tri
七 月 七 日 長 生 殿
Thất nguyệt thất nhật Trường Sinh điện
半 夜 無 人 私 語 時
Bán dạ vô nhân tư ngữ thì
在 天 願 作 比 翼 鳥
Tại thiên nguyện tác tị dực điểu
在 地 願 為 連 理 枝
Tại địa nguyện vi liên lý chi
天 長 地 久 有 時 盡
Thiên trường địa cửu hữu thời tận
此 恨 綿 綿 無 絕 期
Thử hận miên miên vô tuyệt kỳ

trường hận ca

BẠCH CƯ DỊ

TRỊNH ĐÌNH THẮNG dịch

Vua Hán xưa trọng người tuyệt sắc
Bao năm cầu chưa gặp người mơ
Họ Dương có gái còn thơ
Phòng khuê còn khép, đợi chờ mắt xanh
Trời phú nét tinh anh, vẻ lạ
Tuyển vào cung hầu hạ bên Vua
Liếc, cười, thẹn cả tiên nga
Sáu cung phấn sáp thua xa má đào
Tiết Xuân lạnh ao hoa nàng tắm
Suối Xuân nồng, da thấm thêm hương
Ả hầu đỡ dáng tơ vương
Kể từ hôm đó khởi đường vinh hoa
Dáng vẻ ngọc, mây hòa tóc bới
Trướng phù dung – đêm gọi Xuân qua
Miệt mài "trận gấm dinh hoa"

Nửa ngày vua chẳng muốn ra nghị triều
Vui yến tiệc không nhiều nhàn hạ
Bao mùa Xuân thắm đã qua đi
Ba ngàn mỹ nữ cung nhi
Yêu thương dồn lại Quý Phi một nàng!
Nơi nhà vàng vì Vua trang điểm
Chốn ngọc lầu còn đượm men say
Anh em hưởng đất phong đầy
Vẻ vang dòng họ, một tay nhờ nàng
Lòng cha mẹ trọng nam cũng đổi
Muốn sinh nhi nữ để cầu vinh
Lầu cao vút tận mây xanh
Gió đưa nhạc thánh trăm thành đều nghe
Đàn phách dận dìu, mê tiếng hát
Ngày tàn chưa đủ, tiếp đêm sương
Ngư Dương trống vọng kinh hoàng
Ngỡ ngàng vũ khúc nghê thường bỏ ngang
Kinh đô bỗng một phen khói bụi
Ngàn cỗ xe, vạn ngựa suôi nam
Phất phơ cờ thúy âm thầm
Cửa Tây đi khỏi hơn trăm dặm dài
Quân dừng lại không nài duyên cớ
Phũ phàng trước ngựa giết giai nhân
Tư trang nữ sắc ai cần
Thoa vàng, trâm ngọc cũng ngần ấy thôi
Cứu chẳng nổi, Vua ngồi che mặt
Ngoái nhìn theo, máu mắt tuôn trào
Bụi vàng gió thổi trời cao
Hướng vào Kiếm Các, đường vào chân mây
Núi Nga Mi chốn này vắng vẻ
Trời nhòa, cờ nhạt bóng tinh anh
Đất nước Thục một màu xanh
Sớm chiều vua Hán vật mình tương tư
Trăng hành cung mờ như thương tiếc
Tiếng chuông nghe não ruột đêm mưa
Xoay vần trời đất đẩy đưa
Bước qua chốn cũ chân Vua ngập ngừng
Gò Mã Ngôi một vùng còn đó
Mặt ngọc từ thác lỡ nay đâu

Nhung y đẫm lệ Vương, Hầu
Hướgn đông cửa cũ ôm sầu về cung
Cung điện cũ, hoa chung cảnh cũ
Hồ ao xưa, liễu rũ vườn xưa
Mặt hoa, mày liễu tưởng mơ
Nhớ người năm cũ ngẩn ngơ lệ trào
Gió Xuân thổi hoa đào man mác
Mưa Thu rơi tan tác ngô đồng
Thành cô đơn, cỏ chập chùng
Đỏ thềm lá rụng, một vùng hoang sơ
Đám nghệ nhân bây giờ tóc bạc
Lũ con hầu ngơ ngác già nua
Đêm đen lửa đóm lập lòe
Ru hoài giấc ngủ, đèn khuya bấc tàn
Thùng thùng trống điểm báo đêm dài
Lấp lánh ngân hà mong sớm mai
Sương rơi lạnh ngói hiên ngoài
Lạnh chăn phỉ thúy lấy ai đắp cùng
Từ sống chết hai vùng cách trở
Chưa một lần gặp gỡ trong mơ
Khách đạo sĩ, điện Hồng Đô
Có tài gọi gió, kêu mưa, chiêu hồn
Biết lòng Vua vẫn còn quyến luyến
Bèn sai người tìm kiếm ân cần
Gạt mây, cưỡi gió, bồng bềnh
Trên trời, dưới đất bao lần xông pha
Lên tận trời xa, xuống suối vàng
Vẫn biệt tăm, hoài sức kiếm tìm
Bỗng nghe có một núi tiên
Xa ngoài biển lớn, cao miền hư vô
Mây ngũ sắc điểm tô điện ngọc
Cõi bồng lai tiên tử ra vào
Nàng Thái Chân ở lầu cao
Mặt hoa da tuyết, giống sao lạ thường!
Gõ cửa mái tây nhờ Tiểu Ngọc
Nói hộ Song Thành, nhắn Thái Châu
Trướng hoa phấn khởi tinh thần
Biết vua Hán vẫn ân cần nhớ thương
Vén xiêm y, tung chăn, đẩy gối

Lòng bồi hồi mở vội rèm châu
Tóc mây nghiêng nửa mái đầu
Mũ khăn xô lệch, xuống lầu đón tin
Tay áo phất lên theo gió thoảng
Còn tưởng như múa khúc Nghê Thường
Mặt âm thầm, lệ chứa chan
Cành hoa lê đẫm mưa tàn ngày Xuân
Cố ngăn lệ, tần ngần tạ lễ
Từ chia ly, mờ mịt thiên nhan
Chiêu Dương điện ái ân tan
Bồng lai dài qúa cô đơn tháng ngày
Ngoảnh đầu nhìn xuống ngõ ngàng thay
Trường An khuất bóng, bụi sương đầy
Tình thâm còn một chút này
Nữ trang một hộp trao tay gửi về
Chỉ giữ lại hoa điền một mảnh
Cành kim thoa một nhánh nơi đây
Mong tình bền tựa vàng này
Trên trời, dưới đất có ngày gặp nhau
Chia tay Hán sứ sầu nhắn nhủ
Nhắn nhủ hoài lời cũ năm xưa
Trường Sinh điện lúc riêng tư
Ngày Ngâu tháng Bảy, đêm khuya chung thế
Liều cánh chim tung hoành trời biển
Cây liền cành quyến luyến trần gian
Đất trời có lúc tan hoang
Trong ta dằng dặc không tan hận này

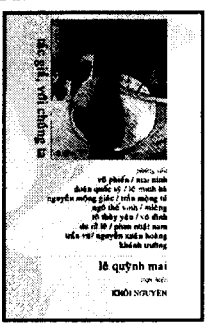

TÌM ĐỌC

tác giả, với chúng ta

LÊ QUỲNH MAI

phỏng vấn 15 nhà văn, nhà thơ thuộc ba thế hệ cầm bút của miền Nam từ 54-75 và từ 75 đến nay tại các quốc gia có đông người Việt cư ngụ.

KHÔI NGUYÊN xuất bản.

Đã có bán tại các nhà sách.

nỗi hận khôn nguôi

QUỲNH GIAO

Trung Hoa có bốn nàng tuyệt sắc. Đẹp đến nỗi chim sa như Tây Thi, làm cá lặn như Vương Chiêu Quân. Đến nguyệt thẹn như Điêu Thuyền, hoặc hoa nhường như Đương Quý Phi. Những chữ "chim sa, cá lặn, hoa nhường, nguyệt thẹn" để mô tả tứ đại mỹ nhân này đã là thành ngữ.

Nhưng, không hiểu sao, cả bốn nàng đều liên hệ đến những biến cố chính trị trong lịch sử Trung Hoa. Cùng tiếng khen lại có ngay lời bình, làm cho khuynh quốc khuynh thành, có khi làm mất nước. Chả hóa là sắc đẹp phụ nữ có sức mạnh đến vậy sao? Hay là vì sự yếu đuối của các đấng mày râu?

Lên tới đỉnh cao nhất rồi trượt vào vực sâu nhất của thảm kịch, có là là thân phận của Dương Quý Phi, nàng quý phi họ Dương.

Con nhà quan, quan nhỏ thôi, nàng có sắc đẹp và lại giỏi nghề múa hát cầm ca nên từ 13 tuổi đã được nhập cung, làm vương phi cho một vị Vương tên là Lý Mạo, con trai thứ 18 và còn rất nhỏ tuổi của Đường Huyền Tông.

Huyền Tông là ông vua hùng tài, cháu nội của Võ Tắc Thiên. Khi còn trẻ đã khởi binh dẹp loạn Vi Hoàng Hậu trong triều và lên ngôi với ý chí khôi phục lại hào quang của thời Đường Thái Tông. Trong mấy chục năm đầu, khi nhà Đường của ông còn niên hiệu Khai Nguyên, ông đạt được mục tiêu nhờ biết dùng các bậc hiền thần. Quá tuổi trung niên, ông bị kiêu chí làm mờ trí tuệ và dung túng gian thần trong triều, khởi đầu là Lý Lâm Phủ. Kể từ đó, nhà Đường của ông gặp họa, là thời kỳ ông đổi niên hiệu thành Thiên Bảo. Lịch sử về sau mới nói về cùng một triều đại mà thời Khai Nguyên thì thịnh trị, qua 15 năm thời Thiên Bảo là đại họa.

Nhưng, cái họa lớn nhất của Huyền Tông là họa hồng nhan.

Ông là người đa tài nhưng hiếu sắc và đặc biệt là lãng mạn mê đắm các người đẹp trong cung. Vị Hoàng Đế này có thể là người tình tuyệt vời với từng người đẹp. Nhưng cùng lúc ông lại có rất nhiều người, trong số ba ngàn cung tần mỹ nữ được tuyển vào tam cung lục viện. Ông có trước sau 59 người con, 30 trai 29 gái, chưa kể ba con bị mất của bà Huệ Phi họ Vũ, là người đẹp ông quyến luyến nhất và cũng thương tiếc nhất khi nàng tạ thế.

Cho đến ngày Huyền Tông liếc thấy nàng phi của con trai là Thọ Vương Lý Mạo, là Dương Ngọc Hoàn. Nàng có cái tên rất đẹp là Thái Chân thì cũng do Huyền Tông đặt cho: Dù là Hoàng Đế mà cướp vợ của con thì cũng kỳ! Nhà vua phải dẫn nàng đi qua một đường vòng, cho nàng đi tu, làm nữ đạo sĩ dưới tên Thái Chân. Sau đó cả năm mới đưa nàng về cung. Năm đó, Ngọc Hoàn mới 18, Huyền Tông tuổi gần gấp ba, 52 tuổi.

Kể từ đó, ba ngàn mỹ nữ kia trở thành bóng mờ. Nàng đã là trời một phương. Được cất lên làm Quý Phi, nhưng dùng nghi trượng của Hoàng Hậu.

Nếu suy theo thời nay, Quý Phi có lẽ không cao lớn, vì có khi còn múa được trên mâm đồng. Khi lớn tuổi hơn một chút, lại rất ham ăn uống không chịu kiêng khem, nàng thuộc loại da thịt đẫy đà, dưới làn da trắng hồng dường như lại ửng chút mỡ màng, râm rấp mồ hôi. Nhưng sắc đẹp Quý Phi thì không bút nào tả xiết, lại gẩy tỳ bà, gõ khánh ngọc, biết múa, biết hát, biết chiều vua. Lại còn biết hờn ghen nữa, làm nhà vua càng mê mẩn. Nhờ Dương Quý Phi mà cả họ Dương được hiển đạt, đã giàu, còn sang, và trong tay nắm giữ cả binh quyền. Đương thời, nhiều nhà mới tiếc là vì sao không sinh con gái, có khi cả họ được nhờ. Cũng nhờ nàng mà hoa mẫu đơn và quả vải mới đi vào văn học sử.

Rồi cũng nhờ Dương Quý Phi mà nhiều kẻ gian nịnh được làm quan lớn, trước hết bằng cách nịnh chính nàng. Khi kẻ gian nịnh vào triều thì trung thần chỉ còn biết cúi đầu đi ra, nếu như còn giữ được cái đầu. Sau Lý Lâm Phủ, hàng ngũ gian thần có thêm Cao Lực Sĩ và An Lộc Sơn, cả hai đều biết chiều vua bằng cách nịnh nọt Quý Phi.

Nổi tiếng tài hoa, Đường Huyền Tông cũng biết quý trọng thi nhân, nhờ vậy mà có lúc Lý Bạch đã vào làm thơ giữa triều. Ông được triệu tới... phổ thơ vào nhạc, để lại cho hậu thế ba bài *Thanh bình điệu* ngợi ca sắc đẹp Quý Phi... *Vân tưởng y thường, hoa tưởng dung*... Xiêm áo tựa mây, dung nhan tựa hoa. Bài thơ trở thành ca khúc, có sự phụ họa của dàn nhạc cung đình gồm 16 nhạc cụ. Người thổi sáo ngọc đệm đàn chính là Huyền Tông. Thời nay, có lẽ ông là người giữ nhịp phách, đánh trống chầu.

Nhà thơ tất nhiên biết yêu cái đẹp nhưng cũng thấy nhợn với lũ nịnh thần huyên náo chung quanh, nên làm nhục Cao Lực Sĩ, và vì vậy gây bất hòa với Quý Phi. Nhờ thế, Lý Bạch khỏi là ca nhân của cung đình, thong dong bước ra ngoài, như con hạc thần bay lên cõi tiên.

Trong khi ấy, vị vua hùng tài thời trẻ bắt đầu già nua và quẫn trí bỏ bê triều chính, cho đến ngày chính An Lộc Sơn làm phản và cầm quân đánh vào kinh đô Trường An. Kẻ gian năm nào đã vào nhận làm con nuôi của Quý Phi nay làm triều đình rung chuyển. Anh trai của Quý Phi là Dương Quốc Trung là kẻ bất tài, chỉ nhờ em gái mà lên Tể tướng nắm binh quyền. Không gian thì cũng hèn nên Quốc Trung lại khuyên Huyền Tông bỏ chạy vào đất Tây Thục để lánh nạn.

Trên đường tháo chạy, ba quân nổi loạn vì oán giận gian thần và gây áp lực không chịu đi nếu Hoàng Đế không giết Quốc Trung. Và cả nàng em gái đã khiến nhà vua mê đắm mà làm loạn nước.

Kết cuộc thì Đường Huyền Tông đành tự cứu mạng và cho người thắt cổ

Quý Phi tại gò Mã Ngôi, vào đêm mùng bảy tháng Bảy, đêm Thất Tịch... Năm đó, Dương Quý Phi 36 tuổi, Huyền Tông đã bảy mươi. Sau đó, loạn An Lộc Sơn cũng tan, ông vua già Huyền Tông lụ khụ trở về, nhưng nhà Đường bắt đầu xuống dốc từ đấy.

Mối hận tình ở Mã Ngôi Pha được lưu truyền mãi và gợi hứng cho rất nhiều thi nhân về sau. Trong số này, trác tuyệt nhất có Bạch Cư Dị và bài *Trường hận ca*, bài trường thi 118 câu, mỗi câu là vàng ngọc tuôn trào như lệ.

Nhưng không hiểu sao, các bậc tu mi nam tử tài trí ở đời, cứ có chuyện là đổ lỗi cho khách quần hồng.

Đa mang, hiếu sắc và mê muội trong đường tình ái thì hiếm có ai bằng Huyền Tông, nào có phải vì nàng họ Dương? Con người đó không gặp Ngọc Hoàn, thì tất cũng sẽ có nàng khác lên thành Quý Phi. Mà mê muội như vậy, ông không nuôi ong tay áo thì cũng dắt cọp vào nhà. Nếu quả thật là yêu Quý Phi còn hơn triều chính và mạng sống của mình, ông tất phải dắt tay nàng cùng bước vào cõi Thiên Thai, theo đúng lẽ mà Bạch Cư Dị đã viết: như chim liền cánh, như cây liền cành.

'Trẫm có tội với bá tánh vì nghe lời nịnh thần và bỏ bê triều chính. Trẫm cũng coi Quý Phi là tri kỷ trong đời. Nên sẽ cùng nàng dừng chân tại đây. Tội là ở Trẫm, Mã Ngôi Pha sẽ là nơi mai táng mối tình của Trẫm với nàng."

Dám nói vậy thì trong đám tòng vong của triều đình ai dám bắt ông chết?

Mà nếu có chết thì chẳng là xứng đáng sao. Xứng đáng với trọng tội hôn ám của mình, và nhất là xứng đáng với mối tình cùng nàng Ngọc Hoàn.

Thời đó, ít người dám coi ngai vàng và mạng sống như cỏ rác và tình yêu mới là tôn quý trên đời. Ba ngàn cung tần mỹ nữ khiến cho ông có quyền chọn nên chỉ thiết tha với tình yêu đến ngần đó thôi.

Vì vậy, Dương Quý Phi thành người đàn bà có tội. Công lý và chân lý của đàn ông vì vậy cũng chỉ có vậy thôi.

Nhưng, may là chúng ta còn có Bạch Cư Dị.

Ông sinh ra khi Huyền Tông đã mất được gần 10 năm, làm quan được hơn mười năm thì chán nản xin về trí sĩ. Những bài thơ u uẩn và nổi tiếng nhất của ông như "*Tỳ bà hành*" hay "*Trường hận ca*" có lẽ được viết trong giai đoạn thứ nhì của cuộc đời, cực hay về từ điệu và ngôn ngữ mà cũng cực buồn về ý thơ, về tư tưởng.

Bài *Trường hận ca* của ông là tuyệt tác mà lại không phổ biến trong chúng ta bằng *Tỳ bà hành*. Phần đầu bài thơ tả sắc đẹp và trí tuệ của Ngọc Hoàn. Không có trí tuệ thì làm sao vượt qua ba ngàn yểu điệu để ngự trị trong tim của Huyền Tông. Phần thứ hai, rất đột ngột, kể về sự biến An Lộc Sơn và cuộc chạy loạn dẫn đến Mã Ngôi Pha. Phần thứ ba bắt đầu tách khỏi lịch sử để nói về nỗi ân hận khôn nguôi của Huyền Tông khi trở về kinh đô Trường

CAO NGUYÊN

vào xuân

Tàn Thu cành khẳng khiu - Đông
Tuyết treo lạnh nhánh, chồi mong nắng về
Vọng mùi hương cốm chân Quê
Vãng lai ký ức, đời bề bộn đau
Nát men, rượu ngả mùi sầu
Hồn thơ khập khễnh trên cầu khói hương
Đào, Mai - ảo sắc vô thường
Nhập thân cánh én, ngược nguồn vào Xuân!
Đông 2004

An. Lúc đó, ông sống thật, với mối tình đã chết. Phần thứ tư, Bạch Cư Dị khai thác đến cùng óc thần bí đời Đường để nói về chuyện một đạo sĩ được sai đi vào núi tiên và tìm gặp được Dương Quý Phi. Phần cuối, nhà thơ tả nỗi xót xa của nàng Ngọc Hoàn về thảm kịch tình yêu và nhờ đạo sĩ trao lại cho nhà vua nửa chiếc thoa vàng với lời thề nguyện thủy chung: trên trời thì nguyện làm đôi chim liền cánh, dưới đất nguyện làm hai cây ghép cành.

"Liền cánh chim tung hoành trời biển,
"Cây liền cành quyến luyến trần gian."

Lời dịch đó là của ông Trịnh Đình Thảng, một người yêu Thơ Đường và cứ phàn nàn mãi là ít ai dịch bài *Trường hận ca*. Bản của Tản Đà, cũng dịch theo thể song thất lục bát là

"Xin kết nguyện chim trời liền cánh
"Xin làm cây cành nhánh liền nhau."

Có lẽ, Nguyễn Du của chúng ta cũng biết được nỗi niềm đắng cay của Dương Quý Phi. Tố Như dùng ngay ý thơ Bạch Cư Dị trong *Trường hận ca* cho Thúy Kiều... nói thách, nói hờn với Kim Trọng:

"Trong khi chắp cánh liền cành
"Mà lòng rẻ rúng đã dành một bên."

Không rẻ rúng sao mà sau 18 năm mặn nồng, khi hữu sự Hoàng thượng lại tặng thiếp chiếc khăn thất cổ, để di hận tới thiên cổ...

Ông vua này xét ra cũng thường, chỉ hay ở những giấc mơ của ông, cho đời sau được vui rằm tháng Tám với điệu vũ nghê thường ông mơ thấy trên cung Quảng, hoặc được tê tái với *Trường hận ca*, vào một đêm thất tịch của Ngưu Lang và Chức Nữ. ■

bao la như biển thái bình

HOÀNG NGA

gửi Lê Minh Hà

Con gái tôi bình thường có thể nói cùng lúc thông thạo bốn thứ tiếng, Việt, Anh, Đức, Pháp. Nửa học trình, hai năm chương trình cử nhân Hán văn, đủ để "ni hậu", và đủ để bạn tôi trêu, "bao giờ hai mẹ con thất nghiệp, thì con về Việt Nam viết liễn thờ, kiếm cơm nuôi mẹ". Như vậy, khả năng tìm ra việc làm, cơm ăn ngày ba bữa của con bé, tệ nhất là cũng viết được liễn thờ!

Như vậy, tôi đâu có gì để phải lo lắng cho con bé, nhưng lo, thì tôi vẫn cứ lo. Tôi đòi mượn nợ nhà băng mua một cái appartment để dành cho con bé. Con bé nhăn mặt:

- Mẹ tính chuyện gì đâu không.

Tôi nghĩ nó chẳng biết chữ bao đồng, nên dùng chữ "gì đâu" để nhăn nhó tôi. Tôi cãi trăng cãi cuội với con. Mãi cho tới khi con bé hỏi, mẹ nghĩ về bài cầu nguyện chung như thế nào; thì tôi đành lòng phải im. Bài cầu nguyện chung, tức là bài Kinh Lạy Cha, hằng ngày tôi cầu nguyện, "xin Chúa cho con hôm nay đồ ăn đủ ngày". Tính tôi khoái ăn ngon mặc đẹp. Trong tủ lạnh tôi lúc nào cũng có đủ các thứ thịt rừng, hươu, nai. Tủ thức uống, rượu mạnh rượu nhẹ lung tung xèng. Tủ đồ khô thì như một ngăn hàng xén, bún phở mì đậu đen đậu đỏ nước cốt dừa... Bài cầu nguyện chung, Chúa cho phép tôi "xin cho con một năm đồ ăn đủ ngày". Trong một đoạn Kinh Thánh khác Chúa dạy, chim trời không làm lụng vẫn có đủ hạt, hoa cỏ ngoài đồng, sắc áo vua nào có thể so bì; thì sá gì tôi, vật thọ tạo của Ngài, mà Ngài lại để túng thiếu, đói ăn?

Vậy mà tôi, tuần nào cũng đi nhà thờ, ngày nào cũng trò chuyện với Chúa, vẫn cứ như đồ vô tín. Tôi vẫn đem lòng lo đêm lo ngày. Chuyện gì cũng cưu mang, nhét đầy cứng vô dạ. Đi lên đi xuống, ngó thời khóa biểu con để trên bàn viết, là tôi lo, sao nó học dữ thần vậy. Ngày nào cũng đầy kín giờ kiểu đó chắc chết quá. Đi qua đi lại, thấy chuyện chỗ làm thêm của con nhỏ sao cực lòng chịu không thấu; đã cái con nhỏ Kollegin, đồng nghiệp của nó, mặt mày kỳ cục khó chịu, lại thêm thằng sếp chuyện nhà lộn xộn lúc nào

cũng cấm cẩu thấy mà ghê. Rồi đi tới đi lui, coi bộ không còn gì để lo, tôi tự hỏi thầm, không biết sáng nay thằng fiancé của con bé đã gọi điện thoại qua cho nó chưa!

Hồi con còn nhỏ, chồng tôi vượt biên ra nước ngoài, chiều chiều tôi và con bé hay ra võng nằm. Nhìn ra ngoài ngõ chỉ thấy nắng tắt, thấy mưa sa, tôi não lòng ngâm thơ Nguyễn Bính, Quang Dũng, Thâm Tâm... Lớn lên vài tuổi, con tôi biết đôi bờ, biết cậy em em ở lại nhà, biết tống biệt hành, biết đưa người tôi không đưa sang sông. Bạn tôi chửi mày đầu độc con nhỏ. Nhưng mẹ tôi lại la, sao con nguyên tắc với con bé quá vậy. Lúc nào cũng như quân đội với nó. Nó không có cha! Mẹ tôi nói y như tôi đã góa bụa!

Con gái tôi "không có cha", khôn sớm. Nghe người lớn nói chuyện, nghe mẹ tôi cằn nhằn tôi, nó hiểu ngay bố chỉ đi vắng, mẹ không được phép lộn xộn; nên con nhỏ phụ với bà ngoại "giữ gìn" tôi. Tôi mở quán cà phê, có anh chàng rắp ranh theo tôi, mang hoa, mang bánh mì thịt nguội tới cho con nhỏ mỗi ngày, con nhỏ nói bố con đi làm xa, ba ngày về một lần. Chàng dũng sĩ tính nhảy vô cứu đời cô Lựu, nghe vậy, chạy mất dép. Tôi cụt đường "chiến đấu", đành đầu hàng vô điều kiện số phận con rệp.

Ở Việt Nam sáu năm sau, tôi sang Úc đoàn tụ với chồng. Gặp nhau, hai đứa ngó nhau, rồi ôm nhau mà như ôm người dưng. Tôi hoàn toàn xa lạ trong mắt chồng tôi. Chồng tôi cũng không quen thân gì với tôi cả. Con càng lạ, càng khó quen thân hơn. Nên ba kẻ chung family với nhau, mà chỉ ngấn ngủi một thời gian chưa kịp để bèo hợp, mây đã tan.

Chồng tôi đi rồi, một hôm con tôi lẩn quẩn trong phòng cũ của bố, bỗng chạy ra đưa cho tôi tấm hình, vặn vẹo hỏi:

- Mẹ ơi, sao bố lại ôm cô này kỳ cục vậy?

Tôi hoảng hồn, đem tấm hình đi giấu, nói bên này bạn bè thân nhau vậy đó con. Năm đó con tôi chưa đầy mười tuổi. Chồng tôi ở cách chúng tôi không xa, mỗi cuối tuần về thăm một lần. Tôi nói xạo con bé:

- Bố đi làm.

Nói bố đi làm, thì dĩ nhiên con phải được nuôi nấng nên thân tử tế. Tôi ra sức cày đủ mọi thứ nghề, thượng vàng hạ cám trong xã hội để con được "như người ta". Sau thấy mình dốt quá, cái thư ở trường con mang về cũng phải chờ cuối tuần mới có người đọc, tôi đăng ký đi học trở lại cho biết chút chữ nghĩa. Lãnh tiền trợ cấp của bộ giáo dục như mưa rơi sa mạc, tôi lại gồng người đi bán bánh mì, take away, cặm cụi trên đống quần áo công nghiệp; rồi nghiến răng thuê nhà đẹp, nhà trên đồi nhìn xuống biển sóng vỗ lao xao. Sáng sáng Chúa Nhật, trước khi vào lễ lạy, tôi dẫn con đi ăn nhà hàng, chiều chiều bài vở xong, tà tà đi bơi, đi ra biển hóng gió. Hè, có chỗ, lại dẫn con đi chơi xa. Hai mẹ con, bao giờ thiên hạ trông vào, cũng thấy thảnh thơi, nhẹ nhàng.

Không ai biết tôi kiệt sức như thế nào. Và con tôi chắc ngay lúc ấy cũng không biết tôi hết hơi ra sao.

Nhưng lớn lên, con tôi hiểu hết tất cả những điều tôi không cần phải ra sức kể công ấy. Như tôi hiểu chính mẹ tôi đã gối đầu trên nước mắt là thế nào để chúng tôi được lớn lên, được thành người. Lúc còn đi học bên Úc, tôi thân với một cô bạn gốc người Bỉ, đến nhà chơi, nghe bạn trả lời mẹ khi bị la mắng chuyện gì đó:

- I didn't ask to be born!

Câu trả lời thật hỗn xược và khó chấp nhận nổi, nhưng chính trong câu nói ấy, bỗng tôi học ra được một điều. Tôi bừng mắt ra về chuyện chính mình đã muốn có con, chứ con tôi không hề đòi ra đời, không hề muốn được sinh ra thật. Do đó tôi tự nhủ, tôi phải biết làm tròn bổn phận của mình đối với con trước khi mong nó báo hiếu cho mình.

Những năm trước khi chúng tôi rời miền nam bán cầu, con tôi vẫn còn bé lắm trong mắt tôi. Mỗi tối, con bé vẫn chờ tôi vào giường, thay vì nghe tôi kể chuyện cổ tích như lúc nhỏ, thì chúng tôi đọc Kinh Thánh rồi cầu nguyện chung với nhau. Và trước khi hôn good night với nó, tôi sẽ nằm quay nghiêng qua con, nghe nó kể chuyện tào lao trên trời dưới biển. Tôi đi học lại, hết còn trẻ, nên tiếng Anh thiệt là chán đời, nội cái chuyện nhớ tên đám bạn cùng lớp là đã muốn khùng, nghe con tôi, Stephanie, Chi Phi, Charles, George, Asa... những đứa tôi chỉ thấy mặt một đôi lần, hoặc chưa bao giờ thấy mặt, tôi lùng bùng cả hai lỗ tai. Nhưng cuối cùng tôi phải vận dụng hết mọi nỗ lực, kể cả "trick", mẹo vặt, để nhớ dăm ba chi tiết mà biết đường trò chuyện cùng con. Chẳng hạn, Chi Phi người Tàu, Stephanie người Chi lê, George người Hy Lạp, Asa người Mỹ. Vân vân. Hay Chi Phi học giỏi, Danielle thường thích đổi bánh mì trái cây với bạn, hoặc Asa là thằng chuyên trêu ghẹo bọn con gái, đánh đấm với bọn con trai...

Những chi tiết nhỏ thôi, nhưng chỉ cần lơ là đôi bận, tôi nghĩ có lẽ, con bé sẽ nhận ra ngay tôi không buồn để ý chuyện của nó. Trong đầu tôi, lúc ấy - cả bây giờ nữa - luôn luôn phải có thêm những thế giới mà con tôi đang sống. Và y hệt mấy cái website trên internet, khi con nhỏ vô một cái "địa chỉ" nào đó, những tên tuổi Amy, Thomas v.v... nào đó, là tôi phải bật ra ngay một, hai chi tiết, chẳng hạn, chồng của Amy tên gì, Thomas là thằng nhà giàu học giỏi mà chỉ muốn vô rừng sống để viết văn!

Năm con tôi mười ba tuổi, tuổi thời tôi bắt đầu biết để ý người khác phái, biết đọc thơ và làm thơ; vậy mà tôi đã hoảng hồn khi nhận ra con bé chỉ thích đến chơi nhà một người bạn của tôi, hơn là đi bơi, đi dạo như trước. Bởi vì nhà bạn tôi có mặt trời? Có hoa, có lá? Không, chao ơi, chỉ có con trai của bạn tôi!

Tôi lo quýnh quáng. Sáng Chúa Nhật, thằng bé đi lễ, con tôi vui ra mặt.

Nói nhiều hơn, cười nhiều hơn. Đứng ngay bên cạnh tôi, mà con bé biết hết chị bạn tôi đang trò chuyện với ai, làm cái gì ở góc đàng kia, trong khi tôi đang trò chuyện với người nào thì nó chẳng hay! Thật xui cho tôi thuở ấy, là tôi chẳng thân với ai có con gái bằng, hay lớn hơn tuổi con bé, để hỏi han, tâm sự vụn. Tôi sốt ruột sốt gan, tôi lo lắng não lòng, mặc dầu con tôi chả làm gì sai trái! Con bé chỉ nói nhiều, cười nhiều, hoặc buồn hơn, ngẩn ngơ hơn những khi không thấy bóng xe của gia đình bạn tôi chạy lên con dốc nhà thờ...

Tôi hoảng, nên "chắc ăn" nhất, theo một phương cách ấu trĩ nhất, mà bà mẹ nào cũng áp dụng khi thấy con dần dà vuột ra khỏi tay mình, là... lén lút rình xem thái độ của con như thế nào. Tôi thậm thà thậm thụt đọc lén nhật ký của con bé. Nhưng lúc thấy con nhỏ vẫn ghi chép chuyện nắng mưa, gây gổ với bạn bè, tôi ngẩn ngơ. Đến lúc tìm ra được một mảnh giấy màu hồng nhạt, không ghi chép gì ngoài một mẫu tự viết hoa, rất đẹp, là mẫu tự đầu tên của thằng bé con bạn, tôi lại càng ngẩn ngơ hơn.

Một mình, tôi không có ai để chia sẻ, không có ai để "gánh vác trách nhiệm" với mình, tôi lo lắng, và quên mất, trong đời, ai không từng một lần đứng ngẩn trông vời... như vậy.

*

Chúng tôi rời nam bán cầu vào thời điểm con tôi bắt đầu thành thiếu nữ. Những chấn động, thay đổi từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ nọ, từ Việt sang Anh, từ môi trường sống ở quê nhà sang Úc, rồi cả sự có mặt của người thân quen trong gia đình, hoàn toàn chưa kịp để con bé hoàn hồn, chúng tôi lại phải bắt đầu một cuộc sống mới khác. Với tôi, ngôn ngữ lạ, công việc lạ, khó, mà thành dễ, vì tôi hội hay không hội nhập, tôi hiểu biết hay không hiểu biết xã hội Đức cũng không sao. Tôi có dốt nát về chính trị văn hóa của nơi tôi đang sống, chắc chắn là chỉ làm tôi bực mình chứ không làm tôi mất chân đứng trên mặt đất.

Nhưng con tôi, thì không thể như vậy. Tôi thường hay tuyên bố, con có bằng cấp hay không cũng chẳng sao, hoặc con có thành công hay không thành công lắm ngoài xã hội cũng được, bởi vì con là con gái. Đồng thời tôi cũng lấy mẫu, lấy ví dụ từ những người thân trong gia đình tôi, đỗ đạt thành danh từ lâu, nhưng khi làm vợ, làm mẹ, thì cũng chỉ lẩn quẩn vào ra, nội trợ tương tự như bao nhiêu người đàn bà khác trên đời này.

Tôi nói thế thôi. Tôi chỉ tự an ủi mình thế thôi. Chứ trong thâm tâm tôi, tôi vẫn khao khát con làm được điều gì đó, vẫn thấy một người được giáo dục về cả hai mặt, kiến thức lẫn văn hóa, sẽ khác với nhiều người. Tôi giấu tôi càng kỹ, con tôi càng thấy sức nặng đè lên người. Trong một thời gian rất ngắn, con tôi nói tiếng Đức như người Đức, học hành ngang hàng so với nhiều đứa trẻ bản xứ khác. Bởi, có lẽ con tôi đã ra sức, đã nỗ lực nhiều hơn những gì nó có

thể làm, vì nhìn thấy được sự mỏi mong của tôi.

Và cái gánh nặng, cái trách nhiệm vô hình nó mang trên vai ấy, chắc chắn đã trĩu hơn những gì con bé phải cưu mang. Nên lúc ấy, tôi hãnh diện về con, nhưng đồng thời cũng nhận ra giữa chúng tôi, đã không còn gắn bó, không còn những sẻ chia rất gần như ngày con tôi chưa lớn. Bạn bè tôi an ủi, tuổi teenager nó như vậy. Và tôi đã cố hy vọng như vậy.

Nhưng mãi cho đến một ngày, con bé bỗng tuyên bố, không muốn đi nhà thờ Việt Nam, không muốn có mặt ở những nơi tôi hay tham dự nữa, thì tôi mới như người hụt chân, rớt rơi xuống tận đáy vực. Đất trời chung quanh tôi như sụp đổ hoàn toàn. Trước đó, ngoài chuyện học hành, tôi còn muốn con tôi hầu việc Chúa, còn hay tỏ bày ước muốn nó sẽ có đời sống một người tin kính gương mẫu nữa. Hôm ấy con tôi khẳng định với tôi, rằng nó yêu Chúa, tin Chúa, nhưng xin tôi đừng bắt nó sống đời của một con người chỉ có cái vỏ lấp lánh để người khác nhìn vào, mà không được là chính nó.

Chưa đầy mười tám tuổi, con tôi đã nói với tôi những điều mà cho đến cả bây giờ tôi vẫn chưa dám nói với mẹ tôi cách thẳng thắn như vậy. Cái xung đột giữa hai mẹ con tôi, có lẽ không dữ dằn như nhiều gia đình khác. Vì thói quen của tôi đối với con, là không bao giờ nói năng, la lối tiếng lớn, cũng không cả tiếng chì tiếng bấc. Chúng tôi đã trao đổi với nhau như hai người bạn. Nhưng là hai người bạn không còn chung đường.

Thật lòng, nhiều năm đã trôi qua, khi ngoảnh lại như thế này, tôi cảm thấy mừng vì con tôi dám nghĩ và dám nói ra điều mình suy nghĩ; nhưng ngay lúc ấy tôi buồn không tả được. Cái cảm giác mất mát, cái nỗi lo sợ con vuột bay ra khỏi tầm tay mình đã trở thành sự thật, khiến tôi bàng hoàng. Và tôi mất cả tự tin.

Tôi đã sống những ngày gần như bơ vơ và cô đơn. Cô đơn gấp vạn lần hơn khi chồng tôi ra đi. Tôi chẳng còn cần phải lén lén lút lút đọc nhật ký của con nữa, cũng chẳng cần dọ xét từng li từng tí cử chỉ của nó để đoán hiểu con đang nghĩ gì, và sẽ làm gì.

Đã đến lúc con tôi bắt đầu sẵn sàng trình bày những gì nó đang suy tư và sẽ thực hiện những điều ấy tương lai, trong đó có những thứ tương lai mà tôi thấy rõ hết sức chông chênh, không bờ bến. Tôi đã khóc hết nước mắt. Với nhiều người. Cho đến sau cùng, tôi tìm ra người để khóc. Ấy là tôi khóc với Chúa của tôi. Tôi đọc Kinh Thánh nhiều hơn. Tôi cầu nguyện nhiều hơn, Và tôi lắng nghe tiếng Chúa phán với tôi nhiều hơn. Cuối cùng tôi dừng lại ở chương đoạn ông Phao lô dạy Hội Thánh Ephesus. "Chớ chọc cho con cái mình giận dữ".

*

Tôi đã trải qua những ngày tháng thăng trầm buồn vui với con. Tôi cũng

đã sống những ngày tháng có ý nghĩa nhất trong cuộc đời của mình, là tôi đã được cùng đi với con qua những chặng đường khốn khó của nó. Cũng như đã một mình, lúc con ở bên cạnh. Rồi một mình, khi con dọn ra ở riêng...

Trên chuyến bay từ San Fransisco ve London, con gái tôi rủ, con dọn về ở chung với mẹ nghe. Lúc đó đã đầu tháng Mười. Ở Munich, kiếm ra được cái nhà để dọn khó như nhai đá. Khi chúng tôi ký xong cái hợp đồng là đã vừa vặn sang mùa. Tuyết rơi lạnh cắt da. Ai cũng nói hai mẹ con tôi khùng mới dọn nhà cuối năm. Con bé lại rủ, mình sơn nhà nghe mẹ. Tôi ừ. Nhà không có đàn ông, tôi vừa đi làm, vừa sắp xếp đồ đạc vô thùng carton; con bé vừa đi học, vừa đi sơn quét một mình. Phòng con màu vàng cam, phòng tắm màu vàng sậm; phòng mẹ màu gì? Đỏ? Hồng? Tôi bảo màu gạch cua. Giống tô bún riêu mẹ hay nấu. Con bé pha màu, hai mẹ con hì hục cọ, chổi. Tôi làm đúng câu, bôi vôi trát trấu theo nghĩa đen. Con bé phì cười, đẩy tôi sang một bên, giành làm hết.

Bàn ghế tủ giường nhà tôi màu gỗ, bàn ghế tủ giường nhà con tôi màu cánh gián. Gộp chung lại, hai màu đánh nhau như Lưu Bị đánh Tào Tháo, tôi phải kêu người cho bớt đi phân nửa. Phân nửa còn lại, tôi bảo với con bé, mẹ sẽ mua sơn về sơn lại. Con bé than, con hết hơi rồi. Tôi tưởng tôi sung, đòi làm một mình. Gần đến Giáng Sinh, lớp chỗ làm, lớp nhà thờ nhà tự, lớp bài vở sách báo, nhìn thấy đống đồ đạc như cái núi chất đầy phòng nọ phòng kia, tôi xuôi xị.

Đến tuần vọng thứ tư, chịu hết xiết, tôi buông tay. Khuya hăm ba, đi làm về, thấy chậu thông con bé mang về đặt trong phòng ăn, tôi lục lọi ra một mớ đèn hoa. Hai mẹ con lại hùng hục dọn dẹp carton chất đại vào phòng ngủ, phòng khách. Tôi giăng đèn, kết hoa. Con bé đóng chân nến lên tường. Xong việc, là gần ba giờ sáng. Chúng tôi tắt hết đèn điện, thắp nến sáng lung linh khắp phòng. Sáng hôm sau, anh Ngô Nguyên Dũng phone cho tôi chúc mừng Giáng Sinh như anh vẫn thường làm mỗi năm với gia đình chúng tôi, tôi kể chuyện tôi đã đốt hết "cục" đèn cầy anh tặng năm xưa. Giọng ông anh trong telephone nghe đầy vẻ... hết hồn:

- Nhà cửa bề bộn như vậy mà Nga dám chưng cây Noel sao?

Sao không! Tôi đáp. Giáng Sinh mấy năm trước đó, anh gửi xuống cho tôi một chân nến bằng thủy tinh và một "Kugel-Kerze", một loại nến đổ theo dạng hình cầu, rất dễ thương. Mỗi năm tôi đốt một ít vào dịp lễ này. Năm ấy, tôi đốt hết.

Tôi khoe với anh, hai mẹ con còn uống một chai rượu đỏ, say choáng váng. Ngô công tử cười, chúc hai mẹ con tôi cứ luôn "genissen", thưởng thức, hưởng thụ cuộc đời như thế.

Nhiều năm trước đây, Thích Nhất Hạnh viết về mẹ, và nhắc nhớ đến

LÝ THỪA NGHIỆP

hừng đông

Hừng đông nghe chim hót
Nghệ sĩ hề! hát rong
Dậy đi những bụi hồng
Chờ xẹm ngàn hoa nở.

Hừng đông nghe chuông đổ
mang mang một cõi lòng
Ai thắp nén nhang thơm
Lạy ba ngàn thế giới.

Hừng đông ngồi lần chuỗi
Hạt nào tròn ăn năn
Hạt gieo xuống căn phần
Mai nẩy mầm Tịnh-độ.

Hừng đông trời mờ tỏ
Vạn pháp trắng hư không
Trong tâm thể tinh ròng
Sen đã hồng Bát-nhã.

ngày lễ vu lan như ngày báo hiếu cho mẹ. Ông kêu gọi, hãy bông hồng cài áo cho những ai còn mẹ, và nói với mẹ rằng, con yêu mẹ. Mẹ tôi đọc bài của ông, thích, nhưng lại bảo, nước mắt luôn luôn chảy xuống. Tôi thương câu nói của mẹ tôi, vì thấy mẹ tôi độ lượng với chúng tôi vô cùng.

Nên nếu được hô hào, tôi sẽ dùng câu chúc Giáng Sinh của anh Ngô Nguyên Dũng cho hai mẹ con tôi để hô hào, rằng hãy thưởng thức cuộc đời, hãy hưởng thụ những ngày còn sống bên cạnh con. Mẹ tôi, giờ mỗi năm, khi nghe tôi về thăm nhà được, là mừng rỡ đến mất ăn mất ngủ. Hẳn nhiên tôi cũng rất muốn báo hiếu cho mẹ trên mọi khía cạnh, cũng thèm bông hồng luôn luôn được cài lên áo mình, nhưng đồng thời tôi cũng nhận ra rằng, chỉ không đầy vài năm nữa thôi, khi con tôi lấy chồng đi xa, có cuộc sống riêng của nó, tôi có muốn đốt một nến, muốn uống vài ly rượu cho say bí tỉ với con, cũng dễ gì!■

một mình đón giao thừa

HOÀNG CHÍNH

Năm nay tết sớm. Không khí tết bò lan trên những hộp mứt bằng nhựa đỏ có thể nhìn suốt qua, để thấy những miếng mứt gừng vàng lợt, những miếng mứt bí trắng đục chen chúc bên trong. Không khí tết còn vén cái lạnh quay quắt keo đặc của mùa đông về đậu trên những vạt lá xanh thẫm của bánh chưng xếp chồng lên nhau trên quầy hàng tiệm thực phẩm Á Đông. Trên chiếc bàn chữ nhật sần sùi góc cạnh nhà cô ấy có một cái đĩa viền hoa đỏ hoa vàng. Trong lòng đĩa hai chiếc bánh chưng chồng lên nhau, cùng dựa lưng vào cặp bánh tét bọc ngoài bằng giấy bạc và bao ny lông. Tết cũng đã về đâu đó trong căn hộ nhỏ như chiếc hộp vuông phảng phất mùi nhang thơm tỏa từ bàn thờ Phật đóng cao trên vách tường.

"Lâu quá trời hổng đi hái lộc!" Cô ấy vừa vẩn vơ sắp lại hai chiếc bánh chưng cho thẳng vừa thở ra cái giọng ngậm ngùi.

"Đi hái lộc để làm gì?" Tôi ngả người ra lưng ghế, hỏi.

"Tết thì phải... đi lễ chùa, phải đi hái lộc." Đôi mắt người thiếu phụ nhìn lướt một nửa vòng căn phòng khách trống trải. Ánh mắt ấy dừng lại ở mấy chiếc xe chạy bằng pin của thằng con trai năm tuổi, bỏ lay lắt trên nền nhà.

"Mấy năm trước có đi không?"

"Lâu lắm hổng đi, mắc mấy đứa nhỏ." Cô ấy chấm câu bằng một nửa nụ cười.

Tôi nhìn cái lúm đồng tiền trên má cô ấy.

"Ai bảo ham làm *mommy* sớm."

"Ai mà ham!"

Tôi không thèm cãi cọ với cô ấy. Không ham mà mới hai mươi mấy tuổi đầu đã tay bồng tay bế.

Cô ấy ném cho tôi cái nhìn vướng víu những lời kêu oan, "Tại số mạng chứ bộ!"

Rồi cô ấy lại cúi nhìn xuống nền nhà, lại chăm chú ngó chiếc xe chạy bằng pin của thằng bé con nằm lay lắt. Không còn gì để nói. Tôi nhìn những

sợi tóc mượt chảy xuôi, che một nửa khuôn mặt học trò. Khuôn mặt học trò ấy lại ngó xuống những đường kẻ vuông trên nền nhà. Những ánh mắt không bao giờ gặp nhau, như những dòng sông, như những cuộc đời chỉ toàn ngã rẽ.

Tôi muốn ném cho cô ấy thêm vài lời trách móc. Dẫu biết mình chả có quyền gì.

Bỗng dưng cô ấy ngước lên, hất cái đầu thật mạnh, thật cả quyết, làm rụng đi những giọt nước mắt. Những giọt nước mắt nhòe hai khóe mi. Lòng tôi thót lại cơn bàng hoàng. Người đâu mà dễ khóc. Hở một chút là tủi thân.

Cổ họng tôi thắt lại. Không chữ nghĩa nào đủ bình an để dỗ dành cơn đau thắt ruột của một người đàn bà chưa kịp dậy thì đã tay xách, nách mang.

Tôi nhìn cô ấy. Lọn tóc quẫy động như con nước lớn. Rồi những lọn tóc chảy xuôi, thành con sông hiền hòa một dốc vai xuôi.

"Tại phần số chớ bộ!"

Tôi vội vã gật đầu. Đúng rồi. Tại phần số. Chỉ có phần số mới đun dủi cho hai kẻ ở cách xa nhau một nửa vòng trái đất, gặp nhau và gắn liền hai cuộc đời với nhau. Chỉ có phần số mới làm cho người này con đàn con đống với người kia mà không có cho nhau một chút tình yêu. Phần số. Có phải người thầy tướng số nào đã phán truyền vài ba năm trước rằng em có số vượt biên, em có số lấy chồng xứ lạ.

Tôi muốn nói một câu gì đó, nhưng những giọt nước mắt tuôn trên bờ má xanh xao của người con gái làm tôi á khẩu. Tôi muốn đứng dậy, choàng tay qua hai vai cô ấy, vuốt ve những sợi tóc hiền xuôi dốc lưng thon. Muốn lau những giọt nước mắt oan ức của một tuổi xuân chưa kịp chín. Nhưng tôi sợ. Thành ra tôi nói hùa theo cô ấy, "Thì phần số. Biết mà!"

Tôi nhìn quanh. Những chiếc bánh chưng vẫn dựa lưng những chiếc bánh tét trong chiếc đĩa rộng lòng. Những chiếc bánh vuông, những chiếc bánh tròn dài trong vòng tròn trắng viền hoa đỏ hoa vàng. Sự phối hợp méo mó. Như những cái tết gượng gạo xứ người.

Tôi đổi đề tài, "Năm nay đi hái lộc không?"

Con mắt ướt nhìn tôi, "Nên đi hôn?"

Ơ, sao lại hỏi tôi nhỉ. Tôi lấy quyền gì để bảo người ta nên đi lễ chùa hay không.

"Thích thì đi!"

"Hổng thích cũng phải đi!"

"Thì đi."

Cô nhìn tôi, nói bâng quơ, "Hổng biết giờ nào mới có xe buýt đi ngang."

Tôi đứng bật dậy kêu cô ấy chờ một tí rồi chạy băng về nhà cuống quýt tìm cho ra tấm giấy in lịch trình giờ xe buýt.

*

Thấy tôi kéo hết ngăn tủ này đến ngăn tủ kia, bà chủ nhà thắc mắc, "Tìm gì mà cuống lên vậy anh?"

Tôi bối rối như đứa học trò bị bắt gặp chui hàng rào trốn học.

"Có tìm gì đâu."

Bà chủ đứng dựa cửa phòng, tay chống lên một bên hông. Chiếc quần *jean* mở ra cho tôi một khoảng bụng trắng ngần và cái rốn tròn như đồng mười xu. Cái đồng mười xu tròn trĩnh ấy làm hai tai tôi nóng bừng.

Người đàn bà nhìn tôi chăm chú, hai con mắt long lanh, "Tìm gì mà hăng thế?"

Tôi vừa luồn tay xuống dưới lớp quần áo trong ngăn tủ, nơi hay giấu những đồng tiền giấy dành dụm được, vừa lắc đầu bối rối, "Cái đồ lặt vặt ấy mà!"

Người đàn bà bước vào phòng, lững thững những bước đi của một con hươu rong chơi trong khu rừng thưa, bên dòng suối ấm. Nàng đến sát bên tôi. Mùi dầu thơm dịu dàng như trầm hương mênh mang mời gọi.

"Nói đi, em tìm tiếp cho."

Hơi thở mùi kẹo bạc hà. Tôi như đứa bé lên cơn sốt thương hàn vừa lạnh run vừa bừng bừng nóng. Cũng may ngay lúc ấy, bàn tay tôi chạm vào tấm giấy ghi giờ xe buýt của tuyến đường trước nhà.

"Thấy rồi!"

Người đàn bà nhìn tôi, mỉm cười. Tôi bắt gặp trong khóe cười ấy chút từ tâm của kẻ sắp ban phát những mùa vui.

"Giấy xe buýt à?"

"Ừ. Xem giờ xe chạy ấy mà."

Tôi lướt ra ngoài, nhanh như thằng ăn trộm, bỏ mặc người đàn bà trong phòng mình.

"Phòng anh lại bừa bãi nữa rồi!"

Giọng người đàn bà dịu dàng như lời phiền trách nhỏ nhẹ của một người vợ tận tụy với chồng con. Tôi khép vội cửa, chạy băng qua nhà cô ấy.

*

Khu nhà chúng tôi ở xa lộ trình chính nên quá nửa đêm thì cứ bốn mươi lăm phút mới có một chuyến xe.

"Nhớ về sớm." Tôi dặn dò lúc dúi tờ lịch trình giờ xe buýt vào tay cô ấy.

Người con gái gật đầu.

"Quá mười hai giờ đêm ít xe buýt lắm đó."

Ánh mắt cô ấy thắp sáng niềm biết ơn, "Nhớ rồi mà."

"Phải ra trước mười hai giờ một chút."

"Mười hai giờ mới giao thừa, ra trước sao được?"

Tôi nhăn nhó, "Sau mười hai giờ lâu lắm mới có xe buýt. Còn phải đi bộ

từ ngoài đường về nhà nữa. Xóm này nguy hiểm biết không?" Tôi nghe tôi rõ ràng đang hất ra cái giọng nghiêm khắc của một ông bố chồng khó tính. Nhưng cô ấy chắc không nghe ra được.

"Biết mà!"

Cô ấy vừa nói vừa cặm cụi thoa son môi. Cây son mầu cam tươi như mầu da môi đứa bé sơ sinh. Và đôi môi cô ấy tươi dần lên như dấu vết xuân thì nhú ra khi loài thảo mộc vừa giũ cho sạch mảnh tuyết cuối mùa.

"Chừng nào con Amy khóc là nó bị ướt tã đó."

"Biết rồi."

Những đứa con tôi giặt tã cho ngày nào giờ này hẳn cũng đã có con. Tôi đã bao nhiêu lần thay tã cho con. Tã ngày xưa ở quê nhà bằng vải. Tháo ra, cuộn lại. Tất cả những ê chề của tình yêu gói trong đó. Những đắng cay chua chát túm gọn trong đó. Nếu người ta yêu nhau thì chả ai nề hà gì chút công việc nhỏ nhoi. Những chua cay, vất vả gói cho gọn, đem ra bờ ao, bờ rạch, mang theo cái bàn chải và cục sà phòng. Vét cho sạch cái chất mầu vàng keo đặc. Có lũ cá tranh nhau rỉa bên dưới. Xát xà phòng lên chỗ mầu vàng sậm. Chà bằng bàn chải, rồi vò, rồi vắt. Rồi phơi lên từng dãy dài trên đám dây phơi giăng sau nhà. Nắng gió sấy khô. Gom vào, xếp cho gọn. Ngày mai lại túm gọn đem ra bờ ao. Lại vét cho sạch, lại xát cho đều. Rồi vò, rồi vắt. Tôi đã quá quen với những vất vả trong đời. Sá gì cái việc thay tã cho con bé Amy. Bên này, tã xài một lần, sạch hay bẩn gì thì cũng cuộn tròn một cục; dán miếng băng keo cho chặt, bỏ vào thùng rác.

"Biết thay tã hôn đó?" Cô ấy hỏi đùa.

"Sao không."

Cô ấy cười, đỏ hồng đôi má lúm đồng tiền.

"Tã ở trong tủ quần áo."

"Biết mà."

"Đừng cho tụi nhỏ coi ti vi trễ quá nghe."

"Nghe."

Căn phòng sáng lên sau những vệt son phết lên đôi môi hồng, sau những quệt phấn hồng thoa đều hai má người con gái. Cô ấy đang trẻ lại trước mắt tôi. Chúng tôi không nói gì với nhau nhưng căn phòng xôn xao khúc nhạc xuân. Và lòng tôi rộn ràng câu hát giao mùa. Hai đứa bé giờ này chắc đang châu đầu trước màn ảnh truyền hình. Cuốn phim hoạt họa tôi mua cho thằng bé Timmy hôm trước. Cô ấy đi qua đi lại, tung tăng như đứa bé sắp được bố mẹ dẫn đi coi hát xiệc.

Chợt cô ấy đứng sựng lại trước mặt tôi, "Coi được hôn?"

Dòng tóc tuôn dài chảy suốt những hang động lòng tôi. Vai thon như dốc đời mảnh mai, thuôn xuống những bến bờ mịt mù ước mơ. Má đỏ như hẹn hò

với hư không, môi hồng như dặn dò với vô cùng. Hai núm đồng tiền xoáy cơn lốc trong thẳm sâu vực ham muốn lòng tôi. Tôi muốn đưa bàn tay chạm nhẹ vào mùa xuân có thật trong không gian ấm cúng căn phòng khách đêm giao thừa xa xứ. Nhưng những ngón tay tôi máy động như vướng cơn động kinh cục bộ.

"Được hôn?"

Tôi gật đầu vội vã, "Được chứ."

"Nói dóc hôn đó?"

"Thật mà."

"Cái gì được?'

"Ơ..." Tôi chỉ muốn trả lời cô ấy bằng một chữ tròn, đầy và hàm chứa cả mùa xuân. *Em.*

Nhưng ai đó bảo tôi đừng nói. Bởi dễ gì người ta lại tin một lão già lẩm cẩm, không làm nên chuyện gì ngoài cái việc giữ con, trông cháu. Thành ra tôi thở nhẹ, "Mọi thứ."

Cô ấy nghiêng đầu, "Chắc hôn?"

"Chắc."

Vậy là cô ấy tự tin bước về phía cửa ra vào. Lúc cô ấy bước qua chỗ tôi đứng, không gian dậy lên mùi nước hoa dịu dàng. Hương của trăm ngàn bông hoa mùa xuân góp lại. Tôi ngây ngất với niềm hạnh phúc; thứ hạnh phúc ngặt nghèo.

Trước khi bước ra cửa, cô ấy đứng sựng lại, nhìn tôi, "Có muốn vái gì hôn?"

Tôi ngập ngừng, "Biết vái gì bây giờ."

"Gì cũng được."

Tôi nghĩ đến cô ấy. Tôi nghĩ đến thằng bé Timmy và con bé Amy. Hai đứa bé không cha. Hai đứa bé quấn quýt, bám lấy tôi còn nhiều hơn đeo mẹ chúng nó. Tôi nghĩ đến một căn phòng chung cư ba phòng ngủ, mỗi đứa bé một phòng. Tôi nghĩ đủ thứ. Những hình ảnh lướt thướt dạt qua trí tưởng tượng.

Cô ấy đưa cái cổ tay thon lên nhìn đồng hồ, "Thôi, để hái lộc giùm cho nghe."

Như người tiều phu trong truyện cổ tích bị lấy đi mất những điều ước, tôi ngơ ngác, "Hái giùm cũng được à?"

"Được chớ.'

Một lát, tôi lại hỏi cái câu cũ rích, "Có chắc là vái giùm được không?"

"Chắc được mà."

"Vái với ai?"

"Thì Trời Phật, ai biết đâu, hỏi hoài."

TRẦN THỊ HÀ THÂN

chờ nhau

chúng ta có lúc chờ nhau
như buổi sáng nắng chờ sau sương mờ
trong hai ta, mấy nỗi chờ
em vẫn phiền muộn nhiều giờ nhớ thương

sương mờ chút nắng sương tan
em chờ năm tháng muộn màng tình sau
nửa đời anh vẫn cứ sầu
nửa đời em giấu nỗi đau đợi chờ

chờ người chút nữa mai sau
chờ người chút nữa biết đâu gặp người
Nov 06.2004

"Thì vái giùm đi."

Vậy là đêm giao thừa, cô ấy đi chùa, hái lộc. Một mình.

Tôi đứng dậy, lững thững kéo những bước nặng nề lên cầu thang.

Hai đứa bé dán mắt vào màn ảnh máy truyền hình trong phòng ngủ chúng nó. *Hello Uncle*. Thằng lớn chào tôi. Tôi cười. Chào Timmy, chào Amy. Con bé Amy không ngửng đầu lên nổi. Hai bàn tay nắm chặt cái đồ điều khiển trò chơi điện tử. À, thì ra chúng nó không coi phim. Hai đứa đang chơi *game*.

Tôi nhìn cái hành lang hẹp. Cửa phòng cô ấy đóng kín. Cửa nhà tắm hé mở. Tôi lững thững bước về phía đó. Tôi cần đi tiểu. Lúc già, người ta cứ mắc tiểu liền liền.

Khung chữ nhật hẹp. Chiếc gương cũ có nhiều chỗ bị ố. Bao nhiêu lần cô đã soi mặt mình trong đó. Bao nhiêu lần thằng đàn ông kia cũng đứng sau lưng cô, cùng soi mặt mình trong đó.

Tôi nhìn mình trong gương. Những nếp nhăn xô đẩy nhau như những con sóng vất vả đổ lên bờ biển lạ.

Vậy là năm nay, tôi lại đón giao thừa một mình.■

(Trích đoạn truyện dài "Tình Muộn"sắp xuất bản.)

KHÊ KINH-KHA

có lẽ

có lẽ mây trời mượn tóc em
nên mây lãng đãng rũ sợi mềm
lang thang chiều vắng nhìn mây trắng
mà nhớ nhung nhiều mái tóc đen

có lẽ sao trời mượn mắt em
nên sao sáng tỏ giữa đêm trường
đêm đêm anh ngẩng nhìn sao sáng
để cố đi tìm ánh mắt trong

có lẽ nắng chiều mượn môi em
nên nắng chiều nay quá ửng hồng
miên man nắng đọng trên cành lá
anh hốt nắng vàng ngỡ môi thơm

có lẽ quỳnh lan mượn hương em
nên hoa thơm ngát những hương nồng
bao ngày mơ ước bên hoa nở
để thấy hồn mình đượm phấn hương

có lẽ gió ngàn mượn gót em
gió vui trong gió, gió qua thềm
để anh đón gió vòng tay rộng
ôm gió vào lòng, ủ trong tim

có lẽ trăng vàng mượn áo em
nên trăng trải rộng ánh lụa vàng
giăng tay ôm hết trăng muôn thuở
ấp ủ riêng anh giấc mộng lành

có lẽ kiếp này anh yêu em
nên anh mê mẩn giọt nắng hồng
mê mây, mê gió, trăng, sao sáng
mê cả hương nồng của quỳnh lan

niềm riêng

HỒ ĐÌNH NGHIÊM

"Three may keep a secret, if two of them are dead."
Benjamin Franklin.

1.

Hội Cao Niên mở cửa sáu trên bảy. Cách chợ ba trăm mét, xa chùa gần hai cây số và thân cận láng giềng với trung tâm thẩm mỹ hớt tóc nhuộm sấy - chuyên trị làm nail.

Giống như tên gọi, căn phòng rộng mười mét vuông ấy chứa đựng những vật dụng già tuổi. Bàn ghế không đồng dạng. Cái gỗ cái nhựa, cái đen đúa cái màu mè. Có tủ đựng sách với hàng chữ lớn dán trên vách: "Coi tại chỗ, cấm mang đi". Sách đa phần là truyện chưởng và tình cảm gay cấn của Quỳnh Dao. Có máy lọc cà phê, có bình thủy, có ấm trà. Có cỗ bài tây, có bàn cờ tướng và có thể, rất nhiều thứ khác nằm ẩn giấu đằng sau lối đi vào phòng vệ sinh.

Nếu tuổi bạn đã 65, hoặc già hơn? Bạn mua vé đi xe buýt với giá phân nửa. Cũng thế, buồn chân bạn vào cửa hàng The Salvation Army mua áo quần cũ, tha một đống đồ hiệu với giá bèo không tưởng được sau khi xuất trình giấy chứng thực tuổi đã về chiều. Hội Cao Niên thì bảnh hơn, họ hay dụ khị bạn đi chơi xa ngoạn cảnh mà chẳng cần phân biệt tuổi tác. Hai chục bạc mỗi đầu người, xe đò hạng sang, sáng đi chiều về bao luôn thức ăn nước uống. Nói chung, khi bạn đã già, đi đâu bạn cũng hưởng được sự đặc ân khác thường. Bạn mua thuốc trợ lực cũng dễ, tựa lấy đồ trong túi ra, đâu khó khăn như bọn trẻ khi muốn thử qua công hiệu của Viagra.

Ông Bảy đi theo người bạn già dẫn đường. Ông hít phải mùi nước đái quỉ từ tiệm hớt tóc xông ra nồng nặc thì nghe người bạn la to: Tới rồi!

Nền vàng chữ đỏ. Chữ Hội Cao Niên kẻ sơn chẳng được thẳng thớm. Ông Bảy có một nhận xét: Vàng, đỏ. Riêng lãnh vực thẩm mỹ, hai màu ấy luôn thù nghịch nhau. Da vàng máu đỏ, đâu phải chỉ vì cái cớ ấy mà dân Việt nỡ lòng nhắm mắt vi phạm vào cái khoản "ngó cho được mắt". Giả sử ai đó quét phông màu xanh đậm, bleu noir, rồi dùng sơn trắng mà "quất" ba chữ Hội Cao Niên lên trên coi có phải "Tây" hơn không? Chỉ cần mường tượng thôi, chín chín phần trăm đã thấy "thằng" xanh trắng đẹp ăn đứt "thằng" vàng đỏ.

Bước vào cửa, hai ngọn néon đón chào ông Bảy bằng thứ ánh sáng chiếu lệ. Ngọn thứ ba thì mải nhấp nháy, hổng chịu năng nổ với chức năng. Gần đất xa trời, chữ ấy nghe thấm thía, riêng với con người. Ngọn đèn đang hấp hối kia sao chẳng ai đành lòng đem quẳng thùng rác? Nó chiếu xuống hội phòng, lan tỏa một thứ gì buồn buồn, day dứt trong câm nín. Có hai người đàn ông tóc bạc đang ngồi chơi cờ và người thứ ba là một madame mải loay hoay với khay đựng trà. Tiếng ly tách va chạm nhau, tiếng những con cờ bằng gỗ gõ chan chát xuống bàn. Bận bịu. Không ai rảnh mà trông lên kẻ mới bước chân vào phòng. Ông Bảy lại nghĩ: Ở cuộc đời, tất cả chúng sinh đều mắc phải nhiều lầm lỗi. Và đáng phàn nàn là cái phận người bé nhỏ ấy đều bị cuộc chơi bắt phải tuân thủ một điều lệ: Hạ thủ bất hoàn. Thua, chỉ có hối tiếc ăn năn. Khắc vào da thịt một thứ tì vết mà ai đó dẫu có thứ tha cũng khó gội rửa cho sạch. Ông Bảy trước 75 là một nhân viên có chức phận trong ty Ngân Khố. Một mình, ông nuôi bốn đứa con học hành tới nơi tới chốn. Nhưng mà lớn lên, đứa con đầu đụng trận, thây phơi ngoài chiến địa. "Áo bào thay chiếu anh về đất" như câu thơ hào sảng của ai kia. Đứa hai, không oanh oanh liệt liệt như anh nó, chết trong tù cải tạo một vùng đất xa xăm đâu tận ngoài Bắc. Đứa ba, con gái, mình hạc xương mai, du học ở Pháp rồi để cho thằng thực dân lạ hoắc lạ huơ ẵm đi chẳng một lời cáo phó "au revoir" để lại. Thằng út vượt biển, qua Canada phấn đấu thi đỗ làm bác sĩ, lấy vợ cùng đẳng cấp, mở phòng mạch hốt bạc, bảo lãnh ông Bảy qua và... và mặt lạnh như tiền, thuê cho ông Bảy căn hộ hẹp bé "Bố ở riêng cho được tự do". Chúng nó giáng một đòn quyết liệt, hạ thủ bất hoàn, ông Bảy nhìn tướng sĩ tượng tan tác, thành quách u sầu đành dong cờ trắng đầu hàng vô điều kiện. Đem con bỏ chợ, ông Bảy phải ngửa tay xin tiền trợ cấp xã hội. Gầm đầu xuống đất nhỏ ba giọt lệ, ngước mắt nhìn cao xanh mà cười lên ba tiếng. Bậc làm cha mẹ thường mang niềm vui tràn bờ khi con cái thành công ngoài trường đời. Đôi khi lỡ miệng dông dài về chúng thì người nghe chuyện chớ vội trách cứ là họ huênh hoang. Ông Bảy khác, ổng ngậm miệng hến, câm như thóc. Con mèo biết giấu cứt là ông Bảy. Ổng mồ côi trước cuộc đời. Người bạn già nói với ông bằng thứ triết lý mơ hồ của Tây: "Oh! C'est la vie!". Và cụ thể bằng tiếng Việt, giọng Nam

chơn chất: Anh Bảy theo tui, giỏi chân tới hội cao niên sinh hoạt dăm ba bữa. Biết đâu tìm gặp ở đẳng một niềm vui, dẫu bèo bọt.

Cuối cùng thì người đàn bà nhìn thấy khách. Tuy lớn tuổi nhưng lưng bà còn thẳng, dáng vẻ linh hoạt và cái đáng nói là son phấn tuồng như chưa hề bị phụ rẫy một lần trên gương mặt đang tươi cười kia. Bà mặc áo đen có đính những hạt cườm xanh đỏ trước ngực, quần tây màu mỡ gà là thẳng nếp. Trang phục tử tế như thể vị chủ tịch hội phụ nữ sắp sửa diễn thuyết về đề tài Hai Bà Trưng, giặc đến nhà sao bất đàn bà phải gồng mình uýnh lộn? Đàn ông trốn đi đâu?

- Chào anh. Anh vẫn khỏe?

Bạn ông Bảy gật đầu:

- Dạ, nhờ Trời. Chị cũng thường?

Người đàn bà ngó chăm vô mặt ông Bảy, ánh mắt đong đầy những nỗi niềm. Mày lá liễu nhíu, mắt lá răm sắc, sóng thu ba đo lường, lóng lánh tia nhìn tra vấn. Tội phạm mang tên Bảy cứng đờ người, tự hỏi thầm: Ta là ai? Và em là ai? Hy vọng giữa đôi ta chưa hề một lần sơ ngộ. Và như thế, mụ ấy không thể moi ra đống cứt ta từng cất giấu. Cái quá khứ đau thương ấy...

- Mấy anh ngồi chơi.

Bàn có rất nhiều ghế. Như thứ phô trương thanh thế, rằng cao niên rất đông hội viên. Tiếng kéo ghế không làm bận tâm hai tiên ông đang đắm mình vào bàn cờ gần tới hồi tàn cuộc.

- Thiệt đúng lúc, trà uống được rồi đây.

Người đàn bà bày chiếc khay ra giữa bàn. Mười ngón tay, ông Bảy đếm, có ba chiếc nhẫn tròng vào đó. Một vàng và hai kim cương. Vàng ảm đạm, kim cương thì lanh lợi chớp nháy hột nhỏ hột to. Đó là thứ chứng minh nhân dân, đóng mộc vào thân phận người đàn bà. Ông Bảy đón lấy tách trà từ tay người nhiều của. Đẳng cấp ấy quá cao xa. Tôi tên là Trần Trụi, ngoại hiệu Rớt Mồng Tơi. Ông Bảy cười:

- Cám ơn chị.

- Xin lỗi anh tên chi?

- Dạ, tên Bảy.

- Anh Bảy qua lâu mau?

- Dạ, cũng chưa được lâu. Coi như mới, thảy đều còn lạ nước lạ cái.

- Trà uống được không?

- Ngon. Dạ, cũng thơm...

- Tui nói có trời chứng giám, anh Lắm như người quân tử, nhân nghĩa lễ trí tín, đức độ đến là thế mà trời sao nỡ sớm bắt đi?

Một quân cờ giáng xuống bàn. Thảng thốt như tiếng nổ của một hòn đạn vừa rời nòng súng. Chết điếng.

- Trà này của người quen từ Toronto mang về phúng điếu. Sẵn đây e mình cũng nên ngậm ngùi ngồi yên tưởng niệm đến anh Lắm đôi ba giây. Chức vị anh Lắm hiện bỏ trống, tuần sau có cuộc bầu bán hội trưởng, anh Bảy nhớ đến chung vui. Có tiệc trà thân mật do chính tay quí chị em chúng tôi đảm trách. Chao! Đời sống này buồn quá, còn gặp nhau ngày nào thì nên vui mừng ngày đó. Tui nói thế liệu anh Bảy nghe có hợp nhĩ không?

- Dạ, chị nói đúng. Ở đời nên lấy cái tình làm trọng. Giàu có chớ khinh khi kẻ nghèo túng, ai cũng là phận di dân!

- Sao giọng điệu anh nghe hệt như anh Lắm? Cái phương ngữ ấy người Cộng Sản họ gọi là san bằng giai cấp, người chớ có bóc lột người. Chao! Mệt ngất ngư. Sang hèn chi rồi cũng châu về hiệp phố. Cát bụi cả! Bèo bọt ráo!

Ông Bảy bắt đầu thấy ê mình. Có thể lâu quá ông mới được dịp tiếp chuyện với người đồng hương. Như thiền giả ngồi diện bích trong thạch động đã lâu, nay bước chân xuống đời thuyết pháp dĩ nhiên phải trẹo quai hàm. Xe chạy đường dài, cháy bu-gi lột dên hư xú báp là chuyện thường hằng. Không lấy gì làm lạ!

Bạn ông Bảy ngồi nín khe chẳng góp lời. Tôn trọng ý kiến của đôi "trai gái" đang luận tới cái mong manh có trong cuộc sống. Đề tài ấy dẫu nói năm canh cũng chưa thể tàn cuộc. Và không cứ là già đầu, bọn trẻ cũng ưa phát ngôn linh tinh đến nó. Vì thế nghe hoài rất dễ ngấy. Chuyện tình yêu cũng xưa cũ không kém, vậy mà lạ lùng một điều, con này ăn nằm với thằng kia, gã nọ lén vợ đi chơi bời... dẫu nghe bất tận cũng còn nguyên dạng háo hức. Nó luôn rành rành hàng chữ sau đuôi: Xem sang hồi sau sẽ rõ. Hồi hộp khiếp!

Chuyện vãn đang nhạt dần, trà nước thảy đều nguội, ông Bảy chưa biết sắp xếp một câu kết luận phải phép để được rời đi thì lại có thêm một cụ ông hom hem bước vào. Nhân sinh thất thập cổ lai hy! Câu ấy láo. Hay lại nói trớ đi, nhờ bơ sữa của đế quốc nên mới thọ được thế? Cái ấy thậm nguỵ biện!

- Anh Bùi. - Người đàn bà reo lên. - Chứ chị ấy đâu?

Kẻ thọ hiếm hoi kia nói mà không nhìn một ai:

- Bà ta đang ở trên chùa làm việc thiện nguyện công quả. Chốn ấy tôi không thể đứng xớ rớ được lâu, lội bộ tới đây ngồi chờ cho được việc.

Ông tên Bùi nhấc hỏng một chiếc ghế nhựa, tìm chỗ khuất lấp ngồi hút thuốc. Nơi đó có giấu sẵn cái gạt tàn bằng nhôm. Nơi đó màu vách có vẻ ám tối, tựa hồ khói thuốc đã làm bức tường bị ung thư.

- Một ngày anh hút mấy điếu?

Người đàn bà hỏi khi mang tới cho ông Bùi tách trà.

- Gần một bao. Tôi ghét đếm số.

- Chẳng một ai ngăn cản?

- Gia đình tôi phật tử thuần thành, đâu ai làm chuyện ác đức thế!

Khói thuốc che mờ một phần gương mặt ông Bùi. Giọng ông ta chẳng hề pha chút giễu cợt. Ông nhấp chút nước, ướt bờ môi:

- Bà chưa nghe vợ tôi phân trần?

- Dạo này lu bu ít khi gặp nhau.

- Cuộc đời này tôi chỉ còn duy nhất một niềm kỳ vọng. Vợ tôi nói. Đó là một ngày kia được trông thấy ông từ bỏ thuốc lá. Như vậy thì nhân danh một người chồng tốt tôi vẫn phải tiếp tục hút, bởi tôi chẳng đành lòng cướp đi niềm kỳ vọng của bà ta. Sống mà không nuôi hy vọng. Giời ơi! Cuộc sống ấy nhạt tựa hồ mồm chẳng ngậm được điếu thuốc thơm.

- Tuần sau có cuộc họp. Anh Bùi nhớ đến.

- Nhớ. Trước đây ông hội trưởng có hút thuốc không nhỉ?

- Không. Tuyệt đối. Anh Lắm là người đạo đức gương mẫu đủ mọi mặt.

- Vậy mà hắn đã chết. Buồn thay! Người đàng hoàng đạo đức sống lâu, xưa nay hiếm! Tôi nói với vợ tôi trên đường đến chùa trưa nay: Hút thuốc có cái lợi, kẻ quen biết cạy mặt chẳng dám mời mình tới nhà. Đó là hạnh phúc số một. Số hai là mình suốt đời thong dong, chẳng ai bầu một đứa nghiện thuốc như tôi vào chức hội trưởng, kế toán, ngoại nội vụ hoặc thủ quỹ. Vậy thì xin cứ thõng tay vào chợ, lim dim khói thuốc ở bờ môi tịnh khẩu.

- Anh Bùi nói nửa đúng nửa sai.

Một tiên ông đứng lên. Bị chiếu bí, giận dỗi xóa hết dấu vết có trên bàn cờ. Không muốn nhìn lui tháng Tư đen, ông tiến lại chỗ ngồi ông Bùi.

- Đâu, thuốc đâu? Làm một điếu cho thơm râu.

- Thuốc đây. Cứ thoải mái. Tôi trót nói sai chỗ nào xin cụ chỉ giáo cho.

- Cốt lõi vấn đề nằm ở chỗ anh có ham chức hội trưởng hay không? Ngần ấy thôi. Chẳng cần lôi kéo xì ke ma túy vào cho rách việc. Sao, thích không? Bao bọn này một chầu phở thì tuần sau đổi đời làm hội trưởng một cách đường bệ.

- Không ngửi được. Quí vị bỏ tiền ra đút lót dụ dỗ tôi thế chân me-xừ Lắm thì họa may.

- Ngược đời! Phàm muốn có vai vế chức phận người ta phải giở trò lòn cúi tranh thủ hối lộ mua quan bán chức chớ. Thôi, sinh hoạt với nhau đã lâu chúng ta biết rõ lòng dạ nhau quá, mượn cái vị mặt mũi mới toanh này làm trọng tài một phen.

Mọi con mắt đều chú mục quang tới ông Bảy. Những con mắt đục bụi trần, duy đôi mắt bà ấy là long lanh. Tinh tường sáng lạng một cách đáng ngạc nhiên. Chẳng biết bà ta xỏ chỉ qua lỗ đít cây kim có dễ không? Ông Bảy gãi đầu:

- Tui biết nói năng chi?

- Kệ, cứ phát ngôn. Mình đang ở xứ tự do dân chủ. Người ngoại cuộc bao giờ cũng sáng mắt hơn.

- Ép dầu ép mỡ ai nỡ ép anh đây? Tên tuổi còn chưa tường nói chi tới ý kiến này nọ. Quí vị có ưa ăn phở thì chúng ta cùng kéo nhau đi. Tiền quỹ của hội sau khi mua vòng hoa phúng điếu anh Lắm còn đúng ba mươi tám đồng, dư sức qua cầu để chào đón anh Bảy ngày đầu đến với hội ta.

Mọi người chộn rộn hẳn lên. Đàn bà họ giỏi hơn đàn ông ở chỗ, biết gỡ rối tơ lòng, biết tháo chướng ngại, tìm ra con lộ hanh thông trong khi hoàn cảnh lâm vào chỗ ngỡ là tắc tị, dễ gây hận thù. Phở. Nó là cái quái gì mà nghe đi kéo ghế thì ai nấy mặt mày linh hoạt, có thần khí ngay. Duy ông Bùi vẫn bình chân như vại, khói dâng mù mờ, khoảng cách đâm xa.

- Sao thế?

- Tôi ngấy phở. Vả, bả về đây tìm không thấy lại sinh chuyện. Lại Nam mô di Phật.

- Xeo phôn đâu? Trình với bả một tiếng.

- Cái gì?

- Không có điện thoại di động, điện thoại cầm tay sao?

- Thứ ấy để bọn trẻ con nó nghịch phá đú đởn chòng ghẹo nhau. Ngần này tuổi ai lại đi ôm của nợ đó? Không thấy chướng tai gai mắt sao?

- Ông này lạc hậu! Ở Việt Nam người ta còn bán cả xeo phôn bằng giấy kia. Đời mới, mẫu mã đa dạng.

- Hiện đại nhỉ!

- Chứ sao. Đất như tôm tươi. Để đốt xuống dưới cho thân bằng quyến thuộc có phương tiện mà réo gọi nhau.

- Khiếp. Địa ngục tối tăm không thấy đường, mày mò sao lại bấm đúng số phôn của ông thì bỏ mẹ.

Ông Bùi cười lớn, tự tán thưởng lấy mình. Người kia thoa đầu tóc lưa thưa:

- Thua. Đấu cờ thua, đấu khẩu cũng thua. Điệu này phải ra tiệm phở gọi đúng một tô xe lửa để gỡ sĩ diện mới được.

Trừ ông Bùi, mọi người đều tới lấy áo khoác, móc trên dãy đinh đóng ngập vào vách. Những chiếc áo thay phiên rời đi, lộ ra toàn phần bức tranh màu nước đã phai nhạt màu. Ông Bảy nghiêng đầu ngắm. Chẳng hiểu tay họa sĩ phóng bút ra thứ cây gì? Một cụm lá rối đâm ngang dọc, tua tủa. Và tại sao người ta lại cố tình máng nó ở đó, hà hiếp nó một cách không khoan nhượng. Bạn ông Bảy giải thích:

- Vách tường ở đó bị thủng một lỗ khá lớn, dùng tấm tranh để che đậy là hợp lý nhất.

- Nó chẳng mấy đẹp phải không anh Bảy? - Người đàn bà góp lời. - Trúc

có đâu mà kỳ cục thế?

Bạn ông Bảy hỏi:

- Sao chị biết đó là cây trúc?

- Cố hội trưởng bảo thế. Chính anh Lắm mang nó tới chứ ai? Trúc, biểu tượng cho người quân tử.

- Vớ vẩn! - Ông Bùi bình phẩm. - Ngày xưa tôi đi học, thầy giáo kể chuyện có ông gì đi sứ sang Tàu, táy máy đưa tay rờ rịt vào bức tranh vẽ thật sống động bị người quyền thế họ mắng cho. Cả thẹn, chàng kia đành bào chữa: Trúc là quân tử cơ sao để cho chim chóc, hạng tiểu nhân bám đậu vào? Kẻ hèn này chỉ muốn xua đuổi chim bay đi... Thiệt là quê một cục! Mất mặt bầu cua. Cho hay người Việt mình thì ngu ngơ chậm lụt mãi từ đời ông Bành Tổ tới giờ. Mấy đứa cháu tôi bị bố mẹ chúng ép đi học tiếng nước nhà, ngày một ngày hai bèn cúp cua. Chớ cơ sự gì thế các cháu? Ông ơi, cô giáo dạy trước đây người Việt mình biết đẻ trứng. Một trăm cái lận. Chắc họ bắt chước trong phim Aliens. Stupid! Đi học mà nghe người lớn dối gạt, ông biểu chúng cháu phải làm sao? Tôi ngậm bồ hòn làm ngọt, xuội lơ làm đồng minh với bọn nhóc tì.

- Bậy thật! Có ai lại như ông? Chim có tổ người có lông...

Người đàn bà che miệng cười:

- Sao lại mang lông lá vào? Có ai no hair đâu? Chim có tổ người có tông. Xin anh nhớ cho.

- Ừ thì tông. Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh. Tóm tắt là phải cố đừng quên nguồn cội. Ăn phở cũng là cách tôn trọng gìn giữ văn hoá xứ ta. Chẳng ke cholesterol.

- Văn với hóa! Anh về Việt nam lần nào chưa?

- Chưa. Tại sao?

- Anh sẽ cảm thấy lạc lõng bởi chốn ấy không còn ai nói cùng thứ ngôn ngữ với anh. Tiếp thị, công đoạn, khuyến mãi, cường độ, sự cố, cự ly... Đầu anh khi ấy sẽ mọc lên cái ý nghĩ: Mình đang lạc bước tới một tiểu bang của Trung Quốc vĩ đại. Made in China, mua một món hàng sản xuất ở đó thì chả có gì phải phấn khởi hồ hởi cả. Buồn, buồn lắm!

Không một ai tiếp lời. Yên lặng vì ngao ngán, hoặc làm thinh vì nhận xét ấy quá xác đáng? Đó là phút giây mà ông Bảy hay biết tên người đàn bà: Trúc. Ông có vẻ chịu đèn, ông luôn đi cạnh bà. Ông mở cửa cho mọi người thong dong cùng bước ra. Ngoài đường chẳng có nắng, gió thênh thang lùa ngang bãi đậu xe trống, mang hàn khí tới, xua đuổi mùi nồng của hóa chất từ tiệm hớt tóc thường trực bủa vây.

2.

Lên thiên đường hay xuống địa ngục. Điều ấy chẳng có nghĩa lý gì để mang ra hù dọa kẻ còn sống. Chết, trước tiên đó là một sự thiệt thòi. Khiếm diện, mất dấu và những người thân quen đón nhận sự bất thường khi ý thức rằng mỗi ngày họ hao hụt mãi những liên hệ quanh mình, thưa vắng dần mọi dây mơ rễ má. Ông Bảy đứng cúi đầu trước chân dung người bạn, ngoại cảnh ủ dột không cướp đi được cái ý nghĩ mà ông vừa suy tưởng. Ông như đứng dưới một cây phong vào cuối mùa Thu. Lá vàng vốn ít, giờ chỉ còn lưa thưa trên cành một hai chiếc đong đưa như tay vẫy gọi. Ông Bảy nhìn tấm ảnh chụp ăn gian, đóng khung gương mặt kẻ trung niên đầy khắc khổ. Gương mặt ấy như nói thầm, moa vốn không mấy vui từ hồi còn sung, giờ này moa đi và moa hài lòng được ngồi trên chuyến tàu suốt. Trong gia đình, con cháu tề tựu đông đủ. Họ chẳng lộ vẻ đau đớn. Nói hạnh phúc thì dường như hơi hàm oan, nhưng họ toại nguyện vì người nằm trong áo quan đã lên đường với tất cả sự êm thấm. Ông ăn cơm chiều xong, ông tháo răng giả ngâm vào ly nước, ông tắm táp, ông thay bộ đồ ngủ sạch sẽ, ông xem DVD cuốn phim "Xuân, Hạ, Thu, Đông... và Xuân" của Nam Hàn và trên chiếc ghế nệm ấm áp ông đã làm một giấc thiên thu. Nhiều người khi nghe kể lại đã ước ao, đến phiên mình, Trời gọi cũng xin chắp tay đi hầu ngài với cái cách thức "yên hàn vô sự" ấy. Đừng vật vã đau đớn, đừng dây dưa lâu dài với cuộc đời mà mình luôn bất bình này. Rũ bỏ nợ nần hệ lụy, dứt khoát phủi tay tan biến vào chốn khôn cùng. Đó là niềm kỳ vọng sau rốt của một kiếp người.

Ông Bảy thắp hương, ông hơi buồn vì nhìn quanh không phát hiện ra một gương mặt nào từng sinh hoạt ở Hội Cao Niên. Họ chẳng đến phúng điếu như thể họ sợ hãi vong linh người vừa khuất mặt sẽ nắm tay họ ra đi cho có bạn đường. Ông Bảy nói đôi ba lời khuôn sáo cho phải phép với những người chít khăn tang rồi lặng lẽ rời khỏi nhà quàn. Ông sẽ chết và ai là người đứng ra lo hậu sự? Cái dấu hỏi đó đè nặng vào lòng ông Bảy, để rồi không toan tính, ông đón xe buýt và giật chuông xuống trạm dừng gần nhà người đàn bà tên Trúc.

Cửa mở không lâu sau hồi chuông đầu. Người đàn bà hiện ra với tất cả sự rạng rỡ nơi trang phục, nơi cách trang điểm, nơi mặt hoa da phấn. Dường như bà ấy sẽ đi ra ngoài, đi tới phường hoa đô hội chứ không đi thăm người chết. Sắc màu diêm dúa đó dành cho một cuộc tiệc tùng có hát karaoke. Màu đen, trắng, xám tuyệt không hiện hữu trên người Trúc. Một chút nước hoa phảng phất, nồng đậm tựa bùa mê thuốc lú.

Cửa đóng. Căn hộ dâng tràn sự tịch mịch thân thuộc. Lặng lờ tới độ nghe được cả tiếng đập từ hai trái tim.

- Em đi đâu?

- Không. Em linh cảm là anh sẽ đến. Em có nấu nồi cháo gà nhưng để

khuya mới thưởng thức. Giờ thì anh uống trà hay cà phê?

Ông Bảy cởi giày. Ông rất ghét chuyện ấy. Đi thăm nhau mà chẳng khác phải dâng tấu bẩm báo oan ức với quan to. Công đường đã có quy củ, cũng được đi, nhưng hà cớ gì thuê ấp ở tạm mà cũng chộn rộn bắt chước chuyện cong lưng cúi mình gỡ dây tháo giày? Đời là bể khổ! Phải vậy chăng? Đã biết khổ, sao không giải tỏa bớt đi những rắc rối kiểu này, hở em yêu dấu!

- Cà phê đau tim, trà thì mất ngủ. Anh không uống.

- Hôm nay ai đã làm cho anh buồn bực để đâm dỗi hờn?

- Sao em không tới thắp cho lũy một cây hương?

- Em có nỗi khổ tâm.

Người đàn bà quay lưng. Khổ tâm của ông Bảy là phải đối mặt với những câu hỏi: Vợ anh đâu? Anh có mấy đứa con? Chúng làm gì? Chúng ở đâu? Sao anh một mình bơ vơ ở xứ lạ? Ngàn lẻ một thứ cắc cớ. Vì vậy chưa bao giờ ông Bảy đặt ra những câu hỏi tựa thế cho bất kỳ một ai. Ông chỉ quan tâm tới hiện tiền, quá khứ là cánh cửa vừa đóng sập sau lưng. Mở nó ra làm gì? Nó bày biện cả một trời bất hạnh. Ông Bảy đi theo sau lưng người đàn bà. Đôi vớ ông mang như chẳng bám được vào nền gỗ. Ông không thấy thăng bằng. Nếu té, ông sẽ bổ nhào tới ôm lấy tấm lưng tròn trịa kia. Cái nịt vú, cái lưng quần, chia đều những ngấn thịt. Tựa hồ ai kia đã gói cột đòn bánh tét một cách vụng về. Tết sắp đến, ông Bảy nhớ là đã quá lâu ông chưa hề ăn lại thứ bánh nếp nhân thịt mỡ và đậu xanh đãi vỏ kia. Ông thích cắt từng lát mỏng, chiên trong chảo dầu. Để lửa nhỏ, riu riu, thong thả trở mặt, dục tốc bất đạt. Vàng ươm, dòn rụm. Chấm chút nước mắm ớt... Ông nuốt nước miếng.

- Hay anh uống bia?

- Ừ. Trời trở, làm đại một chai cho ấm người.

Người đàn bà mở tủ lạnh. Trong đó có vẻ trống trải, ngọn đèn nhỏ ẩn mình ở góc kẹt vì thế mà dường như sáng quắc. Đầu chỗ ông Bảy cũng vậy. Không mấy khi đèn đuốc tối tăm vì bị lu hũ thịt thà rau quả che choán. Nó sáng, vì chủ nó độc thân. Chủ nó già, chủ nó chẳng thiết tha miếng ăn. Lai rai ba sợi cũng phải có bạn hiền. Mình ên nuốt hổng trôi.

Ông Bảy ngồi xuống ghế. Chiếc bàn ăn nhỏ, bồn rửa chén, lò điện rồi tới tủ lạnh. Ông thấy cánh cửa phòng ngủ mở rộng. Tờ lịch lớn treo trên vách in hình tài tử Trung Quốc (hay Hồng Kông?) Thập diện mai phục hay Vô gian đạo? Cầm gươm hay nắm súng? Chiếc giường trải ra phẳng phiu, gối vun đầy chẳng có dấu tích người nằm để hằn xuống vết trũng. Khuê phòng hay lãnh cung?

- Khi nào đói thì cứ cho em biết. Cháo gà dễ ăn, chẳng nặng bụng.

Ông Bảy đón lấy chai bia. Ông vặn nắp và thấy không khó như ông nghĩ.

- *Khuya nay em cắt cổ con gà vàng, để chi mai nó gáy hai đàng biệt ly*!

- Trời! Xịn quá ta. Anh Bảy cũng biết sáng tác thi phú nữa sao? Nghe mà rụng rời!

- Thi phú gì? Tối tác gì? Cái đó gọi là văn chương truyền khẩu. Tại em nấu cháo gà. Tại mới đó mà người kia đã lặng lẽ biệt ly.

Người đàn bà lộ vẻ buồn. Ngồi xuống ghế đối diện ông Bảy, tay chống cằm, nhìn mông lung. Tia mắt xa vắng, không thu nhận vật thể. Ngó là ngó rứa thôi. Giây phút yên lặng như mặc niệm trôi qua. Người đàn bà nói ơ hờ:

- Con gà nằm trong nồi kia là gà thả.

- Em bảo sao?

- Không phải gà công nghiệp hằng hà sa số lúc nhúc đứng chen vai thích cánh trong chuồng.

- Gà đi bộ thong thả? Chắc thịt ngon hơn? Xưa kia, mình cũng có một thời được thả, giờ thì thịt thà bở rệu, nhão nhẹt, ngó mất ham. Mình cũng đang nằm trong nồi, đúng không? Hiểu ở một nghĩa nào đó.

- Ý anh muốn nói: Sống đây mà như chết rồi?

- Ừ. Buồn vô hậu phải không Trúc?

- Em không nghĩ vậy. Chắc tại anh vừa đi gặp mặt người chết, trong đầu còn đọng lại hình ảnh thê lương.

Ông Bảy uống hết chai bia. Có thể bà ấy nói đúng. Như mũi ông, đã yên vị chốn này rồi mà sao vẫn còn ngửi ra mùi khói hương? Trầm uất và tử khí. Lý ra phải hít được thịt da nồng nàn của chị gà mái đang trầm mình trong những hạt gạo mềm nhừ. Lý ra phải say hương hoa nhẹ tỏa từ cơ thể người nấu cháo gà kia.

- Đó là cái tâm lý bình thường, như em từng gặp phải hôm đưa đám anh Lắm. Em đã rầu đời, hiu hắt cả tuần lễ sau đó.

- Lắm? Tay đó ra sao mà trong mọi câu chuyện em thường để gã chen vào?

- Đó là người có cảm tình sâu đậm với em. Những đứa con của ảnh cũng đồng tình xúi dục: Ba hãy đến với dì Trúc cho đời có chút màu hồng. Lắm, là người đàn ông từng mang lại cho em ít nhiều thi vị, dìu em bước ra khỏi niềm cô quạnh luôn vây bọc. Lắm, anh ấy từng ngồi trên cái ghế mà anh đang ngồi. Cái tên cũng lạ. Nhiều lắm, khổ lắm, sướng lắm, chán lắm, vui lắm. Anh thấy không? Đói lắm, no lắm, mệt lắm. Gì cũng lắm!

- Anh có điểm nào giống Lắm không?

- Lần đầu nhìn thấy anh ở Hội Cao Niên em đã thót tim. Mái tóc, vầng trán, cái sống mũi... Em nhủ thầm, trời đất ơi, có phải hoàng thiên đã rộng lòng làm luật bù trừ cho em. Một kẻ ra đi không lâu liền có người khác hiện hữu, lò dò dẫn xác tới.

- Cho anh thêm chai bia.

- Không. Anh không có quyền uống nhiều như thế. Em ghét người say.

- Anh vốn đang say. Những người từng sinh hoạt đằng Hội Cao Niên nói chùng vụng rằng chính em góp phần mang tới cái chết cho ông hội trưởng Lắm.

- Anh tin không?

- Chuyện ruồi bu. Hơi đâu anh phải để ý tới ba cái vớ vẩn nọ?

- Em có nốt ruồi mọc ở chỗ kín. Sách vở của thuật bói toán phán rằng, nếu quý bà nào được vậy thì sanh con toàn cả quý tử, gia đạo an vui, chồng mê mệt không cách gì ham của lạ, tơ tưởng chuyện mèo mả gà đồng. Kết quả là gì? Một con số không. Láo, đặt điều cả!

- Chắc là tay Lắm từng nhìn rõ hạt nốt ruồi vô giá kia?

- Thấy chưa? Em chúa ghét người say. Bia đang nói, có phải không?

Ông Bảy nhìn vào phòng ngủ. Ông ngó tấm lịch.

- Chắc là em biết Lý Tiểu Long? Cái chết của Bruce Lee mờ ám tới độ có dạo báo chí Hồng Kông ngờ rằng ổng bị thượng mã phong.

- Thượng mã phong là sao? Gió trên lưng ngựa? Hề hấn gì với kẻ từng tu luyện kung-fu?

- Nói gì thì nói, anh vẫn thấy đó là cái chết đẹp đẽ nhất. Người quân tử chê bai, đồ hạng phàm phu tục tử phơi thây trên bụng đàn bà. Nhạc sến thì hát hỏng, đi không trọn đường tình. Chết ở cái thời điểm không nên chết.

- Đúng quá chứ còn gì nữa. Xin anh hãy nghĩ tới kẻ bên dưới một chút. Họ sẽ đau đớn và sợ hãi biết dường nào khi mở mắt chứng kiến kẻ yêu mình đang tắt thở. Mới năng nổ lao động đó, mới loay hoay như gà mắc đẻ đó, vậy mà biến đổi ngay thành một tử thi, da thịt lạnh lẽo. Khiếp!

- Anh không hớt tóc húi cua. Anh nuôi tóc, dù đã bạc đầu.

- Chi vậy?

- Để cho em dễ nắm, em sẽ giật rụng hai bên mai và khi đó hồn anh không thể du địa phủ. Ba hồn chín vía sẽ lộn lui làm anh lai tỉnh. Người ơi, tui vẫn đi trọn đường tình.

- Dịch vật. Già không nên nết!

Người đàn bà phán. Và ông Bảy phải hiểu ra "không nên nết" là một đức tính đáng tưởng thưởng, cần tuyên dương. Người ta chẳng thể sống mãi được với những điều răn. Đạo đức sẽ làm họ biến dạng thành một con gà nuốt dây thun. Viện cớ nhức đầu vì bia, ông Bảy xin được ngả tấm lưng xuống tấm nệm gợi mời kia.

A. Ông sẽ thiếp một giấc ngon.

B. Ông sẽ thao láo con mắt nằm đợi một điều gì đó tới trong len lén, ngần ngại, rụt rè.

C. Ông sẽ vùng dậy đòi ăn cháo gà rồi mặc áo mão mang hia xăm xăm

trở về chỗ thường trú trong đêm vắng.

Trong ba giả thiết, điều B có vẻ gần gũi với sự thật.

Không mấy lâu, ông nghe được bước chân đi lại gần. Ngọn đèn vàng ngoài bếp thu hẹp dần nguồn sáng bởi cánh cửa vừa nhẹ khép. Chẳng đóng kín, vì bóng tối sẽ làm người ta vấp ngã, sẽ làm khó đôi mắt. Nhờ nhợ, đủ để ông Bảy nhìn ra cốc nước óc ách, sóng sánh, xô động trong tay cầm của người đàn bà.

- Uống cái này đi.

- Anh đã nốc hết chai bia. Chưa giải thủy, sao lại bắt dộng thêm thứ này vào?

Hai tay đều bận bịu. Lòng bàn tay trái mở ra, chìa tới cho ông Bảy thấy một viên thuốc.

- Đừng nói nhiều. Ngồi dậy. Nghe lời em đi.

- Để anh nhớ lại, bao lâu rồi anh mới hưởng được phút giây sung sướng này. Săn sóc, thăm hỏi, ân cần, quan hoài tới cái mạng già này. Đó là những thứ đã li dị anh gần nửa đời người.

Không lấy thuốc vội, ông Bảy vuốt ve bàn tay người đàn bà. Da ở đó chưa nhăn nhàu, còn tươi mát; nhưng với kiến thức căn bản, người đàn ông tên Bảy hiểu Trúc đã qua thời kỳ mãn kinh. Có nghĩa là dẫu ở chỗ kín mọc lên hàng trăm nốt ruồi quý tướng Trúc cũng không thể đẻ đái ra hoàng tử công chúa. Cái giếng nước mát ngọt kia đã bốc hơi, đã khô ráo. Nhắm mắt ném xuống một đồng tiền với lời khẩn cầu trong thành tâm cũng hun hút chẳng nghe tiếng hồi âm vọng dội.

- Thuốc gì đây hả em?

Nghe hỏi, bàn tay chợt nắm lại, giữ chặt lấy viên thuốc.

- Sao bảo là nhức đầu? Thực ra thì anh muốn uống thứ gì?

- Anh không biết gọi tên. Thứ mà anh Lắm uống mỗi khi gần em.

- Đồ dê chúa. Sức mọn đừng vác nặng. Đã nghe câu tục ngữ ấy chưa?

- Câu đó dài sao em nỡ cắt ra phân nửa. Phần sau là: Lời nhẹ chớ khuyên người! Anh là đầu con vịt, em chớ hoài công đổ nước lên, chẳng thấm đâu.

- Cầm ly nước đi, ông thánh. Để em đi lấy thuốc hầu ngài.

Ông Bảy đặt ly nước trên table de nuit. Rũ mền phủ đắp toàn thân, trăn trở vặn vẹo cho xương cốt được thư giãn. Tấm nệm dưới lưng reo vui nhún nhảy, có vẻ hớn hở. Đằng chỗ ông Bảy thì khác. Nệm cứng, mua garage sale và hầu như nó luôn thù tiếp ông bằng sự lạnh lẽo cố hữu. Tự thân nó, xông lên thứ mùi khó giải thích chứ chẳng được thơm tho tinh khiết như ở đây. Nói chung, những thứ có mặt trong ấp này đều đáng yêu cả. Sự cố này người Việt gọi là hàng độc, siêu xịn, đồ hiệu, khó đụng hàng, rất ấn tượng ở đời thường.

- Hên cho anh, chỉ sót lại đúng một viên.

...

- Sao không chiêu một ngụm nước. Ăn tươi nuốt sống vậy sao?

- Uống nước sẽ làm loãng thuốc đi.

- Kỳ cục!

- Nằm xuống đây bồ tèo, trong mền ấm lắm.

- Ai lại không biết điều đó. Trong chăn có rận không?

- Hình như có. Anh ngứa ngáy lắm.

- Để em đi kiểm tra cửa nẻo bếp núc điện nước lần cuối.

Ông Bảy nghe tiếng lục đục phát ra từ phòng vệ sinh. Tiếng nước chảy, tiếng dội cầu. Robinet mở, vòi nước khóa kẽo kẹt. Đèn đóm tắt ngúm. Cuối cùng là mùi thơm, như hoa dạ lý nở bông thật gần.

- Đã nghe rục rịch gì chưa?

- Mau vậy sao?

- Để em đốt một cây hương.

- Chi vậy? Tưởng niệm anh Lắm à?

- Đừng ăn mắm ăn muối nói quàng nói xiên. Để đo thời khắc. Sau này lỡ có truyền đạt kinh nghiệm cho ai thì anh có chứng cớ. Ừ, hương cháy đâu khoảng một phần ba thì tui biến thành cha già dịch ngay.

- Trúc à, sao anh thấy em nói câu nào ra cũng mặn mà đáng yêu hết á. Láo chết.

- Mà ít ra thì anh cũng nên vận động trí óc một phần, chớ có ỉ lại giao mạng cho thuốc thang.

- Phát huy sáng kiến nữa sao?

- Hãy nghĩ tới một cái gì đó. Cái mà anh thiếu thốn đã lâu, cái mà anh thèm khát.

- Lỡ anh là bợm nhậu, trí óc anh hiện ra một két bia thì hỏng việc.

- Lúc nào cũng cắc cớ. Không chừng về khoản này anh dám thua kém anh Lắm.

- Được lắm. Đàn ông rất dễ tự ái. Em cứ chọc giận thì anh sẽ sung ngay.

- Hy vọng thế. Sung chớ đừng nổi sùng. Em chúa ghét hạng đàn ông cộc cằn lỗ mãng.

- Mình biết tánh tình nhau quá mà. Nằm xuống đây đi Trúc, thứ cây biểu tượng cho người quân tử, để anh chỉ cho em xem cái vật tượng trưng hạng tiểu nhân.

Đêm đó, ông Bảy ăn hết hai bát cháo gà. Uống hết hai chai Bud ướp lạnh. Người ông nóng, và lạ lùng thay ông đủ sức dắt bà Trúc đi qua hai lần cửa, cảnh giới ở đó thật khác thường, lung linh rạng ngời, làm người ta phải nhắm mắt lại mà rên xiết trong sướng sung. Nửa đêm về sáng, ông Bảy đi đái với đôi chân run. Ông rảy cho khô vòi nước mềm oặt và ông nói với cái mặt

già đọng trong gương soi: Ủa, mày chưa chết sao?

3.

Trung tâm thẩm-mỹ-hớt-sấy-gội-nhuộm-chuyên-trị-làm-nail ngày mỗi phát đạt. Láng giềng nó là tiệm bán bánh-mì-thịt-nguội-nem-giò-chả-đủ-loại-chè vì thế cũng đông bạn hàng, người vào kẻ ra ăn tại chỗ hoặc gói mang về. Khó kiểm tra lượng khách ở tiệm bán bánh mì, nhưng chỗ hớt tóc thì dễ nhìn thấy qua chứng tích để lại trên nền gạch hoa. Tóc vụn quét tém vào góc, cao một cách khó chịu, ngứa ngáy mắt nhìn. Khách vào tiệm đa phần là đàn bà con gái, dung nhan có điều gì tiềm ẩn làm bạn phải hoài nghi chuyện thật giả. Nếu bạn là phóng viên cho một tờ báo lá cải rẻ tiền, bạn chịu khó căng lỗ tai ngồi đấy khoảng một giờ, màng nhĩ bạn đầy ắp những lượng thông tin rùng rợn, chuyện dài của khúc ruột ngàn dặm. Trong tiệm có đặt mua hai tờ tuần báo, tiếng nói địa phương, cho khách khứa đọc lai rai khi ngồi chờ tới phiên. Tiếc thay, cả hai đều là báo chợ, quảng cáo chiếm hai phần ba số trang, cầm bẩn cả tay. Nếu bạn khó tính, bạn sẽ đánh giá thấp những kẻ mó tới món ăn tinh thần nọ. Nếu bạn dễ dãi, đợi hớt tóc ngoáy tai lấy ráy, buồn tay vớ nó lên xem thì mất bạn sẽ vấp phải kết bạn bốn phương, hỏi đáp chuyện trở ngại phòng the, tử vi trọn tuần, tin về tài tử điện ảnh, truyện ma và túi bụi lùng bùng chuyện dài hình sự ở quê nhà. Gái điếm, thôn nữ đăng ký lấy chồng ngoại bất kể tật nguyền bệnh tật. Ma túy, thuốc lắc. Con đâm cha, mẹ đổ cường toan vào mặt con. Bố ghen tuông đốt lửa người tình. Dâu ngủ với cha chồng, đồng sàng đồng mộng... Nhân Danh Cha, Thánh Thần... Amen. Hết thuốc chữa! Nhức đầu choáng váng thì chỉ còn biết đọc các ô quảng cáo bán nhà bán xe cần người giữ trẻ sang gấp cửa tiệm... Có hàng chữ nhấn tin đăng ở góc khiêm nhường: "Tìm cô Nguyễn Thị Hoa Lài, con ông Nguyễn Văn Bảy. Trước 75 sang Pháp du học. Nay ở đâu xin liên lạc gấp để biết tin cha đang đau nặng. Quý vị đồng hương ai hay biết cô Lài xin viết thư hoặc điện thoại mách bảo cho bà Trúc. Số sau đây... Thành thật cám ơn."

Bà Trúc nào vậy cà? Thắc mắc hả? Thử hỏi bà chủ tiệm một phen. Đấy, bà nhuộm tóc đỏ mặc quần bò ấy. Quần bò là quần gì? Cái ông này. Đồ dở hơi! Ba mươi giây sau, bà chủ xẹt tới. Jean Versace bó lấy cái mông luôn khiêu khích vật vã mỗi khi uốn lượn đi kiểu mình xà: Bà Trúc trước đây thường đến sinh hoạt với Hội Cao Niên. Thực sự thì bà còn trẻ, năm hai tuổi là cùng. Em biết bà ấy vì cùng gặp ở chỗ giải phẫu sắc đẹp. Nghe giang hồ đồn, ông nào ăn nằm chung đụng với bà ta đều chung số phận từ chết tới bị thương. Hội Cao Niên thì giải tán rồi, nhường chỗ cho tiệm bán bánh mì thịt nguội. Buôn bán phải hỗ tương cho nhau, trước đây kể cận toàn ông già bà cả

NGUYỄN NAM AN

đêm nghe mưa thức giấc

Một lần thức dậy nửa đêm
Nghe mưa dột biết đời thêm một điều
Một lần thức dậy ít nhiều
Nửa đêm mưa dột một điều muốn thêm
Lâu rồi em cứ hay quên
Trời mưa ướt áo ướt thêm một điều

27 tháng 10, 04

chán bỏ mẹ, chẳng thu hoạch được gì! Thôi, giả tiền cho em đi chứ. Vừa hớt vừa sấy tổng cộng hai mươi nhăm đô. Khẩn trương lên!

Khách đi ra. Bất ngờ trời giáng cho trận mưa rầm rộ. Nghe ngói, dầm dề. Chưa chiều mà màu sắc u ám trông nẫu cả người. Ở Canada, thống kê rõ ràng là cứ đến mùa này số tử vong tăng lên rất cao. Cho hay đất trời và thời tiết ngoại cảnh ảnh hưởng lớn lao đến số phận một kiếp người.

Ông Bảy nhập viện đúng mười ngày. Ông nằm hấp hối trên giường bệnh đã hai hôm. Trúc không vào thăm đã bốn tám tiếng đồng hồ, lâu thật lâu có bà y tá dáng dấp đẫy đà chậm chạp vén màn nghiêng đầu vào ngó chừng. Không nhìn mặt ông, chỉ trông lên những con số xanh đỏ hiện ra trên máy nhiều dây nhợ chằng chịt. Tấm màn vải rung động và bà y tá biến mất như một con ma. Yên ả tựa một nhà mồ. Nếu chết, ông Bảy chẳng có điều gì trối trăn, gửi lại nhân gian. Nếu Trúc vào, ông sẽ thì thầm bên tai Trúc: Ở đây vắng vẻ không ai, anh ước nguyện chỉ một điều, vạch quần xuống chỉ cho anh trông rõ hạt nốt ruồi quý báu của em. Anh sẽ cất giữ hình ảnh đó ở võng mô, mắt anh sẽ nhắm và trước khi qua cầu húp cháo lú anh sẽ hét thật to ở bến sông Mê: Anh yêu em.

Mưa mãi không tạnh. Khi taxi đổ bà Trúc xuống trước thềm bệnh viện trung ương Montréal, ngước mặt dòm trời, tuyết mỏng bay vần vũ lạnh căm.■

Đáy năm 04

NGÔ NGUYÊN DŨNG

điệu trầm xuân

mưa ta rơi mãi trong vườn tối
hạt tóc cài hương lãng đãng rơi
từ biên khuất lệ chìm nửa mặt
mùa qua từ thuở bặt tăm hơi

hỏi thăm nơi ấy cồn hoa tím
đường dạo đêm trăng soải tiếng kêu
xa xăm bóng cũ phai sắc biếc
vai nặng hành quan tống biệt thôi

chia nhau mấy thuở còn chút lệ
còi sương hú lạnh sót âm vang
đi không ngoảnh lại nhìn thưa thớt
lá muộn màng rơi nhánh thu sang

khi không lạ mất âm u gió
thảng thốt điệu trầm nát thanh xuân
sông rung ngấn nước sầu mấy cõi
cây rừng xa lạ dấu tay buông

(10.2004)

hoa thủy tiên trong đêm 30 tết bussum zuid

VĂN CẦM HẢI

Ngày 30 Tết rơi nhẹ tênh qua trời Bắc Âu. Nằm trên lá vàng khô, dưới bóng cây phong xanh thẫm, tôi nhìn đám mây trôi dạt mùi khói hương từ bên kia biển Đông thổi về Bussum Zuid. Tôi nằm im như một dòng rượu say len lỏi qua dưới những bụi hoa fositia khoác vàng thân cây, nhìn xa ngỡ như mai vàng Việt Nam.

Chiều nay, lớp học mở tiệc chào mừng các giáo sư từ Thụy Sỹ và Mỹ sang giảng dạy. Rượu chảy tràn môi. Người ta uống để mừng khách mới. Mình tôi, chỉ mình tôi uống để tiễn đưa năm cũ và đón mình về phía tương lai phiêu du. Ngoài 14,000 người Việt trên đất nước Hà Lan còn có bao nhiêu triệu người Việt khác cùng lẻ loi như tôi nơi xứ người xa vắng tổ tiên trong ngày hết tết đến. Quê nhà nghèo khó hiện ra trước mắt. Những tháng năm rơm rạ hun khói lồng ngực đến nghẹt thở. Những ly rượu nhác bóng tàn hương muối tiêu tóc Cha trước bàn thờ tổ tiên. Nước Việt bên kia có lệch đi đôi chút bởi vắng bóng những đứa con tha hương khắp nẻo đường thế giới! Đêm xuống, tôi vùi mình trong chăn tự thưởng cho mình một mâm cỗ tưởng tượng cho đến khi nghe tiếng chuông điện thoại reo bất ngờ.

- Xin lỗi anh có phải là người Việt không - Như nhành mưa lạc qua không gian, một giọng phụ nữ sông Lam chào tôi - Nếu anh không phiền, xin được gặp anh ở reception.

Tôi vội vàng, từng bước chân ngạc nhiên ra phòng lễ tân. Một thiếu nữ chừng 30 tuổi ngồi sau ánh nến. Bàn tay trắng xanh như cõi nào mọc lên mặt bàn nâu.

- Xin lỗi anh vì cuộc gặp đường đột này! - Thiếu nữ đứng dậy - Tôi ở Naaden Bussum. Tôi nhìn thấy anh cùng mấy người bạn vào những buổi sáng chờ xe bus. Tôi nghĩ anh là người Việt. Và tôi đến gặp anh. Anh biết không đêm nay là đêm 30 Tết.

- Tôi đang dầm mình trong rượu vì nhớ nhà. Chắc chị cũng vậy?

Thiếu nữ im lặng gật đầu và đột nhiên mời tôi đi dạo! Đêm 30 Tết xa quê, không dưng lại có một người thiếu nữ Việt Nam tìm đến mời đi dạo có khác gì có người mở lối lên thiên đường.

Con đường Naarden Bussum hiu hắt ánh đèn vàng. Rừng cây phía sau khách sạn im lìm. Tuyết khuya nhẹ bay, bước chân của chúng tôi lác đác rơi trên mặt đất chen đầy bóng hoa. Hoa narccise - thủy tiên trắng, hoa vàng jonquie, hoa ling tím từng hạt cườm con trẻ mọc dại bên nhau như một bản giao hưởng man mác cỏ đêm. Người thiếu nữ mở xách và tôi thật bất ngờ khi nhìn thấy trên tay chị là một que hương! Trời ơi! Giữa đường phố vắng ở một nơi cách quê nhà gần nửa vòng trái đất này, tôi lại được nhìn thấy hương đêm 30. Thêm cây hương, chúng tôi như có thêm một người lập lòe dẫn đường giữa đêm 30 Tết Bussum Zuid, như thời ở Huế, đêm rằm hay đêm 30 cuối tháng, thi thoảng chơi khuya về, lần theo nén hương đỏ và những gói hoa dạ lan cúng cô hồn ở đầu đường góc chợ, tôi thấy mình chen lấn hồn hoang lấng miếu trùng vây.

Bỗng nhiên tôi thấy mình và người phụ nữ chưa hề quen biết là những bóng ma, là những hạt máu màu nhiệm phơ phất đời nhau bước ra từ dòng văn tế thập loại chúng sinh. May nhờ những giọt rượu, tôi còn nhận ra mình là một trần gian. Người thiếu nữ cũng uống, không cần ly chén, chiếc cổ cao hé lên vành áo khoác hứng gọn một dòng rượu hòa tan vào những dòng gân xanh mờ chảy qua làn da mảnh. Chúng tôi ngồi trên thảm hoa đêm trước que hương đang cháy dần về đất. Giữa không gian bao la này, có linh hồn nào trong dòng họ của chúng tôi lặn lội vượt qua muôn trùng xa cách để tận hưởng lòng thành hay biết đâu có vài ba linh hồn Việt nào đó trên đất khách này sẽ ấm lòng khi bắt gặp que hương của chúng tôi. Còn phía bên kia vườn nghĩa địa, đêm nay những linh hồn Bắc Âu ấy chắc đã ngủ say. Với họ năm mới đã qua hơn một tháng dương lịch rồi. Chúng tôi ngồi với nhau khuya khoắt cho đến khi trong mắt tôi cuộc đời người thiếu nữ mờ ảo hiện ra.

Thủy Tiên sinh ra và lớn lên ở Nghi Xuân, vùng đất nổi danh với tên tuổi Nguyễn Du. Lúa Xuân Viên, Quan Tiên Điền, Tiền Hội Thống là câu ca về Nghi Xuân tôi còn nhớ khi làm phim về Nguyễn Du năm nào. Và bây giờ, trong đêm 30 này tôi lại gặp một người con gái quê hương Nguyễn Du "bên trời góc bể bơ vơ, tấm thân gột rửa bao giờ cho phai". Thủy Tiên được người anh bảo lãnh sang Hà Lan hơn 5 năm về trước. Sau khi lấy chồng, một viên chức bưu điện người Hà Lan, Thủy Tiên trở thành thần dân của nữ hoàng Hà Lan nhưng không vì thế mà trong dòng máu của người phụ nữ loãng quên mùi đất Hồng Lĩnh.

- Chồng tôi rất yêu tôi. Trong trái tim anh ấy, tôi là một bà hoàng Phương

Đông - Thủy Tiên tâm tình - Hiếm thấy một ông Tây nào yêu vợ như vậy anh ạ. Nhưng dù vậy, chúng tôi vẫn có những khác biệt trong cách sống. Có lẽ bùn đất và nước mặn quê làng đã ngấm tận xương tận tủy rồi nên khó tẩy rửa trong tôi. Hơn 5 năm qua, ngày Tết Dương Lịch anh ấy vui cùng bè bạn còn tôi lại dửng dưng, có chia vui cũng là việc buộc phải làm và ngược lại mỗi khi Tết Âm Lịch đến, anh ấy lại qua loa vài câu chúc mừng còn tôi lại xao xuyến không nguôi - Nhìn nén hương tàn, Thủy Tiên xúc động - Ngày tôi ra đi, tôi hứa với Cha tôi, với người yêu của tôi rằng khi nào tôi thắp hết 5 que hương mà tôi mang theo khi đến Hà Lan tôi sẽ trở về. 5 que hương nghĩa là 5 cái Tết xa nhà tôi nhưng nhớ về nơi mình sinh ra và lớn lên. Nó là que hương cuối cùng cho một lời hứa lỡ làng.

Tôi thấy mình như vách đá vang động những dư âm do Thủy Tiên rỉ rả chạm đục trong đêm. Ngày về Nghi Xuân, tôi có một người bạn gái cháu của Nguyễn Du. Dưới gốc cây muỗm xanh trong vườn lưu niệm, nghe đâu ngày xưa là nơi buộc ngựa của gia đình Nguyễn, Vân Huyền tự hào kể cho tôi nghe về dòng họ của mình. Có lần, tôi lỡ lời hỏi:

- Em sống nơi này có buồn không?

- Cái chi? Anh hỏi buồn cười quá. Con người ta hạnh phúc nhất là được sống với tổ tiên mình, càng hạnh phúc hơn nếu tổ tiên mình là những người vinh danh.

Trong ánh mắt sâu thẳm của Vân Huyền tôi nhìn thấy những hạt nước mắt biết mỉm cười của Nguyễn Du. Ngồi với Thủy Tiên, trời đêm ba mươi như vẫn rực sáng ánh mắt ấy trong màn ký ức phôi pha bao ngày tháng trôi qua.

- Cô bạn anh nói đúng! Tôi sung sướng nhưng là sự sung sướng của một con búp bê không hơn không kém. Tôi muốn sinh con nhưng chồng tôi lại ái ngại. Tôi muốn đi làm nhưng chồng tôi bảo anh ấy đủ sức đưa tôi đến thế giới văn minh! Văn minh của chồng tôi là cuộc sống đầy đủ, là những tiện nghi hiện đại, còn tôi, văn minh của một người phụ nữ là được sinh con và nuôi con bằng bầu vú của chính mình. Không lẽ nó cứ héo tàn vì không một lần tiết sữa à! Vô duyên quá, vô duyên quá... Nếu như ở nhà giờ này tôi đã có một đứa con trai hoặc một đứa con gái xinh đẹp rồi!

- Có người còn khổ hơn mình! - Tôi đối thoại với Thủy Tiên nhưng tâm tưởng lại nhớ Coke, người phụ nữ Philipine để lại đứa con thơ cho chồng, sang Hà Lan làm nghề nội trợ, chăm sóc trẻ con. Coke cũng như hàng ngàn phụ nữ Philipine, không phải ra đi trái phép mà hầu như còn được chính phủ khuyến khích là di cư ra nước ngoài làm lụng đủ việc để gửi ngoại tệ về cho gia đình, cho đất nước! Khi gặp Coke ở trong một ngôi nhà gần sân vận động Arena Ajax Amsterdam, Coke tủi thân với tôi, hằng ngày lau nhà dọn cửa,

trông nom đứa con gái nhỏ của chủ nhân đến mòn tay, sữa căng bầu vú phải vắt bỏ trong khi đứa con của mình lại vời vợi tình mẹ. Người có con lại không được nựng con, người muốn có con lại chẳng có. Tôi an ủi Thủy Tiên - Chị cầu nguyện đi. Tôi tin rồi một ngày chồng chị sẽ đổi thay. Chị sẽ có con, có nhiều là đằng khác.

- Còn lâu lắm! Đạm Tiên chết bên lề cỏ, tôi chết bên lề văn minh phương Tây! Tôi không quyết định được số phận mình thì làm sao tôi có thể sinh một đứa con! Anh biết không, có cái Tết tôi lén thắp hương cầu khấn ông bà tổ tiên phù trợ nơi xa. Chồng tôi bảo, anh ấy không muốn vợ mình là một bà phù thủy! Nếu em muốn làm phù thủy, em hãy ra khỏi nhà - Thủy Tiên chép miệng - Anh ta bảo với tôi thế. Buồn! Gọi điện cho anh trai tôi thì anh ấy bảo đã sống nơi xứ người phải quên cái dĩ vãng quê nhà đi, phải nhập gia tùy tục, phải hiện đại hóa như một người Âu châu. Nếu đêm nay không có anh, có lẽ tôi chẳng biết nó sẽ tàn nơi đâu trên mặt đất này hay nó sẽ tàn trong trái tim tôi.

Đêm nay ngôi làng heo hút núi đồi vùng Zenlensoda miền Đông nước Đức, chị Thúy tôi chắc cũng đang khói hương nghi ngút trên bàn thờ nhỏ, những chiếc bàn thờ tôi gặp rất nhiều ở nhiều gia đình Việt Nam sống lưu vong. Có lẽ chị sẽ khóc với quê hương mình. Bánh chưng xanh và dưa hành có thể nhưng nó không ấm mùi lửa quê nhà. Thủy Tiên bỗng cắt đứt dòng suy tưởng của tôi bằng một nhã ý lạ lùng:

- Anh muốn nghe tôi hát dân ca Nghệ Tĩnh không? - Chưa đợi tôi trả lời, từ chiếc cổ cao trắng xanh ấy, thay vì rượu là một dòng âm thanh rưng rưng tan vào đêm lạnh.

Thiếp thương chàng thì dừng cho ai biết
mà chàng thương thiếp thì đừng để ai hay
kẻo ra miệng thế
lắt lay
khổ chàng
chín rưỡi
mà khổ thiếp đây mười phần...

Trong màn đêm hoang vắng, tôi thấy thân mình như tan thành từng mảnh nhỏ. Rượu không đủ sức làm tôi hóa thân. Nhưng những âm thanh quen thuộc, buồn thương quê nhà ấy bỗng nhiên làm tôi chuyển cõi. Đêm nay đêm ba mươi, ngôi nhà cổ ven sông Nhật Lệ, Cha Mẹ và anh em tôi đang quây quần đón giao thừa trong tiếng dân ca. Chưa bao giờ âm nhạc lại làm cho tôi siêu hình không gian sống đến như thế. Sức mạnh của âm nhạc chính là tạo ra những mối liên lạc dù rằng rất phù du nhưng làm cho con người ta nối dài thêm kiếp sống với những cung bậc, những góc trời thăm thẳm mà bằng ngôn

ngữ lấp lánh như thơ cũng khó lòng phơi phong cảm giác.

Ngày tôi đến thăm Nietzsche, khi trái tim chưa hết bồi hồi bởi mình là người Việt đầu tiên mang hoa từ Hà Lan sang đặt lên mộ Nietszche, tai tôi chợt ngộ ngàng thương nhớ: Từ những luống xanh trên cánh đồng củ cải bên đường qua làng Rosken bỗng vang lên những âm tiết Việt rất đỗi quen thuộc "Làng quan họ quê tôi, tháng Giêng mùa hạt hội...". Tiếng hát ấy vang lên giữa một khóm người đang nhặt nhạnh củ cải. Một khuôn mặt phụ nữ ngẩng lên, đôi mắt hạt huyền màu Á Đông lấp lánh trong mưa tuyết. Chúng tôi im lặng nhìn nhau cho đến khi khuôn môi kia ngần ngại:

- Anh là người Việt rồi....

- Nếu không là người Việt thì bước chân tôi đâu có dừng lại vì câu hát của chị! Tôi phân vân - Chị ở đây à?

- Không! Tôi ở Halle, đến đây làm thuê thôi. Nhớ nhà bèn hát cho đỡ nhớ!

Giữa cánh đồng cải xanh, giữa những câu hát mảnh mai như khói hương quê nhà lạc gió bay đến, tôi chợt u hoài với những bước chân giao chỉ lang thang khắp mọi miền trên trái đất này. Và không chỉ màu da hay sợi tóc mà bằng ngữ âm của một khúc hát, chúng tôi đã nhận ra một cõi quê chung.

Gần một ngày cô đơn trên tàu từ Đức trở về Hà Lan, tôi cứ mấp máy với làng quan họ quê tôi cho đến khi tàu dừng lại ở ga Bad Bentheim nằm ở biên giới Đức và Hà Lan, một lần nữa tôi lại đột biến duyên cơ với nhạc phẩm này với một hành khách mới.

- Anh hát "Làng quan họ quê tôi à!" Này nhé, tôi hát hay hơn anh nhiều lắm! - Không một lời chào, chị ta cứ vồn vã như không - Một thời văn công hỏa tuyến đây nhé! Một thời "là Thanh Hoa" đây nhé! Đừng tưởng...

Lại một người Việt thương yêu nơi xứ người nữa rồi! Người đàn bà hơi non tuổi năm mươi tự nhiên bên tôi. Chị quê Quảng Trị, vốn là công nhân lâm trường sang Đức đã hơn 15 năm, lấy chồng và sinh con với một anh chàng Đức ở Hannover...

- Trong máu tôi đã có hòa trộn dòng máu Đức nhưng còn những câu hát thì chưa, nó vẫn chưa bị lạc chảy sang máu người đâu nhé! Quên, tôi chưa nói tên tôi, cứ gọi mình là Vinh, Vinh chè tàu! Mình làm ở nông trường chè mà...

Tôi vẫn im lặng chờ đợi tiếng hát của người cựu văn công thời chiến này. "Những khi bom rơi... *đạn nổ*!", tôi cố ý hát sai cho Vinh chè tàu chữa lời. Quả đúng như vậy, ngay khi tôi mới hạ hơi thì phía bên kia, từ thân thể ngọt xanh như chè tàu ấy bắt đầu lên men... *"Những khi bom rơi bên nhịp cầu thương nhớ, tiễn đưa anh đi em hát bài quan họ..."*. Tàu qua biên giới, xen lẫn những dòng sông, những ngôi làng hoa cỏ rực rỡ sắc màu xứ Hà Lan là những ca từ lúc trầm lúc bổng của Vinh cho đến lúc tôi chia tay ở Hilversum. Tôi

nhìn theo con tàu lao nhanh về hướng Amsterdam, bỗng dưng cảm hoài một nỗi nhớ tình cờ vừa vuột khỏi tầm tay. Trên con tàu ấy có một người cùng quê mang theo khúc hát "Làng quan họ quê tôi," không biết nơi nào là điểm dừng chân của cuộc đời lưu vong!

Quê nhà của Abert Camus là cõi chết. Quê nhà của Nietsche là ở những nơi ngã bóng của những thần tượng nhường ngôi cho kẻ anh hùng vươn lên. Còn quê nhà của Quyên, của Vinh và của Thủy Tiên đang hồi hương bên tôi thật giản đơn một câu hát. Bỗng nhiên tôi hiểu vì sao cho đến cuối đời, trong cơn điên chơi dương cầm bằng cùi tay, Nietsche vẫn nói với người em gái của mình rằng Wagner là người ông yêu quý nhất dẫu ông đã từng căm ghét người nhạc sỹ tài danh này. Có lẽ, nhờ âm nhạc của Wagner đã cho ông cảm nhận một cõi quê nhà trong tâm thức, ở những nơi thế giới và con người không còn những biên giới thách thức.

Tôi ngồi nghe Thủy Tiên hát. Rượu cạn. Tuyết rơi. Cỏ lạnh. Bầu trời nhác trôi về sáng. Thi thoảng trôi qua những ánh đèn của những chiếc máy bay đang tìm đường hạ cánh về sân bay Schiphol. Chúng tôi cũng như ánh đèn đom đóm kia đang mơ hồ tìm về chân trời rơm rạ, ở nơi đó trong đêm 30 này, có Cha có Mẹ quây quần, có người vợ hiền và đứa con trai nhỏ vắng chồng vắng cha. Và Thủy Tiên nữa, đêm nay, bên kia người yêu xưa của Thủy Tiên còn nhớ đến cô, nhớ đến que hương thứ năm và lời hẹn ngày về. Giá như cánh đồng cỏ dại này bị đốt cháy bởi ngọn lửa phù sinh từ que hương kia, những xác tro của thân thể tôi và Thủy Tiên sẽ nhẹ nhàng hơn.

Một năm cũ đã qua, một năm mới huyền bí trôi đến. Không biết năm nào trên trái đất này vắng bóng những người tha hương như chúng tôi, như hàng triệu người lận đận biển khơi đi tìm giải đất mới cho mình. Đêm nay đêm 30, không biết trên vùng biển Đông hay Địa Trung Hải có con thuyền châu Á châu Phi nào rời bỏ quê hương? Đêm nay đêm 30 có bao nhiêu hạt máu đỗ quyên khóc về cố quốc? Từ Canada, người bạn tên Đỗ Quyên viết thư cho hay, nằm hờ trong trại tỵ nạn thấy mình như con chim đỗ quyên khản giọng nhớ nước bèn lấy tên chim đặt cho tên mình. Con chim Đỗ Quyên ấy, dù lang bạt báo chí, thơ ca nhưng hạt máu chẳng hề phai mặn hình bóng cố quốc. Tôi bây giờ, dưới búi cỏ dày, cũng là một con chim đỗ quyên khuya vắng cất lời cùng Thủy Tiên.

Với tôi, đêm 30 Tết là đêm narcisse nhất! Đó là đêm ai cũng thấy mình trở thành chàng Narcisse, tự ngắm bản ngã qua tấm gương soi của thời gian, tự cất nhắc tuổi mình trong chuỗi kỷ niệm thoáng qua, tự hồi hộp đón chờ những khôn lường cuộc sống diễn ra, tự ưu tư những việc đã làm năm cũ và hy vọng những ngày mai năm mới bởi duy nhất đó là đêm báo hiệu cho con người biết mình đã lùi xa ngày sinh tháng đẻ, bước thêm một bước về với hư

không! Thế giới là một narcisse mênh mông đang tư duy về mình. Lời của J.Gasquet thật linh đêm nay.

Thủy Tiên đích thực là một bông hoa narcisse như cái tên dịu dàng của cô. Mùa xuân đến, trong lúc chờ hoa tuy lip, khắp nơi trên vùng đất thấp Hà Lan, hoa thủy tiên nở vàng, nở trắng như ánh sáng của mặt trời mùa đông giấu kín dưới lòng đất thăng hoa lên không gian "tiếng thở dài nhẹ nhất, trên mặt nước xanh và hoe vàng, cả trời và rừng, cả màu hồng của làn nước" trong mơ tưởng của Paul Valéry. Hoa Thủy Tiên nở vào mùa xuân, gắn bó với nước và nhịp điệu bốn mùa lưu chuyển chết, ngủ và hồi sinh như thiếu nữ Thủy Tiên trong đêm xuân, chết, ngủ, hồi sinh từng khúc hát dĩ vãng, từng tấm mơ ước tương lai với tôi.

- Đêm 30 là đêm tôi thấy mình là người Việt Nam nhất anh ạ - Thủy Tiên ngước mắt lên bầu trời - Nó làm cho tôi vừa thấy mình gần với quê nhà trong gang tấc vừa thấy mình quá xa là xa với quê hương. Bao giờ cũng vậy, trong những đêm 30 đất khách, mọi hồi ức đều hiện lên rõ ràng! Tôi thấy bóng hình mình không lẫn vào đâu được và tôi nhận ra một điều bất di bất dịch, dù có tát cạn máu mình thì mình vẫn là người không dám mạo hiểm nhưng lại liều lĩnh, hồ đồ nhưng cũng hèn nhát, mặc cảm nhưng không để ai phải thắng mình, khi đi muốn về khi về lại muốn đi, cứ lưng chừng không đâu vào đâu, kể cả khi nằm trong vòng tay của người chồng Hà Lan!

Bông hoa thủy tiên rơi từng cánh từng cánh xuống cỏ để lộ ra một đài hoa trần trụi tâm thức. Trước mắt tôi mỗi lúc mỗi rõ chân dung của Thủy Tiên và của Liên, người bạn gái của tôi sống ở Bruxelles với người chồng Bỉ. Sống ở Bruxelles hơn 20 năm từ ngày theo chân người cha di cư nhưng Liên lúc nào cũng "lưng chừng không đâu vào đâu" với mảnh đất mình sống, với quê hương đã sinh ra mình. Gặp nhau ở ngôi nhà xưa Baudelaire từng ngụ cư Bruxelles, dáng hao gầy nhưng không hoang hoải của Liên làm tôi nhớ về dáng hiền dòng sông quê tôi, cũng hao gầy mà xanh ngọc, nghiêng chảy về biển Đông từ dãy Trường Sơn. Mọi con sông đều chia lời cuối cùng về biển, cũng như tấm lòng người Việt dù ẩn mình hay tươi mươi xứ tuyết cũng không bao giờ tắt ngọn lửa quê nhà. Liên ở miền Đông Nam Bộ còn tôi ở miền Trung, hai nhúm nhau giờ đây đã mùn tơi trong đất nhưng đó là đất Việt và chúng tôi cũng có những nhắc nhớ về bi kịch của gia đình, của một thời kỳ lịch sử còn nóng tàn lửa bom đạn. Đấy cũng là sinh mệnh của bầy trẻ sinh ra vào quãng sau của thế kỷ 20. Hằng năm Liên đều về thăm quê mặc người Cha ngăn cản. Liên cho tôi biết, tuy người Cha cố chấp như vậy nhưng việc Liên về lại làm cho cha mình vui vì qua Liên ông biết mình không mất quê hương! Người cha cựu đại tá Việt Nam Cộng Hòa không thể lấy mặc cảm của đời mình gánh lên vai con trẻ!

Giá như có Liên ở đây đêm nay, chúng tôi sẽ cùng uống rượu, mông lung trời khuya, cùng nhau dắt tay về hát ca bên bát nhang tổ tiên thì hương vị Tết lưu vong sẽ tuyệt vời biết chừng nào.

Tôi và Thủy Tiên chia tay nhau lúc trời gần sáng. Bên nhà đã vào chiều ngày mồng 1, bên này bình minh lên non. Trước khi giã biệt, Thủy Tiên nhắc lại điệp khúc xin lỗi:

- Nếu quá mệt mỏi, tôi thành thật xin lỗi anh nhiều. Cảm ơn anh đã cho tôi một đêm 30, tôi được hát và được có người nghe mình hát với que hương cuối cùng!

- Không phải cuối cùng. Tôi sẽ gửi hương cho chị. Chị sẽ thắp cho hết cuộc đời xa cha ngái mẹ của mình. Nếu không muốn trở thành một người phù thủy trong mất chồng mình, vào những đêm ba mươi chị hãy ra nơi này. Một que hương sẽ thắp lên chị một chân trời đấy.

Đôi vai gầy như cánh hoa thủy tiên run lên theo nhịp gió cuốn, có lẽ người con gái xứ Nghệ đang thổn thức với bóng mình trong tiếng pháo nồng nàn dĩ vãng đầy hoa và trái tỏa bóng dưới chân núi Hồng Lĩnh. Hai tháng sau, tình cờ gặp vợ chồng Thủy Tiên ở tiền sảnh nhà hát quốc gia Hà Lan trong đêm trình diễn vở nhạc kịch Don Giovani của Mozart.

- Xin lỗi, anh là người thức qua đêm với vợ tôi ở Bussum? - Người chồng Hà Lan hỏi sau khi nghe Thủy Tiên giới thiệu về tôi.

- Vâng! Thề có Chúa, chúng tôi chỉ thức chứ không ngủ với nhau - Tôi bắt tay chồng Thủy Tiên - Cô ấy cần một hơi ấm Việt Nam trong đêm 30 Tết. Tôi mong từ nay về sau, bông hoa Narccise của anh sẽ không còn cô đơn, không còn là một bà phù thủy trong đêm 30 Tết nữa. Yêu một người vợ ngoại quốc, nếu anh không yêu văn hóa của dân tộc cô ta, trong tay anh cô ta chỉ là cái xác mà thôi!■

áng mây miền núi

NGUYỄN Ý THUẦN

"Hồn này ở chốn Non Bồng,
Đi đâu hồn cũng vui lòng về chơi"
(Trích *văn chương cầu cơ,*
truyền khẩu tại Nha Trang trong thập niên 60)

Sau ánh chớp là tiếng nổ. Rồi tiếng nổ nữa. Gần và lớn hơn. Tôi ngã xuống. Lồng ngực nén lại và nhịp thở không đều khiến ý nghĩ muốn chống tay, bò dậy không thể làm. Tôi nằm im, nghe những tiếng u u trong bọng tai. Hình như có tiếng nói rời rạc, không rõ ràng từ xa lắm vọng đến. Tay chân tê, cứng như tất cả sinh lực đã tháo khỏi thân. Cái lạnh vùng núi chỉ còn trong trí nhưng mắt vẫn thấy trên cao tối đen. Tôi vẫn còn tỉnh. Vẫn thấy trời tháng Mười Hai. Tháng Mười Hai, gần tết rồi, tôi vẫn nhớ. Vậy là chưa chết.

*

- Không sao đâu, có chút xíu máu à, vài ngay là nó chui ra liền. Nhằm nhò gì ...

Y tá Gio vừa dán miếng băng keo lên vai tôi vừa nói. Hạ sĩ Số đứng cạnh xen vào.

- Ăn nếp là êm. Mai em xuống Komtum mua nếp nấu xôi. Ăn xong, mấy bữa sau là dzăng ra liền. May mà miểng lên, chớ miểng xuống là dám xong *thằng nhỏ* của ông thầy...

Số cười hô hố sau câu nói. Gio và tôi cười theo. Nhằm nhò gì cái miểng đại bác 75 ly lạc vào vai trái với lỗ vết thương chỉ bằng hạt đậu nành. Mai kêu Số xuống chợ mua nếp nấu xôi, ăn cho mưng mủ rồi khươi ra là xong.

Tôi mặc áo vào, đứng lên, nhìn về bên kia núi. Vắng tanh. Không một bóng người. Không một dấu gì chứng tỏ có người đang sống. Vách núi thoai

thoải với từng tàn cây thưa làm lộ màu đất. Trông giống như bức tranh vẽ vội bằng hai màu xanh đỏ. Vậy mà những ánh chớp vẫn thỉnh thoảng dấy lên từ đó. Chói trắng trong đêm với tiếng nổ đi sau. Lúc làm bạt thêm ngọn cây đã bị bạt nhiều lần. Lúc trật hướng, bay vút qua tuyến chúng tôi, nổ tung tại sườn núi phía sau. Chẳng ai hề hấn gì trong gần tháng đóng quân tại đây. Bắn thì bắn, kệ mẹ tụi mày. Ù tai một tí đã sao? Ngay cả cái miểng nhỏ chui vào vai trái đêm qua, lúc đi đái. Vài ngày mày lòi ra, ông sẽ lấy kim băng hay cây tăm khều vài cái. Xong. Hạt đậu bám trên vai sẽ khô và thành sẹo như những cái sẹo có các nguyên nhân khác, đang mang trên người. Tôi cười và cảm ơn viên đạn đại bác không giật 75 ly đã có các miểng bay lên chứ không cắm xuống. Thấp xuống nửa thước, trúng thứ không nên trúng là sẽ mồ côi suốt đời!

Nhưng chúng tôi lầm. Chỉ vài ngày sau, vai trái tôi sưng lên, cử động thật khó khăn. Tôi được đưa về trạm xá tiểu đoàn. Rồi bệnh xá liên đoàn. Rồi bệnh viện Hai Dã Chiến Komtum. Và hơn ba mươi năm sau, cái miểng nhỏ bằng hạt đậu nành vẫn không chịu *dzăng ra* – như Số nói – mà cứ nằm trong vai, gây các cơn đau khi trời lạnh. Để mỗi mùa tết, tôi lại gặp những áng mây Komtum.

*

Từ bệnh viện xuống phố không xa. Qua hai con dốc ngắn, uốn quanh là đến. Nhỏ và buồn hơn Pleiku, phố chính trải hai bên đường các cửa hàng trồi ra, thụt vào để dẫn đến khu chợ. Từ chỗ ngồi mỗi chiều, tại cà phê Diễm, tôi thường nhìn người đi, đến. Nhìn để nhìn thôi. Sinh hoạt không có gì đặc biệt so với các chợ khác. Những người Kinh ra vào với giỏ xách, xe hàng. Chen vai nhau thành hàng ngang. Lui, tới, cười, nói. Những người Thượng gù gùi hàng trên lưng, đàn ông vai khoác mác, đàn bà ngực địu con. Lầm lì, nối đuôi nhau thành hàng dọc. Chẳng có gì hấp dẫn. Tôi thích nói chuyện với cô thu ngân nhiều hơn. Cô gái không đẹp, hơi quê mùa là khác nhưng vẫn có nhiều người ngấp nghé. Tôi biết, nhưng cứ tán tỉnh mỗi khi đến. Nói để lấp khoảng trống. Nhạc không hay. Cà phê tạm. Chỉ vậy, nhưng đỡ hơn lội vào khu chợ có các lối đi nhầy nhụa bùn đất khi chẳng có gì cần.

Đó là ngày, còn đêm? Phải nghĩ cách cho hết tiền lương và hết giờ. Nhậu? Vết thương sẽ loét. Chơi bời? Coi chừng cưa tay. Cơm? Ba bữa không tốn. Domino? Mất thời giờ. Cờ bạc? Cùng què cụt, sát phạt nhau đâu thú. Bốn đứa cùng phòng đâu nỡ giết nhau thêm lần nữa. Cảnh sắp xếp cho ở chung – không biết vô tình hay cố ý – đã biến thành trận cười pha nước mắt không đủ sao? Hai thằng thiếu úy Lôi Hổ – một thằng cưa chân trái, một thằng cưa chân phải - chưa khô vết cắt. Thằng chuẩn úy Pháo Binh cưa tay

phải, vết thương còn ướt. Và tôi, với cánh tay trái bị bó bột từ vai đến cổ tay, thành đứa lành lặn nhất để lãnh nhiệm vụ đi chợ.

Chúng tôi bày trò uống trà, ăn bánh ngọt mỗi tối để tiêu tiền và tiêu nỗi buồn xa nhà. Ngày ngày, sau khi ngồi tại cà phê Diễm, tôi ghé cửa hàng bánh kẹo của ông Tàu già nằm giữa phố, rồi trở về với túi nhựa trên tay. Kẹo lạc. Bánh cốm. Trà. Thuốc lá. Kéo thêm dăm thằng tại các phòng khác là *phòng trà* mở cửa. Quây lại với nhau, phì phà khói thuốc, ăn uống, tán dóc và kể chuyện.

Chuyện chiến trường không hấp dẫn đám lính xa nhà vào những ngày cuối năm. Trăng hoa thích hơn. Mỗi thằng đều có một hay vài chuyện. Các nơi chốn được nhắc đến đều đẹp, hấp dẫn và không thể quên. Người con gái trong chuyện – tất nhiên – cũng đẹp, hấp dẫn và cũng không thể quên. Lãng mạn trộn tục tĩu. Mơ mộng hòa dục vọng. Có bờ lúa An Giang với cô thôn nữ xuống sáu câu vọng cổ mùi không thua Thanh Kim Huệ nhưng vú bự hơn nhiều. Có trường Đồng Khánh với tà áo dài tha thướt hơn hoa hậu áo dài năm nay nhưng rờ vào là ướt đẫm tay. Có bến Bạch Đằng với đôi mắt to hơn Thanh Nga nhưng chịu chơi hết mình. Có con sông Cần Thơ với nét dịu dàng thiếu nữ ăn đứt Kiều Chinh nhưng mông vun vun, đội quần Mỹ A coi đã lắm. Có đủ thứ nhưng chẳng bao giờ hết vì đứa này xuất viện, đứa khác thay vào. Chỉ cần vừa bớt đau, vừa tỉnh là nhập bọn. Mỗi lúc một đông. Cái bàn ăn không đủ chỗ. Chúng tôi phải kéo bàn sát giường, lấy khoảng nền cho rộng hơn. Đứa nào cũng muốn nói, muốn sống lại một thời của mình. Đêm cuối năm Komtum làm những người lính tương tư đêm quá khứ.

Hai mươi chín tết, trước khi ngủ, thằng Lôi Hổ cưa chẩn trái hỏi tôi.

- Sao mày không kể gì hết?

- Nghe đã hơn kể.

- Kể đã hơn nghe chớ! Sao ngu quá vậy... Chừng nào mày xuất viện?

- Không biết. Nghe bác sĩ nói một hai tuần là cùng...

- Chán thấy mẹ! Tết mà nằm đây chán thấy mẹ.

Thằng Pháo Binh cụt tay buông một câu lạc đề. Ba chúng tôi ngạc nhiên. Nó gãi gãi khúc thịt còn lại, phía trên vết cưa.

- Đường xá đắp mô tùm lum, vợ con không lên được. Xin máy bay quân sự cả tháng không có.

- Đụ mẹ nó, bà già tao cũng dzậy! Chờ hoài mà đéo có chỗ. Gửi thư nói lên mà có thấy gì đâu.

Thằng Lôi Hổ cưa chân trái phụ thêm, rồi xoay sang tôi.

- Mày tính về đâu? Sài Gòn hay Nha Trang?

- Chưa biết, nhưng chắc Nha Trang.

- Sao không về Sài Gòn thăm bà già?

- Chưa chắc có máy bay.

- Ờ, chưa chắc có máy bay về Sài Gòn. Mai giao thừa... Xác chưa đủ chỗ lấy chỗ đâu cho mày.

Tôi kéo chăn ngang ngực, nhìn lên trần nhà. Con thạch sùng xám xanh thập thò gần bóng đèn neon cũng nhìn tôi. Tặc. Tặc. Ánh đèn hắt lên các chấm vôi lồi lõm tạo thành các hình thể không rõ. Tôi chắp nối từ đuôi con thạch sùng, cố hình dung một khuôn mặt, một cảnh vật để dỗ giấc nhưng không ngủ được. Cái lạnh khô của miền núi làm không gian như rộng hơn. Cảnh sống bệnh viện thật *thần tiên* so với chiến trường vừa từ bỏ. Nhưng vẫn thiếu điều gì đó. Tôi liên tưởng thời gian vừa sống tại bệnh viện. Sướng hơn những ngày nghỉ dưỡng quân tại Dục Mỹ khi tiểu đoàn về học bổ túc, bổ sung quân số sau trận Núi Chéo. Ấm no hơn thời gian nằm chờ máy bay ra đơn vị tại Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân. Mỗi sáng chờ bác sĩ khám, y tá lo thuốc men. Từ mười một giờ là ung dung, ra vào. Đêm tụ lại, ăn uống, tán dóc, tâm sự. Lương lãnh đủ khi tiếng súng vọng về rất xa. *Đời sống thần tiên*. Thằng Lôi Hổ cưa chân trái lạc quan nói khi vết thương chưa kịp kéo da non. Tặc Tặc. Con thạch sùng vẫn không chịu rời bóng đèn dài, trắng đục. Tôi đang thiếu điều gì?

Sáng hôm sau, thằng Pháo Binh đề nghị.

- Bữa nay cúng giao thừa, đóng cửa *phòng trà* một bữa.

Cúng giao thừa? Bốn thằng què bày thêm trò cúng giao thừa sau khi đã mở *phòng trà* được nửa tháng? Tôi bật cười, ngước lên, sau khi xỏ cánh tay băng bột vào lỗ tay áo trái cắt cụt. Định thêm câu giễu nhưng gặp khuôn mặt nghiêm. Nó tiếp.

- Mua ít bánh trái, vàng nhang cúng ông bà.

Hai thằng Lôi Hổ ngồi tựa lưng vào tường. Ba chúng tôi im lặng.

- Sao?

Thằng Pháo Binh hỏi thêm.

Thằng Lôi Hổ cưa chân trái gật đầu.

Tôi và thằng Lôi Hổ cưa chân phải cũng gật đầu theo.

Bàn thờ tết? Phải. Chính khói hương bàn thờ tết vướng vất trong trí làm chúng tôi cô đơn. Ngồi kể chuyện, chẳng đứa nào nhắc về cảnh tết đã có. Như một cách tránh né điều thèm khát. Ba thằng bạn cùng phòng. Những thằng bạn phòng khác. *Gần tết rồi. Buồn thí mẹ. Còn ba ngày nữa tết. Mai giao thừa. Tết mà nằm đây chán thấy mẹ.* Thỉnh thoảng tình cờ nói. Nhưng chỉ thế. Tội nghiệp những đứa trẻ tương tư vị bánh chưng, nhớ màu xanh lá dong. Cuộc chiến khốc liệt đang tham dự không đủ làm chúng tôi thôi chờ cánh áo mới, trong mùi hương tết.

Như thường lệ, tôi đi chợ.

*

Lê la tại quán cà phê tôi đến trễ, cửa hàng bánh kẹo của ông Tàu đã đóng cửa. Sau sinh hoạt của cuối tuần giáp tết, thị trấn chỉ còn dăm hàng quán mở. Đành phải quay lại chợ. Tôi đi dưới nắng quái đang nhạt. Gió lạnh và trời thấp dần tạo thành không khí thiêng liêng, dù thiếu tiếng pháo. Thỉnh thoảng một xe quân cảnh chạy ngang. Những người lính ngồi trên xe nhìn tôi. Nhìn cánh tay bó bột. Không buồn dừng xe lại. Tôi cũng không để ý đến họ. Bốn giờ chiều ba mươi tết, tôi cô đơn giữa những cánh cửa đóng. Tôi ngơ ngác bên ngoài nhìn bóng người thấp thoáng bên trong. Thèm được sống phía sau một cánh cửa đang khép kín. Tôi hình dung cảnh sống ấu thời, đem đặt sau cánh cửa, khi rẽ vào chợ.

Vắng tênh. Chỉ còn mươi sạp đang thu dọn. Vài người lui tới, lặng lẽ chất hàng vào giỏ hoặc xe ba gác. Không có nhiều tiếng nói cười. Không có nắng chiếu vào. Không gian tối, lạnh và trầm lại. Người thấp thoáng như bóng. May mắn cho tôi, hầu hết các sạp hàng đều bán vàng hương, bánh mứt. Tôi nhìn quanh rồi tự nhiên rẽ trái. Bước vào dãy sạp trống, hướng về sạp hàng khuất nhất, nằm sát tường.

Cô gái ngước lên. Đẹp và giống Ali MacGraw.

- Chào ông... à.. à Thiếu úy cần gì?

Tôi cảm ơn thằng Lôi Hổ cưa chân trái đã khéo tay, giúp tôi đính chiếc hoa mai đen lên ve áo. Thiếu úy? Chả là cái quái gì trong quân đội, nhưng với các cô gái vừa lớn lại cấp khá hấp dẫn. *Không già mà cũng chẳng non. Mấy thằng thiếu úy có hòn dái to.* Tôi mỉm cười nhớ lại hai câu vè tục tĩu, chẳng đâu vào đâu cũng của nó chế, khi biết mình chỉ bị cưa chân chứ không phải cưa thêm thứ khác.

- Cô giống hệt Ali MacGraw.

Cô gái ngạc nhiên.

- Ali McGarw?

- Ali MacGraw trong phim Love Story.

Tôi cảm ơn thêm thằng Pháo Binh cụt tay đã bày trò cúng giao thừa khi thấy cô gái mỉm cười, không có vẻ khó chịu vì câu tán tỉnh, thay cho câu trả lời.

- Thiếu úy cần gì?

Vẫn nụ cười trên môi, cô gái hỏi lại.

- Vàng hương cô ạ. Để cúng giao thừa đó mà.

- Cúng?

Cô gái ngạc nhiên nhìn cánh tay bó bột. Dân thị trấn đã quen với những người lính xa nhà, mang thương tích lang thang trên phố. Nhưng trò cúng kiến hẳn còn lạ.

- Vâng, cúng giao thừa. Cúng ông bà cuối năm. Thứ này thơm không cô?

Tôi chỉ vào một bó nhang đang bày trên sạp. Phật Di Lặc có cái bụng bự toe toét cười. Màu đỏ của giấy thẫm lại trong không gian thiếu ánh sáng.

- Cũng được, nhưng thứ này thơm hơn.

Ngón tay thon chỉ vào bó nhang bên cạnh. Phật Bà Quan Âm hiền từ đứng trên tòa sen. Ai cũng dễ thương hết. Phật Di Lặc, Phật Bà Quan Âm và cả cô gái. Tôi nhìn lên, nụ cười còn trên môi Ali MacGraw. Bức tường phía sau sạp có ánh sáng nhạt hắt xuống tấm bích chương kẻ hàng chữ đỏ. *Vui Xuân Nhưng Đề Cao Cảnh Giác, Coi Chừng*... Coi chừng cái gì không biết vì tấm gỗ của sạp hàng bên cạnh che mất. Coi chừng? Tôi chẳng cần coi chừng gì cả. Ngón tay áp út của Ali MacGraw không có đeo nhẫn.

- Vâng, cô cho một bó. Còn vàng bạc...

- Để em lấy cho.

Ali MacGraw chậm rãi xếp bó nhang và các tập tiền in hình Diêm Vương vào túi nhựa.

- Mấy triệu vậy?

- Mỗi tập là một triệu. Tối nay thiếu úy cúng mười triệu cho ông bà.

Chúng tôi đùa với nhau về giá trị của tập tiền âm phủ. Cái lạnh Komtum mênh mang, không còn khó chịu nhờ sự thân mật chợt có.

Ali MacGraw hỏi nhanh, khi đặt túi nhựa xuống.

- Thiếu úy mới về đây?

- Không, đã được gần tháng, tôi nằm tại khu ngoại thương, bệnh viện Hai Dã Chiến. Gia đình ở Sài Gòn, hồi bé ở Nha Trang...

Tôi khựng lại vì nụ cười của Ali MacGraw. Ngượng. Tôi với đại hộp mứt trên sạp. Sáu ngăn của sáu loại mứt, sắp quanh một khung tròn có quả cà chua ngào đường màu đỏ thẫm, không làm tôi chú ý. Tôi chúa ghét thứ mứt tạp này. Nhưng vẫn cầm. Cánh tay phải thừa sau câu nói thừa.

Ali MacGraw đón hộp mứt, bỏ vào một túi nhựa khác. Tôi dùng tay phải móc ra nắm tiền, từ túi quần.

- Bao nhiêu thế cô?

Ali MacGraw nói một con số. Bàn tay tôi đè lên xấp tiền trên mặt sạp. Đức Trần Hưng Đạo trên các tờ giấy bạc xanh nghiêm nghị không đúng lúc. Tôi nhìn Ali MacGraw. Mái tóc xõa xuống che khuôn mặt. Chỉ còn thấy nụ cười. Cô gái ngước lên. Mắt to. Không có vẻ giễu cợt. Tôi nhét xấp tiền còn lại vào túi. Rồi nhìn hai túi nhựa đặt bên nhau. Phật Bà Quan Âm và Diêm Vương trong một túi. Trong túi kia, hộp mứt sáu cạnh nằm cạnh một đòn bánh tét. Tôi ngạc nhiên cầm lên.

Ali MacGraw bối rối. Tiếng nói nhẹ, trộn vào không khí.

- Bánh... Bánh tét ngọt.

- Bánh tét?

- Vâng, em gói hôm qua.

Giọng cô gái chưa được tự nhiên lại.

- Bánh tét chay... Cúng được mà.

Tôi ngập ngừng một thoáng, rồi nói câu không nên nói.

- Cô tính tiền hộ. Bao nhiêu vậy?

Nụ cười tắt. Ali MacGraw nhìn tôi. Dưới hai hàng lông mày thẫm, đôi mắt to thoáng khó chịu.

- Em biếu ông. Không bán.

Mặt tôi nóng bừng. Trên tay, đòn bánh tét nặng hơn. Suốt đời tôi vẫn là thằng hậu đậu. Đúng như lời bố tôi chửi. Luôn luôn có những hành động không phải phép hoặc không đúng lúc.

Cái lạnh Komtum đọng lại, chán ngắt. Tôi tần ngần nhìn đòn bánh tét. Nhìn hai cái túi nhựa. Nhìn sạp hàng ngổn ngang vàng, hương, bánh, mứt. Cố tìm một câu gì đó mà không được. Những tiếng động từ các sạp khác vọng đến như từ xa lắm. Tôi đứng yên. Mãi lúc sau mới ngước lên. Bên cạnh Ali MacGraw có một người đàn bà đứng từ lúc nào. Cả hai đang nhìn tôi chăm chăm. Tôi không thấy rõ mặt người đàn bà vì trời hơi tối nhưng đôi mắt thì rõ ràng, sáng rực.

Bối rối, tôi buông đòn bánh tét xuống sạp, cầm hai chiếc túi nhựa lên thật nhanh và xoay người bỏ đi. Không từ giã. Không câu chúc. Không lời hẹn gặp lại. Đi như chạy với cảm giác nhột nhạt trên lưng.

Ngang khúc quanh, vai tôi chạm vào cột gỗ của một sạp hàng. Túi đựng mứt tuột khỏi tay, rơi xuống rãnh cống ngập rác. Bỏ mặc hộp mứt, tôi rảo bước. Cái đau trên vai không làm tan cảm giác nhột nhạt sau lưng. Đôi mắt. Phải, đôi mắt sáng rực của người đàn bà không rõ mặt, không nói, vẫn theo tôi hơn ba mươi năm sau. Và cứ sáng trong thời gian gần tết.

*

Tôi không mê Hùng Cường và đám ca, nhạc sĩ địa phương đến độ phải đi trong cái lạnh để xem văn nghệ tiểu khu. Đêm qua, họ trình diễn giúp vui tại bệnh viện, bọn tôi đâu thèm xem. Xem chỉ tổ bực mình. Tôi biết. Nhưng vẫn đi bộ hết con dốc dài vì không muốn gặp điều bực mình hơn tại phòng. Thà nhìn Hùng Cường mặc áo Biệt Động Quân, đầu láng nhẫy, ôm micro la hét còn hơn gặp các khuôn mặt mệnh phụ đầy phấn. Trò ủy lạo thương bệnh binh làm chúng tôi ngán tới óc. Áo dài tha thướt. Người nực mùi thơm. Các mệnh phụ phu nhân hỏi vớ vẩn vài câu, đặt gói quà lên kệ rồi đè thương binh xuống xức dầu cù là. Bất kể bịnh gì. *Cho nó ấm, trời lạnh, khỏi sợ đau bụng.* Chẳng biết trò chơi xức dầu vào rốn mấy thằng què là sáng kiến của ai,

nhưng chúng tôi hoàn toàn không chịu nổi. Bàn tay phụ nữ khi xoa trên bụng không cho sự dịu dàng hay kích thích, mà chỉ có cảm giác nóng, nhớp nháp và bực mình. *Đù mẹ mấy con điếm già, tao què giò chứ đâu có ỉa chảy mà xức dầu.* Thằng Lôi Hổ cưa chân trái hết lên như bị chọc tiết. Ba thằng còn lại lăn ra cười trước vẻ bẽn lẽn của các mệnh phụ.

Tôi cười một mình, bỏ Hùng Cường đang bị cấm trại *một trăm phần trăm, em ơi, chiều nay một trăm phần trăm...* trên sân khấu để về bệnh viện. Trò ủy lạo không thể kéo dài đến bốn giờ chiều được.

Đường phố vắng. Các cửa hàng đều đóng. Đường về như dài hơn và thỉnh thoảng mới gặp dăm người qua lại. Đa số là thương binh. Tôi chào vài thằng quen mặt và không quen mặt. Cùng thân què cụt nên dễ hiểu nhau. Một cái gật đầu, một nụ cười đã là điều an ủi lúc xa nhà. Trong cô đơn, những niềm vui nhỏ, tình cờ đến, đều biến thành hạnh phúc. Chúng tôi tìm nụ cười cho mình, cho người trước mặt. Bất kể mọi việc chung quanh. Như đã cố bày ra nhiều trò - từ vết thương của mình - để giải khây.

- Đố tụi bay, thân thể người ta chia ra làm mấy phần?

- Mày khùng hả?

- Đụ mẹ mày, thân thể người ta chia ra làm ba phần, đầu mình và tứ chi. Nhưng đó là người ta, còn tụi mình chỉ có đầu, mình và tam chi. Binh xập xám thua chắc. Mười ba chi, thua mười là hết đời. Chỉ có nước ôm tam chi đi ăn mày.

Thằng Pháo Binh cụt tay cay đắng sửa lại bài học cách trí lớp năm. Rồi cũng nó bày thêm trò mới.

- Đứng gần một chút.

- Nó hôi nách thí mẹ.

- Miệng mày cũng thúi vậy.

- Đù má tụi bây đừng gây nữa, bắt đầu nghe... Một, một, một hai, một, một hai...

Thằng Pháo Binh cất lời hai thằng Lôi Hổ và bắt đầu đếm. Hai thằng cưa chân ôm nhau, hai cánh tay choàng qua vai, hai chân còn lại loạng choạng theo nhịp đếm. *Một. Hai. Một hai.* Hai cái đầu, bốn cái tay, hai thân mình, hai cái chân nhập thành một. Như con quái vật hai đầu trong thần thoại Hy Lạp. *Mình với ta tuy hai mà một.* Từ mép giường này sang mép giường khác, hai bàn chân nâng lên, đặt xuống khó khăn, vượt tầm điều khiển của thân thể như đứa trẻ đang tập đi. Qua khỏi mép giường, đến khoảng trống gần bàn ăn, thằng Lôi Hổ cưa chân phải khụm xuống, kéo thằng cưa chân trái ngã theo. Hai tấm thân cao lớn vẫn ôm nhau, nằm tênh hênh trên sàn. Chúng tôi phá ra cười. Trò *tập diễn hành để chuẩn bị cho ngày Quân Lực mười chín tháng Sáu* được hai thằng què chân đảm trách. Cười chán,

chúng tôi nhìn nhau thở dốc, không buồn đỡ hai thằng bị ngã dậy. Bốn cái miệng há ra. Tám con mắt nhìn nhau. *Ta với mình tuy một mà hai.* Tám khóe mắt ướt.

Đến lượt hai thằng què tay.

- Mở giùm tao hộp thịt.

- Không. Tụi bay làm đi. Tụi tao đi diễn hành được thì tụi bay cũng mở đồ hộp được.

Thằng Lôi Hổ cưa chân phải thản nhiên nhìn tôi và thằng Pháo Binh loay hoay với hộp thịt. Còn một tay, chúng tôi đã tự tập làm những việc có thể làm như khoác áo, mặc quần, xỏ dây giày... Nhưng mở đồ hộp thì không dễ. Đủ hai tay, ngồi tháo mìn claymore lấy chất nổ C-4 nấu cơm không đáng nói. Nhưng mất một tay thì mọi chuyện lại khác. Cái lon sắt bật qua, bật lại. Khóa mở hộp trượt tới, trượt lui. Hai thằng Lôi Hổ khoanh tay, cười sặc lên.

- Tụi bay phải *đoàn kết để xây dựng đất nước* chớ!

- Đéo cần tụi mày.

Xong câu chửi thề, tôi quay sang thằng Pháo Binh.

- Mẹ kiếp. Mày giữ, tao khui.

Nó gật đầu, rồi hai chúng tôi lui hui, chụm vào nhau. Đứa giữ hộp, đứa di động cái khóa mở. Cũng xong. Tôi cười đắc thắng. Thằng Pháo Binh hả hê múc từng muỗng thịt đưa vào mồm. Hai thằng còn lại múa may bốn cánh tay khỏe trên bàn ăn.

Vậy mà sắp đến ngày xuất viện. Giữ nụ cười, tôi băng qua đường, rẽ vào con dốc dẫn đến bệnh viện mà không ngờ suốt ba mươi năm sau, mỗi lần bị vết thương hành vào dịp tết, cảnh con quái vật hai đầu loạng choạng theo nhịp đếm vẫn rõ nét. Nhưng hơi thở dốc sau tiếng cười đã mất. Chỉ có tiếng thở dài khi các ngón tay vẫn xoa trên vai trái.

*

- Đụ mẹ thằng xạo!

Thằng Lôi Hổ cưa chân phải rống lên. Rồi bật cười.

- Kể nghe coi, mày gò con nhỏ hồi nào.

Thằng Pháo Binh chen vào.

- Hèn chi không dám cho tao đi theo. Mần ăn gì chưa?

Ba thằng bạn tra hỏi khi tôi chưa biết chuyện gì? Gò con nào và mần ăn cái gì? Tôi ngạc nhiên.

- Tụi bay điên hả?

- Điên cái gì. Đụ mẹ mày, nó đứng cả tiếng chờ mày.

- Ai?

- Còn ai trồng khoai đất này nữa? Con ghệ tóc dài chứ ai.

Con ghệ tóc dài? Mẹ kiếp, tôi chưa tán tỉnh ai tại thành phố này có mái tóc dài và tán nghề đến độ họ phải vào thăm. Cà phê Diễm? Cô thu ngân cắt tóc demi garçon và mặc hai tuần lễ tán tỉnh tại quán cà phê, tôi vẫn chưa rớ được ngón tay nào, kể cả lúc trả tiền. Con gái ông Tàu bán bánh kẹo? Tiền trao cháo múc, mỗi ngày vài gói kẹo, dăm ngày một lạng trà, cà phê. *Cái lị lưa tiền không mới, tờ lày cũ dồi, khó xài, cho lổi tờ khác li.* Yêu sao được khi cứ phải tìm những tờ giấy bạc không nát. Ai? Tôi giật mình nhớ đến Ali MacGraw. Tóc dài. Có tán tỉnh chút đỉnh. Có nụ cười. Nhưng tự tôi làm hỏng. Ai? Tôi cố nặn ra vài khuôn mặt đã gặp tại đây nhưng hoàn toàn vô lý. Hẳn là trò nghịch của ba thằng bạn cùng phòng. Tụi nó tính giải khuây bằng cách tìm nụ cười đầu năm.

Tôi bĩu môi, ngồi xuống giường.

- Xưa rồi tụi bay ơi! Kiếm cái gì khác mới hơn, đừng bày trò con nít. Đụ mẹ tụi bay... Đừng hòng cho ông vào xiếc.

Ba thằng bạn có vẻ ngạc nhiên. Thằng Lôi Hổ cưa chân trái lết về cái bàn nhỏ cạnh giường. Hai cánh tay khỏe bám lấy mép giường, kéo mép chăn chĩu xuống. Khoảng cách ngắn nhưng sự di chuyển kéo dài. Cái chân còn lại làm các bước lò cò khó khăn. Tấm lưng rộng trong chiếc áo xanh của bệnh viện che kín mặt bàn. Nó cúi xuống, vừa mở ngăn kéo, vừa hỏi.

- Giả lơ không nói?

- Có đéo gì mà nói. Đâu có con điếm nào rảnh tới thăm tao ở đây. Dẹp đi!

- Đụ mẹ mày cái gì đây?

Nó quay lại sau khi lôi từ ngăn kéo ra một đòn bánh tét. Ngón tay trỏ móc vào sợi lạt, hướng về tôi.

- Không có con điếm nào rảnh tới thăm mày nhưng có con đĩ ngựa đem cái này vô. Mà... Không phải của mày há... Vậy là của tao.

Nó cười hề hề và xoay xoay ngón tay. Đòn bánh tét đong đưa. Hai thằng còn lại cười theo.

Ali MacGraw? Tôi giật mình nhớ đến nụ cười cuối năm. Vô lý. Nhưng những làn sóng nhẹ chợt dập dưới lồng ngực trái. Không. Có thể lắm chứ. Có thể là Ali MacGraw. Tôi lắp bắp.

- Cái... cái gì... đòn bánh tét ở đâu vậy?

- Tao đâu biết. Có con đĩ chó tóc dài tới lúc mày xuống tiểu khu. Nó vô kiếm thằng thiếu úy Biệt Động Quân bị bó bột tay trái. Tưởng là mày, tao nói là mày đi coi văn nghệ, nhưng mày nói không có con điếm nào hết. Vậy là lộn thằng khác. Đừng ăn bánh tét nghe con...

Thằng Lôi Hổ cưa chân trái kéo dài chữ "con" chế giễu. Hai thằng còn lại thích thú nhìn tôi. Chừng phút sau, thằng Lôi Hổ cưa chân phải hất hàm.

- Quen lâu chưa?

- Mới, mới bữa chiều ba mươi đi mua đồ cúng.

- Xạo.

- Tao nói thiệt. Mới quen mà.

- Mới quen? Xạo nữa, mới quen mà nó đứng trước cửa chờ mày... Lại còn thí cho đòn bánh tét. Thôi mày ơi! Đẹp thì đẹp, không ai giành đâu... Tụi tao không có nói gì với nó hết!

Thằng Pháo Binh cười.

- Con nhỏ coi đặng quá chớ. Mắt to, da ngăm ngăm, cái đít hẩy hẩy... Dòm thấy đã.:. Tên gì vậy?

Tên gì vậy? Tôi ngơ ngác và ngạc nhiên với chính mình. Đến giờ này tôi vẫn chưa biết tên cô gái. Ali MacGraw, khi nhớ đến nụ cười và mái tóc dài. Ali MacGraw, với đòn bánh tét. Ali MacGraw, lúc ba thằng bạn giễu cợt. Với tụi nó đây là thành tích đáng tuyên dương, nhưng với tôi là điều không hiểu được. Chẳng có gì. Là ai? Làm gì? Ở đâu? Dăm câu vu vơ. Nhưng đã đến thăm. Cảm giác dìu dịu lan trong ngực tôi thành thoáng rung động.

Hôm sau, mùng hai tết, tôi ra chợ. Chưa ai buôn bán.

Mùng ba. Vẫn chưa có người.

Mùng bốn. Lác đác người họp chợ, nhưng không thấy Ali MacGraw.

Tôi làm thủ tục ngày mùng năm.

Mùng sáu tết xuất viện. Tôi ghé chợ Komtum trước khi đón xe về Pleiku để xin chuyến bay. Sinh hoạt trong chợ chưa trở lại bình thường. Gian hàng sát vách tường có tấm bích chương kẻ hàng chữ đỏ vẫn trống.

*

Sau hai mươi chín ngày nghỉ dưỡng thương, chờ tái khám, vết thương tôi bình phục. Mảnh đạn không lấy ra được vì nằm giữa gân và xương. *Tôi không hiểu tại sao? Có thể lúc đạn chui vào vai, cậu đang làm động tác gì đó để hai sợi gân mở ra. Cũng may mà không bị đứt gân.* Bác sĩ còn không hiểu thì làm sao tôi hiểu được. Nhưng kệ, chút ê ê trên vai có xá gì? Tôi vui vẻ đeo ba lô về đơn vị. Dù còn thấy thiếu nhưng đã có khoảng thời gian thoải mái. Nhậu nhẹt. Cà phê. Chơi bời. Gia đình. Bạn bè. Trăm thứ vây quanh. Tuổi hai mươi tràn sinh lực cho cái nhìn lạc quan, không cần ngày mai. Tôi bỏ lại chiến trường những hình ảnh không muốn mang theo khi ngồi tại thành phố. Những cái tên, những con người thỉnh thoảng có nhắc. Nhưng chỉ thoáng qua. Số. Đầy. Gio. Ái. Những người lính trong đại đội. Hai thằng Lôi Hổ. Một thằng Pháo Binh. Đám bạn cùng nằm bệnh viện. Tất cả lấp ló, lẩn quất.

Nhưng không một lần nhớ đến Ali MacGraw.

Cho đến lúc máy bay hạ xuống Pleiku, tôi mới nhớ đòn bánh tét bị thằng Lôi Hổ cưa chân trái chiếm làm của riêng, vì cái tên chưa được nói. *Tao đéo thèm ăn, để dành hửiii chơiii*. Nó kéo dài hai tiếng sau và cười sặc sụa khi tôi xách ba lô lên. *Mơi tao xuống chợ, kiếm nó*. Nó dọa thêm. Tôi cười theo, nhìn khúc chân vừa thay băng đang ngo ngoe ngoài ống quần cắt cụt. *Thôi ở lại hửi bánh tét, tao đi nghe. Mai mốt lên tao ghé*. Tôi từ giã ba thằng bạn. Thằng Lôi Hổ què chân trái thôi cười. Cả ba đứa gật đầu. Vậy mà đã hơn tháng trời. Phải ghé tụi nó một chút. Cả Ali MacGraw nữa. Bằng mọi giá phải tìm cô gái có đôi mắt to, tóc dài. Tôi tự nhủ và rời phi trường, đón xe về Komtum.

Rời bộ chỉ huy tiền cứ Liên Đoàn, tôi đi nhanh xuống chợ Komtum. Thủ tục nhanh và gọn vì trình diện về đơn vị chứ không rườm rà như chờ đi phép. Hỏi vài câu. Nói dăm chi tiết. *Hai ngày sau, sẽ có chuyến xe lương thực về tiền đồn Bốn. Tiểu đoàn đang đóng tại đó*. Đóng con dấu. Xuống ban năm tạm ứng lương. Vất ba lô vào một căn phòng trong dãy sĩ quan. Hết. Vậy mà cũng gần một tiếng. Tôi nhìn đồng hồ. Gần năm giờ chiều.

Người đã thưa. Hầu hết các sạp hàng đã dọn. Không cần đi qua khúc quanh để đến bức tường có hàng chữ, từ chỗ tôi đứng, cũng nhìn thấy sạp hàng trống. Mai đến vào buổi sáng cũng được. Còn những hai ngày tại đây. Tôi thong thả rời chợ và đến cà phê Diễm.

Sáng hôm sau, tôi đến chợ sớm. Sạp hàng sát bức tường đã bày biện, nhưng không phải là nhang, vàng bạc, bánh mứt mà là các miếng thịt cắt nhỏ, xếp cạnh nửa con heo còn tươi.

Người đàn ông đang mài dao ngước lên.

- Chào thiếu úy.

Tôi bối rối tìm câu hỏi thăm. Mắt nhìn người đàn ông. Khuôn mặt thô với các nét không thể tìm thấy trên khuôn mặt Ali MacGraw.

- Chú cho hỏi thăm...

Người đàn ông ngưng tay, không có vẻ khó chịu. Tôi cảm thấy tự nhiên hơn.

- Có cô tóc dài bán ở đây... Bữa nay đâu rồi chú?

- Tóc dài? Không, vợ tôi phi dê chứ đâu có để tóc.

Người đàn đàn ông ngạc nhiên, rồi hỏi lại.

- Cô tóc dài nào? Thiếu úy gặp bữa nào?

- Chiều ba mươi tết.

- Chiều?

- Dạ, chiều ba mươi tết, khoảng bốn giờ.

- Ba mươi tết, tụi tôi dọn từ trưa để cúng ông bà. Chắc thiếu úy nhớ lộn.

Trong mắt người đàn ông có nét ái ngại. Tôi nhìn qua vai ông. Trên bức tường vẫn còn tấm bích chương kẻ hàng chữ đỏ. Tôi hỏi thêm.

- Có cô tóc dài nào bán nhang trong dãy này không chú?

- Bán nhang? Đâu có được, dãy này bán thịt cá mà. Nhang đèn nằm dãy ngoài kìa, hồi nãy vô, thiếu úy không thấy sao?

Hàng chữ đỏ trên tấm bích chương đập vào mắt tôi. Chỗ này, đúng chỗ này tôi đã đứng chiều ba mươi tết. Tôi ngơ ngác nhìn chung quanh, rồi cúi xuống các miếng thịt.

- Chú bán ở đây lâu chưa?

- Lâu rồi... Cả chục năm có à...

Sống lưng tôi lạnh toát khi câu nói ông ta chưa dứt. Đôi mắt sáng rực trên khuôn mặt đàn bà không trông rõ, trong khoảng khắc chiều vào tối ba mươi tết, hiện về trong trí. Tôi ngước lên. Hàng chữ trên tấm bích chương đỏ rực màu máu. Tôi xoay người, vội vã bước ra khỏi chợ, quên cảm ơn người đàn ông.

Trời cao và xanh. Nhưng những tia nắng sớm chưa đủ làm tan cái lạnh. Không gian thoáng và dễ chịu. Tôi bình tĩnh lại khi bắt đầu vào con dốc dẫn về bệnh viện. *Lâu rồi... Cả chục năm có à....* Câu nói của người đàn ông đã xác định cảnh tôi gặp là không thực. Cô gái và buổi chiều chỉ là những mảnh trí ghép lại trong phút thiêng liêng của chiều cuối năm. Ngay cả cái tên Ali MacGraw. Vô lý! Còn lần đến thăm lúc tôi đi xem văn nghệ thì sao? Lại còn đòn bánh tét bị thằng Lôi Hổ cưa chân trái khăng khăng không chịu trả, mà giữ lại để *đéo thèm ăn, để dành hửiii chơiii*. Tôi giật mình nhớ câu nói. Tại sao không ăn? Tại sao không mở ra? Bánh tét hay chỉ là cục đất? Tia lạnh trên sống lưng lại có. Phải, cả bốn đứa chỉ nói chuyện, đứng xa cả thước, chưa đứa nào rờ tới da cô gái. Cái bóng tóc dài thoáng qua sạp hàng, hành lang bệnh viện như có, như không. Vậy là sao? Tôi đến cổng bệnh viện với những mâu thuẫn trong trí.

Người lính gác vẫn nhớ tôi. Không cần thủ tục ghi danh thăm bệnh, tôi vào thẳng.

Qua khoảng sân có những bụi hoa trồng rải rác trên cỏ, tôi đến khu ngoại thương. Hai cánh cửa gỗ nhỏ đóng lửng lơ hai bên vách vẫn chụm vào nhau. Tất cả mới như hôm qua. Tôi đẩy cửa, bước vào phòng.

Giường tôi đã có người nằm. Không để ý đến người đang ngủ, tôi nhìn sang ba chiếc giường khác. Ba khuôn mặt lạ trong bộ quần áo xanh của bệnh viện đang nhìn tôi. Ba thằng bạn đã xuất viện trong thời gian tôi nghỉ dưỡng thương.

Chúng tôi chưa kịp lấy địa chỉ của nhau.

*

Khoảng khắc xuân Komtum như áng mây tụ lại. Rồi tan đi. Thằng Pháo Binh cụt tay. Hai thằng Lôi Hổ cưa chân trái, phải. Ali MacGraw. Tất cả có nhưng như chưa bao giờ có bởi chẳng bao giờ gặp lại.

Chuyện bình thường. Không có mối tình nào và cũng chẳng ảnh hưởng đến đời sống hiện tại. Nhưng vẫn theo các cơn đau trở về, mỗi khi trời vào tết với đôi mắt của khuôn mặt không trông rõ. Đã nhiều lần, tôi tự hỏi có hay không những người đã gặp? Tôi mơ và sống trong huyễn hoặc?

Không, miểng đạn vẫn nằm trong vai tôi.

Đêm nay, tôi lại rờ rẫm chỗ lồi lên, tại vai trái – trong thế cách của một người không thỏa mãn với những gì đang có – để thả mình vào các đoạn sống trong trí. Nếu được sống lại, tôi sẽ lấy địa chỉ ba thằng bạn cùng phòng. Tôi sẽ mở đòn bánh tét xem là gạo hay đất. Tôi sẽ quay lại chợ, đến sạp hàng sát tường thêm lần nữa để biết là người hay các mảnh trí. Không chừng, hôm nay có thêm ba người bạn và cạnh mình là mái tóc dài với các đứa bé mắt to. Nhưng để làm gì? Tôi giật mình khi tiếng xe cứu thương bên ngoài vọng vào, rồi đứng dậy, đến bên cửa sổ.

Sương mù che kín thành phố. Bên kia sông Thames, những chớp đèn xanh đỏ lập lòe, nhòa trong lớp màn trắng dày đặc. Đời sống vẫn trôi. Hơn ba mươi năm tưởng một lần chớp mắt. Sao không để nguyên các trò đùa trong căn phòng bệnh viện và giữ nụ cười giữa chợ, chiều ba mươi? Với tay nắm bắt làm gì khi miểng đạn – như một phần thân thể – vẫn theo tôi qua các vùng đất lạ. Vẫn sống với tôi các đoạn đời không trọn. Hãy để những áng mây thong dong tại vùng trời đã có.

Tôi xoay người, quay lại giường khi cảm giác nhoi nhói từ vai và từ trí trộn lẫn.

Không cần phải làm một ca mổ.■

London, 04 tháng Mười Hai, 2004

NNGUONG

buồn, con mắt huế

một hôm ngồi uống café starbuck
thấy peachtree lạc lõng những nỗi buồn
ngọn gió trung bắc lầm lì bản mặt
chiều xám trung nam đứng ngã tư đường

em-con mắt huế: nồng con mưa trộ
theo tôi về dang nắng tận vũng tàu
lũ kỷ niệm nhỏ còn chưa kịp cất
đã thân thế vội tất bật lao đao

em-mưa-thối-đất-nắng-nẻ-lưỡi-cày
lẫm đẫm tình yêu mọng đỏ ngón tay
cãi đất, trời làm mưa như cầm trịn đổ
vũng tàu như ôn lụy bà lụy ếm tháng ngày

*

hôm kia, nắng vào con mắt xông khói
nay mưa dầm dề ướt mẹp ngược xuôi
từ lúc nào mình đã tập tành hứa cuội
chẳng thề chung chút nắng tạt mưa vùi

Nnguong
ngày mưa atlanta, tháng 10/04

gã đấu bò thành málaga

LÊ QUỲNH MAI

Kính tặng bác sĩ Ngô Thế Vinh

Trong các ngươi ai không có tội
hãy là người đầu tiên ném đá người đàn bà này.
Que celui de Vous qui est sans péché
jette le premier la pierre contre elle
Tân Ước, Jean 8- 8

Buổi chiều điệu nhạc Flamenco quyến rũ quấn tròn theo những cặp mông lắc lư uốn éo của các thiếu nữ gợi tình tưng bừng chào đón sự trở về sau cái chết hụt của gã đấu bò lừng danh thành Málaga. Antonio Sanchez Torres. Tên gã phát ra vang xa như một khúc khải hoàn mà không một ai không ngả mũ chào sùng bái. Đã từ lâu những cột nhà cổ xưa của xóm thanh lâu vẫn truyền tụng những huyền thoại hoang đường vây quanh gã. Antonio Sanchez Torres mang nét đa tình của một tay giang hồ từng trải. Tự thuở nào không ai biết. Gã đột ngột xuất hiện trên đấu trường như một bất khả xâm phạm.

Những chiếc cột kháo nhau gã đến từ thị trấn Sévilla khô cằn sỏi đá. Còn dẫy máng xối hóng chuyện cãi rằng Antonio đã di chuyển từ cổ thành này sang cổ thành khác trên khắp các miền đại lục. Gã rao giảng một thứ nghệ thuật đấu bò cổ xưa ở một nơi xa xôi nào đó trước khi dừng bước ở Málaga. Tiếng mưa rơi cũng thêm thất nơi xa xôi ấy là đô thị cổ Luy Lâu thuộc Kinh Bắc ở tận Châu Á. Nơi này có thôn Viêm Xá trong làng Diềm. Những ngày hội hè tưng bừng náo nhiệt thu hút người qua lại bởi những buổi đấu vật vô cùng khủng khiếp tàn nhẫn. Lúc ấy con người và con vật chỉ là một. Hoa loa kèn trước nhà đầu hẻm cũng rung rinh tiếp chuyện chính nghệ thuật đấu vật cổ truyền tận xứ nghèo nàn nắng cháy mang hình chữ S bên kia bờ lục địa đã mang Antonio lên đỉnh cao danh vọng. Nghệ thuật này cũng cho gã phóng

tầm nhìn đàn bà giống hệt như những con bò mộng to lớn điên cuồng. Hai miếng gạch vỡ trên con hẻm nhỏ thì thầm vào tai nhau ở tối hè nóng bức rằng Antonio mang dòng máu giác đấu da vàng. Cho nên ánh mắt đen nhánh dưới lớp mí lót của gã phản chiếu hình ảnh buồn bã của một di dân luôn tìm về gốc tích của mình.

Quá khứ của Antonio bí mật ít ai biết. Nhưng bộ râu mép đen nhánh và mái tóc dài xõa trên bờ vai có khi được quấn thành búi của gã thì chẳng những các ả đào ở tửu điếm mà đến các mệnh phụ quyền quý cũng để ý. Đã lắm thây đàn bà chuyên chính đức hạnh ngã bật ngửa tựa con bò mộng bị đâm chết khi trông thấy Antonio Sanchez Torres hùng dũng trong bộ áo cánh giát kim loại óng ánh. Bộ áo sặc sỡ thắt chẽn lấy lưng gã. Ghịt bó làm nổi những bắp thịt của một tay chơi thiện nghệ. Có trông thấy Antonio đi giữa kinh thành mới hiểu vì sao đàn bà mê gã điên loạn. Người gã toát ra hơi nóng hừng hực nhưng đầy mùi thơm lúa chín làm úa tất cả những giàn hoa giấy và khát cháy bỏng tất cả mọi cuống họng phụ nữ. Lớp lớp ngói vỡ rạn thường rung lên tranh nhau giành kể câu chuyện lâm ly gã mang trong mình dòng máu *Conquistador* nên có sở thích rất kỳ quái. Antonio thích chinh phục những con bò mộng và phụ nữ. Gã không hề phân biệt súc vật và đàn bà. Trước mỗi khi ra đấu trường Antonio làm tình với ít nhất một mệnh phụ lả lơi nào đó muốn tìm hoan lạc hoặc phụ nữ tài hoa muốn hiến thân cho thanh gươm dài của gã. Càng làm tình nhiều bao nhiêu Antonio càng sung sức và càng đoạt nhiều chiến thắng. Chỉ có những hạt bụi dưới chân gã đấu bò ngay sau chiến thắng mới nhìn thấy Antonio mang ánh mắt buồn tê tái thê thiết của một người đàn ông cô độc đến lạ lùng. Cũng những hạt bụi nói chuyện với nhau. Gương mặt gã khi ấy mất hết sát khí mà hiện lên tròng mắt đen nhánh trong suốt của một đứa bé bị bỏ rơi trong một chủng viện quá khứ. Ít ai biết bí mật này của Antonio.

Các cột gỗ lập đi lập lại cảnh quang đấu trường thành Málaga sôi động hẳn mỗi lên khi Antonio xuất hiện. Gã mang đến cho dân chúng một niềm háo hức hồi hộp trông đợi những trận đấu bò quyết tử. Đã từ lâu lắm, kể từ lúc dân tộc Tây Ban Nha lừng lẫy một góc trời xuyên đại dương chinh phục Nam Mỹ đã không còn trò giải trí nào khác ngoài thân xác đàn bà bản xứ trên lục địa cổ xưa già nua. Rồi đám *Conquistadors* trở về đem theo những đứa con rơi và tập tục của những buổi giết súc vật tập thể. Lâu dần dân chúng cũng mang sở thích tàn nhẫn nhìn những con bò mộng hung hãn bị thanh kiếm dài chọc vào cổ làm rách bươm da thịt đến lòi gân và máu đỏ phun tóe lên bờm lông đen tuyền. Dân chúng cũng thỏa mãn khi nhìn thân thể của những *Matadors* thua trận bị kéo lê trên sân đầy bụi cát cho đến khi mềm oặt thành cái xác nhũn bị bò dày. Súc vật hoặc con người cái chết đều đem đến thỏa mãn.

Tất cả những thú tính *Conquistador* ấy Antonio Sanchez Torres sớm chiêm nghiệm và hiểu biết. Nhưng một điều duy nhất gã không bao giờ hiểu ra là bản năng không sấm vai lý trí và tình cảm luôn phản bội đức tin.

*

Một buổi sáng Antonio Sanchez Torres đột ngột linh cảm những xúc động ra trận trong lòng gã không còn giống như những lần đã đem về chiến thắng lúc trước. Mặc dù tấm gương huyền bí to lớn chiếm ngự khắp gian buồng vẫn đang phản chiếu thân thể cường tráng của người đàn ông duy nhất thuộc dòng họ Torres, thậm chí khi khuy áo cuối cùng của bộ y phục sặc sỡ dành cho *Toreador* được gài bằng cây kim vàng óng ánh. Antonio cũng không một mảy may rung động. Gã bắt đầu nhủ thầm sẽ rời bỏ chiến trường không bao giờ mặc lại y trang này nữa. Tấm gương phản chiếu cơ bắp không phản chiếu cảm giác mệt mỏi đến rũ cả hai cánh tay của gã đã để mặc cho người trợ thủ làm công việc thay đổi xiêm y. Ánh mắt của tay *toreador* đã từng xuất hiện nhiều lần nơi đấu trường không còn rực lửa quyết liệt như trong những buổi đấu *corrida* nhộn nhịp đến nỗi dân thành Málaga không tin bất cứ ai thoát chết dưới sức tấn công khủng khiếp của bầy bò mộng hung dữ. Antonio mang cảm giác già nua thật sự. Gã đã thóp người lại khi ấn giải lụa đen to bản quấn ngang bụng hai vòng. Bộ áo khoác màu xanh lá mạ đính những hột đá xanh vàng tím đỏ lóng lánh trên cầu vai to lớn hòa điệu với chiếc nón đen đan kiểu bò húc càng làm dáng điệu Antonio càng nặng nề thêm nữa. Chính lúc ấy gã nhìn thấy tất cả chỉ là trò chơi không hơn kém. Những người đàn bà nổi danh mỹ miều hương sắc. Những phụ nữ tài hoa hiếm có của thành Málaga. Những con bò mộng hung hăng mà bắp đùi to lớn không khác đùi phụ nữ săn chắc làm đàn ông khi vừa nhìn thấy xốn xang sợ hãi lẫn thèm muốn khống chế. Kể cả cuộc đời vinh quang mang đầy dấu ấn tranh giành hào quang trong những năm tháng trẻ tuổi của gã cũng trở thành trò chơi vô nghĩa khi cánh cửa đấu trường bắt đầu mở rộng.

Tiếng hoan hô dành cho người đàn ông gan dạ nhất thị trấn Sévilla và cổ thành Málaga liên tiếp vang dậy một góc trời trong trận đấu lớn nhất Tây Ban Nha năm ấy. Khi tiến đến khoảng đất rộng trước cánh cửa thả bò mộng theo những tiếng kèn báo hiệu. Antonio từ từ quì xuống dang rộng hai đầu gối trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Gã trải rộng tấm áo choàng ngoài đỏ rực xuống nền đất nâu thẫm còn đọng những vết máu khô cũ. Antonio còn nhìn thấy giữa những vệt máu bầm đen của súc vật quá khứ thời trai tráng của gã. Làm như ánh mắt thời thanh niên của Antonio hãy còn phản chiếu trên mỗi hạt bụi cát. Cuối cùng gã cũng quỳ xuống trước chiếc bóng trai trẻ của mình chờ đợi và khiêu khích đối thủ. Đột nhiên. Cánh cửa gỗ bật tung ra lao xốc tới

dáng một con thú to lớn đen nhuyễn với cặp sừng trắng bạch phóng về phía có màu đỏ. Gã cúi rập người giật ngược tấm áo lừa lách. Một Antonio mang dáng điệu của vũ công thiện nghệ bật đứng lên trong bộ y phục rực rỡ quay vòng thân thể làm dân chúng cổ thành nín thở rồi vỗ tay ầm ĩ. Chỉ một đường kẽ gió. Một luồng không khí chia đôi phần bụng của gã với cặp sừng. Khán giả đang chứng kiến một hoàng tử đi chân đất trên sân trước một thích khách và một triều thần. Nhưng chỉ trong tích tắc Antonio ngã bật ngửa ra phía sau và bị kéo lê dưới cát bụi mù trời. Cả đấu trường vang lên những tiếng thét hãi hùng.

Cho đến khi một gã trẻ tuổi đẹp trai mang nụ cười trẻ con trên khuôn mặt trắng sữa xuất hiện dùng tấm vải đỏ khiêu khích con bò mộng quay đầu lại. Thế rồi không ai còn nhìn thấy thân thể của Antonio nữa. Tất cả nhốn nháo tìm kiếm trên nền đất rộng lớn của đấu trường một dấu máu tươi. Tiếng kèn thi nhau vang lên ầm ĩ báo động. Người ta bàn tán xôn xao về sự mất tích kỳ lạ của Antonio. Các mệnh phụ tình nhân của gã thất vọng lần lượt rời đấu trường bỏ về. Buổi tối hôm ấy trong thành Málaga cả những gốc phượng cũng trổ những nụ hoa ảm đạm chết chóc vấy máu. Ánh nến lung linh được thắp sáng trong các hũ thủy tinh màu đỏ của từng căn nhà trong cổ thành và thị trấn. Họ thì thầm khấn nguyện cho Antonio bình an trở về. Tiếng kinh cầu của những kẻ ái mộ gã vang đến tận chủng viện Santa Marcellina trên ngọn đồi cao. Các tay matador bàn tán xôn xao đoán xem ai sẽ là người kế thừa Antonio giành đoạt chiến thắng giữa đấu trường. Người ta cá cược gã trẻ tuổi đẹp trai mang nụ cười trẻ con Julio Vasquez Timada.

Những ngày sau đó đấu trường vắng lặng như bãi tha ma. Chỉ luẩn quẩn vài ba đứa bé đi lang thang trên sân cỏ như những linh hồn thất thểu. Thằng bé Pablo Picasso mang cái đầu lắc lư to hơn thân thể ở tuổi lên chín. Ngứa tay nghịch ngợm dùng cành cây khô vẽ những hình thù lập thể ngộ nghĩnh lên băng ghế gỗ phủ kín bụi cát trên khán đài. Tiếng đàn guitar của gã mù ăn xin trước kịch viện Málaga vang lên điệu nhạc não nề adios. Dân chúng kéo nhau lên đỉnh ngọn đồi cao nhìn ra phía biển. Chờ sóng đánh tiếng trả lời về sự mất tích huyền bí nhất trong lịch sử đấu bò rừng tại Tây Ban Nha. Những đoàn xe ngựa dập dìu hướng về nơi vang tiếng kinh cầu nguyện.

*

Nơi ấy là chủng viện Santa Marcellina. Nằm trên đồi nhìn ra phía biển xanh mênh mông một màu về phía tây nam cách thành Málaga ba dặm. Thánh đường cũ kỹ rộng lớn đầy những vết nứt dọc theo tường như nếp nhăn trên khuôn mặt của Mẹ Bề Trên Maria Ducos. Đã tự thuở nào chủng viện nối tiếp mở rộng cánh cửa đón nhận những đứa trẻ mồ côi tứ xứ. Chúng xuất thân

từ đâu không ai ngoài Mẹ Bề Trên được biết. Có trẻ may mắn được nhà quí tộc nào đó xin về làm con nuôi hay làm kẻ hầu hạ cho các công nương đỏm dáng. Nhưng đa số các bé gái lớn lên đều trở thành nữ tu tiếp tục chăm sóc các trẻ mồ côi khác. Leila Quinte. Người nữ tu trẻ tuổi nhất vừa khấn nguyện trọn đời dâng mình cho Thiên Chúa.

Tiếng kêu rên rỉ làm Leila tò mò bước theo con đường đất đỏ rời xa cánh cửa chủng viện đi lần về phía sau sườn đồi. Bất chợt ánh mắt dì gặp thân hình to lớn của người đàn ông ngồi dựa bên hốc đá. Quay đầu bỏ chạy. Nhưng tiếng rên càng lúc càng có âm điệu đau đớn khiến đôi chân Leila dừng lại. Người nữ tu có đôi mắt man dại màu nâu che phủ bằng hàng lông mi dầy đậm há hốc mồm khi nhìn thấy vết máu loang lổ chung quanh chỗ ngồi của tiếng rên rỉ không ngừng.

Señorita, Por Favor! Señorita. Leila tiến lần đến chỗ người đàn ông và nhận ra những vết máu chảy từ bụng gã. Lấy tay bụm miệng để không phát ra tiếng kêu từ cổ họng. Dì bối rối tiến đến quì xuống nâng đầu gã đặt lên đùi rồi cầm vạt áo dòng thấm nơi máu đang rỉ xuống. Vết thương làm Antonio rên xiết không ngừng. Lần đầu tiên tay người nữ tu chạm vào thân thể đàn ông. Dì mang cảm giác toàn thân ngừng luân chuyển. Leila bất động nhìn người đang gối đầu vào đùi mình. Tim Leila như bóp chặt trong lồng ngực. Đau đớn nhưng Antonio còn đủ sức nhìn người nữ tu trẻ tuổi nở một nụ cười trước khi ngất đi. Leila ngạc nhiên nhận ra nụ cười ấy mang âm hưởng tuyệt vời như một bản thánh ca vang lên trong giờ hành lễ. Nụ cười trên khuôn mặt người đàn ông mang bộ râu mép đen nhánh với cặp mắt mí lót không giống bất cứ nụ cười nào của các nhà quí tộc Tây Ban Nha thường đến ủy lạo trẻ mồ côi trong chủng viện. Gã mang nét Á Đông xa lạ nào đó mà dì mơ hồ thấy phảng phất trên sống mũi ngấn của mình. Bất chợt người nữ tu cúi xuống kề sát mặt lên đôi môi người đàn ông xa lạ và nhắm mắt lại. Trong khoảnh khắc tiềm thức Leila bật lên một điều bí ẩn mà nhiều năm về sau chính dì không thể nào hiểu nổi tại sao đã có hành động vô ý thức như vậy. Sự mỏi mòn tìm kiếm nguồn gốc của mình đã được Leila nhìn thấy trên sống mũi ngấn và cặp mắt mí lót mang màu đen tuyền như bộ lông con bò mộng lúc húc vào bụng Antonio Sanchez Torres.

Niềm hân hoan cùng nỗi lo sợ phạm tội làm Leila quay đầu nhìn chung quanh hốc đá như tìm một chứng nhân cho giây phút ấy. Thế rồi người nữ tu trẻ tuổi đặt gã đàn ông xa lạ nằm xuống. Quay trở về chủng viện lén lấy những viên thuốc quí giá của các nhà quí tộc tặng cho Mẹ Bề Trên. Thu góp vài vật dụng cần thiết rồi vội vã ra ngoài theo con đường đất đỏ đi lần về phía hốc đá. Dì quì gối tháo tung đôi giầy rách nát đầy bụi. Cởi bỏ lớp y phục rực rỡ lóng lánh những viên đá xanh đỏ bị xé rách một mảng từ bụng mà không

hề biết đó chính là gã đấu bò lừng danh của đấu trường Málaga mang tên Antonio. Leila bắt đầu lau chung quanh vết thương trên bụng rồi đắp những mảnh lá thuốc ghiền nát lên đó. Dì thấy như Antonio đã thuộc về mình và cũng mang cảm giác ấy kể từ lúc áp mặt vào đôi môi gã. Dì đã không còn trinh nguyên như ngày đầu khấn nguyện trọn đời yêu Thiên Chúa. Mặc cảm tội lỗi dấy lên làm Leila ngồi bất động sau khi pha thuốc cho Antonio uống. Vài ngày kế tiếp dì trở về chủng viện tìm thức ăn rồi trốn lánh mọi người tìm đến hốc đá. Antonio đã không còn nguy hiểm như ngày đầu tiên.

Chiều hôm ấy. Khói bụi bay mù mịt từ đám cháy rừng bên cạnh làm thành những cụm hoa đen lấm tấm trên nền áo dòng xanh xám nhạt. Sức nóng làm Leila gục xuống ngủ lúc nào không hay biết. Khi tỉnh dậy dì thấy mình đang gối đầu lên ngực người đàn ông xa lạ. Bàn tay gã cũng nằm yên trên bờ ngực vun đầy của người nữ tu trinh trắng. Đột nhiên. Antonio dùng hết sức lực kéo Leila quay xấp lại và bịt tiếng kêu phát ra từ miệng dì bằng đầu lưỡi đam mê. Sức quyến rũ của người đàn ông từng trải làm Leila rũ liệt không phản kháng. Toàn thân người nữ tu trẻ tuổi như gặp cơn chấn động khi lớp áo dòng màu xanh xám nhạt bị kéo tuột xuống đất. Thế rồi gã quấn lấy thân thể mang bầu ngực căng cứng như uốn lượn chung quanh cành cây xanh vừa trổ lên rực rỡ hút nhụy hoa trong tiếng la hét vang dội của Leila. Âm hưởng ấy vọng lên đụng vào vách đá hang động. Dội ngược ra cuốn theo tiếng sóng biển đánh dồn dập liên tiếp vào bờ đá. Cho và nhận. Dâng hiến trọn vẹn của Leila làm Antonio chìm đắm trong hạnh phúc bất ngờ. Những ngày kế tiếp gã phát hiện ra mình cần một người đàn bà bên cạnh sau những ngày hoang đàng sôi nổi. Cảm giác hụt hẫng lơ lửng trong cô đơn thường bao phủ Antonio khi Leila rời hang động. Gã chờ đợi dì trở về mang thức ăn mớm vào miệng như đứa trẻ đùa chơi với bầu sữa mẹ. Có lúc Leila quấn đôi bàn chân Antonio bằng giải lụa đỏ huyết dụ và dắt gã tập đi. Những bước chân chập choạng quấn quít nhau in hằn trên mặt bãi cát ngoài mé biển. Hạnh phúc tột cùng làm người đàn ông đa tình nhất thành Málaga quyết định hỏi cưới Leila làm vợ.

Cho đến một buổi chiều khi mặt trời vừa nhắm nghiền đôi mắt ngủ. Tiếng chân người dồn dập tiến vào hang động. Leila bật người ngồi dậy lùi vào sát góc tường. Những ngọn đuốc sáng rực chiếu thẳng vào mặt dì. Tiếng la hò reo mừng ầm ĩ quyện tiếng rít lên giận dữ kết tội người nữ tu trẻ tuổi đã giấu Antonio. Đến giây phút ấy Leila mới biết mình đã sống bên cạnh người đàn ông lừng danh của đấu trường Málaga mà mọi người đang tìm kiếm. Dì lết đến sát Antonio nắm chặt tay gã như cần che chở. Sự bất lực vì cơn đau đớn nổi lên làm ánh mắt Antonio nhìn vào khoảng không vắng lặng. Không còn hình ảnh phản chiếu hạnh phúc ngắn ngủi vừa qua. Bản năng sinh tồn

trong giờ phút ấy như động cơ thúc đẩy người đàn ông gan dạ nhất đấu trường Málaga từ từ giơ ngón tay chỉ về phía Leila đồng tình kết tội người nữ tu bất hạnh. Cũng trong lúc ấy dòng nước từ khóe mắt gã chảy xuống làm dì sững người. Leila điên cuồng cắm đầu bỏ chạy ra khỏi hang động cho đến khi ngã chúi vào thân hình to lớn của gã đấu bò trẻ tuổi từ xa tiến đến. Người nữ tu ôm chầm lấy Julio khóc nức nở. Mặt hắn chạm sát đôi môi Leila và nhận ra đó là dì phước trẻ tuổi thường mang bình nước tưới hoa trên thánh đường. Phản xạ tự nhiên của bản năng đàn ông làm Julio quàng tay kéo Leila giấu sau lưng mình và lùi về phía biển chờ những ngọn đuốc xa dần hanh động. Sau đó hắn dắt Leila trở về nơi cũ rồi bỏ đi.

Khi Antonio được đưa rước trở về trên chiếc kiệu quấn những dây chuỗi xâu bằng đồng tiền chạm nhau kêu leng keng. Leila lặng lẽ ngồi một mình trong hốc đá. Dòng nước từ đôi mắt man dại của người nữ tu trẻ tuổi chảy dài trên gò má. Dì đau đớn nhận ra mình không thuộc về thế giới của Antonio đang sống. Thế giới đấu trường tranh giành hào quang danh vọng được che đậy bằng những lớp y phục lóng lánh rực rỡ mà dì chưa bao giờ bước chân vào trước đó. Leila muốn cởi bỏ áo dòng theo người đàn ông có bộ râu mép che khuất nụ cười hiền nhất mà dì chưa bao giờ tìm thấy trong cuộc đời bất hạnh của mình. Nhưng hai chân như có những sợi dây xích quấn chặt lại không cho người nữ tu mồ côi động đậy. Tâm hồn trong trắng của Leila úa tràn máu tươi như cần cổ con bò mộng bị cắm ngập thanh kiếm sắc. Sự tổn thương sâu xa không bờ bến ấy hòa điệu với tình yêu thuần khiết mãnh liệt dâng tặng cho gã đấu bò xa lạ khiến dì hét lên điên cuồng rũ liệt thân thể và đôi môi mấp máy thì thầm *Adios Mi Amor. Adios Mi Amor.*

Bóng đêm và cô đơn bao phủ thúc đẩy Leila lần theo con đường quen thuộc trở về chủng viện. Người nữ tu trẻ tuổi không quay đầu nhìn lại phía sau lưng càng lúc dì càng bước nhanh cho đến khi ngã quị xuống. Leila hoảng hốt thét lên khi nhận ra mình đang lăn tròn như trái banh xuống đồi. Thân thể như có những mảnh đá sắc vụn cắm ngập làm hai tay dì quơ cào khoảng không trước mặt. Đau đớn điên cuồng từ tâm hồn đến thể xác, Leila buông hai tay thả cho thân mình lao xuống phía dưới. Chiếc nón của người nữ tu bật tung xổ trọn mái tóc dài màu nâu đỏ cuốn tung theo chiều gió. Leila quơ tay níu vào ánh sáng như níu sợi dây vô hình hi vọng mang mình biến mất hẳn trên cõi đời không để lại một dấu tích nào nữa. Niềm hi vọng cuối cùng của Leila là ảo ảnh.

Đêm ấy. Ánh trăng sáng rực một góc trời màu đỏ lạ lùng mà dân chúng thành Málaga gọi là *đêm trăng máu.* Các tia sáng từ mặt trời bị khí quyển trái đất làm lệch hướng soi sáng mặt trăng theo vầng nguyệt thực. Các tia sáng thuộc quang phổ màu đỏ làm ánh trăng tỏa ra ánh sáng màu máu. Cả đời

chưa dễ ai thấy một lần vì người ta tin nó sẽ mang lại niềm may mắn. Nhưng đêm trăng ấy lại là đêm mang người nữ tu trẻ của dòng Santa Marcellina rơi xuống vực sâu. Đêm trăng ấy cũng là đêm quân phiếm loạn ném bom vào tiệc cưới Vua Alfonso XIII tại thủ phủ kinh thành Madrid. Những vết máu người đỏ thắm bắn tung tóe lên nền áo cưới trắng tinh lộng lẫy của cô dâu xinh đẹp ngoại chủng Anh quốc Victoria Eugenia đang mặc trên người.

Mỗi buổi sáng từ căn phòng dưỡng bệnh Leila thường đến ngồi bên cửa sổ nhìn ra mặt biển. Khoảng rộng bao la đưa từng con sóng trôi dạt vào bờ rồi kéo ra xa tít mù tắt. Sóng đánh quá khứ ra khơi rồi lại mang trở về. Có khi nhè nhẹ như sợ làm động tấm chân tình của người nữ tu bất hạnh. Có khi sóng cuồn cuộn lên thật mạnh như nhắc nhở quãng thời gian hạnh phúc ngắn ngủi mang đầy vết thương tàn nhẫn. Leila nhắm mắt chối từ quá khứ buông thõng hai tay khập khễnh bước dài bước ngắn từ bờ tường bên này sang bờ tường bên kia. Cứ thế dì từ từ đi như người mang chứng bệnh mộng du. Mỗi khi đụng phải bức tường Leila áp chặt thân thể vào đó như đã tìm được điểm tựa cuối cùng cho mình. Khuôn mặt dì hiện lên nỗi thống khổ đau đớn tột cùng khi nghĩ đến tấm lòng yêu thương của Mẹ Bề Trên. Ân hận. Tổn thương. Niềm tin bị hủy hoại khiến Leila gần như mất trí nhớ. Buổi tối Leila cũng đến ngồi bên cửa sổ nhìn ra bóng tối mênh mông trước mặt. Khoảng không gian thăm thẳm như mực làm dì mang cảm giác của một người mù muốn thoát ra khỏi sự tàn tật bất hạnh của mình. Lòng Leila chùng xuống vì hình ảnh Antonio quằn quại rên xiết và những ngày hạnh phúc ngắn ngủi sống với người đàn ông đa tình lừng danh thành Málaga sẽ là một bóng đeo đuổi dì suốt cuộc đời. Ngày sáng rực ánh mặt trời và đêm đen sâu thăm thẳm nhưng Leila không còn ý thức được đó là đêm hay ngày. Dì lẫn lộn giữa hiện thực và ảo ảnh đã qua. Tâm hồn người nữ tu trẻ tuổi giá lạnh trống rỗng khiến dì không còn khả năng nói chuyện bình thường.

Có ngày Mẹ Bề Trên Maria vào thăm. Bà nắm chặt tay dì như ngày nào nhận đứa trẻ thông minh vào chủng viện. Thiên Chúa có thật đã tìm lại đứa con lạc đường đi. Mẹ Bề Trên Maria thường tự hỏi khi nghĩ về đứa trẻ xinh đẹp mồ côi. Những ngày đen tối nhất cuộc đời Leila giống như bức tranh mang màu sắc u ám của nền trời xám đặc kéo cơn bão từ phía biển về cổ thành. Người nữ tu trẻ tuổi chống chỏi với định mệnh lạ lùng ấy mà chính dì cũng ngỡ ngàng khi hoàn toàn rơi vào đó. Leila thường sống trong trạng thái mơ hồ quay cuồng trong ống cống khổng lồ để tìm lối thoát. Dì khập khễnh lê đôi chân đi khắp hành lang ngoằn ngoèo dài hun hút của chủng viện vào ban đêm như một bóng ma tìm lối về thăm quá khứ rồi trốn chạy nó bằng hành động ngồi thu mình trong góc tối. Những lúc ngồi bất động trong bóng đêm Leila quơ hai bàn tay ra phía trước kêu gọi linh hồn đi lạc của mình trở về cho

kịp lúc. Dì chờ đợi. Chờ đợi. Và chờ đợi. Sự vọng tưởng quá khứ lẫn lộn với tương lai làm người nữ tu trẻ mang cảm giác quay vòng vòng như bánh xe khứ hồi. Dì thấy mình tung lên tung xuống như trò chơi bởi bàn tay vô hình của người mang tên *Định Mệnh*. Cho đến khi y sĩ Tino Vidal về chủng viện dắt theo cậu học trò Ernesto Guevara de la Serna từ Á Căn Đình đến Madrid thực tập trong bệnh viện. Dì tỉnh lại sau cơn bệnh nặng gần mất trí nhớ. Mỗi sáng sớm khi mặt trời còn rũ mình trong cơn đói ngủ. Tino dắt học trò và Leila đi chung quanh chủng viện. Khi đến những bậc thang bước xuống đồi ông khuyến khích Leila dùng đôi chân tàn tật mạnh dạn bước về phía trước.

Cuối xuân năm ấy những bụi hồng chung quanh chủng viện nở bung rực rỡ kỳ lạ. Chúng to lớn như chiếc nón của matador đội trên đầu khi ra đấu trường và không bụi hồng nào có gai sắc nhọn. Dân chúng thành Málaga đua nhau xin những đóa hồng về ngâm trong rượu và bắt đầu học nhảy vũ điệu Tango của Ernesto mang đến từ Á Căn Đình. Leila được Mẹ Bề Trên cho phép học khiêu vũ để chữa bệnh. Những buổi trăng lên tròn như chiếc vòng bằng bạc trên cổ tay Ernesto. Người nữ tu trẻ tuổi tập di động chân trái tật nguyền bằng vũ điệu trữ tình nhất thế kỷ trong khoảng sân sau chủng viện. Dân thành Málaga bắt đầu biết yêu nhiều hơn từ ngày uống rượu vang ngâm hoa hồng to lớn không gai nhọn. Khi Leila hoàn toàn bình phục. Tino Vidal rời chủng viện đi Madrid. Ernesto Guevara trở về Buenos Aires du lịch Châu Mỹ La Tinh trong bẩy tháng bằng xe gắn máy với bạn thân Alberto Granado. Gã trẻ tuổi Julio thường trở lại chủng viện quì trong thánh đường sau giờ hành lễ. Bước đi của hắn vang lên tiếng lục lạc quấn dưới cổ chân làm khoen tai bên trái cũng đong đưa theo nhịp. Tiếng lục lạc thúc đẩy Leila tiếp tục di động bàn chân uyển chuyển hơn mỗi khi ôm bình nước tưới hoa trên thánh đường. Nụ cười trẻ con của Julio như in hằn trong trí nhớ dì sau đêm gặp mặt nơi hang động

*

Nhiều năm về sau Leila Quinte trở thành Mẹ Bề Trên của chủng viện Santa Marcellina. Không còn là thiếu nữ trẻ như ngày đầu tiên gặp Antonio Sanchez Torres. Khuôn mặt bà cũng đầy nếp nhăn như khuôn mặt Mẹ Bề Trên Maria Ducos thuở nào. Các nữ tu mới khấn nguyện thì thầm với nhau rằng dáng đi lệch về phía trái là hậu quả lần bà rơi xuống sườn đồi khi còn trẻ. Những bức tường vôi trắng của chủng viện thay đổi theo thời gian không còn vết nứt vì được xây cất lại dưới sự bảo trợ của các phái đoàn thiện nguyện đến từ khắp nơi trên thế giới. Gã đàn ông đa tình lừng danh nhất thành Málaga vĩnh viễn rời đấu trường vì lý do nào không ai biết rõ. Y sĩ Tino Vidal cũng không còn nữa. Người ta nói rằng ông đã được phong thánh bởi tấm lòng cao

thượng và những việc làm hữu ích vô vị lợi cho nhân loại. Ernesto Guevara de la Serna trở thành người hùng "Che" Guevara tranh đấu cho lý tưởng của dân nghèo Cuba và nằm trong tim thanh niên cùng thế hệ như một thần tượng bất ly. Riêng gã matador trẻ tuổi Julio Vasquez Timada trở thành đấu thủ nổi danh bậc nhất có một không hai của thành Málaga khi Antonio không tham dự trận đấu nào nữa.

Sau chế độ độc tài Franco. Triều đại Carlos mang cuộc cách mạng hôn nhân đầu tiên đi vào lịch sử Tây Ban Nha bằng tiệc cưới linh đình giữa thái tử Felipe với nữ ký giả thường dân li dị Letizia Ortiz vào mùa xuân năm 2004. Mẹ Bề Trên Leila có mặt trong tiệc cưới sau khi cùng Letizia đến chăm sóc ủy lạo hơn 2000 gia đình nạn nhân do quân khủng bố làm nổ bom tại sân ga Madrid. Khi thái tử Felipe và cô dâu cùng sánh đôi bước giữa thánh đường Almundena trang hoàng những đóa lys và hoa hồng trắng lộng lẫy. Dòng nước mắt từ khuôn mặt già nua của Mẹ Bề Trên chảy dài trên gò má nơi ngày xưa Antonio đặt môi hôn lên đấy. Sau tiệc cưới vua Juan Carlos và hoàng hậu Sofia thân hành tiễn bà trở về. Khi đoàn xe đi ngang qua khu đồi cao trước khi tiến vào chủng viện Mẹ Bề Trên quay đầu nhìn lại nơi ngã xuống năm xưa. Bất chợt tim bà ngừng đập.

Leila đã nhắm mắt ngủ một giấc dài mang theo bí mật của người nữ tu trẻ tuổi trong chủng viện Santa Marcellina và gã đấu bò lừng danh thành Málaga ngày cũ.■

Montreal, 31-10-2004

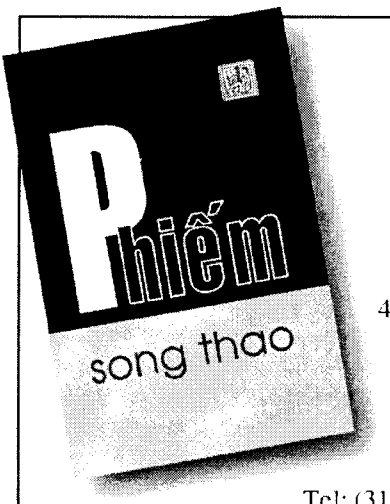

Đã phát hành:

Phiếm

của **SONG THAO**

40 chuyện phiếm, 380 trang.
Ấn phí 15 Mỹ kim

VĂN MỚI xuất bản
P.O. BOX 287
Gardena, CA 90248
Tel: (310) 366-6867 - Fax: (310) 366-6967

TRẦN HỮU HOÀNG

vẫn là viễn mộng

Khi về lại, gặp người trong quán nhỏ
Mùa thu xưa vẫn vậy, nắng hoe vàng
Nhưng đôi mắt bỗng chìm trong tiếng thở
Nhắc nhau ngày viễn mộng đã sang trang

Khi về lại, bàng hoàng trong giọng nói
Lời trao đi như bóng lá bên đường
Lá se sắt lìa cây như muốn gọi
Chút ân tình như chút gió tơ vương

Mười năm đó, những đêm dài thao thức
Hồn chiêm bao đồng vọng níu tay người
Là giọng hát chia xa lời chúc phúc
Biển nhớ người, hay ta nhớ người thôi?!

Mười năm đó, sương đã nhòa trên tóc
Người đã xa, hay ta đã xa ta?!
Hay có lẽ trời xanh kia bật khóc
Khi mắt nhìn ngấn lệ của hôm qua

Là viễn mộng, người vẫn là viễn mộng
Tình trao nhau chút đắng của hiên đời
Ngày gặp gỡ động lòng nghe phố vắng
Tiếng đàn ai hiu hắt mãi không thôi

Là viễn mộng, chiều hoang mang sương khói
Đường quê xưa khoan nhặt những dư âm
Câu từ biệt không lời sao quá tội
Đóa hoàng lan vẫn nở giữa thu không...

Denver/04

các con của thượng đế đều nhảy múa

MURAKAMI HARUKI

PHẠM VŨ THỊNH *dịch*

Lời người dịch: *Murakami Haruki thoát ra ngoài những khuôn mẫu văn học Nhật Bản được biết đến từ trước. Đề tài thường thấy trong các tác phẩm của ông là tình yêu và sự mất mát, trong đời sống hiện đại với những vấn vương siêu hình. Những đặc trưng ấy càng được thấy rõ trong Tuyển tập truyện ngắn "Các Con Của Thượng Đế Đều Nhảy Múa - KamiNo KodomoTachi Wa Mina Odoru", truy niệm trận động đất khủng khiếp tháng Giêng 1995 ở Kobe, nơi ông đã lớn lên. Tuyển tập nầy còn có tên khác là "Sau Cơn Động Đất - JishinNo AtoDe - After The Quake".*

Truyện ngắn sau đây, đăng trên tạp chí Shincho tháng 10 năm 1999, là truyện thứ ba trong tuyển tập truyện ngắn ấy, được dịch từ nguyên tác tiếng Nhật, và đã được kiểm đối chiếu với bản tiếng Anh của Jay Rubin, Giáo sư Văn học Nhật Bản của Đại học Harvard, trong tập "After The Quake" do nhà Harper, London xuất bản năm 2002.

Yoshiya thức dậy trong váng vất của cơn say đêm trước. Gắng hết sức mở mắt ra nhưng chỉ mở được một mắt, mi mắt bên trái nhất định không chịu mở như ý muốn. Trong đêm qua, anh đã có cảm giác như cả đầu anh đầy ắp những chiếc răng sâu. Từ tủy răng đang thối rữa, nước nhờn nhơ nhớp rịn ra, hòa tan óc não trong đầu. Cứ để như thế thì không bao lâu nữa, óc não anh sẽ tiêu mất. Nhưng dù có đến thế thì cũng chịu thôi, chứ làm sao bây giờ. Nếu được thì anh chỉ muốn ngủ một lát, tuy anh biết chẳng làm sao ngủ nghê gì được nữa. Trong người khó chịu quá, làm sao mà ngủ nổi?

Anh nhướng mắt nhìn chiếc đồng hồ đặt bên cạnh gối, nhưng lạ chưa, đồng hồ đã biến mất tự lúc nào, không còn ở chỗ mọi khi vẫn thấy nữa. Mắt kính của anh cũng chẳng thấy đâu. Có lẽ anh đã vô ý quẳng nó đâu rồi. Trước đây cũng đã có vài lần như thế.

Anh biết phải ngồi dậy, nhưng chỉ nhỏm phần thân trên lên là đầu anh lảo đảo rồi gục xuống, chúi mặt vào gối. Nghe có tiếng xe bán rong sào phơi áo quần chạy qua bên ngoài. Tiếng loa trên xe rao đổi sào-cũ-không-dùng lấy sào mới, những là 20 năm nay giá sào không tăng. Giọng đàn ông trung niên đều đều, đơn điệu ngân nga. Anh nghe vất vưởng trong đầu cảm giác say sóng ứ dồn lên cổ họng nhưng không nôn ra được.

Có người bạn bảo là mỗi lần bị váng vất vì cơn say đêm trước thì thế nào cũng mở truyền hình ra xem chương trình phóng sự buổi sáng. Cứ nghe một hồi cái giọng ướn ẹo toang toác của tay phóng viên sân khấu chuyên lùng sục chuyện đời tư của các cô ca sĩ, tài tử, là thế nào cũng nôn thốc ra được những cặn bã còn sót lại trong dạ dày từ bữa rượu đêm qua.

Nhưng sáng hôm ấy, Yoshiya không còn sức để ngồi dậy mà lết đến trước máy truyền hình. Ngay cả chuyện hít thở cũng đã phiền phức quá rồi. Bám sâu trong mắt anh là mớ hỗn độn những tia sáng trong suốt chen lẫn những làn khói trắng, loạn tạp và lì lợm không sao dứt ra được. Khoảng không gian trước mặt trông bằng phẳng một cách kỳ dị. Anh chợt nghĩ chết đi là như thế này đây. Dù đúng thế hay không đi nữa thì tình trạng này chỉ một lần là đủ ớn rồi. Thượng Đế ơi, van Ngài đừng bắt con phải chịu thêm lần nào nữa.

Nhắc đến Thượng Đế, Yoshiya lại nhớ đến mẹ anh. Anh gọi mẹ để xin cốc nước uống, nhưng tiếng gọi ra được nửa chừng thì anh nhớ lại là chỉ có mỗi mình anh ở nhà. Mẹ anh đã đi Kansai với các tín đồ khác từ ba ngày trước. Mẹ tình nguyện đi làm công quả cho thần thánh, mà con lại đang váng vất say sưa ở cấp siêu hạng như thế này! Đến không ngồi dậy được. Đến mở mắt không ra. Mà đã uống rượu với ai nhỉ? Hoàn toàn chẳng nhớ nổi. Cố sức nghĩ xem là ai thì đầu lại tê cứng như khối đá. Thôi thì để về sau hẵng nhớ lại vậy.

Có lẽ chưa đến giữa trưa, tuy ánh nắng chói chang chiếu qua khe màn cửa có vẻ cũng đã quá 11 giờ sáng. Chỗ làm là nhà xuất bản nên nhân viên trẻ như anh có đi trễ một tí có lẽ cũng được châm chước cho. Nán làm bù lại là được chứ gì! Nhưng nếu đi trễ quá trưa thì thế nào cũng bị cấp trên nhiếc mắng. Những lời nói hành nói tỏi thì nghe xong bỏ qua cũng chẳng sao, nhưng anh muốn tránh làm phiền đến những tín đồ quen biết đã giới thiệu chỗ làm này cho anh.

Kết cuộc khi anh ra khỏi nhà cũng đã gần 1 giờ chiều. Giá như thường lệ thì anh có thể bịa ra vài lý do gì đấy để xin nghỉ, nhưng lần nầy thì không được, vì nội ngày hôm nay thế nào cũng phải sắp xếp và in cho xong một tư liệu cần kíp đang nằm chờ trên bàn, mà không thể giao cho ai khác được.

Anh rời căn chung cư ở Asagaya, nơi hai mẹ con anh đang thuê, lấy tàu

điện tuyến Chuô đến ga Yotsuya, đổi sang tuyến Marunouchi đến ga Kasumigaseki, xong lại đổi sang tuyến Hibiya, đến ga Kamiyachô thì xuống. Chân vẫn còn lơ lửng, anh leo bao nhiêu là bậc cấp đi lên, rồi bao nhiêu là bậc cấp đi xuống. Gần ga Kamiyachô là chỗ làm của anh, một nhà xuất bản nhỏ chuyên về sách du lịch nước ngoài.

Trên đường về, đêm ấy, vào khoảng 10 giờ rưỡi, lúc đổi tàu ở ga Kasumigaseki, anh chú ý đến người đàn ông ấy, bởi dái tai bị khuyết của ông ta. Người đàn ông khoảng giữa tuổi 50, tóc đã bạc phân nửa, cao, không mang kính, áo khoác ngoài bằng vải tuýt[1] cổ-phong, tay phải xách cặp da. Ông ta từ sân đợi của tuyến Hibiya, hướng về phía sân đợi của tuyến Chiyoda, chậm rãi bước như người đang suy nghĩ điều gì lung lắm. Yoshiya bước theo ông ta không chút ngần ngừ. Anh chợt thấy cổ họng khô ran như một miếng da cũ.

Mẹ của Yoshiya đã 43 tuổi nhưng trông trẻ như chỉ mới giữa tuổi 30. Nét mặt cân đối, đoan trang, tỏa ra một vẻ thật thuần khiết. Ăn uống tiết chế và tập thể thao mạnh bạo mỗi buổi chiều nên giữ được dáng người thanh cảnh đẹp đẽ, làn da mịn màng. Thêm vào đó, bà chỉ cách Yoshiya có 18 tuổi nên thường bị lầm là hai chị em.

Đặc biệt là ý thức người mẹ nơi bà rất là mơ hồ. Hay có khi rất khác đời. Cả lúc Yoshiya đã lên trung học, bắt đầu quan tâm đến tình dục, mà bà vẫn cứ mặc đồ lót, có khi trần truồng, đi lại tự nhiên trong nhà. Phòng ngủ thì tất nhiên là riêng biệt rồi, nhưng có những đêm buồn cô đơn, hầu như không mặc gì trên người, bà hay đến phòng Yoshiya, chui vào chăn đắp. Rồi vòng tay ôm lấy Yoshiya như ôm con chó con hay con mèo cưng, mà ngủ. Vẫn biết là mẹ không có ý tà vạy nhưng những lúc như thế lòng Yoshiya vẫn không được yên tĩnh. Anh phải giữ tư thế thật là gò bó khổ sở để mẹ khỏi để ý tình trạng cương cứng của mình. Cũng vì sợ hãi lỗi lầm sa ngã chí tử với người mẹ, mà Yoshiya gắng hết sức tìm bạn gái nào dễ thỏa thuận tình dục với mình. Khoảng thời gian nào không tìm được bạn gái như thế thì Yoshiya đành phải tự thỏa mãn mình bằng tay. Những năm cuối trung học, anh dùng tiền kiếm được từ việc làm thêm để đến các quán bán dâm. Những hành vi ấy không phải để xử trí dục tình quá thừa, mà xuất phát từ nỗi sợ hãi. Yoshiya đã không ngừng khổ tâm về chuyện chắc đến một lúc nào thuận tiện sẽ phải bỏ nhà ra đi bắt đầu sống một mình. Như khi vào đại học, hay bắt đầu đi làm. Thế nhưng kết cuộc, đến tuổi 25 nầy rồi mà anh cũng không bỏ nhà ra đi được. Bởi vì một khi anh đi rồi, chỉ còn một mình thì mẹ anh sẽ làm chuyện gì không ai bảo đảm được. Đã nhiều lần rồi, anh đã phải dùng toàn lực để cản mẹ anh thực hành những ý ngông rất đột ngột và tác hại lâu dài về sau, mà nguyên thủy phát xuất từ thiện ý của bà. Lại nữa, nếu bây giờ mà nói chuyện bỏ nhà ra đi thế nào cũng

gây ra xào xáo náo động trong gia đình. Bởi chưa bao giờ bà nghĩ đến chuyện sẽ có ngày Yoshiya rời bỏ bà đi sống ở một nơi nào khác. Năm 13 tuổi, khi Yoshiya nhất quyết bỏ tín ngưỡng, bà đã tối ngày sầu thảm, cuồng loạn đến như thế nào, Yoshiya vẫn chưa quên. Nửa tháng trời hầu như bà không ăn gì cả, tắm rửa cũng không, đầu tóc không chải gỡ, áo quần lót cũng chẳng thay, mà đến kỳ kinh cũng không để ý gì mấy. Đó là lần đầu tiên Yoshiya thấy mẹ mình bẩn thỉu hôi hám. Chỉ tưởng tượng chuyện ấy sẽ xảy ra lần nữa là Yoshiya đã thấy ngực mình đau nhói.

Yoshiya không có cha. Từ khi sinh ra, anh chỉ biết có mẹ. Từ ngày còn bé, mẹ anh đã bao lần bảo anh rằng: bố anh là "Đức Ngài", danh xưng mà tín đồ trong đạo của bà dùng để chỉ Thượng Đế. Bởi là Đức Ngài nên chỉ ở trên Trời thôi, không thể nào sống chung với chúng ta được; nhưng Đức Ngài là bố của Yoshiya nên luôn luôn phù hộ cho Yoshiya từng li từng tí. Chính ông Tabata là người hướng dẫn tôn giáo cho Yoshiya từ ngày còn bé cũng nói như thế.

"Đúng là bố của cháu không ở trên trần gian này. Chắc chắn là có những người trần mắt thịt xầm xì về chuyện ấy. Thật tiếc cho thiên hạ nhiều người mắt bị mây che mờ đi không nhìn ra được hình dạng chân lý! Nhưng mà này cháu Yoshiya, Đức Ngài bố của cháu bao trùm tất cả thế giới nầy. Cháu đang nằm trọn vẹn trong tình thương yêu của Đức Ngài mà sống đấy. Thế nên cháu phải biết tự hào mà sống cho xứng đáng".

"Nhưng Thượng Đế là của chung mọi người, còn bố thì của riêng từng người chứ".

Yoshiya nói, lúc ấy mới vào tiểu học.

"Nghe đây cháu Yoshiya. Sẽ có một ngày Đức Ngài bố của cháu hiện thân cho riêng mình cháu thấy. Cháu sẽ được gặp Đức Ngài một ngày không dự tưởng trước, ở một nơi không dự tưởng trước được. Nhưng nếu cháu đem lòng nghi ngờ mà từ bỏ đức tin thì Đức Ngài sẽ vô cùng thất vọng mà mãi mãi không hiện thân cho cháu thấy đâu. Cháu hiểu chưa?"

"Cháu hiểu rồi ạ".

"Lời ta nói, cháu sẽ ghi nhớ mãi đấy nhé!"

"Vâng, cháu sẽ ghi nhớ mãi, thưa bác Tabata".

Thật ra, Yoshiya đâu có chấp nhận dễ dàng như thế. Cậu bé không nghĩ mình là đứa trẻ có gì đặc biệt đến nỗi là con của Thượng Đế. Nghĩ gì đi nữa, cậu cũng vẫn thấy mình không khác gì những đứa trẻ bình thường khác. Đúng hơn thì là một đứa trẻ còn tệ hơn những đứa trẻ bình thường một chút. Bởi cậu chẳng có gì hơn người, và rất thường làm hỏng chuyện. Những năm cuối tiểu học cũng chẳng khá gì hơn. Thành tích trong lớp thì không có gì xuất sắc, mà

thể thao thì lại quá tệ. Chân thì chạy chậm lại gầy tong teo, mắt cận thị, tay lại vụng về. Đánh bóng chày thì thế nào cũng chụp bóng hụt, khiến bạn cùng phe mắng mỏ, và các nữ khán giả cười khúc khích. Cậu thường cầu khấn bố cậu là Đức Ngài trước khi ngủ: sẽ tiếp tục giữ đức tin vững chắc, mãi mãi không suy suyển, chỉ xin gia hộ cho cậu làm sao chụp được những bóng đánh bổng ra bãi ngoài. Cậu chỉ xin có thế thôi. Ngoài ra thì hiện giờ không xin gì thêm. Nếu quả thật Đức Ngài là bố của cậu thì một khẩn cầu nhỏ như thế hẳn là được chấp thuận dễ dàng. Thế mà lời nguyện ấy cũng chẳng linh ứng, bóng bay ra ngoài vẫn cứ tuột khỏi tay với của cậu.

"Nầy cháu Yoshiya, cháu làm thế là thử thách Đức Ngài đấy". Ông Tabata nói thẳng thừng. "Cầu nguyện là tốt, thế nhưng mà cháu phải cầu nguyện chuyện gì thật to tát, rộng lớn mới đúng. Chứ cầu nguyện chút việc cụ thể mà lại ra thời hạn như thế thì không nên".

Năm Yoshiya 17 tuổi, mẹ cậu mới thổ lộ những gì như là bí mật xuất sinh của cậu. Bà nói cũng đã đến lúc cậu nên biết rồi.

"Hồi còn ở tuổi mười mấy, mẹ như sống trong bóng tối sâu thẳm". Mẹ cậu kể. "Linh hồn mẹ như một biển bùn lầy mới được tạo ra, lộn xộn, hỗn loạn. Ánh sáng sự thật còn bị mây đen che khuất. Do đấy, không yêu thương gì mà vẫn *giao hiệp* với người nam. Con hiểu *giao hiệp* là gì chứ?"

Yoshiya đáp thưa hiểu. Đến chuyện tính dục thì mẹ cậu thỉnh thoảng lại dùng những chữ cổ lỗ. Ở tuổi ấy, cậu đã từng "không yêu thương gì mà vẫn *giao hiệp"* với vài người phái nữ rồi. Mẹ cậu nói tiếp:

"Bụng trương lên lần đầu là năm thứ hai trung học. Lúc bấy giờ, cũng chẳng xem điều ấy là quan trọng. Bạn bè giới thiệu cho một bệnh viện, đến đấy mà phá đi thôi. Y sĩ khoa phụ sản là người còn trẻ và tử tế, sau khi xong đã giảng cho biết cách ngừa thai. Phá thai là chuyện có ảnh hưởng không tốt đến thân thể và tâm hồn, và cũng để ngăn ngừa bệnh hoạn sinh dục, ông đã cho mẹ một hộp bao cao su mới. Mẹ nói: gì chứ bao cao su thì đã dùng cẩn thận rồi mà. Y sĩ bảo: Vậy thì hẳn là cách dùng không đúng rồi. Lắm người cứ tưởng là dùng đúng, nhưng thật ra không biết cách dùng cho đúng. Nhưng mà, mẹ không phải là người ngu tối gì, ngừa thai thì đã cẩn thận lắm đấy chứ. Áo quần cởi ra xong là tự mình cài bao cao su cho người kia ngay, bởi không thể tin cậy gì đàn ông về việc nầy. Con biết về bao cao su đấy chứ nhỉ?"

Yoshiya gật đầu nói biết.

"Hai tháng sau đó, lại bị trương lên. Đã cẩn thận hơn trước nữa, vậy mà vẫn trương lên mất. Chuyện không tin được mà vẫn xảy ra. Nhưng không có cách nào khác hơn là lại đến chỗ ông y sĩ ấy. Ông ấy nhìn thẳng vào mặt, trách: Mới khuyên nên cẩn thận đấy mà, nghĩ sao mà lại ra thế nầy? Mẹ vừa

khóc vừa giải thích đã cẩn thận như thế nào, nhưng ông ấy vẫn không tin, còn mắng thêm: Nếu dùng bao cao su đúng cách thì không thể nào bị như thế nầy được! Kể cho rõ thì dài dòng quá, nhưng mà sáu tháng sau, từ một chuyện tình cờ mà mẹ và ông y sĩ ấy bắt đầu *giao hiệp* với nhau. Ông ta lúc ấy khoảng 30 tuổi, độc thân. Nói chuyện có hơi nhàm chán, nhưng là người thẳng thắn và nghiêm trang. Dái tai bên phải bị khuyết, nghe đâu lúc còn bé bị chó cắn đứt mất. Đang đi giữa đường bỗng có con chó đen to lớn nhảy chồm đến cắn đứt tai. Ông ấy còn cho là may mắn chỉ bị cắn đứt mất dái tai mà thôi. Không có dái tai cũng không trở ngại gì cho đời sống cả. Chứ nếu mất mũi thì đâu dễ thế được. Mẹ cũng cho rằng ông ấy nói đúng.

Đi lại với ông ấy, mẹ trở lại được với con người bình thường của mình. Lúc *giao hiệp* với ông ấy thì không phải nghĩ đến chuyện gì khác. Ngay cả cái tai chỉ còn một nửa của ông ấy cũng thương được nữa là. Ông là người nhiệt tâm với công việc nên nằm trên giường cũng còn giảng giải chuyện ngừa thai, lúc nào thì mang bao vào như thế nào, lúc nào thì tháo bao ra như thế nào cho đúng. Cách ngừa của ông thì tuyệt hảo, không chỗ nào chê được nữa. Ấy thế mà rồi mẹ cũng bị trương bụng lên".

Mẹ cậu kể: đã đến chỗ người tình y sĩ ấy, thổ lộ là có lẽ đã mang thai. Ông y sĩ khám xét và xác nhận điều ấy. Nhưng ông không nhận mình là người tạo ra cái bào thai ấy, bởi ông là nhà chuyên môn, và đã áp dụng cách ngừa thai hoàn hảo. Không còn gì khác hơn là mẹ cậu đã gian díu với người đàn ông nào khác.

"Mẹ nghe ông ấy nói thế thì tự ái bị thương tổn quá, giận đến run cả người. Con hiểu tâm trạng của mẹ lúc ấy không?"

Yoshiya gật đầu.

"Trong thời gian đi lại với ông ấy, mẹ nhất thiết không *giao hiệp* với người đàn ông nào khác. Vậy mà ông ấy coi mình là đứa con gái bất lương dâm đãng. Từ đó, mẹ không còn gặp mặt ông ấy nữa, mà cũng không phá thai. Cứ nghĩ thôi chết đi cho xong. Nếu lúc ấy không có bác Tabata tình cờ đi ngang qua thấy mà gọi mẹ, thì chắc mẹ đã lên thuyền đi Ôshima, từ khoang thuyền nhảy xuống biển mà chết mất xác rồi. Mẹ chẳng sợ chết tí nào. Nếu mẹ chết lúc ấy, thì không có Yoshiya sinh ra trên đời này đâu. Nhưng nhờ có bác Tabata hướng dẫn, mẹ đã được cứu vớt như thế này đây. Cuối cùng thì mẹ cũng đã thấy được ánh sáng chân lý. Thế rồi, nhờ sự giúp đỡ của các tín hữu mà sinh ra Yoshiya cho đời này đấy".

Lúc gặp mẹ cậu, bác Tabata đã nói:

"Mặc dù đã ngừa thai nghiêm túc như thế mà cô vẫn hoài thai, không chỉ một lần mà đến ba lần, thế cô có cho đấy là tai nạn ngẫu nhiên được không? Tôi không nghĩ thế. Ba lần ngẫu nhiên thì không còn ngẫu nhiên gì được nữa.

Con số 3 ấy quả thật là con số ám thị của Đức Ngài đấy. Nói khác đi, cô Ozaki ạ, Đức Ngài muốn cho cô có con đấy. Mà không phải là con ai khác đâu, chính là đấng con của Đức Ngài ở trên Trời đấy. Cô nên đặt tên cho bé trai ấy là Yoshiya nghĩa là Thiện Đấy".

Đúng như lời bác ấy đã dự đoán, mẹ cậu hạ sinh một bé trai, đặt tên là Yoshiya, và từ đấy không còn *giao hiệp* với người đàn ông nào nữa, chuyên tâm sống đời thừa sai của Thượng Đế.

"Thế nghĩa là ". Yoshiya ngập ngừng nói: "Bố đẻ của con là ông y sĩ khoa phụ sản ấy chứ gì?"

"Không phải đâu. Ông ấy đã ngừa thai hoàn toàn rồi kia mà. Như bác Tabata đã nói, bố của Yoshiya là Đức Ngài đấy chứ. Không phải bằng *giao hiệp* xác thịt, mà do ý chí của Đức Ngài mà sinh ra Yoshiya cho đời nầy đấy". Mẹ cậu nói quả quyết, mắt ánh lên tia lửa tin tưởng nồng nhiệt.

Có vẻ mẹ cậu tin hết lòng như thế, nhưng Yoshiya thì tin chắc rằng ông y sĩ kia mới chính là bố của cậu. Chắc chắn bao cao su mà ông dùng đã có vấn đề vật lý gì rồi, không thể nghĩ khác hơn được.

"Thế rồi ông y sĩ ấy có biết mẹ đã sinh con không?"

"Chắc là không biết đâu". Mẹ cậu nói: "Làm sao ông ấy biết được. Mẹ đã không gặp mà cũng không liên lạc gì với ông ấy cả".

*

Người đàn ông ấy lên chuyến tàu đi Abiko trên tuyến Chiyoda. Yoshiya cũng theo lên cùng toa tàu với ông ta. Đã quá 10 giờ rưỡi tối nên tàu điện không còn đông mấy. Người đàn ông ngồi xuống ghế, lấy trong cặp ra một tờ tạp chí, mở ra trang đã đọc dở. Trông có vẻ là một tạp chí chuyên môn. Yoshiya ngồi trên ghế đối diện, mở rộng tờ nhật báo cầm trên tay, làm bộ chăm chú đọc. Người đàn ông gầy ốm, khuôn mặt có những đường hằn sâu có vẻ nghiêm nghị khắc khổ, trông ra dáng một y sĩ. Tai bên phải khuyết mất dái tai, cũng có vẻ đúng là đã bị chó cắn đứt mất.

Yoshiya có trực giác đây là người cha theo nghĩa sinh vật học của mình. Thế nhưng người này có lẽ không biết rằng ông ta có người con trai là mình trên cõi đời nầy. Bây giờ giả sử mình thổ lộ với ông ấy đi nữa, chắc là ông ta không tin đâu. Nói gì đi nữa, ông ta đã ngừa thai hoàn hảo như một nhà chuyên môn kia mà.

Tàu điện chạy dưới hầm, qua các ga Shin-Ochanomizu, Sandagi, Machiya, rồi chạy lên mặt đất. Cứ mỗi lần đậu ở ga là vắng thêm một số khách. Người đàn ông vẫn chăm chú đọc tạp chí, không thèm để mắt đến gì khác. Không có vẻ gì sắp rời chỗ ngồi. Yoshiya thỉnh thoảng liếc xem động tĩnh của ông ta trong lúc vẫn giả vờ đọc báo chiều, nhưng thật ra đang cố nhớ lại những gì đã

xảy ra tối hôm trước. Anh nhớ đã cùng bạn thân thời sinh viên và người quen của anh bạn là hai cô gái, đi Roppongi uống rượu, xong đi quán nhảy Disco. Chỉ có chừng ấy là còn lại trong trí anh. Nhưng mà kết cuộc rồi có làm tình với cô gái bầu bạn với anh không nhỉ? Có lẽ không, đã say đến mức ấy thì còn làm ăn gì được nữa!

Mục phóng sự xã hội của tờ báo chiều vẫn còn đầy những ký sự về trận động đất ở Kobe. Mẹ anh và các tín hữu chắc là đang tạm trú tại chi nhánh địa phương của giáo hội, mỗi buổi sáng lại cho các vật dụng sinh hoạt vào túi xách, lên tàu điện đi đến những vùng cuối đường tàu, xong từ đó đi bộ trên những đường lộ ngổn ngang gạch đá đổ nát để đến Kobe, phân phát nhu yếu phẩm cho người bị nạn động đất. Qua điện thoại, mẹ anh bảo là mỗi túi xách chứa được đến 15 kí lô. Yoshiya cảm thấy như những vùng bị động đất ấy đang cách xa anh lẫn người đàn ông ngồi phía trước, đang chăm chú đọc tạp chí kia, cả vài năm ánh sáng.

Khoảng vừa xong tiểu học, Yoshiya cũng đã cùng với mẹ đi truyền đạo mỗi tuần một lần. Trong giáo hội, mẹ anh là người có thành tích truyền đạo cao nhất. Dáng người trẻ đẹp, ra vẻ con nhà, mà con nhà thật đấy chứ, dễ gây thiện cảm, lại còn dắt theo một bé trai nữa. Đứng trước mặt người truyền giáo trẻ đẹp ấy, người ta mất đi lòng cảnh giác, cho dù không quan tâm đến tôn giáo, cũng vẫn nghĩ: ừ thì dừng lại nghe xem nói chuyện gì một lúc cũng đâu có sao. Mẹ Yoshiya thường mặc áo quần theo bộ, giản dị nhưng trang nhã và khéo léo khoe những đường nét thanh tú của thân hình, trong những lần đi từ nhà này sang nhà khác, phát những tờ rời truyền giáo, không có giọng ép buộc gì, chỉ tươi cười giải thích về hạnh phúc của người có tín ngưỡng, ngỏ lời mời những ai có điều gì khó khăn hay rối trí hãy đến với giáo hội.

"Giáo hội chúng tôi không ép uổng điều gì với ai, chỉ có bàn tay sẵn sàng nâng đỡ". Mẹ anh nói với giọng nồng nhiệt, mắt sáng ánh nhiệt tình. "Chính bản thân tôi ngày trước, linh hồn cũng đã lạc lõng trong bóng tối sâu thẳm, đã nhờ lời dạy của giáo hội mà được cứu rỗi. Lúc bấy giờ, tôi đã nghĩ đến chuyện cùng với cháu bé này lúc ấy còn nằm trong bụng tôi, gieo mình xuống biển mà chết cho xong. Thế rồi tôi đã được Đức Ngài ở trên Trời cứu vớt, để bây giờ tôi và cháu đây được sống cùng Đức Ngài trong ánh sáng mầu nhiệm của đời sống giáo hội".

Yoshiya không thấy khổ nhọc gì khi mẹ nắm tay dắt đi những nhà người lạ, từ nhà này sang nhà khác. Những lúc ấy, mẹ cậu đặc biệt hiền dịu và tay nắm ấm áp. Nhiều lần đã bị người ta lạnh lùng xua đuổi, cũng vì thế mà thỉnh thoảng được nghe những lời tử tế thì vui mừng vô cùng. Khi có thêm được tín hữu mới thì rất hãnh diện, và Yoshiya lại nghĩ thế này thì hẳn là Thượng Đế

bố cậu chứng giám thêm được chút gì cho cậu.

Nhưng không lâu sau khi lên trung học, Yoshiya đã bỏ tín ngưỡng ấy. Một phần vì cậu bắt đầu ý thức được bản ngã độc lập, thực tế không còn có thể dung nạp những giáo luật nghiêm khắc của giáo hội vốn mâu thuẫn với quan niệm thông thường trong xã hội. Nhưng không phải chỉ có thế. Lý do căn bản nhất để Yoshiya quyết tâm rời bỏ giáo hội chính là vì sự lạnh nhạt của đấng xưng là bố của cậu, mà lại chỉ lộ tấm lòng cứng rắn như tảng đá, im lìm, nặng nề, tối tăm. Mẹ cậu đã buồn phiền sâu đậm vì con bỏ đạo, nhưng quyết ý của Yoshiya đã không lay chuyển được.

Khoảng ga ngay trước khi vào địa phận huyện Chiba, người đàn ông cho tạp chí vào cặp, rời chỗ tiến ra phía cửa toa. Yoshiya cũng xuống theo. Ông ta lấy vé từ trong túi áo, luồn qua cửa soát vé. Yoshiya phải xếp hàng ở cửa soát vé để trả thêm phần vé thiếu bằng tiền mặt. Cũng may, anh bắt kịp lúc ông ta sắp chui vào một chiếc xe taxi đang chờ khách trước ga. Anh chui ngay vào chiếc taxi tiếp đó, rút từ ví ra một tờ vạn Yen[2].

"Anh chạy theo chiếc xe trước cho tôi".

Người lái xe nhìn mặt Yoshiya có vẻ nghi ngại, rồi nhìn tờ vạn Yen.

"Ông khách à, không phải chuyện nguy hiểm đấy chứ? Như chuyện phạm pháp gì ấy".

"Nguy hiểm gì đâu, không sao mà". Yoshiya nói. "Điều tra hành vi thông thường thôi".

Người lái im lìm nắm lấy tờ giấy bạc, xong cho xe chạy.

"Vẫn phải trả tiền cuốc xe như thường đấy nhé. Cho chạy máy tính tiền đây nầy".

Hai chiếc xe taxi chạy luồn qua những đường có tiệm buôn đã đóng cửa, qua trước những miếng đất trống tăm tối, một bệnh viện lớn có các cửa sổ còn để đèn sáng, xuyên qua khu vực chia lô sắp lớp ngăn nắp những chung cư rẻ tiền mới xây xong. Hầu như không có xe cộ nào khác qua lại, nên việc theo đuôi xe trước chẳng có gì khó mà cũng chẳng có gì phải lên ruột. Người lái taxi có vẻ biết ý nên lúc thì chạy nhanh thêm, lúc thì chạy chậm lại để giữ khoảng cách đều giữa hai xe.

"Điều tra vụ ngoại tình gì đấy phải không?"

"Không đâu". Yoshiya đáp. "Chuyện săn người làm việc đây. Hãng nầy muốn cướp người của hãng kia đấy mà".

"Thế cơ đấy". Người lái ngạc nhiên. "Thời bây giờ muốn cướp người làm của hãng khác lại làm cả chuyện thế nầy nữa à. Chuyện chưa nghe thấy bao giờ".

Đến một vùng nhà cửa thưa thớt, có công trường và kho hàng sắp lớp bên

bờ sông. Không một bóng người. Ngọn đèn đường còn mới trông càng nổi bật hơn lên. Đến chỗ chạy dài một bức tường xi-măng cao, xe trước bỗng dừng lại. Xe Yoshiya cũng nhấm theo đèn sau màu đỏ của xe trước mà dừng lại cách khoảng 100 thước, tắt đèn xe. Ánh đèn đường thủy ngân im lìm chiếu sáng mặt nhựa đen. Chẳng thấy gì khác ngoài dãy tường dài. Trên dãy tường chạy một lưới dây kẽm gai như để dọa nạt thiên hạ. Xe trước mở cửa, từ xa thấy dáng người đàn ông khuyết dái tai ấy bước ra. Yoshiya không nói không rằng, đưa thêm hai tờ 1000 Yen nữa cho người lái xe.

"Ông khách này, ở đây không có nhiều taxi đâu. Chuyến về khó đấy. Tôi đợi ông ở đây nhé?"

Yoshiya từ chối, bước xuống xe.

Người đàn ông chẳng nhìn gì chung quanh, mặt hướng thẳng phía trước, bước trên con đường thẳng tắp men theo dãy tường xi-măng. Bước chân vẫn giống như lúc đi trên sân đợi tàu điện ngầm, thong thả, trật tự, trông như người máy điều khiển bằng từ tính. Yoshiya kéo cao cổ áo khoác lên che mặt, từ khe hở của cổ áo thở ra những đợt khói trắng, bước theo sau ông ta một khoảng vừa đủ để không bị phát giác. Vọng lại bên tai anh chỉ có tiếng cộp cộp vô danh từ đôi giày da của ông ta. Ngược lại, chân giày đế cao su của Yoshiya không tạo ra tiếng động nào cả.

Chung quanh không có dấu vết sinh hoạt của con người, giống như phong cảnh nguy trang dựng tạm lên trong cơn mộng mị. Đi hết dãy tường thì đến một bãi chứa xe hỏng, hàng rào kim loại bao quanh, xe hỏng chất chồng lên nhau như những ngọn đồi nhỏ. Phơi ngoài mưa gió lâu ngày, lại chiếu lên thứ ánh sáng đơn điệu của đèn thủy ngân, đống xe trông chẳng còn màu sắc gì nữa. Người đàn ông vẫn bước đều qua trước bãi xe ấy.

Yoshiya không sao hiểu nổi vì lý do gì ông ta lại xuống xe taxi, đi vào cái chỗ vắng vẻ tịch mịch chẳng có gì cả này. Không phải ông ta đi về nhà sao? Không lẽ ông ta còn ghé lại đâu đó trước khi về nhà? Đêm tháng Hai lạnh ngắt thế này đâu phải là lúc để đi tản bộ ban đêm? Gió đêm lạnh cóng thổi đến, đẩy lưng Yoshiya đi tới, rồi thổi luồn qua suốt con đường.

Hết bãi xe hỏng lại thấy một dãy tường xi-măng vô duyên, cuối dãy tường ấy là một khung cửa mở ra một lối đi hẹp. Người đàn ông có vẻ quen thuộc đường lối, không chút ngập ngừng tiến vào lối đi ấy. Phía trong sâu của lối đi ấy rất tối tăm, có gì trong ấy thật khó mà biết được. Yoshiya hơi ngần ngừ, nhưng rồi cũng theo người đàn ông mà bước vào chỗ tối tăm ấy. Anh đã theo ông ta đến tận đây rồi, đâu có thể rút lui được nữa.

Đó là một con hẻm hẹp, kẹp giữa hai vách tường cao, hai người đi ngược chiều cũng khó mà lách qua nhau, lại tối mù như đáy biển. Anh chỉ còn dựa

vào tiếng chân của người đàn ông mà bước tới. Ông ta vẫn bước theo nhịp bước cũ, không có gì thay đổi. Trong vùng tối đen không chút ánh sáng ấy, Yoshiya nương theo nhịp chân ông ta mà bước đi.

Tiếng chân im bặt.

Ông ta đã biết có người đi theo hay sao? Hay là đang dừng chân nín thở, dò xem động tĩnh phía sau lưng? Trong bóng tối âm u, tim Yoshiya co thắt lại. Nhưng anh cố ghìm tiếng trống đập ấy xuống bụng, dấn bước về phía trước. Chẳng sợ gì, cho dù có bại lộ chuyện theo dõi chăng nữa, anh sẽ cứ tình thật mà khai ra thôi. Như thế mà lại dễ nói hơn.

Nhưng thật ra, con hẻm ngừng đột ngột ở đấy. Đường cùng. Phía trước bị chặn bởi một hàng rào bằng kim loại. Nhìn kỹ thì thấy có một lỗ hổng cỡ một người chui lọt. Ai đấy đã bẻ ngược dây kim loại, tạo nên lỗ hổng ấy. Yoshiya vén tay áo khoác, thu mình chui qua lỗ hổng. Phía bên kia hàng rào kim loại là một đồng cỏ rộng rãi. Mà không phải chỉ là đồng cỏ. Có vẻ là một sân vận động gì đấy. Yoshiya đứng dưới ánh trăng mờ nhạt, nhướng mắt nhìn chung quanh. Hình dáng người đàn ông ấy chẳng còn thấy đâu. Anh nhận ra đây là một sân bóng chày. Chỗ anh đang đứng là ngay giữa phần sân ngoài. Cỏ tạp phủ đầy mặt sân, chỉ có vị trí thủ bị thì bị dẫm đạp đến trơ nền đất ra như một vết thương. Phía xa trước mặt, khoảng lũy nhà, có lưới bọc hậu giương ra như cánh chim to lớn màu đen; vị trí của người ném bóng thì vồng lên như một khối u trên mặt đất. Một vòng rào cao bằng kim loại bao quanh phía ngoài sân. Gió thổi qua sân rải tung những bao nhựa khoai-tây-lát-rán-giòn đi khắp nơi.

Yoshiya đút hai tay vào túi áo khoác, nín thở, chờ xem có gì xảy ra không. Nhưng chẳng có gì xảy ra cả. Anh nhìn sang phải, nhìn sang trái, nhìn về vị trí người ném bóng, nhìn xuống mặt đất chỗ anh đang đứng, rồi ngước nhìn lên trời. Vài khối mây có đường viền thật rõ nét nổi lên trên nền trời. Trăng nhuộm những đường viền ấy một màu sắc kỳ dị. Lẫn trong cỏ phảng phất mùi phân chó. Người đàn ông thì đã biến đi đâu mất hút, chẳng để lại dấu vết gì. Nếu bác Tabata mà có mặt ở đây lúc nầy hẳn sẽ nói: "Này cháu Yoshiya, Đức Ngài hiện ra trước mắt chúng ta trong hình dáng không ai dự tưởng trước được đâu".

Nhưng bác Tabata đã chết ba năm trước vì bệnh ung thư đường tiểu rồi. Những tháng cuối cùng, trong những cơn bệnh đau đớn kịch liệt đến người khác cũng cảm thấy khổ tâm ấy, bác ấy vẫn không một lần thử thách Thượng Đế hay sao? Không một lần cầu khấn Thượng Đế hãy làm giảm bớt đau đớn chút nào sao? Yoshiya nghĩ bác Tabata có đủ tư cách để cầu khấn điều ấy, dù cho quá cụ thể hay phải ra kỳ hạn thế nào mặc lòng. Bởi ông đã nghiêm túc

tôn trọng những giới luật rắc rối, đã sống trong quan hệ mật thiết với Thượng Đế rồi kia mà. Vả lại, Yoshiya chợt nghĩ, nếu Thượng Đế có thể thử thách con người, thì tại sao con người lại không nên thử thách Thượng Đế?

Yoshiya chợt nghe nhói đau, sâu trong thái dương, nhưng anh không biết đấy là cơn đau nào còn sót lại của trận say đêm qua, hay là do nguyên nhân gì khác. Anh nhăn mặt, rút hai tay ra khỏi túi áo khoác, bước chậm rãi những bước dài về phía lũy nhà. Vừa mới đây, anh đã nghẹt thở theo dõi người đàn ông có vẻ là bố của anh. Ngoài chuyện ấy ra, trong trí anh hầu như đã không có hình ảnh gì khác. Cũng vì chuyện theo dõi ấy mà anh đã đến sân bóng chày của cái xóm chưa bao giờ anh biết đến nầy. Nhưng người đàn ông đã biến đâu mất tăm tích, rồi như hòa nhịp với chuyện mất tích đó, sự quan trọng của cả một chuỗi những hành vi vừa qua của anh cũng biến mất trong trí anh. Ý nghĩ tự thân của việc anh làm đã bị phân tán, không trở lại như cũ được. Ngày xưa, chuyện anh không chụp được quả bóng đánh bổng ra ngoài bãi đã là một công án trọng đại đến mức quyết định sinh tử đối với anh, vậy mà giờ đây có vẻ không còn quan trọng đến thế nữa.

Anh không hiểu mình làm chuyện này để tìm kiếm cái gì? Yoshiya vừa thẫn thờ bước đi vừa tự hỏi. Có phải mình đã gắng xác nhận mối dây nối gì đấy với sự hiện hữu của mình trên cõi đời này hay không? Có phải mình muốn có một vai trò mới, rõ ràng hơn, ăn khớp với một kịch bản mới hơn hay chăng? Yoshiya nghĩ có lẽ không phải thế đâu. Có lẽ anh đã đuổi theo cái đuôi của bóng tối ngay bên trong anh. Tình cờ phát hiện ra nó, đuổi theo nó, ghì chặt lấy nó, để rồi kết cuộc lại vuột tay để nó biến đi mất hút dưới một tầng tối tăm sâu thẳm hơn nữa. Có thể anh không còn thấy được nó nữa. Linh hồn anh lúc này từ từ ngưng đọng lại ở một thời gian và một không gian sáng sủa bao quát. Dù người đàn ông ấy có thật là bố anh, hay ông ấy có là Thượng Đế, hay chỉ là một người dưng nào đó tình cờ cũng khuyết mất dái tai bên phải, chuyện ấy chẳng còn gì quan trọng cả. Ý thức được như thế đã là một hiển linh, một bí tích đáng được xưng tán rồi.

Anh leo lên vị trí u lên của người ném bóng, dẫm chân lên tấm bửng định vị, hết sức rướn thân mình lên. Hai bàn tay đan ngón vào nhau, hai cánh tay giương thẳng lên phía trên đầu. Hít đầy khí lạnh ban đêm vào phổi, anh ngước mặt nhìn lên trăng một lần nữa. Mặt trăng thật to. Sao trăng có lúc thấy to, có lúc lại thấy nhỏ, nhỉ? Phía sau lũy 1 và 2 dựng lên sơ sài một khán đài bằng gỗ. Dĩ nhiên nửa đêm tháng Hai nên chẳng có ai ngồi đấy cả, chỉ có những tấm gỗ dài, lạnh lẽo, làm thành ba dãy cao thấp tiếp nhau. Phía bên kia tấm lưới bọc hậu có vẻ là kho chứa hàng hóa gì đấy, một dãy nhà kho không có cửa sổ, âm khí nặng nề.

Anh đứng đấy, hai cánh tay quay vòng vòng, rồi hòa nhịp theo đó, chân anh cũng đá tới hay đá ngang, như người ném bóng. Cử động giống như nhảy múa ấy tiếp diễn một hồi thì cả người anh ấm áp dần lên, mọi cơ bắp trong thân thể lấy lại được cảm giác tự nhiên. Một lúc sau, anh ý thức được rằng cơn đau đầu hầu như cũng biến mất.

Thời sinh viên, cô bạn gái chơi với anh suốt mấy năm đại học đã gọi anh là "cậu ếch", vì anh khiêu vũ giống như con ếch. Cô thích đi nhảy và hay kéo Yoshiya đi nhảy Disco. Cô hay nói "Xem kìa, tay chân anh dài, khi anh nhảy thì lòng thòng long nhong, cứ như là ếch nhảy trong mưa, thật là dễ thương". Yoshiya nghe cô nói thế thì hơi phật lòng, dù vậy, chơi với cô, đi nhảy với nhau nhiều lần rồi thì dần dần anh cũng thấy thích khiêu vũ. Chẳng phải suy nghĩ gì, cứ theo điệu nhạc mà uốn éo thân mình một hồi, anh có cảm giác rõ ràng: từ bên trong thân thể mình có nhịp điệu cử động tự nhiên dần dần hô ứng liên đới hòa hợp với nhịp cử động cơ bản của trời đất. Yoshiya nghĩ rằng thủy triều lên xuống, gió thổi tới lui trên đồng cỏ, vận động của tinh tú, tất cả các nhịp điệu ấy ắt hẳn không thể không có liên hệ gì với chính mình.

Cô bạn gái ấy còn bảo chưa thấy dương vật nào lớn như của anh. Có lần cô đã nắm lấy nó mà hỏi lớn đến thế thì khi nhảy không vướng sao? Yoshiya trả lời cũng chẳng thấy vướng gì cả. Quả thật dương vật của anh rất lớn. Ngay hồi còn nhỏ cũng đã lớn rồi. Nhưng anh nhớ cũng chẳng vì thế mà mình được lợi gì hơn. Ngược lại đã lắm lần bị từ chối giao hợp vì lý do lớn quá. Trước nhất, đứng về mặt thẩm mỹ thì cũng đã lớn quá rồi. Trông có vẻ gì chậm chạp, lù đù, vụng về nữa. Vì thế anh đã cố giấu không cho ai thấy.

"Yoshiya có con chim lớn như thế là dấu hiệu chứng tỏ Yoshiya là con của Thượng Đế đấy". Mẹ anh đã nói với anh một cách đầy tự tín, và anh cũng đã thật thà tin như thế. Nhưng mà có thời kỳ, đột nhiên anh thấy mọi chuyện có vẻ ngốc nghếch. Mình đã cầu khấn làm sao cho mình chụp được những bóng bay ra bãi ngoài, mà Thượng Đế không nghe, lại đi cho mình một cơ quan sinh dục lớn! Có thế giới nào mà lại có chuyện đổi chác kỳ cục thế không?

Yoshiya tháo mắt kính cho vào hộp. Anh nghĩ lúc này mà nhảy múa cũng hay đấy chứ. Mắt nhắm lại, cảm nhận ánh trăng trắng ngà trên da mình, Yoshiya bắt đầu nhảy múa. Hít vào thật sâu rồi lại thở hơi ra. Không có nhạc đệm hợp với tâm trạng mình, anh nhảy theo nhịp cỏ uốn mình trong gió, và mây trôi trên trời. Nửa chừng, anh cảm thấy như có ai đấy, từ chỗ nào đấy, đang nhìn mình. Cảm giác thật rõ ràng là anh đang ở trong tầm nhìn của người nào đấy. Toàn thân anh, cả da, cả xương, cũng cảm nhận như thế.

Nhưng mà, cũng chẳng sao cả. Dù là ai đi nữa, muốn nhìn thì cứ nhìn. Bởi các con của Thượng Đế đều nhảy múa cả mà.

Anh dẫm chân lên đất, cánh tay xoay những vòng cung uyển chuyển. Động tác trước mời gọi động tác sau, rồi động tác sau nữa, cứ thế tiếp nối như theo một quy luật riêng. Thân thể anh vẽ ra nhiều đồ hình, trong đó có những khuôn mẫu quy tắc, mà cũng có những biến dạng có tính cách ngẫu hứng. Phía sau nhịp điệu còn có nhịp điệu, giữa nhịp điệu cũng ẩn tàng nhịp điệu. Ở từng nút trọng yếu của chuỗi động tác, anh nhìn bao quát được những múi đan phức tạp ấy. Trong rừng thẳm, đủ loại động vật ẩn nấp âm thầm như trong tranh đố, có cả những loài thú dáng hung tợn chưa ai thấy bao giờ. Anh sẽ phải đi xuyên qua cánh rừng ấy. Nhưng anh vẫn không có cảm giác sợ hãi. Bởi cánh rừng tồn tại ngay bên trong anh đấy mà. Cánh rừng làm thành con người anh, và những loài thú kia cũng nằm trong lòng anh.

Anh không còn biết mình đã nhảy múa như thế trong bao lâu. Chỉ biết là lâu lắm. Anh nhảy múa cho đến lúc dưới nách đã đầm đìa mồ hôi. Anh chợt nghĩ đến những gì tồn tại ở đáy của mặt đất mà anh đang dẫm lên. Ở đấy hẳn có những tiếng ầm rung khủng bố trong tăm tối sâu thẳm, những luồng ngầm lén lút chuyên chở dục vọng, nhung nhúc những giòi bọ nhờn nhớt lúc nhúc, những ổ động đất sẵn sàng phá đổ những thành phố thành núi gạch vụn. Những thứ ấy lại là nhân tố tạo nên nhịp điệu của quả đất. Anh ngừng nhảy, vừa chỉnh lại nhịp thở, vừa nhìn đăm đăm xuống mặt đất dưới chân mình, như nhìn sâu suốt vào một lỗ hổng không có đáy.

Anh nghĩ đến mẹ anh lúc này đang ở thành phố xa xôi bị động đất kia. Nếu như anh của thời khắc này mà do thời gian được vặn ngược lại bằng cách nào đấy, tình cờ gặp bà lúc còn trẻ, linh hồn còn mê muội trong tăm tối sâu thẳm ấy, thì không biết chuyện gì xảy ra? Có lẽ hai người ngập ngụa trong bùn lầy mê loạn, đấm đuối mê hoan, rồi phải nhận chịu hình phạt khủng khiếp. Nhưng mà nghĩ cho cùng, đáng lẽ hình phạt đã phải giáng xuống anh từ trước rồi, mà ngay cả thành phố chung quanh đây cũng đã phải bị hủy hoại kinh hoàng rồi.

Khi xong đại học, người yêu của anh nói muốn kết hôn. "Cậu ếch nầy, em muốn kết hôn với anh. Em muốn sống chung với anh, sinh ra đứa con của anh. Đứa bé sẽ có con chim lớn giống anh".

Yoshiya nói: "Không thể kết hôn với em được đâu. Từ trước đến nay, anh đã không có dịp nói, nhưng thật ra, anh là con của Thượng Đế, vì vậy không kết hôn với ai được cả".

"Anh nói thật đấy chứ?"

"Thật chứ". Yoshiya đáp. "Thật đấy, tuy nói ra làm em buồn".

Yoshiya ngồi xổm xuống, tay vốc lên một nắm cát, rồi cho cát chảy luồn qua mấy ngón tay xuống đất. Làm đi làm lại vài lần như thế. Cảm giác từ cát lạnh và không đều khiến anh nhớ lại lần cuối cùng anh nắm lấy bàn tay gầy gò của bác Tabata.

"Cháu Yoshiya, ta không còn sống được bao lâu nữa". Bác Tabata nói, giọng khàn đặc. Yoshiya định nói không phải thế đâu thì bác lắc đầu nhè nhẹ.

"Cháu khỏi phải nói gì cả. Đời người ở thế gian này chỉ là giấc mộng đau khổ trong thoáng chốc thôi. Mà ta cũng đã nhờ ơn hướng dẫn mới gắng gượng được đến bây giờ. Nhưng mà trước khi chết, có một chuyện thế nào cũng phải nói với cháu. Nói ra thì xấu hổ lắm, nhưng quả thật không nói không được. Đấy là, ta đã nhiều lần ôm ấp tà niệm đối với mẹ cháu. Như cháu biết, ta đã có gia đình mà ta yêu quý hết lòng. Thêm vào đấy, mẹ cháu là người có tấm lòng trong trắng. Dù thế, lòng ta vẫn kịch liệt đòi hỏi nhục thể của mẹ cháu. Ta không làm sao ngăn được đòi hỏi ấy. Ta muốn xin cháu tha tội về chuyện ấy".

Không có gì để bác phải xin tha tội. Đâu phải chỉ có bác mới ôm ấp tà niệm. Chính anh là con mà đến bây giờ cũng còn bị ám ảnh bởi những manh tưởng tà vạy kia mà. Yoshiya muốn thổ lộ như thế, nhưng nghĩ có lẽ chỉ làm bác Tabata thêm loạn trí mà thôi. Yoshiya im lặng nắm tay bác Tabata, siết nhẹ một lúc lâu, như để truyền ý nghĩ sâu kín trong lòng mình qua tay bác ấy. Tấm lòng của hai người không phải là đá. Đá còn có khi rơi xuống vỡ nát, mất hình dạng đi, chứ lòng người thì không bao giờ hủy hoại. Lòng hai người luôn luôn có khả năng truyền đạt cho nhau tất cả những tâm tư không có hình dạng như thế, dù là tốt hay xấu chăng nữa. Bởi các con của Thượng Đế đều nhảy múa được cả.

Ngày hôm sau, bác Tabata chết.

Yoshiya ngồi xổm trên vị trí người ném bóng như thế rất lâu, mặc cho thời gian cuốn đi. Từ phía xa xăm nghe văng vẳng tiếng còi xe cấp cứu. Gió thổi, khiến cho những lá cỏ nhảy múa, dâng lên tiếng nhạc của cỏ, rồi ngưng bặt.

Yoshiya kêu lên: "Thượng Đế ôi!"

Phạm Vũ Thịnh *dịch*
Sydney, 01-2004

---

[1] tweed: vải len có bề mặt sần sùi, dệt với những màu sắc pha trộn.
[2] 1000 Yen, khoảng 10 Mỹ kim

MDTT

khoảng trống của lục bát

thương em - lục bát - vào đời
từng câu phối ngẫu vỡ trời ca dao
võng thân lịm giấc ngọt ngào
ầu ơ khoảng giữa
vói cao
cội nguồn

thương em - lục bát - còn tuôn
à ơi
sương
giọt
giọt
buồn buồn môi
xoải tay vung nhạc trên đồi
rít dăm vần tự
nứt đôi tiếng người

ví dầu, lục bát lả lơi
thương em
ngồi xếp
chữ
nơi
trắc - bằng

lạy trời mưa xuống

HOÀI ZIANG DUY

Câu chuyện với bối cảnh đời thường.
Chuyện như kịch. Kịch như thật.

Buổi sáng trời mát. Gió miền núi hiu hiu. Chiếc xe lam chở khách lạng một vòng, trước khi đậu sát lề đường. Tiếng máy nổ dòn tan phun khói. Phía sau một chiếc xe khách trờ tới, trước kiến treo bảng hợp đồng, bóp còi inh ỏi.

Tiếng la:

- Dang ra cha, sao cản đầu vậy.

Không có tiếng trả lời. Cái đầu bác tài xế xe lam thò ra:

- Nguyệt móng đỏ ơi có hàng chưa?

Xe khách phía sau.

- Cô Nguyệt ơi, heo sữa tôi đặt có chưa?

Giọng người đàn bà có tuổi trên xe chen vào:

- Mới sáng sớm đã ghẹo người ta móng đỏ móng xanh rồi.

Cùng lúc hai người đàn ông, từ bên kia đường hối hả băng ngang, tay đưa cao hai cái mâm heo quay còn sực mùi thơm lừng, miệng kêu:

- Tránh ra, tránh ra, hàng tới đây.

Có tiếng mấy người khách:

- Tiệm vàng mà, có lộn không đây bác tài. Sao lại nhận hàng ở đây?

- Đừng có cãi. Tôi biết chắc mà.

- Phải không đây các cha. Người đẹp sao lẫn lộn với heo quay thế nầy.

Có tiếng sửa lưng:

- Heo sữa nhỏ xíu dễ thương, thơm mùi mỡ cháy.

Trước sau vẫn là tiếng người, tiếng máy xe, Không khí ồn ào trong sinh hoạt quen thuộc mỗi ngày. Khu vực đa số là khách thập phương, lẫn với dòng người bản xứ.

Nguyệt ngồi đó. Hình ảnh một cô gái ba mươi, độc thân mặn mòi nhan

sắc. Mái tóc dài, nước da trắng. Đôi mắt tròn hài hòa với sống mũi và cái miệng cười duyên. Đã bao mùa qua đi Nguyệt vẫn là hình ảnh đẹp của thị trấn nầy. Hôm nay cô mặc cánh áo ngắn sát nách, thoải mái với hai cánh tay trần, phù hợp thời tiết bây giờ. Có thể hôm nay Nguyệt mặc áo đỏ, ngày mai áo hoa cà, nhưng đặc biệt em thích làm móng. Mười ngón tay búp măng như thể con nhà ăn không ngồi rồi, lúc nào cũng trau chuốt một màu sơn hồng nhạt. Từ màu hồng dễ thương quyến rũ kia, khách thân quen đổi thành một màu đỏ chói chang gắn liền với tên em.

Cái bảng hiệu vẽ chữ tiệm vàng Minh Nguyệt. Từ dưới đường lộ bước lên ba bậc tam cấp. Cánh cửa sắt mở rộng như đón chờ mọi người.

Phía trong, trên quầy tủ kiếng. Cái bảng nhỏ với lời rao: *Ở đây có nhận đặt heo quay, trao đổi hai chiều*. Trên đầu chỗ cô ngồi lủng lẳng treo đèn đầy trái thủy tinh, vượng khí về một chỗ, theo nghĩa phong thủy.

Sau lưng Nguyệt, cái tấm kiếng phản chiếu với hướng cửa. Bác tài đưa tay chỉ, miệng nói.

- Thấy chưa, tôi nói có sai đâu. Tiệm đây, cô nàng đó. Bà con xuống nghe, có muốn mua vàng, đặt heo, hay cầm đồ gì cũng được hết.

Có tiếng khen. Còn nhỏ mà biết làm ăn quá vậy.

Chiếc xe rướn tới một chút, de lui rồi ngừng hẳn. Anh chàng trẻ phụ lơ nhảy xuống trước, một tay cầm nón đập vào mình như muốn tẩy bụi hồng trần.

- Được không đây, đậu trước cửa tiệm thế nầy.

- Lo gì, mối lái quen thuộc mà.

Người khách trên xe bước xuống. Cái túi xách tay đeo hờ trên vai. Kính mát đen, anh nhìn lên bảng tiệm hồi lâu, đấn đo một chút cho có vẻ chắc ăn, rồi bước vào.

Nguyệt một tay sửa mấy mâm đựng nữ trang, miệng cười duyên.

Người đàn ông hỏi:

- Nầy cô, tôi muốn tìm người, anh Năm Trà.

Giọng Nguyệt lí nhí trao đổi với người đàn ông nghe không rõ lắm. Bác tài trên xe tò mò nhóng đầu theo dõi.

Âm thanh lúc nầy là giọng cô ca sĩ quen thuộc, bài ca có chút không khí trẻ trung, chút tình tứ buổi sáng. Ngoài đường là tiếng huyên thuyên nói chào, mời khách, tiếng xe hơi, xe gắn máy nhả khói. Lắng nghe kỹ vẫn còn tiếng khua xa của mấy vòng bánh xe đạp.

Hồi sau Nguyệt cất tiếng.

- Ba ơi. Có người cần gặp.

Cửa tiệm là cái quầy phía trước. Ngăn sau là nhà ở, hai cửa với màn che kín.

Ông Năm dáng ốm, mặt xương, từ trong bước ra. Đôi mắt ông nhướng lên nhìn cho rõ nét.

Người khách gỡ kính, cởi áo khoác cầm tay.

Khoảng cách vừa đủ cho lần đối diện.

Ông Năm ấp úng một chút.

- Từ phải không?

- Đúng rồi, Từ Hải là em đây.

- Chao ôi!

Cái nắm tay vồn vã, vỗ vào lưng nhau. Nụ cười không phát ra tiếng mà ngào nghẹn theo giọng ngộ cố tri.

- Nghe lâu rồi, người ta bảo em đã lầm kế qui hàng mà thác bỏ thân.

Người khách cười khẩy, tiếng cười khinh mạn.

Dù xa cách bao lâu, ông Năm vẫn không thể lầm với người khác.

Người khách giọng nhỏ nhẹ.

- Từ Hải, anh nói là của Nguyễn Du. Nhân vật trong thơ rất thơ, nghèo chính trị cho nên vong mạng sớm. Tội nghiệp thay! Đi theo đường hắn, biết bao kẻ sĩ hậu bối cứ nghiên cứu từng câu nhân sinh trong Kiều, tới lui chỉ ngần có ấy. Chuyện trần tục thế phàm, tiếc thay hồi cuối phải đến cảnh đoạn trường, mới thành tân thanh.

Ông Năm ngẩn ra, vừa chạm mặt đã nghe thơ thẩn văn học quốc gia, pha chút cải lương hoài cổ.

- Còn như em đây. Đâu ai nghĩ đến kế thiềm thừ thoát xác, danh xưng có trùng lấp với ai cũng mặc. Chính thực một điều Từ Hải nầy, đã từng một thời cùng anh kết nghĩa.

- Anh nhận ra em Từ ạ. Ông Năm nói. Cái lối nói tùy hứng không đào sâu, khơi khơi trên mặt đất, nghe cuồn cuộn dũng khí là của em, khác gì trên sân khấu hồi trước.

Gần bên. Nguyệt cười một mình, nói vừa đủ nghe. Chạy thì chạy, nói mẹ cho rồi, còn văn vẻ, tích thiềm thừ.

- Năm xưa anh nhớ không. Từ Hải nhắc.

Ông Năm rướm rướm nước mắt, cảm động.

Năm xưa chính người anh em nầy đã từng thời quyền thế chở che cho ông để công thành nghiệp lớn. Một thời đao binh lập lòe tranh tối tranh sáng, mượn mưu mượn chước của người đảo điên thế sự.

- Chuyện trần gian vậy mà thú vị anh nhỉ. Từ Hải nói.

- Anh phục em đó Từ. Thế mới biết thắng không vinh, bại không nhục, cứ nghĩ đời phù du, sống cho mình trước đã.

- Còn phần anh, bây giờ cơ ngơi thế nầy đủ đầy quá sức.

- Sao mà đủ?! Đòi danh người ta không cho chức, lui về với tiền tài vật

chất. Tưởng là chuyện thường tình, thật ra buồn mà không khóc được.

- Hai ta bây giờ còn sống là quí rồi. Cái cuống rún không thể chia lìa, bàn chi mấy chuyện gian truân thời cũ. Qua bên kia, quán bên đường.

- Làm gì bên đó?

- Nhân nghĩa ở đời làm sao không đi kèm miếng ăn miếng uống.

- Chỗ nầy có tiện không?

- Có cái gì ngại. Trần ai một cõi, chung thế mới gọi là cộng đồng.

- Ở đây cũng có cộng đồng?

- Ừ thì là đồng tiền ở ngoài đổ vô rồi cộng lại.

- Quí hóa thay. Ở chốn nhân gian thật thà dễ hiểu. Còn phần em lưu lạc xứ người muốn gom về một mối mà khó khăn trăm bề.

- Em nói vậy ngớ ngẩn không Từ. Cái thế giới em nhỏ bé, toàn người trí giả, sao gọi là rối.

- Thấy vậy mà không phải vậy. Bên cạnh non nước hữu tình, con cá sống vì nước, mình là cá họ là hồ. Nền văn minh căn bản có vài trăm năm. Đời sống đạo đức tệ bạc, phải đi sau lưng mình mới đúng. Vậy mà tiếc thay...

- Nói nghe vậy, nhưng sao ai cũng muốn thử sống ở đó, hòa chung cá lội một dòng.

- Thế mới chết. Với họ, mười thằng có chín thằng ngu, một thằng khôn sai bảo chín thằng qui phục. Còn chỗ em mười thằng hết chín thằng khôn, không ai nghe ai, mỗi người là một lãnh tụ thì làm sao qui về một khối.

Liếc sang Nguyệt, người khách hỏi.

- Con bé nầy là tác phẩm của ai?

Năm Trà, chút ngập ngừng.

- Nói ra buồn vui lẫn lộn. Đứa con gái nầy ra đời sau lúc miền Nam thay da đổi chủ. Cái tuổi nó ăn trọn một mùa hào khí cách mạng kiên cường của dòng lịch sử. Có khác một điều...

- Huynh đài nói cháu nó đẹp gái hơn mấy hoa hậu bông bụp bu chung quanh ngày xưa hả?

- Ôi nhắc chi chuyện cũ. Ra ngoài nầy rồi thì hoa đồng cỏ nội phải thay cho phù hợp chứ.

- Đúng vậy, xã hội tiến lên thì phải đổi thay. Người khách phụ họa.

- Chỉ tiếc một điều. Năm Trà đổi giọng buồn. Nói thật nghe. Từ lúc phất lên, cứ vài năm là cháu nó phải sửa đổi sắc diện. Lạ một điều Nguyệt không có một tình yêu chân thật nào cả. Ngoài cái phần o bế làm đẹp, trên dưới trong ngoài. Nguyệt như thể sợ người ta không trông thấy mình.

- Thì ngồi đó. Ông đi qua bà đi lại ai mà không thấy.

- Cái bệnh của nó là tự kỷ ám thị. Sợ người ta không biết tới, khi người hỏi tới thì lại sợ xâm phạm tiết hạnh. Thành thử lúc nào cũng lập một vòng

đai phòng thủ tiếng thị phi. Hồi đó, đường đi tưởng không đến. Bây giờ đã đến, sợ phải không đúng đường.

- Nói ra thì Từ nầy mới hiểu.

- Tôi thì nghĩ nó ngớ ngẩn, giống như tích xưa ngoại mông nhập thành

- Nhưng thật ra bà nào mới là mẹ con Nguyệt?

- Cái bà sau cùng tôi hay đùa mẹ miền Nam.

Anh Năm lim dim mắt. Anh cũng không biết nói, giải thích thế nào cho Từ Hải hiểu. Con đường cách mạng đi qua, tuổi đời tuổi đảng, dù nay đã thả trôi sông, cái lý thuyết nhân quả luân hồi, làm anh ray rứt muốn không tin cũng không được. Bây giờ ra ngoài sinh hoạt, cho về vườn với bằng ban khen đầy ắp. Anh phải thú thật có quá nhiều điều phải ngẫm lại. Năm Trà kể. Tuần lễ sau ngày hai miền thống nhất, sáp nhập lực lượng quân dân miền Nam, lại là lúc con vợ nhà tôi bị tai biến mạch máu não.

Từ Hải cười ruồi. Tội nghiệp, tội nghiệp chị nhà.

Nói ra thật tình anh Năm buồn lắm.

Nhớ lại. Đúng là phước bất trùng lai, họa vô đơn chí. Chưa hết bất mãn ngậm ngùi, lại thêm sự thể nầy. Cho đến mấy tháng sau bà bảo. Đừng lo nữa, vô ích. Ngày nay, tối nay tôi đi.

Ông không muốn nghe, còn nước còn tát.

Bà tiếp. Bao năm chiến đấu, bây giờ không ai cần tới mình. Giờ tôi muốn xuống tóc, mặc áo già lam. Trước khi đi, rước giùm thầy đến siêu tụng lỗi lầm năm cũ. Thắp thêm bốn chân đèn ở cạnh giường dẫn dắt. Mười hai giờ khuya đêm nay tôi sẽ thanh thản giã từ.

Bà nói những lời trối trăn. Ông buồn. Vợ chồng đầu ấp tay gối, sao không khỏi đau lòng.

Nguyệt nghe. Nguyệt sợ. Có khi nào nó bị ám ảnh từ nguồn cơn nầy?

Gia đình không mấy ai tin thần thánh có mặt. Tuần lễ nay điều trị, nhiều chỉ dấu cho thấy khả năng phục hồi tốt hơn.

Buổi sáng bác sĩ tới, tim mạch, áp huyết, mọi thứ ổn định tốt.

Sáu giờ chiều bác sĩ trở lại khi bà ta yếu thật.

Lúc bấy giờ, mạch loạn, truyền nước biển không vô được nữa.

Nhớ lời vợ dặn dò, tôi làm theo ý muốn.

Bà mẹ miền Nam nằm thiêm thiếp đó. Hơi thở nhẹ dần, chân lần hồi lạnh lên. Gần bên, mâm quả hương đèn, sư ông tụng kinh cầu an.

Mười hai giờ đêm trôi qua. Mười hai giờ mười lăm bà ta bật ngồi dậy, đòi ăn. Từ sau ngày thống nhất hai miền, ra khỏi vòng danh lợi. Không biết nghe lời ai, bà ta ăn chay cho tâm hồn khỏi bị khuấy động. Nguyệt đưa phần cơm chay như thường lệ. Lúc nầy lại đòi ăn thịt cá. Trước mặt tôi là hình ảnh khác thường. Bà ăn vung vãi, bới xốc bằng tay vào miệng, cơm thịt đổ rớt. Cả nhà

nhìn nhau ngơ ngác, không hiểu hiện tượng gì.

Tiếng tụng kinh càng lúc tụng càng to. Hồi lâu bà nằm xuống và ngủ yên. Hai giờ sau. Mẹ miền Nam tỉnh dậy, hoàn hồn. Bà kể. Bà đi vào thế giới khác. Ở đó có chuyến xe sắt bít bùng chở người, đông lắm. Họ nắm tay, đu cả thành xe phía sau bên ngoài. Bà đòi lên. Họ hỏi họ tên. Bà đáp. Họ nói chưa tới phiên đâu, phần hết nhưng số còn. Trả lời xong đạp xuống, là lúc tỉnh dậy đòi ăn.

Bác sĩ chào thua chiều hôm trước, sáng hôm sau được mời tới khám lại. Tình trạng khả quan, coi như qua một lần chết. Cả nhà mừng. Nguyệt khóc trước bất ngờ diễn ra, bây giờ tình trạng bại bán thân còn đó, nhưng dẫu sao thấy chút cử động, là còn hy vọng phục hồi.

Kể dứt chuyện cũ. Ông nói.

- Từ Hải à. Câu chuyện nầy là thật đó. Anh cũng không biết đứng ở góc độ nào để chứng minh cái vòng lẩn quẩn luân hồi, mệnh số nầy là thực. Chính hiện tượng gia đình làm mình nghĩ lại.

- Bây giờ anh nói chuyện Phật Trời, là có huệ rồi đó. Thấy được chuyện xa và hơn hết nói được cái tâm lành.

- Anh ngộ được từ lúc về vườn nằm không. Sáng mắt ra từ sa cơ thất thế. Bây giờ đầy đủ tiền bạc, chỉ thiếu quyền chỉ huy, hội họp. Nhớ tới rồi suy gẫm, thu hoạch được nhiều điều trước đây mình không thấy diễn tiến hòa bình.

Từ Hải an ủi.

- Yên phận là đủ rồi anh à. Hồi đó khác, bây giờ khác. Cái bả vinh hoa xá gì.

- Biết là vậy, nhưng cái danh, chức hàm của mình đi xuống lẹ quá, làm sao không ấm ức. Từ ngày bệnh, mẹ miền Nam nằm đó, xác làm chứng nhân thời cuộc, hơi thở qua ngày, sống chờ đợi một mai khá hơn.

Có người khơi chuyện cũ, anh Năm Trà thấy vui. Không mấy khi có người ngoài hỏi tới anh. Năm Trà chờ dịp kể lại một thời vang bóng. Tiếc là nắng tắt sớm, bóng mới đổ muôn chiều.

- Mà thôi. Bây giờ cái riêng coi như tạm gác Từ ạ. Lúc nầy chưa thể nói hòa hợp hòa giải, mà là hòa hợp nhiều giải.

Đó là thủ tục ăn nhậu mừng mặt đối mặt gần nhau.

Đứng lâu có hơi mỏi. Từ Hải giọng lễ nghĩa.

- Cung kính chi không bằng tuân lịnh.

Qua kính phản chiếu, Từ Hải thấy cái miệng cười duyên, và đôi mắt chớp của Nguyệt về phía anh. Thấy là thấy vậy. Anh đáp trả, ngầm cảm thông. Anh hiểu xứ nầy bây giờ họ hay để ý từ chút một những người khách phương xa.

Đến đây coi như chuyển cảnh.

Cảnh đời thường, sinh hoạt chung.

Có nghĩa là hai người đàn ông bước qua phía bên kia đường.

Đi vào thực tế, nhân vật bản xứ xưng anh sẽ chuyển thành danh từ Ông cho phù hợp với ngõ ngách đại chúng.

Vào giờ nầy nhà hàng thực khách đông đảo. Khăn ướp đá quốc doanh thơm mùi dân tộc phục vụ cho từng người.

Đã lâu mới có hương vị của phần đất quê nhà. Từ Hải nói thế với ông anh mình.

Ông Năm có vẻ đắc ý thỏa mãn. Ông gọi mấy món ăn tiên tiến.

- Không cần lắm anh. Từ Hải nhắc. Miếng ăn là món tạm bợ, cái gì mà em không hưởng thụ qua. Huống chi bây giờ phận đời đã luống, sống sao với tình chân thật quí hơn.

- Đãi ngộ người có chức phận phải là món hiếm quí chứ.

Ông Năm lên tiếng, giới thiệu. Nầy nhé. Ngà voi chấm óc khỉ.

Từ Hải ngồi lặng yên. Bữa tiệc có vẻ chuẩn bị sẵn.

Tưởng bất ngờ gặp gỡ, đâu ngờ cái cảnh trân quí bạn hiền. Ngà voi chấm óc khỉ. Chao ôi cái món sơn hào hải vị. Phải là khách quí ở chốn bề trên mới được chiêu đãi thế nầy. Đi năm châu bốn biển, chưa nghe tên thức ăn cho vua chúa thế nầy. Mới tưởng tượng, miệng muốn ứa nước.

Hai cái dĩa kiểu đem ra đặt trên bàn, năm viên chao đỏ vuông vức theo kiểu ngũ hành, một dĩa đậu bắp luộc dựng đứng.

Từ Hải quơ đũa, miệng lẩm bẩm,

- Là thế nầy sao.

Ông Năm cười vui, đầu đũa vít miếng chao vào miệng.

- Óc khỉ là tuyệt cho phần chay tịnh.

- Sao phải gọi là thế?

- Phàm trần chưa chối bỏ, thì phải để họ vây mùi mà sống. Cái gì cũng phải từ từ. Xã hội hào nháng bây giờ là thế đó.

Từ Hải vỗ tay:

- Ông anh có vẻ như một triết gia

- Trước sau trên dưới một bài bản, chỉ cần tập cho họ nói giống nhau, là hiện thực tính văn hóa.

- Ông anh nói vậy khác nào đường lối chung cả nước.

- Chỉ cần họ nói như vẹt, dù khác quan điểm, nhỡ về sau có sai lầm thì qui cho tập thể.

- Hèn chi mà mấy chục năm qua, cả nước như một.

- Đâu phải vậy, một vài người trong bọn chúng tôi có chút sáng là đủ dẫn cả đoàn cùng theo.

Nói thì nói. Ăn vẫn ăn. Món thứ hai. Hỏa tiễn xuyên Irac.

Nghe mấy danh từ thực đơn Từ Hải tá hỏa. Thay đổi nhiều quá, chạy theo tình hình thực tế, phù hợp với vận mệnh chung thế giới. Cái món tên nghe đậm nét chiến tranh, thực ra là cà tím nướng đen trét mỡ hành chấm xì dầu.

Thấy ông bạn, thấy nhân dân mình ăn các món kêu nghe rôm rả, thực tế chỉ là phần đạm bạc. Từ Hải phục lắm. Như vậy trước sự phú quí, cửa sau vẫn là điều thiếu thốn tụt hậu, biết ra chỉ để an ủi chính đời sống mình.

Buổi sáng hôm nầy ở đây. Đã bao lần trong ngày, năm tháng xứ người lưu lạc. Từ Hải phân vân đi tìm vùng đất hứa trú chân. Phần đất tạm dung rõ ràng không phải là hương đất quê nhà. Ở đó anh muốn sống thật một đời tìm kiếm hay lập lại. Đi qua nhiều nơi, chỗ nào lòng cũng thấy trống trải. Chi bằng về nơi mà anh đã bỏ đi biết đâu sẽ là nơi chính thực của mình.

Lần nầy đây, trở về không mấy người hay biết. Khác gì năm xưa không kịp giã từ. Tìm lại Năm Trà. Đâu mấy người biết cả hai dây dưa chút tình huyết thống, đã không dám nhận trong cuộc chiến hai miền. Anh không dám kể ơn dịp nầy, nhưng hẳn chắc Năm Trà phải hiểu. Anh đã tạo cho Năm Trà cái thế đứng bằng cách bao che một phần nào để hắn yên thân lập thế chân vạc. Vì tình anh em, đôi lúc anh làm ngơ với chính đồng bọn. Vậy mà không ngờ, cái kết thúc lại bẻ đôi cho người khác hưởng.

- Từ ạ. Lần nầy trở về có cái gì vui nhận định?

- Đang kiếm địa chỉ cho chính mình.

- Qui hoạch hộ khẩu? Từ làm vậy sợ rằng...

- Sợ gì vậy?

- Không là gì, bệnh sợ là bệnh của người lớn.

- Còn Nguyệt, sao cô nàng lại sợ chính bản thân mình.

- Thì vậy, Nguyệt không có một đời sống thực. Xã hội bây giờ chưa có cái gì thực làm nền. Cứ nghĩ tạm bợ qua thời qua thế, ai không chụp được thì giựt. Nên sống hôm nay cứ chờ ngày mai.

- Chờ cái gì anh Năm?

Biết mình hố lời, Năm Trà đổi giọng.

- Tôi cũng không rõ. Mỗi người chúng ta chờ đợi cái mơ hồ không biết chừng nào đến.

Nghe anh Năm nói, Từ Hải thấm thía, như có người soi lấy tâm can mình. Niềm hy vọng ngày mai, để sống cho hôm nay. Từ biết ở đây họ sợ đổi thay từ những đổ vỡ, cho nên cái gì cũng nghi ngờ phòng thủ.

Anh Năm an ủi.

- Bây giờ tình hình thực tế hội nhập. Anh đi, anh về hay ở lại. Cứ coi định mệnh như thế nào.

Từ Hải che miệng ngáp. Ông Năm hiểu ý bạn đường xa mệt mỏi. Nên khi nghe Từ Hải có lòng cúng bái thần thánh, thương tưởng quê nhà. Ông Năm vui vẽ giúp đỡ đặt hàng. Nào heo quay, mâm quả đủ loại trái cây cho Từ Hải.

- Có kịp không vậy?

- Tôi mướn heo cho anh.

- Cúng kiến thần linh sao không đặt riêng?

- Làm vậy phí tiền, không thực tế, chỉ cần người nầy cúng xong trả lại tới phiên người khác, cũng vậy thôi.

Từ Hải thở dài.

- Chỉ thời buổi nầy mới có cải cách văn minh vậy.

Năm Trà trấn an.

- Đừng lo, mọi việc để tôi và Nguyệt an bài, cứ an tâm ngoạn cảnh.

Từ Hải chen giữa đám đông, thiên hạ nhang đèn, chen chúc chung quanh. Đi giữa chốn quan san ồn ào, người xum xoe chào đón, không khí nhộn nhịp. Từ Hải có cảm giác đi một vòng lộn về nơi xuất phát. Ở đó có tiếng động cơ hạ cánh. Có đoàn người tung hô chào đón, khi anh bước xuống phi trường. Nghe chung quanh nhiều người vỗ tay, làm anh sung sướng. Cuối đời không có niềm hạnh phúc khát khao nào hơn, là sự chọn lựa nơi chốn thành danh lập lại. Hôm nay thế cờ đã đổi. Mọi sự trơn tru trót lọt, từ một tấm lòng chung biết nghĩ cho nhau để qui về một mối. Anh đang sống những ngày mơ, giấc mơ đầu.

Có hợp rồi tan. Không biết mấy đêm Từ Hải ở lại. Cho đến lúc chia tay Năm Trà còn giao cho anh mấy trái cây, gọi là lấy lộc, thể hiện tình gắn bó chân thật. Từ Hải ra đi. Anh đi về hướng biển trước lúc mặt trời lên. Anh chỉ muốn một mình hào hùng như Kinh Kha tráng sĩ. Anh không muốn gây một ngộ nhận nào khác. Có gì đâu, tấm lòng anh bây giờ hiền hòa như tấm lòng Đường Tăng đi thỉnh kinh. Đường xa diệu vợi nhưng rồi có một ngày, nước rẽ sóng tách đôi làm đường anh đi. Đức độ và niềm tin trong cuộc đời, mai hậu sẽ thắng.

Gió rì rào, biển đánh vào bờ từng đợt sóng trườn lên nhau. Tự dưng anh nhớ tiếng bì bõm của mái chèo ở sông rạch, một thời tuổi nhỏ. Bao lâu rồi không có dịp thương tưởng. Chiến chinh và những tàn phai ở cuộc thế làm anh không có thời gian sống lại. Ở đó chính thực là quê nhà, là câu ca câu hò giọng hát ru buồn bã. Khác với tiếng thanh la cao vút, tiếng vỗ tay gào thét của cuộc thi hoa hậu. Ở đó Nguyệt rạng rỡ với ba mươi năm tròn. Ba mươi năm với anh ngào nghẹn một kỷ niệm buồn. Biết mình biết ta, nếu không có đồng hội cùng thuyền, nên anh không ở lại. Cứ để nó ù ơ như bàn cờ Năm Trà đánh dở dang làm cảnh, chờ ông đi qua bà đi lại, dừng chân phá thế bí.

Nguyệt vẫn là Nguyệt. Đoạn trường tân thanh của Nguyễn Du còn đó. Nhân vật Từ Hải có đổi họ thay tên vẫn là một trong những nhân vật của tác giả. Hôm nay Nguyễn Du không còn, biết bao tao nhân mặc khách cung kiếm luận bàn từ một nhân vật để chế biến theo tâm tư hoàn cảnh mình. Truyện Kiều vẫn là truyện Kiều. Nói tới nói lui, diễn đổi với bất kỳ tình huống, hoàn cảnh nào sách xưa vẫn là đó. Rồi đây thời gian như bóng câu, mấy cái đầu đều bạc. Thế hệ đổi thay. Cho đến chừng đó, biết đâu Kiều không còn là thơ nữa, mà Kiều bước ra giữa chốn nhân gian, sống thật sống lẫn với người.

Đi chưa hết biển, nước lần ngập từ chân, lên mình rồi tới mặt. Dòng nước lạnh lẽo sóng xô, làm anh tỉnh giấc. Anh móc túi lấy mấy trái cây, hưởng lộc Năm Trà đã biếu anh mang theo. Nước biển mặn làm khô cả miệng. Anh cắn quả mận, định bụng cái vị ngon ngọt làm anh thoải mái. Lạ thay, có chút cứng cứng trong miệng. Anh nhìn xuống vật cầm nắm trên tay. Nó không là thực, một loại trái cây giả để bền vững theo thời gian bất diệt. Tiếc thay cho đến một loại hoa màu. Một mùa cây trái cũng không là thực, đối với thần thánh, huống gì giữa người với người.

Lúc nầy anh cười một mình, nụ cười xế chiều buồn thảm. Tưởng không ai nghe, nhưng tiếng dội của sóng làm tiếng cười khinh mạn lan xa.

May thay mặt trời vừa nhú lên. Một màu vàng hừng đông rực nắng, rọi xuống tâm tình anh ướt sủng.

Đó là câu chuyện kể từ Nguyệt.

Trong cuộc thi hoa hậu văn hóa. Ở phần ứng xử, thí sinh dự tranh phải kể một mẩu đối thoại tế nhị, để cân phân trình độ. Cho nên bài nầy được ghi lại dưới thể văn nói. Xin bạn đọc lượng thứ.

Nguyệt kể chuyện gia đình, dòng họ. Chuyện thật, dễ ứng xử hơn, chỉ có mấy lần vụng trộm chăn gối với Từ Hải, là thầm kín không nói được. Dẫu sao hoàn cảnh đẩy đưa, hồi cuối Nguyệt biết mình có một đời sống tự mình, chưa dám sống. Nói là nói thật lòng, tưởng không đạt trong cuộc thi nhan sắc, vì tình tiết có chút hồ nghi. Nhưng tiếng cười ở đoạn cuối của Từ Hải làm ban giám khảo bực. Cho nên đối lại. Họ làm ra vẻ mủi lòng, lấy khăn chậm nước mắt.

Được dịp, Nguyệt khóc. Đã lâu, như nắng hạn, không có giọt nước mắt trang trải nỗi lòng. Khán giả thấy hoa hậu dự thi khóc, ai cũng sụt sùi.

Có mấy bà mẹ còn đẹp, sợ mầm non bị ảnh hưởng, kín đáo vạch áo ngực cho con bú.

Trên cao thấy hết, tâm lặng thì tự yên. Trời cười ra nước mắt, làm mấy ngày mưa suốt.■

thoạt kỳ thủy trong vùng đất cậm cam hoang vu của nguyễn bình phương

THỤY KHUÊ

Năm mươi người trai chết ở trên ngàn
Năm mươi người gái chết chìm dưới bể
Thơ Nguyễn Bình Phương

Thoạt Kỳ Thủy, tác phẩm mới nhất của Nguyễn Bình Phương, viết xong từ tháng Tám năm 1995, nhưng đến 8 năm sau, tháng Tám năm 2003, tác giả mới "chỉnh sửa" lại để in và để được in, nhà xuất bản Hội Nhà Văn đã phát hành tại Hà Nội đầu năm 2004. Nghe đâu, phần "chỉnh sửa" cũng mất hàng trăm trang. Đối với một cuốn sách nhỏ, 163 trang, "chỉnh sửa" như thế là nhiều và có lẽ đó là một trong những lý do khiến người đọc đôi lúc có cảm tưởng hụt hẫng, không hiểu gì cả. Nếu Thoạt kỳ thủy được in cùng thời với tập trường ca *Khách Của Trần Gian* (nxb Văn Học, Hà Nội, 1996) thì có lẽ người đọc dễ tiếp nhận hơn, vì thơ "dẫn" cho văn, văn "vận" vào thơ, bởi Bình Phương là nhà văn có "căn" thơ và giữa hai tác phẩm lấp ló những đầu mối chung của một "luận đề", nếu chúng ta công nhận có một luận đề trong *Thoạt Kỳ Thủy*.

Thoạt Kỳ Thủy là một cuốn tiểu thuyết khác thường, khó đọc, bởi lối hành văn và cấu trúc truyện rất lạ, một thứ "thoạt kỳ thủy" trong văn chương mang dấu ấn sáng tạo. Nhưng sáng tạo nếu chỉ lạ, chỉ kỳ không chưa đủ, còn phải có gì khác nữa. Vậy đâu là những yếu tố "khác" trong tác phẩm "kỳ thủy" này?

Trước tiên, trong *Thoạt Kỳ Thủy*, Bình Phương không liên lạc sự kiện,

diễn biến với nhau. Trước mỗi bối cảnh, người viết như muốn ở cùng vị trí với người đọc, để cùng quan sát, tiếp thị. Tác giả không đứng ở vị thế chủ thể sáng tạo, mà chỉ muốn là một kẻ ghi chép, không hơn không kém.

Chúng ta thử đọc những dòng đầu cuốn *Thoạt Kỳ Thủy*:

"Mười một giờ mười.

Con cú giật mình chới với rơi từ vòm lá sung xuống. Không tiếng nổ, không người. Một vật gì bằng ngón tay cái đã nhằm trúng ngực nó.

Con cú dang rộng đôi cánh màu hoa mơ, cố cất lên, nhưng không được. Một bên cánh mỏi dừ, nặng nề sã xuống... Nó kêu mấy tiếng nhỏ, bất lực để cơ thể chạm nước. Bóng cây sung vỡ tan, loang rộng thành những vòng tròn mịn và nổi gồ.

Nước thong thả chảy.

Trưa, vắng.

Chiếc bè vó lầm lũi áp dần vào bờ trái. Trên bè vó một người đàn bà ngồi vắt vẻo ru cho đứa bé trai ngủ.

Bên kia, bãi ngô, nóc nhà, ngọn cây của dân xóm Soi đột ngột dâng cao.

Nước ngấm qua lông, chạm vào da khiến con cú tỉnh táo lạ thường. Nước mơn man vuốt ve bụng nó. Đôi chân con cú thu gọn lại, áp sát vào ức. Và nó thấy khoan khoái vì trạng thái dập dềnh nhè nhẹ.

Xa xa, rặng bạch đàn xanh mờ chạy thành bức tường chắn ngang sông cái.

Con cú tròn xoe mắt nhìn hai bên bờ. Nó trôi theo dòng nước, chậm rãi, lờ đờ.

Người đàn ông què chống gậy chui từ bè ra, đến phía sau, vạch quần đái. Tiếng nước chạm nhau ồ ồ, dai dẳng, xen với tiếng ho khan.

*

Liên bưng mâm cơm từ bếp lên. Khi lách qua cửa nhà, cạnh mâm chạm vào thành cửa, xô nghiêng. Một đôi đũa rơi xuống. Một chiếc bát trượt ra mép tay. Liên lúng túng cố chỉnh mâm cho cân. Phước, chồng Liên đang ngồi trên giường, tay mân mê cái chén, nhắc vợ:

- Cẩn thận.

Bát rơi.

Tiếng vỡ thô, đanh.

Liên hạ mâm, toan quay lại nhặt mảnh vỡ, bị Phước đạp thốc vào bụng. Liên cắn răng ôm bụng ngồi bậc cửa, đầu tỳ lên cánh tay. Bụng Liên to, vồng tròn.

- Hết tiền à?

Phước hỏi.

- Hết.

Liên đáp, nhẹ hơn gió. Phước bặm môi, nén tiếng thở dài.

Lúc ấy môi Phước xám đen, run run.

- Không có rượu, cơm cũng thành cứt.

Thôi, dọn đi!

Mâm cơm lại về bếp.

Phước đưa chén lên mồm gặm lách cách. Không có rượu, Phước toàn gặm đít chén cho đỡ nhớ. Tiếng canh cách vang lên trong căn nhà tối, ẩm.

Liên sang bên vợ chồng Điện, lúc về, xách theo nửa chai rượu trắng đục. Mắt Phước sáng rực, trìu mến.

Liên đặt chai trước mặt chén, Phước vồ lấy. Liên hỏi:

- Lúc nãy anh đạp chết con thì sao?

Phước tợp chén, cười:

- Chết thì đền.

Liên ôm mặt, tóc xõa ra:

- Mạng người không phải là cái lá...

Phước hồ hởi:

- Thiếu đếch gì, còn khối!"

(Trích *Thoạt Kỳ Thủy*, nxb Hội Nhà Văn, Hà Nội, 2004, trang 9-12).

Đó là khung cảnh thiên nhiên và nội cảnh gia đình trước khi Tính, nhân vật chính ra đời.

Trích đoạn trên đây biểu hiện lối văn trong *Thoạt Kỳ Thủy*, văn viết theo cấu trúc thơ, mỗi câu là một thực thể độc lập, và chúng không nhất thiết phải liên lạc với nhau: "Liên ôm mặt / Tóc xõa ra / Mạng người không phải là cái lá / Phước hồ hởi / Thiếu đếch gì, còn khối". Năm câu cùng trong một mạch văn, nhưng vị trí có thể thay đổi, ví dụ nếu ta thử viết lại theo cách khác:

- Mạng người không phải là cái lá. Tóc xõa ra. Liên ôm mặt.
- Còn khối, thiếu đếch gì. Phước hồ hởi

vẫn "đọc" được!

Không những thế, mỗi câu còn gói trọn một "xen": Phước đưa chén lên mồm gặm lách cách / Không có rượu / Phước toàn gặm đít chén cho đỡ nhớ / Tiếng canh cách vang lên trong căn nhà tối, ẩm.

Như thế để thấy rằng, truyện này có thể đọc xuôi, đọc ngược, đọc từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới, đều "được" cả! Cấu trúc lắp ghép, cắt dán của hội họa, cho phép mỗi độc giả có thể tự sáng tạo ra một lối đọc riêng. Và vì có thể có nhiều "sự đọc" khác nhau, cho nên có nhiều cách hiểu khác nhau, và do đó tác giả đã tạo ra một mê đồ trận.

Vì mỗi câu đều có thể đứng riêng một mình và đều có khả năng tạo một

hình ảnh, một bối cảnh độc lập, cho nên khi lắp ghép một cách vô trật tự những câu ấy với nhau, tác giả đã tạo ra lối nói, lối mơ của người điên, của một cộng đồng bị đẩy ra ngoài lề xã hội, nhưng lại là hậu quả không thể giấu giếm, loại trừ được, mà Tính là biểu hiệu nhỡn tiền. Những giấc mơ điên của Tính hòa hợp sâu sắc giữa mê và tỉnh, giữa sự thực trần trụi đã bị xóa nhòa nhưng vẫn trỗi dậy thành một thực thể hỗn loạn trầm uất trong mơ.

Đây, chắc chắn không phải là một truyện viết theo lối truyền thống, vì vậy cũng cần những cách đọc không truyền thống. Trước hết, văn tuy viết theo lối thơ không vần, nhưng không phải thơ, mà lại gần kịch.

Kịch, ở điểm vào đầu có một chương giới thiệu các nhân vật.

Kịch, ở điểm bỏ hết giải thích, bỏ mọi liên lạc giữa những diễn biến xảy ra.

Kịch, ở điểm phi tang mọi hình thức kể.

Nhưng lại không kịch ở chỗ: chẳng cứ người, mà cả cảnh lẫn vật đều có thể nói. *Không kịch ở chỗ: ngoài đối thoại, mọi hình thức diễn đạt khác đều có thể hiện diện trong tác phẩm.*

Những yếu tố vừa kịch vừa phi kịch vừa thơ vừa phi thơ này chính là những mấu chốt cấu trúc tiểu thuyết *Thoạt Kỳ Thủy*.

Trang đầu, màn kịch mở ra, không phải người mà cú xuất hiện. Trang chót đóng lại, cũng trên hình ảnh và động tác của cú. Trong màn chót này Nguyễn Bình Phương dường như muốn tạo ra một cảnh mới về tận thế:

"Mười hai giờ.

Con cú nhắm mắt, sau đó lại mở. Cái xoáy nước chỉ cách nó một chút. Dòng sông chảy băng băng dưới bụng.

Con cú hít một hơi dài, ngực đau buốt.

Nó hít hơi nữa. Hơi nữa...

Hai bên bờ, những vạt ngô lao vùn vụt thành bức tường xanh.

Mặt đập hiện ra, lừng lững, tàn nhẫn.

Đột nhiên, bằng sức mạnh phi thường, con cú kêu lên một tiếng xé lòng. Nó xòe cánh, cất mình lên theo đường thẳng đứng. Hai chân con cú quặp chặt lấy nước. Dòng sông khựng lại. Nước bị kéo lên như tấm vải

Con cú rướn người.

Dòng sông níu nó bằng toàn bộ khối lượng của nước, lá mục và váng mỡ.

[...]

Và dòng sông bị đứt khỏi đôi bờ." (sđd, trang 155-156).

Lồng trong những hình ảnh cực kỳ siêu thực, ý niệm thời gian trở nên rất mơ hồ: kịch mở màn mười một giờ mười, kết thúc mười hai giờ, không ngày

tháng, tạo cảm giác như thể từ thoạt kỳ thủy đến hồi chung cục, kể như từ lúc Tính sinh đến lúc Tính chết, bi kịch chỉ kéo dài 50 phút, thời gian diễn một vở kịch vừa.

Quan hệ giữa người và cú là một quan hệ mở, từ người đến cú mất bao nhiêu năm? Và từ cú lên người mất bao ngày tháng? Không biết. Chỉ biết rằng: Trong năm mươi phút, con cú đã khép tròn vòng quay, về một cõi nhân sinh có dòng sông bị đứt khỏi đôi bờ, về một cõi sống sa lầy trong chém giết, trong dốt nát tối tăm, trong dục vọng không được thỏa mãn, trong bạo lực không kiềm chế được: một vũ trụ không chỗ dung thân cho cả người lẫn cú, từ lúc khai nguyên đến hồi tận thế. Và vũ trụ này, Nguyễn Bình Phương đã từng diễn tả trong thơ:

Bãi tha ma Linh Sơn hoang vu
Cây Cậm Cam rờn xám
Cơn sốt dậy sắc hồng hồng quái dị
Trong vàn lá tí xiu
Những tiếng thở não nề dần chết
Những vực thẳm lặng lờ
Mạch rễ vươn chậm chậm...
Con đường trắng lừ lừ đi xuống nước
Bè vó ngủ
Giấc mù lòa màu đá gan gà
Một cái bóng xanh xao trùm qua đỉnh núi
Một người mẹ run run tay đặt lên bụng
Giờ nào con ra?
[...]
Năm 1965
Tháng Giêng
Ngày 29
Con rắn mào rời núi
Một chú bé ra đời cười sằng sặc
Lăn hai vòng
Rồi đi
Đêm ấy gái làng nhìn trăng buồn rượi
Đêm ấy đám người điên
Khơi lên ngọn lửa hoang lạnh lẽo
Đêm ấy những hàng cây đại thụ
Long rễ và héo rũ
(trường ca *Khách Của Trần Gian*)

Những yếu tố: Tha ma, vực thẳm, sắc hồng quái dị, người điên, cười sằng sặc... đã xuất hiện, đã xuất hiện từ ngày người khách trần gian ấy chào đời, vào đời cùng với:

Những đứa trẻ tuổi trâu
Những đứa trẻ tuổi hùm
Những đứa trẻ chết già bên đường
Những đứa trẻ ngủ mơ màng trong cỏ
Những đứa trẻ trẹn mây chăn chim
Những đứa trẻ dưới nước chăn cá
Những đứa trẻ mồ côi trôi vĩnh viễn
Trôi như một nụ hoa tái nhợt
Trôi không nở bao giờ
Những đứa trẻ cuồng nhiệt dứt một ngọn lửa
Những đứa trẻ thờ ơ nhập một cây khô
Những đứa trẻ đêm đêm gào thét
Những tảng đá màu huyết thanh
Nằm ngoài rìa nghĩa địa
(Trường ca *Khách Của Trần Gian*)

Mấy ai để ý đến những đứa trẻ? Đến những đứa trẻ chết già này? Ai biết Bình Phương sinh ngày 29/12/1965? Ai biết bối cảnh vào đời, hay vào cõi của những người khách trần gian cùng chung một "thoạt kỳ thủy" như Tính? Vậy bây giờ chúng tôi mời bạn vào thăm vùng đất ấy, vùng chôn rau cắt rốn của Tính và những đứa trẻ chết già:

Thoạt kỳ thủy, màn mở, chưa thấy người, nhưng bạo lực đã xuất hiện: con cú bị một vật gì bằng ngón tay cái ném trúng ngực, rơi xuống sông, và dòng nước - vẫn thong thả chảy như chẳng có chuyện gì xảy ra - vô tình băng bó vết thương cho con vật.

Rồi người xuất hiện, với cử chỉ thô tục (vạch quần đái) làm ô uế dòng nước, làm vẩn đục môi trường, làm tha hóa dương gian với những cục cằn và tàn nhẫn, bằng lời nói và hành động.

Phước, người cha, kẻ thống trị trong gia đình, hơi có máu điên, là một tay nghiện ngập, thô lỗ, chỉ biết thượng cẳng chân hạ cẳng tay, lúc thèm rượu gặm đít chén canh cách, sẵn sàng tặng cho con (còn trong bụng mẹ) những cú đá điếng người và thích cho nó nghe (vẫn từ trong bụng mẹ) những âm thanh cục cằn, những lời lẽ coi rẻ mạng người như rác. Những lời khinh mạn khi nói về mạng người "Thiếu đếch gì, còn khối!", vừa như muốn dọa trước: mày còn muốn "chào đời" nữa không? vừa biểu hiện "mặt bằng" của một xã hội lúc

nào cũng sẵn sàng hy sinh nhân mạng, bởi từ trên xuống dưới, chẳng ai coi mạng người ra "cái đếch" gì.

Liên, người mẹ, sau khi bị đánh, đi vào núi Hột đập đá. Và nàng cứ chung thân sống kiếp khổ sai đập đá. Liên không có khả năng phản hồi, trong nàng, tất cả đều tê liệt. Trăm phần trăm tê liệt: Liên thuộc lớp người cầu an, thấp cổ bé miệng, bị ngược đãi, bị bạo hành, nhưng không có cách gì khác ngoài việc cộng sinh với kẻ bạo hành, đẻ ra đứa con là Tính. Liên và Hiền, vợ Tính sau này, là hai người phụ nữ, biểu dương tâm thức cộng đồng, tâm thức bầy đàn, chịu trận. Muốn yên, họ đành câm nín, chịu đựng, sống cho qua ngày.

Người tạo ra bạo lực, người dồn nhau trong bạo lực, người sống trong bạo lực, nhưng không chỉ có người dồn người trong bạo lực. Ở đây, cả đến cây, cỏ, chim chóc, cả đá cũng bị bạo hành. Núi Hột bị đập, bị khoét vẹt một nửa "như một cơ thể bị mất thịt, rướm máu".

Đang đập đá, Liên đau đẻ và sinh ra Tính.

Từ lúc Tính được cấu tạo trong bào thai, bắt đầu thời của Thoạt Kỳ Thủy.

Vậy, thoạt kỳ thủy, có thể hiểu là từ lúc sơ khai; từ lúc chưa ra đời, Tính đã tiếp nhận bạo lực, qua những cú đá thốc của người cha độc tài và nghiện ngập, từ trong bụng mẹ. Ngoài bạo lực đến từ người cha, cũng từ thoạt kỳ thủy, trăng đã xuất hiện, một vầng trăng đe dọa, đàn áp:

"Vừa ra đời, Tính đã thấy trăng. Mặt trăng to bằng chiếc nong lừ lừ rọi qua vách liếp tạo thành một quầng trong suốt. Tính co rúm lại, rồi thét lên mặc dù cô đỡ quấn Tính trong chiếc khăn to, áp vào ngực mình. Tính lạnh, mắt nhắm tịt lại.

Trăng không đi hình vòng cung lên cao. Trăng tiến theo đường thẳng, lừng lững áp lại. To bằng miệng giếng, bằng cái hủng, rồi trăng choán kín bầu trời. Tính ngợp trong thứ ánh sáng vàng trắng, lạnh lẽo, rên riết." (trang 14-15)

Lọt lòng mẹ, Tính đã thấy trăng, và Tính đã biết sợ. Tính đã co rúm người lại, đã gào thét như thấy ngáo ộp. Trăng không vòng vo lưới liềm mà trăng chọc thẳng vào tính, vào nhân tính, vào con người, vào tính người, trăng trực tiếp can thiệp, trăng choán kín bầu trời, trăng chiếm hữu phần dưỡng khí, trăng làm cho người "ngợp trong thứ ánh sáng vàng trắng lạnh lẽo, rên riết".

Mỗi hình ảnh đều lạ thường quái đản, không còn dây dưa gì với những ý nghĩa thông dụng nữa. Mỗi câu, mỗi chữ, là một ẩn dụ bí mật, với những ngụ ý khác thường, đa nghĩa, biến nghĩa. Ví dụ như trăng, một vầng trăng cực kỳ khả nghi, đen tối, đi với màu vàng, nó có thể trở thành sao, đi với màu đỏ, nó trở thành máu. Mà tất cả những màu sắc này, dường như đều có những ngụ ý

riêng, đều gắn bó mật thiết với lịch sử của đất nước này, không phải vô tình mà chúng có đó.

Màu chính bao trùm lên toàn cõi sống này là màu vàng. Một màu vàng đầy chất khả nghi "đèn hắt ra vàng đục như mắt chó gặp lửa" (trang 14). Màu vàng này lại luôn dây dưa với chó: "Tính phát hiện ra con chó nhà ông Điện mắt vàng, sáng quắc đang rọi vào mình." (trang 26). Ám ảnh chó, vàng, trăng không ngớt chi phối Tính. Từ đó, nảy ra điệp khúc "Mắt chó vàng như trăng". "Câu thơ" mắt chó vàng như trăng, trở thành khẩu hiệu chảy suốt dọc dòng tư tưởng và dòng đời điên loạn của Tính, thức cũng như ngủ, mơ cũng như tỉnh, Tính luôn luôn nhìn thấy mắt chó vàng như trăng. Hình ảnh này trở thành bầu khí quyển bao trùm lên Tính và những người đồng loại.

Ba chữ: trăng, chó, và vàng, biến thiên trong mỗi ngữ cảnh khác nhau, biểu lộ toàn bộ bản chất xã hội chung quanh Tính.

Hai tuổi, Tính đã "thích lê la một mình, bạ gì cũng cầm, bạ gì cũng liếm, cũng cho vào mồm". Không đi học, Tính lấy việc giết kiến, giết công cống, làm thú vui duy nhất: *"Tính giết sạch một tổ kiến dưới gốc sung"* (trang 29). *"Tính dành thời gian giết công cống, bắt được con nào cũng trân trọng đặt lên lòng tay, rồi bất thần đập tay kia xuống. Công cống chết nát bét. Tính cười mỉm, mặt rực lên."* (trang 21).

Ở gần nhà ông Điện hoạn lợn, mỗi lần mổ lợn ông Điện đều dẫn Tính theo, bởi Tính dễ sai, bảo gì cũng làm, nhưng *"càng về sau, ông Điện càng ít gọi Tính đi theo mình vì ông để ý thấy Tính nhìn cảnh chọc tiết lợn với vẻ ham muốn đáng nghi. Mắt Tính càng lớn càng vằn lên"*. (trang 23).

Chuyện Tính gợi nhớ chuyện Mạnh Tử. Ban đầu, nhà ở gần lò sát sinh, cậu Kha, tức Mạnh Tử, ngày ngày bắt chước, chơi trò mổ moi, chọc tiết; người mẹ bảo chỗ này không phải chỗ con ta ở, bèn dọn nhà đến gần chợ. Ở chợ, cậu Kha lại bắt chước buôn bán đảo điên, bà mẹ lại phải dời nhà, lần này đến gần trường học, và ở đây cậu Kha bắt chước học trò, nghiêm trang đi học. Bà mẹ không dọn nhà nữa. *Thoạt Kỳ Thủy dường như muốn hướng về việc trồng người theo quan niệm mẹ Mạnh Tử, và chối bỏ những cách trồng người sau này người ta khẩn trương hô hào thực hiện.*

Để cậu Kha bên cạnh cậu Tính, mới thấy tầm quan trọng của giáo dục, thấy nguy cơ một đứa trẻ ngay từ lúc còn trong bụng mẹ đã nhận bạo lực như bài học vỡ lòng. Và nguy cơ của một xã hội trong đó con người từ lúc sinh đến lúc chết chỉ được biết có độc một vừng trăng, được biết có độc một thứ ánh sáng vàng duy nhất.

Rồi Tính không được học hành, và ông Điện lại có con chó mắt vàng như trăng, sáng quắc luôn luôn rọi vào nó. Tất nhiên gậy ông phải đập lưng ông: ông Điện dạy Tính chọc tiết, theo dõi Tính bằng con mắt chó vàng, cảnh cáo

Tính "Mày chơi với bọn điên, khốn!" Hắn là có ngày Tính phải "giải quyết" ông Điện. Tính đã thực nghiệm bạo hành đầu tiên trên việc đốt nhà ông Điện, đốt cháy người thày, sau khi đã xử lý hàng loạt ruồi, muỗi, kiến, công cống, lợn... Sau đó Tính thử nghiệm trên những người khác, khi thành khi bại, cuối cùng Tính thử nghiệm việc chọc tiết trên chính mình. Tính đã hoàn thành một vòng hủy diệt theo đúng quy luật: mạng người không đáng một con kiến.

Người thày thứ nhì của Tính và của lũ trẻ trong làng là Hưng, người anh hùng đi Bê có tác phong du đãng. Thuộc "trường phái" chiến tranh, một trường phái sát sinh khác, nhưng Hưng lại không giống mẫu người hùng chiến sĩ chút nào. Hưng nhìn ngày giải phóng lịch sử, dưới những nét xếch-xi đặc biệt: *"Dạo vào Sài Gòn tôi bắn vỡ bao nhiêu kính. Cái đàn này ăn thua gì! [...] Đốt bao nhiêu sách, có cả ảnh cởi truồng. Bây giờ thì tôi vẫn rạo rực... cháy mất nửa vú..."* (trang 92). Và Hưng có những giấc mơ tiêu cực: *"Hưng kể đêm mơ toàn người chết. Họ về hò nhau lăn Hưng như lăn su hào. Tay người nào cũng cầm súng. Ông Phùng bảo thế là địch rồi. Hưng gật."* (trang 96). Hưng nói lên tâm thức vô thần, vô đạo của những người xung quanh: *"Hưng chỉ vào hình Chúa Jê-su đúc nổi trên chiếc thánh giá, hỏi ông Khoa: Thằng Mỹ nào mà dạng chân dạng tay ra thế kia?"* (trang 73). Hưng mô tả chuyện đánh Mỹ bằng những hình ảnh porno đồi trụy:

"Các buổi chiều trẻ con xúm lại nghe Hưng kể chuyện đánh Mỹ. Hưng lấy hai quả chuối gắn vào hai khóe mép, vươn cổ ra trước:

- Khoạp! Đấy, một nhát là đi đứt.

Bọn trẻ vừa sợ vừa khoái. Nhiều đứa đến trường thấy cô giáo, bèn chạy sấn lại, há mồm, rồi kêu:

- Khoạp!" (trang 19).

"Hưng kể chuyện cắn cổ Mỹ, xong, nói về cảnh đốt trại tù binh. Tính nghe, mồn há hốc. Hưng tả:

- Lửa cao như cái lưỡi, liếm từ bẹn đổ lên.

Tính nhìn Hưng chằm chằm. Đang say sưa, bị mắt Tính rọi thẳng, Hưng líu lưỡi, thổ ra một câu:

- Mắt chó vàng như trăng" (trang 32).

Hưng hát Lửa bốc cao căm hờn. Bốc từ bẹn bốc lên... (trang 33).

Rồi đang ba hoa, *"Hưng co chân, đứng dậy bỏ đi. Bụi cây lay động. Tính lẩm bẩm: Mắt chó vàng như trăng."* (trang 38). Tóm lại, không ai thoát khỏi "mắt chó", khỏi ám ảnh bị mắt chó theo dõi, Tính cũng trở thành "mắt chó" ngó Hưng. Trong bụi rậm lại có một "mắt chó" khác đang rình Tính. Tính còn đủ khôn để biết mình đang bị mắt chó rình, nhưng liệu Tính có hay rằng mình đã trở thành mắt chó?

Đập vỡ huyền thoại anh hùng, Hưng mớm cho Tính chất du đãng, chất

riêng, đều gắn bó mật thiết với lịch sử của đất nước này, không phải vô tình mà chúng có đó.

Màu chính bao trùm lên toàn cõi sống này là màu vàng. Một màu vàng đầy chất khả nghi "đèn hắt ra vàng đục như mắt chó gặp lửa" (trang 14). Màu vàng này lại luôn dây dưa với chó: "Tính phát hiện ra con chó nhà ông Điện mắt vàng, sáng quắc đang rọi vào mình." (trang 26). Ám ảnh chó, vàng, trăng không ngớt chi phối Tính. Từ đó, nảy ra điệp khúc "Mắt chó vàng như trăng". "Câu thơ" mắt chó vàng như trăng, trở thành khẩu hiệu chảy suốt dọc dòng tư tưởng và dòng đời điên loạn của Tính, thức cũng như ngủ, mơ cũng như tỉnh, Tính luôn luôn nhìn thấy mắt chó vàng như trăng. Hình ảnh này trở thành bầu khí quyển bao trùm lên Tính và những người đồng loại.

Ba chữ: trăng, chó, và vàng, biến thiên trong mỗi ngữ cảnh khác nhau, biểu lộ toàn bộ bản chất xã hội chung quanh Tính.

Hai tuổi, Tính đã "thích lê la một mình, bạ gì cũng cầm, bạ gì cũng liếm, cũng cho vào mồm". Không đi học, Tính lấy việc giết kiến, giết công cống, làm thú vui duy nhất: *"Tính giết sạch một tổ kiến dưới gốc sung"* (trang 29). *"Tính dành thời gian giết công cống, bắt được con nào cũng trân trọng đặt lên lòng tay, rồi bất thần đập tay kia xuống. Công cống chết nát bét. Tính cười mỉm, mặt rực lên."* (trang 21).

Ở gần nhà ông Điện hoạn lợn, mỗi lần mổ lợn ông Điện đều dẫn Tính theo, bởi Tính dễ sai, bảo gì cũng làm, nhưng *"càng về sau, ông Điện càng ít gọi Tính đi theo mình vì ông để ý thấy Tính nhìn cảnh chọc tiết lợn với vẻ ham muốn đáng nghi. Mắt Tính càng lớn càng vằn lên"*. (trang 23).

Chuyện Tính gợi nhớ chuyện Mạnh Tử. Ban đầu, nhà ở gần lò sát sinh, cậu Kha, tức Mạnh Tử, ngày ngày bắt chước, chơi trò mổ moi, chọc tiết; người mẹ bảo chỗ này không phải chỗ con ta ở, bèn dọn nhà đến gần chợ. Ở chợ, cậu Kha lại bắt chước buôn bán đảo điên, bà mẹ lại phải dời nhà, lần này đến gần trường học, và ở đây cậu Kha bắt chước học trò, nghiêm trang đi học. Bà mẹ không dọn nhà nữa. *Thoạt Kỳ Thủy dường như muốn hướng về việc trồng người theo quan niệm mẹ Mạnh Tử, và chối bỏ những cách trồng người sau này người ta khẩn trương hô hào thực hiện.*

Để cậu Kha bên cạnh cậu Tính, mới thấy tầm quan trọng của giáo dục, thấy nguy cơ một đứa trẻ ngay từ lúc còn trong bụng mẹ đã nhận bạo lực như bài học vỡ lòng. Và nguy cơ của một xã hội trong đó con người từ lúc sinh đến lúc chết chỉ được biết có độc một vừng trăng, được biết có độc một thứ ánh sáng vàng duy nhất.

Rồi Tính không được học hành, và ông Điện lại có con chó mắt vàng như trăng, sáng quắc luôn luôn rọi vào nó. Tất nhiên gây ông phải đập lưng ông: ông Điện dạy Tính chọc tiết, theo dõi Tính bằng con mắt chó vàng, cảnh cáo

Tính "Mày chơi với bọn điên, khốn!" Hẳn là có ngày Tính phải "giải quyết" ông Điện. Tính đã thực nghiệm bạo hành đầu tiên trên việc đốt nhà ông Điện, đốt cháy người thày, sau khi đã xử lý hàng loạt ruồi, muỗi, kiến, công cống, lợn... Sau đó Tính thử nghiệm trên những người khác, khi thành khi bại, cuối cùng Tính thử nghiệm việc chọc tiết trên chính mình. Tính đã hoàn thành một vòng hủy diệt theo đúng quy luật: mạng người không đáng một con kiến.

Người thày thứ nhì của Tính và của lũ trẻ trong làng là Hưng, người anh hùng đi Bê có tác phong du đãng. Thuộc "trường phái" chiến tranh, một trường phái sát sinh khác, nhưng Hưng lại không giống mẫu người hùng chiến sĩ chút nào. Hưng nhìn ngày giải phóng lịch sử, dưới những nét xếch-xi đặc biệt: *"Dạo vào Sài Gòn tôi bắn vỡ bao nhiêu kính. Cái đàn này ăn thua gì! [...] Đốt bao nhiêu sách, có cả ảnh cởi truồng. Bây giờ thì tôi vẫn rạo rực... cháy mất nửa vú..."* (trang 92). Và Hưng có những giấc mơ tiêu cực: *"Hưng kể đêm mơ toàn người chết. Họ về hò nhau lăn Hưng như lăn su hào. Tay người nào cũng cầm súng. Ông Phùng bảo thế là địch rồi. Hưng gật."* (trang 96). Hưng nói lên tâm thức vô thần, vô đạo của những người xung quanh: *"Hưng chỉ vào hình Chúa Jê-su đúc nổi trên chiếc thánh giá, hỏi ông Khoa: Thằng Mỹ nào mà dạng chân dạng tay ra thế kia?"* (trang 73). Hưng mô tả chuyện đánh Mỹ bằng những hình ảnh porno đồi trụy:

"Các buổi chiều trẻ con xúm lại nghe Hưng kể chuyện đánh Mỹ. Hưng lấy hai quả chuối gắn vào hai khóe mép, vươn cổ ra trước:

- Khoạp! Đấy, một nhát là đi đứt.

Bọn trẻ vừa sợ vừa khoái. Nhiều đứa đến trường thấy cô giáo, bèn chạy sấn lại, há mồm, rồi kêu:

- Khoạp!" (trang 19).

"Hưng kể chuyện cắn cổ Mỹ, xong, nói về cảnh đốt trại tù binh. Tính nghe, mồn há hốc. Hưng tả:

- Lửa cao như cái lưỡi, liếm từ bẹn đổ lên.

Tính nhìn Hưng chằm chằm. Đang say sưa, bị mắt Tính rọi thẳng, Hưng líu lưỡi, thổ ra một câu:

- Mắt chó vàng như trăng" (trang 32).

Hưng hát Lửa bốc cao căm hờn. Bốc từ bẹn bốc lên... (trang 33).

Rồi đang ba hoa, *"Hưng co chân, đứng dậy bỏ đi. Bụi cây lay động. Tính lẩm bẩm: Mắt chó vàng như trăng."* (trang 38). Tóm lại, không ai thoát khỏi "mắt chó", khỏi ám ảnh bị mắt chó theo dõi, Tính cũng trở thành "mắt chó" ngó Hưng. Trong bụi rậm lại có một "mắt chó" khác đang rình Tính. Tính còn đủ khôn để biết mình đang bị mắt chó rình, nhưng liệu Tính có hay rằng mình đã trở thành mắt chó?

Đập vỡ huyền thoại anh hùng, Hưng mớm cho Tính chất du đãng, chất

lính tráng, chất đào ngũ, chất bất phục tòng, cộng thêm những cao kiến của các bậc niên trưởng: *"Ông Sung bảo đi đánh nhau. Tính hỏi đi chọc tiết à? Ông Sung bảo đến đấy tha hồ mà chọc tiết"* (trang 114) *Những cao kiến này luôn luôn mở ra như những cẩm nang, chúng quẩn quại trong những giấc mơ điên của Tính, những giấc mơ mà kiến, người và lợn trở thành đồng chủng:*

"Tính ngồi cắm cúi nhặt kiến, di tanh tách. Tính nhắm mắt, trong bóng tối lảo đảo, hiện ra một cái tai cười trên con ngựa già đuổi theo một chú lợn. Cái tai xám, mơ màng, tay hươ hươ con dao thọc tiết lợn sáng quắc: "Chọc!" Tính hét lên, choàng mắt" (trang 40).

Trong bầu khí hừng hực của một tổ quốc lúc nào cũng sẵn sàng lâm nguy: *"Lại chiến tranh! Đêm ấy không ai ngủ. Chó không tru. Gió kéo về từng luồng hun hút"* (trang 111), ông Phùng nhà văn như một kẻ mù lòa, một tên hành khất, ăn lông ở lỗ. Chả ai thèm biết ông viết gì, bản thảo không ai đọc, trở thành cỏ rác. Cuối cùng, rồi ông Phùng cũng giật được giải thưởng văn chương như một hình thức "phục hồi", nhưng trên đường đi lãnh thưởng, ông bị Hưng giết. Bản thảo duy nhất còn lại trong di cảo, viết về một mụ điên, có tên "Và cỏ", cũng là một bản thảo điên.

Trong không gian
Ông thiến lợn quăng dây thòng lọng
Không khí kêu eng éc (Khách Của Trần Gian)

bất cứ hình ảnh nào rồi cũng có thể trở thành máu mê. Tính sinh ra trong môi trường ấy, người ta quên dạy yêu thương, không ai tha thiết với văn chương, Tính sống trong vùng mang huyền thoại:

Năm mươi người trai chết ở trên ngàn
Nở
Năm mươi cô gái

Năm mươi cô gái chết chìm dưới bể
Nở
Năm mươi chàng trai

Đêm giao hợp đầu tiên sông núi thở dài (Khách Của Trần Gian).

Huyền thoại xoáy vòng tròn ốc như một luân hồi sinh diệt, Tính không có khả năng yêu đương, không có khả năng làm đàn ông, Tính bị tuyệt đường tính dục. Hiền, người vợ đẹp, tồn tại như một đóa hoa nghệ thuật trơ trọi chưa nở đã tàn. Hiền cũng là một trong "những đứa trẻ mồ côi trôi vĩnh viễn, trôi như một nụ hoa tái nhợt, trôi không nở bao giờ". Tất cả trong Tính chỉ còn đọng lại một màu: máu. Máu đổ từng câu, từng khúc, từng đoạn, hỗn loạn

trong vô thức của Tính như những câu thần chú: *"Mắt chó vàng như trăng. Nó giàn giụa sáng. Mẹ ạ, phải làm gì bây giờ. Kiến đấy thôi, xọc một nhát dao vào cổ thì thành lợn. Mẹ biết máu chảy từ chỗ nào không? Mỗi hòn đá bị vỡ là máu túa ra. Da thịt của đá mỏng manh lắm. Sánh sao được với nước sông cái. Ông bồi què chẻ nước bằng mái chèo xám xịt. Chẻ tanh bành điên cuồng. Vậy mà nó cứ liền lại cứ tỉnh không. Nó cứ trôi, da thịt và máu cứ trôi..."* (trang 36). Những giấc mơ siêu thực, hoảng loạn, chứa đựng những gian dối từ trong lời mẹ: đẻ bằng nách, những giấc mơ đầy bất bớ, thủ tiêu, những giấc mơ đầy đói khát, đập đá chung thân, tất cả lộn lèo sùng sục trong đầu Tính như một nồi cháo lú đang sôi: *"Bị dắt đi, dắt đi. Có mấy sợi lông mèo treo dưới tán lá đen. Hai người ngồi trong hốc cổ thụ nói về máu. Đập đập đập đập đập... đẻ ra từ nách này. Hôm nay có quần áo mới, họ xúm lại ăn. Bố uống thả cửa. Giá như lúc ấy về được con thạch sùng, sẽ đem ra chọc tiết. Cần thì cho ông Thụy thả xuống Ao Lang chơi. Nó đỏ rực rừng rực.*

Hiền đỏ như máu. Đỏ như đĩa xôi gấc. Búa tạ đập vỡ lò nhà ông Quyên cho sướng. Nát tay chứ chẳng chơi. Ai bảo nó ăn cắp thịt? Thằng Chanh Linh ấy. Mắt chó vàng như trăng [...] Máu rỉ ra từ ngực. Sông hút máu như chậu hút máu lợn, bát hút máu gà, con dao ông Điện hút máu ai nhỉ?

Bị dắt đi, dắt đi, dắt đi, dắt đi...

Cây sợ run bần bật. Nhiều trăng lắm nhé, mẹ nhé. Thích nhỉ, mẹ nhỉ." (trang 66-67).

Thoạt Kỳ Thủy là một bài thơ dài ngây ngô vô tội, đẫm máu và nước mắt, đẫm tang thương, đầy huyễn mộng, viết về hành trình của một cộng đồng, dù đã nửa phần điên loạn, vẫn không biết mình đang đi dần đến toàn phần điên loạn. Khởi đi từ cá nhân một đứa trẻ, lọt lòng mẹ vô tội, đến trưởng thành máu mê, tự diệt. *Thoạt Kỳ Thủy* là hậu quả việc trồng người trong môi trường thường trực kích động chiến tranh. Là chuyện nhỡn tiền nhân quả. Là thế giới con người trong vòng u mê, tử khí. *Thoạt Kỳ Thủy* khởi tố những cách dìu dắt trẻ thơ về những con đường chém giết, là hồi chuông cảnh tỉnh, báo hiệu những nguy cơ của mảnh trần gian lấy bạo lực và dốt nát làm cẩm nang giáo dục con người.■

Thụy Khuê, 10-7-2004

Mời độc giả và văn hữu vào xem Văn Học online
www.vanhoc.net
Thơ, các thi hữu gửi về cho Trịnh Y Thư,
trinhythu@aol.com

LƯU HY LẠC

ngụ ngôn rodin

Ngày ta ngày tết vừa
rạng lên giọng nói hơi
thở em bên tai lời
lẽ cứ như xưng tội

cứ nhảy bổ lối lý
sự, để khoảnh khắc (thực
trời biển) bắt gặp nỗi
lòng tôi máng hông em

có rưng rưng có tiếng
cười hai, ba mặt chờ
đêm buông lại nhẹ dạ
cầu cạnh em mỗi điệp

khúc em ơi, con cá
sống nhờ nước rồi mặc
cho em dè bỉu ối
dào, nghe ra cũng cỡ

nghĩa mấy tay đạo tỳ
tính lời/ lỗ trên từng
tử huyệt ôi, ánh mắt
em vô tội hết sức

tình lướt ngang tâm trạng
tôi tỉ tê (luôn luôn
tỏ vẻ hào phóng) nhất
là vào ngày ta ngày

tết và rồi thực chơi
vơi tôi trôi theo giọng
nói hơi thở em có
rưng rưng có tiếng cười

hai, ba mặt cho đến
cuối mặc lặng lẽ cùng
háo hức bằng ngang nhau
sắp xếp trong đầu sao

cho ý tình thật dâm
dật đoạn từ tốn tôi
lâm râm niệm sao cho
em ngậm miệng lại.

lưu hy lạc

"lục bát hoàng xuân sơn" [1], một chỗ cho bè bạn và cho mình

LƯƠNG THƯ TRUNG

"Lục Bát Hoàng Xuân Sơn" là thi phẩm thứ ba của nhà thơ gốc cố đô Huế sau *Viễn Phố* và *Huế Buồn Chi*, với 143 trang sách gồm 93 bài thơ lục bát. Điều muốn ghi nhận ở đây, dù là lục bát nhưng theo cái cách ngắt nhịp, cắt câu, xuống dòng hoàn toàn rất riêng theo nhịp điệu cảm hứng riêng của tác giả, không theo bất cứ cách tân nào của trào lưu thơ ca mới bây giờ. Lối xuống dòng, ngắt nhịp như vậy được tác giả Cao Vị Khanh ngay trong lời bạt của thi phẩm này, ở phần cuối sách, gọi đó là "hơi thở rướn của lục bát".

Thơ là hồn. Văn là chất. Thơ văn nó chứa cái hồn cái chất của các bậc tao nhân mặc khách. Hoàng Xuân Sơn không ra khỏi cái khuôn mẫu cảm thức ấy. Cái hồn của Hoàng Xuân Sơn là gì nếu không muốn nói là muốn rong chơi, tìm kiếm cố nhân, tri kỷ, bằng hữu. Ông cứ để những suy tư cảm hứng của mình trôi theo con sông đời xuôi chảy đến khắp miền. Nay thì qua Cali, lúc lại về Huế, Boston, Montréal, Atlanta, Sài Gòn, Cần Thơ và nhiều bến bờ chốn cũ khác... Còn cái chất ở ông là những nỗi tình rất chân thật, một thứ chân thật được sưởi ấm bằng trái tim nghệ sĩ và từ tâm cảm đó nó đã thăng hoa lên thành những câu thơ chở đầy thân ái. Người đọc bắt gặp trong những vần lục bát xuống hàng bất kỳ chỗ nào ấy như những gặp gỡ cố nhân bất chợt chốn nào. Không ưu ái một ai và cũng không lạt lẽo cùng ai. Mỗi mỗi bằng hữu là chút đời thêm tươi màu, chút hương thêm ấm lòng, chút thơ rất thơ nơi tác giả. Nhiều lúc người đọc nhận ra một điều là nếu không có tình bạn, nếu không có các tác phẩm văn chương của bạn đối với Hoàng Xuân Sơn, có lẽ không còn gì hứng thú để viết thêm những bài thơ chở đầy tim óc...

Dẫn về điều này, nhiều lắm. "Lục Bát Hoàng Xuân Sơn" cái chỗ của bè bạn chiếm gần hết những trang thơ trên giấy quí. Ta thấy nào là "Đọc Thảo An, Mùa Chớm Trăng", "Collage Cao Vị Khanh", Đọc Hoàng Lộc, Ra Tù", "Đọc Hồ Trường An, Thiên đường tìm lại", "Đinh Cường, Những Trái Xu", "Vân Hà, Hồ Minh Dũng", "Chạm ngõ trăng ở một lúc nào đó, Đức Phổ",

"Trên mây, tặng một người đi" (ý gởi Nguyễn Xuân Hoàng, tác giả Người Đi Trên Mây), "Tôi yêu tôi"(gởi Võ Đình, sau khi đọc), "Qua Sông" (tặng một cổ áo treillis, đọc Qua Sông Mùa Mận Chín của Trần Hoài Thư), "Dặm Trường" (gởi Trần Doãn Nho) và còn nhiều lắm...

Với "Thảo-An, mùa chớm trăng" chẳng hạn, Hoàng Xuân Sơn viết:

"Phóng bút
vào nơi thâm sâu
vầng trăng bỗng nở nên mầu
mực tươi
còn khăng khăng
dạ yêu đời
chuỗi thanh tân với gọi mời
sương
hoa
ô kìa!
liền lạc xương da
hồng ân vẽ một quê nhà nắng mưa
điểm tranh lên nụ cười
vừa
dấu khắc bỗng cạn
huyền xưa
nỗi niềm
bây giờ khép nụ thuyền quyên
ngàn năm
sóng vỗ
hương nguyền
mới như."
(LBHXS, trang 34)

Đọc qua những vần lục bát của Hoàng Xuân Sơn viết về "mùa chớm trăng" của Nguyễn Thị Thảo An, chúng ta sẽ khó nhận ra ý thơ nếu chưa đọc tuyển tập truyện ngắn đầu tay "Bức Phù Điêu Khắc Cạn"[(2)]. Bởi những câu thơ dưới đây:

"ô kìa!
liền lạc xương da
hồng ân vẽ một quê nhà nắng mưa
điểm tranh lên nụ cười
vừa
dấu khắc bỗng cạn

huyền xưa
nỗi niềm...
bây giờ khép nụ thuyền quyên
ngàn năm
sóng vỗ
hương nguyền
mới như."

nó chứa đựng tất cả nội dung cùng nỗi niềm của Nguyễn Thị Thảo An, trong truyện ngắn tiêu biểu nhất của tác giả.

Hoặc như khi tác giả viết về "Qua sông mùa mận chín" với những câu thơ như:

"Theo mùa mận chín qua sông
miếng thơ miếng đạn
miếng tròng trành
hoa
nhớ em ngọn nước la đà
nhớ chiều phố thị
mưa sa ngợp hồn
qua sông
hình đứng giữa cồn
dáng neo bãi quạnh
thân mòn hóc hang
giày bùn áo trận mênh mang
qua sông vội ánh sao tàn bến mơ
cõi riêng mùa hạn chắc giờ?
trái chua mận cắn
chia bờ
xót xa."

(LBHXS, trang 89)

Để cảm những ý lời trong các câu thơ vừa trích, người đọc có lẽ sẽ phải chịu khó ngồi bên tách trà bốc khói hồi tưởng về một khoảng thời gian lúc còn chiến chinh, người thương binh còn mang trong người vết đạn đang quyện chặt trong máu thịt mình mà thân phận người lính trẻ vẫn chưa có một bến bờ nào ghé lại, thì thôi đành "nhớ em ngọn nước la đà, nhớ chiều phố thị mưa sa ngợp hồn..." để an ủi chút lòng. Và chúng ta sẽ hiểu rõ ý hơn khi Hoàng Xuân Sơn viết: *"Cõi riêng mùa hạn chắc giờ? trái chua mận cắn chia bờ xót xa"*. Nếu chúng ta đọc được bài thơ "Qua sông mùa mận chín" của Trần Hoài Thư,

thì những cảm nhận của mình sẽ dễ đồng cảm với người thơ hơn:

"Qua sông mùa mận chín
Tháng nắng ngại đường xa
Em ra vườn sau nhà
Hái mời anh chùm mận
Bông mận rơi lấm tấm
Vỏ mận hồng như môi
Ơi em, mắt có đuôi
Má đồng tiền ửng đỏ
Gặp em, người em nhỏ
Nên quên cả đường về
Trái mận nào dậy thì
Anh giữ hoài không cắn."
(Trong thi tập "Qua sông mùa mận chín" của THT, trang 13)[3]

Hoặc bài "Dặm Trường"[4] (gởi Trần Doãn Nho), Hoàng Xuân Sơn viết:

"thân chín ủ ê
qua sông mới thấy
mệt mề
truân chuyên
Trầm Hương
từ độ bưng biền
đã tơi cánh áo
vạn miền khất du
con mắt đất
kẽ ngục tù
bàn tay sẻ nhón thiên thu
về trời
bây giờ hồn
đậm trăng khơi
nửa mùa thuyên
cuộc hời
nhân gian."

Bài thơ đi một mạch suốt từ đầu đến cuối như vậy dù cách ngắt câu có chủ đích nhưng nó gói gọn gần 600 trang sách viết về những mảnh đời đầy lao đao lận đận trong truyện dài Dặm Trường của Trần Doãn Nho, quả là một tài tình trong nghệ thuật và một khám phá trong cảm tác mà trong văn giới ngày nay tìm ra một lối đi riêng cho mình như vậy thật khó có ai khác ngoài Hoàng Xuân Sơn.

Cái nét riêng ở Hoàng Xuân Sơn ở đây là khi cảm về một tác phẩm, nhiều bạn đọc thường bày tỏ bằng một bài viết nhưng với Hoàng Xuân Sơn là diễn cảm bằng thơ mà lại là thơ "lục bát". Thơ lục bát như ai cũng nhận ra nó rặt Việt Nam và Hoàng Xuân Sơn muốn mang đến cho bạn, cho người đọc một cái hồn Việt Nam. Nói thế không có nghĩa thơ của Hoàng Xuân Sơn rất dễ dùng chữ và gieo vần. Hay nói một cách khác thơ ông đã đạt đến cái thang bậc rất văn chương mà gần, rất cao xa mà thân ái, rất chí tình mà không thiên vị. Dường như ở đâu người đọc cũng bắt gặp cái bí hiểm của chữ dùng, cái lắt léo của nhịp điệu, cái sâu thẳm của ý lời và cái tình giữa người với người luôn ẩn tàng dưới từng chữ rất "lục bát"của ông.

Thêm vào đó, tưởng cũng cần nhắc ở đây một về cái nhìn rất tinh tế của Hoàng Xuân Sơn về cuộc đời, một cái nhìn rất trầm tĩnh, đượm sắc màu đạo Phật về sự biến hóa đầy hư ảo của cõi nhân sinh:

"Đêm qua
lòng nặng u hoài
sáng ra sông núi
chảy ngoài dặm khơi
buồn chơi vơi
hồn chơi vơi
sầu ai lên vút ngọn trời xanh xưa
tuổi tên
không nhớ nữa
từ
hoang đàng mất dấu
niềm cư ngụ này
chim chiều
muông cọng rác bay
hồn tan tác vỡ
cánh gầy
thu
đông
môi yên
chừ
sợi nắng hồng
về hoa trăm nụ
tàn không
cuối đời."
(Ý thường, LBHXS, trang 127)

Qua các vần thơ vừa trích, thi sĩ của chúng ta *"tuổi tên không nhớ nữa"* nhưng thật lòng là muốn tự vấn mình *"ta là ai?"*, làm chúng tôi nhớ đến Ramara Maharishi (1879-1950), còn được dịch là Đại Thấu Thị[5], một vị đã nhìn thấu suốt vạn sự, một trong những bậc đại giác ngộ Ấn Độ đứng vào bậc nhất trong thế kỷ này. Phương pháp giảng dạy của Sư không đi vòng quanh, rườm rà mà chỉ thẳng vào tự tính thanh tịnh và hướng dẫn người tìm học bằng cách tự vấn rằng "Ta là ai?"

Trong thơ văn Phật Giáo Việt Nam hiện đại, Thiền sư Thích Nhất Hạnh, sau một thời gian ngồi thiền khá lâu, Ngài có làm một bài thơ, trong đó có ba nhân vật, gồm một người con gái 20 tuổi, một tên cướp biển và tôi. Bài thơ có tên là "Please Call Me By True Names"[6] cũng cùng cái ý trở về cái chất thật của mình.

Dù *"tuổi tên không nhớ nữa" hay "ta là ai?" hoặc "Please Call Me By True Names"* đều có chung niềm khao khát là ta muốn trở về với cái căn nguyên rất gần, rất thật của mình, một ước vọng hơn mọi ước vọng. Nhiều lúc những cơn dông gió, những rong ruổi của dòng đời, những đam mê đắm đuối trong biển trần mà không sực nhớ tự hỏi lại mình có khi là một mất mát, một thiệt thòi vô cùng. Hỏi để biết dừng lại và hỏi để biết đâu là bến bờ của tỉnh thức...

Trong thơ Hoàng Xuân Sơn bàng bạc nỗi lênh đênh dâu biển của cuộc đời nhiều lắm, nhưng ông không dừng lại ở những điều tưởng chừng tuyệt vọng ấy, tuyệt vọng trước số mệnh trời dành, tuyệt vọng giữa người với người trong cõi người, mà ông luôn luôn vượt lên, hướng về và tự tin là mình có thể mang lại hạnh phúc cho chính mình chứ không ai khác ngoài mình:

"sá gì
một gợn bể dâu
đã se cùng tát
lượng sầu nhân gian."
(Bài thơ dịu dàng, LBHXS, trang 96)

Ở một chỗ khác, người nghệ sĩ đa cảm ấy vẫn để lộ cách nhìn những điều bất như ý bằng một hơi thở sâu và quyết vượt lên mọi ghềnh dốc của cuộc đời với nguyên tâm thức lấy thơ làm niềm vui bất tận, khó có ai lay chuyển nổi một hồn thơ:

"... chao ơi
lâu quá
diện tiền
e ba vạn quyển
nghìn thiên

một tờ
đầu đời ở vậy rất thơ
xế đời ở vậy
rất bờ bến
trông."
(Rừng Tre, LBHXS, trang 88)

Hoặc niềm tin tuyệt đối vào một kiếp khác ấy cũng là cái lẽ cuộc đời đáng sống:

"sáng nay ngắm
một nụ hương
mới hay si dại
là hương của trời
chiếc răng khểnh
chiếc răng cời
là duyên bất định
để đời cho nhau
ồ! ngất ngất
lượng bể dâu
trói thêm
trói chặt vào mầu
tái sinh."
(Bất đồ, sống dậy", LBHXS, trang 100)

"Bất đồ" có nghĩa là ngẫu nhiên, tình cờ. Cho dù sự *"tái sinh"* có là *"ngẫu nhiên"* hay *"tình cờ"* đi chăng nữa, đó cũng là niềm tin ở một kiếp khác của đời này, tức là niềm hy vọng mới với lòng thủy chung *"trói thêm, trói chặt"* vào nhau bất dịch...

Tựu trung, Lục Bát Hoàng Xuân Sơn là một chỗ cho bè bạn và cho mình, một chỗ cho đời này và cho đời khác vậy. Đẹp thay!■

Boston, ngày lễ Tạ Ơn
25-11-2004

---

(1) Thi phẩm *"Lục Bát Hoàng Xuân Sơn"*, Thư Ấn Quán in và Thư Quán Bản Thảo phát hành, 2004, New Jersey, Hoa Kỳ.
(2) Tuyển tập truyện ngắn *"Bức Phù Điêu Khắc Cạn"* của Nguyễn Thị Thảo An, Văn Mới xuất bản, Cali, 2001, Hoa Kỳ.

(3) Thi tập *"Qua Sông Mùa Mận Chín"* của Trần Hoài Thư, Thư Quán ấn hành, 2000, Hoa Kỳ.
(4) Truyện dài *"Dặm Trường"* của Trần Doãn Nho, Văn Mới xuất bản, Cali, năm 2001, Hoa Kỳ.
(5) Theo Tự Điển Phật Học của Chân Nguyên và Nguyễn Tường Bách, nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế 1999.
Hỏi: "Thưa Ngài, con là ai? Làm sao con đạt giải thoát?"
Maharishi: "Bằng cách tự nghiên cứu liên tục "Ta là ai?", ông sẽ tự nhận ra chính mình và đạt giải thoát."
Hỏi: "Con là ai?"
Maharishi: "Cái Chân ngã hay Tự tính không phải là thân này, cũng chẳng phải năm giác quan thông thường hoặc cơ quan hoạt động. Thần thức hoặc chân khí không phải là nó, cũng như ngủ say không mộng, khi người ta không còn nhận thức được gì."
Hỏi: "Nếu con không phải là tất cả những gì nêu trên, vậy con là gì?"
Maharashi: "Nếu ông đã loại bỏ được tất cả chúng nó và có thể tự bảo rằng: 'Chúng không phải là ta', thì cái duy nhất còn sót lại là Chân ngã và đó là Thức."
Hỏi: "Đặc tính của Thức này là gì?"
Maharashi: "Nó là Sat-Cit-Ananda"(nghĩa là chân lý nhận thức tuyết đối A-nan-đà); trong đó, khái niệm tự ngã biệt tích, không còn một dấu vết. Nó được gọi là "Tịch tịnh" hoặc "Đại ngã" hay "Tự tính". Nó là cái duy nhất có thật. Nếu bộ ba "Thế giới – Ngã – Thượng đế" còn được xem là ba thành phần cá biệt thì đó vẫn chỉ là Ảo ảnh."
(6) Theo quyển *"Being Peace"* của Thích Nhất Hạnh, trang 65, nhà xuất bản Parallax Press, Berkeley, California, 1987 (Hoa Kỳ).

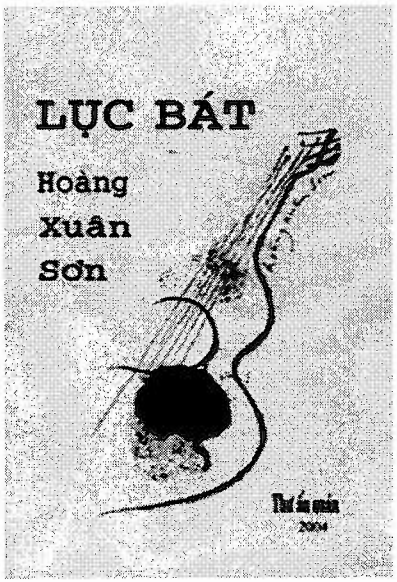

HOÀNG XUÂN SƠN

thèm nắng

nơi có VĐ, THĐ, NSM

biển tợp . tình xanh mênh mông
vin mơ sóng nước bềnh bồng
thả thi .
ở đất sâu
ngộ cấp kỳ
chất độc thấm hết cả vi sinh rồi !!
bây giờ hít . thở
cầm hơi
tuyết tuyết tuyết tuyết
rụng rời
tay
chân

30 . 11. 2004

v â n t i ê n . h ồ i c u ố i

Luống trời . thơm cải vàng hoa
bữa em mặc áo hoàng sa gợi tình
e chừng *khóe miệng rung rinh*
muốn thốt nên dạ . mà hình như . câm
thì thôi . thương trộm nhớ thầm
bữa em bận áo hoàng cầm kiêu sa
thôi thì . em hãy bước ra
ngồi lâu phận nữ . ta bà . thiệt thân

cuối thu lẻ bốn
chữ in nghiêng: Ý, Tuệ Sĩ

PHƯƠNGMỸHOA

xanh/hồng

một bên lầu xanh/bên lầu hồng
lầu nào cũng một mớ giai nhân
sắc tài đủ khiến trời ghen ghét
gom chung vào danh sách đoạn trường
mở đấu gia cảnh [nghĩ] họ vương
nhìn chung vượt quá mức bình thường
thúy kiều nhan sắc mờ thiên hạ
tố nga phúc hậu một thúy vân
giữa thời sùng chính gây mầm loạn
từ hải một chèo góc đại giang
một lũ thúc sinh mê gái rượu
miệt mài trong màn nệm truy hoan
kim trọng vương quan sa cơ cả
chậu cá lồng chim phận bó tay
nghệng ngang một lũ nhà họ hoạn
sở khanh quan huyện bụng no đầy
tội nghiệp lê dân quá lầm than
quanh năm suốt kiếp sống cơ hàn
không tu / cũng lên rừng làm giặc
không thì nhẩy tõm xuống tiền đường

nam mô một tràng giang cứu khổ
mờ mờ nhân ảnh vãi giác duyên

siêu tiểu thuyết của thời hậu hiện đại

TRỊNH THANH THỦY

Nhân lúc đọc lại bộ trường thiên tiểu thuyết lịch sử *Sông côn mùa lũ* của nhà văn Nguyễn Mộng Giác, tác phẩm *Linh Sơn* của Cao Hành Kiện và truyện ngắn *Mùa mưa gai sắc* của Trần Vũ, tôi bỗng nhớ tới một thể loại tiểu thuyết mới. Đó là tiểu thuyết siêu hư cấu hay tôi tạm gọi nó là siêu tiểu thuyết (metafiction) của thời hậu hiện đại. Những đặc tính tiêu biểu của siêu tiểu thuyết cũng như văn chương thời hậu hiện đại đều được tìm thấy trong các tác phẩm trên. Tôi sẽ phân tích và đi sâu vào chi tiết từng tác phẩm ở phần dưới.

Trước hết chúng ta thử tìm hiểu xem siêu tiểu thuyết là gì.

Siêu hư cấu hay siêu tiểu thuyết (metafiction) là một loại tiểu thuyết về tiểu thuyết, hư cấu giữa hư cấu. Từ ngữ này thường dùng để ám chỉ loại tiểu thuyết có những yếu tố tự tham chiếu. Siêu tiểu thuyết không những nghiên cứu cấu trúc căn bản của nghệ thuật kể chuyện truyền thống, nó còn khám phá thêm tính hư cấu của thế giới bên ngoài văn bản văn chương tiểu thuyết. Nó cũng cống hiến cho chúng ta một hình thái khác lạ, chính nó phê bình cấu trúc riêng của nó. Trong lối viết này, nhà văn bàn về kỹ thuật viết và tiến trình xây dựng tác phẩm ngay trong tác phẩm của mình.

Tác phẩm siêu tiểu thuyết giống như một trò chơi tự trình bày cách chơi của nó. Sự tương tác giữa người đọc và người viết được thể hiện qua sự mời gọi tham gia vào một cuộc chơi. Cảm nhận của độc giả sẽ bị lầm lẫn vì những sự kiện có thực được kể bị nhiễu loạn. Người viết đôi khi còn tự bước vào truyện như một nhân vật, nói chuyện trực tiếp với độc giả. Người đọc sẽ tìm

thấy một đặc điểm nổi bật của siêu tiểu thuyết cũng như văn chương hậu hiện đại mà họ không thể thấy ở lối kể chuyện truyền thống, đó là phương thức đa kết, phương thức chống lại sự kết thúc bằng cách ban cho một cốt chuyện rất nhiều hệ quả có thể có được.

Một ví dụ điển hình là cuốn *The French Lieutenant's Woman* (1969) của John Fowles.

Đây là truyện tình của nhà tự nhiên học tài tử, Charles Smithson và một cô gái vô gia cư, Sarah Woodruff, bị đồn đãi có quan hệ với một viên trung úy Pháp.

Trong tác phẩm người đọc bị hoang mang vì Fowles đã làm rối loạn dòng kể chuyện bằng cách trình diễn sự thông thuộc của ông về Marx, Darwin và những người khác.

Ông chọn phương cách đa kết cho phần kết cuộc câu chuyện.

Tác phẩm *Linh Sơn* của Cao Hành Kiện cũng vậy. Kỹ thuật dựng chuyện phản cấu trúc, nhân vật chính không rõ ràng, các tình tiết rất mơ hồ, lãng đãng. Độc giả rơi vào trạng thái hoang mang, bất định, lẫn lộn.

Siêu tiểu thuyết là một từ ngữ co dãn có thể bao trùm rất rộng phạm vi của tiểu thuyết.

Tuy nhiên chúng ta có thể nhận ra một tác phẩm siêu tiểu thuyết qua một vài đặc điểm như tự nó có chủ ý, tự nhận thức, tự nhận biết v.v...

Siêu tiểu thuyết đã tự đặt nó vào giữa ranh giới của tiểu thuyết và phê bình. Liên hệ giữa tiểu thuyết và phê bình là điểm hội tụ nơi mà tiểu thuyết và phê bình đồng hóa lẫn nhau một cách thật sáng suốt để sản xuất một năng lực tự giác cho cả hai phía.

Về phía phê bình, đây là một khẳng định tính văn chương trong ngôn ngữ. Đồng thời siêu tiểu thuyết cũng làm gia tăng sự nhận thức sáng suốt được đặt vào khuôn khổ một tiểu thuyết.

Về phía tiểu thuyết, siêu tiểu thuyết đồng hóa phối cảnh phê bình vào trong lối kể chuyện hư cấu. Nó tạo thêm tính tự nhận biết sự không thật của cấu trúc câu chuyện và nối chặt lại sự liên hệ của ngôn ngữ và thế giới bên ngoài.

Darrida đã xem việc phân tích ranh giới giữa tiểu thuyết và phê bình là tối quan trọng trong thập niên 60, 70. Ông đã đặt nghi vấn với Joyce để xác định tính văn chương trong phê bình. Ông cũng quả quyết tác động của phê bình trong siêu tiểu thuyết có tính liên văn bản, nhại lại và tự tham chiếu. Ông bác bỏ giả thuyết của Saussure về việc ngôn ngữ nói gần với biểu hiện của trí tuệ hơn ngôn ngữ viết.

Những lập luận của Darrida đưa ra được cảm nhận và hình dung ông như một nhà hình thức luận ít lưu ý đến tiến trình lịch sử đã tác dụng làm sâu sắc

ngôn ngữ và văn chương. Ông xác quyết ngôn ngữ trong lịch sử không nhiều bằng lịch sử trong ngôn ngữ.

Trong cuốn *Surfiction*, Raymond Federman đã bàn về từ Siêu tiểu thuyết như một lấn lướt ra ngoài phạm vi nghệ thuật kể chuyện truyền thống. Nó tập trung vào việc tự châm biếm lấy mình hơn là nói về một văn bản có tính châm biếm. Nó như một phát minh cá nhân mà sự tự ý giả tạo được nhấn mạnh bằng hiện thực qua cấu trúc ngữ học và những văn bản đang tồn tại.

Có những vấn đề chồng chéo lên nhau giữa hiện thực và hư cấu trong siêu tiểu thuyết. Chúng ta có thể nhận ra dấu hiệu tiêu biểu của nó như:

- Ngôn ngữ như một hệ thống độc đoán.

Chúng ta có thể tìm ra trong tác phẩm: *Lost in Funhouse, Pale Fire, Breakfast of Champion và Tristram Shandy.*

- Tính liên văn bản.

Sự nhại lại văn bản nguyên thủy hay lịch sử trong *Tin Drum, Midnight's Children.*

- Trạng thái hai nguyên lý đối nghịch nhau giữa quyền lực.

Đó là sự mâu thuẫn xảy ra trong tác phẩm *Mystery* của Stephen King khi độc giả và tác giả mâu thuẫn lẫn nhau trong môi trường tranh giành quyền phán quyết. Hành động của các nhân vật trong truyện ra ngoài sự kiểm soát của tác giả.

- Hiện thực không còn dễ hiểu nữa, lịch sử chỉ là hư cấu.

Độc giả có thể nhìn thấy cốt truyện được kế hoạch hóa quá nhiều để vạch ra những bí mật của lịch sử hay nó được diễn dịch qua nhiều ngữ nghĩa. Hoặc ngược lại cốt truyện thiếu kế hoạch hóa để giới thiệu sự phản tác dụng của ngôn ngữ truyền thống hay ngôn ngữ của trò chơi.

Nhắc đến lịch sử, chúng ta phải nhắc đến siêu tiểu thuyết lịch sử (Historiograhic Metafiction).

Theo Linda Hutcheon, siêu tiểu thuyết lịch sử là một loại tiểu thuyết hậu hiện đại phản kháng lại những niềm tin được hoạch định sẵn của hiện tại và các tiểu chuẩn vốn sẵn có của quá khứ. Hutcheon cũng phân tích sự khác biệt giữa biến cố (event) và sự kiện (fact).

Sự kiện như một cuộc đàm thoại đã được định nghĩa. Biến cố không phải vậy, chính nó không có nghĩa trong khi sự kiện thì được gán cho một ý nghĩa.

Foucault xem siêu tiểu thuyết lịch sử như một phương cách chống đối lại giá trị của lịch sử truyền thống. Ông đã gạch bỏ đi những khác biệt của biến cố để viết lại thành một lối kể chuyện vững chãi, hướng trung tâm. Cấu trúc độc đoán của sự dẫn giảng lịch sử là tượng trưng của cấu trúc quyền lực. Ông chủ trương xét lại lịch sử và phản kháng những liên hệ cưỡng bức của quyền lực. Ông hướng về một ý niệm lịch sử đầy phức tạp để đi tìm những chuỗi căn

nguyên lịch sử qua một quá khứ hoàn toàn khác biệt.

Do đó siêu tiểu thuyết lịch sử đã thoát ra khỏi những phân tích đặt căn bản ở ngôn ngữ của chủ nghĩa giải cấu trúc năm 1980 mà hướng về một chủ nghĩa lịch sử văn bản tự nhận biết, tự nhận thức.

Tác phẩm trường thiên tiểu thuyết *Sông côn mùa lũ* của nhà văn Nguyễn Mộng Giác có nhiều đặc điểm của một tác phẩm Siêu tiểu thuyết lịch sử.

Sông côn mùa lũ là một kết hợp nhịp nhàng giữa nghệ thuật và đời sống.

Nguyễn Mộng Giác đã dùng ngòi bút giải thích lịch sử, kéo nó gần hơn với sự thật. Ông sử dụng lại biến cố lịch sử "Hội nghị diên hồng", cùng những sự kiện có thật ghi chép trong cuốn *Hoàng Lê Nhất Thống Chí*, cuốn *Tuyển tập thi văn Ngô Thì Nhậm* rồi hư cấu, tái dựng chúng vào diễn biến câu chuyện. Điển hình là Ngô Văn Sở có ý định hội họp và triệu tập một Hội Nghị Diên Hồng thứ hai.

Đời sống nhân vật Trần Bá Lãm đã bị ông phức tạp hóa. Trong truyện, mỗi nhân vật sống, ăn nói, vui buồn, hờn giận, theo một thế giới riêng tự họ tung hoành trong đó. Tác giả không can thiệp vào được vì đã ra ngoài sự kiểm soát của ông. Ông đã ứng dụng tính đa dạng, phức tạp, hỗn loạn của thời thế, xã hội Việt Nam (giai đoạn viết, 1979, 1980) vào tâm lý nhân vật. Họ có lập trường chao đảo, hoang mang, bất ổn, sợ nguy hiểm, sợ bất trắc, mong yên thân, mong ăn cho no, co cho ấm.

Những cá tính nhân vật đời thường này trùng lặp với tâm lý phức tạp của giới sĩ phu Bắc Hà thời Tây Sơn bấy giờ. Họ bị ép vào đường cùng, lòng còn mến nhà Lê nên toan tính việc nhờ vả đến quân đội thiên triều Trung Hoa. Cái tâm trạng yếm thế, nịnh bợ cấp trên, chèn ép kẻ dưới, xu thời mẫn thế của các nhà nho bàng bạc trong tác phẩm.

Sông côn mùa lũ đồng thời phản kháng lại lối viết truyền thống của các sử gia thời trước. Những nhân vật đại anh hùng, liệt nữ đã bị tác giả kéo tầm cao của vai trò xuống thấp hơn và "bình dân hóa" như người thường. Độc giả sẽ vô cùng thất vọng khi thấy nhân vật oai hùng, lẫm liệt Quang Trung Nguyễn Huệ được xưng tụng xưa nay trở thành một thường dân hành sử, nói năng tư duy như mọi người tầm thường khác.

Trần Vũ thì khác hơn, trong truyện ngắn *Mùa mưa gai sắc*, ông dựng nên một hoàng đế Nguyễn Huệ với cá tính độc đoán, bẳn gắt, nhỏ nhen, võ biền, thô nhám, quả cảm, vũ phu, hiếu sát, tham vọng, đam mê quyền lực và bạo dâm. Trong tác phẩm này, những hình ảnh, sự kiện, nhân vật lịch sử được tái dựng dưới một hình thức khác làm thay đổi bộ mặt tác phẩm. Nó phản kháng lại những biến cố và sự kiện lịch sử đã được lưu truyền qua văn bản bao nhiêu ngàn năm nay. Trần Vũ rất khéo léo trong việc tận dụng ngôn ngữ văn chương.

Chỉ trong một câu, cá tính uy dũng, hiếu sát của Nguyễn Huệ gián tiếp được tỏ lộ. "Ánh đèn lồng treo ở xà thượng về khuya hắt lên lưng Huệ những vệt vằn vện của cột mái trông như tấm lưng hổ đi kiếm mồi".

Bạo liệt hơn, vị anh hùng đại phá quân Thanh hiện nguyên hình một mãnh thú bạo dâm, khi tác giả cho Huệ dùng dây đai quất công chúa Ngọc Hân rách da, xé thịt.

Những hạt mưa gai sắc đã đổ xuống đời nàng công chúa xinh đẹp họ Lê trổ ra cơn mưa bạo dâm khủng khiếp. Huệ của con người cuồng sát đã biến người con gái tài hoa, giỏi thơ phú thành một nạn nhân khổ dâm. Hình ảnh thần tượng hoàng đế Quang Trung cũng đã đổ xuống lặng lẽ trong lòng người Việt Nam đã từng học sử và tôn sùng vị anh hùng lịch sử này.

Phần phê phán con người Nguyễn Huệ sẽ dành cho Ngọc Hân công chúa tự nhận biết.

Ý tưởng đối kháng, bất bình, giận dữ, khó chịu hay ngược lại chấp nhận, đồng ý với những hư cấu của tác giả đã được dựng lên sẽ do độc giả tự ý thức lấy.

Trong Siêu tiểu thuyết, tiểu thuyết gia và phê bình gia chỉ là một. Đặc điểm này tạo nên ba lợi thế:

1) Tiểu thuyết gia thường thường tùy thuộc vào tri thức hay tài chánh kiếm được trong công việc phê bình.

2) Những nhà phê bình văn chương hàn lâm sẽ thành công hơn trong công việc viết tiểu thuyết. Nó còn dẫn tới một trình độ nhận thức phê bình cao hơn trong tác phẩm tiểu thuyết của họ.

3) Nhà phê bình/tiểu thuyết gia là một hình ảnh biện chứng, một hiện thân của sản phẩm và sự kết nạp tiểu thuyết, đồng thời kiêm luôn vai trò tác giả và độc giả.

Siêu tiểu thuyết cũng nằm trong lằn ranh của nghệ thuật và đời sống.

Ta có thể thấy điều này trong tác phẩm *Small World* của Lodge. Siêu tiểu thuyết ứng dụng văn chương phê bình chuyên nghiệp vào vật thể hư cấu mà không báo trước tính không thật của tiến trình hư cấu. Ngoài ra chủ nghĩa phê bình hàn lâm trong tác phẩm khơi dậy mối liên hệ của những phán quyết để cấu thành tác phẩm.

Trong *The French Lieutenant's woman* của Fowles, siêu tiểu thuyết làm nổi bật tính không thật trong cấu trúc mà không cần tham khảo văn chương phê bình. Nó cho phép nhà phê bình tự nhận thức thật rõ phối cảnh phê bình giữa đời sống và nghệ thuật.

Siêu tiểu thuyết có liên hệ sâu xa đến chủ nghĩa hậu hiện đại.

Nó không những chỉ là một loại tiểu thuyết của hậu hiện đại, nó còn là loại tiểu thuyết độc nhất của thời hậu hiện đại. Định nghĩa của siêu tiểu

thuyết không thể thành hình nếu không có sự đề xướng của thể loại văn chương tách riêng và cấu trúc của phê bình. Ngược lại, chủ nghĩa hậu hiện đại cũng không thể định nghĩa được nếu không nhắc đến tính đa nghĩa của nó như một loại nghệ thuật, một giai đoạn lịch sử hay những điều kiện tư tưởng và chính trị.

Hậu hiện đại khác với tiền thân của mình là hiện đại trong vài khía cạnh. Bất cứ nơi nào có vai trò kỹ thuật của hậu hiện đại hiện diện, người ta khác nhau từ nguồn gốc, phái tính, kiến thức, tình trạng kinh tế xã hội cho đến những mẫu mực đời sống hằng ngày. Ngay cả đến quyền lực cũng đã phân rẽ xuống hạ tầng qua tay cá nhân chứ không còn tập trung như thời hiện đại cũ.

Hậu hiện đại phản kháng khuynh hướng và điều kiện sống của xã hội ngày nay. Nó ảnh hưởng biến chuyển chủ nghĩa từ trong bản chất. Những đặc tính tiêu biểu có thể kể là: hỗn độn, rối mù, chao đảo, đứt rời, phân mảnh, do dự, xúc động, mâu thuẫn, ít coi trọng quyền lực, coi thường sự trong sáng, không để ý đến nguyên bản, phân hóa, nhại lại, lắp ghép để sáng tạo, sao chép để tái chế, chế nhạo để soi rọi làm sáng lịch sử và hình dung hóa hiện thực.

Nó đi từ sản xuất hàng loạt tới từng phần, tập trung quyền lực đến phân mảnh quyền lực, chuyên chế đến bao hàm, trung tâm đến biên giới, tuyến tính đến phi tuyến tính, nguyên thủy đến dùng lại, từ văn hóa in ấn đến truyền thông đại chúng.

Siêu tiểu thuyết thừa hưởng di sản của chủ nghĩa này. Nó trưởng thành toàn vẹn cùng những đặc tính chủ nghĩa hậu hiện đại. Nội dung của hậu hiện đại không phân chia rõ rệt giữa văn bản hư cấu và phê bình mà là một thế giới đại diện cho biên giới nghệ thuật và đời sống.

Siêu tiểu thuyết còn là một trận chiến triết lý giữa ngôn ngữ và siêu ngôn ngữ. ■

Tài liệu tham khảo

- Waugh, Patricia. Metafiction: The Theory and Practice of Self-Conscious Fiction. NY: Routledge, 1984.
- Linda Hutcheon. A Poetics of Postmodernism' History, Theory, Fiction. New York: 1988
- Linda Hutcheon. Historiographic Metafiction: The Pastime of Past time
- Cao Hành Kiện. Linh Sơn
- Nguyễn Mộng Giác. Sông côn mùa lũ
- Trần Vũ. Mùa mưa gai sắc

LUÂN HOÁN

ngũ ngôn lh

(trích đoạn)

17. 18.
hết xuất rồi lại nhập bon chen cũng vậy thôi
bệnh viện trở thành nhà cứ lè phè vui chơi
vi trùng đã là bạn tối ngày quả tennis
cõi chơi cứ tà tà rũ đi quanh quẩn đời
Chỗ Tiếp Giáp... cái hoa buồn tay vẽ khơi khơi
ngọn cọ thần, ấy mà ngó lơ chỗ đã ngồi
vẫn lung linh nét họa vòng xe qua mấy ngã
có đủ người, đủ ma vẫn gặp đường chân trời

44. 45.
Quê Tình, Hà Thượng Mật bỗng dưng thành mất dạy
mang Hột Muối Bỏ Sông vứt thân qua đại dương
chút lòng thơ tưởng mất lỡ Níu Chân Cầu... cũ
hóa ra vẫn bềnh bồng nhúng đời vào tang thương
Cửa Đợi Sông Hoài đó phải chăng nhờ có rượu
người chịu về hay không chiều mưa bay bên đường
chân gà loạn luống cải và trong giọt máu vỡ
mở ra những trang lòng thơ vẫn nở bình thường

50. 51.
một thời ở miệt vườn từ Chân Mây Điệp Khúc
một dạo mê cải lương lấp lánh tiếng ai cười
bầu bạn cùng cây bút vẳng một thời Sông Vệ
sống giản dị bình thường đứng ngắm sông nhớ người
đời thương gọi nương nương nhớ cả cái răng sún
trầu, trà cổ nguyệt đường lồ lộ sau vành môi
âm dương không ranh giới và vuông sân nắng đọng
vẫn tưng bừng Ngát Hương... một khoảnh khắc ngậm ngùi

(trích từ LH, Một Đời Thơ đang in)

lụt trăng mưa sao

THU TỨ

Những dòng rướm máu...
Thơ tôn giáo: kính nhi viễn chi
"Sự ham muốn vô biên (...)
một cõi trời cách biệt"
Thực, Hư, *hai* cõi đi về
Lãng mạn chưa bao giờ siêu thực thế

Những dòng rướm máu...

Nói gì thì nói, đã muốn tìm hiểu đặc tính siêu thực trong văn chương Trung bộ mà không xem xét kỹ thơ Hàn Mặc Tử, e... không ổn. Hoài Thanh bảo *Điêu tàn* của Chế Lan Viên là "một niềm kinh dị". Đem so với *Điêu tàn*, những bài *Đau thương*, chẳng hạn, kinh dị hơn nhiều lắm. Vẫn có ý kiến cho rằng đấy chẳng qua là sản phẩm của một đầu óc bị chấn động vì bệnh tật. Mặt khác, không ít người đọc thơ lại nhiệt liệt ca ngợi chính những dòng chữ "như dính máu", gây rùng rợn, hoang mang nọ.

Thơ của Hàn Mặc Tử sau *Gái quê* (1936) quả lắm khi lạ hơn lạ. Không mong hiểu được rành mạch, riêng rẽ từng câu, từng đoạn, thậm chí từng bài thơ đầy vẻ siêu thực ấy. Thử cố gắng, họa may nắm bắt được phần nào cái bản chất của toàn thể?

Thơ tôn giáo: kính nhi viễn chi

Xuân như ý chứa nhiều bài ca ngợi Chúa, Đức Mẹ. Vũ Ngọc Phan bảo: "Thơ tôn giáo đã ra đời với Hàn Mặc Tử." Ô hay, thế bao nhiêu thơ về Phật giáo suốt nghìn năm trước đấy không phải là thơ sao? Hoài Thanh chú trọng hướng khác: "Hình như trong các thi phẩm xưa nay có tính cách tôn giáo không có gì giống như vậy. Hàn Mặc Tử đã dựng riêng một ngôi đền để thờ Chúa." Trong đền, ông quan sát thấy có "đầy dẫy những kinh cầu nguyện, những hương đức hạnh, hoa phẩm tiết, nhạc thiêng liêng, cùng ánh trăng, ánh thơ. Nhất là ánh thơ." Nếu chỉ có thế, sao phải dựng riêng? Yến Lan bình

luận: "Anh là một con chiên ngoan đạo. Tuy nhiên, chất Đạo (thanh khiết, thiêng liêng) trong thơ Anh đã bị chất Đời (đau yếu, bệnh tật) lấn áp."

Đời khổ, đa số tín đồ vào nhà thờ cầu nguyện. Hàn Mặc Tử lập riêng một nhà thờ, bằng thơ. Trước Chúa, đa số tín đồ khép nép tay chân, thở than kín đáo. Hàn Mặc Tử vung múa dữ dội:

"Và trong tay nắm một nạm hào quang...",

la hét om sòm:

"Hỡi Sứ thần Thiên chúa Gabriel,
(...)
Người có nghe xôn xao muôn tinh tú?
Người có nghe náo động cả muôn trời?
Người có nghe thơ mầu nhiệm ra đời",

rồi khăng khăng chất vấn:

"Phượng Trì! Phượng Trì! Phượng Trì! Phượng Trì!
Thơ tôi bay suốt một đời chưa thấu,
Hồn tôi bay đến bao giờ mới đậu
Trên triều thiên ngời chói vạn hào quang?"!

Hoài Thanh viết: "*Xuân như ý* rõ ràng là tập thơ hay nhất của Hàn Mặc Tử." Yến Lan miễn cưỡng bày tỏ bất đồng: "Suy cho cùng, thơ về Chúa, về Đức Mẹ (...) của Hàn Mặc Tử (...) khó (...) thâm nhập vào tâm hồn người đọc có tín ngưỡng hay không có tín ngưỡng."

Xét theo tín ngưỡng, người đọc chia hai nhóm. Xét theo nội dung, thơ siêu thực cũng chia hai loại. Siêu thực, siêu hình, là siêu việt cái thực tại sờ sờ, cái hình thể hiển hiện. Sau khi vượt quá lằn ranh giới hạn cái "sờ"-được-"thấy"-được, tư duy tôn giáo bèn đi ngay vào hướng nhất định, trong khi tư duy phi - tôn giáo trở nên dọ dẫm, vu vơ, rộng mở: cùng là nghĩ ngợi, mà một đằng thuộc về thần học, một đằng thuộc về triết học. Thơ (siêu thực) tôn giáo ra đời nhằm phát huy niềm tin, ca tụng đấng Thiêng liêng; thơ siêu thực (phi - tôn giáo) bày tỏ thắc mắc, xúc cảm trước những cái còn ở ngoài khả năng tìm hiểu của con người.

Nói chung, thơ tôn giáo khó thực sự hấp dẫn người đọc không chia sẻ tín ngưỡng. Kẻ không tin Chúa đọc thơ ca tụng Chúa, mà khen hay, kẻ ấy có đầu óc cởi mở đáng quý, nhưng bảo rằng y đã thưởng thức thánh thi đến nơi đến chốn, lại... khó tin. Tương tự, thơ siêu thực làm sao thâm nhập vào tâm hồn tín đồ chân chính (của bất cứ tôn giáo nào)?

Đọc thơ thế, làm thơ cũng thế. Kẻ ngoại đạo bỗng dưng sáng tác mấy vần lạy Phật Bà lạy Đức Mẹ, thành Phật thi Thánh thi giá trị được sao? Mà con chiên ngoan đạo, trước giờ vẫn riu ríu theo bầy, một hôm chợt nảy tứ tân kỳ, vung bút siêu thực tới bời, thành thơ xuất sắc được sao? Chẳng những thơ

e... nhảm nhí, mà người thơ rồi phải sám hối, xưng tội kỹ càng.

Lý luận ngon trớn, sực nhớ, giật mình. Ngoài thơ về đạo, Hàn Mặc Tử còn để lại nhiều tác phẩm mà nội dung được Hoài Thanh mô tả là "huyền bí nhưng không thiêng liêng". Có chiên lạc bầy, có thơ giá trị ở đấy chăng?

"Sự ham muốn vô biên (...) một cõi trời cách biệt"

Trước khi Hàn Mặc Tử gặp nạn, thơ ông dường như vắng đạo, nhưng đã chứa khá nhiều trăng. Trong *Lệ Thanh thi tập* đầu đời, có câu nổi tiếng:

"Bóng nguyệt leo song sờ sẫm gối",

mà nhiều người, như Hoài Thanh, cho là "vẩn đục". Thi sĩ làm thơ luật Đường, nên "trăng là nguyệt"[1]. Nguyệt quấn quýt hoa, nguyệt sờ hoa chăng nữa, chuyện bình thường và cũ rích như thơ Mít thơ Quạt, chi mà đục, trong.

Sang *Gái quê*, nguyệt càng lẳng lơ:

"Ô kìa, bóng nguyệt trần truồng tắm,
Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe"

và thường khi chỉ xưng "trăng" thân mật:

"Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu,
Đợi gió đông về để lả lơi."

Hình ảnh mới, nhưng nội dung vẫn cũ ít nhất hàng thế kỷ. Từ 1936 về trước, trăng trong thơ Hàn Mặc Tử là trăng thế tục, trăng chung của tất cả mọi người.

Chỉ sau khi "đau thương" khởi sự, trăng mới dần dần trở nên riêng tư, bí ẩn, huyền diệu, thơ trăng mới đạt mức lạ lùng. Không hiểu sao, cũng từ đấy, "trăng thôi là nguyệt"[2].

Yến Lan bảo trăng chủ trì cả hơi thơ lẫn tứ thơ Hàn Mặc Tử. Thi sĩ ngậm trăng, cắn trăng, uống trăng, ọe ra trăng, "dìm hồn xuống một vũng trăng", "ăn vận toàn trăng", đuổi theo trăng, né mình tránh trăng rụng, nhảy xuống giếng vớt xác trăng v.v... Cả trời đất bao la bấy giờ dường như chỉ trăng là quan trọng, mà thời gian chỉ còn đáng kể lúc "ban khuya":

"Tôi đi trong áng sương mờ
Tìm con trăng lạc ngoài bờ bến kia
Xứ yêu bát ngát, tôi lìa
Dò xem ý tứ ban khuya, tôi liều"

Trong *Đau thương*, những dòng bình tĩnh như trên rất hiếm. Trời đất ấy, ánh trăng ấy, tuy vậy không phải hoàn toàn hỗn độn, mơ hồ, mà có ít nhất hai đặc tính rõ rệt, rất lạ.

Thứ nhất, trăng Hàn Mặc Tử có mùi. Mùi trăng khi quanh quẩn tầm gần:

"Thơ em cũng giống lòng em vậy
Là nghĩa thơm tho như ánh trăng",

khi lan tỏa khắp Mênh Mông:

"Như hương trăng đầm thắm cõi không gian"

Thứ hai, nó có thể phát tiếng:

"tiếng trăng reo vang vang như tiếng châu báu vỡ lở",

hoặc có thể vang thành tiếng:

"Đang khi mầu nhiệm phủ ban đêm
Có thứ gì rơi giữa khoảng im
Rơi tự thượng tầng không khí xuống
Tiếng vang nhè nhẹ dội vào tim"

Ngay cả sao, rất bé nhỏ so với trăng, tuy không mùi nhưng vẫn có tiếng:

"Trăng sào đắm đuối trong sương nhạt,
(...)
Cả trời say nhuộm một màu trăng,
Và cả lòng tôi chẳng nói rằng.
Không một tiếng gì nghe động chạm,
Dẫu là tiếng vỡ của sao băng..."

Sao "bơi" trong dòng đen đặc, khi dào dạt xôn xao, khi yên tĩnh:

"Sông Ngân đã im lìm không tiếng sóng"

Người thường như chúng ta dĩ nhiên không mong ngửi được mùi trăng thơm tho, nghe được tiếng trăng reo, tiếng sao vỡ, tiếng sóng Ngân hà. Hoài Thanh phàn nàn: "Trời đất này thực của riêng Hàn Mặc Tử, tôi không hiểu được và chắc cũng không bao giờ ai hiểu được." Trần Thanh Mại cố cắt nghĩa: "Hàn Mặc Tử có một thính giác đặc biệt (...) nghe cả (...) tiếng chạm của hai đường tơ ánh sáng..." Thính giác bén nhạy, e không đơn giản vậy đâu. Đất trời, trăng sao của Hàn Mặc Tử không hoàn toàn lộn xộn, vô nghĩa, mà dường như phần nào tương ứng với một quan niệm thơ tân kỳ. Giữa những cơn đau dữ dội thường xuyên, thi sĩ vẫn còn chút tỉnh táo, đủ để trình bày vội vã cái ý của mình. Trong thư đề tháng Sáu 1939, gửi cho M. (không rõ là ai): "Thơ là sự ham muốn vô biên những nguồn khoái lạc trong trắng của một cõi trời cách biệt." Trong lời giới thiệu tập *Tinh huyết* của Bích Khê (1939), Hàn Mặc Tử giải thích rõ ràng hơn: "Sự say mê, tìm kiếm những nguồn hoan lạc vô biên đã dần dần đẩy thi nhân vào bờ bến của Huyền diệu (...) thi nhân chú trọng về âm thanh và màu sắc (...) nhạc lúc bấy giờ cũng không còn là nhạc nữa. Nó đã bay ra hương, ra hoa, ra thơm, ra mát, ra ngọt, ra ngào, ra gì mê tơi, run rẩy, hay âm thầm nức nở, lanh lảnh như giọng trời, mơn man như ân tình đòi hỏi..." Thơ thành công, như thế, dường như có khả năng "Bắt cái vô hình trở nên hữu hình, khiến cái chết trở nên sống, cho vật câm không còn là câm nữa."

Bắt cái nọ thành cái kia, đồng hóa tiếng với hình, màu với mùi v.v... nghe thế hẳn có kẻ liên tưởng đến thuyết tương giao, đến Baudelaire, đến lời ăn

tiếng nói hằng ngày của người Việt Nam. Chẳng phải Tây đã viết "đỏ như kêu", ta đã nói "sáng lạnh", "rét ngọt" v.v... từ lâu lắm rồi sao? Vẫn trong thư gửi cho M. nào đấy, Hàn Mặc Tử nhấn mạnh: "Có điều này nữa, Trí khác với Baudelaire...". Khác thế nào? Có phải khoảng cách giữa "đỏ như kêu" với "hương trăng đằm thắm", nó cũng vời vợi như khoảng cách giữa công thức lực - khối lượng của Newton thế kỷ 17 với công thức năng lượng - khối lượng của Einstein thế kỷ 20 chăng?

Chế Lan Viên ý thức khoảng cách ấy. Năm 1988, nhân dịp sở Thông tin – Văn hóa sắp in lại một tuyển tập Hàn Mặc Tử ở Qui Nhơn, ông ghi nhận: "Anh đã làm quá trình một thế kỷ về thơ (...) Từ một nhà thơ (...) lối cổ phương Đông, Anh đã hiện đại như những nhà thơ hiện đại nhất châu Âu."

Thực, Hư, *hai* cõi đi về[3]

Tin Chúa, nên khổ quá thì kêu Chúa. Nhưng sao lại từ ngắm trăng cách bình thường chuyển qua say trăng hơn say gái?

Cái trăng Bình Định có gì khác lạ? Thị xã Qui Nhơn phải chăng nơi chốn không bình thường? Trong lời tựa cho tuyển thơ văn cuối cùng của mình (1988), Chế Lan Viên ngỏ lời tri ân "quê" (không phải quê mẹ) và tâm sự: "khi tôi lên bảy thì cả gia đình chuyển vào Bình Định (...) Tôi đã gặp cả một vùng, một trung tâm thơ, trung tâm văn học là Qui Nhơn." Ở đấy, ông gặp "sự ham đi tìm cái mới, sự không chấp nhận sáo mòn của các thi sĩ (...) Tôi đã chịu ảnh hưởng (...) tốt đẹp". "Trung tâm thơ", thời ấy, có lối sinh hoạt văn nghệ riêng. Hoàng Diệp, một bạn thân của Hàn Mặc Tử, kể: "... ở Qui Nhơn (...) Những đêm trăng sáng, màu trăng hoang dại, huyền hoặc, thường quyến rũ chúng tôi đi ngủ biển. Chế Lan Viên, Yến Lan và tôi... hội họp tại nhà Hàn Mặc Tử, rồi đem ra (*drap*), mền đi ngủ biển chỉ cách nhà chàng độ 200 thước. Những đêm ấy là những đêm mưa tầm tã, lụt ngập trời. Nhưng mưa ở đây là mưa sao, lụt ở đây là lụt trăng. Chúng tôi bị trăng vây phủ tứ bề, ngăn hết nẻo đường..."

Bị trăng vây bủa mà bên mình có anh thơ Quách Tấn, em thơ Chế Lan Viên, bạn thơ Yến Lan v.v... thì còn chịu được. Nhưng suốt thời kỳ Hàn Mặc Tử trốn lánh để khỏi bị bắt vào trại Quy Hòa, đâu phải đêm nào anh em bè bạn cũng cùng đi ngủ biển với thi sĩ bất hạnh được. Bao nhiêu đêm trăng lụt sao mưa Hàn Mặc Tử phải đấm đuối một mình trên cát? Một người cùi đơn độc, thui thủi, giữa bao la trăng...

"Tiêu dao đến nỗi bẽ bàng,
Đi trong hiu quạnh gặp toàn bơ vơ".
Đi suốt đêm, gặp toàn... không ai cả, nhưng
"Tiếng gà gáy rụng trăng đầu hạ,
Tôi hoảng hồn lên, giận sững sờ!"

Lại Yến Lan: "Tình yêu trắc trở. Anh dựa vào tình bè bạn. Cô đơn, tù túng quá, Anh dựa vào cái mà thiên nhiên đã cho Anh nhiều nhất, dễ dàng tiếp cận nhất, là trăng." Căn bệnh quái ác ảo hóa, hư vô hóa gần tất cả đời sống, chỉ để lại cho kẻ-vốn-khát-yêu chứa chan một thứ ánh sáng lờn lợt, mơ hồ...

Đời thi sĩ dù khổ tột độ, tự nó cũng không làm nên thơ hay. Phải có tài, thứ tài thích hợp. Chế Lan Viên nhận xét: "Tử có rất sớm (...) cái khả năng (...) tâm tưởng tâm hồn hóa (...) thế-tục-hóa, da-thịt-hóa (...) ma-quái-hóa (...) nhờ có một cái cốt (...) một cấu trúc tâm hồn thế nào đó." Cái cốt khác thường ấy giúp Hàn Mặc Tử "đi về, qua lại giữa (...) thực và hư... rất thoải mái." Rất tiện lợi nữa. Bệnh tật ảo hóa thực tại, thì thi sĩ thực hóa ánh trăng. Bệnh tật cướp đi những khao khát tình cảm bằng xương bằng thịt, thì thi sĩ bắt ánh trăng huyền ảo đền bù:

"Tôi lại gần bên, ồ! lạ thường!
Nường trăng, Ô! chính là Thương Thương!"

Thương là trăng, trăng là Thương. Mà Thương chẳng qua cũng chỉ giả danh, *tình* mới đích thị thực danh:

"Tôi say tình cũng như tôi say trăng"

Hay "tôi say trăng cũng như tôi say tình", cũng thế. Tình, trăng, trăng, tình, đi, về, qua, lại. Chế Lan Viên viết ra điều hiển nhiên: "*Hàn Mặc Tử không phải là nhà thơ siêu thực.* Trước sau anh vẫn là lãng mạn (...) dùng nhiều yếu tố siêu thực".

Lãng mạn cách siêu thực là Hàn Mặc Tử nổi bật khi bơi trăng tắm sao. Mặt khác, cũng những khi ấy, thỉnh thoảng lại xuất hiện một Hàn Mặc Tử khác, trầm ngâm:

"Tối hôm nay muôn sao bơi nhấp nhánh.
Sông Mê hà đưa đẩy sóng triền miên...",

triết lý cổ điển:

"Chao ôi! ghê quá trong tư tưởng,
Một vũng cô liêu cũ vạn đời!"

Ngay giữa tập thánh thi, giữa những dòng sôi nổi ca tụng Đức Mẹ, giữa chói lọi hào quang, vẫn lạc vào hoặc chút "cô liêu" cũ kỹ:

"Trời Hàn giang đêm nay không sóng,
Lòng cô liêu đồng vọng làm chi?"

hoặc những dòng nước mắt vừa bàng hoàng vừa tỉnh táo:

"Hôm nay trời lửng lơ trời,
Dòng sông ánh sáng sẽ trôi hoa vàng.
Tôi ngồi ở bến Hàn giang,
Khóc thôi mây nước bàng hoàng suốt đêm."

Những khi ấy, Hàn nghĩ gì? Có phải, như Chế Lan Viên viết trong bài khóc người anh thơ sáu bảy mươi năm trước: "Tôi tưởng tượng ra cái phút cuối cùng của Tử. Có phải Tử nghĩ đến (...) những cái có thật mà mình không về với nữa, cũng như (...) đến nơi không biết có thật bao giờ, mà mình sắp phải trở về."(4)

Những câu thơ chừng mực lạc lõng quả như gợi thuở đầu lành lặn, bình an, lại như nhắc kết thúc bi thảm không còn xa nữa. Một cuộc xoay vòng ngắn ngủi quá, mà cũng dài quá. Thương tâm.

Lãng mạn chưa bao giờ siêu thực thế

Là người ngoại đạo, trong loại thơ chứa nhiều yếu tố siêu thực của Hàn Mặc Tử, tôi chỉ thưởng thức được những bài "huyền bí nhưng không thiêng liêng". Trong những bài ấy, toàn bích dường như chỉ một: 'Chơi giữa mùa trăng' là "Anh kết tinh ở bao thanh sắc lạ". Viên ngọc lớn, nhiều mặt óng ánh kỳ ảo, dưới đây bày vài góc cạnh:

"Trăng là ánh sáng? Nhất là trăng giữa mùa thu, ánh sáng càng thêm kỳ ảo, thơm thơm, và nếu người thơ lắng nghe một cách ung dung, sẽ nhận thấy có nhiều miếng nhạc say say gió xé rách lả tả... Và rơi đến đâu, chạm vào thứ gì là chỗ ấy, thứ ấy vang lên tuy chẳng một ai thấy rõ sức rung động (...)

Sông? Là một giải lụa bạch, không, là một đường trăng trải chiếu vàng, hai bên bờ là động cát và rừng xanh và hoang vu và thanh tịnh. Chị tôi và tôi đồng cầm một mái chèo con, nhẹ nhàng lùa những dòng vàng trôi trên mặt nước.

Chị tôi cười nả nớt, tiếng cười trong như thủy tinh và thanh khiết lạ thường. Luôn luôn cứ hỏi tôi và đố tôi cho kỳ được: 'Này chị đố em nhé, trăng mọc dưới nước hay mọc trên trời, và chúng mình đi thuyền trên trời hay dưới nước?' Tôi ngước mắt ngó lên trời rồi ngó xuống nước và cũng cười đáp lại: 'Cả và hai chị ạ.' Sướng quá, chao ôi, hai chị em lại thỉnh thoảng rú lên cười làm náo động luồng tinh khí của hạo nhiên.

(...) Thuyền đi êm ái quá, chúng tôi cứ ngỡ là đi trong vũng chiêm bao, và say sưa và ngây ngất vì ánh sáng, hai chị em như đê mê, không còn biết là có mình và nhận mình là ai nữa. Huyền ảo khởi sự. Mỗi phút trăng lên mỗi cao, khí hậu cũng tăng sức ôn hòa lên mấy độ, và trí tuệ, và mộng, và thơ, và nước, và thuyền dâng lên, đồng dâng lên như khói... (...)

(...) 'Thôi rồi! Trí ơi! Con trăng nó bị vướng trên cành trúc kia kìa, thấy không? Nó gỡ mãi mà không sao thoát được, biết làm thế nào, hở Trí?' Tôi cười: 'Hay là chị em ta cho thuyền đỗ vào bến này, rồi ta trèo lên động cát với tay gỡ hộ cho trăng thoát nạn.' Hai chị em liền giấu thuyền trong một bụi hoa lau bông vàng phơi phới, rồi cùng lạc vào một đường lối rất lạ, chân dẫm lên cát mà cứ ngỡ là bước trên phiến lụa. Nước suối chảy ở hang đá trắng, tinh

khiết như mạch nước ngọc tuyền, chồm lên những vừng lá, hễ trông đến là kinh hãi vì ngó giống con bạch hoa xà như tạc...

Sao đêm nay kiều diễm như bức tranh linh động thế này? Tôi muốn hỏi xem chị tôi có thấy ngọt ngào trong cổ họng như vừa uống xong môt ngụm nước lạnh, mát đến tê hết cả lưỡi và hàm răng? Chị tôi làm thinh, ồ mà từng lá trăng rơi lên xiêm áo như những mảnh nhạc vàng (...)

Ánh sáng tràn trề, ánh sáng tràn lan, chị tôi và tôi đều ngả vạt áo ra bọc lấy, như bọc lấy đồ châu báu (...)

(...) 'A ha, chị Lễ ơi, chị là trăng mà em đây cũng là trăng nữa!'"

Trăng, trước Hàn Mặc Tử chưa bao giờ lãng mạn cách lạ lùng như trên, mà sau Hàn Mặc Tử, càng về sau e càng kém lãng mạn, bất cứ cách gì. E rồi chỉ còn thứ trăng... ô nhiễm.

Thơ trăng của Hàn Mặc Tử không chứa thắc mắc siêu hình như thơ Chế Lan Viên, cảm xúc vũ trụ như thơ Huy Cận, cảm xúc thời gian như thơ Võ Phiến. Nó chất đầy khát khao lãng mạn mang dáng màu siêu thực.

Làm dân Chúa, Hàn Mặc Tử không thắc mắc, không xúc cảm... lạc đề, tuy nhiều khi ăn vận toàn thứ vải lạ. Chắc chắn thi sĩ đang bay lượn trong vùng "ánh sáng muôn năm" của người.

Làm dân Việt, Hàn Mặc Tử góp thêm vào "vườn văn đầy hương sắc"[5] của ta một đóa màu... trăng, thơm tho, đằm thắm, vang vang... ■

Tất cả các chỗ trích dẫn trong bài này đều rút từ các sách sau đây:

- Hàn Mặc Tử, *Thơ Hàn Mặc Tử*, nxb. Đại Nam tái bản ở Hoa Kỳ.
- Nhiều tác giả, *Thơ Hàn Mặc Tử*, Sở Văn hóa - Thông tin Nghĩa-Bình, Qui Nhơn, in lần 2, 1988.
- Nhiều tác giả, *Hàn Mặc Tử – Thơ và đời*, nxb. Văn Học, Hà Nội, 1993
- Chế Lan Viên, *Thơ văn chọn lọc*, Sở Văn hóa và Thông tin Nghĩa-Bình, Qui Nhơn, 1988.
- Hoài Thanh, *Thi nhân Việt Nam*, nxb. Hoa Tiên, Sài Gòn, 1968.
- Vũ Ngọc Phan, *Nhà văn hiện đại*, nxb. Đại Nam tái bản ở Hoa Kỳ
- Nhiều tác giả, *Văn xuôi lãng mạn Việt Nam (1930-1945)*, nxb. Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1990.
- Nhiều tác giả, *Thơ Bích Khê*, Sở Văn hóa và Thông tin Nghĩa Bình, Qui Nhơn, 1988.

(1) Lời bài 'Nguyệt ca' của Trịnh Công Sơn.

(2) Xem trên.

(3) TCS có bản nhạc tên 'Một cõi đi về'.

(4) Chế Lan Viên, 'Kỷ niệm về Hàn Mặc Tử', báo *Người Mới*, số 5, 23-11-1940, in lại trong tuần báo *Văn Nghệ*, Việt Nam, số 25, 19-6-2004.

(5) Nguyễn Hiến Lê có tác phẩm tên *Hương sắc trong vườn văn*.

trò chuyện với hoa thủy tiên và những nhầm lẫn của nhà văn (1)

NGUYỄN HUY THIỆP

Kinh nghiệm người đi trước

Trong những cuộc trò chuyện về văn học trên "văn đàn" gần đây thì cuộc trò chuyện của phóng viên báo *An Ninh Thế Giới* với nhà văn Tô Hoài (in trên báo *An Ninh Thế Giới* cuối tháng 12. 2003) theo tôi là một cuộc trò chuyện hay nhất. Cũng phải nói thêm rằng cuộc trò chuyện này có hơi hướng một cuộc hỏi cung oái oăm và không được nhã cho lắm nhưng thực ra điều ấy không can hệ gì. Hai bên vấn đáp, trao đổi giống như kiểu cao nhân ngồi trên núi hoa đào luận bàn về kiếm pháp trong giới giang hồ ("hoa sơn luận kiếm"). Tôi không nhớ tình huống nào đã dẫn đến câu hỏi về sĩ khí của nhà văn (tức là một câu hỏi đốp chát nhất về danh dự): "Anh có hèn không?" "Tại sao như thế này và như thế kia v.v..." Nhà văn Tô Hoài không trả lời đúng vào câu hỏi (hầu hết trong cuộc phỏng vấn này ông đều không trả lời đúng vào câu hỏi). Tô Hoài sinh năm 1920, bắt đầu viết văn từ những năm đầu tiên của nền "văn học chữ quốc ngữ", lừng danh từ tuổi 20 với tác phẩm bất hủ *Dế mèn phiêu lưu ký*, có thể nói là một "cây đại thụ trong nền văn học nước nhà". Ông đã sống, viết lách, trải nghiệm qua vài chế độ, hiểu khá rõ về sự đời, tình đời. Khi Tô Hoài nói về kinh nghiệm viết văn (điều này cũng giống như nhiều người viết văn thuộc thế hệ ông), người ta đều nhận thấy những kinh nghiệm viết văn của họ luôn đan xen với những kinh nghiệm đối nhân xử thế. Văn học (với tính chất xã hội rõ ràng) không còn là một "nghệ thuật chữ nghĩa" mà hiển nhiên là "nghệ thuật sống", nó có cái cần lâu hơn, là tay thước, là cây gậy, là cái bẫy chim, thậm chí còn là cây súng.

Ở thế hệ "nhà văn hiện đại" bây giờ (tôi có thể kể tên đôi ba người làm ví dụ trong đó có Hồ Anh Thái, Nguyễn Việt Hà, Phan Thị Vàng Anh v.v...) họ có thể trông chờ gì ở kinh nghiệm viết văn ở các bậc tiền bối nếu chỉ cứ loay hoay với các cung cách ứng xử mà thôi? Trong một phát biểu trên báo gần đây Hồ Anh Thái cho rằng: "Nhà văn là người có lẽ không thích hợp với các sinh hoạt đám đông, thậm chí cả với sinh hoạt gia đình" (Báo *Thể Thao Văn Hóa* số Tết tất niên Giáp Thân 2004). Tôi hơi băn khoăn về quan điểm đó và

tôi không mong nó sẽ đại diện cho quan niệm của cả một thế hệ nhà văn trẻ bây giờ. Điều ấy chứng tỏ văn học đang ngày càng trở nên khắc nghiệt hơn so với trước kia. Văn học hiện đại đó là một sân chơi ngày càng chuyên nghiệp và quyết liệt (vì sao tôi sẽ nói sau) không phải là một "nghệ thuật" dễ xơi chút nào. Xem xét quan niệm của các nhà văn danh tiếng đáng mặt hiện nay trên thế giới và khu vực hầu như ai cũng nói đến cuộc sống riêng tư của mình một cách khá dè dặt, mặc dầu dè dặt nhưng chính cái "cuộc sống thổ tả" ấy lại là cốt lõi, là thức ăn cho cuốn sách họ đang viết. Ở Trung Quốc, Cao Hành Kiện là đương nhiên rồi, còn những người "hạng hai" như Mạc Ngôn, Giả Bình Ao, Vệ Tuệ, Miên Ngôn, Cửu Đan... tất cả đều trình bày cuộc sống "tự sự" của mình một cách cay đắng và cũng có thể nói là thành công. Mạc Ngôn nói: "Tiểu thuyết là tự sự (tự thuật)". Quan niệm này tuy lỗ mãng nhưng phải nói là xác đáng. Ở Miên Miên (một cây bút nữ trẻ) "vô thức" đã giúp cô nhận ra điều ấy khá trực tiếp. Ở bên trời Tây, trước đây Sagan (tác giả *Buồn ơi chào mi*) cũng đã từng làm như thế nhưng khoảng cách giữa sáng tác và tự sự vẫn là một trời một vực. Lối viết tự sự đòi hỏi sự thành thật và một nghệ thuật che giấu tình cảm rất cao. Nhà văn - nhân vật luôn đối mặt với những sự hiểm nguy ở trong "trái tim", trong công việc, trong ứng xử, trong mọi sinh hoạt của mình. Nó dứt khoát là một cuộc sống phiêu lưu, thậm chí còn nguy hiểm nữa. Tôi hiểu vì sao có khá nhiều "nhà văn trẻ" hiện nay đang sống độc thân, "vào Nam ra Bắc", khước từ mọi "hệ lụy", rắc rối, sống âm thầm, "dằn vặt", v.v... Văn học đã trở nên quá nặng nề với họ. Thức ăn của văn học là cuộc sống của chính tác giả, văn học xơi những miếng to tướng, vừa ăn vừa nhằn ra nham nhở, chẳng hề "nghệ thuật" chút nào. Bảo trọng mình ra sao để có thể "kể chuyện" được không dễ. Ở thế hệ Tô Hoài, tôi ngờ rằng họ quan sát, chiêm nghiệm nhiều hơn thể nghiệm. Đọc lại bài phỏng vấn về Tô Hoài, ông cho biết, Nam Cao viết do "vợ kể lại", Nguyễn Đình Thi "sáng tác" mà không biết trong chùa có ai sống (sư cụ, tiểu hay vãi...), Hoàng Cầm làm "thơ tán gái" v.v... Văn học hiện đại rất coi trọng "cảm giác". Không có cảm giác thật thì chẳng làm được gì cả. Cảm giác là thứ không thể truyền lại được. Kinh nghiệm của cảm giác là thứ rất khó ấn chứng giữa người này với người kia. Kinh nghiệm viết văn thực ra chỉ là kinh nghiệm của cảm giác. Cảm giác - đó là một thứ văn học mà văn học hiện đại đặt thành tiêu chí hàng đầu. Ít nhất, đó cũng là cảm nhận, cảm giác của riêng tôi... khi mà tôi đi sâu vào thế giới sáng tác nội tâm của mình và các nhà văn hiện đại đương thời.

Đương đại - tức là "suy đồi"?

Khi ta đang sống (đương đại) nghĩa là ta đang tiếp cận, đang tiếp cận cái chết (sự suy đồi ghê rợn nhất). Nghệ thuật đương đại, xét cho cùng chính là

nghệ thuật suy đồi. Thời gian qua đi, những kinh nghiệm của cảm giác giá trị nhất sẽ còn lại, trở thành cổ điển, kinh điển, thành "văn hóa", đóng khung lại trong các bảo tàng nghệ thuật và trong trí nhớ người đời. Các nghệ sĩ sống trong thời hiện tại không thể tránh được sự dung tục, nhảm nhí, không thể tránh được bọn tiểu nhân, bọn phàm phu tục tử, lưu manh, philistanh, ngụy quân tử v.v... Kiểu gì thì kiểu, ngay cả những nhà văn danh giá nhất đôi khi vẫn cứ phải chung lưng đấu cật, "ba cùng", vẫn cứ phải đối thoại, đùa cợt, chơi bời với các đồng nghiệp bất đắc dĩ của họ, cùng lý tưởng nhưng khác hạng" (chữ của Victor Hugo). Không khí dung tục suy đồi "đương thời" cũng chính là không khí sống, không khí sáng tác - mặc nhiên là thế - bởi vậy nếu từ chối đối thoại nghĩa là anh tự làm cho mình khó thở, tự giam cầm mình. Trước mặt tôi đây là một giò hoa thủy tiên thơm ngát. Này hoa thủy tiên lạc loài, ngươi có biết rằng rồi sẽ có ngày chẳng còn ngươi, cũng sẽ chẳng còn ta nữa không?

Trong bài viết *Thời của tiểu thuyết* tôi đã nói đến văn học tự sự và tôi vẫn còn coi nó như một hình thức nghiêm cẩn nhất, chính trực nhất trong tư chất nghệ sĩ mỗi nhà văn. Gì thì gì, khi đọc một số nhà văn trẻ "tự sự" ở Trung Quốc gần đây như Miên Miên, Vệ Tuệ, Cửu Đan... không phải tôi mà hầu hết bạn đọc đều có sự vì nể với họ bởi cách dấn thân (hoặc là vô tình, hoặc là vô ý của số phận họ) với văn học - và với cuộc đời nói chung. Nhân nói về sự dấn thân, tôi rất lạ khi thấy một số nghệ sĩ trẻ, họa sĩ, nhà văn trẻ coi rằng: bỏ nhà đi bụi, đi lang thang, ngủ với gái điếm, uống rượu say sưa, truy hoan hành xác - đấy mới là sự dấn thân. Thật nực cười, thê thảm và nhầm lẫn. Hoàn toàn không phải thế! Mikenlăngiê mò vào nhà xác, mổ xác tử thi để học giải phẫu, giúp ích cho nghề nghiệp điêu khắc của mình, Victor Huygo chịu đựng lưu đày... đấy mới là những tấm gương dấn thân cổ điển, cần phải học tập. Trò chuyện với Nguyễn Việt Hà, tôi có nói với anh rằng: hãy sống với cuộc đời công chức một cách cẩn thận, quan sát nó, viết về nó cho hay - đấy cũng là một sự dấn thân "hiện đại". Thực tế đang ngày càng trở nên khắc nghiệt. Đừng tưởng rằng ở đấy không có trả giá, không có đau đớn, không có gì để viết. Nó là cả một bi hài kịch cuộc đời, có khi là cả một bi hài kịch một thời. Tôi rất buồn cười câu chuyện Nguyễn Việt Hà kể cho tôi nghe: ở công sở, có một tay trưởng phòng xây dựng cho xây toilet. Anh ta kích cỡ hơn người (cao tới 1m78) nên chỗ đi tiểu ở cơ quan anh ta luôn cao hơn những nơi khác tới 15 phân. Vì vậy, gần như mọi người đi tiểu ở đó đều bị nước tiểu bắn vào quần áo! Sự độc tài của một tay công chức cửa quyền thật lợi hại. Đặc quyền "lấy của mình ra đo" mà không quan tâm đến những số đo khác trong thiên hạ là như thế đấy.

Gần đây, đọc bài viết của Bùi Việt Thắng về tôi in trên báo *Văn Hóa*

Xuân 2004 (được đặt dưới tiêu đề *Trên đường đổi mới*) không hiểu sao tôi cứ hình dung Bùi Việt Thắng giống hệt như tay trưởng phòng công chức xây dựng cửa quyền nọ. Anh lấy số đo của mình mà đặt tiêu chí để đo thiên hạ. Sự độc tài công chức và cách "cả nghĩ" của Bùi Việt Thắng khiến anh bất bình với cuốn tiểu thuyết của tôi. Bi hài kịch là "số đo" của anh có phần ngắn hơn cái bệ thẩm mỹ của bạn đọc đương thời...

Nhân đây, tôi cũng muốn nhắc đến một vài ý kiến về cuốn tiểu thuyết của tôi, khi họ đã có nhã ý đưa bài lên một số báo in và trên internet. Song, đối tượng đối thoại chủ yếu của tôi trong bài viết này gì thì gì (như nhan đề bài viết) vẫn cứ chỉ là giò hoa thủy tiên lạc loài trước mặt tôi đấy thôi!

Khi bị phụ tình người ta làm gì?

Đấy là câu hỏi mà bạn đọc Quốc Việt (talawas, 19.01.2004) và một vài người khác đặt ra. Họ coi việc tôi viết tiểu thuyết là sự "phụ tình" của tôi đối với bạn đọc "chung thủy". Tôi xuống cấp, trở nên lẩm cẩm, lộn xộn v.v... Những ý kiến không chuyên nghiệp đó khiến tôi không quan tâm nhiều. Năm ngoái, khi vào Sài Gòn, tôi rất kính trọng khi Nguyễn Khải cho ra mắt tiểu thuyết tự sự *Thượng đế thì cười*. Dù dư luận có "cảm giác" Nguyễn Khải không thành công với cuốn tiểu thuyết này nhưng người ta vẫn có thể học ở đó khá nhiều điều. Khi nói chuyện với Nguyễn Khải, tôi thấy rất rõ ông đã "ngửi" thấy lối đi của tiểu thuyết hiện đại, có điều khi viết, cảm hứng cười cợt về sự nhục nhã của kiếp người đã lấn át mất những ngọn lửa nhiệt thành khác trong lòng ông. Có nhiều bạn đọc đa sự cảm giác bị nhà văn phụ tình. "Ai bị phụ tình?" "Ai bị tình phụ?". Tôi đã đặt câu hỏi này trong bài viết về hiện tượng Vi Thùy Linh. Ngay cả trong trường hợp của Nguyễn Khải, mở rộng ra là cả Hồ Anh Thái (với tiểu thuyết *Tự sự 365 ngày* và *Cõi người rung chuông tận thế*) cũng đôi ba nhà văn khác nữa... Tôi vẫn muốn nhắc lại rằng: "Trước hết đó là sự phụ tình từ phụ tình của dư luận".

Sự phụ tình của dư luận đối với nhà văn thật ra cũng chẳng có gì đáng buồn đối với nhà văn. Muốn cho xã hội tiến lên, phải trao đổi, phải dân chủ, phải được in ấn, phải "cựa quậy" chứ. Trên đường đổi mới cơ mà! Khi tiến lên, những sự tìm tòi, lệch lạc (chắc gì đã lệch?) cũng giống như ta "giải phóng một mặt bằng để xây nên một đô thị mới" - cũng chẳng nên tiếc việc bỏ đi những "tác phẩm của lịch sử" và việc xây nhầm một vài ngôi nhà.

Tôi không muốn nói nhiều về cuốn tiểu thuyết của tôi (vì trên thực tế nó chưa được xuất bản) nên việc Bùi Việt Thắng và một số nhà bình luận có nói gì thì cũng như nói với đầu gối, không "danh chính ngôn thuận". Ở đây tôi muốn nói rằng: Viết ra được một tác phẩm không dễ. Viết hay thì lại càng khó. Nghề văn trong thời hiện tại là một nghề khó vào bậc nhất. Khi Internet phát triển, tác giả không thể tưởng tượng, "lừa bịp" hoặc "sáng tác" được.

Thông tin để xử lý, cung cấp cho các chi tiết sự kiện văn học có quá nhiều. Nhà văn bắt buộc phải trở thành một nhà văn hóa, một nhà nghiên cứu. Anh buộc phải giỏi máy tính, giỏi ngoại ngữ, anh ta phải "tự tổ chức" viết lách và bán hàng. Anh ta phải trở nên chuyên nghiệp, không mất thì giờ vào những "chuyện tầm phào". Ngay cả chuyện tình phụ, phụ tình cũng là trò nực cười. Không có gì hết nếu anh không viết được hay, không bán được tác phẩm của anh cho người đọc.

Tôi sẽ bàn thêm về hai loại văn học: loại tự phát, rèn luyện mà thành, lập nghiệp tức không chuyên và một loại văn học "thượng đẳng thừa", viết để du hí chơi bời cũng như một số vấn đề khác của văn học trong phần hai của bài này.

Chưa bao giờ văn học ở nước ta có những cơ hội lớn như bây giờ nhưng cũng chưa bao giờ khó như bây giờ. Xã hội cũng phải thấy rõ sự đóng góp về mặt tinh thần, vật chất của nhà văn để ghi công cho họ. Trong một phát biểu gần đây, nhà sử học Dương Trung Quốc cho rằng: "Văn học tác động vào xã hội để ảnh hưởng đến chính trị. Sử học thì tác động vào chính trị để ảnh hưởng đến xã hội". Đấy cũng là một ý kiến đáng suy nghĩ. Một đất nước văn minh không thể không có văn học và sử học được. Trong thời hiện đại, công việc đào tạo nhà văn là rất cần thiết, cần phải xây dựng thành công một công nghệ. Nó cũng tựa tựa như công việc đào tạo các cầu thủ bóng đá chuyên nghiệp và các vận động viên thể dục có thành tích cao. Không thể trông chờ vào việc ăn may, trời cho để Việt Nam có một đội ngũ nhà văn đẳng cấp thế giới. Ngay cả việc có một "tốp" nhà văn cô chiêu cậu ấm để đối thoại hoặc làm những việc "hậu trường" cũng là cần thiết. Việc phải nâng cấp cho trường đại học viết văn Nguyễn Du để nó gần với thiên nhiên hơn, gắn bó với xã hội hơn là rất cần thiết (chứ không phải là nhốt nó trong một ngôi nhà chật hẹp giữa Thủ đô). Các giá trị văn học đương thời (thực sự có giá trị) cũng phải được biểu dương đúng mực. Trong bóng đá, người ta cũng đã phong thánh cho Pêle, Maradôna, Beckham... Ở Việt Nam, hình như truyền thống... đánh truyền thống, đố kỵ, dè bỉu, ghen tỵ, chê bai... vẫn thấy nhiều hơn ở trong sinh hoạt văn học so với việc hân hoan khi có một tác phẩm mới ra đời.

Trở lại hình ảnh Tô Hoài ở đầu bài viết này, tôi nghĩ dù ông có tự nhận mình là "cò con" thì hình ảnh của ông trong lòng bạn đọc trước sau vẫn là hình ảnh của một bậc tiểu thánh trong văn học Việt Nam hiện đại.

Khi bị tình phụ người ta làm gì?

Vậy khi nhà văn bị tình phụ thì họ làm gì?

- Họ không viết nữa.

- Có thể!

Tạp chí Ngày Nay, Hà Nội, số 4, ra ngày 15.2.2004

trò chuyện với hoa thủy tiên và những nhầm lẫn của nhà văn (2)

1. Vẻ đẹp của văn học

Trong các bộ môn nghệ thuật, văn học thường được đặt lên hàng đầu bởi những đặc thù riêng của nó. Thế nào là một tác phẩm văn học đẹp? Xưa nay, trong các thông báo giải thưởng cho một tác phẩm văn học, nếu chú ý - chúng ta đều thấy người ta thường rất lúng túng và thường gán cho tác phẩm ấy những ý nghĩa có khi ở ngoài văn học. Cái đẹp - sự hoàn hảo trong một tác phẩm văn học rất khó xác định. Thế nào là đẹp? Rất ít khi người ta tâm phục khẩu phục một cách tuyệt đối một tác phẩm văn học, vì thế trong dân gian đã từng có câu "văn vô đệ nhất" (khác với võ: "võ vô đệ nhị").

Leonardo de Vinci đã từng phát hiện ra tỷ lệ vàng trong quy ước về cái đẹp của con người (1: 1,641). Nghiên cứu xã hội học về cái đẹp của phụ nữ người ta thường gắn với một loạt những tiêu chí như: khỏe mạnh, gợi tình, trẻ trung, thông minh v.v... Một tác phẩm văn học đẹp có lẽ cũng phải có một số những quy định nào đấy về ngôn ngữ, cấu trúc câu, hình tượng, bố cục v.v... Ở ta, công việc của nhà nghiên cứu phê bình văn học chính là ở sự chỉ ra, hướng dẫn bạn đọc phát hiện ra cái đẹp trong những tác phẩm văn học liên quan rất mật thiết đến quan niệm thẩm mỹ của xã hội, của "không gian sống" đương thời, đến một yếu tố mà ta vẫn quen gọi là "hiện đại". Một hoa hậu của năm 2004 nhất thiết phải là một "cô gái chân dài" chứ không thể cứ lùn tịt như cô Thị Mịch của Vũ Trọng Phụng trong những năm 30 của thế kỷ trước. Một câu văn hay cũng khác, không thể biền ngẫu như là ngày xưa. Yếu tố mới lạ của ngôn ngữ được đưa vào tác phẩm hiện đại theo tôi phải là yếu tố số một cho việc đánh giá một tác phẩm văn học giá trị. Sự biến hóa của ngữ pháp, việc sáng tạo ra những cấu trúc phù hợp với cách cảm, cách nghĩ của Việt Nam hiện đại cũng là một tiêu chí phải xem xét. Khi người ta hỏi Nit-sơ rằng ông tự hào gì về các giá trị tinh thần vật chất mà ông đã có trong đời ông thì ông nói rằng ông thích nhất bởi ông đã viết ra được những cuốn sách bằng thứ tiếng Đức hay nhất. Một nhà văn xoàng khi viết ra một câu văn anh ta chỉ có chừng "ba búa": hai, ba cách đặt câu để cho anh ta lựa chọn mà thôi. Một nhà văn ngoại hạng không chỉ có "ba búa": anh ta có tới hàng chục, hàng trăm phương án khác nhau. Việc tìm ra một câu văn cho phù hợp đòi hỏi một cường độ suy nghĩ, cân nhắc hơn người: đấy chính là thứ "lao động nhân văn" chết người, nhọc nhằn và gian khó không phải ai cũng làm được.

Gần đây, trên báo *Thể Thao Văn Hóa* số ra ngày 6.2.2004 có bài viết *Vì*

sao tôi đọc tiểu thuyết của Đoàn Minh Hà. Là nhà văn, tôi thích bạn đọc có ý kiến như thế. Họ hiểu rằng nhà văn sinh ra là để "kể chuyện". Kể chuyện hay! Có thế thôi. Giống như cầu thủ đá bóng: sinh ra là để đá bóng giỏi. Chúng ta trong nhiều năm thiếu những bạn đọc "sans souci". Hiện nay khi xã hội phát triển, tôi rất mừng vì bạn đọc đã có văn hóa hơn, "tử tế" hơn. Có câu rằng: "Dân thế nào, vua thế ấy". Có thể suy thêm: có những bạn đọc thế nào sẽ có những nhà văn thế ấy. Giở lại lịch sử ngày xưa, thấy tại sao trong thời mới Thịnh Đường ở Trung Hoa nảy nòi ra Lý Bạch? Thơ Lý Bạch được khen là thơ tiên phong vì phong độ, cốt cách, chí khí cao ngất. Ở thời ấy, dân chúng ấm no, sung túc. Lý Thế Dân là ông vua cao minh giữ được ổn định chính trị. Dân như thế, vua như thế, thời thế như thế thì sẽ có một thứ văn học tuyệt vời như thế: cho đến bây giờ, thơ Đường với những tên tuổi lừng lẫy vẫn là những đỉnh cao ở trên bầu trời văn học Phương Đông và thế giới.

2. Doping văn học

Trong bài phê phán tôi, Bùi Việt Thắng có chỉ ra chi chít những nhầm lẫn của tôi. Tôi không sợ, vì đơn giản nếu tôi sợ thì tôi đã chẳng phải là nhà văn. Nhà văn không đưa ra những bài học luân lý. Nhà văn chỉ kể chuyện. Phật tổ đã nói: "Mở miệng là đã sai rồi". Chúng ta luôn luôn sống trong những sự nhầm lẫn đan cài nhau. Bản chất cuộc sống, chân lý rốt ráo trong cuộc sống chính là sự nhầm lẫn. Chúng ta chỉ có được những giây phút ngắn ngủi của sự ổn định ôn hòa tương đối mà thôi, đấy chính là lý do để cho ta sống, ta mong muốn, ta tiến lên, ta hoàn thiện mình, nó chính là vẻ đẹp của cuộc sống vậy. Song song với việc kiếm sống để tồn tại, lấy vợ lấy chồng sinh con đẻ cái, loay hoay láng cháng với vài ba niềm vui nỗi buồn, vài vụ làm ăn, vài ba người tình, thấm thoắt năm, sáu chục xuân đã trôi qua, thế là hết một kiếp người "đứng đấn". Xét trên bình diện thời gian - đời người quả là phù du vô nghĩa. Trừ đầu trừ đuôi, thực ra đời sống tràn đầy sung mãn, sinh lực, trong sáng tuyệt vời của con người ta có gì khác giò hoa thủy tiên trước mặt của tôi đây không: nở hoa thơm ngát được đôi ba ngày rồi tàn lụi, cái gì qua đi là qua vĩnh viễn, chẳng có cách chi lưu lại với đời. Sáng tạo văn học, nó cũng giống như bước nước rút trong các cuộc chơi thể thao. Trước đó người ta phải tập luyện, tích lũy. Chu trình đọc sách, "đi thực tế", suy nghĩ và viết lách đan cài nhau trong cuộc sống thường nhật như là thứ "lao động thường xuyên, thiếu nó sẽ không có cái thực sự vĩ đại" (A. Puskin). Khi ngồi vào bàn một vận động viên sung sức có đủ 100%, thậm chí 120% năng lực và phong độ. Nhà văn Lê Lựu đã từng ví việc viết văn như một ca sinh đẻ: người đẻ nhanh sao cho "mẹ tròn con vuông". Ý kiến đó đúng. Trong nhiều trường hợp, Lê Lựu vẫn luôn tỏ ra là một nhà văn không hào hoa lắm nhưng lại có những kinh

nghiệm thực dụng không chê vào đâu được. Việc nhà văn chuẩn bị cho một tác phẩm mới ra đời là cả một chu trình lao động công phu đòi hỏi một sự tập trung cao độ. Những nhà văn trẻ ít kinh nghiệm thường không coi trọng bước chuẩn bị này, họ chủ quan tin vào "cảm hứng". Cảm hứng chỉ có thể giúp cho nhà văn trẻ làm ra được một thứ sản phẩm đèm đẹp, một cái gì đó ngắm "lâng lâng". Việc xây dựng một tác phẩm lớn, độc đáo đòi hỏi dứt khoát phải có tính hệ thống, một tư duy tổng hợp và khoa học thế nào đấy, tôi đã từng nói đến việc "tổ chức viết văn" ở một nhà văn của thời bây giờ: nào là sắp xếp nhà cửa, công việc, chuẩn bị tiền nong, sức khỏe, chuẩn bị tư liệu, chuẩn bị cảm xúc và nhiều thứ linh tinh khác. Không phải tự dưng có nhiều người viết trẻ tìm đến sự trợ giúp từ rượu, thuốc lá, ái tình và thậm chí ma túy. Nó giống như "doping" trong văn học. Sự căng thẳng trong tình cảm và cảm xúc, cũng như sự tập trung cao độ trong quá trình viết lách ở nhà văn khiến cho họ mệt mỏi. Tuy nhiên, không phải những chất "doping" ấy lúc nào cũng có kết quả. Theo quan sát của tôi - đa số nó phản tác dụng. Sự sáng tạo văn học thường không diễn ra giống như một cuộc thi đấu ngắn ngày như ở thi đấu thể thao. Sáng tạo văn học đòi hỏi cả một môi trường: nó là không gian sống, sự bình ổn nội tâm rất cao của người viết.

Gần như chẳng bao giờ có một không gian lý tưởng, có sẵn để cho nhà văn làm việc "như ý". Đa số nhà văn phải tự sáng tạo, tự dựng ra một không gian ảo giác cho mình để tiến hành công việc viết lách. Rất nhiều nhà văn đã làm việc một cách cô đơn, họ cố tình xa lánh những thứ rắc rối không cần thiết để tập trung vào công việc. Không phải tự dưng nhiều người vẫn coi nhà văn là những con sói cô độc khó gần. Sự khó hòa nhập với đám đông không có nghĩa là nhà văn không "nhập thế", không "ăn cùng nhân dân tôi, thở cùng nhân dân tôi", không hát bài ca của họ.

Khoảng hơn chục năm trở lại đây, ở Việt Nam không có những nhà văn có phong độ, khí phách lớn. Đến ngay cả nỗi buồn cũng không phải là những nỗi buồn lớn. Thái độ hời hợt của xã hội với văn học, cách tiếp nhận của xã hội đối với các giá trị văn học cũng làm mất đi cảm hứng ở nhiều nhà văn nhiệt thành. Đấy là chưa kể đến sự tráo trở và lạnh lùng của cơ chế thị trường vẫn chẳng nể nang gì ai cả.

3. Văn học hiện nay thiếu gì?

Câu hỏi đó do một nhà báo trẻ đặt ra với tôi. Tôi thấy rất khó trả lời. Nó có vẻ như một câu hỏi dành cho Hội Nhà Văn nhiều hơn là cho một cá nhân nhà văn nào đó. Trên bình diện chung, hầu hết chúng ta đều thấy như văn học thiếu vắng những tham vọng to lớn. Năm ngoái, khi đến Thụy Điển, tham dự Hội chợ sách Goterborg, tôi hết sức ngạc nhiên trước không khí văn học hăng

say ở đó. Thật hệt như một giấc mơ! Niềm yêu mến với sách, với văn học là không chối cãi. Không thấy thái độ hoài nghi, khinh bạc với văn học. Không thấy thái độ hoài nghi, khinh bạc với cuộc sống nói chung. Trước giờ phút công bố giải thưởng Nôben văn học, tất cả bầu không khí tựa như ngưng đọng. Hầu hết mọi người đều căng thẳng và cảm động. Rõ ràng ở đây văn học có một vị trí xứng đáng trong đời sống cộng đồng. Ở Việt Nam, mấy năm gần đây văn học bị đưa ra đùa giỡn nơi công cộng và xem thường. Nhà văn bị ngờ vực. Việc biểu dương một số nhà văn trẻ "trong tầm tay" có một cái gì giả tạo. Văn học luôn tránh né một vấn đề nan giải khó nói nhất trong xã hội: không phải khó khăn kinh tế, không phải sex, không phải là tình cảm chiến tranh... Nó là vấn đề nhân tính. Văn học Việt Nam gần đây mất đi khả năng tưởng tượng, lãng mạn, mơ mộng và nhiệt huyết sống. Nó trở nên thực dụng, ê chề, lọc lõi, oái oăm, đôi khi đểu cáng.

Để có một nhà văn có giá trị nhân đạo cao phải dựa trên rất nhiều yếu tố. Người ta vẫn quen nghĩ rằng đó là do những nỗ lực cá nhân và chỉ là những nỗ lực cá nhân mà thôi. "Văn hay do cùng". Lối nghĩ đó vẫn phổ biến trong xã hội. Nó là lối đi tự phát, rèn luyện mà thành, lập nghiệp từ không chuyên, ỷ nhiều vào "năng khiếu". Có lẽ đã đến lúc người ta phải nghĩ đến một "typ" nhà văn khác: lớp nhà văn trí thức của một xã hội phát triển. Họ viết văn có bài bản, có lý luận, lý lẽ chứ không mò mẫm. Trước đây, ở Việt Nam hầu như chưa có những điều kiện xã hội để xuất hiện "typ" nhà văn này.

Trước mặt tôi đây là giò hoa thủy tiên thơm ngát. Tôi biết rằng cả đời tôi, rồi cả hoa cũng chẳng còn mãi trên đời này. Thời gian trôi đi, giống như sóng biển kia vỗ bờ, giống như dã tràng kia xe cát, sự sống rồi cứ tiếp nối nhau không ngừng như thế đấy, vô cùng vô tận.

- Mặc kệ chuyện thị phi.

Tết Giáp thân 2004

Tạp chí Ngày Nay, Hà Nội, số 5, ra ngày 01.3.2004

trò chuyện với hoa thủy tiên và những nhầm lẫn của nhà văn (3)

1. Cái khó của nghề văn thời nay

Trong khoảng hơn một thập kỷ đổi mới, xã hội Việt Nam đã tiến những bước nhảy vọt về nhiều mặt, Việt Nam đã hòa nhập được với nhiều nước ở trong khu vực và trên thế giới. Quá trình toàn cầu hoá đang diễn ra trên nhiều lĩnh vực như chính trị, kinh tế và tri thức bất chấp những tư tưởng cục bộ và

"sô-vanh" bất hợp tác. Về văn học, những cố gắng trong và ngoài nước đã làm cho nhiều nhà văn "thức thời" ở ta nhận ra được con đường gian khó nhưng cũng nhiều triển vọng ở trong nghề nghiệp của mình. Khi xã hội phát triển, nhu cầu hưởng thụ và làm ra những sản phẩm văn học nghệ thuật có phần nào tưởng như dễ dàng nhưng lại khó vô cùng. Tôi rất ngạc nhiên và không thích thái độ kỳ thị và xem thường việc xây dựng nên những công nghệ ở trong lĩnh vực giải trí, trình diễn như ca nhạc, tạp kỹ v.v... Việc đào tạo, đánh bóng nhằm tạo ra những ngôi sao ca múa nhạc tạp kỹ hoặc thể dục thể thao v.v... là rất cần thiết. Ngay trong lĩnh vực văn học, đáng lẽ cần phải khuyếch trương, xây dựng thành một công nghệ đào tạo nhà văn mới thì vài năm trở lại đây lại có ý kiến bỏ đi trường viết văn Nguyễn Du. Bỏ thì dễ nhưng xây thì khó. Nhìn vào danh sách hơn 1000 hội viên Hội Nhà Văn Việt Nam người ta đều thấy đa số đều chỉ là những người già nua không có khả năng, sáng tạo và hầu hết đều... "vô học", tự phát mà thành danh. Trong số này có tới hơn 80% là nhà thơ tức là những người chỉ dựa vào "cảm hứng" để tùy tiện viết ra những lời lẽ du dương phù phiếm vô nghĩa, nhìn chung là lăng nhăng, trừ có dăm ba thi sĩ tài năng thực sự (số này đếm trên đầu ngón tay) là còn ghi được dấu ấn ở trong trí nhớ người đời còn toàn bộ có thể nói là vứt đi cả. Giai thoại có một nhà thơ nói về tình cảnh thơ ở trong bài thơ sau đây (tôi đã đưa chuyện này vào trong tiểu thuyết của tôi vì nó quá hay) khá tiêu biểu cho thực tế đó: "Vợ tôi nửa tỉnh nửa mơ / Hôm qua nó bảo: Dí thơ vào l... / Vợ tôi nửa dại nửa khôn / Hôm nay lại bảo: Dí l... vào thơ!", tôi cũng không phủ nhận cảm tình của nhân dân đối với thơ nhưng quả thực trên thực tế cái danh nhà thơ là một thứ nhìn chung chỉ là nhăng nhít, hữu danh vô thực, chẳng ai muốn dây vào nó: nhà thơ đồng nghĩa với sự chập cheng, hâm hấp, quá khích, vớ vẩn, thậm chí còn lưu manh nữa.

Tôi biết sẽ có nhiều người phản ứng lại điều tôi nói "trắng phớ" ra như thế nhưng ở đây nó là thực tế. Tôi chỉ nói ra một thực tế "tàn nhẫn" mà mọi người vẫn tránh né hoặc "không nỡ" nói ra mà thôi. Đã đến lúc người ta phải nhìn vào thực tế để thúc đẩy văn học cũng như thúc đẩy xã hội phát triển.

Trên kia tôi đã nói đến việc xây dựng một công nghệ đào tạo nhà văn, tôi ủng hộ ý kiến nên xây dựng một vài khoa viết văn ở các trường đại học ở ta. Viết văn phải trở thành một nghề nghiệp, một nghề nghiệp chuyên nghiệp chứ không thể nghiệp dư, tùy hứng được. Những nhà văn được đào tạo trong nền công nghệ đó phải có những tiêu chuẩn và trình độ chuyên môn nhất định. Nó không phải là toàn bộ chân dung văn học trong xã hội đó. Khi hòa nhập với thế giới bên ngoài luôn luôn có những sự trao đổi hợp tác giữa các nhà văn các nước. Lớp nhà văn cũ không còn phù hợp: họ không biết ngoại ngữ, không biết vi tính, họ chỉ có quá khứ, họ không thể trò chuyện và đối

thoại "tay đôi" được với bên ngoài về những vấn đề của thời hiện tại. Trong sinh hoạt văn học, ở khía cạnh nào đó, việc viết ra được những "bài văn" cũng chỉ là một việc ngày nay người ta thực hiện một cách dễ dàng: đa số sinh viên đại học đều có thể làm được không khó khăn lắm. Khuôn mẫu "nhà văn cổ điển" chưa chắc đã là duy nhất đúng, phù hợp và nên noi theo đối với những thành niên tham gia vào công việc văn học trên tinh thần "xã hội hóa". Tôi đã thấy trong những chương trình "trò chơi âm nhạc" trên ti-vi, người xem cũng hát, cũng biểu diễn có khi chẳng kém gì những diễn viên chuyên nghiệp. Khi văn học "xã hội hóa" cũng sẽ xảy ra một cái gì tương tự như thế, nhất là khi Internet phát triển. Văn học - cũng như nhà văn sẽ ngày càng dân chủ hơn, thường hơn và vì vậy ngay cả những vấn đề về lý luận văn học cũng không phải cứ mũ cao áo dài và giữ nguyên cung cách chuyên chế, áp chế kiểu "các cụ" mãi được.

Trong xã hội phát triển, văn học rất thường nhưng để vượt lên, trở thành một cái gì đó ngoại hạng là rất khó. Hình mẫu thiên tài văn học ngày nay khác trước rất nhiều. Trong sách giáo khoa văn học người ta thấy rõ văn học đã bị đông cứng lại, cũ kỹ và "phản động": nó cứ ê a mãi những "song viết" và "song kiết", học sinh chỉ nghiên cứu và học tập "những thây ma cũ" hoàn toàn không được "tiếp máu" bởi những sinh lực văn học cường tráng và lành mạnh.

Nếu như khoảng 20 năm đến 30 năm nữa danh sách Hội viên Hội Nhà Văn ở ta có tới hơn 80% nhà văn (chứ không phải nhà thơ) khoảng ở độ tuổi 25 đến 50 tuổi thì đấy mới là việc hợp quy luật. Ở ta vẫn có câu: "ốm tha, già phải". Văn học, đối tượng của nó là những người trẻ tuổi. Nó không phải là sân chơi của "đám giặc già lăng nhăng thơ phú". Trước Tết Nguyên đán tôi có ngồi dự một bữa tiệc tất niên ở nhà kỹ sư Đào Phan Long với nhiều tên tuổi văn nghệ sĩ khá lừng danh trên đất kinh kỳ. Nhà thơ Trần Ninh Hồ đọc một bài thơ phóng dật trong đó có câu: "Ông lão lục tuần đi trong sương gió / Sương gió không biết ông lão lục tuần". Hay thì hay thật nhưng tôi cũng hơi sờ sợ những ông lão lục tuần... gân quá!

2. Trên con đường văn học

Thực ra, trên con đường văn học thì có rất nhiều lối đi khác nhau, "mọi con đường đều dẫn đến thành Roma", có người đến trước, người đến sau, người đứt gánh giữa đường, người đến đích hăm hở, người đến đích thân tàn ma dại, có người đến đích vinh quang, có người đến đích với cả bầu đoàn thê tử v.v... Tạo hóa tuyệt vời và rộng lượng sẵn lòng mở ra cơ hội cho tất cả mọi người không trừ ai cả. Nhưng cảnh giới văn học ở mỗi hạng cũng khác nhau và sự phong phú có vẻ vừa dân chủ vừa mất dân chủ ấy đã làm nên sự hấp

dẫn chết người của văn học. Tôi không hề coi những ý kiến của tôi là chân lý, tôi chỉ nêu ra những suy nghĩ "nhầm lẫn" để mọi người trong giới văn học xem xét mà thôi. Văn học tác động đến xã hội bằng con đường ngầm, "phi chính phủ" và rất trực tiếp. Khi một nhà văn "phát sóng", những độc giả có cùng tần số "bắt sóng" ấy, tiềm năng trong họ được đánh thức và giới mới biết họ sẽ làm gì. Khi những phương tiện thông tin đại chúng phát triển, các môn nghệ thuật giải trí phong phú, chức năng giáo dục được trải rộng, nó không còn chỉ đặt lên mỗi đôi vai còm cõi của văn học ngày xưa nữa. Nếu chúng ta chú ý nhìn một chút thì sẽ nhận ra con trẻ ta ngốn những truyện tranh manga còn nhiều hơn sách văn học tỉ tỉ lần. Chúng không đọc "Những cánh buồm đỏ thắm" của Grimm, "Dế mèn phiêu lưu ký" của Tô Hoài nữa mà dành thời gian đó cho "Đôrêmon" hoặc các siêu nhân. Trong Hội nghị Lý luận văn học ở Tam Đảo năm 2003, chẳng thấy có một tham luận nào dành cho văn học thực sự. Không còn ai cứu trẻ con nữa. Tất cả những người "hành nghề văn học" ở ta đều muốn "dĩ hòa vi quý", đều muốn có những cuộc chơi đẹp đẽ, chơi có thưởng, không ai muốn "hy sinh" nữa. Trong chuyến về nước năm ngoái, nhà văn Phạm Thị Hoài nhận xét: "Ở trong nước, những người viết văn hiện nay sống sướng quá, nhà nước, xã hội yêu chiều, cưng chiều họ quá. Ở nước ngoài khó khăn khổ sở hơn nhiều, rất nhiều". Tôi nhận ra sự ngậm ngùi trong nhận xét của Phạm Thị Hoài. Nhận xét đó không hẳn đã đúng nhưng cũng là một ý kiến đáng để cho những nhà văn có lương tâm ở ta xét lại. Trên báo chí, thỉnh thoảng vẫn thấy các nhà báo "rồ lên" vì có tin nhà văn này, nhà văn kia "ẵm" các giải thưởng, nhận tiền tài trợ. Chuyện này hay dở thế nào chưa bàn. Nó cũng chỉ là một mặt "bề nổi" của văn học, theo tôi cũng là tốt. Nhưng - một khi dư luận văn học thực sự chỉ rồ lên vì cái "bề nổi" ấy thì cũng chưa hẳn đã "có lương tâm". Trong truyền thống, văn học đồng nghĩa với sự thanh đạm. Sinh hoạt văn học (nói rộng ra là cả sinh hoạt tinh thần) ở ta - ít nhất là ở Thủ đô - theo tôi hiện nay là thảm hại, chẳng có gì đáng để người ta quan tâm, say sưa. Tất nhiên trên thực tế, ở đâu có một cuốn sách hay, một bài viết hay những người quan tâm đến văn học đều cố tình đọc qua không bỏ sót. Rõ ràng văn học vẫn có cách tồn tại riêng của nó và vẫn âm thầm "đi những bước sấm đông rền" (Goethe) trên con đường hẹp, con đường định mệnh gian khó dành riêng cho nó. Văn học giá trị bao giờ cũng đề cao nhân tính. Một xã hội không có những tác phẩm văn học hay, không có những tác phẩm văn học giá trị nghĩa là nhân tính mất đi. Trách nhiệm đó không phải chỉ ở một người nào mà nó ở toàn xã hội.

Khi nói về nhân tính xưa nay các nhà lý luận văn học thường cũng chỉ mới đề cập một chiều đến lòng tốt, đến cách cư xử quân tử v.v... Người ta không nhìn thấy "bộ mặt thứ hai" của nhân tính mặc dầu "các cụ" ngày xưa

cũng đều đã cảnh tỉnh cả rồi: "Bởi chưng hay ghét cũng là hay thương" (Nguyễn Đình Chiểu), "Nơi thì lừa đảo nơi thì xót thương" (Nguyễn Du) v.v... Cái gì cũng có hai mặt (thậm chí vài ba mặt) kể cả "nhân tính". Độc giả có kinh nghiệm văn học rất dễ nhận ra những khuôn mặt ngụy quân tử trong các tác phẩm của các nhà văn. Dối trá, đạo đức giả - người ta chỉ đọc có vài ba trang là nhận ra liền. Không phải tự dưng mà các nhà văn cổ điển luôn luôn nói về sự trung thực ở nhà văn và trong lao động văn học. Thế nào là trung thực? Trung thực với mình, với người, với xã hội, với chữ nghĩa. Văn điêu, văn ma, phò nịnh, "nên thơ" v.v... là thứ rất dễ ngộ nhận. Có nhiều tác phẩm, người ta vẫn phải đọc, vẫn phải chấp nhận mặc dầu ai nấy đều cũng có "cảm giác" là nó thối tha, song - như tôi đã nói, thời đương đại bao giờ cũng có "không khí" suy đồi, cần phải có một thời gian rất dài thì những cái xác suy đồi mục nát ấy mới mất hết đi cái mùi ô uế của nó.

Biết làm sao bây giờ?

3. Lời kết thay cho hoa thủy tiên

Ngày Tết, đi mua giò hoa thủy tiên tôi mới ngã ngửa ra rằng tất cả giống hoa thủy tiên ở ta đều được nhập từ Trung Quốc. Không phải thủy tiên mà rất nhiều loài hoa khác nữa, thậm chí cả đào! Đi vào các hiệu sách, vẫn thấy văn học hiện đại Trung Quốc chiếm thượng phong ở trên giá sách. Về nhà mở ti-vi, phim truyền hình Trung Quốc vẫn thu hút người xem đông nhất. Văn hóa Việt Nam chịu ảnh hưởng của Trung Quốc tất nhiên rồi, xưa nay vẫn thế. Tôi ngắm nhìn giò hoa thủy tiên và nghĩ ngợi nhiều. Để hoa thủy tiên nở đúng vào lúc giao thừa là cả một nghệ thuật vun trồng, gọt tỉa công phu. "Chơi hoa nào đã mấy người biết hoa" vốn là thói đời phàm tục. Một tác phẩm hợp thời, ra đời đúng lúc cũng là một nghệ thuật, có người còn coi nó là số mệnh tác phẩm. Song le, những "tác phẩm đi trước thời đại" bao giờ cũng sẽ chẳng hợp thời. Ngồi buồn giở báo ra xem, thấy có mấy bác Hai Lúa ở Nam Bộ (Trần Quốc Hải, Lê Văn Danh) chế tạo ra máy bay trực thăng để phun thuốc trừ sâu cho mía mà cười ra nước mắt. Tôi thích câu kết của nhà báo Nguyễn Hồng Lam: "Tinh thần sáng tạo rất đáng khâm phục. Đáng tiếc, mơ ước ấy đã vượt quá sự cho phép của giới luật. Đột nhiên giật mình tự hỏi: trăm năm trước, anh em nhà Wright đã gặp may vì không gặp các thứ luật định văn minh bó buộc. Nếu không, đến bây giờ chắc gì có ngành hàng không với những chiếc máy bay tung cánh bốn phương trời?" (báo *An Ninh Thế Giới* ra ngày 19/02/2004). Trong văn học, không còn nữa những cuộc thí nghiệm giống như chuyện làm ra máy bay trực thăng. Để biết văn học đổi mới, chỉ cần dịch sách Trung Hoa xem là đủ. Nó cũng giống như giò hoa thủy tiên kia, nhập vào với giá rẻ như bèo chẳng phức tạp gì, thả sức chơi "te tua" trong thời gian Tết.

Này hoa thủy tiên, tôi ước chi đây là giống hoa của người Việt Nam trồng ra trên đất Việt Nam.

Vệ Tuệ, Miên Miên, Cửu Đan... ước gì đấy sẽ là những tên tuổi của các nhà văn Việt Nam?

Xã hội Việt Nam đang ngày càng phát triển phong phú và đa dạng. Luôn luôn có những cơ hội dành cho tuổi trẻ. Trong lĩnh vực văn học cũng vậy. Vấn đề là phải có tình yêu với nó. Không có tình yêu thì chẳng làm gì được cả.

- Và với "một mẩu bánh mỳ con con"(1) nữa chứ?

- Tất nhiên rồi!

Tết Giáp Thân 2004

(1) Thơ Phan Thị Vàng Anh thời trẻ:
"Hôm nay trời nắng chang chang
Mèo con đi học chẳng mang được gì
Chỉ mang một cái bút chì
Và mang một mẩu bánh mỳ con con."

Tạp chí Ngày Nay, Hà Nội, số 6, 15.3.2004

có thật đa số các nhà văn việt nam đều vô học, các nhà thơ đều lưu manh - hay là "hội chứng chửi có thưởng" thời nay?

TRẦN MẠNH HẢO

Bài Trò chuyện với hoa thủy tiên và những nhầm lẫn của nhà văn (3) của Nguyễn Huy Thiệp (talawas đăng lại, 26.3.2004) đang gây tranh luận. Để độc giả tham khảo, talawas cũng đăng lại bài của Trần Mạnh Hảo, vừa công bố trên tờ Văn Nghệ, số ra hôm nay. Talawas không chịu trách nhiệm về nội dung những bài đăng lại từ các nguồn khác.

talawas

Những đặc tính có vẻ kém hay kia được gán cho hầu hết các nhà văn, nhà thơ thuộc Hội Nhà Văn Việt Nam (HNVVN) và gán cho những nhà thơ Việt Nam (VN) kể từ Nguyễn Trãi, Nguyễn Du trở xuống... không phải của người viết bài này, mà chính là lời của nhà văn Nguyễn Huy Thiệp (NHT, cũng là một hội viên của HNVVN) trong bài *Trò chuyện với hoa thủy tiên và*

những nhầm lẫn của nhà văn in liên tục trên 3 số báo Ngày Nay (cơ quan ngôn luận của Hiệp hội UNESCO Việt Nam) gồm các số: số 4 ngày 15/2/2004, số 5 ngày 1/3/2004 và số 6 ngày 15/3/2004. Chúng tôi sẽ lần lượt trích dẫn cụ thể những lời nói ngang ngược của nhà văn NHT, sau khi trình bày vài cảm nghĩ của mình về nhà văn này.

1. Thử lý giải hiện tượng Nguyễn Huy Thiệp

Bản thân người viết bài này vốn từng rất quý trọng văn tài của nhà văn NHT. Nhà văn này đã góp cho nền văn học nước nhà ngót 10 cái truyện ngắn thật hay. Văn của anh Thiệp tuy là lối văn cũ nhất thế giới kiểu Truyện Tàu xưa, nhưng cái quý là chỗ anh đã biết dồn nén dung lượng đời sống vào nhân vật, vào ngôn ngữ như nén thuốc pháo, lại theo một góc nhìn lật mặt trái tấm huân chương... nên phần nào có thể làm mới được lối văn rất cũ này. Trước NHT, nhiều nhà văn VN đã viết theo lối văn xưa của Tàu, mà người thành công nhất là ông Vũ Hạnh. Hãy đọc lại truyện ngắn *Bút máu*, một tuyệt tác của Vũ Hạnh viết trước NHT gần 30 năm, ta sẽ thấy những *Kiếm sắc, Vàng lửa, Phẩm tiết*... của anh Thiệp có vẻ như là mô phỏng lối viết, lối nhìn, lối suy nghĩ, lối dùng ngôn từ cộc, gằn, chát, đắng, đau... với vẻ lạnh lùng khá tàn nhẫn mà Vũ Hạnh đã dùng trong *Bút máu*, in năm 1958 thời Ngô Đình Diệm...

Cách đây 18 năm, nhờ công cuộc đổi mới văn học do Đảng và Nhà nước chủ trương, một loạt truyện ngắn của NHT đã được in trên báo *Văn Nghệ* (tờ báo của HNVVN) tạo thành một hiện tượng văn học thật sự. NHT xuất hiện lúc đó quả tình như một cái van xả xú-báp của tâm lý xã hội, góp phần giải tỏa bao ức chế bị dồn nén của chiến tranh, nên được đông đảo người đọc đón nhận. Truyện ngắn có dư luận của anh Thiệp đầu tiên xuất hiện trên *Văn Nghệ* là truyện *Tướng về hưu*, rồi tiếp một loạt truyện mô tả một hiện thực khác là mặt trái xã hội, giống như cuộc tiểu phẫu các vết thương chiến tranh còn sót lại trong tâm hồn con người và trên cơ thể xã hội chưa chịu thành sẹo, còn mưng mủ hòa bình. Anh Thiệp đã xuất hiện đúng lúc để gãi ngứa cho giai đoạn ăn da non của vết thương chiến tranh thời hậu chiến. Vốn có thực tài, lại xuất hiện đúng lúc, trong mấy năm đầu công cuộc đổi mới văn học, cần phải ghi công NHT, bằng hội chứng văn học gãi ngứa, đã góp phần làm mau lành các loại vết thương buổi giao thời ấy. NHT sau gần một chục truyện ngắn xuất sắc, đã để lại sau lưng một vệt các nhà văn trẻ thi nhau mô phỏng lối viết của anh. Khi bạn đọc trong nước đã cảm thấy có phần bội thực văn NHT, thì một loạt các đài báo, các nhà xuất bản của người Việt ở nước ngoài bắt đầu biểu diễn hội chứng đói Thiệp đến mức nhá hết cả thượng vàng hạ cám của nhà văn này, mà vẫn thấy kiến còn bò trong bụng. Khi đời sống xã hội trong nước đã khá lên nhờ cơ chế thị trường, các loại vết thương chiến tranh thời

hậu chiến đã qua giai đoạn ăn da non, không còn cần công nghệ gãi ngứa vật chất và gãi ngứa tinh thần nữa. Nhưng NHT không nhận ra điều đó. Anh vẫn tiếp tục sản xuất văn chương gãi ngứa vết thương. Nhà văn này chừng như cố tình không nghe lời ta thán của độc giả: rằng cái ông này đùa dai, người ta đã hết ngứa từ lâu, mà sao hễ cứ nhìn thấy vết sẹo nào lộ thiên là ông lại lao vào gãi mãi thế? Những vết sẹo không còn ngứa nữa thì mình gãi làm gì, chỉ tổ cào rách miệng vết thương xưa thôi! Hay là ông nhà văn này bị bệnh đói các vết thương? Đây chính là bi kịch của văn tài NHT: khi cái thiên tài gãi ngứa của mình không còn hợp thời nữa, không còn đắc dụng nữa, anh bèn sinh ra nghề lập thuyết, viết lý luận dạy đời và chơi cả tiểu thuyết trên mạng Internet... Nhưng dù sao, chúng tôi cũng vẫn phải thầm cám ơn tờ báo *Văn Nghệ*: ngót 20 năm về trước đã khai sinh ra nhà văn NHT.

2. Văn hóa không dung nạp thói vô ơn và trò chơi "chửi có thưởng"!

Chúng tôi rất hoan nghênh tiêu chí của NHT in trên phần đầu bài báo đã dẫn trên *Ngày Nay* số 4-2004, tr.17, cột 2, dòng 10 kể từ dưới lên: "Nhà văn bắt buộc phải trở thành một nhà văn hóa, một nhà nghiên cứu". Có lẽ NHT muốn chứng tỏ mình đã trở thành nhà văn hóa như thế nào, bằng cách nào, nên anh đã gọi ngót 800 người đang là hội viên HNVVN ra mà nặng lời trên báo *Ngày Nay* số 6-2004, bài đã dẫn, tr.15, cột 2, dòng thứ 3 kể từ trên xuống:

"Nhìn vào danh sách hơn 1000 hội viên Hội Nhà Văn Việt Nam người ta đều thấy đa số đều chỉ là những người già nua không có khả năng sáng tạo và hầu hết đều... "vô học", tự phát mà thành danh. Trong số này có tới hơn 80% là nhà thơ tức là những người chỉ dựa vào "cảm hứng" để tùy tiện viết ra những lời lẽ du dương phù phiếm vô nghĩa nhìn chung là lăng nhăng, trừ có dăm ba thi sĩ tài năng thực sự (số này đếm trên đầu ngón tay) là còn ghi được dấu ấn ở trong trí nhớ người đời còn toàn bộ có thể nói là vứt đi cả".

Tự dưng đa số hội viên HNVVN bị anh Thiệp gán cho là vô học, lại cẩn thận để chữ vô học trong nháy nháy: "vô học". Dù anh có để trong nháy nháy đi nữa thì nội hàm của từ này vẫn không có gì thay đổi, vẫn tuân thủ định nghĩa của từ điển: "vô học": (Người) không có học thức, không được giáo dục: Đám trẻ vô học. Đồ vô học. (tr.1826, Đại từ điển Tiếng Việt- Bộ GD&ĐT-Trung tâm Ngôn ngữ & Văn hóa Việt Nam xuất bản 1998).

Anh Thiệp nỡ lòng nào mắng cả HNVVN là đồ vô giáo dục, mắng các nhà thơ là phù phiếm, vô nghĩa, lăng nhăng, lưu manh, vứt đi cả...? Nên nhớ là trong số các hội viên HNVVN bị anh Thiệp nặng lời kia, chí ít cũng phải có đến 1/3 số người bị đụng chạm có cảm tình với các truyện ngắn NHT. Cả làng văn vốn lành tính không ai chòng ghẹo gì anh, không ai bắt trộm gà quế của anh, sao anh lại giãy lên đành đạch như đỉa phải vôi mà đứng chống nạnh xỉa

xói làng nước thế? Chúng ta thử hình dung trong một làng có ngót 800 hộ dân vẫn hằng sống tử tế với nhau, bỗng sáng sớm có một ông hàng xóm cha căng chú kiết không hề mắc bệnh tâm thần, đường đột đến từng nhà, rồi mắng như tát nước vào mặt những người cùng làng vốn không hề gây thù chuốc oán với mình rằng: các anh là đồ vô học, đồ vô giáo dục, đồ lăng nhăng, phù phiếm vô nghĩa, lưu manh, đồ vứt đi... thì cái ông vua chửi này chưa chắc đã còn đường trở về nhà mình! Xem ra, mới biết nhà văn, nhà thơ nước ta hiện nay còn lành hơn cả đất!

NHT tiếp tục nâng cấp "bài ca" trên lên hàng thượng thừa, dám "dí" cả con chuột vi tính vào các thần linh thơ, kể từ Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương trở xuống, như sau:

"Giai thoại có một nhà thơ nói về tình cảnh thơ ở trong bài thơ sau đây (tôi đã đưa truyện này vào trong tiểu thuyết của tôi vì nó quá hay) khá tiêu biểu cho thực tế đó: "Vợ tôi nửa tỉnh nửa mơ/ Hôm qua nó bảo: Dí thơ vào l... / Vợ tôi nửa dại nửa khôn / Hôm nay lại bảo: Dí l... vào thơ!". Mặc dầu đã có "Ngày thơ Việt Nam", tôi cũng không phủ nhận cảm tình của nhân dân đối với thơ nhưng quả thực ở trên thực tế CÁI DANH NHÀ THƠ là một thứ nhìn chung chỉ là nhăng nhít, hữu danh vô thực, chẳng ai muốn dây vào nó: NHÀ THƠ ĐỒNG NGHĨA VỚI sự chập cheng, hâm hấp, quá khích, vớ vẩn, thậm chí còn lưu manh nữa"...

Chúng tôi xin mở cuốn Đại từ điển Tiếng Việt tr.1077 đã dẫn, xem cho rõ nhẽ nội hàm của từ "lưu manh" mà anh Thiệp vừa gán cho các nhà thơ VN: "Lưu manh: Hạng người chuyên lừa đảo, trộm cắp, làm ăn phi pháp: trừng trị bọn lưu manh. Bắt gọn toán lưu manh côn đồ".

Việt Nam là một dân tộc, một đất nước Thơ. Dân tộc ta vốn có hai truyền thống chính để tự hào: một là ĐÁNH GIẶC, hai là LÀM THƠ. Nếu ta chỉ có những Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa mà thiếu Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương thì coi như dân tộc chỉ biết có cơ bắp, biết có thanh gươm mà thiếu tâm hồn, thiếu vẻ đẹp tinh thần, thiếu lãng mạn, thiếu thẩm mỹ. Những lời thóa mạ nguyền rủa THƠ CA một cách vô tiền khoáng hậu trên của NHT dành cho không chỉ các nhà thơ thời nay, mà còn cả các nhà thơ trong quá khứ. Nên nhớ rằng chúng ta mới có văn xuôi từ thuở chữ Quốc ngữ thông dụng vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX ở Nam Kỳ; còn hơn 9 thế kỷ, cả nền văn học dân tộc đều đồng nghĩa với THI CA. Hồn Thơ của ca dao, của thơ Lý Trần, của Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Gia Thiều, Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Du, Nguyễn Huy Tự, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Tản Đà, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Bính... kia có thể ví như BÀ MẸ TINH THẦN CỦA DÂN TỘC. Việc làm trên của một người tự nhận là nhà văn, là một nhà văn

hóa, một nhà nghiên cứu như NHT, có thể ví như hành vi của đứa con dám hất nước vào chính mặt mẹ mình (!). Tờ báo *Văn Nghệ* vốn là nơi chôn nhau cắt rốn nghiệp văn NHT, giống như bà mẹ tinh thần của anh, anh đã không hề biết ơn, lại còn coi khinh như mẻ "cái máng cỏ" đã khai sinh ra văn minh thế? Văn hóa không hề dung nạp thói vô ơn, thói qua sông đấm bút vào sóng, dù đó là ông trời đi chăng nữa.

Không phải chỉ dân tộc ta, mà hầu như tất cả các dân tộc khác trên thế giới đều dạy trẻ thơ muốn thành con người đúng nghĩa phải có lòng nhân ái, yêu giống nòi, nhân loại, ghét thói gian tà, kiêu ngạo, hống hách, hung ác... biết yêu trẻ kính già. NHT đặc biệt khinh rẻ các nhà văn, nhà thơ cao tuổi, gọi "các cụ" là "đám giặc già" như sau: "Văn học, đối tượng của nó là những người trẻ tuổi. *Nó không phải là sân chơi của đám giặc già lăng nhăng thơ phú"*. Đạo Thiên Chúa giáo coi khả năng phạm tội của con người nằm trong ba trạng thái: tư tưởng, lời nói và việc làm. Vô cớ nguyền rủa đồng loại, vu oan giá họa cho đồng loại là một trọng tội có thể bị sa địa ngục đấy! Bằng bài báo vừa dẫn, NHT như muốn bước ra khỏi những giới hạn luân lý, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc và loài người.

Đọc xong bài báo này của anh Thiệp - một nhà văn chúng tôi từng yêu mến, kính trọng mà bàng hoàng suốt mấy ngày liền, hỏi tại sao anh Thiệp lại hành sử với đồng nghiệp như vậy? Hay là anh bị hội chứng Freud? Hay do anh lao tâm khổ tứ sáng tạo, tìm cách leo trèo lên đỉnh "Linh Sơn" của Cao Hành Kiện, đặng hi vọng chinh phục cánh cửa sau của Hoàng Gia Thụy Điển mà bị stress toàn phần chăng? Nhưng qua Email và dây nói với bạn bè Hà Nội, chúng tôi biết anh Thiệp vẫn tỉnh như sáo, không hề có dây thần kinh nào bị rắc rối cả. Suy đi ngẫm lại, chúng tôi thấy việc xuất hiện bài báo trên của anh Thiệp là không hề bất bình thường, mà rất hợp với tính cách và những bước đi có tính toán của anh. Anh Thiệp đã là nhà "chửi học" số một Việt Nam từ lâu, chứ không cần đợi đến bài báo này mới lộ ra thiên tài của anh. Chúng tôi từng theo dõi hầu như tất cả các buổi trả lời phỏng vấn các đài nước ngoài phát tiếng Việt của NHT, ít nhất trong vòng 15 năm qua, thì mới thấy "HỘI CHỨNG CHỬI" của anh là có hệ thống, có cân nhắc tính toán hẳn hoi, chứ không phải là việc "nổi điên" do rượu chè quá chén, hay bốc đồng văng mạng chửi đổng chơi như có nhiều bạn bè lầm tưởng. NHT trong rất nhiều lần trả lời phỏng vấn, trò chuyện với thính giả trên các làn sóng phát thanh nước ngoài và in trên các báo chí, khi đề cập các vấn đề trong nước, thường thấy anh lặp đi lặp lại những chữ sau: "đểu cáng", "vô học", "lưu manh", "cứt", "phù phiếm", "khốn nạn", "điếm", "chó má", "nôn mửa", "tởm", "ngu như lợn", "thê thảm", "xỏ lá", "lừa bịp", "xỏ xiên", "lọc lõi", "lỗ mãng", "nham nhở", "nhảm nhí", "tiểu nhân", "ngụy quân tử", "phàm phu tục tử", "suy

đổi"... Chúng tôi thấy một hiện tượng được lặp đi lặp lại nhiều lần thành quy luật: là mỗi lần NHT mở một "chiến dịch chửi" ở đâu đó xong, thế nào một thời gian sau anh cũng được trọng thưởng: nhận được vài ba lời mời đi du lịch nước ngoài không phải mất tiền, dưới danh nghĩa trao đổi văn hóa, giao lưu văn học. Với lần tung chiến dịch lớn này trên báo *Ngày Nay*, rồi ta sẽ thấy NHT gieo "hạt" trong chỉ vài ba tháng là sẽ có một mùa bội thu "sáng tác" ngay. Chắc rồi đây anh lại hơi bị bận vì sắp phải sang Âu-Mỹ trao đổi văn hóa? Mới biết "chửi" thời nay cũng là một nghề hay đấy! Khi việc này đã được định hướng theo công nghệ CHỬI CÓ THƯỞNG, giống như chuyện đố vui có thưởng, đi họp có thưởng, vật nhau có thưởng, đặt vòng có thưởng... thì nhà văn ơi, xin phục người sát đất.

3) Ai viết "văn điêu, văn ma, văn phò nịnh"?

Trên cột 2, trang 17, báo *Ngày Nay* số 6. 2004 sau khi xử lý các đồng nghiệp, Nguyễn Huy Thiệp bèn đi giảng dạy luân lý viết văn cho mọi người như sau: "*... Thế nào là trung thực? Trung thực với mình, với người với xã hội, với chữ nghĩa. Văn điêu, văn ma, phò nịnh, "nên thơ" là thứ rất dễ ngộ nhận...*".

Ở chỗ này, chúng tôi xin vỗ tay tán thưởng sự dũng cảm lên án kẻ "viết văn điêu, văn ma, phò nịnh" của Nguyễn Huy Thiệp. Nhưng nếu anh Thiệp dũng cảm thêm một milimét nữa mà lên án nốt vài ba kẻ đang căng tai ra nghe ngóng, đánh tiếng hắng giọng... đặng viết văn có "bà ngoại", "ông ngoại" thưởng (mà anh Thiệp gọi là "nhà văn thức thời"), thì chúng tôi đây còn bái phục anh bội phần! Giờ cho phép chúng tôi khảo sát tí ti về ngón nghề "văn điêu" ngay trong bài báo vừa dẫn của anh Thiệp. Anh Thiệp luận về tính trung thực thì phải nói không chê vào đâu được, nhưng khi cần phải biểu diễn sự trung thực thì xin lỗi, anh Thiệp lại "điêu" đến mức cũng không chê vào đâu được. Trong bài báo của anh, chúng tôi tìm thấy có rất nhiều cái "điêu" như sau:

· "ĐIỀU 1: Hội Nhà Văn Việt Nam (HNVVN) tính đến hôm nay mới có 798 hội viên, nhưng anh Thiệp đã nói thêm lên thành hơn 1000 hội viên.

· "ĐIỀU 2: Số hội viên làm thơ trong Hội Nhà Văn Việt Nam tính đến hôm nay giỏi lắm cũng không thể vượt quá tỷ lệ 50%; thế mà anh Thiệp lại nói dư ra thành 80%.

· "ĐIỀU 3: Anh Thiệp từng bảo các hội viên cao tuổi là giặc già, thì dứt khoát những người cỡ trên dưới 55 tuổi như anh chưa thể được gọi là già; vì nếu xếp anh Thiệp vào loại già thì hóa ra, chính anh lại khó xử với mình lắm ru! Do đó, số hội viên nhà văn cao tuổi trong Hội Nhà Văn Việt Nam nếu cứ kể từ 60 trở lên, chắc chắn không thể vượt qua tỷ lệ một phần ba. Thế mà anh Thiệp lại nói tăng lên rằng: "Nhìn vào danh sách hơn 1000 hội viên HNVVN,

người ta thấy đa số chỉ là những người già nua không có khả năng sáng tạo..."

"ĐIỀU 4: Ai đã từng tham dự Hội nghị Lý luận phê bình văn học Tam Đảo trung tuần tháng Tám 2003 vừa qua, cũng như từng đọc hàng chục tham luận đăng trên báo *Văn Nghệ*, sẽ thấy kết luận này của Nguyễn Huy Thiệp là hoàn toàn sai sự thật: "*... trong Hội nghị Lý luận phê bình văn học ở Tam Đảo năm 2003, chẳng thấy có một tham luận nào dành cho văn học thực sự...*"

"ĐIỀU 5: Nguyễn Huy Thiệp có một lối tranh biện "vui" không chịu được. Đó là cách anh "tiếp thu" phê bình và "trao đổi" lại với Bùi Việt Thắng khá trịch thượng, hợm hĩnh. Chủ trương đối thoại của anh Thiệp rất hay: "Muốn cho xã hội tiên lên, phải trao đổi, phải dân chủ"?...*Từ chối đối thoại nghĩa là anh tự làm cho mình khó thở, tự giam mình.*" Chúng tôi xin chứng minh khả năng "khó thở, tự giam mình" của anh Thiệp thật vô bờ bến. Bùi Việt Thắng đã phê bình văn chương anh Thiệp trên báo *Văn Hóa*. Anh Thiệp ức lắm, bèn không đếm xỉa gì đến vấn đề cốt lõi của tranh biện là đúng sai, là nói có sách, mách có chứng, lại dùng một câu chuyện về cái bệ đứng đái của đàn ông mà hạ bệ Bùi Việt Thắng, nhằm xỉ nhục anh Thắng là đứng thấp hơn "cái bục đái thẩm mỹ" của mình:

"Tôi rất buồn cười câu chuyện Nguyễn Việt Hà kể cho tôi nghe. Ở công sở, có một tay trưởng phòng xây dựng cho xây toilet. Anh ta kích cỡ hơn người (cao tới 1m 78) nên chỗ đi tiểu ở cơ quan anh ta luôn cao hơn những nơi khác tới 15 phân. Vì vậy gần như mỗi người đi tiểu ờ đó đều bị nước tiểu bắn vào quần áo! Sự độc tài của một tay công chức cửa quyền thật lợi hại. Đặc quyền "lấy của mình ra đo" mà không quan tâm đến những số đo khác trong thiên hạ là như thế đấy. Gần đây, đọc bài viết của Bùi Việt Thắng về tôi in trên "Văn hoá Xuân 2004" (được đặt dưới tiêu đề Trên đường đổi mới) không hiểu sao tôi cứ hình dung Bùi Việt Thắng giông hệt như tay trưởng phòng công chức xây dựng cửa quyền nọ. Anh lấy số đo của mình để đặt tiêu chí để đo thiên hạ. Sự độc tài công chức và cách "cả nghĩ" của Bùi Việt Thắng khiến anh bất bình với cuốn tiểu thuyết của tôi. Bi hài kịch là "số đo" của anh có phần ngắn hơn CÁI BỆ THẨM MỸ của bạn đọc đương thời...".

Qua đoạn trích trên, ai ai cũng thấy lối "trao đổi", "đối thoại" của Nguyễn Huy Thiệp là không được tử tế cho lắm. Chúng tôi còn có thể lấy thêm hàng chục dẫn chứng để chứng minh lối viết "văn điêu" của Nguyễn Huy Thiệp trong bài là rất mả, rất tài. Nhưng vì khuôn khổ của bài báo có hạn, chúng tôi đành phải chuyển qua tiểu mục khác.

4) Biết thì thưa thốt... hay trò leo dây của món "chân lý nhầm lẫn"?

Nguyễn Huy Thiệp từng tuyên bố rằng phàm là nhà văn chân chính, phải phấn đấu để trở thành một nhà văn hóa, một nhà nghiên cứu chính cống.

Trong những phần trên, chúng tôi đã trưng ra bằng chứng để bạn đọc thấy Nguyễn Huy Thiệp đã biết cách trở thành một nhà văn hóa ra làm sao! Nay, chúng tôi muốn khảo sát thêm về nhà nghiên cứu Nguyễn Huy Thiệp. Đã nói đến "nhà nghiên cứu" là phải nói đến tính chuyên nghiệp, tính khoa học, khách quan, trung thực, uyên thâm, kiến văn dồi dào, trọng thị lẽ phải đặng tìm chân lý.

Qua bài báo đã dẫn, chúng tôi thấy Nguyễn Huy Thiệp không hề có phẩm tiết nào của một nhà nghiên cứu đã đành, ngược lại, anh còn có nhiều lỗ hổng về kiến thức phổ quát. Xin hãy nghe Nguyễn Huy Thiệp định nghĩa về chân lý: "Bản chất của cuộc sống, chân lý rốt ráo trong cuộc sống chính là sự nhầm lẫn!". Xin xem qua nội hàm của khái niệm "Chân lý" (vérité) qua trang 325 của cuốn từ điển đã dẫn: "Chân lý: Sự phản ánh hiện thực vào nhận thức của con người, đúng như chúng tồn tại trong thực tế khách quan". Chúa ơi, với định nghĩa "Chân lý là sự nhầm lẫn": thật may mắn cho chúng ta, nhà văn Nguyễn Huy Thiệp không có cơ hội để trở thành một tổng công trình sư chế tạo máy bay. Bởi chân lý của nhà sản xuất máy bay là: nhầm lẫn chính là chết, là hàng nghìn chiếc máy bay sẽ rớt như sung, kéo theo hàng triệu người tử nạn. Với định nghĩa động trời: CHÂN LÝ LÀ SỰ NHẦM LẪN trên của anh Thiệp, thì chân lý ơi, xin chào mi, xin mi đừng rơi vào tay các nhà văn như anh Thiệp; vì nhất định họ sẽ làm hại loài người hơn cả cái hại của việc nhầm lẫn khi chế tạo may bay. Bởi vì khi nhà văn mang cái CHÂN LÝ NHẦM LẪN để hành nghề mà nhầm lẫn thiện ác, đúng sai, hay dở, nhầm lẫn quỷ sứ và thiên thần, nhầm lẫn thú và người, nhầm lẫn phá hoại và dựng xây, nhầm lẫn hòa bình và chiến tranh, nhầm lẫn cái chết và sự sống, nhầm lẫn văn chương xu-hào, viết văn có "ngoại" thưởng với tự do sáng tác, thì than ôi, tai hoạ còn có cơ lớn hơn rất nhiều thảm họa bom hạt nhân; vì với những loại "tính văn" ấy, hàng triệu tâm hồn trẻ thơ rồi sẽ bị ô nhiễm, bị đầu độc, băng hoại. Mà việc gieo cái chết tâm hồn còn nguy hiểm hơn việc gieo cái chết thể xác.

"Nhà nghiên cứu" Nguyễn Huy Thiệp rất nhiều khi muốn lập thuyết nhưng lại không hiểu vấn đề mình đang nói, bèn lấy ngộ nhận làm sở trường, còn hiểu biết lại là sở đoản của anh. Xin quý vị cùng đọc một kết luận khá lạ lùng của Nguyễn Huy Thiệp: "Khi ta đang sống (đương đại) nghĩa là ta đang tiếp cận cái chết (sự suy đồi ghê rợn nhất). *Nghệ thuật đương đại, xét cho cùng chính là nghệ thuật suy đồi"*. Trong định đề này, anh Thiệp đã hiểu sai nội hàm thuật ngữ "suy đồi" (décadence). "Suy đồi" là một từ Hán Việt chỉ sự hư hỏng, đổ nát, cũng có nghĩa suy tàn, đồi bại ví như nói vua Lê Ngọa Triều dâm ô bệnh hoạn, bỏ bễ triều chính, đưa nhà Tiền Lê tới chỗ suy đồi. "Suy đồi" là một tính từ dành để chỉ hành vi, tính chất của một con người hay một

xã hội, một triều đại trong quá trình suy vong. Cái chết tự nhiên của con người không phải là sự suy đồi. Không ai lại dùng từ "suy đồi" để chỉ những biến đổi tàn phai của tự nhiên. Ví dụ, thấy mùa thu tàn bèn bảo "mùa thu suy đồi", thấy dòng sông cạn hết nước lại bảo "dòng sông suy đồi", thì thiên hạ sẽ cười cho đấy! Khi bảo: "Cái chết là sự suy đồi ghê rợn nhất", thì có khác gì anh Thiệp nói cây ngô đồng rụng lá cũng là suy đồi, tuyết tan là tuyết suy đồi, hoa rụng là hoa suy đồi? Sinh diệt là biện chứng của Tạo Hóa mà con người không thể can thiệp. Quy luật sống chết là một chân lý khách quan của thế giới tự nhiên, tồn tại ngoài ý thức con người, áp dụng cho vạn vật, không cứ gì người.

Khái niệm "nghệ thuật đương đại, xét cho cùng chính là nghệ thuật suy đồi" anh Thiệp đưa ra có thể chỉ đúng khi áp dụng vào một số nghệ thuật châu Âu sau thế chiến thứ hai; bởi những tàn dư của nghệ thuật tượng trưng, đa đa, siêu thực, tàn dư của các trường phái dã thú, lập thể, tiền phong, đã là tiền đề tạo ra nghệ thuật hậu hiện đại, tiểu thuyết mới, phê bình mới, hiện thực mới, hậu - Vacne [1] , làn sóng mới, ấn tượng và hậu ấn tượng, cũng như phái "thế hệ bị đánh mất"... đều được gọi là nghệ thuật suy đồi [2] . Nhưng khi vấn đề trên được khái quát thành thuộc tính để đồng nghĩa đương đại với suy đồi, nhất là để dùng khái niệm đặc thù châu Âu này cho các nước phương Đông như Việt Nam ta thì hoàn toàn sai.

Trên cột 1, trang 16, Ngày Nay số 5. 2004, Nguyễn Huy Thiệp viết:

"Giở lại lịch sử ngày xưa, thấy tại sao trong thời Thịnh Đường ở Trung Hoa nảy nòi ra Lý Bạch được khen là thơ tiên vì phong độ, cốt cách, chí khí cao ngất. Ở thời ấy, dân chúng ấm no, sung túc. Lý Thế Dân là ông vua cao minh giữ được ổn định chính trị. Dân như thế vua như thế, thời thế như thế thì sẽ có một thứ văn học tuyệt vời như thế...".

Anh Thiệp nói Lý Thế Dân cao minh, giữ được ổn định chính trị trong 23 năm thì đúng; tuy ông vua này nối nghiệp bằng sự tàn ác giết anh ruột, em ruột mình, bức cha cướp ngôi. Anh Thiệp bảo Lý Bạch sống trong thời Đường Thái Tông Lý Thế Dân là sai. Lý Thế Dân chết 52 năm sau Lý Bạch mới ra đời; khi ấy Võ Tắc Thiên cướp ngôi nhà Đường xưng là nhà Chu đã được 11 năm. Lý Bạch trưởng thành trong thời Đường Huyền Tông. Ông vua này cuối đời chìm đắm trong tửu sắc, lấy con dâu là Dương Quý Phi, bỏ bê chính sự thành ra loạn lạc, dân chúng khổ trăm bề. Từ năm 755 loạn An Lộc Sơn đến khi nhà Đường mất, suốt 152 năm dân tình bị đẩy ải trong địa ngục chiến tranh, nghèo đói, khiến người chết đầy đường như rạ, là thời kỳ thảm khốc bi đát nhất của lịch sử Trung Hoa. Hãy đọc lại thơ Đỗ Phủ (712-770) người đồng thời với Lý Bạch, để thấy rằng Lý Bạch sinh ra và lớn lên mang tiếng là thời Thịnh Đường, nhưng thực ra nhà Đường đã suy vi, đã mạt vận, đã phản dân.

Không phải vị thi tiên này được sống trong một thời thế tốt đẹp tuyệt vời mới có thơ tuyệt vời như sự lầm tưởng của Nguyễn Huy Thiệp.

Nguyễn Huy Thiệp thường đưa ra những nhận định thiếu cơ sở khoa học. Ví dụ khi anh Thiệp khái quát: "Một xã hội không có những tác phẩm văn học hay, không có những tác phẩm văn học giá trị nghĩa là nhân tính ở đấy đang bị xáo mòn, đang bị mất dần đi..." là chưa thuyết phục. Trong lịch sử văn học thế giới và Việt Nam có rất ít thời kỳ mà mối quan hệ thịnh suy giữa thời đại và văn nghệ là tỷ lệ thuận, kiểu triều chính tốt sẽ sinh ra văn nghệ hay, và khi chưa có văn chương hay thì thời thế chắc phải thiếu nhân tính. Việc lịch sử văn học nước nhà có hai thời kỳ hoàng kim: cuối thế kỷ thứ XVIII đầu thế kỷ thứ XIX và thời kỳ văn học hiện đại của truyện ngắn, tiểu thuyết nở rộ bên cạnh đỉnh cao Thơ Mới 1932-1 945, đều xuất hiện trong những thời mạt của chính sự cả, chứng tỏ là kết luận của anh Thiệp chưa đủ cơ sở khoa học. Có thể lấy sự xuất hiện của Khuất Nguyên, Đào Tiềm, Lục Du, Kim Thánh Thán... và thời hoàng kim của văn học Nga cuối thế kỷ thứ XVIII đầu thế kỷ thứ XIX làm minh chứng thêm.

Cho hay, cái nhiệt huyết ngùn ngụt của anh bội thực sách đôi khi cũng thật là đáng thương; chỉ đáng trách khi anh chưa tiêu hóa nổi sách đã mau mồm mau miệng triết lý, lập thuyết, muốn làm thầy thiên hạ, muốn cầm cái ba-toong của cụ tiên chỉ làng văn mà dứ dứ cả trời già như kiểu trên đây, thực tình còn nguy hiểm hơn việc cậu bé chơi con dao hai lưỡi. Nguyễn Huy Thiệp trong bài viết đã dẫn, còn nhiều nhận định rẻ rúng, khinh khi, miệt thị đồng nghiệp trong nước:

"Văn học Việt Nam gần đây mất đi khả năng tưởng tượng, lãng mạn, mơ mộng và nhiệt huyết sống. Nó trở nên thực dụng, ê chề, lọc lõi, oái oăm, đôi khi đểu cáng?... Sinh hoạt văn học (nói rộng ra là cả sinh hoạt tinh thần) ở ta - ít nhất là ở Thủ đô - theo tôi hiện nay là thảm hại, chẳng có gì đáng để người ta quan tâm, say sưa'?"...Có nhiều tác phẩm, người ta vẫn phải đọc, vẫn phải chấp nhận mặc dù ai nấy đều cũng có cảm giác là nó thối tha..."

Xin anh Thiệp hiểu cho rằng mình viết văn thì cũng để cho thiên hạ viết với, mình tài, thì cũng để cho thiên hạ tài với. Thưa nhà văn Nguyễn Huy Thiệp, với văn học, mọi chuyện phù phiếm, nham hiểm, vĩ cuồng, ngay cả hội chứng "chửi có thưởng" như hôm nay, rồi cũng sẽ qua. Nhưng ở đời, nhất là đối với nghiệp bút nghiên như chúng ta thì câu tục ngữ "trâu chết để da, người ta chết để tiếng" có lẽ là lưới trời đố ai thoát được? Xin anh Thiệp hãy thử ngó xuống mà nhìn một hình hài "bị" hóa "đá" đang đứng trên bục cao ở quảng trường giữa thủ đô Matxcơva: đại thi hào Puskin, dù đã thành tượng, vẫn cứ có vẻ run rẩy khép nép cúi xuống, cố gắng nhún mình, hạ mình xuống thấp hơn tí chút nữa, để tôn vinh đức khiêm nhường bao giờ cũng là khởi

điểm của các thiên tài. Anh Thiệp dù có ghét Thơ đến mức xúc đất đổ đi chăng nữa, chắc cũng biết chuyện Nguyễn Du hơn 200 năm trước, từng rước linh hồn Tiếng Việt lên bệ thờ của hàng nghìn câu lục bát tuyệt vời do ông sáng tạo, rồi vội tìm chỗ thấp nhất, kín nhất, im re nhất để ngồi lẫn với thập loại chúng sinh, mà ca bài ca khiêm cung rằng: "Lời quê góp nhặt dông dài / Mua vui cũng được một vài trống canh". Chúng tôi có thể cá với anh Thiệp rằng, chưa từng thấy thói huênh hoang, kiêu ngạo, độc ác, xỉa xói đồng nghiệp nào xưa nay lại có thể trở thành một tài năng văn học thật sự. Các nhà văn, nhà thơ, thậm chí cả nền thơ Việt Nam hôm nay vừa bị anh Thiệp gieo tiếng ác là vô học, là lưu manh, là đáng bị anh "dí" bút vào mặt đi nữa, cũng chẳng ai lấy đó làm điều mà đau buồn phát ốm. Các nhà văn ấy vốn có lòng vị tha, cốt cách nhã nhặn, dung nhan điềm đạm, lại hay khiếp hãi sự to tiếng, nên "tránh voi đâu xấu mặt nào" mà anh! Tôi rất ngạc nhiên, báo *Ngày Nay* là cơ quan của tổ chức UNESCO Việt Nam, một tổ chức mang danh khoa học, giáo dục, văn hóa lại cho in một bài báo phản khoa học, phản giáo dục, phản văn hóa như vậy.

Thành phố Hồ Chí Minh, đêm 21-3-2004

---

[1] Chú thích của talawas: Chúng tôi đoán "Vacne" ở đây có thể là Richard Wagner (1813-1883), người có ảnh hưởng lớn đến nhiều nghệ sĩ sau ông, không chỉ trong lĩnh vực âm nhạc, song không rõ tác giả xếp "Vacne" vào đoạn này theo nội dung và thứ tự lô-gích nào, nên đành để nguyên như bản in trên báo Văn Nghệ.

[2] Chú thích của talawas: Lưu ý độc giả rằng đây là cách hiểu của tác giả bài viết về "nghệ thuật suy đồi" và như vậy không liên quan đến thuật ngữ "décadence" chỉ giai đoạn nghệ thuật từ giữa thế kỉ 19, với đại diện tiêu biểu là thi sĩ Pháp Baudelaire, đến cuối thế kỉ 19.

Văn Nghệ, Hà Nội, số 14, 03.4.2004

Tìm mua, tìm đọc tác phẩm thứ sáu của
nhà văn Hoàng Nga
ừ thôi kiếp sau em nhỏ
tập truyện
Làng Văn xuất bản

Ảnh bìa của Dr. Andreas Reinecker
Sách dày 270 trang. Giá 14 Mỹ kim.
Sách hiện có bán tại các nhà sách.

khi nhà văn cười nhà thơ

NGỌC ANH

Bài viết "*Trò Chuyện Với Hoa Thủy Tiên và Những Nhầm Lẫn của Nhà Văn*" của tác giả Nguyễn Huy Thiệp đăng trên tạp chí Ngày Nay số 6-2004 ở trong nước đã làm cho một số người đọc, người viết Việt Nam ở hải ngoại nở nụ cười thú vị; ngược lại khiến nhiều người làm văn chương trong nước bị chấn động mạnh, bị tổn thương nặng nên đưa ra những phản bác bất lợi đối với nhà văn Nguyễn Huy Thiệp.

Đầu tiên ta hãy xem sự khả tín của nhà văn Nguyễn Huy Thiệp về những nhận xét của ông trong bài viết dành cho giới làm văn chương ở Việt Nam điển hình là các nhà văn nhà thơ trong Hội Nhà Văn Việt Nam ở trong nước; kế đến nhìn vào những phê phán của một số người viết mà nổi bật nhất là của nhà thơ Trần Mạnh Hảo đối với bài viết của tác giả Nguyễn Huy Thiệp với đoạn văn gây sôi nổi nhất như sau:

"*Việc đào tạo, đánh bóng nhằm tạo ra những ngôi sao ca múa nhạc tạp kỹ hoặc thể dục, thể thao, v.v... là rất cần thiết. Ngay trong lãnh vực văn học, đáng lẽ cần phải khuếch trương, xây dựng thành một công nghệ đào tạo nhà văn mới thì vài năm trở lại đây lại có ý kiến bỏ đi trường viết văn Nguyễn Du. Bỏ đi thì dễ nhưng xây thì khó. Nhìn vào danh sách hơn 1.000 hội viên Hội Nhà Văn Việt Nam người ta thấy đa số đều chỉ là những người già nua không có khả năng sáng tạo và hầu hết đều... 'vô học', tự phát mà thành danh. Trong số này có tới hơn 80% là nhà thơ tức là những người chỉ dựa vào 'cảm hứng' để tùy tiện viết ra những lời lẽ du dương phù phiếm vô nghĩa, nhìn chung là lăng nhăng, trừ có dăm ba thi sĩ tài năng thực sự (số này đếm trên đầu ngón tay) là còn ghi được dấu ấn trong trí nhớ người đời, còn toàn bộ có thể nói là vứt đi cả... Giai thoại có một nhà thơ nói về tình cảnh thơ ở trong bài thơ sau*

đây (tôi đã đưa chuyện này vào trong tiểu thuyết của tôi vì nó quá hay) khá tiêu biểu cho thực tế đó: 'Vợ tôi nửa tỉnh nửa mơ / Hôm qua nó bảo: Dí thơ vào l.. Vợ tôi nửa dại nửa khôn / Hôm nay lại bảo: Dí l. vào thơ!', *tôi cũng không phủ nhận cảm tình của nhân dân đối với thơ nhưng quả thực trên thực tế cái danh nhà thơ là một thứ nhìn chung chỉ là nhăng nhít, hữu danh vô thực, chẳng ai muốn dây vào nó: nhà thơ đồng nghĩa với sự chập cheng, hâm hấp, quá khích, vớ vẩn, thậm chí còn lưu manh nữa.*"

Trước khi tìm hiểu sự đúng sai của đoạn văn trên, ta hãy đọc câu hỏi dành cho Mignon Eberhart, tiểu thuyết gia đã xuất bản 51 tác phẩm, về chữ "cảm hứng" mà nhà văn Nguyễn Huy Thiệp đề cập đến, câu hỏi đó như thế này: "*Đối với nguồn cảm hứng thì sao? Bà có nhờ nó để khởi sự viết hay không?*"

Câu trả lời của Mignon Eberhart là: "*Thật khó giải thích được chữ cảm hứng vì nó vừa bí mật vừa nhạy cảm. Lúc viết mà có được cảm hứng để viết thì quả thật thú vị và lúc đó dường như cái bàn đánh máy cứ ro ro chạy. Cái khổ là cảm hứng không phải lúc nào cũng nằm sẵn đó, như có người từng bảo, 'cảm hứng chừng như luôn luôn đến trễ giờ hẹn.' Người viết không thể đợi nguồn cảm hứng đẩy mình đi; do đó người viết phải huấn luyện để không tùy thuộc vào nguồn cảm hứng.*" Nguyễn Huy Thiệp đã vài lần ra ngoài nước, có thể đã được tiếp xúc với thế giới chữ nghĩa ở bên ngoài, được đọc ý kiến hay những câu trả lời của những người viết như Mignon Elberhart, từ đó suy gẫm, rồi so sánh năng lực sẵn có dành cho nhà văn, nhà thơ mà điển hình là bản thân ông, nên hiểu rõ sự giới hạn của một cá nhân trong công việc sáng tác, đó là không thể hoàn toàn nhờ vào cảm hứng để tạo nên tác phẩm nghệ thuật, ngoại trừ vài thiên tài văn chương. Ông viết thêm, *"Về văn học, những cố gắng trong và ngoài nước đã làm cho nhiều nhà văn 'thức thời' ở ta nhận ra được con đường gian khó nhưng cũng nhiều triển vọng ở trong nghề nghiệp của mình. Khi xã hội phát triển, nhu cầu hưởng thụ và làm ra những sản phẩm văn học nghệ thuật có phần nào tưởng như dễ dàng nhưng lại khó vô cùng"*, còn củng cố cho ý tưởng là Nguyễn Huy Thiệp ý thức được nhu cần học hỏi để thăng tiến, ông dùng chữ "*thức thời*" để dành cho một số rất ít nhà văn, nhà thơ Việt Nam có thực tài đã nhận chân được giá trị của sự học hỏi, để đối ngược lại với một số lớn các hội viên của Hội Nhà Văn Việt Nam và những người viết ỷ lại vào cảm hứng nên còn ngủ mê với danh vị nhà văn hay nhà thơ, trở thành kẻ có danh mà thiếu thực.

Khi đề cập đến nhu cầu cần học hỏi dành cho người cùng giới nhất là đối với những người có chút ít tên tuổi đang là hội viên của Hội Nhà Văn Việt Nam, phải nói rằng Nguyễn Huy Thiệp đã đánh chữ liều, vì đã dám chạm vào niềm tự hào bệnh hoạn của nhiều người trong đó. Bởi khuyên họ chịu

khó học hỏi thêm, thì dưới sự suy nghĩ không đủ chiều sâu của họ, nào khác gì chê tài năng họ kém cỏi. Làm sao họ chấp nhận? Họ chống đối là phải!

Riêng Nguyễn Huy Thiệp với cái nhìn rộng rãi về hai chữ học hỏi, ông hiểu rõ nhu cầu này có thể đem đến lợi ích thiết thực cho một nhà văn hay nhà thơ dầu đã thành danh hay chưa. Mà sự học hỏi ở đây cũng đồng nghĩa với hành động tự bó buộc bản thân, ép mình vào khuôn khổ để trau dồi tài năng và sự hiểu biết hầu bắt kịp trí tuệ của độc giả "có học" trong và ngoài nước, mà với những tiến bộ vượt bực của khoa học và kỹ thuật đã khiến con người chưa bao giờ lại đến gần nhau như bây giờ và chưa bao giờ nguồn tài liệu học hỏi lại phong phú như bây giờ, nên trình độ thẩm thấu tác phẩm của độc giả cao hơn, hay nói rõ là trí thức hơn nên trông chờ nhiều hơn nơi tác giả như trong câu văn sau đây của ông, "*Trên kia tôi đã nói đến việc xây dựng một công nghệ đào tạo nhà văn, tôi ủng hộ ý kiến nên xây dựng vài khoa viết văn ở các trường đại học ở ta. Viết văn trở thành một nghề nghiệp, một nghề nghiệp chuyên nghiệp chứ không thể nghiệp dư, tùy hứng được. Những nhà văn được đào tạo trong nền công nghệ đó phải có những tiêu chuẩn và trình độ chuyên môn nhất định.*"

Có lẽ ông cũng như một số nhỏ người viết có lòng với văn học đã nhìn thấy sự đòi hỏi đó thật cấp bách nên không khỏi sốt ruột trong việc tìm ra hướng đi đúng cho công việc sáng tác của mình, cái hướng để đạt được điều mà Faith Baldwin, tiểu thuyết gia người Mỹ đã viết: *"Tôi không cần biết quý vị tìm thấy điều gì và như thế nào về mình. Điều quan trọng là quý vị đã có thể đưa mình vào khuôn phép để viết được những dòng chữ trên giấy và cho nó có được một đời sống, dẫu chưa hoàn chỉnh và còn thô nhám. Điều này, ngoại trừ một số ít thành công qua đêm, còn lại là những người từng bước vào con đường nghệ thuật trong thời gian lâu dài vẫn thường phải khó nhọc mới học hỏi được. Như đa số chúng ta phải học hỏi mới biết được sự sáng tạo cũng đồng nghĩa với việc tạo dựng sự sống.*

Muốn tìm được sự sống này, chúng ta phải học hỏi. Tất cả những điều quý vị học hỏi được và có được cảm xúc đều có thể áp dụng được vào văn chương. Cảm giác thương xót và thông cảm. Khả năng nhận thức được bản thân và nhân vật. Sau đó nhận thức được rằng dẫu con người thật bên trong của mình hoàn toàn khác hẳn nhân vật mình tạo ra thì quý vị vẫn phải biết cách áp dụng để đi dép vào bụng nhân vật, từ đó viết về những nhân vật.

Quý vị có tài sáng tạo giúp quý vị có thể học tập để sáng tạo. Hãy nhìn kỹ vào mớ kinh nghiệm, vào sự tưởng tượng, vào việc tận dụng giác quan để quan sát những con người thật, sau đó tạo dựng nên nhân vật sống thực..."

Với những đoạn văn của Mignon Elberhart và Faith Balwin kể trên, ta thấy Nguyễn Huy Thiệp có lý khi đề cập đến sự "*vô học*" của đa số nhà văn,

nhà thơ có chân trong Hội Nhà Văn Việt Nam. Vì một khi đã đứng vào vị thế "có học" đúng nghĩa nhất trong thế giới văn chương, mà theo Nguyễn Huy Thiệp thì chỉ lác đác "*dăm ba thi sĩ tài năng thực sự (số này đếm trên đầu ngón tay)*", chữ "*vô học*" được đặt trong ngoặc kép của ông không thể nào bị hiểu lầm. Đọc chữ "*vô học*" người "có học" sẽ hiểu ngay là tác giả bài viết không ám chỉ người không được may mắn cắp sách đến trường và không có cơ hội tự mình học hỏi. Bởi chúng ta hiểu, nhắc đến người không được học chữ, ta chỉ đơn giản viết: người thất học, người vô học..., không cần đóng khung chữ bằng cái ngoặc kép. Người "có học" còn hiểu rõ là có những người được cắp sách đến trường, đã đỗ đạt bằng cấp cao, nhưng trong nhiều lãnh vực khác hơn nghề nghiệp, hay lắm khi trong chính nghề nghiệp của họ, mà nếu vì quá tự tôn, không biết mở tầm mắt để quan sát và học hỏi, thì trong nhiều trường hợp, họ vẫn có thể bị đặt vào thành phần "*vô học*" với nghĩa nằm trong dấu kép.

Như thế chữ "*vô học*" mà Nguyễn Huy Thiệp sử dụng có thể được áp dụng vào thành phần tham dự trò chơi văn chương chữ nghĩa nhưng muốn bước vào địa hạt này bằng con đường tắt, nghĩa là đi ngược lại với tài năng, sự học hỏi và sự chịu đựng liên tục vốn là thứ hành trang cần thiết dành cho người viết nào muốn trở thành người "có học" trong lãnh vực văn chương.

Dĩ nhiên mới đọc bài "*Trò Chuyện Với Hoa Thủy Tiên và Những Nhầm Lẫn của Nhà Văn*" của Nguyễn Huy Thiệp, người đọc có thể bị ngay cú sốc vì lời lẽ khá nặng được trao tặng cho những hội viên của Hội Nhà Văn Việt Nam, vốn được xem như giới trí thức ở Việt Nam. Người đọc có thể mất cảm tình ngay với tác giả Nguyễn Huy Thiệp và có thể không tin đó là sự thật ngoài ý nghĩ đây là lời viết của kẻ quá khích. Tuy nhiên khi đọc xong những bài phản bác Nguyễn Huy Thiệp của một số người mà trong đó bài viết của nhà thơ Trần Mạnh Hảo được xem như nổi bật nhất, hay thậm chí đọc những sáng tác sau này của các tác giả Xuân Diệu, Tố Hữu vốn là những tên tuổi nổi tiếng của nền văn chương trong nước, ta mới hiểu tại sao có sự tức giận để đưa ra những lời viết nặng nề như "*vô học*", "*nhăng nhít*", "*hữu danh vô thực*", "*nhà thơ đồng nghĩa với sự chập cheng, hâm hấp, quá khích, vớ vẩn, thậm chí còn lưu manh nữa*" của Nguyễn Huy Thiệp và để ta nhìn thấy những lời viết này của ông, dẫu sao vẫn chưa phải là quá nặng vì những lời đó không hẳn mang ý nghĩa mạt sát mà còn mang ý nghĩa của một "liều thuốc đắng" với tính xây dựng của nó.

Ta hãy thử đọc hai đoạn thơ, một của Tố Hữu, một của Xuân Diệu để từ đó thông cảm với thái độ hằn học của tác giả họ Nguyễn,

"*Bữa trước mẹ cho con xem ảnh*
Ông Xta-lin bên cạnh nhi đồng

Áo ông trắng giữa mây hồng
Mắt ông hiền hậu miệng ông mỉm cười...
...
Yêu biết mấy khi nghe con tập nói
Tiếng đầu lòng con gọi Xta-lin
Mồm con thơm sữa xinh xinh
Như con chim của hòa bình trắng trong..."
(Đời Đời Nhớ Ông của Tố Hữu)

"*Những ngày tôi tưởng thấy như in*
Lênin, muôn năm đồng chí Lênin
Tôi đi thăm nhà của đồng chí,
Đôi mắt thành tâm, bước chân thành ý
Tôi đến thăm nhà đồng chí Lênin.
Nhà Lênin ở Goócki
Nhà Lênin ở viện Xmôni
Nhà Lênin ở thành phố Lêningơrát
...
Nhà của Lênin bao la
Trên cả thế giới."
(Đi Thăm Nhà Đồng Chí Lênin" của Xuân Diệu 3-11-67)

Vì muốn lấy lòng đảng, mà Tố Hữu cũng như Xuân Diệu là bậc thầy của nhiều nhà thơ trong Hội Nhà Văn Việt Nam còn chẳng ngại ngùng làm kẻ "*lưu manh*" bán đứng linh hồn nhà thơ cho đảng và quan thầy của đảng để viết lên những dòng thơ "*vô học*" như thế, thì chả trách những người giữ vai học trò của Tố Hữu, Xuân Diệu trong Hội Nhà Văn Việt Nam chẳng học đòi làm những bài thơ vớ vẩn đến nỗi Nguyễn Huy Thiệp chịu hết nổi buộc lòng phải lên tiếng cảnh tỉnh bằng những từ nặng nề như "*vô học*", "*lưu manh*"...

Đọc thêm lời phản bác Nguyễn Huy Thiệp của nhà thơ Trần Mạnh Hảo thì sự "*vô học*" càng thêm rõ nét. Nhà thơ Trần Mạnh Hảo viết rằng: "*Tự dưng đa số hội viên Hội Nhà Văn Việt Nam bị anh Thiệp gán cho là vô học, lại cẩn thận để chữ vô học trong nháy nháy: 'vô học'. Dù anh có để trong nháy nháy đi nữa thì nội hàm của từ này vẫn không có gì thay đổi, vẫn tuân thủ định nghĩa của tự điển 'vô học': (Người không có học thức, không được giáo dục: Đám trẻ vô học. Đồ vô học)*"

Nhà thơ Trần Mạnh Hảo than phiền nhưng quên nhìn lại tình trạng của Hội Nhà Văn Việt Nam, để xem lửa bốc lên từ đâu, bởi "không có lửa sao có khói", vì nhất định Nguyễn Huy Thiệp phải nhìn thấy đám khói đen mù mịt

đang bốc lên chính giữa cái Hội Nhà Văn ở trong nước mới viết lên được thực trạng sáng tác của hội nhà văn này. Nhờ bài viết của Nguyễn Huy Thiệp người ngoài nước mới thấy được sự "*vô học*" của những nhà văn, nhà thơ trong Hội Nhà Văn Việt Nam, mà điển hình nhất là nhà thơ Trần Mạnh Hảo qua việc hiểu sai lạc chữ "*vô học*" nằm trong ngoặc kép với chữ vô học không để trong ngoặc kép, cho rằng hai chữ có cùng một ý nghĩa. Điều này khiến độc giả không khỏi cười tủm, buột miệng lên tiếng cùng tác giả họ Nguyễn là "sao ông dốt thế" vì cái "dốt" của ông Trần Mạnh Hảo không ngừng ở đó mà kéo dài thêm với câu viết như thế này: "*Cách nay 18 năm, nhờ công cuộc đổi mới văn học do Đảng và Nhà Nước chủ trương, một loạt truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp đã được in trên báo Văn Nghệ (tờ báo của Hội Nhà Văn Việt Nam) tạo thành hiện tượng văn học thật sự... Văn hóa không dung nạp thói vô ơn và trò chơi 'chửi có thưởng'... Anh Thiệp nỡ lòng nào mắng cả Hội Nhà Văn Việt Nam là đồ vô giáo dục, mắng cả nhà thơ là phù phiếm, vô nghĩa, lăng nhăng, lưu manh, vứt đi cả...? Nên nhớ là trong số các hội viên Hội Nhà Văn Việt Nam bị anh Thiệp nặng lời kia, chí ít cũng phải có đến 1/3 số người bị đụng chạm có cảm tình với các truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp.*" Người ta thấy nhà thơ Trần Mạnh Hảo thay vì nhìn văn chương như nghệ thuật, lại xem văn chương như món đồ có thể trao tay, mua bán, đổi chác, hối lộ để quên hay không biết rằng cái thẩm mỹ của văn chương vượt lên trên thứ tình cảm thông thường. Một người có thể rất thích một người, quý một người nhưng vẫn có thể không thích văn người đó viết, thơ người đó làm; ngược lại một người có thể bị ghét, không ai muốn lại gần nhưng trong lãnh vực thẩm mỹ của văn học, thì vấn đề thương ghét cá nhân vẫn không thể trộn lẫn với sự chê khen tác phẩm của người đó.

Nhà thơ Trần Mạnh Hảo còn bảo: "*Dân tộc ta có hai truyền thống chính để tự hào: một là ĐÁNH GIẶC, hai là LÀM THƠ. Nếu ta chỉ có những Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa mà thiếu Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương thì coi như dân tộc chỉ biết có cơ bắp, biết có thanh gươm mà thiếu tâm hồn, thiếu vẻ đẹp tinh thần, thiếu lãng mạn, thiếu thẩm mỹ... Văn hóa không thể dung nạp thói vô ơn, thói qua sông đấm bút vào sóng, dù đó là ông Trời đi chăng nữa.*"

Lại thêm cái "*vô học*" khác của Trần Mạnh Hảo. Bởi chỉ có ông Trần Mạnh Hảo và đảng của ông mới tự hào chuyện Đánh Giặc, mà chuyện đánh giặc gần đây nhất ông Trần Mạnh Hảo và đảng của ông có thể tự hào phải chăng là chuyện tràn vào miền Nam để đánh giết người anh em miền Nam khiến hàng triệu người cùng dòng máu đỏ phải bỏ xác trên chiến trường, hàng nửa triệu người Việt phải bỏ mình nơi biển Đông trên đường vượt biển để tránh sự tàn ác của đảng cộng sản của ông Trần Mạnh Hảo, và hàng chục

ngàn người đã bỏ xác trong các trại tù cải tạo để mỗi gia đình người Việt Nam nào, dù bên này hay bên kia, đều có người bị giết, bị chết vì người anh em Việt Nam của mình. Những chuyện đánh nhau như thế không có gì đáng để tự hào cả đối với dân Việt nào còn biết nghĩ đến dân tộc và đất nước của mình, thưa "nhà thơ" Trần Mạnh Hảo.

Như thế niềm tự hào của dân Việt phải là niềm tự hào về tính hiếu hòa, về sự thông minh, về tình đoàn kết dân tộc, về thành tích giữ nước và dựng nước... Còn bảo rằng người Việt tự hào về chuyện làm thơ cũng không đúng nốt. Người Việt có niềm tự hào về những nhà thơ đã làm ra những tác phẩm bất hủ như Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Trãi và tự hào về kho tàng ca dao với những câu thơ có vần điệu sáu, tám hoàn toàn Việt Nam, nhưng tự hào về chuyện LÀM THƠ thì thú thật người Việt không tự hào suông như thế, vì hiểu là làm thơ thì phải làm thơ như thế nào mới đáng tự hào, còn làm thơ kiểu "xun xoe nịnh bợ" như hai nhà thơ lớn Tố Hữu, Xuân Diệu thú thật người Việt phải giấu kỹ kẻo dân Nga cười cho xấu mặt.

Viết đến đây không phải người viết hoàn toàn đồng ý với nhà văn Nguyễn Huy Thiệp về tất cả những gì ông đã viết trong bài viết *"Trò Chuyện với Hoa Thủy Tiên và những Nhầm Lẫn của Nhà Văn"*, nhưng tựu chung vẫn thấy nơi ông có điểm nổi bật là ông đã dám tỏ lộ thái độ dũng cảm mà nhiều người trong giới cầm bút không có, là nói thẳng, viết thẳng cho dầu sau bài viết của ông có thể đa số Hội Viên của Hội Nhà Văn Việt Nam sẽ tránh mặt ông, hay tách ông ra khỏi "băng đảng" của họ và ông có thể trở thành một người rất cô đơn hiểu theo nghĩa đen. Đây là điều đáng khen và đáng học hỏi vậy.■

Đón mua hai tác phẩm giá trị
của nhà xuất bản **văn mới**

sử học, đọc vài quyển
khảo luận của tạ chí đại trường
dày 550 trang, giá 25 mỹ kim

chữ dưới chân tường
tiểu thuyết của nguyễn viện
dày 200 trang, giá 10 Mỹ kim

mổ nhà văn
THÍCH THIỆN NGÂN

Kịch chín hồi

Lời nói đầu: *Tôi biết nhà văn Nguyễn Huy Thiệp 15 năm nay. Từ nhà tôi sang nhà anh không xa lắm. Những khi rỗi rãi, thỉnh thoảng chúng tôi vẫn hay sang nhà nhau chơi.*

Dịp Tết Nguyên đán năm nay (năm Giáp Thân, 2004), Nguyễn Huy Thiệp có vẻ bồn chồn khác thường. 29 Tết, Nguyễn Huy Thiệp sang nhà tôi, anh rủ tôi đi chợ hoa trên đê Yên Phụ. Anh có vẻ thích mấy chậu hoa mai vàng Đà Lạt nhưng khi biết giá tiền, anh lại tần ngần bỏ đi. Một chậu hoa mai vàng "chơi được" giá cũng phải tới 100 đô la, số tiền này có vẻ xa xỉ với anh - một nhà văn quèn quen sống thanh đạm (đấy là căn cứ trên sự quan sát của tôi).

Tôi nài Nguyễn Huy Thiệp mua tặng tôi một cành đào Nhật Tân mà tôi lựa chọn. Anh đồng ý nhưng không tỏ ra thích cành đào "của tôi" (thị hiếu thẩm mỹ của hai chúng tôi khác nhau: anh thiên về vẻ đẹp thực dụng, còn tôi thì thích những vẻ đẹp tình cảm). Chia tay nhau chúng tôi chúc nhau những điều tốt lành và hẹn gặp lại vào "năm mới", vào ngày mồng 3 Tết. Người bán hoa tặng anh một giò hoa thủy tiên vì thấy anh mua cành đào cho tôi với giá "hớ" khác thường.

Sáng mồng 3 Tết, Nguyễn Huy Thiệp lại đến nhà tôi. Chúng tôi đi chơi xa, lên vùng núi Kim Bôi - Hòa Bình, bỏ lại sau lưng "cửa Đông Hoa chốn kinh thành toàn là bụi bặm". Trong chuyến đi, anh hầu như chỉ nói những suy nghĩ của anh về văn học. Ít lâu sau, tôi thấy những suy nghĩ đó được in trong bài "Trò chuyện với hoa thủy tiên và những nhầm lẫn của nhà văn".

Cả Nguyễn Huy Thiệp và tôi đều không ngờ "bài báo" (mà có người coi đó là những tiểu luận văn học đặc sắc) lại gây ra một cuộc tranh luận văn học sôi nổi như vậy, trong đó thấy có không ít những ý kiến phản bác lại anh. Trong mấy tháng trời, ở các công sở và ở các quán cà-phê sành điệu Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, sáng nào người ta cũng bàn tán về "sự kiện hoa thủy tiên". Các bài viết trên báo chí "chính thống" và trên mạng Internet được đưa ra phân tích, thảo luận. Có thể nói, rất lâu trên lĩnh vực sinh hoạt văn học ở Việt Nam mới lại có một cuộc "ẩu chiến" dữ dội đến thế. Nguyễn Huy Thiệp được đưa ra mổ xẻ. Bạn đọc chẳng khó khăn gì không nhận ra những "đường dao nhát kiếm" đầy ác ý chĩa vào anh. Một mặt khác, người ta cũng nhận ra những thiện ý và những lời trao đổi tích cực đối với văn học.

Nguyễn Huy Thiệp theo dõi tất cả những ý kiến quanh "sự kiện hoa thủy tiên". Tôi rất ngạc nhiên vì thấy anh luôn tỏ ra bình tĩnh, không hề tỏ ra khó chịu trước những ý kiến phản bác lại mình. Anh nói:

"Trường văn trận bút.

Chuyện ấy là thường."

Tôi không tán thành (có lẽ vì tôi còn trẻ và do đó, tôi khá nóng nảy), tôi chỉ ra những đoạn "tiểu khí" và vu khống, ác ý trong nhiều bài viết, tôi đề nghị Nguyễn Huy Thiệp trả lời nhưng anh chỉ cười, lắc đầu. Anh nói: "Thực ra, trong toàn bộ những ý kiến phản bác tôi, đa số đều tầm thường, không ngại. Chỉ riêng ở trường hợp Trần Đăng Khoa thì có lẽ cần phải đối thoại."

Tôi hỏi vì sao?

Anh bảo:

"Anh hãy tự nghĩ lấy."

Tôi về tôi nghĩ như sau:

Trần Đăng Khoa là một thần đồng, anh là một nhà thơ có "thiên nhãn". Cũng như Nguyễn Huy Thiệp, có thể coi Trần Đăng Khoa là một "người giời"... ảnh hưởng xã hội của Trần Đăng Khoa rất lớn. Thái độ của Trần Đăng Khoa với văn học có ảnh hưởng nhất định đối với nhiều thế hệ bạn đọc. Đáng lẽ, anh ấy không nên trò chuyện với Nguyễn Văn Thọ về Nguyễn Huy Thiệp. Trần Đăng Khoa cũng không nên "đứng trong đội ngũ" những người phản bác Nguyễn Huy Thiệp trong "sự kiện hoa thủy tiên" mới phải.

Nguyễn Huy Thiệp cũng ngại "đụng chạm" (ngay cả với Trần Đăng Khoa) nên trước sau quanh "sự kiện hoa thủy tiên" anh nhất thiết không trả lời ai. Tôi rất bất bình, thậm chí đôi khi còn nặng lời với anh rằng anh hèn, rằng anh nhu nhược, "dĩ hòa vi quý" v.v... Nguyễn Huy Thiệp trước sau chỉ cười. Tôi nhận ra một nỗi buồn tê tái trong ánh mắt anh khi ấy. Quá bực mình, tôi về nhà ngồi viết vở kịch "Mổ nhà văn", lấy bối cảnh quanh "sự kiện hoa thủy tiên". Tôi biết, Nguyễn Huy Thiệp sẽ trách cứ tôi khi viết vở kịch này nhưng tôi mặc kệ - anh không phải là tôi, tôi không phải là anh. Nguyễn Huy Thiệp bây giờ là một nhà văn danh tiếng, có thể có những điều anh ấy phải giữ gìn, phải bảo trọng. Còn tôi, tôi chỉ là một "fan" của anh, một người bạn, chúng tôi đã có 15 năm gần gũi thân thiết, tôi phải đứng ra bảo vệ anh. Tôi nghĩ bảo vệ anh, cũng là bảo vệ những giá trị văn học chính đáng, bảo vệ sự liêm sỉ của người cầm bút chân thực.

"Hòn bấc ném đi, hòn chì ném lại" cũng là lẽ thường. "Ân oán phân minh" là một thái độ của người quân tử. *"Trường văn trận bút, khắc làm khắc chịu"... đấy cũng là bản lĩnh sống giữa mọi người. Về mặt xã hội, vở kịch của tôi cũng chỉ là một cử chỉ "bất bình" hồn nhiên (giữa đường thấy sự bất bình chẳng tha) nhưng vì gắn với tên tuổi Nguyễn Huy Thiệp, biết đâu người ta*

cũng sẽ chẳng nhắc đến tên tôi sau này trong văn học sử?

Tôi không mong điều ấy nhưng nếu được thế thì đây sẽ là một chuyện "mua vui cũng được một vài trống canh" hi hữu.

Kìa tiếng trống! Kìa tiếng chiêng! Vở kịch đã bắt đầu rồi. Xin mời bạn đọc xem bảng phân vai nhân vật, biết đâu lại chẳng thấy mình trong đó?

Thích Thiện Ngân

MỔ NHÀ VĂN

Nhân vật

1. Nhà văn vô danh: Người ta có thể nhận ra thấp thoáng hình ảnh của vài nhà văn Việt Nam hiện đại. Tác giả vở kịch nghĩ rằng ở ngoài đời nhân vật "nhà văn vô danh" hẳn sẽ sinh động và hóm hỉnh hơn ở trên sân khấu.

2. Giám đốc "Bệnh viện tình thương" một "sếp" khá điển hình trong các tổ chức: nóng nảy, luôn tránh các trách nhiệm, thích các chuyện hiếu hỉ. Không phải là người ham mê văn hóa nói chung, làm điều ác "hồn nhiên" nhưng lại cứ tưởng mình làm việc thiện.

3. "Những ông phu chữ và những bác thợ đấu lực lưỡng": Trong khi thiên tài thường đi hoặc nhảy những bước nhẹ nhàng (hoặc ra vẻ nhẹ nhàng) thì có rất nhiều tác giả văn học lại coi mình là những người lao động hèn hạ của bộ môn nghệ thuật này. Họ gọi nhau là "những ông phu chữ và những bác thợ đấu lực lưỡng". Tôi cũng không muốn gọi họ là những nhà văn nhà thơ. Lúc đầu, tôi định gọi họ là "những người mơ mộng thực tế". Số này khá đông, họ luôn có một "cuộc sống gương mẫu" hoặc luôn có ý thức để có một "cuộc sống gương mẫu" thế nào đấy. Bảng màu trong tính cách của họ khá phức tạp, nhiều khi đểu bại và gian dối nhưng họ lại luôn tỏ ra thực thà tựa như trong tính cách ở họ chỉ có mỗi hai màu chủ đạo đơn giản là đen trắng hoặc xấu tốt mà thôi. Bất chấp mọi thủ đoạn, phương pháp, họ tiến thân kiên trì như những con rắn trườn trên mặt đất. Tôi luôn luôn bị bất ngờ vì họ, hoàn toàn không thể lý giải về những hành động, việc làm của họ. Trong vở kịch này thì Trần Mạnh Khảo nổi bật lên như một ngôi sao bởi sự hung hãn hiếm có. Cùng với ông ta còn có rất đông những người như các vị Nguyễn Hàng Lươn, Lê Văn Ngọng, Võ Khắc Điên v.v... Cũng có thể xếp cả các cụ Hoàng vô danh hoặc hữu danh, thêm cô Hài Nhi, cụ Tú Vũ v.v... ở trong bảng phân loại này. Sở dĩ gọi họ là "những ông phu chữ và những bác thợ đấu lực lưỡng" vì họ luôn luôn làm việc với một tài năng trung bình, tầm tầm rất đáng sợ, họ luôn dọn được ổ cho cuộc sống của mình dù cho cuộc sống ấy có khó khăn thổ tả thế nào đi nữa. Không thể không khâm phục họ về đầu óc thực tế và khá lạnh lùng. Chúng ta luôn phải hoang mang khi đặt vấn đề là họ sống đúng hay chúng ta sống đúng? Sự trung bình trong nghệ thuật đông đúc và

mẫn cán đến mức đôi khi giết chết nghệ thuật.

4. Vương trưởng giả: Nhà nghiên cứu phê bình văn học, một gương mặt đáng kể về sự minh triết vừa phải trong khi công việc của ông ta lại luôn đòi hỏi phải thái quá. Một người tốt vừa phải. Chỉ tiếc với một con người như thế ông ta đáng lẽ phải làm được nhiều việc hơn nữa để có được sự tôn trọng hơn nữa và sống lý thú hơn nữa. Vừa rồi, ông ta đã chọn một diễn đàn không thích hợp và đấy là lý do mà tôi lôi ông ta ra khỏi tổ ấm trưởng giả của mình để lên sân khấu làm hề.

5. K-Oa: Bẩm sinh là một nhà thơ, một người đáng được tôn trọng và yêu mến. Môi trường sống của anh ta không tốt, anh ta đã bị nhiễm bẩn dần dần, từ từ, từng ngày, từng tí một. Một thiên thần cũng có thể bị biến thành một con lợn bẩn thỉu nhưng thực tình, không ai muốn thế. Tôi cũng không muốn thế.

6. Nghé ọ: Nếu gọi anh ta là một kẻ cơ hội thì quá tầm thường với "bản lĩnh" của anh ta. Rõ ràng đây là một nghệ sĩ: anh ấy không yên ổn từ trong nội tâm ra ngoài cuộc sống. Đã từng bị lỡ trớn, bị thất bại, cuộc đời anh ấy không "ngon trớn" và anh ấy căm ghét mọi sự thành công ở người khác. Anh ấy không biết rằng những người thành công cũng đã thất bại nhiều lần, giá của sự thành công thường đắt hơn sự thất bại. Tôi tiếc anh ấy đã không gặp gỡ tôn giáo, vì chỉ tôn giáo mới cứu rỗi anh ấy. Anh ấy không còn nhiều cơ hội cho mình.

7. Những nhân vật khác:

o Trương tuần 1 và trương tuần 2: Họ là những người mẫn cán hoặc "vẫn còn đang mẫn cán".

o Các vũ nữ, vũ công: Họ là những vẻ đẹp của đời sống tự nhiên, họ không thích đọc một số sách báo nào đấy. Từ câu chuyện cuộc đời của họ có thể viết ra những cuốn sách đầy ắp nụ cười và sự thông cảm. Nhiều khi tôi cũng hình dung họ giống như một số tác giả trên mạng Internet, họ tham gia các cuộc tranh luận một cách vui vẻ và không kém phần sâu sắc, hóm hỉnh, kiểu "hôm nay trời mưa lưa thưa, Mèo con đi học chẳng ưa thứ gì...".

o Người đội mũ phớt, đeo kính, mặc áo bành tô: Thực ra tên của ông ta là "Trật tự". Ông ta cần ở mọi sân khấu và ở mọi nơi. Rất đa nghi. Ông ta không phải nhà văn. Ông ta lên sân khấu diễn kịch nhưng cứ như thể một người đang đi làm nhiệm vụ.

Bối cảnh

Bối cảnh ở Việt Nam, những năm chúng ta đang sống.

Cuộc sống là tươi đẹp, dù cho thế nào đi nữa.

Hãy yêu cuộc sống.

Văn học đang tiến về phía trước và nền dân chủ ở Việt Nam cũng đang tiến về phía trước.

Hồi thứ nhất

"Bệnh viện tình thương" là biển hiệu treo giữa một ngôi nhà trắng sạch sẽ, khang trang. Giám đốc bệnh viện là một nhà thơ, vì vậy (theo kinh nghiệm của tôi) ông ta hẳn là một tay oái oăm, tính nết thất thường. Những người dưới quyền giám đốc không ai hơn được ông ta, bởi thế trật tự thiết lập ở sân khấu này kiểu gì thì kiểu, hiển nhiên là một trật tự chỉ định.

Giám đốc (mặc áo blu đi ra, vẻ bứt rứt, khó chịu): Cần phải mổ! Cần phải mổ một người nào đấy! Khổ lắm! Bệnh viện sinh ra là để mổ người. Giáo sư để làm gì? Tiến sĩ để làm gì? Cần phải mổ! Người chết cũng được, người sống cũng được! Cần phải mổ! Cần phải mổ một ai đấy. Bác sĩ Nghé ọ! Gọi cho tôi bác sĩ Nghé ọ vào đây.

Nghé ọ vào.

Đầu hói, gày gò, quyết liệt và đắc thắng.

Nghé ọ: Dạ thưa sếp!

Nghé ọ đây! Nghé ọ đây!

Giám đốc: Cần phải mổ!

Chú hiểu chưa? Cần phải mổ!

Nghé ọ: Vâng! Cần phải mổ. Em biết thừa! Em đã sắm bộ dao mổ ở Đức. Sáng loáng! Cứ gọi là sáng loáng! Cứ gọi là chết tươi!

Giám đốc: Cần phải mổ, chú ạ! Không mổ tôi ức lắm! Dao gì cũng được, chẳng cứ dao Đức. Bác sĩ K-Oa, chú có biết bác sĩ K-Oa không? Thần đồng đấy! Ông ấy có thể mổ người bằng dao mổ lợn thông thường, thậm chí bằng dao thái khoai cho lợn. Để chú với ông K-Oa làm thành một cặp, một ê-kíp. Cứ thế mà mổ! Cứ mổ bừa đi!

Nghé ọ: Nhưng mổ ai?

Ai cho mổ?

Giám đốc: Còn mổ ai nữa? Tốt nhất là mổ nhà văn! Tư tưởng! Chú hiểu chưa! Mổ đầu nó ra! Giống như Hoa Đà mổ đầu Tào Tháo.

Nghé ọ: Hoa Đà mới định mổ đầu Tào Tháo chứ chưa kịp mổ...

Giám đốc: Mặc kệ họ! Mặc kệ lịch sử! Vấn đề bây giờ là tôi muốn mổ một ca! Hoặc là sống hoặc là chết! Tùy các chú! Tôi muốn xem các chú mổ xẻ thế nào. Ai cũng được! Nhưng thích nhất là mổ nhà văn. Chú hiểu không? Phải mổ một tay nhà văn cỡ bự. Ở đấy sẽ có bao nhiêu vấn đề... Và phải có máu. Tất nhiên rồi! Sẽ phải có máu!

K-Oa ra.

Chỉnh tề và lo lắng, bởi vậy chậm chạp.

K-Oa: Máu! Sếp ơi! Thế là sếp lạc hậu mất rồi. Thời nay khác rồi! Thời đại @. Mổ thì cứ mổ nhưng không có máu. Không có máu me gì hết! Tất cả hiện hữu là một ca mổ văn minh. Công khai! Dân chủ! Cho cả bàn dân thiên

hạ tỏ tường.

Nghé ọ: Đúng rồi! Hay quá! Có lẽ cũng cần phải văn minh thật. Chúng ta sẽ mổ một tay nhà văn cơ mà.

K-Oa: Về phương pháp, thực sự cũng chỉ là cổ điển mà thôi, nghĩa là chọc, xiên, đâm, chặt, phanh thây...

Mổ xẻ cơ mà! Có thể phải dùng cả búa...

Nghé ọ: Đúng rồi!

Búa tạ!

K-Oa: Búa gì thì búa...

Nhưng không đổ máu. Đổ máu thì còn ra thể thống gì...

Nghé ọ: Chết là cái chắc! Chết đến ba lần... A ha! Khoái tỉ quá! Chết đến ba lần!

Giám đốc: Ba lần thì nói làm gì! Chết trăm lần! Chết bất đắc kỳ tử! Chết mà không nói năng được gì... Mổ xẻ phải ra mổ xẻ: đầu ra đầu, nội hàm ra nội hàm, ngoại diên ra ngoại diên... Mang ra ngoài chợ cho bể hội đồng. Quạ bay hàng đàn... rợp trời.

K-Oa: Được rồi! Sếp chẳng phải lo. Nếu tôi với Nghé ọ một kíp thì không phải lo ngại gì... Tôi đã mổ xẻ vài lần. Tất tật... Nhà gì tôi cũng mổ được. Tôi đã thử rồi...

Giám đốc: Thôi thế nhé! Tôi tin các chú. Tôi đi đây! Tôi giao công việc cho hai chú đấy... Giao cho các chú là tôi yên tâm...

Nghé ọ: Chẳng giao thì chúng tôi cũng cứ làm! Thật sự là thế! Đấy là do nhu cầu nội tâm của chúng tôi. Dao kéo để làm gì? Tất cả là vì tình yêu đối với văn học, có phải không ông bạn K-Oa?

K-Oa: Đúng rồi!

Tất cả là vì tình yêu đối với văn học.

Cả ba đi vào.

Giám đốc đi trước. K-Oa và Nghé ọ đi sau, vừa đi vừa gật gù.

Một vài cô gái mặc áo tắm hai mảnh đi qua sân khấu như vô tình.

Màn hạ.

Hồi thứ hai

Vẫn là "Bệnh viện tình thương" ở giữa có kê bàn mổ. Các dụng cụ mổ bày la liệt, có vẻ hơi giống dụng cụ tra tấn. K-Oa và Nghé ọ mặc áo blu đang ngồi chờ bệnh nhân. Trong khi chờ đợi, họ nói chuyện văn. Nghé ọ thỉnh thoảng đứng lên đi đi lại lại.

Nghé ọ: Tại sao lại lâu thế nhỉ? Chẳng lẽ bọn trương tuần không bắt được một tay nhà văn sống nào à?

K-Oa: Bọn nhà văn sống là rất khó bắt. Nói thật với ông nhé! Ở bệnh

viện này các bác sĩ từ xưa đến nay chỉ toàn mổ bọn nhà văn chết... Có nhiều tay chết đến mấy chục năm vẫn bị đào xác lên mổ... Xác chết thì chẳng thể phân biệt được, chẳng ai biết đâu mà lần, chẳng ai biết đâu là xương, đâu là da... bởi vậy khi mổ xác chết, rất khó mà định ra được tay nghề, trình độ của các bác sĩ. Đánh bùn sang ao, như nhau hết. Ông bảo, hai chữ "song viết" với "song kiết" thì nói là xương đùi cũng được, xương sườn cũng được, có đúng không nào[1]?

Nghé ọ: Đúng rồi!

Chỉ thấy nó đen đen, thui thui...

K-Oa: Trong bệnh viện này, không thể nào phân biệt được trình độ chuyên môn... Ai cũng là bác sĩ ráo, từ thằng đánh giày, thằng lính kèn cầu bơ cầu bất đến ông học giả đạo mạo. Tuốt tuồn tuột!

Nghé ọ: Thế mới gọi là dân chủ chứ...

Ha ha, thế mới gọi là dân chủ thái bình.

K-Oa: Chỉ có các bậc bô lão họp lại thành một hội đồng, gọi là hội đồng tiên chỉ mang tính chất giới luật hương ước mà thôi!

Nghé ọ: Tiên chỉ... hay là chi tiền? Hôm nọ có một ông Mai tiên sinh nào đấy mặc cả: "Không có tiền là không có mổ xẻ gì đâu. Không có ngon trớn". Tất cả là vì nhân danh tình yêu đối với văn học! Nếu tôi không yêu văn học thì tôi sẽ chẳng vào đây làm gì, tôi đi buôn muối, tôi sướng chán!

K-Oa: Thì tôi cũng thế... Nếu không vì tình yêu đối với văn học thì tôi đã đi bắt cua.

Nghé ọ: Thế mới biết văn học là thứ ghê thật. Theo ông nó là cái gì? Nó là cái gì mà khiến cho cả tôi và ông đều vất vả, đều đầu tắt mặt tối, đều điên lên vì nó?

K-Oa: Câu hỏi ấy sao ông lại đi hỏi tôi? Câu hỏi ấy để tí nữa ta hỏi thằng nhà văn, cái thằng mà ta sẽ mổ xẻ nó ấy. Khi ta mổ nó thì ta sẽ hỏi. Tôi với ông bây giờ là bác sĩ mổ xẻ, chúng ta đứng cao hơn con bệnh của mình. Tôi là người trọng thực tiễn, ông ạ. Tôi không phù phiếm, nhất là về tư tưởng. Chúng ta là những người lính, chúng ta đang làm nhiệm vụ của mình. Đấy là tôi nhắc ông thế.

Nghé ọ: Ông không nhắc thì tôi cũng quên béng mất nguồn gốc nguyên thủy của mình. Tôi cũng là một tên lính cựu. Có điều, tôi không phải là lính chuyên nghiệp như ông. Tôi tuột xích, không biết đấy là một sai lầm hay một cơ may cho số phận tôi... Tôi rất tự hào với lon trung úy. Hay thật, cả hai chúng ta đều có chung nguồn gốc nguyên thủy. Chúng ta đều là lính, tức là những người rất quyết đoán, rất nóng.

K-Oa: Cũng chẳng phải vinh dự gì. Chuyên môn của chúng ta nói trắng phớ ra là giết người, tức là đồ tể, đao phủ. Chúng ta sinh ra và sống trong một

không khí sát nhân. Nhân tiện tôi cũng muốn nhắc ông rằng trong quân đội từ đại úy trở xuống thì chỉ biết gật chứ không biết lắc và như thế là ông tự hào nhầm về cái lon trung úy của mình. Nhưng thôi! Chuyển đề tài đi. Tôi muốn nói một cái gì đấy thuộc về văn học cho nó nhẹ nhàng, đại để như: *"Những gì đã cháy thì thành tro rồi. Những gì còn lại thì thành thép tôi!"*(2).

Nghé ọ *(mơ mộng)*: Ừ, văn học... "Những cái lá rớt xuống, cong lên, như có biết bao con thuyền nhỏ bồng bềnh trôi theo dòng nước mưa mùa hạ. *Ta bỗng trong xanh như thời thơ ấu..."*(3) . (Trở lại thực tiễn). Thôi! Tôi đi chuẩn bị dao mổ đây... Hão huyền quá! Chúng ta phải làm việc, ông K-Oa ạ, những công việc có ý nghĩa thực sự cho cuộc đời chúng ta...

K-Oa: Cuộc đời gì? Cuộc đời là cái gì? (bỗng như sực tỉnh)... Ông vừa nói đến cái cuộc đời quái quỷ nào thế?

Nghé ọ *(láu lỉnh, bí hiểm)*: Ngồi xuống đi! Ông bạn vàng! Đừng giật mình! Chỉ là một chút muối thôi cho mặn cái cuộc đời vô thường nhạt nhẽo ấy mà.

Lại vẫn mấy cô gái mặc áo tắm hai mảnh đi qua sân khấu như vô tình.

Màn hạ.

Hồi thứ ba

Cảnh trí vẫn giống như hồi thứ hai. Nghé ọ đã đi chuẩn bị dụng cụ cho ca mổ. Chỉ còn K-Oa ngồi lại.

K-Oa *(xem đồng hồ)*: Sốt ruột quá! Thời gian trôi đi đáng sợ thật. Cái tay Nghé ọ này, lúc nãy hắn nói quái gì về cuộc đời vô thường nhỉ? Sao lại có muối với sự nhạt nhẽo ở đây? Hay là bởi trước kia hắn đi buôn muối? Muối ngấm vào hắn, chỗ nào cũng mặn *(đứng dậy đi đi lại lại)*. Cuộc đời... "Những gì đã có thì đều ngu rồi. *Những gì sẽ có cũng là ngu thôi"*. Mình còn phản tỉnh, chứ cái tay Nghé ọ ấy, chẳng hề thấy hắn phản tỉnh cái gì...

Tiếng của Nghé ọ (từ trong vọng ra): Thế thì ông nhầm! Phản tỉnh là đặc tính thứ nhất của lương tâm đấy, ông trẻ ạ. Thế ông định bảo tôi không có lương tâm hay sao?

K-Oa *(giật mình)*: Quái! Hắn ở đâu mà nghe thấy tiếng mình? *(trở lại bình thường)*. Ồ, cái ấy thì còn phải đợi sau ca mổ tay nhà văn mới biết chắc được. Tôi chỉ muốn nói đến sự phản tỉnh như một yếu tố điểm đạm của tính cách mà thôi. Lạy giời! Ông cũng không phải là người điềm đạm cho lắm!

Tiếng của Nghé ọ: Ông K-Oa ạ, chúng ta đều là bác sĩ, lại là văn nhân... "Văn nhân tương khinh", trọng là trọng, khinh là khinh... Đừng có coi thường tay lính cựu này. Cùng kíp với nhau, cái gì cũng phải ngang bằng sổ thẳng.

K-Oa: Không... Không! Không ai dám coi thường ông. Tôi với ông ở xa nhau. Ông ở đẩu ở đâu mà vẫn nghe thấy tiếng tôi nói... Ông cũng là một con

ma xó chứ còn gì nữa. Chơi với ma, hỡi ơi, dại rồi còn biết khôn làm sao đây. Thực ra, chính mình cũng là một người có thiên bẩm, là một người có thiên nhãn nhưng không hiểu tại sao lại đến cơ sự nông nỗi này? Hay là vì miếng cơm manh áo?

Một người đàn ông đi vào, để ria mép, tay bưng một chậu hoa nhỏ, vừa đi vừa thổi phù phù. Đấy là ông Trần Mạnh Khảo. Đi cùng ông Trần là Nguyễn Hàng Lươn, cũng để ria mép. Hai ông này đều có nét hao hao giống nhau, hệt như hai thám tử trong phim hoạt hình "Tin tin". Ông Nguyễn Hàng Lươn đẩy một xe cút kít rơm. Cả hai ăn mặc như những thanh niên tình nguyện.

Trần Mạnh Khảo: Nở đi! Nở đi! Hoa vừa đi vừa nở... Cứ thế mà khoe sắc khoe màu. Chèng đéc ơi! Nở đi! Chúa ơi! Nở đi! Lương tâm ơi!

Nguyễn Hàng Lươn: Chở rơm vào thành phố! Cứ thế mà đốt cho khói um lên... Ngọc Hoàng mới hỏi: thằng nào đốt rơm? Thưa rằng giá áo túi cơm. Ví dầu thơm thối, thối thơm có thừa... có thừa hay là cũng đành... chữ nào nên thơ hơn nhỉ? Nên thôi hay nên xao đây[4]?

K-Oa: Nào nào... Hai ông A la hán. Đi đâu thế này? Đây là Bệnh viện tình thương cơ mà?

Trần Mạnh Khảo: Còn đi đâu nữa? Đi mổ! Tôi được đặt hàng hẳn hoi. Mổ xẻ. Tan xác! Vừa đi vừa nở. Chúa ơi! Vừa đi vừa mổ. Chèng đéc ơi!

Nguyễn Hàng Lươn: Còn tôi, tôi đi phụ mổ cho ông Trần đây... Bọn trẻ nghe tôi. Cứ rơm mà đốt... Khói um lên... Như thui chó!

K-Oa: Thế hai ông cũng là bác sĩ, là người đi mổ xẻ à?

Trần Mạnh Khảo: Chưa hẳn đã là bác sĩ... Nhì nhằng... Nghiệp dư thôi. Nhưng lòng ham hố thì tôi có thừa... Tôi có nhiệt tình. Tôi yêu nước... Có người bảo tôi thực sự vô học. Đúng là tôi thực sự vô học. Tôi là người bẩm sinh phản trắc. Nhưng, tôi yêu nước, yêu Tổ quốc thì cần quái gì có học. Tôi yêu văn học! Chúa ơi! Vừa đi vừa nở... Vừa đi vừa học vậy... Chèng đéc ơi!

Lại thêm mấy người lố nhố khác kéo ra: một cô gái (như thể phóng viên báo) dìu một ông lão già yếu vào.

Có vài người nữa, ai cũng vận "com-lê" nghiêm chỉnh. Đám đông hơi lộn xộn.

Một ông: Nào!

Nào! Xê ra cho tôi đi.

K-Oa: Ông là ai?

Ông kia: Còn là ai nữa. Tôi là Lê Văn Ngọng. Tôi đi phụ mổ, giống như trong dàn đồng ca.

Một ông khác: Còn tôi, tôi là Võ Khắc Điên, tôi cũng phụ mổ!

K-Oa *(hỏi cô phóng viên)*: Thế còn cô?

Phóng viên: Em là Hài Nhi, em đi theo cụ Hoàng Hữu Danh, giống như

diễn viên tung hứng... Em đi theo cả cụ Chu đặc công, cụ Vương trưởng giả nữa. Đâu có tiền là em cứ đi...

K-Oa: Phiền quá! *(với cụ Hoàng)* Này cụ, già cả đau yếu thế này sao không biết nằm khoèo, không biết tránh mặt, không biết trốn đi, ra đây làm gì?

Cụ Hoàng *(cười)*: Ham vui! Có biết gì đâu... Cứ ham đánh nhau từ bé. Ở đâu hễ có đánh nhau là đến. Ham vui! Biết rồi! Khổ lắm! Nói mãi. *(Lại cười như cụ cố Hồng trong truyện của Vũ Trọng Phụng)*. Ham vui cho đến hết đời... Hồn nhiên. Giống ông Tú Vũ... Biết rồi! Khổ lắm! Nói mãi!

K-Oa: Tô Vũ chăn dê à?

Cụ Hoàng: Không...

Tú Vũ... Đại để như thế!

K-Oa *(thở dài)*: Chết thật!

Ô hợp quá... Quân hồi vô phèng...

Trần Mạnh Khảo: Phèng phèng cái gì?

Cứ là tự sát! Cứ là chết tươi!

Lê Văn Ngọng: Ô hợp cái gì?

Cứ là thục mạng... Cứ là cơm toi!

Nghé ọ ra, ngạc nhiên vì đám đông nhưng vốn lịch sự, một phần vì trải đời, một phần vì bản tính cũng phần nào lương thiện nên Nghé ọ không tỏ ra khó chịu, thậm chí còn tỏ ra vui vẻ nữa.

Nghé ọ: Sao lại đông vui thế này? Chào các cụ, chào các chiến... hữu, giai nhân, tài tử... Chào cả cộng đồng... Tất cả đều đến xem mổ đấy à?

Trần Mạnh Khảo: Không phải xem, mà đích thân chúng tôi sẽ mổ...

Nghé ọ *(ngạc nhiên nói với K-Oa)*: Tưởng chỉ có tôi với ông mới biết mổ mà thôi. Họ đều biết mổ cả à?

K-Oa: Nghiệp dư! Thế mới chết! Mổ nhà văn đâu phải dễ dàng, có phải là ai cũng mổ được đâu!

Trần Mạnh Khảo: Có gì mà khó? Vừa đi vừa mổ... Có gì mà không mổ được... Tôi đã được đặt hàng hẳn hoi. Chính tôi sẽ mổ đầu tiên ca này.

Cụ Hoàng *(vỗ tay)*: Sân chơi là của chung! Văn hóa quần chúng! Văn học quần chúng! Cứ mổ đi! Vui lắm!

Mọi người vỗ tay ồn ào.

K-Oa *(lắc đầu nói với Nghé ọ)*: Chịu! Thế này thì khó mà mổ cho nó ra trò. Đừng có tưởng dễ. Tôi thấy đâm ra khó xử...

Nghé ọ: Thôi! Tôi với ông sẽ mổ riêng ra, ta sẽ mổ sau... Ta nhường sân chơi cho họ... Chính tôi, tôi cũng thấy gờn gợn khó chịu khi hai chúng ta phải ngồi cùng chiếu với những phường hoặc những ổ nhóm này...

K-Oa: Victor Hugo nói rồi: "Cùng lý tưởng nhưng khác hạng!". Giời ạ,

chúng ta đi đi, ta nhường sân chơi cho họ... Đời còn dài. "Những gì đã thối thì thành phân rồi. Những gì sắp thối cũng thành phân thôi...". Ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau... Mà đây đâu phải là đi ăn cỗ...

Lê Văn Ngọng: Ăn gì?

Ăn gì? Cho tôi ăn với!

K-Oa: Không có gì đâu, ông anh ạ! Chỉ có không khí mà thôi! Hão cả! Đừng có vội vàng.

K-Oa đi vào. Nghé ọ đi theo. Trong đám người lổn nhổn đứng trên sân khấu, người ta thấy rõ chỉ có K-Oa là người nổi bật, có cá tính nhất, thực sự là người khác thường. Chính tôi *(tác giả của vở kịch này)* cũng không hiểu tại sao K-Oa lại có mặt ở trên sân khấu như vậy. Có thể, đây chính là nghiệp chướng của số phận anh ta. Cả ông Vương trưởng giả nữa, ông ta ở đây làm gì?

Vẫn mấy cô gái mặc áo tắm hai mảnh đi tạt ngang qua như vô tình.

Màn hạ.

Hồi thứ tư

Vẫn như cảnh cũ. Đám đông chắc đã mỗi người một nơi. Vẫn là "Bệnh viện tình thương". Hai trương tuần đội nón dấu, mặc áo nẹp dẫn một người bị trói và bị trùm bao tải vào.

Trương tuần 1: Nào, ngồi xuống đây, thằng điên này!

Người kia: Thưa các ông, tôi bị oan!

Trương tuần 2 *(cởi trói, cởi bao tải)*: Oan ức cái gì? Thế bọn chúng ta mù à? Liệu lời mà nói. Hiểu chưa?

Người kia: Vâng!

Vâng!

Trương tuần 1 *(ngồi vào bàn, lấy giấy bút)*: Thôi! Oan ức tính sau! Nào! Bây giờ khai báo để làm thủ tục nhập vào bệnh viện.

Người kia: Vâng!

Vâng! Thôi đành vậy.

Trương tuần 1: Tốt!

Thế tên là gì?

Người kia: Thưa, tôi vô danh.

Trương tuần 2: Đừng đùa, 15 năm nay ngang dọc ở trên văn đàn mà vô danh à?

Người kia: Quả thực vô danh.

Trương tuần 1: Về lý thì đúng tay này vô danh... Thế mới khó. Chẳng được giải thưởng gì cả!

Trương tuần 2: Thôi thì cứ ghi vô danh. Gọi là vô danh, như thế sau này

có xóa tên hẳn ở trong văn học sử thì cũng dễ dàng.

Trương tuấn 1 *(ghi chép, hỏi tiếp)*: Thế nghề nghiệp?

Vô danh: Dạ vô nghề nghiệp.

Trương tuấn 1: Này đừng đùa dai. Thế có suy nghĩ gì không? Có trăn trở? Có thao thức không?

Vô danh: Dạ có!

Thỉnh thoảng cũng có nghĩ ngợi lung tung.

Trương tuấn 2: Thế là "trí thức" chứ còn gì nữa. Mọi người đều ngủ, mình lại thao thức, chong mắt ra nhìn. Có điên không đấy?

Vô danh: Dạ, lắm lúc cũng thấy điên điên.

Đã đọc "Nhật ký người điên".

Trương tuấn 1: Lỗ Tấn chứ gì?

Có phải của Lỗ Tấn không?

Vô danh: Vâng.

Rất sợ những ánh mắt chó nó lườm mình.

Trương tuấn 2: Thôi được rồi. Ca này rất đặc biệt. Phải mổ thôi! Phải mổ là cái chắc.

Vô danh: Thưa, nào tôi có bệnh tật, tội tình gì đâu mà mổ?

Trương tuấn 1: Không mổ thì biết đâu được bệnh tật. Các cụ đều bảo chú mày đánh mất mình, đấy là tội to chứ còn gì nữa. Cụ Tú Vũ nói thế...

Trương tuấn 2: Chính tai tôi nghe thấy các cụ bảo tay này không lành mạnh. Hắn đưa cứt tươi vào trong văn học, lại còn hạ bệ thần tượng.

Vô danh: Oan tôi quá!

Trương tuấn 1: Oan cái gì...

15 năm rồi chứ có ít đâu.

Vô danh: Đánh mất mình. Dạ thưa, thế nào là đánh mất mình? Tôi vẫn đủ cả chân tay, lục phủ ngũ tạng cơ mà?

Trương tuấn 2: Cái ấy thì đi mà hỏi bác sĩ. Phải hỏi chuyên gia thì mới biết được.

Trương tuấn 1: Đánh mất mình là không được viết những gì kém hơn những cái kém mà mình từng đã viết ra. Tức là xưa nay viết toàn thứ kém. Hôm nọ tôi đọc báo thấy có một ông nói như thế. Hình như đấy là ông Vương trưởng giả, một người có học, đứng đắn hẳn hoi cơ đấy.

Trương tuấn 2: Thế đã hiểu chưa?

Vô danh: Cái này thì có vẻ hơi hàm hồ, dù có là ông Vương trưởng giả nói đi nữa. Nhưng không sao, nghề văn chương... với cả chính trị, với cả tôn giáo - bản chất đích thực của nó là hàm hồ. Lời lẽ hàm hồ. Nghệ thuật ở chỗ làm sao buộc cho đám đông thừa nhận sự hàm hồ. Người nào làm được thế là người ấy thắng.

Trương tuấn 1: Này!

Nói năng linh tinh bừa bãi gì thế?

Trương tuấn 2: Thôi nhé! Ghi số nhé. Đánh số từ 1 đến 798. Tôi ghi đây này: số 277, hạng mục: nhà văn hiện đại. Bị bắt vào mổ trong lúc đi lang thang mua hoa thủy tiên ngoài chợ. Chuyển vào phòng gây mê cho bác sĩ mổ...

Trương tuấn 1: Ghi cho rõ ràng vào: khi nào hết mê thì mổ.

Trương tuấn 2: Được rồi...

Khi nào hết mê thì mổ...

Có một vài đôi thanh niên nam nữ ôm nhau nhảy lướt qua sân khấu như vô tình.

Màn hạ.

Hồi thứ năm

Vẫn bối cảnh cũ. Không khí có vẻ bất thường. Sân khấu trống. Giám đốc bệnh viện đi ra, vẻ bực tức. Có vài người đi theo: ông Trần Mạnh Khảo, Lê Văn Ngọng... Lại còn cả ông Vương trưởng giả nữa.

Giám đốc: Trình độ kém quá! Mổ xẻ bậy quá... Tất cả những người theo dõi ca mổ đều bảo chúng ta tiểu khí, tháu cáy, vu khống, thậm chí còn phản dân chủ, vô học. Ông Trần lại còn đi mổ cả vào chân tay mình. Thật là nhục. Không ra cái thể thống gì.

Lê Văn Ngọng: Chúng tôi đã cố hết sức.

Mệt đứt hơi!

Giám đốc: Thôi ông im đi! Đã ngọng lại còn hay nói. Ông Trần Mạnh Khảo làm gì thì ông làm thế, ông chỉ là một bản photocopy...

Trần Mạnh Khảo: Chúng tôi cũng không ngờ tay nhà văn này mình đồng da sắt. Khi tôi mổ hắn lại cười sằng sặc...

Vương trưởng giả: Vì ông đã mổ không trúng. Ông gãi ghẻ, ông lại bảo người ta gãi ghẻ. Ông lại mang chuyện chửi bới ra, ông nửa kín nửa hở làm ra vẻ như một mật vụ, một thằng chỉ điểm, thế là ông đê tiện. Ông tháu cáy, ông vu khống. Có tay Nguyễn Hoàng tiên sinh gì đó bình luận về ông là xác đáng đấy: đúng ra, ông không có tư cách để cầm dao mổ.

Trần Mạnh Khảo: Nhưng chúng tôi yêu nước, yêu văn học. Làm gì chúng tôi cũng tra từ điển.

Vương trưởng giả: Nhưng không thể nhân danh yêu nước, yêu văn học mà lưu manh với vô học được, ông giời con ạ! Dù cho ông liên tục tra từ điển đi nữa.

Giám đốc: Ông Vương, thế ông có mổ ca này được không?

Vương trưởng giả: Chịu, ca này thì tôi xin chịu. Tay nhà văn này hơi khác

thường. Tôi với ông Lại tiên sinh cùng ê-kíp với tôi, chúng tôi chỉ quen mổ xác chết. Hơn nữa, chúng tôi phải xác định tiêu chí khi mổ xẻ: mổ để làm gì, nó có ích gì cho văn học không, cho không khí và môi trường văn học không? Nếu như mổ xẻ nghĩa là để "thịt" một tác giả, một nhà văn thì thật ra chúng ta chỉ cần mời một chú binh nhì trong đội thi hành án với giá 50 đô-la với một suất bánh mỳ kẹp thịt là xong, một tay bắn tỉa...

Trần Mạnh Khảo: Thì mổ là "thịt" chứ còn gì nữa!

Xưa nay vẫn thế.

Lê Văn Ngọng: Bùm! Ông Võ Khắc Điên bảo là dìm chết. Có tay nhà thơ ở Hải Phòng khuyên nên đốt nhà... Tay nhà thơ này nói là bạn tri kỷ với nhà văn.

Vương trưởng giả: Kể ra đời cũng đểu thật. Chính tôi cũng bị bất ngờ. Lòng người phản phúc, chuyện ấy vẫn thường. Nhưng ở trường hợp tay nhà thơ ở Hải Phòng này thì tệ quá, "tri kỷ, tri bỉ". Tôi không làm sao hiểu nổi, họ vẫn thơ phú thù tạc với nhau cơ mà?

Giám đốc: Ông Vương trưởng giả, ông cất cái cao đạo của ông đi, ông đã vào "trường văn trận bút", ông phải chịu trận. "Thà mình phụ người chứ không để cho người phụ mình". Hãy cất cái thói khiêm tốn vờ vịt của ông đi. Tay nhà thơ ở Hải Phòng cư xử theo đúng với bản chất chỉ quen phụ người của hắn từ xưa tới nay. Nếu ông cao đạo thì xin mời ông đi lên núi ở ẩn. Ông ở Thủ đô này theo đòi công danh làm gì. Đấy là tôi nói toạc móng heo ra thế để cho ông hiểu. Còn đối với tay nhà văn, tôi sẽ cho mổ lại. Nếu cần thì cho nó chết trong đám loạn quân.

Trần Mạnh Khảo: Hay lắm! Chết trong đám loạn quân. Tôi cũng đã mổ với tinh thần như thế, tức là với tinh thần sát nhân. Tôi đã nói rằng tay nhà văn này không ra gì, nó chỉ là một vết lở loét của thời hậu chiến, gãi ngứa. Nó không có tư tưởng, khoái nhất là nó không có tư tưởng.

Vương trưởng giả: Cái này thì tôi sợ ông nhầm. Hắn có một cái gì đấy như sự siêu việt.

Lê Văn Ngọng: Không có tư tưởng, không có đầu gì hết.

Giám đốc: Bệnh không có đầu là bệnh chung. Thực ra, không có đầu không phải là bệnh. Các ông có thấy tôi có đầu đâu nào? Đúng không? Ấy thế mà tôi vẫn là sếp của các ông.

Lê Văn Ngọng: Tất cả chúng ta đều không có đầu. Cần quái gì có đầu, chỉ cần có mồm... vì phải có mồm để ăn...

Trần Mạnh Khảo: Nhưng hình như tay nhà văn ấy có đầu... Nó khác với chúng tôi.

Vương trưởng giả: Ông nói ai là "chúng tôi"? Tôi rất khó chịu nếu ông coi tôi cũng là "chúng tôi" với ông. Ông không có "bản ngã" gì mà lúc nào

cũng xưng "chúng tôi"?

Trần Mạnh Khảo: Tôi vẫn hình dung "chúng tôi" là một cái làng, ông ạ! Ở đấy có những ông tiên chỉ, ông chánh tổng, ông lý trưởng, đám trương tuần, thằng mõ, mẹ Đốp, thằng phải gió...

Vương trưởng giả: Như thế tức là một xã hội thu nhỏ mất rồi còn gì.

Giám đốc: Tôi không thích lối ví von như thế, dù thực sự tôi chỉ là một thằng lý trưởng mà thôi. Lối ví von ấy kéo lùi chúng ta về những năm đầu thế kỷ XX, thậm chí còn lùi xa hơn nữa. Chúng ta hãy trở về với thực tế, trở về với chủ nghĩa hiện thực. Như thế tức là các ông Trần Mạnh Khảo, ông Lê Văn Ngọng... đã thực hiện một ca mổ nhìn chung là chẳng ra gì, tay nhà văn vẫn sống nhăn răng, chúng ta còn bị dư luận bôi bác.

Nguyễn Hàng Lươn ra, vẫn đẩy xe cút kít rơm.

Nguyễn Hàng Lươn: Sống là thế nào... Dở sống dở chết. Ca mổ, theo tôi vẫn là thành công.

Trần Mạnh Khảo bắt tay Nguyễn Hàng Lươn.

Trần Mạnh Khảo: Cám ơn ông... Ông gần như là người duy nhất khen ngợi tôi. Trí tuệ của chúng ta đều rất đáng nể...

Vương trưởng giả *(giễu cợt)*: Theo tôi, các ông nên thay chữ trí tuệ bằng chữ nhân cách nhưng mà hình như cả hai ông đều không có những thứ ấy.

Trần Mạnh Khảo: Thì cả trí tuệ, nhân cách cũng được chứ gì. Chúng tôi có tất cả mọi phẩm chất.

Nguyễn Hàng Lươn: Mổ được như ông Trần cũng đã là giỏi. Không có văn học nghệ thuật gì ráo trọi, cứ chụp cho vài cái mũ phản động với không lành mạnh là xong, chuyển nó sang hình sự, chính trị, rồi khủng bố... thế là một ca mổ đẹp.

Lê Văn Ngọng: Đúng thế!

Bây giờ nó đang ngắc ngoải.

Nguyễn Hàng Lươn: Để tôi sẽ đốt thêm vài đống rơm. Ta sẽ mổ vài nhát vào tác phẩm nó, bảo là nó sùng ngoại với bắt chước bên ngoài. Ta mổ vào gia đình nó, vào vợ con, vào Ôsin nhà nó, biến gia đình nó thành một địa ngục. Aha! Như thế gọi là thui chó.

Vương trưởng giả: Có vẻ như là một trò ám sát tổng lực.

Nguyễn Hàng Lươn: Sao lại trò ám sát? Đây là một trận đánh, ông bạn ạ, một trận đánh văn học nghệ thuật. Thực sự, cũng chỉ vì do tôi yêu văn học mà thôi nên tôi mới có ý kiến như thế chứ thực tình tôi là người chất phác, cao thượng và tốt bụng.

Giám đốc: Công việc của chúng ta là một công việc bẩn thỉu nhưng cao thượng.

Trần Mạnh Khảo: Hay quá! Tuyên ngôn hay quá! Đúng là một công

việc bẩn thỉu và cao thượng.

Vương trưởng giả: Tôi đã bắt đầu thấy sợ nếu tính chất công việc của chúng ta đúng là như thế.

Giám đốc: Nếu ông sợ thì mời ông lui ra. Tôi sẽ bảo hai ông K-Oa với ông Nghé ọ vào mổ tiếp. Về đẳng cấp họ có vẻ hơn hẳn ông Trần...

Trần Mạnh Khảo: Hơn thế nào được tôi? Tôi là một cái gì đấy? Các ông hiểu chưa? Tôi là một giá trị thế nào đấy.

Vương trưởng giả: Theo ông, ông là cái gì và giá trị của ông là gì? Chẳng lẽ ông là thằng phải gió thật chăng? Ông điên hay là ông tỉnh?

Lại mấy cô gái mặc áo tắm hai mảnh đi qua sân khấu.

Màn hạ.

Hồi thứ sáu

Vẫn cảnh bệnh viện.

Nghé ọ và K-Oa đi ra, cả hai đều có vẻ phấn chấn.

Nghé ọ: Thực sự, ca mổ của hai ông Trần Mạnh Khảo và Lê Văn Ngọng với sự phụ hoạ của bọn Nguyễn Hàng Lươn và dăm tờ báo lá cải chỉ là món khai vị. Tôi với ông mới là những người mổ chính, phải không nào? Ngay từ đầu, tôi đã biết chắc thế mà.

K-Oa: "Những gì đã thối thì thành phân rồi". Thôi được! Trước khi mổ, tôi với ông có lẽ cũng phải thống nhất một số đường dao, nhát kéo thế nào đấy cho nhịp nhàng.

Nghé ọ: Thứ nhất, tay nhà văn này phùng thời. Vì sao nó phùng thời? Thứ hai, tay nhà văn này có phải là một tác giả văn học, thậm chí ta có thể gọi là tác giả số 1 trong văn giới bây giờ được không? Vân vân...

K-Oa: Ông trọng lý lẽ quá và như thế nghĩa là ông vẫn còn có sự tử tế thế nào đấy. Chúng ta xác định phải đóng ván thiên cho sự nghiệp của tay nhà văn này. Như vậy, sẽ không có lý lẽ gì hết. Nó đồng nghĩa với việc không còn sự tử tế nào nữa. Ông đặt vấn đề phùng thời thật là vớ vẩn, thiên hạ sẽ cười vào mũi ông: tất cả những tài năng, tất cả những thành công trên đời này tất yếu sẽ phải phùng thời. Ông không phùng thời nghĩa là ông đã kém tài năng - đơn giản chỉ là như thế mà thôi. Lý lẽ không ổn. Thứ hai, để xóa tên tay nhà văn này trong văn học sử thì không thể gọi nó là tác giả văn học được, ta chỉ nên gọi nó cùng lắm là "nhân vật văn học" mà thôi. Ta sẽ chứng minh là tay này không biết tả cảnh, chẳng biết tả người, truyện không có nhân vật, không có cốt truyện, không có tư tưởng, đọc xong cả truyện mà chẳng hiểu gì. Tất cả những thứ mà hắn viết ra đều là ma viết. Nó là thứ ma trơi trên đồng, đêm đến - nó lẻn vào thành phố và chạy vun vút trên các nóc nhà, vừa chạy vừa thở hổn hển, nó làm run sợ những kẻ yếu căn cốt. Hắn không có tài

năng, hắn chỉ là một sản phẩm nhôm kính, hắn không thể sống lâu với thời gian được.

Nghé ọ: Tôi đồng ý với cách mổ xẻ của ông. Ở đấy giấu một sự nham hiểm hiền lành, nó lớn hơn lòng đố kỵ trắng trợn của tôi. Ông thực sự là một thần đồng. Cả hai chúng ta đều rất yêu văn học, có phải không nào?

K-Oa: Ta phải chứng minh rằng toàn bộ giá trị của hắn là phép nói ngược. Thế hắn mới chết. Cả xã hội đi xuôi, cả một nền văn học đi xuôi... Chỉ có mỗi hắn là làm ngược lại, đi ngược lại... và thế là hắn sẽ rơi vào tầm ngắm của những tay đi săn tư tưởng thực thụ. Hắn có ba đầu sáu tay thì cũng không thể nào phân bua được với những nòng súng săn có độ nhạy rất cao, lạnh lùng và rất chính xác. Thời gian trôi đi như nước chảy dưới cầu và thế là *(làm một cử chỉ tượng trưng)* ông có hiểu không? "Những gì đã cháy thì thành tro rồi"...

Nghé ọ: Tôi hiểu... Nhưng tôi vẫn không hiểu tại sao lại phải cầu kỳ như thế, trong khi đáng lẽ ra khi đưa hắn lên bàn mổ, chúng ta chỉ cần một mũi kim tiêm mà thôi? Chúng ta loạn óc rồi chăng?

K-Oa: Công việc của chúng ta khác với công việc của kẻ phàm phu (nhưng về thực chất thì nó giống nhau) bởi thế nên mới gọi là "nghệ thuật". Đây cũng là điều kỳ diệu và đê tiện của việc lập ngôn nếu so với cái đám mà ta gọi là lập đức hay lập công (đây là đám người mà các giá trị của họ hay bị người ta hiểu nhầm nhất). Lập gì thì lập nhưng có lẽ cũng không ngoài hai chữ danh lợi. Đối với tay nhà văn mà ta sẽ mổ thì chỉ riêng việc ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa của hắn đã là một công án đáng đi đứt rồi.

Nghé ọ: Nhưng trong ngôn ngữ thì có trên 80% các danh từ ở ta đều có nguồn gốc từ Tàu...

K-Oa: Mặc kệ! Ta có truyền thống rất ghét bọn hàng xóm láng giềng! Ta cứ nói là dòng máu văn hóa trong người của hắn là gốc dòng máu Trung Hoa, tất cả những độc giả có đầu óc "sô-vanh" sẽ tức điên lên và nhổ nước bọt vào tác phẩm của hắn... Một ca mổ thành công cũng cần rất nhiều nước bọt.

Nghé ọ: Thế là chúng ta cũng chẳng hơn bọn Trần Mạnh Khảo là Lê Văn Ngọng chút nào.

K-Oa: Hơn rất nhiều vì bọn kia chỉ là bọn lưu manh ở chợ, bọn mổ cá với vặt lông gà. Chúng ta lịch sự hơn, văn minh và khoa học. Khẩu hiệu của chúng ta là vì tình yêu đối với văn học. Chúng ta có cả một bệnh viện, thậm chí có vài chục bệnh viện...

Nghé ọ: Thì bọn kia còn giương cao ngọn cờ Tổ quốc lên cơ.

K-Oa: Không ai nghe lời chúng, mặc dầu chúng nguy hiểm. Ở trong chợ văn chương, hạng đầu gấu có đầy. Chúng có thể cầm đủ loại cờ nhưng bi kịch là không ai tập hợp dưới cờ của chúng. Tôi với ông khác chúng, chúng ta đã trở nên sạch sẽ, chúng ta đã qua cái thời lê la ngoài chợ. Từ bé tôi đã được

ngồi trên ghế bành.

Nghé ọ: Chỉ có mình ông được như thế mà thôi. Tôi vẫn ở ngoài chợ. Nhiều khi tôi đói rã họng và nhìn chung cho đến bây giờ vẫn không khác gì một thằng ăn mày. Số mệnh của tôi nó thế, tôi vẫn không sao thu xếp cho mình được một chốn nào dung thân.

K-Oa: Đấy là vì tham vọng của ông to lớn quá, ông đã không tự lượng sức mình. Nhưng thôi, đấy là việc của ông. Cũng có thể ông muốn đóng vai Đông Ki Sốt? Trông ông cũng hao hao giống Đông Ki Sốt phải không?

Nghé ọ: Còn ông thì tôi lại nhìn hơi giống Xăng-xô...

K-Oa: Thôi đừng đùa nữa. Nếu cần thì ta sẽ bàn về Xéc-văng-téc. Ông ta là một thiên tài i-nốc... Còn chúng ta thì đang chuẩn bị cho ca mổ một tay nhà văn nhôm kính. Về nguyên tắc, những vấn đề cơ bản thì chúng ta đã thống nhất được. Khi nào mà tôi thọc dao thì ông cắt tiết. Tất cả chúng ta đều vì văn học cả thôi.

Nghé ọ: 15 năm nay, lúc nào tôi cũng thấy ảnh hưởng của tay nhà văn ấy lơ lửng trên đầu, hắn đã không làm cho ai viết như cũ được nữa. Mà không phải chỉ có tôi... Tôi rất khổ sở. Dù thế nào chúng ta cũng phải công nhận tài năng của hắn phần nào.

K-Oa: Giời ạ, hắn không có tài năng. Ông điên rồi à? Chúng ta đã thống nhất như thế còn gì. Nếu có tài thì phải phát lộ từ thời thơ ấu chứ?

Nghé ọ: Cần phải xem lại. Cần phải mổ. Dù sao tôi cũng còn một chút lương tâm trong người. Có lẽ hắn cũng có tài năng thế nào đó thật. Tôi không muốn kể ra bằng chứng ở đây.

K-Oa: Thôi được! Nếu như đã phải công nhận tài năng của hắn thì ta sẽ gọi đó là "tài năng của một tâm thức bất định". Gọi như thế cũng là bằng không chứ còn gì nữa.

Nghé ọ: Nhưng tại sao có thể "bất định" trong 15 năm được hả giời? Hắn chẳng lưu lạc gì cả, không bán mình, không vào lầu xanh, cũng chẳng tu hành gì cả? Tác phẩm của hắn lúc nào cũng cười sằng sặc. Mà rất đểu nữa là đằng khác...

K-Oa: Thôi, chúng ta không bàn luận nữa. Càng bàn luận thì càng mâu thuẫn. Ông chuẩn bị dao kéo xong chưa?

Nghé ọ: Xong rồi!

K-Oa: Nếu thế thì chúng ta đi làm việc thôi. Chúng ta sẽ hỏi cung nó trước khi mổ. Ông hỏi chính hay tôi hỏi chính?

Nghé ọ: Ông hỏi đi. Ông có tư cách chính thống hơn tôi. Phải hỏi hắn văn học là gì mới được. Hỏi xong câu đó là ta sẽ thọc dao liền.

Lại mấy cô gái mặc áo tắm hai mảnh đi ngang qua sân khấu.

Màn hạ.

Hồi thứ bảy

Cảnh bệnh viện. Các dụng cụ mổ treo trên vách. Nhà văn Vô danh ngồi ở ghế, mặc quần áo bệnh viện. K-Oa và Nghé ọ ngồi ở chiếc bàn đối diện. Ở một góc sân khấu, có một người đội mũ phớt, đeo kính đen, mặc áo bành-tô khoanh tay ngồi yên lặng.

Nghé ọ: Chúng ta bắt đầu nhé! Có thể coi đây là một cuộc đối thoại cởi mở, chính thức. Ông bạn nhà văn, thôi cứ xin gọi là vô danh đi - vì tôi thấy ở trong phiếu mổ có ghi như thế, ông phải trả lời một cách thành thực những điều mà chúng tôi hỏi ông. Sự hợp tác của ông chỉ có lợi cho ông, thậm chí nó quyết định việc ông có phải mổ hay không hoặc nếu như phải mổ thì mổ kiểu gì. Cũng có thể có khoan hồng...

K-Oa: Ông phải cam đoan những lời ông nói là lời ông nói. Chúng tôi sẽ ghi âm lại.

Nghé ọ: Theo ông, văn học là gì?

Nó có ý nghĩa gì đối với cuộc sống của ông?

Nhà văn: Thưa, hồi nhỏ đọc sách, tôi thấy người xưa nói đại ý rằng: trăng sao, mây gió, sấm chớp là văn của trời: quần áo, lễ nghi là văn của người... như vậy nghiệm ra văn học chính là những giá trị bề mặt thiết yếu tạo nên cuộc sống của con người.

Nghé ọ: Rất khó hiểu...

Ông nói như thế nghĩa là ông "văn" tôi chăng?

K-Oa: Thôi! Không lịch sự nữa. Vậy một thằng cởi truồng hắn có văn không?

Nhà văn: Thưa, ông không phải hỏi về Chử Đồng Tử đấy chứ, cái ấy phải xem trong trường hợp nào. Giữa đám người mặc áo quần súng sính thì thằng cởi truồng có văn nhưng giữa đám người cởi truồng thì có khi người mặc quần áo mới lại có văn!

K-Oa: Lại nói ngược! Ta biết ngay mà. Thế văn học có ý nghĩa gì đối với cuộc sống của ông... mà vừa rồi ông nói đến cái bề mặt nào thế?

Nghé ọ: Tôi nghĩ đấy là sĩ diện.

Nhà văn: Gọi là sĩ diện cũng được, nếu như ông muốn thế. Nó là toàn bộ trạng thái tinh thần, tình cảm và vật chất của con người ta. Trong tác phẩm văn học, nhiều khi nó là sĩ diện của cả một thể chế, một thời đại mà nhà văn ấy sống, quan sát và ghi chép lại. Bởi thế mới có kiểm duyệt chính trị chứ! Việc nhích dần đến dân chủ rất cần đến sự can đảm của các nhà văn.

K-Oa: Cũng không khác gì cổ điển, phải không nào?

Nghé ọ: Tức là ông muốn nói đến ý nghĩa xã hội của văn học. Tôi nói như thế có đúng hay không?

Nhà văn: Tùy ông thôi. Tôi thì tôi cũng không chú ý đến nó nhiều lắm.

Thực tình là thế.

K-Oa *(nói như học thuộc lòng)*: Ý nghĩa xã hội của văn học là cốt tử. Văn học là nhân học. Nhà văn là tấm gương phản ảnh xã hội, là con chim báo bão...

Nghé ọ *(loay hoay)*: Chim báo bão...

Sao tôi không thấy mình có cánh nhỉ...

K-Oa: Đấy là vì ông chưa có đủ tài năng để mọc cánh... *(quay sang nhà văn)*. Này ông nhà văn vô danh, thế ông có nghĩ rằng toàn bộ giá trị của ông chỉ là phép nói ngược với làm lạ có phải hay không?

Nhà văn: Thưa, ngược xuôi, phải trái, đúng sai, xấu tốt, thiện ác, âm dương... đấy là hai mặt nhưng cũng là một. Nếu các ông biết một chút về phép suy luận triết học ở ta (thực ra thì tôi cũng chẳng thích danh từ này chút nào) thì có lẽ các ông cũng chẳng cần phải đặt ra câu hỏi ấy làm gì. Còn làm lạ, thì nghệ thuật sáng tạo tức là làm các phép lạ giống như Đức Chúa Giêsu đã làm các phép lạ, có phải không nào?

Nghé ọ: Chữa bệnh, chữa người cùi, đi trên mặt nước, làm cho người ta sáng mắt... Toàn là ma thuật! Ngày xưa người ta đã đưa lên giàn thiêu ối tay phù thủy. Tay này đúng là một tay phù thủy.

K-Oa: Về chuyện phù thủy ta sẽ hỏi sau... Này, thế có người nói rằng ông là nhà văn của những mệnh đề đơn giản. Ông có công nhận đúng như thế không?

Nhà văn: Lạy giời, đấy là câu khen ngợi tuyệt vời nhất mà tôi muốn có. Tôi luôn hướng tới sự đơn giản, đúng hơn là sự giản dị. "Sự giản dị là điều kiện thiết yếu của cái đẹp đạo đức". Lép Tônxtôi nói thế. Thưa các ông, còn lâu tôi mới trở thành nhà văn của các mệnh đề đơn giản. Bây giờ, thực sự tôi mới chỉ là một nhà văn danh tiếng. Một số báo chí phương Tây như Le Monde hay Libération gọi tôi là nhà văn hiện đại lớn nhất Việt Nam. Tôi cũng không thích được gọi như thế vì gọi như thế cũng chẳng khác gì ví tôi như con ễnh ương lớn nhất giữa bầy ễnh ương!

Nghé ọ: Sao là ễnh ương mà không chão chuộc?

Nhà văn: Ừ thì chão chuộc. Chão chuộc cũng được. Nhưng nếu là voi hay sư tử thì khác.

K-Oa: Chỗ này là ý thức dân tộc kém đây! Thôi được! Tại sao khi ông viết văn, người ta "cứ phải cầm lên và phải đọc bằng hết. Mặc dù, có cái đọc xong, thấy cũng chẳng có quái gì cả. Chẳng có gì nhưng vẫn cứ phải đọc cho bằng hết"[1]. Thế là cái gì?

Nhà văn: Thưa các ông, thế là văn học chứ còn gì nữa!

Nghé ọ: Thỉnh thoảng, ông lại còn nói như thánh phán. Đấy là tội chết. "Tình yêu là một hung thần". Ai bảo ông nói thế?

Nhà văn: Thì ông cứ yêu thử xem!
Nhất là ở tuổi tôi với tuổi các ông...
Nghé ọ: Lại còn câu: "Vợ người thì đẹp.
Vợ mình lại tử tế"...
K-Oa: Ông có công nhận ông viết và nói rất nhiều những câu linh tinh nhảm nhí có phải không nào?
Nhà văn: Vâng!
Phật tổ nói: "Mở miệng là đã sai rồi".
Nghé ọ: Vậy sao biết thế mà lại cứ nói?
Nhà văn: Thưa, ngày xưa Phật tổ đắc đạo dưới gốc bồ đề, ngộ ra cái lý của vũ trụ và sự vi diệu của đạo pháp. Người sợ chúng sinh mê đắm quá sâu, có đăng đàn thuyết pháp cũng chẳng thấu, vô ích. Song các chư tiên, các đế thiên đế thích đều khẩn thiết Người hoằng dương đạo pháp để cứu chúng sinh. Viết văn và nói linh tinh có lẽ cũng giống như thế. Bất đắc dĩ phải viết, phải nói mà thôi.
K-Oa: Kiêu ngạo quá lắm!
Ông dám ví mình với Phật hay chăng?
Nhà văn: Không! Tôi chỉ là một người ngoan đạo và có Phật tính ở trong thế giới Ta bà.
K-Oa: Ngoan đạo! Văn chương du thủ du thực, trác táng. Rõ ràng ông là một tay lọc lõi, đểu bạ. Có phải không nào?
Nghé ọ: Chứ còn gì nữa! Mà cứ thỉnh thoảng lại còn hay cho nhân vật chết nữa. Thế mới ác độc!
K-Oa: Lại còn cứ hay cho thơ vào truyện.
Nghé ọ: Tóm lại, ông là một người rất nhiều tội lỗi.
Nhà văn: Vâng!
Tôi luôn có ý thức sám hối những tội lỗi cho tôi, cho mọi người.
K-Oa: Nếu trích từng câu ra, tôi có thể nói rằng ông viết toàn thứ bậy bạ.
Nhà văn: "Y kinh giải nghĩa tam thế Phật oan". Thưa, kinh mà giải nghĩa từng chữ, từng lời thì oan cho chư Phật ba đời. Xin các vị xem ý tứ ở trong cảnh giới thế nào cái đã. "Ly kinh nhất tự, tất đồng ma thuyết". Bỏ đi một chữ trong kinh thì tất thành điều ma nói. Có câu rằng: "Phật Phật Ma Ma. Ma Ma Phật Phật". Vậy xem xét văn chương thì cũng không nên chấp nhặt vào lời và cũng không nên lìa lời để xét đoán chân lý.
Nghé ọ: Hừ! Rất khó chịu! Cứ hay lấy kinh Phật ra để giải thích! Tay này có lẽ sẽ không mổ xẻ gì cả, ta chỉ có thể băm nhỏ hắn ra thành từng mảnh mà thôi.
K-Oa: Thôi! Tôi hỏi ông câu hỏi cuối cùng, sau đó ta sẽ nghỉ ngơi một lát. Ông công nhận rằng ông không có tài năng gì, có phải không nào? Nói

thật đi!

Nhà văn: Vâng! "Có tài mà cậy chi tài. Tài tình chi lắm cho trời đất ghen". Vậy, xin các ông tùy tiện làm gì thì làm. Thôi cứ coi tôi là vô tích sự cho xong. Còn tôi, bây giờ tôi không nói nữa.

Một màn múa của các vũ nữ và vũ công.

Màn hạ.

Hồi thứ tám

Cảnh bệnh viện. Sân khấu trống trải, chỉ có nhà văn vô danh và người đội mũ phớt, đeo kính đen, mặc áo bành tô ngồi đối diện nhau ở nửa sân khấu. Hai viên trương tuần đứng như đứng gác ở nửa sân khấu còn lại.

Nhân vật người đội mũ phớt xuất hiện từ hồi thứ bảy của vở kịch, bí hiểm, ông ta không tham gia vào vở kịch và sự im lặng của ông ta suốt hồi kịch thứ bảy đã gây tò mò kinh khủng cho người xem.

Nhân vật nhà văn và người đội mũ phớt ngồi trên bục cao làm những động tác như đối thoại nhưng không nói năng gì (giống như kịch câm). Bóng của họ hắt lên tấm phông sân khấu đằng sau. Người ta có thể dễ dàng nhận thấy cuộc đối thoại ấy có khi gay gắt, có khi nhẹ nhàng. Đa số những cuộc nói chuyện đều tùy tiện và có vẻ như chẳng ai chịu ai. Có lúc họ còn ném những vật trên bàn vào mặt nhau. Về đại lược, cuộc nói chuyện là hoà bình, thân thiện, đối kháng nhưng trong sự kiềm chế.

Phía trước sân khấu, các vũ nữ và vũ công trình diễn một màn múa khá đẹp mắt, kể sơ lược lại lịch sử văn học Việt Nam.

- Những người nguyên thủy ca hát.
- Những bà mẹ kể chuyện cổ tích cho con.
- Các nhà sư đọc thơ tiếp sứ thần nước ngoài.
- Những cuộc thi tuyển chọn trạng nguyên.
- Những giáo sĩ phương Tây đến truyền đạo và soạn chữ quốc ngữ.
- Những tờ báo đầu tiên.
- Những nhà văn hiện đại Việt Nam đầu tiên, người ta có thể nhận ra vài ba người hao hao giống như Vũ Trọng Phụng, Nhất Linh, nhóm Tự Lực Văn Đoàn, Nam Cao, Nguyễn Bính, Nguyễn Tuân, thậm chí cả Nguyên Hồng... còn lại thì na ná đều giống nhau cả.

Âm nhạc khá độc đáo và sôi động. Ánh sáng trên sân khấu được đặc tả ở nhiều nhân vật rất có cá tính. Rõ ràng đạo diễn vở kịch này cần phải là người rất am hiểu lịch sử văn học Việt Nam và có kiến thức văn hóa sâu rộng. Hồi kịch này diễn ra trong chừng từ 7 đến 10 phút.

Màn hạ.

Hồi thứ chín

"Bệnh viện tình thương". Trên sân khấu chỉ có hai viên trương tuần đứng gác. Trần Mạnh Khảo đi ra, quần áo xộc xệch vẫn ôm chậu hoa và thổi phù phù. Các vũ nữ mặc quần áo tắm hai mảnh và các vũ công đang dọn dẹp trên sân khấu. Họ hạ biển hiệu "Bệnh viện tình thương" xuống và xếp gọn các bàn ghế lại một góc như để chuẩn bị cho việc diễn một chương trình khác hoặc như để kết thúc vở kịch.

Trần Mạnh Khảo: Ô... Sao bảo ở đây vẫn còn đang mổ xẻ gì cơ mà? Thế là thế nào? Ai cho phép thu dọn đồ đạc thế này? *(Ông ta hỏi các vũ nữ và vũ công nhưng họ đều tránh ra, không nói gì. Cuối cùng ông ta hỏi đến hai người trương tuần).* Các anh đứng đây mà để cho họ làm loạn thế à?

Trương tuần 1: Thế ông bảo chúng tôi làm gì họ được?

Trần Mạnh Khảo: Thế giám đốc bệnh viện đi đâu?

Làm gì?

Trương tuần 2: Chịu! *(cười).* Có khi ông ta đi hát karaôkê hay đi đua xe cũng chẳng biết chừng?

Trần Mạnh Khảo: Thế không còn mổ xẻ gì à?

Trương tuần 1: Thôi từ lâu rồi!

Trần Mạnh Khảo: Ai cho thôi?

Trương tuần 2: Chậc!

(lắc đầu, nhún vai chỉ lên trời).

Trần Mạnh Khảo: Thế các đồng nghiệp của tôi đâu cả?

Họ đi đâu rồi?

Trương tuần 1: Biết thế nào được, ông thì về nhà lấy vợ. Ông thì về nhà bỏ vợ... 50 ông xuống biển, 50 ông lên rừng.

Trần Mạnh Khảo: Thế này thì điên hết cả rồi à? Tôi không thể hiểu ra sao nữa cả. Kết thúc không có hậu à? Chèng éc ơi! Chúa ơi! (tỏ vẻ đau khổ, vò đầu bứt tai). Kết thúc không có hậu à?

Trên sân khấu, các vũ nữ, vũ công đã dọn dẹp xong. Họ đang dàn hàng để chuẩn bị cho một điệu nhảy mới.

Âm nhạc bắt đầu khe khẽ nổi lên. Các vũ nữ, vũ công khởi động chân tay. Một vũ nữ mặc quần áo tắm hai mảnh trông khá "sếch-xy" đến gần Trần Mạnh Khảo, lịch sự đỡ lấy chậu hoa cất đi.

Vũ nữ: Ông anh!

Em mời ông anh một điệu nhảy có được hay không?

Trần Mạnh Khảo *(cười ngượng ngập rồi cười vui vẻ, thoắt cái đã trở thành một con người khác)*: Được chứ!

Trần Mạnh Khảo quăng áo vét-tông khoác ngoài, bên trong là y phục của một nghệ sĩ. Hai tay vỗ vào nhau, ông ta giậm chân nhảy một điệu "claket"

HÀ NGUYÊN THẠCH

xuân đợi

Hững hờ một nhánh gió đông
Tạt hiên Xuân nhắc môi hồng sắp phai
Rong chơi bóng rủ hình hài
Đổi thanh xuân chắc còn ai ngóng chờ!
Một đời ươm hạt cành thơ
Đất nhân gian chật đâu vừa "cây tôi"
Tới lui chạm mặt đất trời
Xuân ơi, hãy đợi "con người ấy – tôi".

ngắn khá sành điệu rồi chuyển sang các điệu dân vũ như của Nga và của Tây Ban Nha. Ông ta đã trở nên một nghệ sĩ thực thụ. Tất cả các vũ nữ, vũ công nhảy điệu "lăm-ba-đa". Trên sân khấu, Trần Mạnh Khảo rõ ràng là một vũ công giỏi nhất trong các vũ công. Đôi lúc ông ta lại còn dùng đầu mình làm trụ, xoay tròn như chiếc "com-pa", giơ hai chân lên trời hệt như diễn viên ở trong phim chưởng Hồng Kông, khiến ai cũng phải giật mình, bất ngờ, thích thú.

Vở kịch kết thúc trong sự du dương của âm nhạc và của màn múa đặc sắc khiến cho người xem không còn muốn đứng lên rời chỗ nữa.

Màn hạ.

---

(1) Song viết" (Có người đọc là song kiết) vốn là hai chữ nôm trong "Quốc âm thi tập" của Nguyễn Trãi. Cuộc tranh luận về mấy chữ này (đọc thế nào, giải nghĩa ra sao) đã diễn ra ở Việt Nam khoảng từ năm 1962 đến nay vẫn chưa chấm dứt. Trong một bài viết gần đây nhất in trên tập san "Hồn Việt" của Trung tâm nghiên cứu quốc học (Tết Giáp Thân 2004), giáo sư Cao Xuân Hạo cho biết "song viết" có thể hiểu tới 5 nghĩa khác nhau (tư nghiệp, tài sản, rông vát, chơi nhởi, xuôi ngược). Thơ của Nguyễn Trãi có câu: "Nghênh ngang dặm liễu một con rìu / Song viết nào hơn song viết tiều / Một gác yên hà là của cải / Vài hàng thông trúc điểm đăm chiêu...".

(2) Trích trong bài "Ngẫu hứng qua mây gió" của Trần Đăng Khoa và Nguyễn Văn Thọ trao đổi về tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp nhân "sự kiện hoa thủy tiên" (Tạp chí Văn Nghệ Quân Đội số 594 tháng 4/2004).

(3) Như trên

(4) Thôi xao: Điển tích văn học, nói về sự cầu kỳ trong lao động chữ nghĩa của nhà thơ.

Viết từ ngày 24/4/2004 đến ngày 25/5/2004

vài lời về bài talawas phỏng vấn hoàng ngọc hiến

HOÀNG NGỌC HIẾN

Những cuộc phỏng vấn do talawas thực hiện đều dựa trên nguyên tắc: Chỉ công bố với sự đồng ý của người được phỏng vấn. Việc bài talawas phỏng vấn Giáo sư Hoàng Ngọc Hiến hiện đang lưu hành cá nhân nằm ngoài ý muốn của chúng tôi.

talawas

Cuối tháng Sáu, trong dịp tôi đến thăm Berlin, talawas đã đề nghị phỏng vấn. Tôi rất ngại cái việc này vì phỏng vấn thì dễ rơi vào tình thế "nghĩ gì, nói nấy", tôi lại hay nói bừa và nhất là khi có sự bạo động của lớp "dưới ngôn ngữ" thì nói lung tung. Talawas bảo đảm với tôi rằng bài phỏng vấn sau khi được biên tập sẽ đưa lại cho "khổ chủ" để xem lại và sửa chữa, và quyết định cuối cùng, công bố hay không thuộc về "khổ chủ". Tôi yên tâm nhận lời phỏng vấn.

Khoảng trung tuần tháng Bảy tôi nhận được bài phỏng vấn để đọc lại và sửa. Bài được biên tập công phu, có những đoạn lời văn rất hoạt (tôi không ngờ mình lại nói hay đến thế), nhưng đọc đi đọc lại thì tôi thấy trong những điều "nghĩ gì, nói nấy", "bạ đâu, nói đấy" có những chỗ không ổn: những suy nghĩ không chín chắn, những đánh giá cực đoan, những từ dùng rất ẩu... Có những chỗ có thể xóa cả đoạn, chẳng hạn đoạn nói về Văn Nghệ Quân Đội có những câu giống như lời mê sảng. Maiakovski đã từng dạy khôn tôi: "Lời nói, nó có thể chịu đựng bất kì mê sảng nào". Nhưng lời nói bay đi. Những dòng chữ (đã biên tập hay chưa biên tập) thì còn lại, xóa đi không phải là dễ. Tôi rất bất bình với bản thân tôi khi đọc đoạn nói về L.H.B., Đ.V.B., hai bạn đồng nghiệp mà trong quan hệ bình thường hằng ngày thậm chí nói nặng lời tôi

cũng không nỡ. Bất bình và bất bình..., thêm một vài lý do khác nữa, làm tôi mất hứng và tôi đã quyết định không công bố bài phỏng vấn này. Talawas cũng khẳng định là tôn trọng mọi quyết định của tôi.

Bài talawas phỏng vấn Hoàng Ngọc Hiến đương lưu hành là một văn bản dở dang. Đây là "lời nháp" của tôi được talawas sơ bộ biên tập lại (tôi cám ơn talawas đã bỏ công sức làm công việc này) và như bạn đọc đã biết, tôi đã bỏ khâu cuối cùng, khâu biên tập của chính tôi. Chắc là có những bạn đọc muốn đem bản này ra phê phán trước công luận. Tôi chỉ xin lưu ý các bạn điều này: Bài phỏng vấn được lưu hành ngoài chủ định của tôi và của talawas; như vậy đã có ai đó lén lút lấy bài này và đem phát tán. Vấn đề hành động lén lút này cũng đáng được tìm hiểu như vấn đề xuất xứ trớ trêu của bài phỏng vấn đã được phát tán mà không ít bạn đọc tin là văn bản đã chính thức công bố.

cái nước mình nó thế!

HOÀNG NGỌC HIẾN

phỏng vấn của talawas

talawas: *Thưa ông Hoàng Ngọc Hiến, cách đây 17 năm, bài viết "Tôi không chúc bạn thuận buồm xuôi gió" của ông là khởi đầu của cuộc tranh luận về Nguyễn Huy Thiệp (NHT) mà giai đoạn căng thẳng nhất diễn ra khoảng một năm sau đó, liên quan đến chùm truyện ngắn "Kiếm sắc" "Vàng lửa" "Phẩm tiết". Mới đây, trong bài viết "Ngẫu hứng qua mây gió" đăng trên tạp chí Văn Nghệ Quân Đội, Trần Đăng Khoa (TĐK) có nhắc đến cuộc tranh luận này. Điều đặc biệt ở bài viết này là việc đặt lại vấn đề, nói đúng hơn là sự xét lại những giá trị tưởng chừng đã được công nhận trong sáng tác của NHT ở giai đoạn Đổi Mới, đồng thời cũng là sự xét lại những quan niệm tưởng chừng đã đạt tới sự đồng thuận cao trong giới nghiên cứu và trong công luận văn học. Ông đánh giá như thế nào về việc này?*

Giáo sư Hoàng Ngọc Hiến (HNH): Bài này tôi chưa đọc. *"Hoa thủy tiên"* tôi cũng chưa đọc, tôi dạo này lười kinh khủng, tôi chỉ đọc cái *"Mổ nhà văn"*. Tôi nghĩ chỉ đọc *"Mổ nhà văn"* là đủ. Tôi có nghe tin, Trần Đăng Khoa giải thích với mọi người rằng mình viết bài này hoàn toàn vì yêu mến NHT.

talawas: *Trần Đăng Khoa luôn yêu mến cả thế gian...*

HNH: Chắc thấy mọi người phản ứng quá thì cậu ấy thanh minh như thế. Về bài tựa mà tôi viết cho cuốn sách của Thiệp: Lúc ấy Thiệp đã nổi tiếng, đã in *Không có vua* trên báo Văn Nghệ. Nguyễn Khải có nói rằng tinh hoa của NHT đã trút hết ra *Tướng về hưu*, không còn gì mà viết nữa. Nhưng khoảng hai tháng sau *Tướng về hưu*, Thiệp ra tiếp *Không có vua*, mà theo tôi *Không có vua* có nhiều mặt còn *hơn Tướng về hưu*. Lúc đó Thiệp đã có mười mấy truyện đăng báo, đang nổi như cồn, nên Thiệp nghĩ đến chuyện ra tuyển tập. Lúc đó họa sĩ Hồng Hưng bỏ tiền ra thuê đánh máy bản thảo cho Thiệp. Thiệp đưa đi mấy nhà xuất bản đều bị từ chối. Tôi cảm thấy giới xuất bản trong chuyện này rất tinh, nó đánh hơi thấy một người nguy hiểm, nó từ chối. Thiệp kể lại với tôi rằng, Thiệp đến nhà xuất bản Hội Nhà Văn, lúc đó hình như còn tên là nhà xuất bản Tác Phẩm Mới. Người phụ trách mảng văn xuôi ở đó là bà Xuân Quỳnh. Người ta bảo, Xuân Quỳnh không bao giờ đến nhà xuất bản. Thế là Thiệp mang bản thảo đến nhà riêng của Xuân Quỳnh. Thiệp tả lại cho tôi thế này: Vào ngõ, lên một cái hành lang dài, dọc hành lang có bốn, năm cái vòi nước, Xuân Quỳnh đang ngồi quay mặt vào tường giặt quần áo. Người ta chỉ cho Thiệp, bà đang ngồi giặt quần áo, đấy là Xuân Quỳnh. Thiệp đến đứng sau lưng Xuân Quỳnh, bảo: "Thưa chị, em đến nhà xuất bản, họ bảo chị nhận bản thảo ở nhà. Em đến để đưa chị." Xuân Quỳnh không quay lại, bảo: "Tôi chỉ nhận bản thảo ở nhà xuất bản, không nhận bản thảo ở nhà." Thiệp ra về, Xuân Quỳnh chắc chắn không biết ai đứng sau lưng mình lúc đó.

Dịp ấy tôi có việc đi công tác Cămpuchia một năm hai lần, đi Cămpuchia thì phải ghé thành phố Hồ Chí Minh, tôi bảo Thiệp: "Cậu đưa tớ bản thảo, đem vào Thành phố Hồ Chí Minh, trong ấy thoáng hơn." Ở Thành phố Hồ Chí Minh, tôi đưa bản thảo của Thiệp cho Nguyễn Duy và Thu Bồn, cả hai đều đồng ý ngay. Tôi đi công tác về, trở lại Hà Nội, chờ mãi không thấy hồi âm. Hai tháng sau tôi lại có dịp đi Cămpuchia nữa, lại gặp Nguyễn Duy và Thu Bồn, nhưng cả hai đều quên, không nhớ gì đến bản thảo này nữa. Hỏi thì họ thú thật rằng đã quên. Nhưng Nguyễn Duy sau đó có đặt điều kiện là sẽ in Thiệp nếu có lời giới thiệu của tôi. Đi công tác Cămpuchia về, trong một tuần trước khi sang trường Gorki tu nghiệp, tôi viết bài tựa *Tôi không chúc bạn thuận buồm xuôi gió* cho tuyển tập của Thiệp. Như vậy bài đó ra đời trong một hoàn cảnh rất cụ thể, không có bài đó thì Nguyễn Duy không in tuyển tập của Thiệp. Tôi buộc phải viết, chứ không phải vì thấy rằng đó là một hiện tượng văn học quan trọng.

talawas: *Nhưng sau đó ông có thấy đây là một hiện tượng văn học quan trọng không?*

HNH: Có, sau đấy nó thành một hiện tượng quan trọng. Nhân đây tôi

muốn nói, không phải chỉ trong lĩnh vực phê bình văn học, mà trong mọi lĩnh vực liên quan đến việc đi tìm cái Thật, cái Đẹp, tôi càng ngày càng nghiệm ra câu nói của Evariste Galois, một nhà toán học Pháp thế kỉ 19, chết rất trẻ: "Chúng ta không đi đến chân lí, chúng ta chỉ va chạm vào chân lí." Trong công việc phê bình văn học của tôi, ở trường hợp bài *Tôi không chúc...* và một số bài khác, hình như tôi đã chạm được vào chân lí, chạm một chút.

talawas: *Mà lúc ấy không biết mình đang chạm?*

HNH: Vâng, lúc ấy không biết.

talawas: *Nhưng những cú chạm may mắn ấy không dành cho tất cả mọi người...*

HNH: Thì đúng rồi. Mà ở chính tôi, không phải lúc nào nó cũng xảy ra.

talawas: *Trường hợp của hai chữ "phải đạo" cũng như vậy sao? Có người nói rằng, chỉ để lại hai chữ "phải đạo" là Hoàng Ngọc Hiến đã có thể hài lòng với sự nghiệp của mình.*

HNH: Đúng thế, hai chữ "phải đạo" cũng ra đời trong một hoàn cảnh rất ngẫu nhiên. Dạo đó cuốn "Cha và con" của Nguyễn Minh Châu được giải thưởng văn học. Hôm ấy tôi cũng đến thư viện làm việc như mọi ngày (tôi nổi tiếng là người chăm đi thư viện, nhưng có gì đâu, đơn giản là nhà chật quá, không có chỗ làm việc thì phải ra thư viện), lúc ra sân đi dạo một lát thì gặp Hà Minh Đức. Hà Minh Đức hỏi tôi nghĩ như thế nào về cuốn sách ấy. Tôi nói, hai cha con trong cuốn sách ấy (cha là trung đoàn trưởng, con hình như là sĩ quan) trò chuyện với nhau. Trong thực tế, tôi đã nghe những bố con trò chuyện với nhau theo kiểu như vậy, tức cuốn sách ấy không bịa đặt. Nhưng người ta trò chuyện với nhau theo kiểu như vậy là vì phải đạo. Đấy là lần đầu tiên tôi dùng chữ này. Tôi cố tìm một chữ cho đúng với cuốn sách của Nguyễn Minh Châu, cuối cùng bật ra hai chữ "phải đạo". Cũng ngẫu nhiên thôi, trong lúc đi dạo ngoài sân thư viện.

talawas: *Và một lần nữa lại chạm vào chân lí?*

HNH: Vâng. Ngẫu nhiên. Thực ra chân lí định trước là một thứ rất nguy hiểm. Chân lí theo kiểu một cái đích, bắt mình phải đi đến nó, là rất nguy hiểm. Triết gia Franaçois Jullien, người mà gần đây tôi dịch khá nhiều, có nói rằng: Đạo phương Tây bao giờ cũng đặt ra một cái đích. Cái đích đó có thể là một Thượng đế, một Đấng toàn thiện toàn năng, nhưng cái đạo của phương Đông thì thường không có đích, mà nếu có đích thì cái đích của nó là sự thay đổi chính bản thân nó. Tôi nghĩ cũng có thể đặt ra một cái đích nào đó, và trong lúc mình toàn tâm toàn ý đi tới nó thì rất có thể thỉnh thoảng chạm được vào chân lí, chứ vấn đề không phải là nắm được cái đích. Đích là ảo tưởng, nhưng trong lúc đi đến ảo tưởng thì bất chợt mình có thể chạm vào chân lí. Hai trường hợp vừa nêu, bài "Tôi không chúc bạn thuận buồm xuôi gió" và

khái niệm "phải đạo" là những kết quả bất chợt như vậy.

talawas: *Sau cú "ngộ" bất chợt ở sân thư viện, ông liền viết bài về "Hiện thực phải đạo"?*

HNH: Không, phải một thời gian sau, năm 1979. Bài viết xong thì đem đăng, đơn giản thế thôi, không nghĩ nó sẽ gây chuyện om xòm đến thế. Bài ra xong, Chế Lan Viên có nói: Bài "Hiện thực phải đạo" của tôi đi đến đâu là chia rẽ thành hai phe, một phe ủng hộ nhiệt liệt, một phe đả kích và mạt sát. Hình như Tố Hữu phản đối quyết liệt, nên đón ý Tố Hữu, người ta bố trí người để viết bài đập lại. Lúc đầu nhờ Lưu Quý Kỳ, nhưng Lưu Quý Kỳ không viết, thế là đến Tô Hoài, tiếp theo là Chế Lan Viên và hai ba người nữa, đăng trên Văn Nghệ.

talawas: *Ông Tô Hoài phản bác thế nào?*

HNH: Tô Hoài viết đại loại là Hoàng Ngọc Hiến đã quên mất đường cấm chỉ, đã vượt qua đường cấm chỉ.

talawas: *Như vậy cũng có thể hiểu là một lời khen?*

HNH: Không, ông ấy phê, nhưng phê theo kiểu tinh tế.

talawas: *Còn bài của ông Chế Lan Viên?*

HNH: Bài của Chế Lan Viên tên là "Thư gửi chị Kim Nga", Kim Nga tức là "nước Nga mới".

talawas: *Theo ông Bùi Minh Quốc, trong bài "Làng văn một thời, và...", Lê Kim Nga là tên thật của bà Vũ Thị Thường, vợ ông Chế Lan Viên.*

HNH: Thế à? Mọi người lại đoán rằng chữ đó ám chỉ việc Hoàng Ngọc Hiến đem tư tưởng xét lại từ nước Nga mới về Việt Nam. Nhưng màn kịch được chờ đợi nhất là cuộc họp toàn quốc của Ban Tuyên huấn Trung ương, mời đại diện của tất cả các tỉnh, các trường, các Viện, do Trần Độ chủ trì, có Lê Đức Thọ dự từ đầu chí cuối, vào tháng Hai, tháng Ba năm 80.

talawas: *Tức sau vụ "Đề dẫn"?*

HNH: Vâng, sau vụ "Đề dẫn". Trước cuộc họp, Nguyễn Đình Thi cho cậu con trai là Nguyễn Đình Chính đến gặp tôi, bảo rằng: "Bố em nói là ngày mai họ sẽ đánh anh đấy. Bố em bảo anh cũng nên lên phát biểu ý kiến, nhưng nói mấy câu quấy quá chống Tàu thôi rồi xuống, đừng cãi, đừng tranh luận gì cả". Lúc đó đang có phong trào chống Tàu mà. Cuộc họp kéo dài ba ngày, hầu hết mọi người phát biểu ý kiến đều đá một câu về bài "Hiện thực phải đạo", mặc dù chủ đề chung của cuộc họp là bàn về những vấn đề tư tưởng của Đảng hiện nay, chỉ riêng bên Đại học Sư phạm không nói gì. Tôi được phát biểu ý kiến vào buổi chiều ngày cuối cùng. Ngay câu đầu tiên, tôi nói rằng tôi lên đây không phải để trình bày hay thanh minh cho bài "Hiện thực phải đạo", mà để nói về ba vấn đề tư tưởng khác. Hai trong số đó rất tiếc tôi đã quên, chỉ nhớ vấn đề về chuyên chính vô sản. Tôi cho rằng khái niệm chuyên

chính vô sản do Karl Marx đưa ra ở thế kỉ trước đã lỗi thời. Chính Đảng Cộng sản Liên Xô cũng đã phải đưa ra một khái niệm mới để điều chỉnh, là khái niệm "Đảng toàn dân". Đảng ta cũng vậy, phải đưa ra một khái niệm mới là "làm chủ tập thể". Ba ngày, tôi đăng kí, không được lên phát biểu. Còn nửa tiếng trước khi kết thúc thì mới được lên, tôi là người phát biểu trước cuối cùng, người cuối cùng sau tôi là Chế Lan Viên, họ sắp đặt rất cẩn thận. Chế Lan Viên phát biểu đại loại rằng, tư tưởng của anh Hiến không phải là Mác-Lê, mà theo Kant.

talawas: *Theo cái gì của Kant?*

HNH: Chẳng biết ông ấy định nói đến cái gì của Kant, cứ nhằng nhịt thế thôi, cái nước mình nó như vậy. Có một chi tiết thế này: Trong lúc giải lao, có cà phê, kẹo lạc, Nguyễn Duy Bình và tôi đang ngồi cùng một bàn thì Lê Đức Thọ đến, ngồi cùng. Ông ấy nói những chuyện rất đời thường, thí dụ: "Trong kháng chiến, tôi cắt tóc thế nào cũng được, nhưng bây giờ hòa bình rồi, cắt cũng phải có kiểu của nó". Nhưng việc Lê Đức Thọ ngồi vào mâm của tôi, ngồi rất lâu, hơn nửa tiếng, chỉ nói chuyện ngụ ngôn thế thôi, được cả hội trường chú ý. Chế Lan Viên thấy thế, có lẽ nhột, đi đi lại lại ngay sát bàn chúng tôi, mấy lần, cuối cùng thì béo vào vai tôi một cái, bảo: "Vừa rồi tôi có nói gì hơi quá thì anh bỏ qua cho tôi nhé". Rất buồn cười, cái nước mình nó thế! Béo vai tôi một cái. Rất nhà quê.

talawas: *Tác giả của "Điêu tàn" đấy ư?*

HNH: Nhà thơ lớn nước mình cũng nhà quê, cũng trẻ con cả thôi, cả nước mình nó thế: Nhà quê và trẻ con.

talawas: *Thưa ông, chúng tôi đang ghi âm cuộc phỏng vấn...*

HNH: Cứ ghi, không sao cả. Đấy là nhận định cơ bản nhất của tôi. Đến lúc ông Lê Đức Thọ tổng kết hội nghị, về bài của tôi ông ấy nói: Anh Hiến là Mác - Lênin chứ chẳng căng kiếc gì.

talawas: *Ông Lê Đức Thọ nói chẳng Kant, hay chẳng căng kiếc?*

HNH: Chẳng căng kiếc gì. Thế là xong. Tôi tưởng là thoát, cuối cùng vẫn không thoát. Ông ấy nói thế, nhưng người ta làm khác. Khoảng hai tuần sau tôi nhận được quyết định thôi chức chủ nhiệm khoa viết văn Nguyễn Du của Trường Đại học văn hóa sang làm chuyên viên bình thường, nghiên cứu văn học thế giới, tại Viện Văn hóa.

talawas: *Có một cái mốc nào rõ ràng cho việc ông được phục hồi không?*

HNH: Có, nhưng rất lắt léo. Khoảng hai năm sau, ông anh tôi là Hoàng Xuân Di mất. Ông ấy là Vụ trưởng Vụ Giáo dục thuộc Ban Tuyên huấn mà ông Tố Hữu là trưởng ban. Tố Hữu có đến đám tang. Tôi là em trai gần nhất, làm chủ tang. Đang lo cám ơn mọi người thì ông Tố Hữu đến gần, ghé tai: "Đồng chí sẽ hoạt động trở lại", giọng Huế trầm, nhỏ, nói xong đi ngay.

talawas: *Nghe cứ như chuyện hội kín...*

HNH: Vâng, bí mật lắm. Nhưng cũng có thể trông thấy tôi ở đám tang, chắc Tố Hữu mủi lòng. Sau đó, một hôm tay bí thư chi bộ ở Viện Văn hóa hỏi tôi có muốn gặp ông Hà Xuân Trường không. Tôi đáp có. Rồi lên gặp ông Hà Xuân Trường, Trưởng Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương. Ông ấy bảo: "Tôi muốn đưa anh trở lại Trường Nguyễn Du, ý kiến anh thế nào?" Tôi nói: "Tốt quá, tôi muốn làm công việc mà tôi thích. " Ông ấy lại hỏi: "Hiện nay anh có nguyện vọng gì? " Tôi nói: "Tôi có một bản thảo sáu trăm trang, dịch toàn bộ những bản trường ca của Mayakovski, đưa nhà xuất bản hai năm nay, chưa thấy động tĩnh gì". Hai tuần sau Thúy Toàn đến gặp tôi, bàn về việc in bản thảo đó..

talawas: *Trở lại vụ tranh luận về Nguyễn Huy Thiệp, thông thường văn học phát triển theo một tiến trình, mỗi giai đoạn có những thành tựu nhất định của nó. Giai đoạn tiếp theo phải đứng trên những thành tựu của giai đoạn trước để đi tiếp, chứ không phải lại quay về điểm xuất phát trước đó, cũng như không thể đang học lớp năm lại lộn về làm những bài tập của lớp một. Sự kiện "Hoa thủy tiên" vừa rồi cho thấy, dường như phần lớn các thành tựu trong quan niệm, nhận thức và cả kiến thức văn học của 15 năm trước đó, tính từ ngày Đổi Mới, đều bị bỏ qua, dường như chúng chưa từng xảy ra, dường như chúng ta lại giải quyết từ đầu những câu hỏi từng được bỏ rất nhiều công sức để giải quyết. Thí dụ, một trong những điểm chốt trong bài của Trần Đăng Khoa là khẳng định rằng Nguyễn Huy Thiệp chỉ dùng phép nói ngược. Xem lại các tranh luận về NHT trước đây thì lập luận này thực ra không phải là phát hiện của TĐK, mà nguyên là của Đỗ Văn Khang. Như vậy chúng ta lại trở về nguyên chỗ cũ.*

HNH: Nghĩ như vậy thì sang trọng quá cho những người như Đỗ Văn Khang, Trần Đăng Khoa. Họ không nghĩ rằng thế là quay trở lại đâu. Họ không nghĩ nhiều đến thế đâu.

talawas: *Vậy họ nghĩ gì?*

HNH: Đơn giản thôi, họ nghĩ rằng phải hạ uy tín của Thiệp, cũng như ngày trước, trong làng có một tay địa chủ giầu sang có uy tín, muốn hạ thì phải dùng đủ mọi cách: Đấu tố, chửi, nhổ vào mặt. Bây giờ cũng vậy thôi. Trần Đăng Khoa tìm đủ mọi cách để hạ uy thế của Nguyễn Huy Thiệp. NHT là người sắc sảo, trí tuệ ư? Không, sắc sảo trí tuệ cái gì, chỉ có phép nói ngược thôi. Anh nói trắng thì nó nói đen, anh nói phải thì nó nói trái, Thiệp nó chỉ có thế, chứ chẳng có trí tuệ gì. Cái cách của Trần Đăng Khoa là thế.

talawas: *Đơn giản vậy thôi sao?*

HNH: Đúng. Đối với Trần Đăng Khoa thì rất đơn giản. Nguyễn Huy Thiệp là thằng cường hào địa chủ trong văn học, cần phải lật đổ.

talawas: *Dĩ nhiên có cách nghĩ rằng NHT là "địa chủ cường hào", cần phải trừng trị bằng "cải cách ruộng đất". Nhưng cuộc tranh luận về Nguyễn Huy Thiệp mười lăm năm trước ít nhất cũng đạt tới một thành tựu rằng Nguyễn Huy Thiệp không thuộc "thành phần phản động ngoan cố" như vậy. "Cải cách ruộng đất" đã được "sửa sai". Bây giờ với vụ tranh luận mười lăm năm sau cũng về Nguyễn Huy Thiệp, chẳng lẽ lại tiếp tục áp dụng "cải cách ruộng đất" hệt như cũ, bất kể những đợt "sửa sai" lần trước?*

HNH: Ông Khoa và những người như ông ấy chẳng nghĩ gì đến tính lịch sử ấy đâu. Họ nghĩ đơn giản hơn nhiều. Họ muốn chôn, muốn đóng ván thiên cho Thiệp.

talawas: *Những cá nhân ấy có thể nghĩ đơn giản, nhưng toàn bộ giới văn học và công chúng văn học lại phải mất thời gian làm lại những việc đã làm rồi...*

HNH: Chẳng ai mất thời gian nữa đâu. Tiếng nói của Trần Đăng Khoa bây giờ không có tác dụng gì. Cũng chẳng ai mất thời gian bác bỏ TĐK. Lịch sử vẫn cứ đi, mà chính TĐK lại nhột, nên mới phải tìm cách thanh minh. Trong hội nghị lí luận phê bình tại Viện Văn học ngày 27.05. vừa qua, Giáo sư Phong Lê, nguyên Viện trưởng, phát biểu mở đầu, nói thẳng trong hội nghị rằng, lời lẽ của Nguyễn Huy Thiệp thì không được nhã nhặn, nhưng phải nhận rằng NHT đã đặt ra những câu hỏi rất quan trọng về Hội Nhà Văn. Bài phát biểu mở đầu hội nghị là rất đáng chú ý.

talawas: *Như vậy theo ông, tầm nhận thức văn học nói chung trong giới chuyên môn và cả xã hội là không bị thay đổi qua sự kiện "Hoa thủy tiên" vừa rồi?*

HNH: Không, không bị thay đổi! Tôi bảo đảm thế.

talawas: *Và chúng ta tiếp tục giữ những thành tựu đã đạt được, bất chấp một tai nạn như vừa rồi?*

HNH: Đúng, tôi thấy không nên quan tâm tới những tiếng nói như của Trần Đăng Khoa, Lê Văn Vọng, Chu Lai... phê phán NHT vừa rồi. Ông Nguyễn Đăng Mạnh có nói, Trần Đăng Khoa là nông dân, tôi thì muốn thêm câu của Tản Đà: "Dân hai mươi triệu ai người lớn - Nước bốn nghìn năm vẫn trẻ con". Trần Đăng Khoa là nông dân và trẻ con, thế thôi. Tất nhiên cũng có tài năng, thần đồng nữa. Và hầu hết những người như Khoa cũng là trẻ con và nông dân. Người thì có tài, người thì bất tài, nhưng đều là trẻ con và nông dân cả.

talawas: *Được làm nông dân và trẻ con thì cũng có nhiều ưu thế lắm. Những việc gì mình làm hỏng thì có thể xin lỗi, trẻ con không biết gì, nông dân thì ngu ngơ, đều được tha...*

HNH: Trong toàn bộ cái sự nhộn nhạo vừa rồi, họ sử dụng một đứa trẻ con.

talawas: *Họ là ai?*

HNH: Họ là những người vốn đã chủ trương chôn Nguyễn Huy Thiệp, nhổ cái gai Nguyễn Huy Thiệp, nay lại bục ra cái vụ "Hoa thủy tiên", làm sao họ chịu nổi.

talawas: *Nhưng trong nhiều năm, trước khi xảy ra vụ "Hoa thủy tiên", Nguyễn Huy Thiệp cũng sống khá thuận hòa với môi trường văn hóa đấy chứ?*

HNH: Cái đó có. Vì vậy bài của Nguyễn Bình có cái lí của nó. Nguyễn Huy Thiệp phải suy nghĩ về câu hỏi: tại sao không rút khỏi Hội Nhà Văn.

talawas: *Ông cũng là hội viên Hội Nhà Văn?*

HNH: Tôi là hội viên.

talawas: *Vậy ý kiến của ông về Hội Nhà Văn?*

HNH: Hội Nhà Văn là một tổ chức của Đảng, như mọi tổ chức khác. Có những tổ chức tập hợp công nhân, nông dân, phụ lão, vậy cũng phải có tổ chức để tập hợp nhà văn. Nhân một dịp kỉ niệm năm mươi năm gì đó, khi ấy Liên Xô đã sụp đổ, tôi có viết một bài nói về ảnh hưởng của văn học Nga đối với Việt Nam. Tôi có đề cập đến việc mô hình đường lối tổ chức của Hội Nhà Văn Liên Xô có phải là cái để mình theo nữa không. Tôi cho rằng việc Hội Nhà Văn Liên Xô có một bộ máy lớn những nhà văn được bao cấp và tính chất quan liêu, viên chức của nó đã ảnh hưởng lớn đến ta. Ta đã mô phỏng họ, tạo ra một bộ máy quan liêu, lấn át tính chất nghề nghiệp. Ngoài ra Hội Nhà Văn Việt Nam cần xem lại cơ cấu tổ chức. Lúc đầu nó là một tổ chức mang tính quần chúng, bây giờ có lẽ không thể tiếp tục như vậy.

talawas: *Theo ông, mặc dù có một hình ảnh rất không đẹp về Hội Nhà Văn nhưng một người như Nguyễn Huy Thiệp vẫn không ra khỏi Hội Nhà Văn, lí do vì sao?*

HNH: Người ta lo cho đời sống của mình, mà đời sống thì nhiều chuyện lắm: Họ có cho mình đi nước ngoài không, rồi chuyện quyền lợi... Tuy vậy mà hội viên Hội Nhà Văn được một số quyền lợi. Năm ngoái tôi cũng được bảy triệu. Ở Việt Nam bảy triệu không phải là dễ.

talawas: *Tiền đó ở đâu ra?*

HNH: Ông Hữu Thỉnh lên xin chẳng hạn, rồi có những chính sách hỗ trợ gì đó... Đợt vừa rồi nhà nước trợ cấp cho Hội Nhà Văn mấy tỉ, đem chia ra, người được ít như tôi cũng bảy triệu.

talawas: *Ít hay nhiều căn cứ vào tiêu chuẩn nào?*

HNH: Cái đó tôi không hỏi, nhưng ai cũng được cả, chênh lệch không nhiều lắm. Ngoài ra, sống trong một chính thể như ở Việt Nam thì người ta cũng muốn được yên ổn, không bị A 25 hay đám này đám nọ xía vào, làm cho mình mệt mỏi. Thiệp cũng là một người như mọi người, cũng lo những chuyện ấy, cũng cần một sự bảo hiểm. Nhưng đến cái "Hoa thủy tiên" và "Mổ nhà

văn" thì tôi không hiểu nữa. Hay có khi Thiệp lại nằm ở một cái tuyến nào mạnh hơn tuyến của Thỉnh. Cái nước mình nó thế.

talawas: *Hiện nay có dư luận gì về "Mổ nhà văn" chưa?*

HNH: Ồ, nhiều chứ. Quần chúng và đám trẻ rất thích, cứ thấy đánh nhau là thích.

talawas: *"Mổ nhà văn" đã đăng chính thức ở trong nước?*

HNH: Talawas đăng, rồi người ta in lại, bản copi lưu hành khắp nơi, bản thân tôi cũng được nhận hai bản.

talawas: *Còn ý kiến của giới văn nghệ chính thống?*

HNH: Cái đó tôi không biết. Tôi cho rằng "Mổ nhà văn" đã đánh vào sào huyệt là Văn Nghệ Quân Đội. Trong vở kịch có một chi tiết: Trần Đăng Khoa vốn là người lương thiện hiền lành, nhưng trong một môi trường ô nhiễm, nên cứ bị ngấm dần, thành một con lợn bẩn thỉu. Cái môi trường ấy, mọi người hiểu ngay là Văn Nghệ Quân Đội. Hiện nay Văn Nghệ Quân Đội mới là thành trì thực sự.

talawas: *Còn Văn Nghệ Công An thì sao? Có là một đối trọng không? Ít nhất về mặt kinh tế và chiếm lĩnh thị trường, phía Văn Nghệ Công An hùng hậu hơn nhiều.*

HNH: Có thể. Nhưng Văn Nghệ Quân Đội là một thành trì. Nó biết, bây giờ nó mà lung lay là tan đàn xẻ nghé. Đấy là một đám không có tài, vì vậy phải co cụm lại, bảo vệ nhau cho bằng được.

talawas: *Tên tác giả của "Mổ nhà văn" là Thích Thiện Ngân, được dư luận diễn nghĩa là "Thích Tiền Sạch", chứ không phải Nguyễn Huy Thiệp...*

HNH: Thích Thiện Ngân là nhân vật có thật, là một nhà văn trong xóm của Thiệp, sẵn sàng đứng ra nói rằng tôi là tác giả vở kịch, chứ không phải anh Thiệp. Thiệp đã sắp đặt đến mức như thế.

talawas: *Chúng ta đang ở trong một cuộc phỏng vấn mà những chi tiết như vậy có thể được công bố.*

HNH: Không sao cả, chuyện này tôi có thể đảm bảo. Thiệp đã chuẩn bị rất chu đáo, không ai bắt bẻ được. Mưu mẹo lắm. Cái nước mình nó buồn cười lắm. Nguyễn Gia Thiều có một bài thơ rất ngắn, bốn câu: "Lơ thơ vài hàng tỏi - Lác đác mấy củ gừng - Vẻ chi là cảnh mọn - Thế mà cũng tang thương". Có thế thôi mà cũng tang thương, đau khổ, tù đày, trốn tránh. Nước mình hoàn toàn thế. Có mấy củ tỏi mà cũng tang thương! Rất buồn cười! Có những anh đau khổ, có những anh tử vì đạo. Đạo gì mới được cơ chứ! Không có gì hết. Thế mà cũng đánh đập, phe phái, tang thương.

talawas: *Như vậy mọi cách tiếp cận nghiêm túc, hàn lâm... đều không thích hợp?*

HNH: Hoàn toàn không thích hợp. Tiếp cận theo cách dân gian thì được.

Bỗ bã và dân gian thì rõ ra mọi việc.

talawas: *Vậy những nỗ lực nghiên cứu một cách hệ thống, học thuật sẽ có hy vọng gì?*

HNH: Tôi nói vậy, nhưng dẫu sao trong một nước thì vẫn có elite, có tầng lớp ưu tú, đặc tuyển. Tranh luận học thuật ở một trình độ cao rất cần để tầng lớp elite này phát triển. Nhưng ngay cả elite mà nghiêm túc quá cũng không thể có ảnh hưởng trong hoàn cảnh Việt Nam.

talawas: *Như vậy theo ông, những diễn biến vừa qua trong văn học không phải do chỉ đạo từ những cấp chính trị bên trên, mà chỉ là xung đột trong chính giới văn học với nhau?*

HNH: Chiến lược của nhà nước này, nhất là trong văn hóa văn nghệ, là chập chờn, khi thế này khi thế kia, khi đóng khi mở, nửa đóng, nửa mở. Cái chập chờn này theo tôi có cái lí của nó, thứ nhất nó vẫn phải đáp ứng với đòi hỏi phát triển, cấp tiến của thời đại, mà lại là thời đại thông tin; nhưng nó cũng phải làm khác đi để đáp ứng giới bảo thủ, tuyên huấn tỉnh chẳng hạn, họ có thể gửi thẳng kiến nghị lên Bộ chính trị, rồi còn tuyên huấn công an, A 25... Thế nên chỉ còn cách chập chờn.

talawas: *Còn về giá trị nghệ thuật của vở kịch "Mổ nhà văn"?*

HNH: Những vở khác của Thiệp để diễn thì không được, để đọc thì được. Nhưng vở này đem diễn có lẽ cũng vui, Thiệp cho mấy cô mặc xi-líp đi ra đi vào, chắc người đi xem rất đông. Cái nước mình nó thế mà.

talawas: *Và cuốn tiểu thuyết "Tuổi hai mươi yêu dấu"?*

HNH: Tôi chưa đọc, tôi thấy chưa cần đọc.

talawas: *Cách đánh giá phổ biến ở ngoài nước rằng đây là một cuộc đấu tranh mới giữa một bên là những người cấp tiến, tôn trọng sự thật, mà Nguyễn Huy Thiệp được coi là đại diện với một bên là những đầu óc bê tông có hợp lí không, hay là một cách đánh giá quá trầm trọng?*

HNH: Hữu Thỉnh đã phải quyết định chấm dứt việc phê phán Nguyễn Huy Thiệp, vì kéo dài thì không được gì, có khi lại lỗ vốn. Những bài phê phán Thiệp quá kém, mà những người thực sự có uy tín, nghiêm túc lại chưa lên tiếng. Hình như đây còn là chuyện cái thế. Cái thế của những người bảo thủ bây giờ là nói gì cũng không ai nghe.

talawas: *Nhưng ai là người không thuộc phái bảo thủ?*

HNH: Hiện nay thì có thể phân biệt rất rõ. Người nào lên tiếng đả kích Thiệp lúc này là bảo thủ, hoặc nói theo ngôn ngữ phương Tây là thuộc cánh hữu. Với trường hợp Talawas cũng vậy, Bây giờ ai lên tiếng phê phán Talawas là bảo thủ. Thực ra cũng chỉ có thể giới hạn những người phê phán Talawas, Nguyễn Huy Thiệp trong vòng một nhóm, trở đi trở lại có mấy người ấy. Bây giờ đúng là có hai vấn đề cụ thể, Nguyễn Huy Thiệp và Talawas, để bộc lộ rất

rõ trận tuyến. Đành rằng số đông, ở nước nào cũng vậy, thì bao giờ cũng thầm lặng. Còn lại, thiểu số ồn ào thì bộc lộ chỗ đứng của mình. Chu Lai, Khoa, Nghé Ọ... bây giờ bị coi là hữu.

talawas: *Bản thân ông nghĩ gì về quyết định tường lửa đối với Talawas?*

HNH: **Tôi** cho rằng Nguyễn Khoa Điềm là người ở cái thế trên đe dưới búa. Búa ở đây là dư luận. Ông Điềm tuyên bố chuyện gì, người ta chú ý từng câu một. Còn phía kia là cái đám mà Nguyễn Huy Thiệp đụng chạm đến sĩ diện của họ, sự tồn tại của họ. Đó là mấy tay trong Văn Nghệ Quân Đội, trong Ban chấp hành Hội Nhà Văn. Đám ấy nhao nhao lên, gây áp lực cho ông Điềm. Ông Điềm là người cầm quyền, trong tình thế này tất nhiên phải lựa. Theo tôi biết, ông ấy đã tiếp Phạm Thị Hoài rất trân trọng. Bây giờ trong một tình thế không thể khác, ông ấy phải có quyết định khác. Chúng ta biết chính trị rất phức tạp, có rất nhiều chứ không phải chỉ có một áp lực. Phải lo nhiều bề, nhiều khi được một bề mà hỏng những bề khác, thế cũng chết. Mạnh Tử đã nói: Tôi không thích những người chỉ lo một bề mà để hỏng trăm bề. Nghiệp vụ của các nhà chính trị, sự sống còn của họ là tính toán nhiều bề. Mình ở địa vị họ, ở nước nào cũng vậy, mình cũng làm như họ.

talawas: *Nhưng cả một hệ thống và guồng máy văn nghệ, truyền thông với hàng trăm nghìn nhân viên được sự bảo trợ toàn diện của nhà nước, muốn làm gì thì làm, muốn tuyên truyền gì thì tuyên truyền, có thể thay não sọ của cả một xã hội trong vòng một hai thập kỉ, có thể đè bẹp mọi chính kiến khác, thì đâu cần phải ngại những tiếng nói nhỏ bé ngoài luồng, lại vọng từ phương xa, như Talawas? Chẳng phải đây là cuộc đọ sức giữa David và Goliath sao?*

HNH: Goliath gì đâu! Guồng máy ở Việt Nam trông thì hùng hậu nhưng chẳng ai hết lòng làm một việc gì, chẳng ai tha thiết, ráo riết làm một việc gì nữa. Đã lên đến chức này chức nọ thì người ta đều phải tính, mình được gì ở cái chức ấy. Làm gì cũng che chắn, cho qua chuyện thì thôi, không ai tự nguyện dốc lòng làm gì. Qua loa cả thôi.

talawas: *Trong hội nghị lí luận phê bình tại TPHCM tháng Tư vừa rồi, khi được Anh Đức yêu cầu phải "uốn nắn" trường hợp Nguyễn Huy Thiệp, ông Mai Quốc Liên dè dặt đáp rằng: Không ai trả tiền cho chúng tôi để làm chuyện đó...*

HNH: Đúng thế đấy, nhếch nhác lắm.

talawas: *Theo ông, tình trạng không hết lòng này sẽ dẫn chúng ta đến đâu?*

HNH: Tôi chịu, không hình dung được hậu quả, tôi chỉ biết đó là sự mục ruỗng. Quá trình là mục ruỗng, rồi hai hay ba tuần cuối cùng sẽ xảy ra những biến cố nào đó, nhưng chúng ta có thể lường trước được chuyện gì đâu. Nói rộng ra trong phạm vi cả thế giới, từ hai mươi năm nay có ai lường được gì

đâu: Liên Xô sụp đổ, bức tường Berlin sụp đổ, tòa nhà đôi ở New York bị cưa đứt.

talawas: *Sang một vấn đề khác, vấn đề dịch thuật. Bản thân ông là người đã có nhiều công trình dịch thuật, ông có cho rằng dịch được 500 cuốn sách quan trọng nhất thuộc mọi lĩnh vực tri thức của nhân loại là đời sống văn hóa, trí tuệ tại Việt Nam sẽ được một đà tiến đáng kể không?*

HNH: Dịch thuật theo tôi là một trong những vấn đề quan trọng nhất hiện nay, vì nếu không khéo thì đầu óc của trí thức chúng ta bị hư hỏng bởi những bản dịch tồi chứ không phải bởi không có sách dịch. Cách đây sáu tháng, nhà xuất bản Giáo Dục có đưa cho tôi một bản thảo dịch những bài phê bình nổi tiếng của Mỹ và Pháp, dịch giả là Lê Huy Bắc. Tôi không tưởng tượng nổi, sao nó lại sai một cách ngu xuẩn như vậy. Lê Huy Bắc hiện nay là người giỏi tiếng Anh nhất trường Sư phạm, và trường Sư phạm hiện nay là một trường đại học mẫu mực, trường điểm của nhà nước, tương lai của nền học thuật Việt Nam. Trong bản giám định gửi cho nhà xuất bản, tôi nói rằng, một cuốn sách ba trăm trang chỉ cần ba cái nonsens, ba cái contresens là tác giả và nhà xuất bản mất uy tín. Còn ông Lê Huy Bắc, một đoạn mười dòng của ông ấy đã có đến bốn cái contresens, tức dịch ngược hẳn ý của người ta. Như vậy vấn đề dịch thuật hiện nay rất đáng lo ngại. Ở nước ngoài có một số khá đông người Việt rất thông thạo ngoại ngữ, lại có trình độ chuyên môn cao và tiếng Việt cũng khá, nhà nước cần có chính sách để khuyến khích họ đóng góp vào việc dịch thuật. Nhưng lớp người còn thạo tiếng Việt ấy ở nước ngoài chỉ mười, mười lăm năm nữa sẽ hết. Một khâu quan trọng nữa là đào tạo dịch thuật. Dĩ nhiên học ngoại ngữ đại trà là quan trọng, quần chúng có được có những bằng A, B, C hay đại học gì đó cho một ngoại ngữ là điều tốt, nhưng đào tạo dịch giả thật sự lại phải theo một con đường khác. Mỗi dịch giả kế cận phải qua ít nhất là một bản dịch khoảng 300 trang của những tác phẩm khó, thí dụ Franaçois Jullien trong tiếng Pháp, hay Freud trong tiếng Đức, nhưng phải thực hiện bản dịch này dưới sự kèm cặp trực tiếp của một dịch giả lão thành thực thụ. Một thầy kèm một trò.

talawas: *Ai sẽ phân công người xứng đáng làm thầy để kèm học trò? Rất có thể một người được coi là thạo tiếng Anh nhất trường Đại học Sư phạm, chuyên gia về văn học Mỹ như ông Lê Huy Bắc sẽ được cử làm thầy?*

HNH: Đúng, sẽ có chuyện ngược đời như vậy, nhưng sở dĩ xảy ra chuyện ngược đời vì Lê Huy Bắc không được qua giai đoạn đào tạo thật sự với một người thầy xứng đáng. Nếu được học với tôi, tôi sẽ kèm xứng đáng, thì Lê Huy Bắc bây giờ đã là một dịch giả hoàn toàn khác. Nhưng vấn đề là ai trả tiền cho tôi để kèm từng chữ, từng dòng như vậy? Cái nhà nước này không biết trả tiền cho những chuyện như thế, họ không hình dung được mức thù lao

cho những việc như thế.

talawas: *Nhưng nếu biết trả thù lao cao cho những việc như thế, những người giỏi có "chen" nổi vào vị trí được thù lao cao ấy không? Hay cuối cùng vẫn là sự thống trị của cái dốt? Vì để cái dốt bị đào thải, cần một cơ chế cạnh tranh tự nhiên, không bị đường lối chính trị tư tưởng chỉ đạo và guồng máy quan liêu chi phối...*

HNH: Có lẽ thế. Mà chắc chắn thế. Lúc ấy thì họ sẽ không mời tôi, mà chắc sẽ mời rất nhiều những ông dốt.

talawas: *Người ta thường cho rằng thương mại vô tổ chức là nguyên nhân của nạn dịch thuật hiện nay, nhưng chắc một dịch giả như Lê Huy Bắc không dịch vì lí do thương mại.*

HNH: Đúng như vậy. Không thương mại mà vẫn hỏng. Tôi thường nói với con gái tôi như sau: Giữa một người không dịch được hết, để lại mười chỗ trống, và một người dịch được hết song có một chỗ sai, thì người để trống mười chỗ là hơn. Quan điểm này của tôi hoàn toàn ngược với cách nghĩ của người Việt. Người Việt không bao giờ thừa nhận là có chỗ mình không hiểu. Không hiểu mà cứ dịch bừa, không chịu để trống những chỗ mình không hiểu. Đấy là một cái gì đã thành cố tật của người Việt. Làm sao có thể phổ biến đến giới dịch thuật và công chúng cái quan điểm này: Thà bỏ trống mười chỗ mà sau khi đã tra cứu khắp nơi vẫn không hiểu, nhưng còn lại thì dịch đúng hết, hơn là dịch được hết, không bỏ trống chỗ nào nhưng có một chỗ sai.

talawas: *Các bản dịch sai thì thường chưa cần đối chiếu với bản gốc, chỉ đọc bản tiếng Việt đã có thể thấy là ngớ ngẩn. Nhưng sự ngớ ngẩn này vẫn lọt qua bình thường, ít khi bị phát hiện.*

HNH: Ở các nhà xuất bản hiện nay làm gì có người đủ trình độ để hiểu, đã thế lại không đọc đến nơi đến chốn, chỉ liếc qua rồi kí. Ngoài ra tôi có một luận điểm thế này: Ở trí thức Việt Nam, giác quan về sự ngớ ngẩn rất yếu, trước một câu nói ngớ ngẩn thường không có phản ứng gì hết, vì không nhận ra là ngớ ngẩn. Cách đây ba năm, trường Đại học Văn Hiến của Sài Gòn có một hội thảo liên kết với một trường đại học ở Versailles. Bên Pháp cử ba ông giáo sư mang theo ba bản tham luận sang dự. Tôi biết mình nghe không giỏi nên xin ba bản đó về đọc trước. Hôm sau ông thứ nhất lên nói, tôi đã đọc trước nên theo được. Ông phiên dịch dịch câu nào cũng sai, mà rất tươi cười, rất tự tin, tôi không nói điêu. Bên dưới không có phản ứng gì, chứng tỏ họ không nhận ra đó là sự ngớ ngẩn. Duy nhất có một ông từng học ở Pháp về nhận ra là sai thì có phản ứng. Còn lại, tất cả đều coi là bình thường. Ngày hôm sau đến lượt ông thứ hai. Tôi đã đọc rất kĩ bản tham luận của ông ấy mà không hiểu nội dung, nên hôm sau tôi không đi dự, vì có hiểu gì đâu mà dự. Ngày hôm sau nữa tôi lại đi. Có mấy người hỏi tôi: "Hôm qua sao anh không

đi? Ông ấy nói hay lắm". Làm sao biết là hay, vì vẫn chính ông phiên dịch của ngày hôm kia phụ trách, mà bản này lại khó hơn rất nhiều, khó đến mức ông Hoàng Ngọc Hiến phải chịu ngồi ở nhà vì không hiểu. Mà đấy là một cử tọa chuyên môn rồi đấy. Có lẽ cái đào tạo ở nước mình đã đến mức làm cho đầu óc người ta lộn xộn. Thí dụ như ông Đỗ Văn Khang mà giảng thì học sinh không hiểu gì cả, vì chính ông ấy không hiểu mình nói gì.

talawas: *Ông Đỗ Văn Khang không hiểu mình nói gì, nhưng những người ngồi nghe có biết rằng ông ấy không hiểu mình nói gì không?*

HNH: Trong một lớp bốn chục sinh viên thì thế nào cũng có hai, ba sinh viên thông minh, nhận ra điều ấy, nhưng lại thế nào được với ba mươi bảy đứa kia! Ba mươi bảy đứa kia cứ ngồi đực mặt ra đấy, không hiểu gì, không có ý kiến gì, lại thế nào được với đám đông ấy! Cái mục ruỗng của học thuật nước mình là ở đó, chứ những chuyện như làm bài thuê, mua Tiến sĩ không đáng sợ lắm đâu. Đáng sợ nhất là giác quan về sự ngớ ngẩn gần như bị tê liệt.

talawas: *Có một khả năng nào để phục hồi lại giác quan đó?*

HNH: Có, nhưng phải lâu dài. Chẳng hạn phải xây dựng một, hai trường tử tế trong số mấy chục trường. Nhưng nhiều khi phải cần hàng thập kỉ, có khi hàng thế kỉ mới xây dựng được một trường tử tế. Những phát biểu về cải cách giáo dục hiện nay ở tình trạng là mọi người chỉ nói cái muốn của mình, phê phán hiện trạng, nhưng cái muốn của mình thì vô cùng, trong khi chỉ cần thực hiện được một điều thôi cũng đã cần hàng loạt yếu tố, phải có thời gian, phải có tiền, phải làm đi làm lại. Hiện nay cả nước gào lên về giáo dục, gào lên cái muốn của mình. Để bớt sự ngớ ngẩn, theo tôi phải phân biệt giáo dục elite và giáo dục đại trà. Với thiểu số đặc tuyển ở Việt Nam hiện nay, trước hết phải thực hiện những việc rất tầm thường, nhưng tầm thường thế thôi mà có khi còn chưa đủ sức. Cái nước mình nó thế. Chẳng hạn thiểu số ấy phải đủ sức sử dụng những công cụ tra cứu của thế giới, từ loại đơn giản lên dần những loại phức tạp hơn. Đó là nói đến thiểu số chọn lọc, mà đo trình độ dân trí là đo dân trí của thiểu số chọn lọc, chứ không phải của quảng đại quần chúng. Nói đến dân trí là nói đến giới trí thức. Nhưng chúng ta có một cái hồ đồ, cần phải giải quyết trước rồi mới bàn đến chuyện trí thức được. Cái hồ đồ ấy là thế này: Sau cách mạng thì một ông giáo viên cấp một là trí thức. So với nền tảng chung lúc ấy, xung quanh đều không biết chữ, thì giáo viên cấp một đúng là trí thức. Nhưng bây giờ, giáo viên cấp một có phải trí thức không? Anh mà bảo không thì nó đập cho anh vỡ mặt, nước mình nó rất khó như vậy. Thực ra khi nói đến vai trò của trí thức là nói đến vai trò của elite. Nếu cứ mập mờ, giáo viên cấp một cũng trí thức, cũng elite, thì không giải quyết được việc gì cả. Nếu có một ông giáo viên cấp một học nhiều, đọc nhiều, nhận thức cao thì đó chỉ là một ông, không thể tính tất cả hàng vạn giáo viên cấp một vào

giới trí thức. Cách nghĩ phổ biến ở nước ta, cứ không lao động chân tay mà lao động trí óc là trí thức, không giải quyết được gì cả. Chưa rõ ràng trong cách nghĩ thì không bàn tiếp được.

talawas: *Xin hỏi ông một việc khác. Gần đây, Trường viết văn Nguyễn Du khá mất uy tín, ông từng là một trong những người phụ trách trường này...*

HNH: Đấy là một ví dụ tiêu biểu cho đường lối tổ chức ở nước mình. Trước đây người chịu trách nhiệm chính là anh Phạm Vĩnh Cư, một người mà tôi đánh giá là rất nghiêm túc. Nhưng rồi có chuyện Thái tử, tức Đặng Việt Bích, con trai ông Trường Chinh, về Trường đại học Văn Hóa với tư cách là hiệu phó. Thực ra ông ta muốn làm hiệu trưởng, nhưng không được, vì quá lười biếng, ngu dốt, nhếch nhác. Tất nhiên cái đám Vụ trưởng ở bên trên phò cho ông ta rất ghê, Thái tử mà. Cuối cùng giải pháp là cho ông ta làm hiệu trưởng Trường viết văn Nguyễn Du, để ông ta khỏi hậm hực về cái chức hiệu trưởng Trường đại học Văn Hóa. Thời đó tôi đã về hưu, Phạm Vĩnh Cư đang ở Pháp vài tháng, khi trở về không được ông hiệu trưởng mới là Đặng Việt Bích nhận nữa, mặc dù chẳng có tội tình gì. Đặng Việt Bích là người lười đọc sách, ngu dốt, ích kỉ, Tiến sĩ ở Đức về, làm hiệu trưởng là phá nát Trường viết văn Nguyễn Du. Nghe lời đám hữu khuynh trong Hội Nhà Văn Việt Nam, ông ta làm một danh sách những người không được mời dạy ở trường, trong đó có tôi. Có những người rất trung lập, không theo phe phái nào, nhưng có hơi hướng cấp tiến một chút là không được mời. Như là Đỗ Lai Thúy chẳng hạn.

talawas: *Dưới thời của hiệu trưởng Đặng Việt Bích, Trường viết văn Nguyễn Du hoạt động ra sao?*

HNH: Khâu quan trọng nhất của Trường Nguyễn Du là chiêu sinh. Ở thời chúng tôi, mỗi khóa chúng tôi nhắm sẵn một số người chưa qua đại học nhưng có năng khiếu văn chương, có tác phẩm đáng chú ý. Trần Đăng Khoa cũng được chọn như vậy, học Nguyễn Du một năm rồi được cử sang Gorki. Hoặc Bảo Ninh, Tạ Duy Anh, Nguyễn Bình Phương... đều do chúng tôi nhắm trước. Không có trường Nguyễn Du thì Nguyễn Bình Phương bây giờ chắc đang leo trèo cắt dán cho một cái ban tuyên huấn nào đó ở trung đoàn. Từ khóa 5 trở đi, ông Bích chiêu sinh cho trường Nguyễn Du cứ theo cách của những trường khác, tức chấm bài thi, điểm cao thì lấy. Nhưng như thế không được. Đây có phải là chuyện cứ học văn hóa phổ thông giỏi là xong đâu. Chẳng hạn Bảo Ninh thi môn Sử bị điểm 0. Các môn thi gồm Sáng Tác, Văn và Sử. Cứ theo cách của ông Bích thì Bảo Ninh trượt. Nhưng chúng tôi đã "chạy điểm" cho Bảo Ninh, cuối cùng cho 5 điểm. Không phải là giả mạo, mà nói hẳn với giáo viên sử, rằng thí sinh này có thể trở thành một nhà văn giỏi, để ông ta nâng điểm lên. Thế là Bảo Ninh lọt.

talawas: *Hiện nay ông Bích còn làm hiệu trưởng không?*

HNH: Bị đẩy đi rồi, sang làm Viện phó Viện Văn hóa - Nghệ thuật.

talawas: *Cùng cơ quan với Đỗ Lai Thúy?*

HNH: Không, Đỗ Lai Thúy không được về Viện Văn hóa - Nghệ thuật, mà về Tạp chí Văn Hóa - Nghệ Thuật. Viện không nhận Đỗ Lai Thúy, vì Thúy giỏi quá. Còn Đặng Việt Bích vì ngu quá nên họ nhận ngay, làm ngay Viện phó. Nước mình nó thế.

talawas: *Vậy số phận của Trường Nguyễn Du hiện nay thế nào?*

HNH: *Họ vẫn chiêu sinh, nhưng không ra một cây bút nào cả, chắc chẳng còn ai nghĩ đến chuyện cứu trường Nguyễn Du nữa đâu.*

talawas: *Những người như ông Đặng Việt Bích chiếm tỉ lệ bao nhiêu trong giới văn nghệ và trí thức Việt Nam?*

HNH: Công bằng mà nói, người như thế cũng ít chứ không phải là nhiều. Ngu và lười như ông ấy thì quá đặc biệt.

talawas: *Chúng ta sang một chuyện nữa: Ông có nhìn thấy những khả năng hợp tác giữa giới nghiên cứu và phê bình văn chương ở trong nước và hải ngoại không? Liệu các thành tựu của giới nghiên cứu ở hải ngoại có khả năng được phổ biến chính thức hoặc giảng dạy ở Việt Nam?*

HNH: Tôi không theo dõi được hết các thành tựu ở hải ngoại, theo tôi tác động quan trọng nhất từ hải ngoại là những bài dịch. Ở trong nước, sách mới của quốc tế về không có hệ thống, rất hú họa. Trong khi đó nhiều bài dịch ở hải ngoại, tôi thấy rất quan trọng. Thí dụ bài Chủ nghĩa kinh điển mới và văn hóa của F. Turner, một tác giả Mĩ, do Nguyễn Tiến Văn dịch, đăng trên Talawas. Đọc xong bài đó tôi phải tự nhủ: Đọc sách mười mấy năm nay, thấy vẫn chàng màng, nhưng bài này giúp tôi được rất nhiều. Đó là một bài vô cùng cơ bản, tôi đọc đi đọc lại mười mấy lần, rồi gửi cho Hữu Thỉnh, đề nghị cậu ấy đọc xong rồi gửi cho Nguyễn Khoa Điềm. Bản dịch của Nguyễn Tiến Văn quan trọng đối với tôi đến mức tôi lấy nó làm cơ sở cho một bài giảng của tôi tại Đại học Sư phạm trước các giảng viên và nghiên cứu sinh. Trong buổi đó, tôi cao hứng khuyên rằng các bạn nên đọc Talawas thường xuyên. Thế là ngay sau đó, Đảng ủy Trường Sư phạm làm om sòm, lẽ ra tôi có hai buổi giảng thì sau buổi đầu tiên bị stop ngay, rất bất lịch sự. Ngoài việc dịch thuật, hải ngoại có thể cung cấp diễn đàn cho những người không công bố được ở trong nước. Điều đó rất quan trọng, để trong nước không thể bưng bít được.

talawas: *Còn việc cổ súy cho những trào lưu mới như Hậu Hiện Đại, kéo theo một tranh luận mang tính nguyên tắc, chẳng hạn về thái độ đối với chủ nghĩa hiện thực hiểu theo nghĩa rộng nhất? Điều này rất quan trọng với Việt Nam, vì dường như chúng ta chưa bao giờ giải quyết nghiêm túc những vấn đề của chủ nghĩa hiện thực...*

HNH: Hậu Hiện Đại nhìn chung là tái bút của Hiện Đại. Có một câu của

Paul Valéry găm lại trong tôi: "Những thử nghiệm của những chủ nghĩa Hiện Đại chỉ có ý nghĩa khi chúng được đưa vào chủ nghĩa Cổ Điển mới." Cái Cổ Điển mới này gần tự nhiên hơn Cổ Điển cũ. Cổ Điển mới có khả năng tiếp nhận những thử nghiệm hết sức quan trọng của Hiện Đại. Trong nước hiện nay đang bắt đầu có sự dồn dập giới thiệu Hậu Hiện Đại. Rất tốt, nhưng theo tôi không nên mất nhiều thời giờ về chuyện này lắm.

talawas: *Ông có thể nói ngắn gọn về chủ nghĩa Cổ Điển mới? Là sự phục hồi những đại tự sự của thế kỉ 19 đã bị Hiện Đại và Hậu Hiện Đại phá vỡ?*

HNH: Đại tự sự là một chuyện khác, nhưng có vài tiêu chuẩn khiến chủ nghĩa Cổ Điển trở thành một hằng số của lịch sử văn học: sự hàm súc, sự chính xác, sự chính xác của ngôn ngữ, sự chính xác của giọng điệu, cả sự chính xác của nghệ thuật bố cục... Mọi tác phẩm văn học lớn đều có sự chính xác này, trước hết là sự chính xác của từ ngữ. Chúng ta thường nói rằng mình yêu tiếng Việt, nhưng yêu như thế nào thì mơ hồ quá. Theo tôi, dùng tiếng Việt chính xác mới là yêu tiếng Việt, mà cái yếu nhất trong văn học Việt Nam từ 1945 đến nay là không chính xác về từ ngữ. Toàn dùng những từ chung chung, từ khuôn sáo, không chọn được từ chính xác, không chọn được giọng điệu chính xác. Một câu biết cách đặt đúng thì vào ngay cảm nhận của người đọc.

talawas: *Những nghệ sĩ quan trọng nhất của chủ nghĩa hiện đại như Franz Kafka hay Arnold Schoenberg không nổi tiếng là những người đạt tới sự chính xác rất cao sao?*

HNH: Vâng, sự chính xác của họ sẽ được đưa vào chủ nghĩa Cổ Điển mới. Tôi có thể đảm bảo là từ 1945 đến nay những tác phẩm văn học Việt Nam hay đều là chủ nghĩa Cổ Điển.

talawas: *Là cha đẻ của khái niệm "chủ nghĩa hiện thực phải đạo", ông có nghĩ đến việc cho cái chủ nghĩa hiện thực đang tồn tại trong văn học Việt Nam đương đại một cái tên mới nào không? Chủ nghĩa hiện thực phải chăng, hay... phải gió?*

HNH: Tôi chỉ cần một chữ là đủ sống đời. Chữ "phải đạo" làm sập cơ bản một hệ tư tưởng, chủ nghĩa hiện thực phải đạo ra đời là chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa biến luôn, bây giờ không còn có mặt trên văn đàn. Tôi bị đánh là không oan. Khái niệm ấy không mang tính thóa mạ, nó rất hiền lành, nhưng ngẫm ra thì nó nhếch nhác, buồn cười lắm. Cái nước mình nó thế.

talawas: *Xin cảm ơn ông Hoàng Ngọc Hiến.*

(Những người thực hiện: Phạm Thị Hoài và Trương Hồng Quang)

Berlin, tháng 7.2004

- 2004 talawas

khi ông hoàng ngọc hiến "văng tục và chửi" trên "talawas"

TRẦN MẠNH HẢO

Cụm từ "văng tục và chửi theo nghĩa đen" được trích ra dùng cho tiêu đề bài viết này không phải là chúng tôi, mà lấy từ tuyên ngôn của ông Hoàng Ngọc Hiến, chủ trương một lối phê bình như chính ông viết sau: "Tôi đề nghị một sự giãn biên những cung bậc, cung cách phản ứng bị phê bình chấp nhận được, thậm chí cần có sự thông cảm ngay cả với văng tục và chửi (theo nghĩa đen)" (trích trong bài "Về tư cách người phê bình và người bị phê bình") của Hoàng Ngọc Hiến trang 22, cột 3, báo Ngày Nay số 17-2003). Xin lỗi quý độc giả, chính ra chúng tôi không nên trích ra đây những lời chửi rủa của ông Hoàng Ngọc Hiến – một giảng viên đại học lâu năm, khi ông trút cơn giận xuống đầu nhà thơ Trần Đăng Khoa và tập thể các nhà văn quân đội, nhưng vì cần phải làm rõ lối hành sử của một "trí thức thượng lưu" nơi ông Hiến (do ông tự phong trên báo Ngày Nay số 13-2004 khi cho mọi người trí thức khác đều là "trí thức bình dân"), nên đành phải trích lời ông Hiến ra như sau: "Tôi cho rằng "Mổ thịt nhà văn" đã đánh vào sào huyệt là Văn Nghệ Quân Đội. Trong vở có một chi tiết: Trần Đăng Khoa vốn là người lương thiện hiền lành, nhưng trong môi trường ô nhiễm, nên cứ bị ngấm dần, thành một con lợn bẩn thỉu. Cái môi trường ấy, mọi người hiểu ngay là Văn Nghệ Quân Đội. Hiện nay, Văn Nghệ Quân Đội mới là thành trì thực sự...", "Văn Nghệ Quân Đội là một thành trì. Nó biết, bây giờ nó mà lung lay là tan đàn xẻ nghé. Đấy là một đám không có tài, vì vậy phải co cụm lại, bảo vệ nhau bằng được".

Những lời trên của ông Hoàng Ngọc Hiến trích trong trang 6, trong bài: "Cái nước mình nó thế" là bài trả lời phỏng vấn của ông Hiến với Phạm Thị Hoài và Trương Hồng Quang in trên Talawas (Berlin, tháng 7-2004). Vì sao ông Hoàng Ngọc Hiến tự nhiên căm thù Trần Đăng Khoa và các nhà văn quân đội ở tạp chí Văn Nghệ Quân Đội đến thế? Vuốt mặt, ít ra ông Hiến còn phải nể mũi chứ? Vì, cách đây mới bốn tháng, tạp chí Văn Nghệ Quân Đội đã xin nhà văn kiêm nhà thơ trẻ có tài là anh Nguyễn Bình Phương, vốn là con rể ông Hoàng Ngọc Hiến về tạp chí làm biên tập trang thơ. Hẳn là ông Hoàng Ngọc Hiến biết hầu hết các tập thơ, tập tiểu thuyết của Nguyễn Bình Phương đều được buổi phát thanh Tiếng Việt đài Pháp ngữ R.F.I. mục văn nghệ khen ngợi và đánh giá đây là một tài năng thực sự. Trong quá khứ, ông Hoàng Ngọc Hiến cũng từng nhiều lần khen một số nhà văn quân đội là tài năng đó

ư? Sao bỗng dưng hôm nay, ông lại đổi giọng, chửi các nhà văn quân đội là một lũ bất tài, chửi Trần Đăng Khoa là "con lợn bẩn thỉu" bị "cái chuồng" Văn Nghệ Quân Đội tha hóa, lợn hóa? Cũng như trước đây, ông Hiến từng ca ngợi nhiều tác phẩm văn học sau năm 1945 là hay, sao bây giờ trên trang 12, bài vừa dẫn đăng trên Talawas, ông Hiến lại xổ toẹt hết thẩy, phủ nhận văn học Việt Nam sau năm 1945 rằng không có tay nào viết nổi một câu văn: "Theo tôi, dùng tiếng Việt chính xác mới là yêu tiếng Việt, mà cái yếu nhất trong văn học Việt Nam từ 1945 đến nay không chính xác về từ ngữ. Toàn dùng những từ chung chung, từ khuôn sáo, không chọn được từ chính xác..."

Nguyên nhân dẫn đến những lời đầy "chất trí thức thượng lưu kiểu Hoàng Ngọc Hiến" trên là việc Talawas cùng Hoàng Ngọc Hiến hè nhau bênh Nguyễn Huy Thiệp, sau khi ông Thiệp viết bài "Trò chuyện với hoa thủy tiên và sự nhầm lẫn của nhà văn" trên báo Ngày Nay số 4, 5, 6-2004 chửi các nhà văn Việt Nam là vô học, lưu manh, giặc già, đám vứt đi cả, chập cheng, hâm hấp, phù phiếm, vô nghĩa, lăng nhăng, lít nhít, hữu danh vô thực, quá khích, vớ vẩn... Thậm chí ông Thiệp còn đòi "dí l... vào thơ" một cách không sao hiểu nổi. Bài viết của Nguyễn Huy Thiệp ngay lập tức bị dư luận xã hội phản ứng, trong đó có bài của Trần Đăng Khoa viết chung với Nguyễn Văn Thọ phê bình Nguyễn Huy Thiệp nhan đề "Ngẫu hứng qua mây gió" in trên Văn Nghệ Quân Đội 6-2004. Nhập đề của Talawas với Hoàng Ngọc Hiến là mượn bài phê bình này của Trần Đăng Khoa và Nguyễn Văn Thọ để làm miếng trầu mở đầu câu chuyện. Chính bài viết này của Trần Đăng Khoa là cái cớ để Talawas và Hoàng Ngọc Hiến tung hứng một trò chơi có tên là Nguyễn Huy Thiệp, theo kiểu con mèo choai choai tung hứng đuôi mình lên rồi quay lại vỗ chính đuôi mình mà khoe rằng ta vừa bắt được chuột.

Nhưng một điều mỉa mai thay là Hoàng Ngọc Hiến chưa hề đọc bài của Nguyễn Huy Thiệp và cả bài phê bình Thiệp của Trần Đăng Khoa, như chính ông thú nhận như sau: "Bài này (tức bài "Ngẫu hứng qua mây gió" của Trần Đăng Khoa) tôi chưa đọc. "Hoa thủy tiên..." tôi cũng chưa đọc". Chưa đọc sao dám khen Nguyễn Huy Thiệp viết đúng và chê Trần Đăng Khoa viết sai, viết bậy? Không hề đọc của người ta, sao ông Hiến lại cứ ông ổng chửi Trần Đăng Khoa một cách vô lối thế này trong bài đã dẫn trên Talawas: "Họ (tức Trần Đăng Khoa và các nhà văn phê bình Nguyễn Huy Thiệp) nghĩ rằng phải hạ uy tín của Thiệp... muốn hạ thì phải dùng mọi cách: Đấu tố, chửi, nhổ vào mặt. Bây giờ cũng vậy thôi. Trần Đăng Khoa tìm đủ cách để hạ uy thế của Nguyễn Huy Thiệp... Đối với Trần Đăng Khoa thì rất đơn giản. Nguyễn Huy Thiệp là thằng cường hào địa chủ trong văn học cần phải lật đổ... Ông Khoa và những người như ông ấy chẳng nghĩ đến tính lịch sử ấy đâu. Họ nghĩ đơn giản hơn nhiều. Họ muốn chôn, muốn đóng ván thiên cho Thiệp... Tiếng nói

khi ông hoàng ngọc hiến "văng tục và chửi" trên "talawas"

TRẦN MẠNH HẢO

Cụm từ "văng tục và chửi theo nghĩa đen" được trích ra dùng cho tiêu đề bài viết này không phải là chúng tôi, mà lấy từ tuyên ngôn của ông Hoàng Ngọc Hiến, chủ trương một lối phê bình như chính ông viết sau: "Tôi đề nghị một sự giãn biên những cung bậc, cung cách phản ứng bị phê bình chấp nhận được, thậm chí cần có sự thông cảm ngay cả với văng tục và chửi (theo nghĩa đen)" (trích trong bài "Về tư cách người phê bình và người bị phê bình") của Hoàng Ngọc Hiến trang 22, cột 3, báo Ngày Nay số 17-2003). Xin lỗi quý độc giả, chính ra chúng tôi không nên trích ra đây những lời chửi rủa của ông Hoàng Ngọc Hiến – một giảng viên đại học lâu năm, khi ông trút cơn giận xuống đầu nhà thơ Trần Đăng Khoa và tập thể các nhà văn quân đội, nhưng vì cần phải làm rõ lối hành sử của một "trí thức thượng lưu" nơi ông Hiến (do ông tự phong trên báo Ngày Nay số 13-2004 khi cho mọi người trí thức khác đều là "trí thưc bình dân"), nên đành phải trích lời ông Hiến ra như sau: "Tôi cho rằng "Mổ thịt nhà văn" đã đánh vào sào huyệt là Văn Nghệ Quân Đội. Trong vở có một chi tiết: Trần Đăng Khoa vốn là người lương thiện hiền lành, nhưng trong môi trường ô nhiễm, nên cứ bị ngấm dần, thành một con lợn bẩn thỉu. Cái môi trường ấy, mọi người hiểu ngay là Văn Nghệ Quân Đội. Hiện nay, Văn Nghệ Quân Đội mới là thành trì thực sự...", "Văn Nghệ Quân Đội là một thành trì. Nó biết, bây giờ nó mà lung lay là tan đàn xẻ nghé. Đấy là một đám không có tài, vì vậy phải co cụm lại, bảo vệ nhau bằng được".

Những lời trên của ông Hoàng Ngọc Hiến trích trong trang 6, trong bài: "Cái nước mình nó thế" là bài trả lời phỏng vấn của ông Hiến với Phạm Thị Hoài và Trương Hồng Quang in trên Talawas (Berlin, tháng 7-2004). Vì sao ông Hoàng Ngọc Hiến tự nhiên căm thù Trần Đăng Khoa và các nhà văn quân đội ở tạp chí Văn Nghệ Quân Đội đến thế? Vuốt mặt, ít ra ông Hiến còn phải nể mũi chứ? Vì, cách đây mới bốn tháng, tạp chí Văn Nghệ Quân Đội đã xin nhà văn kiêm nhà thơ trẻ có tài là anh Nguyễn Bình Phương, vốn là con rể ông Hoàng Ngọc Hiến về tạp chí làm biên tập trang thơ. Hẳn là ông Hoàng Ngọc Hiến biết hầu hết các tập thơ, tập tiểu thuyết của Nguyễn Bình Phương đều được buổi phát thanh Tiếng Việt đài Pháp ngữ R.F.I. mục văn nghệ khen ngợi và đánh giá đây là một tài năng thực sự. Trong quá khứ, ông Hoàng Ngọc Hiến cũng từng nhiều lần khen một số nhà văn quân đội là tài năng đó

ư? Sao bỗng dưng hôm nay, ông lại đổi giọng, chửi các nhà văn quân đội là một lũ bất tài, chửi Trần Đăng Khoa là "con lợn bẩn thỉu" bị "cái chuồng" Văn Nghệ Quân Đội tha hóa, lợn hóa? Cũng như trước đây, ông Hiến từng ca ngợi nhiều tác phẩm văn học sau năm 1945 là hay, sao bây giờ trên trang 12, bài vừa dẫn đăng trên Talawas, ông Hiến lại xổ toẹt hết thẩy, phủ nhận văn học Việt Nam sau năm 1945 rằng không có tay nào viết nổi một câu văn: "Theo tôi, dùng tiếng Việt chính xác mới là yêu tiếng Việt, mà cái yếu nhất trong văn học Việt Nam từ 1945 đến nay không chính xác về từ ngữ. Toàn dùng những từ chung chung, từ khuôn sáo, không chọn được từ chính xác..."

Nguyên nhân dẫn đến những lời đầy "chất trí thức thượng lưu kiểu Hoàng Ngọc Hiến" trên là việc Talawas cùng Hoàng Ngọc Hiến hè nhau bênh Nguyễn Huy Thiệp, sau khi ông Thiệp viết bài "Trò chuyện với hoa thủy tiên và sự nhầm lẫn của nhà văn" trên báo Ngày Nay số 4, 5, 6-2004 chửi các nhà văn Việt Nam là vô học, lưu manh, giặc già, đám vứt đi cả, chập cheng, hâm hấp, phù phiếm, vô nghĩa, lăng nhăng, lít nhít, hữu danh vô thực, quá khích, vớ vẩn... Thậm chí ông Thiệp còn đòi "dí l... vào thơ" một cách không sao hiểu nổi. Bài viết của Nguyễn Huy Thiệp ngay lập tức bị dư luận xã hội phản ứng, trong đó có bài của Trần Đăng Khoa viết chung với Nguyễn Văn Thọ phê bình Nguyễn Huy Thiệp nhan đề "Ngẫu hứng qua mây gió" in trên Văn Nghệ Quân Đội 6-2004. Nhập đề của Talawas với Hoàng Ngọc Hiến là mượn bài phê bình này của Trần Đăng Khoa và Nguyễn Văn Thọ để làm miếng trầu mở đầu câu chuyện. Chính bài viết này của Trần Đăng Khoa là cái cớ để Talawas và Hoàng Ngọc Hiến tung hứng một trò chơi có tên là Nguyễn Huy Thiệp, theo kiểu con mèo choai choai tung hứng đuôi mình lên rồi quay lại vỗ chính đuôi mình mà khoe rằng ta vừa bắt được chuột.

Nhưng một điều mỉa mai thay là Hoàng Ngọc Hiến chưa hề đọc bài của Nguyễn Huy Thiệp và cả bài phê bình Thiệp của Trần Đăng Khoa, như chính ông thú nhận như sau: "Bài này (tức bài "Ngẫu hứng qua mây gió" của Trần Đăng Khoa) tôi chưa đọc. "Hoa thủy tiên..." tôi cũng chưa đọc". Chưa đọc sao dám khen Nguyễn Huy Thiệp viết đúng và chê Trần Đăng Khoa viết sai, viết bậy? Không hề đọc của người ta, sao ông Hiến lại cứ ông ổng chửi Trần Đăng Khoa một cách vô lối thế này trong bài đã dẫn trên Talawas: "Họ (tức Trần Đăng Khoa và các nhà văn phê bình Nguyễn Huy Thiệp) nghĩ rằng phải hạ uy tín của Thiệp... muốn hạ thì phải dùng mọi cách: Đấu tố, chửi, nhổ vào mặt. Bây giờ cũng vậy thôi. Trần Đăng Khoa tìm đủ cách để hạ uy thế của Nguyễn Huy Thiệp... Đối với Trần Đăng Khoa thì rất đơn giản. Nguyễn Huy Thiệp là thằng cường hào địa chủ trong văn học cần phải lật đổ... Ông Khoa và những người như ông ấy chẳng nghĩ đến tính lịch sử ấy đâu. Họ nghĩ đơn giản hơn nhiều. Họ muốn chôn, muốn đóng ván thiên cho Thiệp... Tiếng nói

của Trần Đăng Khoa bây giờ không có tác động gì. Cũng chẳng ai mất thời gian bác bỏ Trần Đăng Khoa. Lịch sử vẫn cứ đi, mà chính Trần Đăng Khoa lại nhột... Trần Đăng Khoa là nông dân và trẻ con, thế thôi... Trong toàn bộ sự nhộn nhạo vừa rồi, họ sử dụng một đứa trẻ con..."

Không đọc cả Nguyễn Huy Thiệp lẫn Trần Đăng Khoa mà ông Hoàng Ngọc Hiến vẫn nhảy ra bênh Thiệp và chửi Khoa hết lời, thậm chí dám bảo một người có tài năng về thơ ca và phê bình văn học như Trần Đăng Khoa là "con lợn bẩn thỉu" thì chúng tôi xin bái phục sự liều mạng của ông Hoàng Ngọc Hiến (!). Trần Đăng Khoa ít ra là tài hơn, nhân hậu hơn, nổi tiếng hơn, có đóng góp lớn cho văn học hơn hẳn Hoàng Ngọc Hiến; ngồi trên ông Hiến mấy cái chiếu, cao hơn ông Hiến mấy cái đầu... Không đọc bất cứ bài nào của ai phê bình Nguyễn Huy Thiệp mà ông Hiến vẫn dám kết luận rằng: "Những bài phê phán Thiệp quá kém..." Việc làm trên của ông Hoàng Ngọc Hiến giống như ông chấm bài cho sinh viên mà không hề đọc khóa luận của chúng, như thầy thuốc không cần khám bệnh mà vẫn kê đơn, như quan tòa không hề xem cáo trạng mà vẫn tuyên án.

Bằng phương pháp luận "thầy mù xem voi", không cần đọc người ta, không cần chứng cứ, Hoàng Ngọc Hiến trong bài đã dẫn còn moi ra rất nhiều ông giáo dạy đại học ví như ông Đặng Việt Bích từng là hiểu trưởng trường Viết Văn Nguyễn Du, như ông GSTS Đỗ Văn Khang, Lê Huy Bắc... rồi mắng nhiếc các ông này đều là ngu dốt, bần tiện cả. Không hề đọc bài của người ta mà dám chửi người ta là "con lợn bẩn thỉu" thì chúng tôi thiết nghĩ, dưới gầm trời này, không việc trái khoáy nào, dối trá, lừa lọc mà ông Hoàng Ngọc Hiến không dám làm. Ông Hiến miệt thị Văn Nghệ Quân Đội và cả Ban Chấp Hành Hội Nhà Văn Việt Nam, gọi chung một rọ là "Cái đám" như sau: "Phía kia là cái đám mà Nguyễn Huy Thiệp đụng chạm đến sĩ diện của họ, sự tồn tại của họ. Đó là mấy tay trong Văn Nghệ Quân Đội, trong Ban Chấp Hành Hội Nhà Văn. Đám ấy nhao nhao lên, gây áp lực cho ông Điềm...". Hoàng Ngọc Hiến còn miệt thị nền văn chương hiện đại Việt Nam bằng giọng hể hả, khoe khoang, đắc thắng, rất "Don Quichotte" như sau: "Tôi chỉ cần một chữ đủ sống đời. Chữ "phải đạo" làm sập cơ bản hệ tư tưởng, chủ nghĩa hiện thực phải đạo ra đời là chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa biến luôn, bây giờ không còn có mặt trên văn đàn...". Chúng tôi đã sưu tầm được hầu hết những bài viết trên báo và các tập sách của Hoàng Ngọc Hiến in ở Việt Nam từ năm 1960 đến nay. Trong các bài viết ấy, nhiều lần Hoàng Ngọc Hiến từng ca ngợi văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa, nhiều lần từng "đấu tố nhân văn giai phẩm" ra trò mà sao giờ đây ông mau quên thế? Đến nỗi người ta cứ có cảm tưởng chính ông đã từng là "nhân văn" vậy? "Thời xa vắng" ấy, ông từng lên bục giảng, viết báo ca ngợi nền văn học xã hội chủ nghĩa, lên án văn học "Mỹ

ngụy" trong các "vùng tạm chiếm miền Nam"; vậy mà trong tập tiểu luận "Văn học Việt Nam hải ngoại" của mình do trung tâm Joiner Center, đại học tổng hợp Massachussettes Boston ấn hành 2001, ông bốc thơm "văn học Việt Nam hải ngoại" lên mây xanh, còn hạ văn học Bắc Việt xuống sát đất. "Công trình" này của Hoàng Ngọc Hiến được sự tài trợ của quỹ For Hoa Kỳ đã bị chính báo chí Việt ngữ hải ngoại chửi nát nước vì trò cơ hội chính trị của ông Hiến. Đến nỗi, trên báo Ngày Nay số 17, ra ngày 15-9-2003, ở trang 22, cột 3, trong bài "Về tư cách người phê bình và tư cách người bị phê bình", Hoàng Ngọc Hiến tự thú nhận như sau: "Trong những nhà phề bình có mặt ở đây ngày hôm nay, có khi tôi là người bị chửi nhiều nhất, ở trong nước cũng như ngoài nước; nhưng đây cũng xin nói rằng ở ngoài nước chửi hàm hồ và tàn bạo hơn nhiều...". Ông Hiến làm gì đến độ cả trong nước ngoài nước đều chửi thế? Hẳn đây là trò khổ nhục kế của ngài "thượng lưu trí thức" Hoàng Ngọc Hiến về nước thì bảo ngoài nước bọn chúng chửi tôi hàm hồ và tàn bạo hơn nhiều (có ý khoe tôi rất cách mạng); sang Mỹ thì lại bảo trong nước quân bảo thủ, phe hữu nó chửi tôi tàn mạt vì tôi phản động, tôi chống chế độ. Hóa ra, thời nay, được "cả hai phe cùng chửi" quả là vinh dự thay! Lấy hội chứng chửi làm nghề, lấy khổ nhục kế làm quà như Hoàng Ngọc Hiến mà kiếm lợi cả hai mang kể cũng là ký tài vậy?

Miệt thị, khinh khi Hội Nhà Văn Việt Nam như thế, bênh vực, về phe với Nguyễn Huy Thiệp để chửi các nhà văn thuộc Hội Nhà Văn tàn tệ, nhẫn tâm như thế, thậm chí dám "dí l..." vào thơ như thế, mà Hoàng Ngọc Hiến vẫn vui mừng khoe từng cầm tiền của những kẻ ông và Nguyễn Huy Thiệp vừa chửi rủa, bằng sự thú nhận như sau: "Tuy vậy mà hội viện Hội Nhà Văn được một số quyền lợi. Năm ngoái, tôi được bảy triệu. Ở Việt Nam bảy triệu không phải là dễ". Hóa ra, vì quyền lợi mà Hoàng Ngọc Hiến bất chấp thủ đoạn, bất chấp thiên lương! Chao ôi, một người tự nhận mình là trí thức thượng lưu, chê mọi trí thức khác là "trí thức bình dân", lại đang tâm cầm bảy triệu của Hội Nhà Văn Việt Nam biếu không, rồi ngay sau đó, cùng với Nguyễn Huy Thiệp, quay ngoắt lại, tạt nước bẩn vào mặt Hội Nhà Văn Việt Nam như thế mà coi được ư?

Từ cách ứng xử với Trần Đăng Khoa và với Hội Nhà Văn như trên, đủ thấy tính cách của Hoàng Ngọc Hiến là không được "trí thức thượng lưu" cho lắm! Một người như ông Hiến, ai dám tin rằng ông ta kể thật hay bịa ra việc ông giao tiếp với ông Lê Đức Thọ và Chế Lan Viên như sau: "...Chế Lan Viên phát biểu đại loại rằng, tư tưởng của anh Hiến không phải là Mác-Lê, mà theo Kant... Nguyễn Duy Bình và tôi đang ngồi cùng bàn thì Lê Đức Thọ đến, ngồi cùng... Lê Đức Thọ ngồi vào mâm của tôi, ngồi rất lâu, hơn nửa tiếng, chỉ nói chuyện ngụ ngôn thế thôi, được cả hội trường chú ý. Chế Lan Viên

thấy thế, có lẽ nhột, đi đi lại lại ngay sát bàn chúng tôi mấy lần, cuối cùng thì béo vào vai tôi một cái, bảo: "Vừa rồi tôi có nói gì hơi quá thì anh bỏ quá cho tôi nhé". Rất buồn cười, cái nước mình nó thế! Béo vào vai tôi một cái. Rất nhà quê... Nhà thơ lớn của nước mình cũng nhà quê, cũng trẻ con cả thôi, cả nước mình nó thế: Nhà quê và trẻ con... Đến lúc ông Lê Đức Thọ tổng kết hội nghị, về bài của tôi ông ấy nói: Anh Hiến là Mác-Lênin chứ chẳng căng kiếc gì..."

Cứ đà này, ít bữa nữa, có thể Hoàng Ngọc Hiến còn khoe, hồi tôi học ở Liên Xô để làm luận án phó tiến sĩ về Maiacôpxki, anh Khorúpsốp rồi sau cả anh Brêzơnhép đều có rủ tôi lên điện Cẩm Linh chơi để cùng nhau vừa ăn cơm vừa tọa đàm Mác-Lênin không chừng? Hoàng Ngọc Hiến nhân đà cao hứng, còn kể cho Phạm Thị Hoài nghe bao nhiêu chuyện của những ông đã khuất ứng xử có khi xấu, có khi tốt với ông ví như câu chuyện ông Hiến kể về Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Lưu Quý Kỳ... Việc văn bản của Trần Đăng Khoa sờ sờ ra kia mà ông Hiến không hề đọc đã xông vào phán xét chửi rủa người ta hết lời, thì ai dám tin những chuyện ông kể là thật hay bịa đây?

Nguyễn Huy Thiệp, nhà "chửi học" lớn nhất Việt Nam hiện nay, ngoài việc chửi đồng nghiệp ngoa ngoắt và tục tằn vừa dẫn, trong hai bài báo dài in trên tờ Ngày Nay: "Thời của tiểu thuyết" và "Trò chuyện với hoa thủy tiên" đã đưa ra những tà thuyết để làm hư hỏng lớp trẻ ví như: "Chân lý là nhầm lẫn", "Văn học là trường học của quỷ sứ", "Muốn thành ông số 1 phải có tâm đen, mặt dày", "Dục tính hay nhân tính của con người đều là trò bẩn thỉu"... lại được Talawas và Hoàng Ngọc Hiến cho là biểu tượng của đổi mới như sau: "Talawas: Cách đánh giá phổ biến ở ngoài nước rằng đây là một cuộc đấu tranh giữa một bên là những người cấp tiến, tôn trọng sự thật, mà Nguyễn Huy Thiệp được coi là đại diện với một bên là những đầu óc bê tông có hợp lý hay không?". Hoàng Ngọc Hiến hùa theo, rồi phân tuyến khá quyết liệt: "Người nào lên tiếng đả kích Thiệp lúc này là bảo thủ, hoặc nói theo ngôn ngữ phương Tây là thuộc cánh hữu. Với trường hợp Talawas cũng vậy... Những người phê phán Talawas, Nguyễn Huy Thiệp trong vòng một nhóm, trở đi trở lại có mấy người ấy. Bây giờ, đúng là có hai vấn đề cụ thể, Nguyễn Huy Thiệp và Talawas, để bộc lộ rất rõ trận tuyến... Chu Lai, Khoa, Nghé Q.... bây giờ bị coi là hữu...".

Tiêu chuẩn của "đổi mới", "cấp tiến" theo Talawas là phải "TÔN TRỌNG SỰ THẬT". Chúng ta vừa chứng kiến lối "tôn trọng sự thật" rất Hoàng Ngọc Hiến qua cách ứng xử trong bài vừa dẫn của ông ta với cả Nguyễn Huy Thiệp và Trần Đăng Khoa. Nay, ta tiếp tục tìm hiểu phẩm chất "TÔN TRỌNG SỰ THẬT" của người hùng "đổi mới=cấp tiến" Nguyễn Huy Thiệp qua việc kể lại của Talawas và Hoàng Ngọc Hiến như sau: "Talawas: Tên của tác giả

"Mổ thịt nhà văn" là Thích Thiện Ngân, được dư luận diễn nghĩa "Thích Tiền Sạch", chứ không phải nguyễn Huy Thiệp... HNH: Thích Thiện Ngân là nhân vật có thật, là một nhà văn trong xóm của Thiệp sẵn sàng đứng ra nói rằng tôi là tác giả vở kịch, chứ không phải anh Thiệp. Thiệp đã sắp đặt đến mức như thế. Talawas: Chúng ta đang ở trong một cuộc phỏng vấn mà những chi tiết như vậy có thể được công bố. HNH: Không sao cả, chuyện này tôi có thể đảm bảo. Thiệp đã chuẩn bị rất chu đáo, không ai bắt bẻ được. Mưu mẹo lắm, Cái nước mình nó buồn cười lắm...".

Qua đoạn đối thoại trên, ta thấy cái bổn hiệu, cái chiêu bài: "TÔN TRỌNG SỰ THẬT=ĐỔI MỚI=CẤP TIẾN" rất chi là chính đáng, là quang minh chính đại của Talawas – Nguyễn Huy Thiệp – Hoàng Ngọc Hiến đã đổ kềnh theo chính lời họ khoe ra rằng giáo chủ Nguyễn Huy Thiệp đã phải dùng biện pháp tiểu nhân để duy trì bổn hiệu quân tử. Rằng sau khi vô cớ chửi bới cả thiên hạ, bị mọi người phê phán lại, Nguyễn Huy Thiệp không sao tranh biện nổi, đã viết "vở kịch" có tên là "Mổ thịt nhà văn" để chửi bới lại những người đã phê bình mình bằng thứ ngôn từ đầu đường xó chợ, rồi oe oe chào đời trong bông băng tã lót của Talawas. Như Hoàng Ngọc Hiến vừa kể, viết xong cái bài chửi rất kịch có một không hai này, Nguyễn Huy Thiệp bèn thuê một ông Lỗ Trí Thâm nào đó có tên Thích Thiện Ngân đứng tên làm tác giả "vở kịch", để cho nó có vẻ "tôn trọng sự thật"; vì trong lời nói đầu của kịch này, Thích Thiện Ngân đã ca ngợi Thiệp là thiên tài thiên tướng, là nhân cách phi phàm, là người giời giáng thế. Chả lẽ giáo chủ lại nhìn vào gương rồi tự lạy mình ư? Đành bịa ra một chúng sinh thắp hương nghi ngút vái mình lia lịa như tế sao là Thích Thiện Ngân như trên mới cao sang, mới "tôn trọng sự thật", mới là tông phái "đổi mới", "tiến bộ" chứ! Hóa ra, qua lời kể của ông Hoàng Ngọc Hiến, thông qua "vở kịch" ma giáo kia, Thích Thiện Ngân, Thích Thiện Lừa này là cái anh được Thiệp thuê để tụng kinh gõ mõ. Việc làm này có khác gì Nguyễn Huy Thiệp tự đúc tượng mình rồi tự mình xìp sụp lạy lục mình liên chi hồ điệp...

Hoan hô những anh hùng "đổi mới", "tiến bộ" trên đây luôn dương cao ngọn cờ "TÔN TRỌNG SỰ THẬT" để lòe thiên hạ, rồi mở ra một dòng văn học sáng láng "VĂNG TỤC VÀ CHỬI THEO NGHĨA ĐEN". Vở kịch "ĐỔI MỚI-HOA THỦY TIÊN-MỔ THỊT NHÀ VĂN" của quý vị nhạt nhẽo quá, cần phải thêm chừng vài tạ muối vào cho "Nồi xúp Nguyễn Huy Thiệp" mằn mặn thêm tí chút! Và thứ muối ấy có tên là TỬ TẾ, để may ra có thể làm thay đổi được bản chất nhạt nhẽo của các vai hề "đổi mới" kia chăng?

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 19-8-2004

T.M.H.

(Trích báo Văn số 19 ngày 20-9-2004)

nhân đọc "cái nước mình nó thế" nghĩ về nhân cách của một kẻ sĩ...

BÍCH CHÂU

Xưa nay, khi nhắc đến nhân cách của một kẻ sĩ, người ta thường nghĩ đến tinh thần ái quốc, yêu dân, đến đức tính thẳng thắn, trung thực và khí khái trong một tấm lòng nhân hậu. Bên cạnh những đại trí thức Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, kẻ sĩ ngày xưa đã để lại những tấm gương lồng lộng cho hậu thế như Phan Đình Phùng, Trương Định, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến...

Người bỏ cả vinh hoa, bổng lộc của triều đình, dấy binh khởi nghĩa chống ngoại xâm; người kiên quyết từ quan an nhiên tự tại cùng chiếc thuyền câu; người khước từ hết mọi cám dỗ vật chất của thực dân để về sống cùng bà con dân ấp dân lân... Nhân cách lớn ấy như một truyền thống chảy trong huyết quản của người trí thức Việt Nam từ ngàn xưa đến bây giờ. Yêu nước và trung thực là tiêu chí cao nhất trong nhân cách của mỗi kẻ sĩ nên chí ít nếu bất đắc dĩ phải theo giặc như Trương Vĩnh Ký thì trong tâm thức của ông vẫn cảm thấy mình có tội với đất nước*.

Nhưng buồn thay, hiện nay dường như tiêu chí ấy đang dần dà trở nên nguội lạnh trong một số người vẫn mang danh là kẻ sĩ. Gần đây nhất là chuyện khá ồn ào của một ông tiến sĩ, một nhà giáo, một nhà nghiên cứu văn học khi một trang web nước ngoài phỏng vấn ông với nhan đề "Cái nước mình nó thế".

Ở bài phỏng vấn này, ông tiến sĩ đã nói năng khá là thoải mái khi đem hết tên tuổi người này đến người khác ra mắng chửi thậm tệ. Ví như khi nói về tạp chí Văn Nghệ Quân Đội ông đã cho rằng: "Văn Nghệ Quân Đội là một thành trì. Nó biết, bây giờ nó mà lung lay thì tan đàn xẻ nghé. Đấy là một đám không có tài, vì vậy phải co cụm, bảo vệ nhau bằng được...". Trước đó ông đã thích thú vì cái vở kịch "Mổ nhà văn" của Thích Thiện Ngân (ông khẳng định chính là Nguyễn Huy Thiệp) với chi tiết chửi Trần Đăng Khoa là

"một con lợn bẩn thỉu" bị nhiễm bởi một môi trường ô nhiễm là Văn Nghệ Quân Đội.

Ông mắng nhiếc ông Đặng Việt Bích (từng là Hiệu trưởng Trường viết văn Nguyễn Du) và ông Lê Huy Bắc (giảng viên văn chương Mỹ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội) là những kẻ ngu dốt, lười biếng với lời lẽ khá tự mãn: ..."Nếu được học với tôi... thì Lê Huy Bắc bây giờ đã là một dịch giả hoàn toàn khác". Ông tổng kết: "Trí thức Việt Nam giác quan về sự ngớ ngẩn rất yếu, trước một câu nói ngớ ngẩn không ai có phản ứng vì không nhận ra là ngớ ngẩn". Và đặc biệt luôn luôn sau một câu mắng chửi một nhân vật, một sự kiện trong nước, ông luôn kèm theo bằng một câu chắc nịch: "Cái nước mình nó thế" với một dấu sổ đen ngòm về cái đất nước mà ông đang sống.

Đọc cả bài phỏng vấn, cái rõ nhất là ông và người phỏng vấn, kẻ tung, người hứng nhịp nhàng quanh cái chủ đề "cái nước mình nó thế", nghĩa là người ta xấu cả, đê tiện cả, chỉ có mình ông tốt, mình ông cao thượng. Thế nhưng một người tự xưng là trí thức, sao lại có thể tung những lời lẽ khiếm nhã như thế với những người dù sao cũng đồng nghiệp mình?

Đó là chưa kể những chi tiết khá hớ hênh như ông mắng Hội Nhà Văn Việt Nam là quan liêu, viên chức và cho rằng tổ chức này không nên tồn tại, nhưng ông vẫn điềm nhiên bảo rằng ông và Nguyễn Huy Thiệp là hội viên và không xin ra hội, vì họ có cho một số quyền lợi như được đi nước ngoài và năm ngoái được nhận 7 triệu đồng!!

Và ông lên án Trần Đăng Khoa, cho Khoa là một anh nông dân, là một đứa trẻ con, khi viết bài phê phán Nguyễn Huy Thiệp, cốt là muốn "đấu tố" để hạ uy thế Thiệp. Nhưng lạ thay, mắng thì mắng vậy nhưng ông lại thú nhận là ông chưa hề đọc "Trò chuyện với hoa thủy tiên" của Thiệp và cũng chưa đọc "Ngẫu hứng qua mây gió" của Trần Đăng Khoa?!

Chỉ hai chi tiết trên đã buộc người đọc phải xem xét lại nhân cách của người đang được phỏng vấn. Rồi đến khi bài phỏng vấn đã được phát tán, thì chính người đã tỏ ra hết sức "khí khái" ấy lại lập tức viết ngay một bài thanh minh là: "Chả lẽ tôi lại dùng những lời mê sảng đến như vậy, tôi chỉ mong sao xóa được những dòng mê sảng ấy khỏi ký ức mọi người, trước hết là ký ức của tôi". Và ông lo sợ "Chắc là sẽ có những đồng nghiệp của tôi đem bản này ra phê phán trước công luận". Và đó là lý do khiến ông phải vội vàng nói lại rằng "tôi chỉ bạ đâu nói đấy, nên đó là điều không đáng chấp".

Than ôi, buồn thay cho nhân cách của một kẻ sĩ!■

---

* *"Cuốn sổ bình sinh công với tội. Tìm nơi thẩm phán để thưa khai" (Trích thơ Trương Vĩnh Ký lúc cuối đời).*

về những tiếng, lời chân thật của huynh đệ-bằng hữu nhân đọc "nếu đi hết biển..." của trần văn thủy?

PHAN NHẬT NAM

Riêng gởi,
"Anh Cu Beng, Cao Xuân Huy" & Hoàng Khởi Phong
Với lòng hãnh diện, tin cậy

Không cần phải có một khả năng tiên kiến sắc xảo, người viết cũng biết trước với tỷ lệ xác tín khá cao: Bài viết sẽ gây phật lòng đối với nhiều người - Những người nắm giữ, điều hành hệ thống quyền lực, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ của chế độ cộng sản ở trong nước; hoặc nhân sự thuộc các hội đoàn, tổ chức gọi là "chống cộng" nơi hải ngoại. Một bên sẽ cáo buộc nên những tính cách, "phản động, bồi bút, không có quan điểm tiến bộ, phi dân tộc..."; bên nầy sẽ áp đặt, "chao đảo lập trường chống cộng; đón gió, trở cờ, đầu hàng cộng sản..." Không phải do tưởng tượng, hoặc quan trọng hóa chữ, nghĩa, hành vi của mình, nhưng bởi bản thân cũng như nhiều bằng hữu-huynh đệ hằng chịu đựng, hứng phải những luận cứ, cách thức áp đặt như trên gần ba mươi năm qua - do những ông quan: "quan cộng sản" và "quan chống cộng" - từ 1975 khi đang ngồi tù, bị nhục hình trong nước, hay sau này ra hải ngoại đến hôm nay. Hiện tượng não nề, cay đắng này hiện nay vẫn đang tiếp diễn không hề có dấu hiệu giảm sút.

Nhưng, tôi phải đọc cuốn sách trên và viết nên lời, bởi trong đó những Huynh Đệ-Bằng Hữu đã nói "thật" - Tôi đoan chắc như thế, vì hằng thâm

giao qua nhiều năm tháng nên sẵn có lòng tin vào tiếng, lời chân thực của họ (phần đúng hay sai sẽ là nội dung bàn tiếp theo trong Phần thứ Hai của bài viết). Tôi cũng phải đọc cuốn sách "Nếu Đi Hết Biển" này, vì bản thân là một trong 12 thành viên khởi tố vụ kiện William Joiner Center, qua việc trung tâm này thuê mướn hai cán bộ văn hóa cao cấp cộng sản thực hiện dự án viết để "Lập Lại Tính Danh Cộng Đồng Người Việt Hải Ngoại".

Phải đọc để sau đó nói cùng tất cả: "Chúng tôi, những Người Việt Miền Nam không hề cổ võ hận thù. Người Viết Văn nơi Miền Nam lại càng không phải những người sử dụng chữ nghĩa đề cao Phân Liệt và Thù Hận. Không bao giờ."

(Ghi chú cần thiết: Bài viết chỉ căn cứ trên phần trả lời của Cao Xuân Huy, Hoàng Khởi Phong, Nhật Tiến, Nguyễn Mộng Giác, và Trương Vũ - Những bạn văn mà bản thân quen thân, qua đọc, hiểu, và hiểu đúng chữ họ viết, lời họ nói, cách họ sống - Chứ không do cảm tính khen-chê; yêu-ghét để tránh lời cáo buộc (có thể) là đã khinh suất, thiên lệch, chủ quan.)

Một. Đi - Tại sao đi? Đến - Đến đâu?

Trước khi đề cập đến nội dung phát biểu của những người bạn nêu danh tính kể trên, điều cần thiết là phải đề cập đến tác giả cuốn bút ký có những đoạn phỏng vấn gói trọn trong tiêu đề "Nếu đi hết biển."

Người thực hiện cuốn sách với những cuộc phỏng vấn (tất cả tám người, bảy Việt một Mỹ) không là một người viết văn chuyên nghiệp, anh nhận định công việc của mình: "Đây thuần túy là những ghi chép thô sơ từ cuộc sống, từ công việc của tôi với những ý kiến đóng góp, trao đổi trong tình thân của một số quý vị mà tôi được coi là bạn..." (TVT sđd, trg19). Câu nói phản ảnh điều thực tế, không là cách thức của người làm ra vẻ khiêm tốn, anh lập lại sau khi đã xác định một lần: "Trên tay quý vị và các bạn không phải là một cuốn sách... Nói đến sách, người ta thường chờ đợi trong đó: tri thức, văn chương, tư tưởng hoặc học thuật." (TVT, sđd, trg18). Không là người viết văn chuyên nghiệp, tác giả chỉ là một đạo diễn điện ảnh của loại phim tài liệu: Hà Nội Trong Mắt Ai, 1982; Chuyện Tử Tế, 1985... Hai cuốn phim gây cho người dàn dựng nên chúng cảm giác bất an: "Tôi bụng bảo dạ: Sao mày u mê đến thế nhỉ, thần kinh đến thế nhỉ?... Rồi hơi! Mày hãy sống cho yên thân!" (TVT, sđd, trg20). Cuốn phim phải đến năm 1987 mới được phép chính thức khởi chiếu. Đó là năm định mệnh trong cuộc đời làm phim của tôi - Chữ của người làm phim đánh giá tác động, hậu quả về công việc của mình. Chúng ta hẳn biết người đạo diễn được phép (cho chiếu phim) của ai, và tại sao anh phải nghĩ khó như trên về tình thế (bất an) của chính mình.

Không là kẻ viết văn chuyên nghiệp, nhưng hôm nay với Nếu Đi Hết

Biển. Người đạo diễn những cuốn phim kia lại đề cập đến một vấn nạn lớn, Người đi đâu? Về đâu? Vấn đề nhân sinh muôn thuở đi tìm mà không hề có được trả lời thỏa đáng - Quo Vadis? Họa chăng Thượng Đế mới biết đưa con người đi đến đâu. Bậc Đại Giác Thích Ca cũng chỉ khuyên chúng sinh thắp đuốc lên, tự mình tìm đường mà đi. Nhưng tác giả Trần Văn Thủy gói gọn vấn đề quan yếu trên (với cách tự tin cao độ - của người thủ đắc chân lý, sự thật) vào câu chuyện có tính cách ẩn dụ qua đối thoại sau đây với một bà thím (Bà già nhà quê mù chữ - TVT, sđd, trg22-23)

Đi hết làng ta thì đến làng nào hả thím?
Làng ta gọi là làng An Phú. Đi hết làng ta thì đến làng An Lễ
Đi hết làng An Lễ thì đến làng nào?
...

Cuộc đối thoại kéo dài nửa thế kỷ kia (khi đạo diễn Trần còn là một thiếu niên ở những năm 1940-50) nay có "đáp án - chữ của Hà Nội, Miền Bắc trong giới văn hóa - giáo dục": "Thím ơi! Bây giờ thì cháu biết rồi thím ạ. Nếu đi hết biển qua các đại dương và các châu lục, đi mãi, đi mãi thì cuối cùng lại trở về quê mình, làng mình thím ạ..." Logos của cuốn sách là đây: Đi về lại làng - Một làng quê nào đó ở đất Bắc nước Việt nếu muốn nói rõ hơn. Đối với người Việt hải ngoại, cái làng ấy không còn nơi nào khác là nơi Nước Việt Nam hiện do những người cầm quyền cộng sản Hà Nội đoạt thắng, chiếm giữ từ 1975, 1976 - Năm Thống nhất nước nhà về mặt nhà nước do Hội Nghị Hiệp Thương Thống Nhất Đất Nước chủ trì bởi Trường Chinh, người nắm giữ lần lượt trong 36 năm (1951-1986) những chức vụ tổng bí thư đảng, chủ tịch quốc hội, chủ tịch hội đồng nhà nước.

Chúng ta sẽ bàn tới đơn vị gọi là làng kể trên - Diễn trường của những trận máu xương điêu linh, đầu mối tai họa của toàn thể khốc kiệt suốt lịch sử Nước Việt - Nơi chốn đạo diễn Trần Văn Thủy nhắn bảo mọi người hãy quay về đặng nên người tử tế. Thế nên, Nếu Đi Hết Biển không phải là một cuốn sách (do tác giả xác định từ đầu), tới đây lại mang trị giá của một thông điệp quan yếu, có khả năng quyết định, giúp thiết lập lại "Diện Mạo, Căn Cước của Cộng Đồng Người Việt nơi Hải Ngoại". Nói như thế này thì chẳng cuốn sách nào (theo ý nghĩa, giá trị bình thường) có thể sánh cùng?! Lạ thật, nhân sự nơi đất Bắc nước Việt kia mấy chục năm nay cứ luôn đặt cho mình những trị giá quá khổ..." Nhân Dân ta Anh Hùng; Ra ngõ gặp Anh Hùng; Xẻ dọc Trường Sơn đi Cứu Nước; Ngọn Cờ Tiên Phong của Phong Trào Giải Phóng Dân Tộc; Người Lính Xung Kích của Lực Lượng Vô Sản Thế Giới..." trong chính trị - quân sự; hoặc, "Trời không có thiên thần; Đất không có thánh nhân. Chỉ có Nhân Dân Thần Thánh, và "Đảng Ta" làm nên sức mạnh bay đến chân trời" lềnh đặc khắp thơ văn... Ở đây tôi có cảm tưởng đạo diễn Trần

Văn Thủy đã đi vào vết bánh xe chung của ngôn ngữ miền Bắc, cách kiêu ngạo, tự tôn của những tay tổng, lý sau lần ăn bạc, xong huênh hoang trong bữa rượu thịt chó ngoài chợ huyện. Và nay răn bảo mọi người (ở hải ngoại) nên đi về làng - Làng ở Bắc Việt Nam!

Chúng ta hãy xem những điều gì đã xẩy ra ở những đơn vị làng kia... "Bính Dần, năm Tống Càn Đức thứ 4 (tính theo lịch nhà Tống - 967), các hùng trưởng đua nhau nổi dậy, chiếm cứ các quận ấp: Ngô Xương Xí chiếm Bình Kiều (Nông Cống, Thanh Hóa); Kiều Công Hãn chiếm Phong Châu (nay là Huyện Bạch Hạc, Phú Thọ)... gây nên loạn 12 Sứ Quân với cảnh tượng, "tranh nhau nhiều người chết, đường sá vắng tanh. Mười hai xưng đại vương, toàn ác không một thiện..." (Ngô Sĩ Liên, Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, Tập I - Kỷ Nhà Đinh, NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, Việt Nam, 1967 - Trg 151-158). Chúng ta lưu ý quảng cách xa nhất của chiến trường (Thanh Hóa - Phú Thọ) không hơn 200 cây số đường chim bay (hay 100 miles, bằng đoạn đường từ Khu Phước Lộc Thọ, Little Saigon lên Phi Trường LAX và trở về)- Máu đã chảy đủ trên đoạn đường này trong suốt bốn năm (935-939), và chỉ được chấm dứt với Đinh Bộ Lĩnh người có quyết tâm: "Đại trượng phu chỉ lập công danh cho được, há lại bắt chước đàn bà mà thương tiếc con ư?", nên sai hơn mười tay nỏ nhắm vào Liễn (con ĐBLĩnh) mà bắn!!" (NSL sđd trg150).

Hoặc để củng cố an ninh của làng quê nội dòng họ mình vùng Thanh Hóa, vương phủ ở Hà Nội - "Tháng Tư, năm Ất Mùi (1505), tiết chế Trịnh Tùng sai Trung Tín Hầu (không rõ tên) cùng với Tổng Binh Thái Nguyên, Đức Trạch Hầu Lại Thế Quý đem quân đến Châu Cảm Hóa (Bắc Thái)... Thế Quý tung quân ra đánh, chém cắt tai được 600 thủ cấp, lại lấy được một con voi đực, 10 con ngựa..." (NSL, sđd, tp IV, trg 207). Chúng ta có thể lập một phép tính: "Sáu trăm mạng con người = một con voi + mười con ngựa". Sử không nói về tổn thất của phía "vương quyền chính thống", và nỗi khổ do lao dịch của dân chúng. Lịch sử kéo dài theo quê hương, xuôi phương Nam cũng bùng vỡ thêm với những chiến tích..." Nguyễn sai con là Nguyễn Phúc Tần đem binh ra chống giữ với họ Trịnh. Nguyễn Phúc Tần cho thủy binh phục sẵn ở châu Cẩm La; một mặt sai Nguyễn Hữu Tiến đến canh năm xông vào trại quân Trịnh, quân bộ tiếp sau vào đánh phá. Quả nhiên quân Trịnh thua to chạy về Bắc, gặp thủy quân họ Nguyễn đón đường đuổi đánh đến sông Lam Giang mới thôi. Trận ấy quân họ Nguyễn bắt được mười người tướng giết hơn 3000 quân họ Trịnh." (Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược, NXB Khai Trí, Sài Gòn, Việt Nam - 1970, trg 292) Chỉ là một trận của bảy lần đại chiến suốt 45 năm (1627-1672) giữa hai họ Trịnh - Nguyễn trên chiến trường dài không bằng đoạn Houston-Dallas của Tiểu Bang Texas. Trận chiến lấy máu để củng cố mấy ngôi làng vừa mới hình thành nơi vùng Quảng Trị - Thừa Thiên. Cũng

từ, bởi những họ tộc và gia nhân cơ hữu xuất phát từ Thanh Hóa, Nghệ An dẫu mang những họ khác nhau Lê, Nguyễn, Trịnh... Và cuối cùng, năm 1975 nơi Miền Nam: "Thần tốc! Thần tốc! Sư Đoàn 10 qua Đơn Dương, Đức Trọng, xuôi đường 20 láng bóng, thẳng tắp về Di Linh... Chẳng phải chỉ vì không gian bát ngát của xứ sở nầy gắn liền với kỳ hành quân kỳ diệu trước ngày kết thúc chiến tranh mà trong lòng anh bừng lên "tình yêu cuộc sống(!)"." (Bảo Ninh, Nỗi Buồn Chiến Tranh NXB Văn Hiến, USA-1991, trg 246) Tại sao người lính Miền Bắc này toàn phần hân hoan, tận lòng bình yên, rất đỗi tự tin trên đường tiến quân chiếm đóng Miền Nam (Đánh cho Mỹ cút. Đánh cho Ngụy nhào) với chủ động tích cực bóp cò súng như tâm lý hung hãn sau đây: "Khi bắt sống được những tên thám sát đã giết hại ba cô gái ở trại tăng gia, Kiên quyết định cho chúng chết theo kiểu chết tận mắt, chết tận tay, chết nhìn tới đáy huyệt..." (BN, sđd, trg164). Nhưng cuối cùng anh lính (chỉ là cấp binh sĩ) tha chết cho ba tù nhân do chợt nhớ đến Phương (người yêu của anh ta), và vì tự hỏi: "Anh sẽ giết nhiều người chứ? Sẽ trở thành anh hùng chứ?" (BN, sđd, trg164).

Chúng ta có thể ngừng ở đây để tìm hiểu vì sao đã có những cuộc tận diệt tương tranh suốt chiều dài lịch sử không một lần ngơi nghỉ gây bao đau thương như thế kia. Tại sao có thể tỉnh táo, bình thản, tàn nhẫn chôn sống đồng bào mình như ở Huế, Mậu Thân, 1968 đến như vậy? Tại sao cứng lòng, quyết liệt trực xạ pháo lên dân chạy loạn qua chín cây số đường từ La Vang đến Cầu Dài, Cầu Ngấn (Xã Mai Đẳng, Quận Hải Lăng, Quảng Trị) ngày 29 tháng Tư, 1972 vô ích, vô lý đến như thế? Tại sao, và tại sao?! Tất cả không là vấn đề riêng từ Trần Văn Thủy, thuộc giới văn học, nghệ thuật; của kẻ ở trong nước, người nơi hải ngoại... Mà đã là Nỗi Đau của Nỗi Đau Chung do đại họa Nghiệp Ác đổ dồn lên phận số toàn Dân Tộc.

Nhìn suốt lịch sử điêu linh của bốn thế kỷ vừa kể trên (bắt đầu Thế Kỷ 17 tạm chấm dứt với thời điểm 30 tháng Tư, 1975), chúng ta nay có thể kết luận mà không sợ sai lệch, chủ quan: "Lịch sử nội chiến Việt Nam quả tình là lịch sử tranh chấp quyền lực giữa những tập đoàn nhân sự, tộc họ phát sinh, mở rộng từ những con sông - Những con sông bắt đầu văn minh, cùng lần dựng nên tai họa gọi chung là chiến tranh đối với toàn thể nhân loại, không loại trừ bất kỳ dân tộc, thời đại nào - Ở đây, nơi quê hương, với chiến tranh Việt Nam thời hiện đại là do người, việc từ các địa bàn sông Hồng, sông Mã như đã hai lần gây nên cuộc xương máu đối với toàn thể những dân tộc không chỉ riêng trên lãnh thổ đất Việt, mà khắp địa bàn Bán Đảo Đông Dương qua cuộc chiến ở những năm 1946-1955 và 1960-1975.

Trở lại khổ nạn của thời đại hôm nay (mà Nếu Đi Hết Biển.. đang đề cập) gây nên do chiến tranh có nguyên cớ tự những người cộng sản, với chủ

trương "Sinh Bắc-Tử Nam" qua hai giai đoạn khốc liệt kể trên - Mà hậu quả vẫn tiếp tục tác động, dẫu xung đột súng đạn đã "được dàn xếp để xem như là chấm dứt" bằng những hiệp định gọi là, "Tái Lập Hòa Bình Đông Dương" ký kết vào ngày 20 tháng Bảy, 1954 tại Genève, và 27 tháng Giêng, 1973 ở Paris có sự chứng kiến, bảo trợ, giám sát thi hành của cộng đồng thế giới. Quá khứ đã cho thấy, sau những hiệp định này, chiến tranh vẫn tiếp diễn, và tác động tai họa của chúng vẫn tồn tại, bởi một có một yếu tố quyết định mà giới chính khách, các nguyên thủ, những nhà lập pháp của các quốc gia, tổ chức quốc tế đồng không hiểu rõ (hoàn toàn không hiểu thấu). Yếu tố ấy là: "Tập đoàn lãnh đạo, gây dựng, điều động, thực hiện cuộc chiến kia tuy được mệnh danh là "những người cộng sản-cộng sản Việt Nam", nhưng thật sự và thuần thành là một tập thể, bè phái của một "giai cấp hào mục, hương đảng" - đặc trưng của xã hội làng, xã nông nghiệp Châu Á. Và chính sách gọi là "Sinh Bắc-Tử Nam" trước sau chỉ là khuynh hướng cố định của giai cấp kia với bản năng luôn muốn mở rộng đất đai của hương đảng mình bằng cách thâu đoạt, chiếm dụng (đất đai, của cải) của người khác, tập thể khác bằng biện pháp bạo lực". Chúng tôi sẽ minh chứng bởi Nỗi Đau vô tận mà toàn thể nhân dân sống trên bán đảo Đông Dương, trên đất nước Việt Nam hằng phải gánh chịu. Không từ một ai. Không sót một người, của mỗi gia đình, thuộc mọi sắc tộc.

Người dân thôn quê Miền Bắc trước đây có câu chửi: "Tiên sư Thần Hoàng làng mày!" nhắm vào vị thần được nhà vua ban sắc phong đối với mỗi đơn vị địa phương của đối tượng bị sỉ nhục. Vị thần ấy có thể là một danh nhân như Mạc Đĩnh Chi, sắc thần của Làng Long Động, Xã An Ninh, Huyện Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, hoặc chỉ là một nhân vật nhân gian, chết nhằm giờ thiêng như Ông Đùng, Bà Đà của một làng quê nơi châu thổ sông Hồng. Chửi đến "Thần Hoàng", tức là chạm tới vị trí thiêng liêng, cụ thể nhất của thế giới vật chất, lẫn tinh thần của người nông dân và Làng của họ. Tinh Thần Làng có nét đặc trưng, sức mạnh nội tại bền chặt lẫn khuyết điểm riêng của xã hội nông nghiệp mà với nó người Việt đã sinh tồn, vượt sống qua hàng hai mươi thế kỷ. Tập đoàn lãnh đạo cộng sản hiểu rất rõ sức mạnh căn bản này, và dụng tâm phá hủy cơ cấu kia bởi tổ chức hạ tầng cơ sở của chế độ chủ nghĩa xã hội. Nhưng điều nghịch lý cũng đồng thời xảy ra: Khi phá hủy của người lại là khi củng cố cho mình vững chắc nhất. Trong đợt đấu tố khởi sự năm 1953, để đánh vỡ giai cấp địa chủ, phú nông ở vùng châu thổ sông Hồng, đảng ủy các cấp đã sử dụng rất hữu hiệu những đội đấu tố gồm thành phần bần nông Khu Tư (vùng Thanh-Nghệ-Tĩnh), đồng thời kiến tạo nên một giai cấp nông dân triệt để trung thành nhất. Và dù khi họ đã trở nên là nông dân của hợp tác xã - thành phần vô sản của cơ cấu xã hội mới - lớp nông dân (mới) này vẫn giữ nguyên Tính Tư Hữu của kẻ sống với đất, nay lại được tô bồi

thêm mối kiêu ngạo là "giai cấp vô sản hàng đầu tiên tiến" do, của chế độ "ưu việt" ban phát. Sau tháng 10, 1954, thành phần nông dân (mới) này được đưa về Hà Nội, thay thế khối lượng thị dân bị tống xuất lên vùng rừng núi Tây-Bắc trong chiến dịch "Cải tạo Công-Thương-Nghiệp" Miền Bắc, 1956-58 (cũng tương tự như đám Lính Tam Phủ, Thanh Hóa được chuyển về bảo vệ Kinh Đô Thăng Long buổi tranh chấp cung đình ở Thế Kỷ 17, 18). Chỉ khác chăng, hôm nay, khi nông dân (Miền Bắc) được "đô thị hóa" cũng có nghĩa bị "lưu manh hóa" qua tình cảnh sống họ không chuẩn bị, và cũng không có khả năng thực hiện những ngành nghề chuyên môn của đô thị trong tiến trình kỹ nghệ hóa. Nhưng họ phải tồn tại, vượt sống với hoàn cảnh xã hội mới bằng lợi tức thu được từ những "ngành nghề" gọi là "dịch vụ phe phẩy, móc ngoặc"; các loại "cò"; hoạt động buôn bán tình dục, mãi dâm qua "giới thiệu trao đổi hôn nhân với người nước ngoài" v.v...": Những hình thái sinh hoạt kinh tế-xã hội tiếp dẫn đường, mở rộng, công khai hóa tệ nạn tham ô, hối lộ qua cơ chế bàn giấy, với chế độ tem, phiếu thời chiến (quá mức vô ích, nặng nề - đặc trưng của những xã hội gọi là xã hội chủ nghĩa toàn cầu với thực tế Liên-sô (cũ); Trung Cộng; các nước Đông Âu (trước 1990); Việt Nam trong những năm 1940, 50-80 và hiện nay với Bắc Hàn, Cu-ba là những điển hình rõ nét) - Loại hình xã hội "đột nhiên" được "công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa" do, bởi bạo lực (chính trị) chuyên chính vô sản, chứ không qua diễn tiến tuần tự, hợp lý của cơ sở kinh tế, sản xuất hạ tầng phát triển ở những xã hội công nghiệp tư bản chủ nghĩa - Mô hình không hề được thực hiện như Karl Marx hằng rao giảng về một tiên tri không tưởng. Đấy là nguyên nhân và hậu quả của tình trạng hỗn loạn xã hội, suy kiệt kinh tế của Miền Bắc sau năm 1954 (được ngụy trang, hợp lý hóa do yêu cầu của chiến tranh gọi là "Giải phóng Miền Nam"). Tiếp theo được lập lại mạnh mẽ, cụ thể với toàn cảnh khốc liệt vô hạn ở Miền Nam sau 1975 - đứng về mặt kinh tế thuần túy mà nói - chỉ là một vụ ăn cướp công khai giữa ban ngày của một tập đoàn bạo lực đi xâm lược, chiếm đóng một lãnh thổ khác (như hình thức thời phong kiến, trung cổ, tàn tệ hơn cả sách lược thực dân hằng có trên đất nước ta). Tàn nhẫn tệ hại hơn nữa là chính sách trả thù, thanh trừng chính trị (căn cứ trên quá khứ, lý lịch); áp bức tôn giáo; đảo lộn, suy hoại văn hóa, giáo dục; thoái hóa môi trường, cạn kiệt tiềm năng thiên nhiên v.v...

Đến đây, hẳn đạo diễn Trần Văn Thủy có thể trả lời được vấn nạn: "Tôi không biết trong lịch sử thịnh suy của đất nước có thời điểm nào, hoàn cảnh nào dẫn đến sự ly tán lòng người sâu thẳm, dẫn đến việc hàng triệu chạy ra biển ly hương bất cần mạng sống đến thế không? (TVT sđd, trg 24). Riêng tôi nghĩ: "Anh đã (phải) hiểu rõ hơn ai hết từ khi làm phim Chuyện Tử Tế; Hà Nội Trong Mắt Ai, nhưng không nói ra lời - Có thể vì chưa nhận "được phép"

nói, hoặc chỉ được phép nói về "một nửa sự thật" mà thôi."

Hai - Những người bạn đã nói những gì, như thế nào?

(Trong phần nầy tôi không theo thứ tự của những người được hỏi chuyện, nhưng theo diễn tiến tiếng lời mà các bạn đã trình bày, và đúc kết lại theo nhu cầu bài viết).

Câu chuyện giữa Trần Văn Thủy và Nguyễn Mộng Giác được mở đầu với câu hỏi: "Những người Việt ly hương, ra đi trong những (1) thời điểm khác nhau, (2)hoàn cảnh, và (3) động cơ khác nhau, vậy họ có thể chung chính kiến, đọc chung một tờ báo hay không?" (TVT sđd trg 98) Câu hỏi rất cụ thể nhưng người hỏi lẫn người trả lời đều nói rộng ra để không nói đến (hoặc nói đại lược) về một trong ba yếu tố kết thành quyết định ra đi - Yếu tố ấy là - Động cơ ra đi: KHÔNG SỐNG ĐƯỢC VỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN. Phải, yếu tố thứ ba nầy là nguyên nhân khởi đầu, hậu quả nẩy sinh cho tất cả vấn đề của cuốn sách, của chiến tranh, của bi kịch người tỵ nạn, của người hỏi, lẫn người trả lời... của tất cả cùng khổ, đau thương mà toàn thể con người (thuộc những vùng đất có sự hiện hữu của nhà nước, tập đoàn gọi là đảng viên cộng sản cầm quyền) trong suốt thế kỷ 20 kể từ khi nhà nước cộng sản thành lập đầu tiên ở Nga sô (1922), làm chỗ dựa cho phong trào gọi là vô sản thế giới. Khối người đông đảo chạy trốn ra khỏi nước bất kỳ giá nào ấy (chấp nhận cái chết với tỷ lệ rất chắc chắn) khác nhau hẳn về khuynh hướng chính trị; cách biệt hoàn toàn về trình độ văn hóa, kinh tế, xã hội, tôn giáo, lứa tuổi, giới tính... Họ vượt sông Natong chia đôi Nam-Bắc Hàn (1950); nhảy qua hàng rào kẽm gai ở Bá Linh ngăn Đông-Tây Đức (1960); họ đi mảng tre, nương sóng biển vào Nam năm 1954... Và sau 1975, họ vượt đại dương bắt đầu từ cầu Rạch Chiếc trên xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa; ở bãi Sau, bãi Trước Vũng Tàu; ở bãi Đại Lãnh dưới chân Đèo Cả, Khánh Hòa... lẽ tất nhiên cùng lần ra khơi nơi Hồng Quảng, Hải Phòng, Cửa Hữu Nghị thuộc phía Bắc. Phải, họ khác nhau tất cả, không cùng hoàn cảnh, không cùng thời điểm, không chung tờ báo, không chia sẻ một chính kiến, không có mặt trong một tổ chức đảng phái... Họ chỉ chia chung một cảnh sống lầm than đọa đày, bị thúc đẩy (cùng lần với đe dọa của sự chết) bởi một ĐỘNG CƠ DUY NHẤT: KHÔNG THỂ SỐNG VỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN - CỘNG SẢN VIỆT NAM. NẾU KHÔNG NÓI RA ĐIỀU ĐƠN GIẢN NẦY THÌ CHƯA NÓI ĐỦ. COI NHƯ KHÔNG NÓI GÌ CẢ.

Cuộc nói chuyện tiếp diễn, và những vấn đề như báo chí viết thế này, cá nhân, đoàn thể chụp mũ nhau thế kia... dần dà dẫn dắt đến một quan điểm được Nguyễn Mộng Giác đặt tên "biểu diễn lập trường", và Trần Văn Thủy nhanh tay nắm chặt: "Như vậy chúng ta có một đề mục rất hấp dẫn. Đó là

mục: Biểu Diễn Lập Trường?" (TVT, sđd trg100). Khi Nguyễn Mộng Giác đặt tên cho sự kiện, và Trần Văn Thủy sử dụng sự kiện kia như một vấn đề, thì "Biểu Diễn Lập Trường" đã hiện thực một "lập trường chính trị" của cá nhân, đoàn thể, tờ báo ứng xử thái độ "biểu diễn" ấy. Đến đây, tôi có ý nghĩ hình như Nguyễn Mộng Giác đã nói quá về một vụ việc tầm ruồng, không mấy ý nghĩa - Phải chăng do từ mối bực dọc bị chống đối bởi trong một cuốn sách, bạn đã một lần kể ra hành vi "cắt tai tử thi Việt Cộng đem phơi khô, xong đeo lên cổ của một viên sĩ quan thuộc quân lực cộng hòa". Chuyện ấy quả có thật, nhưng do bạn không biết rõ (người và việc) nên sử dụng sự kiện ngang ngược của cá nhân Tôn Thất Trực "Trực Tóc Đỏ" thuộc binh chủng Biệt Động Quân (Tiểu Đoàn 11 BĐQ, Đà Nẵng, 1964-1966) trở thành hành vi được mặc nhiên cho phép, đáng đề cao của một nhân vật sĩ quan (tưởng tượng) thuộc binh chủng Nhảy Dù - Vậy, sự chống đối (từ nhóm quân nhân thuộc binh chủng nhảy dù) không là "biểu diễn lập trường" của một tổ chức chính trị, nhưng là "biểu lộ phẫn nộ" của tập thể (lính nhảy dù) bị xúc phạm. (Xin nói rõ, chẳng phải tôi thuộc đơn vị này nên kể lại câu chuyện để công kích bạn - nhưng cần nhắc sự việc để dẫn chứng về hiện tượng mà bạn đặt tên gọi là "biểu diễn lập trường"). Còn trò hỗn loạn công kích, chụp mũ đang hằng ngày diễn ra... Bạn chớ bận tâm. Chúng ta, những người cầm viết luôn Tự Tin. Và bạn quả thật đã nhìn thấy nhưng do lịch sự đối với người đối thoại nên chỉ nói lướt qua thôi (với hình thức xin lỗi): "Xin lỗi anh (TVT), không biết sau chuyến đi này, về Việt Nam anh sẽ viết những gì. Nhưng một vài bạn văn Việt Nam qua đây, trở về Việt Nam viết bài về những chi tiết sai sự thật... nhằm "biểu diễn lập trường", đọc rất khó chịu..." (TVT, sđd trg101). Đúng thế, chúng ta trả lại những cái không phải của chúng ta.

Tiếp tục câu chuyện, Nguyễn Mộng Giác đã tỏ ra tinh tế, chính xác (khi bạn trở lại môi trường văn học quen thuộc, chuyên biệt của mình) với nhận xét: "...cuối cùng, cái gọi là văn nghệ của người Việt hải ngoại cũng bị chìm khuất mất tích trong sinh hoạt văn hóa địa phương. Nghĩa là văn học nghệ thuật hải ngoại đang bị "lão hóa"." (TVT, sđd trg104). Vấn đề này dẫn đến sự kiện người viết ở hải ngoại có nhu cầu đưa sách của mình đến người đọc ở trong nước, và Nguyễn Mộng Giác là một trong những người hiếm hoi có được sách in ở Việt Nam. Do cớ sự này mà anh bị cáo buộc là "Việt cộng nằm vùng" cùng với một số văn hữu khác. Xin quý vị "biểu diễn lập trường - dùng đúng chữ của Nguyễn Mộng Giác" chớ nóng vội: "Chúng tôi, những người dụng văn chỉ có một trách nhiệm duy nhất - Với chính mình và mỗi người đọc - Người đọc sẽ định giá sinh mệnh của tác giả qua tác phẩm. Đừng cáo buộc tàn nhẫn và vô lý như trên vì nếu thế thì chúng ta đã vô tình hợp thức hóa lời buộc tội của nhà nước cộng sản Hà Nội: "Bùi Ngọc Tấn với Truyện Kể Năm

2000" là tay sai của thế lực phản động gọi là "diễn biến hòa bình do đế quốc Mỹ dàn dựng". Hãy định giá chúng tôi qua tác phẩm với mức độ công bình cần có."

Chúng ta có thể bàn qua người bạn kế tiếp,

Huynh Trưởng Hướng Đạo Sinh - Nhà Văn Nhật Tiến.

Mạnh mẽ, rõ ràng hơn thái độ còn đôi chút ngập ngừng do "chưa... đi hết biển" của Nguyễn Mộng Giác, sau câu hỏi ẩn ý thăm dò (kèm thoáng mỉa mai - pnn) của Trần Văn Thủy ("Thế thì anh hẳn gắn bó với nơi chốn này (đất Mỹ) lắm nhỉ?"), Nhật Tiến xác nhận: "Vậy mà không đấy. Về mặt tâm cảm, tôi chưa nhận nơi này làm quê hương. Nói một cách cụ thể: Tôi biết ơn nước Mỹ đã cưu mang toàn bộ dân tỵ nạn kể từ sau tháng Tư năm 1975, đã đem lại cho gia đình tôi đầy đủ cơ hội an cư lạc nghiệp. Nhưng nhìn lại cuộc chiến vừa qua, tôi vẫn thấy ám ảnh về sự bất hạnh đã áp đặt lên số phận dân tộc mình.." (TVT sđd, trg 68)

Với trả lời như trên của Nhật Tiến, Trần Văn Thủy rất nhanh nhạy "đạo diễn" ngay để có một câu hỏi khác theo mẫu mực "chống Mỹ cứu nước": "Từ năm 1990, nghe nói anh vẫn có dịp thường về thăm quê nhà (Bạn đọc lưu ý, về thăm "quê nhà" chứ không phải cụm từ thông thường "về Việt Nam" khi trò chuyện - pnn)" (TVT sđd, trg 68).

Nhưng không như Trần Văn Thủy "hy vọng", Huynh Trưởng Hướng Đạo - Nhà Văn Nhật Tiến định giá "đất Mỹ" và "quê nhà" cùng một lần với chân thật và chính xác: "Nỗi ám ảnh (về sự bất hạnh) này đã khiến cho tôi cảm thấy luôn luôn là kẻ lưu vong, trên xứ Mỹ cũng như ngay trên cả quê hương mình..." (TVT sđd, trg 68)

Đạo diễn Trần Văn Thủy hỏi: "Điều gì đã khiến cho anh (NT) cảm thấy mình bị lưu vong ngay cả trên quê hương mình?" (TVT sđd, trg 68).

Và đây là câu (thật) trả lời: "Cảm giác xa lạ, sự không thể hòa nhập được vào đám đông ở chung quanh mình và cái bầu không khí sinh hoạt văn hóa nói chung, văn học nghệ thuật cũng như báo chí nói riêng, vẫn bao trùm một nền kiêu hãnh rằng: "dân tộc ta anh hùng, đã đánh cho Mỹ cút, cho Ngụy nhào". Là một người xuất thân từ Miền Nam trước đây làm sao tôi có thể hòa nhập được...?"(TVT sđd, trg 68)

Trần Văn Thủy hỏi tiếp (về cái "key" mà người Miền Nam thường tránh né (theo ý của người Miền Bắc) là do "mặc cảm thua trận", như đã có người nói cùng học giả Nguyễn Hiến Lê): "Vậy cuộc chiến đã lùi xa, dưới cái nhìn của anh bây giờ, nó ra sao?" (TVT sđd, trg 69); hoặc vấn đề gây "đụng chạm" hơn: "Với anh (NT), tôi không ngại luận bàn những vấn đề chính trị tuy đã cũ nhưng cảm nhận của tôi có đôi chỗ khác anh. Nếu những người bộ đội, những

người lính tham gia chiến tranh mà tới nay vẫn thực sự ý thức là họ hy sinh cho chính nghĩa, thì quả là điều đáng mừng. Nhưng tôi nghĩ, đối diện với cuộc sống hiện nay, tâm trạng thực trong cuộc đời thực, số đông không hoàn toàn như thế. Còn những người đã nằm xuống, tức là những người đã hy sinh như anh nói, chúng ta chẳng thể biết chính xác họ nghĩ gì khi xung trận" (TVT sđd, trg 69)

Nhật Tiến không tránh né nhưng vào thẳng vấn đề trên một cách tự tin (cách của người tin vào Tính Thiện, Sự Thật): "Dĩ nhiên tôi không có thẩm quyền để phát biểu về tư duy của bộ đội miền Bắc trước 1975, nhưng nếu nói về những người lính VNCH đã nằm xuống, đã hy sinh mà bảo rằng chúng tôi chẳng biết chính xác về họ nghĩ gì khi xông trận thì không thể chấp nhận được. Đành rằng quân đội nào thì cũng có những mặt trái của nó như lính nhát gan, lính cướp bóc, lính đào ngũ... nhưng với quân đội miền Nam, đó không phải là tính chất tiêu biểu..." (TVT sđd, trg 69-70)

Câu trả lời của Nhật Tiến đã đề cập rất đầy đủ, không chỉ riêng đối với người lính, chiến tranh, mà phê phán đến cái gọi là "tinh thần dân tộc" của cả hai phe cầm quyền nơi miền Nam, lẫn miền Bắc thường nại ra để làm cớ sự giải thích cho lần tranh quyền, đoạt lợi của họ. Nhưng bởi anh không thuộc giới chuyên nghiệp quân sự nên tôi có thể bổ sung thêm những chi tiết: "Vâng, thưa ông đạo diễn Trần Văn Thủy, quân đội miền Nam có đủ tất cả những khuyết điểm (mà bất cứ tập thể quân đội nào trên thế gian nầy đều mắc phải - và cụ thể với lần thất trận vào năm 1975 - nên những khuyết điểm này đã trở nên hiện thực). Nhưng đấy là một quân đội gồm nhiều Người Lính Khắc Kỷ Hy Sinh và Cao Thượng Chịu Đựng hơn bất cứ người lính nào đã có mặt trong tập thể quân đội của các cộng đồng dân tộc trên thế giới - Và họ gánh chịu nỗi bất công uất hận này một cách có ý thức - Ý thức về Trách Nhiệm - Nghĩa Vụ với lòng Tận Tụy - Hy Sinh. Nếu ông được chứng kiến cả một thế hệ thanh niên Miền Nam (phần lớn là sinh viên của các phân khoa đại học chuyên nghiệp, đang được miễn dịch vì lý do học vấn) thay vì đến giảng đường, đã leo lên dãy GMC đậu dọc dài theo đường Lê Văn Duyệt (nay là Cách Mạng Tháng 8, Sài Gòn) đến tận Ngã Sáu (Quân Vụ Thị Trấn) để đi lên trại Nhập Ngũ Quang Trung trong thời kỳ xẩy ra trận chiến Mùa Hè 1972."

Với trình bày này có thể Trần Văn Thủy bảo chúng tôi đã "hư cấu và cường điệu" về sự kiện tuổi trẻ miền Nam "ý thức chọn nghĩa vụ người lính", vậy tôi xin nhắc lại trường hợp điển hình: Phạm Huy Phong (con trai còn lại độc nhất của Ông Phạm Văn Bính, cựu Tổng Trưởng Thanh Niên, Thủ Hiến Bắc Việt, nội các Bảo Đại, 1949-52). Vốn đang là sinh viên cao học ở Sorbone, Pháp, Phong tự nguyện về nước nhập học Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức; đậu thủ khoa khóa sĩ quan, buổi mãn khóa có đủ hàng chục đơn vị thuộc tất

cả các quân binh chủng để chọn lựa - Nhưng Chuẩn Úy Phạm Huy Phong đã tình nguyện về Tiểu Đoàn 3 Nhảy Dù, và tử trận tại mặt trận Quảng Trị, Vùng I Chiến Thuật nơi đối diện với miền Bắc qua tuyến lửa phi quân sự. Tôi có thể kể ra danh tính hàng trăm, hàng ngàn người tuổi trẻ rất có ý thức để sống-chết với Quê Hương Miền Nam - Không nơi đâu xa, chỉ với đơn vị của chúng tôi - với mỗi Người Lính Nhảy Dù QLVNCH. Chúng tôi mong được lắng nghe về một trường hợp tương tự như của Phạm Huy Phong trong số đông những con em thuộc gia đình quan chức cộng sản ở Hà Nội. Hãy kể cho chúng tôi nghe tên về một người tuổi trẻ con của các quan chức lớn của Đảng Cộng Sản tình nguyện đi B (mặt trận Miền Nam), hay sau này khi phải đánh nhau với hai nước Cộng Sản láng giềng Trung Quốc và Cao Miên. Chỉ cần một người thôi.

Trước khi từ giã người trung trực Nhật Tiến, chúng tôi nhận thấy cần đề cập đến một thái độ không mấy "fair play" của Trần Văn Thủy (để tiếp mở đầu cho phần tới). Đấy là, Trần Văn Thủy không bỏ lỡ một cơ hội nào để mở lối "tấn công chính trị (!)", điển hình với cách đặt vấn đề: "Rõ ràng hòa hợp, hòa giải là cần, là "sinh lộ" cho dân tộc ta như anh (NT) nói, nhưng tôi không nghĩ nó là thần dược chữa bách bệnh như mất dân chủ, nghèo nàn, chậm tiến... (rồi bỗng dưng chuyển qua)... Anh (NT) nghĩ sao về những "khuynh hướng cực đoan" trong cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại như những chủ trương không du lịch về Việt Nam, không gởi tiền về trợ giúp thân nhân, cũng như các công tác từ thiện..." (TVT sđd, trg 71-72).

Hai vấn đề ("Mất dân chủ ở trong nước" và "Khuynh hướng cực đoan trong cộng đồng người Việt - Không chịu về Việt Nam du lịch") hoàn toàn không liên hệ gì với nhau cả. Mất dân chủ là do cơ cấu "Đảng lãnh đạo - Nhà nước quản lý - Nhân dân làm chủ", còn "khuynh hướng cực đoan không muốn du lịch về Việt Nam" là của riêng những ông, bà nào đấy muốn "biểu diễn lập trường" với chính họ, hoặc vì một lý do nào khác, cụ thể như tự bản thân cá nhân - không thích thấy những ông công an hậm họe nơi phi trường. Những người có "khuynh hướng cực đoan" ấy không hù dọa, trấn áp được ai - kể cả những người thân cận trong gia đình (ngoại trừ những đứa nhỏ vị thành niên không được phép đi xa một mình, hoặc không đủ tiền mua vé máy bay). Thế nên đã có kết quả như lời Nhật Tiến rành rọt kể ra: "Từ nhiều năm qua... Tôi thấy du lịch về Việt Nam không còn là một điều phải giấu giếm (Ai giấu ai? Để làm gì? Tại sao phải dấu? pnn); các nhóm thiện nguyện đem tiền bạc và kỹ thuật về làm công tác từ thiện trong nước càng ngày càng nhiều... Việt kiều hải ngoại gửi về mỗi năm lên tới hàng 2,3 tỷ đô-la thì đủ thấy người Việt hải ngoại gắn bó thế nào với quê hương, đất nước..."(TVT sđd, trg 73)

Với Trương Vũ

Với tâm lý luôn cảnh giác như trên, nên không biết từ lúc nào, (và như thế nào) mà đạo diễn Trần Văn Thủy đang từ những câu trả lời chân tình, trung hậu - như lòng người bạn luôn hướng điều tốt lành; như cung cách cư xử nhu thuận, chính trực của Sơn (tên thật của Trương Vũ) - bỗng nhiên chuyển hướng. Chúng ta hãy theo dõi đối thoại:

Trương Vũ: "Về chuyện đánh nhau bằng súng đạn thì cuộc chiến đã thực sự chấm dứt vào ngày 30 tháng Tư năm 1975... Tôi rất mừng là nó đã chấm dứt (mặc dầu đến nay tôi vẫn tin rằng tương lai có thể tốt đẹp hơn cho đất nước Việt Nam nếu Miền Nam thắng trận)... Thế nhưng, những mâu thuẫn giữa người Việt với nhau, liên hệ đến cuộc chiến hay phát sinh từ cuộc chiến, vẫn còn nặng nề lắm. Cuộc chiến đã chấm dứt 28 năm rồi (2001) mà những mâu thuẫn đó vẫn còn rõ nét, ở trên đất nước Việt Nam, ở trong các Cộng Đồng Người Việt hải ngoại..." (TVT sđd, trg 138)

Người bạn chúng ta đã nói rõ thế, đã thật lòng đến thế, nhưng Trần Văn Thủy (hẳn do thói quen của nghề nghiệp) đã chuyển vấn đề đang thảo luận bằng cách dàn dựng nên một cảnh tượng u ám quái đản khác: "...Tôi cũng rất buồn khi đọc một số báo chí ở hải ngoại viết thiếu chân thực cũng như thiếu tình người về những gì không may xảy ra ở Việt Nam. Như vụ hỏa hoạn ở khu Thương Xá Tam Đa, người ta "hân hoan" đưa những tin tang tóc, buộc tội cho chính quyền trong nước. Nhưng vừa xẩy ra một vụ hỏa hoạn khủng khiếp không kém ở The Station Nightclub tại tiểu bang Rhode Island.. Không thấy báo Việt ngữ nào săn đón tin nầy để lên án chính phủ Mỹ cả. Tôi thiết nghĩ người ta (người ta nào? pnn) có thể ghét một chế độ, không ưa một tập thể cầm quyền, nhưng làm sao lại có thể "tàn nhẫn với đồng bào mình" như vậy?" (TVT sđd trg138)

Đặt vấn đề như trên là "đặt vấn đề giả". Chúng tôi xin minh chứng:

Báo chí hải ngoại không hân hoan đưa tin mà chúng tôi chỉ đăng lại những bản tin như sau đây ở trong nước:

"Các bản tin từ Câu Lạc Bộ Sinh Viên Việt Nam chuyển đi tại Sài Gòn: "Sáng 30 tháng 10, hầu hết các lớp tại trường đại học và trung học chuyên nghiệp đều bước vào tiết 1 với tâm trạng phẫn uất. Sinh viên hầu như nghỉ học sớm để đến chia buồn cùng gia đình các nạn nhân bị chết cháy tại Trung Tâm Thương Mãi Sài Gòn trong sự thờ ơ từ trước đến nay về công tác cứu hộ nạn nhân cháy của chính quyền cộng sản Việt Nam."

Chuyện kể thứ nhất: Chúng tôi có mặt tại một số nơi trong thành phố, ở Nhà Tang Lễ trên đường Lê Quý Đôn:

- Chào chị... chị đi tìm sao?

- Hỡi ơi, cô ơi, em tôi, em tôi chết thảm quá cô ơi.

- Em chị bị nạn... chị tìm được chưa chị..

- Trời ơi... gia đình đang gói xác thành than của nó về cô chú ơi, gia đình chỉ có ba chị em, nó làm kế toán ở lầu thượng, chỗ đó cô chú ơi...Tôi bị mất sức lao động, nhà chỉ có trông chờ vào nó cô chú ơi... Nó chết rồi làm sao cô chú ơi... Khốn nạn, nó gọi điện về, nói đang vẫy tay la hét xin cứu trên sân thượng, rồi... Nhưng không ai đến cứu cả..

Chuyện kể thứ hai: Tại Trung Tâm Cấp Cứu Sài Gòn,

- Anh ơi, anh đi tìm thân thân hở anh?

..U... òa... Người đàn ông òa khóc nức nở. Anh kể lại lúc 13 giờ 45, anh như điên, như dại, tìm kiếm một chiếc xe cứu hỏa để xin leo bằng cầu thang cứu nạn lên tầng cao của cao ốc để cứu người vợ. Nhưng đối diện với anh chỉ có hàng rào công an dày đặc. Câu nói cuối cùng của vợ anh qua máy điện thoại:.. Tối và bụi mù, khói, khói, em ngộp quá... em cũng yêu anh nữa...

Chuyện kể thứ ba: Tại một khu vực sát Dinh Độc Lập (Bản tin dùng danh hiệu cũ, không dùng "Dinh Thống Nhất"), giữa một nhóm thợ điện:

..Đ...m nó, trước 75, lực lượng chửa cháy phải là chuyên nghiệp cho đến tuổi hưu. Đ...m, tao hỏi mầy, bây giờ tụi nó hầu hết là lực lượng dân phòng (công an) đưa sang... Tụi nó chỉ giỏi ăn nhậu và ăn cắp đồ của dân khi chữa cháy...

- Mày có nghe chuyện con mẹ Thảo (một nhân viên cao cấp của chính quyền) nói không? Nó nói, "Xin rút kinh nghiệm..." Mẹ cha tụi nó, chết gần 200 mạng mà chỉ dám nói có 64 mạng.

Chuyện kể thứ tư: Suy nghĩ (của một sinh viên về phản ứng của các cơ quan chính quyền đối với vụ cháy) qua bài phỏng vấn Phó Chủ Tịch Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố, Nguyễn Thành Tài:... Thật ra ngay thời điểm vụ cháy thì ở Sài Gòn và thành phố kế bên là Biên Hòa đang có hàng trăm chiếc trực thăng, nhưng chúng không thể cất cánh vì chỉ có lệnh của trung ương mới được phép cất cánh; dù bộ tư lệnh không quân nằm trong này nhưng hữu danh vô thực.

...Thật là uất ức, trong khi các bệnh viện huy động tối đa lực lượng y bác sĩ lao vào cuộc tìm kiếm, chữa trị cho các nạn nhân của vụ cháy thì ở Hà Nội Bộ Y Tế có thể thản nhiên yêu cầu các bệnh viện báo cáo chi tiết và chờ quyết định của bộ.

Và chúng tôi có lời chia sẻ đau thương: "Chúng tôi có thể trích dẫn thêm

nhiều chuyện kể về tai nạn, nhưng nghĩ rằng, hình ảnh đau thương kinh hoàng của mỗi người trong số những đồng bào chịu tai họa tại từng khắc giây trên biên giới sống-chết - lần da thịt toàn thân chạm sát vào cái chết; chết chụp siết, vây chặt, khi chiếc đầu vẫn còn sống - để hiểu rõ chính tự thân mình sắp chết. Đang chết. Nỗi Đau nầy quá lớn lao, quá khủng khiếp - Đau đớn gào kêu, dãy dụa khi con người bị nung sống trong lửa. Nhưng tai họa không do một biến cố ngẫu nhiên, quá đỗi bất ngờ không thể tránh khỏi, mà là hậu quả tất yếu phải gánh chịu của một xã hội từ lâu do một hệ thống cầm quyền vô hạn khinh miệt, tận cùng tiêu hủy giá trị, sinh mạng con người. Và chúng ta, dẫu cách xa nửa vòng trái đất hẳn tình cảnh thương tâm kia đã làm cho vạn, triệu người Việt nơi hải ngoại này xót xa, khắc khoải. Bởi một điều tuy giản dị nhưng tận sâu xa mà chúng ta chỉ thấy ra khi đối diện cùng sinh tử nguy biến - như lần chứng kiến hai tòa cao ốc của Trung Tâm Tài Chánh Thế Giới nơi New York bốc lửa ngày 11 tháng 9, 2001- Bởi Nỗi Đau Con Người là Mối Đau Chung. Huống gì lần này, ấy là đồng bào, là anh, chị, con, em thương mến của Miền Nam máu thịt cắt lìa của chúng ta. Sài Gòn, Miền Nam hiện sống với mỗi người chúng ta. Và chúng ta thật xót đau đầy đủ với từng giây khắc sự chết này với mỗi đơn vị đồng bào chịu lần thảm sát oan nghiệt. Chúng tôi tin chắc như thế. (Chế Độ của Những Điều Khinh Miệt, PNN Sài Gòn Houston Radio, Tháng 11, 2002)"

Tìm đâu ra những dòng chữ gọi là "hân hoan trước cái chết của đồng bào" trong những bản tin trên; nếu không phải là thấy ra "thái độ vô nhân tính của những con người gọi là giới chức lãnh đạo của những cơ chế "chủ tịch ủy ban nhân dân"; "đảng ủy thành phố" bình thản hút thuốc, gọi cell phone liên lạc, quát tháo khi đứng nhìn đồng bào mình nhảy từ trên tầng cao ốc xuống đất (!); của đám công an cố ngăn người vào cứu hơn là cố gắng cứu sống nạn nhân?!.. Và tại sao có thể gọi là "tàn nhẫn với đồng bào" khi trích đăng bản tin trên mà không đăng tố cáo nhà cầm quyền Mỹ về vụ hỏa họa ở The Station Nighticlub?! Ông Trần Văn Thủy, những bạn văn (và cả bản thân cá nhân tôi) tin ông là "người tử tế" nhưng do phải gánh nặng quá nhiều phép nên đã có những lời "biểu diễn lập trường như trên"... Này đây, xin ông cần biết, The Station Nightclub là một cơ sở giải trí do tư nhân làm chủ (của tất cả vạn, triệu nơi giải trí khác ở Mỹ) - nó không phải là những tụ điểm ca nhạc quốc doanh như ở Việt Nam để báo chí Mỹ lẫn Việt cần nại chứng cớ tố cáo nhà cầm quyền Mỹ? Và tại sao chúng tôi lại phải trích đăng một nguồn tin khi báo chí Mỹ, hệ thống Internet, truyền hình đã tường trình quá đủ về một tai nạn địa phương? Phải, vụ hỏa hoạn ấy chỉ là một "local news", một "loại tin trong ngày" của sinh hoạt xã hội Mỹ, nó sẽ biến mất trong dòng hoạt động

của ngày hôm sau. Nhân tiện cũng nên nói thêm về câu chuyện của Trần Mạnh Hảo khi đi theo đoàn nhà văn trong nước đến tham quan khu Tượng Nữ Thần Tự Do ở New York. Hảo kể: "Có người đàn dạo (là một cựu chiến binh của chiến tranh Việt Nam (?)) nhận ra đoàn người là những "nhà văn Việt Nam (?!)" nên đã đánh bài Tiến Quân Ca như một biểu hiệu hoan nghênh, chào đón, và (như) là cách đền bù chuộc lỗi do (lính) Mỹ đã phạm ở Việt Nam!!" Ông Hảo nhiều tưởng tượng và vui tính thật. Bởi, giá như có một đoàn người gồm cỡ Hemingway, John Steinbeck, Camus, Sartre dẫn đầu bởi Léon Tolstoy, Dostoievsky, cái anh chàng đánh đàn kia cũng không liếc xéo để nhìn xem đấy là những ai? Vợ chồng họa sĩ Đằng Giao-Chu Vị Thủy (nay đã trở về Việt Nam) hôm tháng 12 năm 2003 có đến chỗ ấy cùng chúng tôi. Ở đấy không ai ngồi đánh đàn xin tiền cả.

Tóm lại câu hỏi, "Tôi thiết nghĩ người ta... làm sao lại có thể "tàn nhẫn với đồng bào mình" như vậy?" của đạo diễn Trần Văn Thủy nên trả lại cho những người đã gây nên vụ án mạng ở Phố Ôn Như Hầu, Hà Nội hồi năm 1946; người chủ trương cho "Tụi nó (những thành viên không phải là Việt Minh) đi mò tôm" trong giai đoạn "khủng bố Đỏ" sau tháng Chín năm 1945 ở Miền Nam; tập đoàn dựng nên, thi hành phong trào đấu tố 1953 ở nông thôn Miền Bắc; hãy hỏi lực lượng trấn áp vụ Quỳnh Lưu, Nghệ An 1956; hãy hỏi đến những kẻ đã thẳng tay tận diệt nhóm Nhân Văn, Giai Phẩm ở Hà Nội năm 1957... Hãy hỏi ai đã chôn sống người (thuần là dân - không là Ngụy quân-Ngụy quyền như cáo buộc) ở Huế, 1968; giết đành đoạn người dân chạy loạn trên 9 cây số đường máu nam La Vang, Quảng Trị, ngày 29 tháng Tư, 1972... Và hẳn còn mới với trăm ngàn người chết dọc Tỉnh Lộ 7, đường từ cao nguyên về Tuy Hòa; nơi Bến Cá Đà Nẵng, ở Cầu Đá Nha Trang của những ngày tháng Ba, tháng Tư năm 1975 dài suốt Miền Nam... Những hình ảnh này bản thân chúng tôi hằng ghi nhận, đang lưu giữ (đủ cho một loạt phim tài liệu nếu ông còn có đủ lương tâm nhắn nhủ "người nên tử tế" với nhau). Và quả thật không thể nào kể hết (không bao giờ hết) với thống khổ đau thương của khối người gọi là Việt Nam, người H'mong, người Lào, người Kmer sau năm 1975 trên toàn bán đảo Đông Dương. Vết máu nay vẫn còn thấm đẫm trên đất đá, cây cỏ của từng thước đường điêu linh khắp chốn quê hương. Đạo diễn Trần Văn Thủy không cần hỏi đâu xa - Hãy nói với Hoàng Khởi Phong - Người vừa về từ đất Phi: Nơi có những những đứa bé sinh ra, lớn lên trong Trại Tỵ Nạn; hoặc chỉ thấy ánh trăng trong vòng rào kẽm gai của Trại Cấm Hồng Kông. Ai tỵ nạn? Tỵ nạn vì ai? Tỵ nạn bởi vì đâu? Trần Văn Thủy hẳn dư biết mà không cần phải đi qua một thước biển nào. Bởi đã có những người, rất nhiều người chết tại bờ nước, nơi vùng đất quê nhà trên

chặng đường vượt biên.

Câu hỏi ông gióng lên đã sai đối tượng - Bởi, chúng tôi - Người Việt Nam Tỵ Nạn Cộng Sản.

Ba - Vấn Nạn được giải quyết với hai Người Lính.

Trước khi chấm dứt bài viết, những dòng chữ kết thúc một vấn đề thực sự không mấy phấn khởi hân hoan có phần bắt buộc phải đề cập đến, tôi cậy đến tiếng lời của hai người bạn, Cao Xuân Huy và Hoàng Khởi Phong. Đương nhiên là vì hai bạn có những phần trả lời trong Nếu Đi Hết Biển... của đạo diễn Trần Văn Thủy, nhưng tôi cũng có đủ tự do để bỏ qua những phần trả lời này nếu thực sự không thấy họ nói hộ cho mình những điều cần thiết và hữu ích. Nhưng tôi đang cậy họ để kết thúc bài viết với cảm kích hãnh diện tự hào. Bởi, hai bạn đã nói thật hơn lòng tôi ước đoán. Vì, hai bạn đã nói đủ hơn phần tôi dự trù - Hai Bạn đã hành sử cao thượng, thẳng thắn như tâm chất hằng có của Người Lính. Hơn thế nữa, Cao Xuân Huy còn nói hộ cho tôi về một Nỗi Đau.

Không phải ai cũng làm được điều mà Hoàng Khởi Phong thực hiện một cách an nhiên, tự tại, bất vụ lợi, không tính toán...

Trần Văn Thủy: "Cám ơn ông. Tôi hỏi thật, ông có ngại gì khi mang tiếng chứa chấp Việt Cộng ở trong nước qua không? Ngày hôm qua tôi thấy ở ngoài phố người ta căng cờ, biểu ngữ: 'Đả đảo bọn Việt Gian nằm vùng'." (TVT, sđd trg114)

Mối e ngại trên đây có thật. Ở trong nước (tất nhiên), và ở hải ngoại (cũng tất nhiên nốt), nhưng bạn tôi đã giải thích và giải quyết dứt khoát, thẳng thắn: "Nếu ngại thì tôi đã chả mời ông. Tôi không thích theo đuổi cuộc chiến nhãn hiệu. Tôi chơi hoặc không chơi với con người cụ thể." (TVT, sđd trg114).

Từ xác định trên, Hoàng Khởi Phong đặt xuống bàn thảo luận những vấn nạn mà cá nhân, hội đoàn người Việt đang lập thế đấu tranh (với chế độ, nhà cầm quyền cộng sản trong nước; nhân sự, tổ chức của chính phủ cộng sản nơi hải ngoại, ở đất Mỹ) không có quyền sai phạm, khinh suất...

HKP: "Theo tôi nghĩ chúng ta chưa hề có kinh nghiệm lưu vong... Hãy so sánh với người Hoa và người Do Thái, là hai chủng tộc vì những biến thiên suốt chiều dài lịch sử của họ, khiến cho người Hoa và người Do Thái phải lưu lạc khắp địa cầu... Người Hoa, và nhất là người Do Thái ở bất cứ xứ sở nào cũng kiến tạo những cộng đồng bình lặng bên ngoài, nhưng có sức ngầm bên trong... Họ không xuống đường hoan hô, đả đảo như cộng đồng Việt, mà lặng lẽ đòi hỏi trong nghị trường... Các nhân vật chính trị gốc Do Thái là một sức mạnh chính trị..." (TVT, sđd trg119).

Phải, bài học sơ đẳng, giản dị nhưng sống - chết này hình như những người Việt (cho thật lòng tranh đấu) hình như chưa hề hiểu thấu. Chỉ còn một năm nữa thôi là tròn 30 năm mất Miền Nam, cộng đồng người Việt hải ngoại hầu như đã mất gần hết sức chiến đấu - Chẳng phải người Việt thiếu hùng tâm, dũng khí (so với các chủng tộc khác) nhưng rõ ràng chúng ta đã phung phí năng lực để đánh phá bằng hữu, đồng đội mình thay vì dồn sức tấn công đối thủ (tổ chức, chế độ độc tài cộng sản trong nước) - lại là một đối thủ rất dày dạn kinh nghiiệm về tổ chức và hành sử bạo lực. Có mấy ai lắng nghe, có mấy ai thấy ra, hiện thực nên thành hành động về chủ điểm nêu trên. Và nếu không thực hiện được bước chiến lược trên thì trong một tương lai không xa sẽ như Hoàng Khởi Phong báo động: "...Dù đã thiết lập những cộng đồng Việt Nam rất đông đảo, dù cho đã tạo dựng được một nếp sống không hề thua sút người bản xứ, dù sản xuất những bậc anh tài mang họ Lý, Trần, Lê, Nguyễn... thì rút cục cũng sẽ giống như đợt di dân đầu tiên của họ Lý ở Đại Hàn, nghĩa là chỉ bốn, năm thế hệ sau sẽ bị chìm ngập vào với xã hội bản địa." (TVT, sđd trg123).

Và phải chăng, thái độ, hành vi thẳng thắn, mạnh mẽ của Hoàng Khởi Phong đã là một "xúc tác" cụ thể, thúc đẩy Trần Văn Thủy nói cùng bạn những điều vẫn được xem như thuộc "phạm vi cấm kỵ" (đối với người trong nước tuy đang hỏi người nơi hải ngoại - pnn): "Có ý kiến cho rằng văn chương và chính trị phải là một..."; hoặc: "Ở hải ngoại người cầm bút có tự do sáng tác không?" (TVT, sđd trg124 và 125).

Hoàng Khởi Phong đã gói trọn tất cả vấn nạn trên trong diễn tiến lý luận chặt chẽ như sau: "Nếu cho rằng 'văn chương và chính trị phải là một' thì quả là một điều 'bất hạnh thay cho người Việt', khi mà với các dân tộc khác người ta đã tách bạch hẳn văn chương và chính trị, thì với chúng ta, văn chương bị trói chặt vào chính trị, chính vì vậy mà ông Nguyễn Văn Linh đã có lần tuyên bố phải cởi trói cho văn nghệ...". (TVT, sđd trg124). Lệnh tuyên bố "hào hiệp" này được các huynh trưởng Nguyên Sa, Mai Thảo đánh giá: "Bọn chúng ta đâu phải là chó lợn đâu, mà lúc thích trói thì trói gô lại, lúc cần cởi thì bảo cởi ra..."; và Hoàng Khởi Phong đã gọi đúng tính trạng của lần "trói và cởi trói" bằng cách nhắc lại nhận định: "...Và chính các nhà văn trong nước đã có người nói, (do) bị trói lâu quá, sợi dây đã ăn sâu vào da thịt, trở thành một phần của da thịt nên khi được bứt ra, thì đau đớn tận xương tủy." (TVT, sđd trg 124). Tôi có thể bổ sung nhận định bạn với những vụ việc sau đây:

...Abakumov nhích nửa người lên khỏi ghế (ông không dám đứng thẳng hẳn), do biết Staline muốn người nói chuyện với mình phải ngồi im..

Staline khép hờ một mắt; mắt kia lộ vẻ bằng lòng. Ông ta nhìn chăm chăm Abakumov... "Anh hãy cho tôi biết..."; ông trầm ngâm hỏi: "Chúng ta

vẫn cần quan ngại đến những vụ khủng bố đấy chứ?"

Abakumov thở hơi ngắn nặng nhọc: "Vâng, tất nhiên, nhưng..." Ông không thể nào chịu nổi cảnh mình ngồi khi lãnh tụ phải đứng. Thế nên, ông lại hơi nhỏm người dậy nhưng không duỗi thẳng chân.

Đoạn bi kịch im lặng được chấm dứt khi Staline cho lệnh cho đi ra, và Abakumov không tin rằng mình đang bước đi hay trôi bềnh bồng... Ông cũng không chắc rằng mình được thở tự do lại cho đến tháng sau (để chờ lần gặp tới với người lãnh đạo). (Solzhenitsyn The First Circle Fontana Books London, 1970 p136-141)

Màn trình diễn khắc khoải trên giữa Staline và người cầm đầu Bộ An Ninh của chế độ Sô Viết (1922-1991) không chỉ xảy ra ở đất Nga Sô-viết, nó tràn lan khắp những nơi nào với chế độ gọi là "xã hội chủ nghĩa", do những con người vững tin rằng, sự hiện diện của bản thân và đảng cầm quyền là nhu cầu tiến bộ xã hội và cứu rỗi nhân loại. Ở Việt Nam, nơi Hà Nội còn diễn ra bao cảnh kinh hoàng đau thương hơn mà người cầm viết, kẻ trí thức là những nạn nhân bị dày xéo đầu tiên... Thi sĩ Nguyễn Bính một nhân dáng ôn hòa với những dòng thơ lãng mạn trữ tình (không thể gây nên hậu quả tác hại đối với bất cứ người, chế độ, cơ quan quyền lực nào); nhưng trong giai đoạn Nhân Văn, Giai Phẩm bị bức hại (1956-57), báo Trăm Hoa (được chính nhà nước yểm trợ để làm nhẹ phần tấn công của nhóm Nhân Văn) của Nguyễn Bính chỉ do tội ra câu đối: "Diêm Thống Nhất, giá không thống nhất" - Có nghĩa "Diêm quẹt Hiệu Thống Nhất (sản phẩm quốc doanh) nhưng giá bán mỗi nơi lại khác nhau." Câu mở đầu trên nhận được đối lại của một độc giả: "Báo Trăm Hoa bài chẳng trăm hoa" - Có ý, "Báo tên Trăm Hoa mà bài vở không phong phú như tên gọi". Trò chơi chữ nghĩa (quả thật chỉ là một trò chơi cũ kỹ, vô hại) đưa đến hậu quả: Thủ Tướng Chính Phủ Phạm Văn Đồng (phải là Phạm Văn Đồng mới có quyền quyết định đối vối những vụ án "chính trị-văn học" nghiêm trọng nầy (!)) ra lệnh, ngưng cung cấp giấy cho Trăm Hoa; cho lệnh Thiết Vũ (cũng là một nhân sự trong ngành báo chí quốc doanh tại Hà Nội) đến tận nhà hành hung Nguyễn Bính (màn giáo đầu cảnh cáo bọn phản động). Cuối cùng, Nguyễn Bính ra Tòa Án Nhân Dân mở tại Trường Ngọc Hân, Phố Lò Đúc, Hà Nội nhận giáo dục trừng phạt từ những người đàn bà vô học, hung hăng buộc tội người thi sĩ đã "gây hoang mang bằng xuyên tạc, phá hoại nền mậu dịch xã hội chủ nghĩa", cùng làm "suy thoái ý chí đấu tranh của toàn dân trong sự nghiệp chống thực dân đế quốc" với những vần thơ trong "Lỡ Bước Sang Ngang" - đầy giọng điệu của bọn tiểu tư sản phản động lãng mạn!! Bi kịch của người cầm viết chỉ kết thúc với lần chết oan khiên thương tâm sau khi đem ra chợ bán (gởi) con gái để đổi lấy mấy hào đủ mua cút rượu hòa với độc dược. Không phải là "cởi trói hay trói buộc" nhưng là "giết người"

với cực độ nhẫn tâm và vô ích - Giết người bởi cớ chứng từ chữ viết. Thời phong kiến trung cổ nào có thể sánh với, sau năm 1975, nơi Miền Nam Huynh Trưởng Nguyễn Mạnh Côn chết ở trại Z30D Hàm Tân Thuận Hải (Bình Tuy) chết với tiếng kêu xé lòng... Khát! Khát quá!

Và dẫu Hoàng Khởi Phong đã khẳng định về tiêu chí sáng tác: "Cách đây không lâu, trên một tờ báo hải ngoại, tôi cũng đã từng "bị" hỏi câu này (Có tự do sáng tác hay không?). Tôi xin lập lại câu trả lời: Tôi cho là bất kỳ ở đâu, dưới bất kỳ chế độ nào sự tự do sáng tác do chính người viết, nghĩa là anh có dám viết hết những suy nghĩ của mình hay không mà thôi." (TVT, sđd trg 125). Nhưng hình như Trần Văn Thủy vẫn "chưa tin" những người "được (TVT) đánh giá là bạn - và họ đối xử với ông thật lòng bằng hữu", nên ông có câu hỏi tiếp: Ông cho tôi trở lại câu hỏi: Ở hải ngoại này có tự do sáng tác hay không? (TVT, sđd trg 126)

Và Hoàng Khởi Phong đã lập lại thậm đầy đủ: "Tôi nghĩ tôi đã trả lời cho câu hỏi này rồi: Tự do hay không là do chính người viết, hãy nhìn tận sâu vào cõi lòng mình, rồi cắm cúi viết... Không e dè, không húy kỵ... Tôi nghĩ chúng tôi có tự do sáng tác, nhưng với tôi điều quan trọng hơn chính là viết như thế nào." (TVT, sđd trg 126). Với "biểu diễn lập trường" (đề mục mà Trần Văn Thủy có ý rất "bắt"), thì bạn thêm một lần nói rõ: "Giả dụ như căn bệnh (BDLT) đó có thật, thì tôi nghĩ là nó đã khởi đi bằng một điều tốt, muốn làm một điều tốt... Người Việt của chúng ta qua hai thế kỷ tranh chấp nội bộ (17-18, pnn), với một thế kỷ bị người Pháp xâm lăng đã khiến cho tư cách cá nhân của mỗi con người dần dần bị mất đi, mỗi con người đã tìm sự an toàn cho mình bằng cách nghe ngóng quan sát mọi việc chung quanh, rồi tự hòa mình vào đám đông chung quanh... Để chữa khỏi căn bệnh nầy, tôi cho là phải mất một hai thế hệ, và phải được giáo dục cẩn thận, trau dồi nhân cách của mọi con người..." (TVT, sđd trg 128-129). Và cuối cùng, bạn nói ra chân diện mục: "Hiện nay ở trong nước đã cho thấy một nền tư pháp, công lý bảo hiểm cho tội ác. Và như thế thì sẽ không bao giờ nhân cách có thể khá lên được." (TVT, sđd trg 129). Vâng, chỉ là thế, và chúng ta (tất cả chúng ta - những người cầm viết) chỉ cốt nhắm đến lần "Phục Hồi Quyền Chức Làm Người" (Tên một tập thơ của Hoàng Khởi Phong xuất bản ở trong nước trước 75 - pnn) do đã bị khinh miệt, dày xéo từ lâu. Đã quá lâu các Bạn tôi ơi.

Với Cao Xuân Huy - Anh "Cu Beng",

Theo ý kiến của nhiều người, cũng với riêng bản thân, phần của Huy là trả lời hay nhất, bốc lửa, và "thấm" đau nhất. Không hiểu với các bạn như thế nào, riêng tôi, lý do là vì những câu, chữ giản dị về một lần gặp nhau như thế này...

Cao Xuân Huy: "Lần đầu hai bố con gặp nhau là cuối năm 79, khi tôi ở trại tù Bình Điền, Huế... Đang lao động thì cán bộ trại sai tôi vác ghế ra nhà thăm nuôi, khi đến gần nhà thăm nuôi, tôi bỗng nghe tiếng hỏi phía sau lưng: "Beng đấy hả?" tôi giật mình, chỉ có những người trong gia đình mới biết cái tên cúng cơm nầy. Tôi quay lại, một ông già tay khoác túi vải, tay cầm cái điếu cày, từ một nhánh đường mòn nhỏ ven đồi bước ra, lững thững đi sau lưng tôi. Nhìn ông biết ngay là bố mình anh ạ. Nước mắt tôi tự nhiên ứa ra, cổ họng khô đi và như bị nghẹn, không nói được gì... cho đến bây giờ, tôi vẫn tự hỏi, làm sao chỉ nhìn sau lưng mà ông cụ đã nhận ra "thằng Beng", thằng con ông mới chỉ bế trên tay có một lần trong đời, lúc nó mới được vài tháng..."

Trần Văn Thủy: Anh kể tiếp đi.

Cao Xuân Huy: Trong nhà thăm nuôi. Bố tôi là người ít nói, và thú thật với anh (TVT), tôi cũng ít nói y như ông cụ vậy..

- Mày có khỏe không?
- Dạ, con khỏe.
- Mày có nhận ra bố mày không?
- Dạ, con có nhận ra.
- Mày ăn thịt gà đi, thịt gà này chú Phùng Quán làm cho mày đấy.
- Mình có họ với chú Phùng Quán hả bố?
- Không, nhưng chú ấy xem tao như anh...

Và hai hôm sau, khi được ra khỏi trại tù, tôi (CXH) đến tìm bố ở một khách sạn ngoài Huế. Nhìn vẻ hoảng hốt của ông cụ khi thấy tôi trong bộ áo quần tù, ông hẹn tôi vội vàng là đến chiều ra quán cóc ở bờ sông Hương, tôi thấy thương bố quá...

Cuộc gặp gỡ của hai cha con sau hơn ba-mươi năm có đối thoại sau..

Ông vừa cười vừa hỏi: "Mày ghét cộng sản lắm hay sao mà đi cái thứ lính ác ôn (Lính Thủy Quân Lục Chiến) này?" Tôi nói: "Ghét thì con không ghét, có thù oán gì đâu, nhưng gặp đâu thì bắn đó". "Thế thì mày bắn cả bố mày à..." (TVT, sđd trg 61-63)

Anh "Cu Beng", Thủy Quân Lục Chiến Cao Xuân Huy, Đạo Diễn Trần Văn Thủy - Các anh đã kể ra, viết lại hộ tôi tình huống xẩy ra ngày 8 tháng Năm, 1980 nơi Trại 5 Lam Sơn, Thanh Hóa,

Người đàn ông lớn tuổi, thân hình nhỏ, gầy, mặc chiếc áo cao cổ màu xanh sậm đứng dưới gốc cây vẻ nôn nóng. Gã tù quần áo vải nội hóa màu xám đóng dấu hắc ín "CẢI TẠO" nhem nhuốc cùng khắp, đi xiêu lệch từ hầm kỷ luật được kéo ra...

- Rốc... con nhận ra ba không?
- Dạ có, giống như kỳ ba ở chiến khu,
- Năm đó... năm-mươi,

- Ba cũng mặc áo veste màu xanh, bằng cỡ tuổi con bây giờ. Ba đứng ở bờ sông...

- Con nhớ vậy hả?

- Con nhớ như vậy, có viết ra trong sách... Năm sáu-bảy con hành quân ở đó,

- Con đi lính chi?

- Dạ, lính Nhảy Dù.

Quả thật, tôi có cảm giác kiệt sức. Anh Thủy, dù sao anh vẫn là một người hạnh phúc, bởi có một bà thím để trò chuyện, và còn một ngôi làng để trở về sau khi đi hết biển... Tôi thì khác,

Tôi đi xuyên suốt sông cùng biển
Chẳng lội qua đâu nỗi đoạn trường
Dẫu biết đất trời muôn triệu dặm
Cuối cùng chạm tới chỗ Không thôi..

Tôi không là nhà thơ, nhà văn, không là "người Mỹ gốc Việt" ở hải ngoại. Tôi chỉ là, luôn là, Người Lính "Bất bình tất minh" của Miền Nam NướcViệt.

Phan Nhật Nam
Nhớ ngày 4 tháng Ba, (1973-2004)
Người Nam Hà đầu tiên Đi Bắc - Về Nam.
(theo cách gọi của Đỗ Ngọc Yến)

TÌM ĐỌC
Tuyển tập
TRẦN HỒNG CHÂU
thơ, tùy bút, tiểu luận về
văn học nghệ thuật

VIỆN VIỆT HỌC
Institute of Vietnamese
Studies
xuất bản
Giá $40 mỹ kim

đọc nếu đi hết biển chuyện đi, về

ĐINH TỪ THỨC

Tôi được nghe nói tới tập sách nhỏ "Nếu Đi Hết Biển..." như một công trình đáng chê trách, với một dụng ý nào đó. Tôi đã tự đề phòng, để khi đọc nó, đừng để ác cảm chi phối. Thế rồi, sau khi đọc, cảm tưởng khi gấp sách lại, là tập sách không đến nỗi như những gì tôi đã được nghe trước khi đọc.

Tên tác giả Trần Văn Thủy được trình bầy lớn hơn tên tựa sách, như kiểu các đại tác giả muốn cho người đọc chú ý vì tên người viết, trước khi tìm hiểu nội dung cuốn sách. Nhưng qua "Mấy Lời Rào Đón", tác giả đã nói về mình "tự biết đã là hèn lắm rồi".

Có lẽ tác giả phải rào đón kỹ, vì Nếu Đi Hết Biển... không phải là đứa con hoàn toàn do ông sinh ra. Ông Trần Văn Thủy chỉ là người "đẻ mướn", phương tiện do Đại Học Massachusetts ở Boston cung cấp, mầm sống được cấy vào từ mấy nhà văn Việt Nam đang sống ở Mỹ.

Nội dung tập sách đã bàng bạc, phảng phất một niềm ước muốn hòa giải giữa những người Việt ở ngoài và trong nước, và ngụ ý chê trách chủ trương tiếp tục tích cực chống Cộng.

Ngoài bài giới thiệu bằng hai thứ tiếng Việt và Anh của ông Kevin Bowen, Giám Đốc Trung Tâm William Joiner Nghiên Cứu Về Chiến Tranh và Hậu Quả Chiến Tranh, thuộc Đại Học Massachusetts ở Boston, tập sách gồm bốn bài đầu của ông Trần Văn Thủy, và bảy bài sau, mỗi bài ghi lại cuộc phỏng vấn một nhà văn (6 Việt, 1 Mỹ); bài cuối cùng do một phụ nữ Việt Nam đã sống tại Mỹ từ năm 1968, ghi lại mảnh đời của mình bên lề cuộc chiến.

Chẳng hiểu có phải vì "đẻ mướn", tác giả đã có vẻ coi thường đứa con của mình. Trong bài đầu tiên "Mấy Lời Rào Đón", ông viết "nếu ai muốn tìm kiếm những điều cao siêu về tư tưởng, văn chương hoặc soi mói những điều kém cỏi về lập trường, quan điểm xin hãy bỏ qua, đừng đọc tiếp". Viết sách mà khuyên độc giả đừng đọc, cũng là điều hiếm có. Nhưng rồi tác giả viết tiếp: "Ở đây tôi chỉ ghi chép lại đôi điều tôi nghĩ, tôi thấy, tôi trải qua cùng việc trò chuyện với một số trí thức, nhà văn hải ngoại". Chính câu này khiến tôi không thể bỏ qua tập Nếu Đi Hết Biển... Tôi cũng cần ghi lại đôi điều tôi

nghĩ, sau khi đã đọc những gì người khác nghĩ về một môi trường sinh hoạt, trong đó có mình.

Trong bài thứ hai, mang tiểu tựa cùng với tên sách Nếu Đi Hết Biển, tác giả viết: "Giờ đây trên đất Mỹ, tiếp xúc với cộng đồng người Việt, tôi không khỏi băn khoăn về cái điều tâm huyết tôi nói bên mộ thím tôi: '*...Nếu đi hết biển, qua các đại dương và các châu lục, đi mãi, đi mãi thì cuối cùng lại trở về quê mình, làng mình...*' Tôi không biết trong lịch sử thịnh suy của đất nước tôi có thời điểm nào, hoàn cảnh nào dẫn đến sự ly tán lòng người sâu thẳm, dẫn đến việc hàng triệu người chạy ra biển ly hương bất cần mạng sống đến thế không. Nhưng tôi biết rất rõ không ít người Việt xa xứ '*qua các đại dương và các châu lục, đi mãi, đi mãi*' mà cuối cùng không thể '*trở về quê mình, làng mình*' được".

Tác giả khôn lắm, thay vì viết trong lịch sử chưa bao giờ xẩy ra chuyện hãi hùng khiến hàng triệu người bất cần mạng sống bỏ nước ra đi, ông đã giả ngộ như một người mù tịt về lịch sử, khiến điều ông trình bầy nhẹ đi. Trách người biết, ai trách người không biết. Rồi tác giả khẳng định ông biết rất rõ có không ít người Việt xa xứ đã không thể trở về. Điều này đưa tới hai thắc mắc, là số người về, và tại sao không về.

Theo thống kê, hằng năm có vào khoảng từ ba đến bốn trăm ngàn người Việt hải ngoại tới Việt Nam. Rải rác trên thế giới, theo con số của nhà cầm quyền Việt Nam đưa ra, có 2.7 triệu "Việt Kiều". Như vậy, số người thăm Việt Nam mỗi năm trên 10%, chỉ cần 10 năm để mọi người cùng đi Việt Nam, nếu đa số chỉ đi một vài lần. Số người tới Việt Nam đông, nhưng tôi nghĩ ông Thủy đã nói đúng, không ít người đã chưa thể trở về, và chỉ có rất ít người đã trở về. Những người kéo nhau đi du lịch Việt Nam, như đi du lịch Âu Châu, Á Châu, rồi lại trở về nhà mình ở Mỹ, Pháp, Gia Nã Đại, hay Úc, là những người đi Việt Nam, không phải về Việt Nam. "Đi" và "Về" là hai chuyện khác nhau, không nên lầm lẫn.

Hơn hai triệu người Việt đã rời Việt Nam, không phải để đi du lịch, nên họ không dễ dàng trở về. Họ đã phải liều mình lựa chọn giữa sống và chết, sẵn sàng chết để hy vọng được sống. Khi lý do khiến họ phải ra đi vẫn còn đó, họ không thể trở về. Hơn nữa, một người Việt ở Mỹ chẳng hạn, bất cứ lúc nào cũng có thể lên máy bay du lịch nhiều nước trên thế giới, không cần xin chiếu khán. Trong khi ấy, phải xin phép, có khi phải hối lộ để được tới Việt Nam. Và nhiều người có tên trong sổ đen, chẳng những không được về, họ mất cả quyền đi Việt Nam. Có ai trên thế giới phải xin phép mới được về nhà mình? Không về là phải.

Từ chỗ xác định nhiều người Việt không thể trở về, ông Trần Văn Thủy đã giúp người đọc tìm ra nguyên nhân, qua bài thứ ba "Một Bức Thư". Ông

cho đăng lại lá thư của người bạn hồi niên thiếu, đã xa ông đúng nửa thế kỷ. Một người bạn "ngụy", tuy chỉ là sĩ quan biệt phái cấp nhỏ, "chẳng đánh đấm gì cả", cũng bị "cải tạo" ba năm, hai lần định tự tử, cuối cùng phải đi đạp xích lô. "Mình không quên được những bữa cơm ở vỉa hè với một đĩa cơm và một con cá khô. Nước mưa chảy từ cái mũ xuống ướt đẫm đĩa cơm như chan canh. Mình cũng không quên được những ngày đạp xích lô quần áo tả tơi. Khách hàng mình chở đôi khi là bạn bè cũ, đôi khi là học trò của mình hoặc những người bạn gái của mình".

Người bạn của ông Thủy đã chia sẻ với ông những nỗi lầm than cơ cực của những ngày làm Ngụy, nhưng "Những gì ở trong trại cải tạo mình xin miễn kể ra đây". Có thể chia sẻ với bạn nỗi buồn, còn niềm đau, như vết thương đụng tới sẽ rướm máu, xin miễn nhắc tới. Chính cái điều xin miễn kể này, cùng với mấy chữ bình thản "Ông anh ruột của mình thì chết trong trại cải tạo" đã kể quá đủ.

Qua bài thứ bốn "Thầy Mù Xem Voi", ông Trần Văn Thủy đã kể lại mấy cuộc phỏng vấn bên trời Âu, như câu chuyện với ông già Nguyễn Văn Quý: "Câu hỏi thứ nhất, tôi hỏi là lý do và hoàn cảnh nào đã dẫn đến việc bác và gia đình sang định cư tại Tây Đức. Thì bác đã nói rất rõ bác là viên chức cao cấp của chế độ cũ, cho nên bác phải đi cải tạo rất cực. Khi được về lại Sài Gòn, với tư cách là phó thường dân, hằng tuần bác phải đi trình diện, đấy là một điều rất đau khổ đối với bác, vì thế bác không ở lại được".

Ông Trần Văn Thủy kể tiếp: "Đến câu hỏi thứ hai: *'Nghe nói vào tháng 8, tháng 9 năm 1945 bác có mặt ở Hà Nội, bác có kỷ niệm gì đáng nhớ?'* Có lẽ tôi khó tìm gặp được một người nào kể về Cách mạng tháng Tám, kể về ngày 2-9-1945 mà hào hứng, tình cảm, sinh động và da diết như bác... Vậy mà khi qua câu hỏi thứ ba, tôi hỏi: 'Bác có thể kể về những giấc mơ gần đây của bác được không?' ...Cái quái ác là ở chỗ tuy đã sống ở nước ngoài rồi, mà bây giờ, đêm đêm nằm mơ, bác chỉ mơ thấy hàng chục lần phải trở lại trại cải tạo. Sợ hãi, ú ớ, la hét: *'Ơ... ơ... Tôi đã hết hạn cải tạo rồi cơ mà! Đây, giấy ra trại của tôi đây. Tại sao cán bộ lại bắt tôi trở lại trại?'*"

Vẫn lời kể của ông Trần Văn Thủy: "Thế rồi tiếp theo câu hỏi thứ tư: *'Về những người ham chống Cộng một cách cực đoan, bác nghĩ thế nào?'* ...bác Quý lại là người có thái độ thẳng thắn đáng kính trọng: *'Tôi không thích những chuyện bạo lực, những chuyện chính trị một cách hồ đồ, viển vông. Người ta chống Cộng kiểu sa lông, phòng trà. Có kẻ còn tệ hại hơn là vận động, thu tiền bỏ túi mình để... chống Cộng...'*"

Trong câu hỏi thứ tư trên đây của ông Trần Văn Thủy có điều không ổn, đó là mấy chữ "Ham chống Cộng một cách cực đoan". Theo sự trình bầy của ông Trần Văn Thủy, cái chế độ đã và đang tiếp tục cai trị ở Việt Nam, có

những người từ trẻ đến già, từ cấp nhỏ tới cấp lớn, đều phải đi cải tạo, và dù đã cải tạo xong, vẫn không được yên thân, đến nỗi, sau nhiều năm sống ở ngoại quốc, vẫn nằm mơ thấy những chuyện hãi hùng của những ngày cải tạo. Một chế độ với những người dân từ bé "đâu có được học nói thật bao giờ" (trả lời của bà Phùng Hồng Thúy, thuyền nhân ra đi từ Hà Nội, định cư ở Đức). Chống một chế độ như vậy, là chuyện đương nhiên, một bổn phận, một chuyện "chẳng đặng đừng", đâu phải là thú vui. Chống Cộng, đâu phải là hốp-bi, mà gọi là ham? Còn chuyện bạo lực, hồ đồ, viển vông, đâu phải ai chống Cộng cũng như vậy. Cũng như những kẻ dùng chiêu bài chống Cộng để lấy tiền bỏ túi, đó là bọn lưu manh, đâu phải người chống Cộng.

Xin trích hai đoạn quan trọng trong bài "Thầy Mù Xem Voi" của ông Trần Văn Thủy: "Tôi xin nói thật lòng như thế này: Khi còn ở trong nước, tôi cứ nghĩ các khuyết tật mà xã hội Việt Nam có, thí dụ quan liêu, cửa quyền, bắt người khác nghĩ giống mình, áp đặt ý kiến là do cơ chế của chế độ chính trị, của một thứ 'chủ nghĩa xã hội'. Bây giờ ra ngoài, đi nhiều, tiếp xúc nhiều, đọc nhiều, nhất là những báo chí chống Cộng cực đoan, tôi thấy không ít chuyện kinh hoàng. Ai mà không theo mình thì giẫn mặt, đánh đấm hoặc bắn bỏ. Thế tôi mới ngờ rằng cái bệnh hiếp đáp nhau, giẫm đạp lên nhau, bắt người khác phải phục tùng mình phải chăng đó là bệnh của dân tộc Việt? Nếu như đó là bệnh của một thể chế chính trị thì có thể sửa được, khi nó thay đổi tích cực lên thì những điều xấu ấy mất đi. Nhưng nếu đó là những khuyết tật của dân tộc thì thật là đau đớn vô cùng. Đè nặng lên trong tôi vẫn là cái cảm giác dân tộc mình khó mà khá lên được, khó lòng đuổi kịp các nước, dù là những nước trung bình trên thế giới. Đó là sự thật. Ai càng yêu nước nhiều càng buồn nhiều!"

"Hồi đó, phóng viên tờ Đức-Việt tại Franfurt/M đã hỏi tôi: *'Thử nghĩ xa hơn một chút. Hiện tình là vậy thì lỗi lầm bắt nguồn từ đâu?'* Thay vì trả lời, tôi kể lại một lần đối thoại ngắn ngủi với một nhà báo Cộng sản Pháp. Trong một buổi chiêu đãi báo chí tại Hà Nội cuối năm 1987, nhà báo nọ nâng ly chúc mừng hai bộ phim của tôi (Hà Nội Trong Mắt Ai, Chuyện Tử Tế) được công chiếu. Rồi ông nhún vai bảo rằng: *'Nhưng công bằng mà nói, các ông đổ lỗi cho Chính phủ, cho Nhà nước của các ông nhiều quá.'* Tôi hỏi: *'Ông là người ngoại quốc, có thể ông có cái nhìn tinh tế hơn?'* Ông ta lại nhún vai: 'Cũng chẳng có gì đáng gọi là tinh tế cả. Phương ngôn Pháp của chúng tôi có câu: *'Nhân dân nào, Chính phủ ấy'. Các ông rất xứng đáng với Chính phủ của các ông!'*" (những chỗ in nghiêng và chữ đậm là do tác giả TVT).

Cứ theo hai đoạn trên, tác giả cho thấy, không phải chỉ những tệ đoan trong nước, mà chính thói chống Cộng cực đoan của người ngoài nước, cũng phải chia sẻ trách nhiệm làm cho "dân tộc mình khó mà khá lên được". Rồi

khi tìm nguyên nhân của tình trạng chậm tiến, ông Trần Văn Thủy đã khôn khéo dùng lời một nhà báo Cộng sản Pháp để bao che người cầm quyền, và buộc tội nhân dân: Các ông đã đổ lỗi cho Chính phủ, cho Nhà nước của các ông nhiều quá. Nhân dân nào, Chính phủ ấy, phải trách nhân dân trước khi trách Chính phủ mới đúng.

Nếu ông Trần Văn Thủy phải viết những điều ông đã viết, người ta có thể hiểu ông chỉ làm nhiệm vụ. Nhưng nếu đó là những suy nghĩ thành thực, như lời ông, người ta phải lấy làm tiếc, vì ông đã phạm một lỗi lầm nghiêm trọng đối với dân tộc ông. Việt Nam cũng có câu phương ngôn "rau nào sâu ấy" có thể thay thế cho câu "Nhân dân nào, Chính phủ ấy". Nhưng áp dụng câu này cho tình hình Việt Nam hiện nay là sai. Từ nửa thế kỷ qua đối với người dân miền Bắc, và từ 1975 đối với cả nướcViệt Nam, người dân không được tự do chọn lựa chính phủ của mình, sao có thể áp dụng câu Nhân dân nào, Chính phủ ấy? Hơn nữa, có thể nhìn vào chính quyền Quốc Xã của Hitler tại Đức, và chính quyền Quân Phiệt của Nhật thời Đệ Nhị Thế Chiến, phải chăng nhân dân Đức và nhân dân Nhật xứng đáng với những kẻ cầm quyền tàn ác đó? Tôi đang dẫn ông Trần Văn Thủy tới một hệ luận có thể ông không muốn nghe: Hai nước Đức và Nhật đã phát triển ra sao sau khi hai chính phủ độc tài bị dẹp? Còn Việt Nam? Ngoài ra, ông Trần Văn Thủy đi nhiều, chắc ông đã thấy, mấy triệu người Việt xa xứ, chỉ cần thoát khỏi vòng kiềm tỏa của những người đang đè đầu đè cổ hơn 80 triệu dân trong nước, họ đã vươn lên mau chóng, chỉ trong vài thập niên, họ đã đuổi kịp bất cứ ai. Vậy căn bệnh chậm tiến không phải bệnh dân tộc đâu. Ông thừa biết căn nguyên của nó.

Có thể nhà báo Cộng sản Pháp và nhà làm phim Cộng sản Việt đã đi xa hơn, sâu sắc hơn, khi áp dụng câu phương ngôn "Chính phủ nào, Nhân dân ấy". Có thể các ông muốn nói: Một Chính phủ xấu như vậy mà nhân dân các ông vẫn chịu khuất phục, không đứng dậy loại bỏ nó đi, thì các ông rán chịu. Nhân dân nào, Chính phủ ấy. Trong trường hợp này, có lẽ các ông có lý.

*

Ông Trần Văn Thủy nói rằng, nhờ đi nhiều, tiếp xúc nhiều, đọc nhiều, "nhất là những báo chí chống Cộng cực đoan, tôi thấy không ít chuyện kinh hoàng". Rất tiếc, ông đã không gặp, tìm hiểu và ghi lại đối thoại với những người ông liệt vào hạng chống Cộng cực đoan, nên không biết họ có bao nhiêu, và nguyên nhân nào khiến họ làm như vậy. Chỉ trích những người cực đoan, nhưng gặp toàn người ôn hòa, khiến sự chỉ trích thiếu cụ thể, và công trình tìm hiểu thiếu toàn diện. Tuy nhiên, quan điểm của quý vị ôn hòa mà ông Thủy đã gặp, cũng có nhiều điều đáng nói.

Câu chuyện gia đình của ông Cao Xuân Huy, đọc mà đau. Tuy bố ông đi kháng chiến, nhưng ông ngoại bị đấu tố, chỉ vì là thầy giáo giỏi tiếng Pháp.

Bố về thành, vì thuộc thành phần tư sản, không thể bảo đảm để mẹ ông ở lại Hà Nội. Gia đình ly tán, kẻ Bắc, người Nam. Sau 1975, con đi cải tạo. Rồi tới chuyện "một ngàn năm đô hộ giặc Tầu", Hoàng Sa còn. "Một trăm năm đô hộ giặc Tây", Hoàng Sa còn. Nhưng ba mươi năm "độc lập", Hoàng Sa mất. "Tự do" bố không được gặp con. "Hạnh phúc" quà gửi cho con bị cán bộ ăn cắp. Nếu cái xác khô ông Hồ còn chút liêm sỉ, chắc cũng đã phải trở mình nằm sấp, che mặt để đỡ xấu hổ.

*

Câu chuyện giữa ông Trần Văn Thủy với nhà văn Nhật Tiến, cho thấy bên cạnh một số quan điểm rõ ràng, không hiểu vì lý do gì, nhà văn này đã không nói rõ về một vài điểm khác. Ông Nhật Tiến đã nói thẳng nhận xét của mình khi có mặt tại Việt Nam: "Cảm giác xa lạ, sự không thể hòa nhập được vào đám đông ở chung quanh mình và cái bầu không khí sinh hoạt văn hóa nói chung, văn học nghệ thuật cũng như báo chí nói riêng, vẫn bao trùm một niềm kiêu hãnh rằng 'dân tộc ta anh hùng, đã đánh cho Mỹ cút, cho Ngụy nhào'. Là một người xuất thân từ miền Nam trước đây, làm sao tôi có thể hòa nhập được'"

Cái nhìn của nhà văn Nhật Tiến đối với binh sĩ Miền Nam cũng rất rõ ràng: "Trong bao nhiêu năm khói lửa ròng rã ấy, chúng tôi biết chắc là đã có rất nhiều người gục ngã ngoài trận địa với lý tưởng là bảo vệ xóm làng, bảo vệ hậu phương trước sự tiến công của bộ đội miền Bắc. Nhân dân miền Nam biết ơn họ, đây là một thực tế trong đời sống có thể dễ dàng kiểm chứng..."

Ông Nhật Tiến cũng không ngần ngại nhìn thẳng vào các nhà lãnh đạo cả hai miền Bắc, Nam: "Trong thời kỳ Cải cách ruộng đất, cấp lãnh đạo tiến hành những cuộc đấu tố, con tố cha, vợ tố chồng, cái đó có phải là sản phẩm của những người có đầu óc dân tộc, có tinh thần dân tộc không? Chủ trương dẫu có thiêu đốt cả dẫy Trường Sơn để hoàn thành việc thống nhất đất nước với cả triệu sinh mạng dân chúng ở cả hai miền có phải xuất phát từ một tấm lòng yêu thương dân tộc không? Hay như lời lẽ của một vị Tổng Thống nói công khai trên đài truyền hình là viện trợ 700 triệu thì đánh theo kiểu 700 triệu, viện trợ 300 triệu thì đánh theo kiểu 300 triệu, thì đó có phải là lời lẽ của một thứ tay sai hay một loại con bài của ngoại bang không?"

Tuy nhận mình là người xuất thân từ miền Nam trước đây, nhà văn Nhật Tiến muốn thoát khỏi vị trí bên này hay bên kia, đứng trên bình diện dân tộc để nhìn lại cuộc chiến. Và từ vị trí này, ông cho rằng: "con đường hòa hợp hòa giải dân tộc là sinh lộ duy nhất để đem quê hương ra khỏi tình trạng mất tự do dân chủ, nghèo nàn, chậm tiến và tràn lan tệ nạn tham nhũng và bất công như hiện nay". Ông Nhật Tiến đã có can đảm, đề cập tới một đề tài cấm kỵ (tabu), điều mà nhiều người thường tránh, vì sợ bị hiểu lầm.

Tại sao "hòa giải" vốn là chuyện tốt đẹp đã trở thành đề tài cấm kỵ? Vì không phải một mình ông Nhật Tiến cổ võ hòa giải. Cộng Sản Việt Nam cũng đã làm điều này, khiến tiếng nói của ông Nhật Tiến như một tiếng vang từ Hà Nội. Do đó, dễ bị hiểu lầm. Tất nhiên, một nhà văn chỉ sử dụng ngôn ngữ để diễn tả ý nghĩa thực của nó. Nhưng với Cộng Sản, ngôn ngữ là một thứ cạm bẫy dùng để lừa lọc. Nhà văn nói "một tháng" để chỉ 30 ngày. Nhưng trong ngôn ngữ của Cộng Sản, "một tháng" có thể là trên dưới 10 năm, như trong vụ Cải Tạo.

Ông Nhật Tiến đã coi hòa hợp hòa giải như một phương thuốc chữa bách bệnh. Có thể ông kỳ vọng hơi nhiều, nhưng đó là chuyện khác. Vấn đề đặt ra ở đây là, tại sao phải hòa giải dân tộc? Dân tộc ta có chia rẽ, có thù hận nhau tới mức phải coi hòa giải là điều kiện tiên quyết để giải quyết mọi vấn đề hay không? Ở đâu cũng có chia rẽ: Những người trong cùng một gia đình, cùng một tổ chức chống nhau. Gia đình này chống gia đình kia, tổ chức này chống tổ chức khác. Ngay nội bộ Đảng Cộng Sản cũng có phe này phe kia, như phe Lê Đức Anh dùng đòn độc để hạ phe Võ Nguyên Giáp... Nhưng trên bình diện lớn hơn, có thể nói, không có bằng chứng nào cho thấy dân tộc Việt hận thù nhau tới mức sẵn sàng giết nhau.

Dù ngược dòng mấy trăm năm lịch sử, thời Trịnh Nguyễn phân tranh, cũng là do hai họ Trịnh và Nguyễn chống nhau để bảo vệ quyền lợi và địa vị, người dân Bắc và Nam đâu có thù hận gì nhau. Đến thời Tây Sơn và nhà Nguyễn cũng vậy, chỉ những người đứng đầu giết nhau, dân đâu có ai hận thù gì nhau. Rồi Thực Dân Pháp chia nước ta thành ba miền, dân Bắc Trung Nam cũng đâu có thù hận gì nhau. Cùng lắm, chỉ có chuyện người miền nọ trêu chọc những thói quen của miền kia. Đó không phải thù hận, chỉ là chuyện thường tình, ở đâu cũng có. Sau Hiệp Định Genève năm 1954, gần một triệu dân miền Bắc, hòa nhập với 14 triệu dân miền Nam vĩ tuyến 17, một tỷ lệ pha trộn khá cao, nhưng người dân vẫn sống thuận hòa.

Rồi đến cuộc chiến Quốc Cộng, chính nhà văn Nhật Tiến cho rằng lãnh đạo của cả hai miền đều là tay sai ngoại bang. Vậy nếu ông Nhật Tiến đúng, chính những tay sai này là vai chánh trong cuộc tương tàn ba mươi năm, người dân hai miền chỉ là nạn nhân, đâu phải họ giết nhau vì hận thù. Cái gốc của hận thù không bắt nguồn từ dân, bởi đó, đặt vấn đề hòa giải dân tộc, là sai. Muốn giải quyết vấn đề hận thù, phải truy tận gốc. Nó bắt nguồn từ hai guồng máy cai trị tại Bắc và Nam. Chính quyền miền Nam đã tan biến từ năm 1975. Chỉ còn lại chính quyền miền Bắc hiện đang cai trị cả nước. Đây chính là nguồn gốc còn lại của hận thù.

Nguyên do của hận thù là bất công. Cá nhân hay tập thể tạo bất công, là gây bất hòa, đưa tới hận thù. Trên lý thuyết, Đảng Cộng Sản Việt Nam hiện

đang nắm quyền cai trị phải chịu trách nhiệm về những bất công do mình gây ra từ 60 năm qua. Nhưng trên thực tế, hơn hai triệu đảng viên cũng chỉ là công cụ của một nhóm thực sự nắm quyền hành, đó là Bộ Chính Trị. Dù núp dưới danh nghĩa gì, cái nhóm này, thực sự chỉ là một băng đảng ăn cướp. Đừng ngần ngại gọi họ bằng tên thật của họ.

Họ đã cướp công cách mạng của các đảng phái Quốc Gia. Họ đã cướp quyền cai trị mà chính họ từng long trọng tuyên bố thuộc về toàn dân. Họ đã cướp của cải, vàng bạc của dân để hối lộ cho tướng Tầu. Họ đã cướp mạng sống của người dân trong vụ Cải Cách Ruộng Đất. Họ đã cướp tự do sáng tác của các văn nghệ sĩ trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm. Họ đã cướp cả Miền Nam Việt Nam từ vĩ tuyến 17 đến Mũi Cà Mâu (họ nói phải đánh Miền Nam để giành lại độc lập từ tay Đế Quốc Mỹ, nhưng do những tài liệu đã được công bố, trước năm 1975, Bắc hay Nam Việt Nam đã lệ thuộc ngoại bang nhiều hơn? Miền Nam đâu có nghe lệnh Mỹ giết dân như Miền Bắc tuân lệnh Tầu trong vụ Cải Cách Ruộng Đất? Miền Nam đâu có nhượng một tấc đất nào cho Mỹ như Miền Bắc đã nhượng cho Tầu?). Họ đã cướp mạng sống của hàng triệu binh sĩ Bắc cũng như Nam vì chủ xướng cuộc chiến mệnh danh giải phóng Miền Nam. Họ đã ăn cướp hạnh phúc của hàng triệu gia đình có thân nhân phải đi cải tạo. Họ đã ăn cướp tài sản của những người phải đi Kinh Tế Mới. Và họ đã ăn cướp của cả dân tộc Việt Nam nửa thế kỷ tiến bộ.

Tóm lại, dân tộc Việt Nam không có hận thù gì với nhau, nên không cần đặt vấn đề hòa giải dân tộc. Hiện tại, chỉ có hận thù giữa băng đảng ăn cướp đang nắm quyền cai trị, và khối dân tộc bị trị. Kẻ nào, thành phần nào gây ra bất công, là nguyên nhân của bất hòa, phải đóng vai chủ động trong việc hòa giải. Do đó, không phải người dân hòa giải với nhà cầm quyền, ngược lại, Bộ Chính Trị phải hòa giải với dân. Thay vì thể hiện hòa giải qua hành động, như nhận lỗi và sửa lại những gì đã làm sai, đền bù những gì đã gây thiệt hại v.v... Họ kêu gọi người dân, nhất là những nạn nhân của họ, hãy hòa giải với họ. Nghĩa là chấm dứt chỉ trích, chống đối, hãy tiếp tay họ, chấp nhận để họ tiếp tục gây bất công, hận thù. Đây là điều phi lý, ngược ngạo.

Đã có nhiều thí dụ hòa giải trong lịch sử. Vào thời Trung Cổ, Tòa Thánh La Mã đã có những việc làm sai trái, điển hình là tòa án Inquisition của Giáo Hội dưới thời Giáo Hoàng Urban VIII, vào năm 1633 đã xử phạt nhà thiên văn học Galileo, bắt ông phải từ bỏ khám phá cho rằng quả đất quay chung quanh mặt trời. Cách đây mấy năm, chính Đức Giáo Hoàng Gio An Phao Lồ Đệ Nhị đã hòa giải bằng cách nhân danh Giáo Hội, xin lỗi về những việc làm sai lầm này.

Vào hồi Đệ Nhị Thế Chiến, những người gốc Nhật sống tại mấy tiểu bang bên bờ Thái Bình Dương đã bị chính quyền của Tổng Thống Roosevelt

bắt phải bỏ nhà cửa, sống tập trung tại mấy trại ở vùng sa mạc sâu trong lục địa, hầu tránh làm nội ứng cho quân Nhật. Biện pháp cứng rắn này, tuy không đến nỗi khốn nạn như các trại "Cải Tạo" tại Việt Nam sau 1975, nhưng đã gây buồn lòng không ít, chẳng những riêng với các nạn nhân, mà đối với cả những ai hằng quan tâm tới quyền sống của con người. Thời Tổng Thống Reagan, nước Mỹ đã chính thức nhận lỗi về vụ này, và chịu bồi thường cho gia đình những người bị tập trung. Đó là hòa giải.

Cũng vào hồi Đệ Nhị Thế Chiến, Quân Phiệt Nhật đã bắt nhiều phụ nữ Triều Tiên xung vào đội "gái ủi an" (comfort girls) để phục vụ binh sĩ Thiên Hoàng. Nửa thế kỷ sau, dân Đại Hàn vẫn không quên được mối hận này. Cuối cùng, Thủ Tướng Nhật đã phải chính thức xin lỗi, và bồi thường cho nạn nhân. Đó cũng là hòa giải.

Cho đến nay, Bộ Chính Trị Đảng Cộng Sản Việt Nam đã làm gì để hòa giải trước những tội ác tầy trời của họ?

Nhà văn Nhật Tiến khẳng định: "Tôi chưa và cũng chẳng bao giờ lại chủ trương hòa giải, hòa hợp với độc tài hay bạo lực". Nhưng với những người có lập trường cứng rắn đối với độc tài hay bạo lực, ông Nhật Tiến lại nói rằng "con đường cứu nước của họ chỉ là một thứ đường mòn vô dụng" chẳng những không có ích, còn cản bước tiến của dân tộc. Ông chủ trương "Ổn định và phát triển", nhưng lại nói thêm: "Dĩ nhiên, ổn định không có nghĩa là cam chịu làm tôi tớ cho giai cấp cầm quyền..." Nếu giai cấp cầm quyền cứ ngồi lì, tiếp tục độc tài, tham nhũng và coi dân chúng như tôi tớ, có nên tìm cách loại bỏ chúng đi không? Và làm như vậy, có phạm vào chủ trương "ổn định" không?

*

Qua cuộc nói chuyện với ông Trần Văn Thủy, nhà văn Nguyễn Thị Hoàng Bắc, ngoài nhận xét về mấy "thói hư tật xấu" trong sinh hoạt cộng đồng, như "tố cáo, mạ lỵ, chụp mũ tưng bừng lẫn nhau, người oan, kẻ ưng cá mè một lứa", bà đã dùng một cuốn sách về tập thể những người Tiệp tỵ nạn trước kia, để nói rằng tập thể những người Việt tỵ nạn cũng có hành vi tương tự, như: "Lâu lâu lại phải đọc tuyên cáo này, tuyên cáo nọ, lên án bọn cộng sản trong nước và tay sai ngoài nước... lâu lâu lại có biểu tình lẹt đẹt vài người..." Bà còn không thích "những người hô khẩu hiệu, ở trong nước hay ngoài nước". Đâu phải ai cũng là nhà văn, nhà báo, lúc nào cũng có khả năng và phương tiện phổ biến quan điểm của mình, nên chỉ còn cách ra tuyên cáo, đi biểu tình và hô khẩu hiệu. Ngoài ra, "biểu tình lẹt đẹt vài người" là một sinh hoạt chỉ có được tại các nước thực sự tự do. Rất đáng quý, và không nên chê trách. Về những người hô khẩu hiệu cũng vậy, nếu thiếu họ, chắc chắn ngày nay Cộng Sản vẫn còn đang ngự trị tại Liên Xô và Đông Âu.

Bà Hoàng Bắc đã căn cứ vào một cuốn sách khác, để nhận định về

những người đàn ông tỵ nạn, đến từ các quốc gia chậm tiến: "Để xây dựng bản thân trong xã hội mới, thay vì nỗ lực hội nhập và vươn lên trong từng bước với sự kiên nhẫn, nhiều người lao vào và bỏ nhiều thì giờ, sức lực và ngay cả tiền bạc để tạo nên những địa vị giả..." (NĐHB, tr. 89). Nhưng chỉ 3 trang sau đó, bà Hoàng Bắc đã nhận định "...Việt Nam được coi là cộng đồng tương đối có nhiều thành công trong việc hội nhập xã hội mới" (sđd. tr. 92). Nếu cộng đồng Việt Nam chỉ toàn những người chuyên chạy theo "địa vị giả", làm sao có thể thành công thật được?

Bà Hoàng Bắc còn nói rằng, tại California, "hiện tượng chính phủ lưu vong mọc lên như nấm". Nhận xét này có vẻ xa sự thật, và khôi hài hóa những hoạt động hữu ích của cộng đồng tỵ nạn nói chung. Bao nhiêu ngàn người đã thoát cảnh tù đầy để tới Mỹ định cư theo diện HO. Chính phủ Mỹ và nhiều nước khác đã không tự ý mở tay đón thêm người tỵ nạn, nếu không có sự vận động hữu hiệu của cộng đồng Việt. Dầu sao, bà Hoàng Bắc cũng đã tỏ ra công bằng, khi chỉ trích cả cộng đồng tỵ nạn lẫn sinh hoạt trong nước. Nhưng trong khi những khuyết điểm ở trong nước đã khiến bà phải ra đi, rồi lại khinh rẻ cái cộng đồng mình đã lựa chọn để sinh sống ở hải ngoại, nếu phải làm như vậy để tỏ ra công bằng, chính điều này lại là một bất công.

*

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã nhận định về thế hệ những người tỵ nạn ra đi từ năm 1975: "Những người Việt thuộc thế hệ này cho đến nay vẫn còn mơ ước phục hồi lại một nước VNCH cũ với đầy đủ các cơ chế nhà nước của nó, để họ trở lại vai trò tướng lãnh, dân biểu, nghị viên..." Người viết cũng là người ra đi từ năm 1975, và có nhiều bạn bè "thuộc thế hệ này", nhưng chẳng thấy ai mơ ước như vậy. Cho nên, nếu quả thật có những người như thế, không phải họ chỉ mơ ước, họ đang sống trong mơ. Không nên lấy giấc mơ triền miên của một vài người, nếu có, để giải thích cuộc sống của cả một tập thể mấy trăm ngàn người.

Ông Nguyễn Mộng Giác phát biểu thêm: "Sinh hoạt chính trị mặt nổi của các cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ, Canada, Úc đều có nét tương tự là tạo cái không khí huyễn tưởng như mình còn sống dưới thời VNCH, một thứ VNCH nối dài với nghi thức chào cờ, hát quốc ca, mặc niệm, chào kính theo cấp bậc cũ... Thế hệ này không muốn hình ảnh quê hương đó bị thay đổi theo thời gian. Họ sợ về lại Việt Nam vì biết chắc đã về thì thế nào hình ảnh ấy cũng bị hình ảnh khác thay thế, và họ phải thích nghi với hình ảnh mới. Để biện minh cho quyết tâm nhất định không về ấy, một quyết tâm thôi thúc về tâm lý hơn là do lập trường chính trị, thế hệ này thường đưa ra một lối giải thích rất đúng lập trường: là họ chỉ trở lại quê hương sau khi quê hương không còn bóng cộng sản nữa".

Ông Nguyễn Mộng Giác không thuộc lớp người ra đi từ năm 1975, ông cũng không dựa trên một chứng cớ hay tài liệu nghiên cứu giá trị nào, bỗng dưng ông làm công việc phân tích tâm lý tập thể này, rồi gán cho người ta đủ thứ ý nghĩ kỳ quặc. Đó là điều người thận trọng không nên làm. Chào cờ, hát quốc ca, là một nghi thức thiêng liêng, được cử hành để biểu dương sự tôn kính đối với quốc gia, không phải hành vi níu kéo một chế độ không còn nữa. Cũng như việc cúng cơm hay hoa quả trên bàn thờ người quá vãng, không phải là "nối dài" mạng sống của người chết. Việc chào nhau theo cấp bậc cũ, chẳng hiểu tại các nước khác ra sao, còn ở Mỹ, cũng là chuyện thường tình đối với mọi người. Chỉ trên giấy tờ chính thức, người ta mới thêm mấy chữ "cựu" vào trước các chức vụ cũ, như "cựu tổng thống, cựu chủ tịch..." hay hai chữ "hưu trí" vào sau các cấp bậc trong quân đội, như "Tướng X..., ht". Còn khi chào nhau, người ta vẫn dùng chức vụ hay cấp bậc cũ. Ngoài ra, nếu ông Nguyễn Mộng Giác chịu bỏ chút thì giờ, làm một cuộc thăm dò chớp nhoáng, ông sẽ biết được có rất nhiều tướng tá ra đi từ năm 1975 đã đi du lịch Việt Nam, chẳng phải một mà nhiều lần. Còn với những người cho đến nay vẫn nhất định không về, vẫn giữ vững lập trường, chỉ về khi cộng sản không còn nữa, đó là những người đáng kính phục, tại sao lại chê trách? Cộng Sản là lý do khiến người ta phải ra đi, trong số này, có cả ông Nguyễn Mộng Giác. Nay, Cộng Sản, cái lý do khiến người ta phải ra đi, vẫn còn đó. Ngay cả ông Nguyễn Mộng Giác cũng chưa muốn về sống dưới ách cai trị của Cộng Sản. Nếu chưa thể trở về sống tại Việt Nam, trừ những lý do đặc biệt như thăm viếng cha mẹ, vợ con, tại sao lại về nhìn cái bản mặt dơ dáy của chúng?

Việc ông Nguyễn Mộng Giác gán cho lớp người ra đi từ năm 1975 những ý nghĩ và hành động hầu như hoàn toàn do trí tưởng tượng của ông, có vẻ phù hợp với với lời thú nhận của ông, liên quan tới địa hạt sách vở trước đây: "Những tiên đoán lạc quan ấy, như thời gian đã chứng minh, đều sai. Đều lạc quan tếu. Vì nghĩ cho cùng, cả tôi lẫn cô MN đều không dựa vào dữ kiện chính xác nào cả, chỉ mong ước sao thì đoán vậy." Ít ra ông Nguyễn Mộng Giác cũng còn tỉnh táo đủ để nhận ra những sai lầm của mình. Hy vọng lần này, thời gian cũng sẽ chứng minh những suy đoán của ông đều sai, vì không dựa vào dữ kiện chính xác nào cả.

Ông Nguyễn Mộng Giác chê trách những người không chịu về, vì tình hình Việt Nam đã thay đổi rồi, không còn như trước nữa. Nhưng ông lại kể ra những điều xấu vẫn còn nguyên, khiến chính ông cũng có cảm giác "không thoải mái": "đọc một tờ báo trong nước (nhất là vào những dịp lễ lạc kỷ niệm chiến thắng này chiến thắng kia), tôi không có cảm giác thoải mái (y như một bạn trẻ lớn lên ở miền Bắc đang ở Đông Âu đọc tờ báo Việt ngữ xuất bản ở đây). Cách dùng chữ, nhất là khi đề cập tới quân nhân chế độ VNCH là đối

phương trong cuộc chiến tranh đã qua, vẫn mang nặng tính miệt thị, hằn học đầy sắt màu không nên có nơi cửa miệng kẻ chiến thắng. Truyện, hồi ký, bút ký, vẫn đầy dẫy những 'thằng ngụy' này, 'con ngụy' kia".

Hình như dưới mắt ông Nguyễn Mộng Giác, chỉ có một thứ "kẻ chiến thắng". Thật ra, có nhiều kẻ chiến thắng khác nhau. Thắng trận trong một cuộc chiến có chính nghĩa, như quân Đồng Minh thời Đệ Nhị Thế Chiến, là kẻ chiến thắng. Thắng trận trong một cuộc chiến xâm lược, như quân Stalin cướp nước Ba Lan, Hung Gia Lợi và Tiệp Khắc, cũng là kẻ chiến thắng. Bộ Chính Trị Đảng Cộng Sản Việt Nam là bọn chiến thắng thuộc hàng con cháu Stalin và Mao Trạch Đông. Mong mỏi họ hành động có tư cách như những kẻ chiến thắng có chính nghĩa, là điều không tưởng. Và càng không tưởng hơn, khi tận mắt nhìn thấy họ không hề thay đổi, mà vẫn cứ dối lòng mình rằng họ đã thay đổi.

Tiếp tục câu chuyện với ông Trần Văn Thủy, ông Nguyễn Mộng Giác đã nhắc lại sự việc trên ở một đoạn sau: "Tôi cảm thấy bị xúc phạm khi đọc những hồi ký hay truyện ngắn của những cây bút Miền Bắc. Trong say sưa của kẻ thắng, họ kể những chiến công, thành tích của quá khứ, điều đó không có gì đáng bàn. Điều đáng bàn, là khi nói tới đối phương (là quân đội Miền Nam, người dân Miền Nam), họ vẫn dùng những nhân xưng miệt thị như "y", "hắn", "chúng", "bọn ngụy", "thằng ngụy" y như trong thời chiến tranh".

Phản ứng của nhà văn Nguyễn Mộng Giác, cũng giống như nhận xét của nhà văn Nhật Tiến về sách báo ở Việt Nam: "văn học nghệ thuật cũng như báo chí nói riêng, vẫn bao trùm một niềm kiêu hãnh rằng 'dân tộc ta anh hùng, đã đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào'". Những thợ viết văn viết báo ở Việt Nam vẫn tiếp tục "miệt thị, hằn học đầy sắt máu", vẫn viết "thằng ngụy này", "con ngụy kia", không phải họ là những nhà văn nhà báo tư nhân có tự do sáng tác. Họ là những cán bộ viết theo đường lối của Đảng. Chừng nào Đảng không thay đổi, họ không thể viết khác. Điều này chứng tỏ Bộ Chính Trị không thay đổi, không chủ trương hòa giải. Những thay đổi đang diễn ra ở Việt Nam chỉ là sự xáo trộn bên ngoài, khi giá trị tiền bạc thay cho giá trị đạo đức. Về chủ trương đường lối Đảng CS vẫn giữ nguyên như cũ, vẫn độc quyền cai trị, độc quyền ngôn luận; người chỉ trích chính quyền vẫn tiếp tục đi tù.

*

Trong khi trả lời phỏng vấn của ông Trần Văn Thủy, ông Hoàng Khởi Phong có so sánh cộng đồng Việt Nam với hai cộng đồng người Do Thái và người Hoa. Theo ông, "Hai cộng đồng này mạnh vô cùng, nhưng trông bên ngoài họ không bao giờ ồn ào như cộng đồng Việt Nam. Họ không có xuống đường hoan hô, đả đảo như cộng đồng Việt, mà lặng lẽ đòi hỏi trong nghị

trường hay tinh ma hơn nữa là có những đòn phép trong bóng tối, để chi phối gián tiếp nền chính trị Mỹ".

Sự so sánh trên đây khiến người đọc có cảm tưởng như xuống đường hoan hô đả đảo là chuyện xấu, và cộng đồng Việt Nam không biết làm gì khác lơn là diễn đi diễn lại cái chuyện nên tránh này. Chính ông Hoàng Khởi Phong cũng nói: "Theo tôi nghĩ chúng ta chưa hề có kinh nghiệm lưu vong". Câu này có thể hiểu như một lời trách móc, cộng đồng Việt chưa biết sống một đời lưu vong cho đàng hoàng (ồn ào quá, xuống đường nhiều quá), nhưng cũng có thể hiểu "chưa hề có kinh nghiệm" là còn quá trẻ trung.

Quả thật, so sánh với các cộng đồng Do Thái và người Hoa, cộng đồng Việt còn quá trẻ. Người Do Thái đã tới Mỹ từ khi tìm ra Mỹ Châu năm 1492. Trong đoàn thủy thủ 90 người trên ba chiếc tầu do Christopher Columbus chỉ huy, có 5 người Do Thái. Người Hoa đã tới Mỹ nhiều từ thế kỷ thứ 19, để làm đường xe lửa, và kiếm vàng ở California. Cộng đồng Việt mới ngót nghét ba thập niên. Hai cộng đồng Do Thái và Hoa, vì họ đã tới từ lâu, chính vì họ mạnh, nên chẳng cần ồn ào. Mình còn yếu, nên phải ồn ào, để được chú ý. Người lớn, mỗi khi cần gì, chỉ cần bỏ tiền ra mua. Nhưng đứa trẻ, không có phương tiện gì khác hơn là cái miệng để la, đôi tay để vùng vẫy. Không nên trách đứa trẻ chỉ biết đòi hỏi như... trẻ con.

Ngoài ra, khởi thủy, người Do Thái tới Mỹ vì lý do chủng tộc, người Hoa tới vì lý do kinh tế, trong khi người Việt tới vì lý do tỵ nạn chính trị. Tại miền đất mới, người bị kỳ thị chủng tộc mong được sống yên thân; người di cư vì kinh tế chỉ lo làm ăn, nhưng người tỵ nạn chính trị còn phải tranh đấu, nếu không, lý do ra đi của mình thành vô nghĩa. Đã tranh đấu chính trị, bắt buộc phải có những màn xuống đường, hoan hô, đả đảo. Tranh đấu mà không xuống đường, hay không kiếm nổi người xuống đường, sẽ bị mỉa mai là "chính trị sa-lông"!

Ông Hoàng Khởi Phong tiếp tục khen cách ứng xử của các cộng đồng di dân khác, và chê cộng đồng Việt: "Tôi ghi nhận được một điều thích thú là tại chợ Tầu San Francisco và chợ Tầu Los Angeles, có những cửa tiệm bán sách báo, tranh ảnh, kế cận nhau, một bên trưng hình Mao Trạch Đông, một bên trưng hình Tưởng Giới Thạch, song họ buôn bán hòa thuận với nhau, không có vụ đánh nhau vỡ đầu hay cạnh tranh bất chính. Tại các khu chợ Tầu, ngày 1-10 hằng năm là ngày kỷ niệm của Hoa Lục, các cửa tiệm nghiêng về Hoa Lục tưng bừng treo đèn kết hoa, múa lân đốt pháo, trong khi các tiệm khác mặn Đài Loan thản nhiên như không có gì. Chỉ 10 ngày sau vào ngày Song Thập 10-10, tới phiên Đài Loan tưng bừng làm lễ Quốc Khánh, thì các cửa tiệm gốc Đài Loan lại treo đèn kết hoa, múa lân đốt pháo trong khi những tiệm khác lại bình thản đứng ngó. Họ cũng có hai tờ báo phản ảnh đường lối

hai chính phủ, họ có thể tranh cãi, bút chiến nhưng ít khi nào họ xô xát. Chúng ta chưa có kinh nghiệm sống lưu vong trên xứ sở khác."

Chắc ông Trần Văn Thủy phải hài lòng lắm, khi theo dõi khúc phim hòa bình do ông Hoàng Khởi Phong mô tả. Có thể thêm vào khúc phim này vài chi tiết hấp dẫn khác, như cảnh sống hòa bình giữ dân Pakistan, dân Bangladesh và dân Ấn tại hải ngoại, và cảnh hai phái đoàn lực sĩ Bắc và Nam Hàn đi chung nhau tại Thế Vận Hội. Nhưng người viết e rằng ông Hoàng Khởi Phong đã lầm, khi muốn so sánh mối liên hệ giữa di dân Đài Loan với di dân Hoa Lục, và người Việt tỵ nạn với cán bộ Việt Cộng tại hải ngoại.

Đã có những tranh chấp giữa Hoa Lục và Đài Loan từ trên nửa thế kỷ, nhưng trên thực thể, đó là hai quốc gia riêng biệt, nên tại hải ngoại, di dân nước nọ tôn trong quyền sinh hoạt của di dân nước kia, là điều tự nhiên. Giả tỉ Cộng Sản Miền Bắc không cưỡng chiếm Miền Nam (như Hoa Lục không cưỡng chiếm Đài Loan), và ngày nay có di dân từ cả hai Miền Nam và Bắc Việt Nam cùng sống tại một thành phố ở Mỹ, chắc họ cũng đối xử với nhau như dân từ Hoa Lục và Đài Loan. Nhưng Cộng Sản Miền Bắc đã cướp Miền Nam, đã và tiếp tục tàn ác với dân Miền Nam (điều này ông Hoàng Khởi Phong và quý vị nhà văn trả lời ông Trần Văn Thủy biết rõ hơn người viết bài này, nên xin miễn nhắc lại). Chẳng những thế, tuy đã phải bỏ lại tất cả, liều mạng ra đi, Cộng Sản Việt Nam vẫn không để những người tị nạn yên ổn với cuộc sống mới. Thí dụ cụ thể là qua Nghị Quyết 36, họ đã quyết định thưởng công cho những người hoạt động cho họ, và dọa đối phó với những ai chống không theo họ. Trong cộng đồng Việt Nam tị nạn hải ngoại, không có những người liên hệ mật thiết tới hai cơ chế cai trị khác nhau, là Việt Nam Cộng Hòa và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, như Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan), và Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa (Hoa Lục), mà chỉ có những nạn nhân Cộng Sản, và bọn cán bộ hay tay sai trà trộn hoạt động cho Cộng Sản. Do đó, tập thể người tị nạn Việt không thể dùng cái lễ của người di dân nước này đối với người di dân của nước lân bang. Họ phải dùng những biện pháp của nạn nhân, dành cho tay chân kẻ cướp. Ông Hoàng Khởi Phong đã từng đề cao cách ứng xử của cộng đồng Do Thái. Nếu chịu chú ý một chút, ông có thể thấy rõ họ đã đối xử thế nào với những người trước đây có dính dáng tới chế độ Đức Quốc Xã, dù chuyện đã xẩy ra trên nửa thế kỷ trước. Và lại giả tỉ, nếu bây giờ Trung Cộng cũng cướp Đài Loan, như Việt Cộng đã làm đối với Nam Việt Nam, liệu sau đó ông Hoàng Khởi Phong còn cơ hội thích thú chứng kiến cách đối xử ôn hòa của dân gốc Đài Loan dành cho cán bộ Bắc Kinh không?

*

Người viết tưởng đã nhận xét đủ về về quan điểm của ông Trần Văn Thủy, qua bốn bài của ông ở đầu sách, nhưng vẫn phải quay lại với ông, qua

một câu hỏi ông dành cho nhà văn Trương Vũ: *"Trước khi sang đây, tôi cứ nghĩ rằng, khi sống trên một đất nước có tự do dân chủ, với một đời sống vật chất cao, con người có thể trở nên khoan dung với nhau hơn. Chạm với thực tế, tôi thấy không hoàn toàn đúng như vậy. Tại sao lại có những hiện tượng một số người ở hải ngoại chống đối rất dữ dằn bất cứ ca sĩ nào ở trong nước ra trình diễn, dù là những ca sĩ rất trẻ sinh ra sau 1975? Tôi cũng rất buồn khi đọc một số báo chí ở hải ngoại viết thiếu chân thực cũng như rất thiếu tình người về những gì không may xẩy ra ở Việt Nam. Như vụ hỏa hoạn xẩy ra ở khu Thương xá Tam Đa, người ta hân hoan đưa những tin tang tóc, buộc tội chính quyền trong nước. Nhưng vừa xẩy ra một vụ hỏa hoạn khủng khiếp không kém ở The Station Nightclub tại tiểu bang Rhode Island, hàng trăm người chết, cháy rụi cả một khu vực, liên quan đến trách nhiệm của nhiều quan chức, có thể phải bồi thường hàng tỷ Mỹ kim, không thấy báo Việt ngữ nào săn đón tin này để lên án chính phủ Mỹ cả. Tôi thiết nghĩ người ta có thể ghét một chế độ, không ưa một tập thể cầm quyền, nhưng làm sao lại có thể tàn nhẫn với đồng bào mình như vậy?"* (NĐHB tr.138)

Trước đây, tôi cứ nghĩ rằng, khi sống trên một đất nước thiếu tự do dân chủ, với một đời sống vật chất thấp, con người có thể trở thành lú lẫn, tối dạ đi. Chạm thực tế, qua việc đọc câu hỏi trên đây của ông Trần Văn Thủy, tôi thấy hoàn toàn đúng như vậy. Trước hết, sở dĩ có hiện tượng một số người ở hải ngoại chống đối ca sĩ ở trong nước ra trình diễn, dù là những ca sĩ rất trẻ sinh ra sau 1975, vì không phải người ta chống cá nhân bất cứ ca sĩ nào, mà chỉ chống những ca sĩ người ta tin rằng đã được nhà cầm quyền Cộng Sản tổ chức, đưa ra hải ngoại trình diễn với mục đích tuyên truyền. Một ca sĩ sinh ra trước, hay sau năm 1975, đâu có khác gì, nếu người đó được dùng như một công cụ địch vận? Về vụ này, ông Trần Văn Thủy đã theo dõi sinh hoạt báo chí Việt Nam tại hải ngoại, mà không để ý tới lời phát biểu của nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, tại Đại Hội Truyền Thông Việt Nam Hải Ngoại, vào mùa Xuân năm 2003: "Chính vì mục đích muốn làm tinh thần chống Cộng này nguội bớt, xẹp bớt, Đảng tung ra các đoàn ca vũ nhạc, tuồng chèo, cải lương, vọng cổ, ca trù, múa rối, triển lãm tranh ảnh nghệ thuật, có thể có cả xiếc, nhằm tạo ra ảo giác về một chế độ hiền hòa, tươi vui."

Về tiêu chuẩn loan tin tai nạn, báo chí tự do và báo chí độc tài hoàn toàn khác nhau. Tại một nước độc tài toàn trị, như Liên Xô trước đây, hay Cuba và Việt Nam ngày nay, những tin tức thuộc loại "thắng lợi" mới đăng lớn, còn tin về tai nạn thường bị ém nhẹm, hay chẳng đặng đừng, rút gọn tới mức tối đa, sợ nhà cầm quyền bị mang tiếng. Ví dụ tai nạn khủng khiếp tại nhà máy điện nguyên tử ở Chernobyl, Ukraine, Liên Xô vào năm 1986. Ngược lại, báo chí tự do, tai nạn càng lớn, càng loan tin lớn, vì liên hệ tới nhiều người, và để nạn

nhân được chú ý nhiều, được giúp đỡ hữu hiệu hơn. Có lẽ vì vậy, khi thấy báo chí hải ngoại loan tin lớn vụ cháy Thương xá Tam Đa, ông TVT đã cho là "người ta hân hoan đưa những tin tang tóc, buộc tội chính quyền trong nước". Ông TVT còn hạch hỏi tại sao báo Việt ngữ không lên án chính phủ Mỹ trong vụ cháy Nightclub ở Rhode Island? Hỏi như vậy, cũng tương tự như hỏi tại sao mỗi năm người Việt hải ngoại gửi về nước mấy tỷ MK, mà sao không gửi về giúp dân Lào và Căm Bốt? Sau hết, loan tin lớn về một tai nạn thảm khốc, và buộc tội giới hữu trách vô trách nhiệm trước tai nạn đó, như vậy là "tàn nhẫn với đồng bào mình"?

Câu hỏi dài thoòng của ông Trần Văn Thủy đã được ông Trương Vũ trả lời cũng khá dài, xin được ghi lại đây phần chót của câu trả lời: "Theo tôi, những hận thù, mâu thuẫn giữa anh em lẽ ra đã phải được chấm dứt ngay sau khi chiến tranh kết thúc vào 30 tháng Tư 1975. Thế nhưng, thay vào đó lại là những trại tù, mang tên là trại cải tạo. Rồi đổi tiền, rồi 'kinh tế mới', rồi ăn cơm độn trên một đất nước vốn xuất cảng lúa gạo, rồi những đối xử phân biệt, rồi cả triệu người đành phải nhào xuống biển bất kể có phải làm mồi cho cá hay hải tặc. Tôi không thấy có bao nhiêu giọt nước mắt dành cho họ. Tôi chỉ đọc được rất nhiều những trang sách báo kết án 'bọn phản quốc', 'bọn từ bỏ tổ quốc'. Sau bất cứ một cuộc chiến nào, người thắng trận dễ chìa bàn tay để hòa giải hơn người bại trận. Người thắng trận, tôi muốn nói người có quyền và thắng trận, đã không làm chuyện đó mà còn làm ngược lại".

Đọc xong câu nói trên đây của ông Trương Vũ, rồi đọc lại câu chót trong câu hỏi của ông Trần Văn Thủy, sẽ thấy vô cùng thấm thía: "Tôi thiết nghĩ người ta có thể ghét một chế độ, không ưa một tập thể cầm quyền, nhưng làm sao lại có thể tàn nhẫn với đồng bào mình như vậy?" Bây giờ, chắc ông TVT đã vỡ lẽ ai là kẻ tàn ác.

Ông Trương Vũ đã tả lại "ngày về" của mình: "Cả một loạt bạn bè giáo chức của tôi là những người đã được đào tạo rất kỹ ở trong Nam, nhiều người giỏi hơn tôi, nhưng không một ai được lên đến chức hiệu trưởng một trường trung học, dù là một trường trung học nhỏ, trừ một vài người, tuy không giỏi nhưng có thân nhân tập kết. Lúc tôi trở về, chiến tranh chấm dứt đã 26 năm rồi. Lúc đó, vào dịp kỷ niệm 30 tháng Tư, đài truyền hình chiếu nhiều phim về 'lính ngụy', bọn 'lính ngụy' trông thật là ác ôn! Tôi, tên 'lính ngụy' 25 năm trở về, nhìn hình ảnh 'mình' trên truyền hình, cười ra nước mắt. Nhưng nói chung, tôi rất mừng là tôi đã trở về". Thật ra, ông Trương Vũ đâu có thực sự trở về Việt Nam. Ông đã "đi Việt Nam", như nhiều khách du lịch khác, rồi lại "về Mỹ" với gia đình. Ông đã vui mừng được gặp lại người xưa cảnh cũ. Nhưng niềm vui không trọn vẹn, vì lý do khiến ông phải ra đi vẫn còn nguyên, "vẫn còn những cái không thay đổi chút nào". Dù vẫn tha thiết với tình nghĩa

Việt Nam, 25 năm trước ông Trương Vũ "đi Mỹ", bây giờ ông "đi Việt Nam", và "về Mỹ".

Khi ông TVT hỏi về hòa hợp hòa giải, ông Trương Vũ trả lời: "Người Việt không phải là loại người thù dai, không có một nền văn hóa hay những tôn giáo khích động sự thù dai". Ngay sau khi ghi nhận tình trạng hơn một phần tư thế kỷ sau chiến tranh, người cầm quyền Cộng Sản Việt Nam vẫn đối xử với quân dân Miền Nam cũ như một thứ công dân hạng nhì, hạng ba, thế mà ông Trương Vũ nói người Việt không phải là loại người thù dai, không có văn hóa thù dai. Một là ông Trương Vũ đã sai. Hai là tập đoàn đang cầm quyền không còn là người Việt Nam nữa.

Cũng giống như các ông Nhật Tiến và Nguyễn Mộng Giác, ông Trương Vũ đã cảm thấy buồn lòng khi gần ba thập niên sau cuộc chiến, các cán bộ thông tin văn hóa của Cộng Sản Việt Nam vẫn tiếp tục dùng loại ngôn ngữ đầy miệt thị đối với quân dân Miền Nam, trong khi nhà cầm quyền có thái độ thân thiện với Đại Hàn, và Mỹ: "ngày nay lãnh đạo Việt Nam không còn xem người Đại Hàn là 'bọn lính đánh thuê Phác Chính Hy' nữa mà là bạn tốt thì cách ứng xử với nhau cũng thay đổi theo, và sự thay đổi đó được chính thức công nhận và khuyến khích. Đối với người Mỹ cũng vậy... Một điều khôi hài là báo chí Việt Nam có thể đăng hình một cựu chiến binh Miền Bắc trong bộ quân phục của Quân Đội Nhân Dân ôm một anh cựu chiến binh Mỹ trong bộ quân phục của Quân Đội Mỹ, nhưng không biết bao giờ chúng ta mới thấy một hình ảnh như vậy giữa một anh cựu chiến binh Quân Đội Nhận Dân Việt Nam với một anh cựu chiến binh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa?"

Nhận xét của ông Trương Vũ rất dễ hiểu. Bọn cầm quyền hiện nay ở Việt Nam chỉ còn biết có quyền lợi. Mỹ và Đại Hàn vốn là kẻ tử thù, nhưng họ có nhiều tiền, nên được o bế. Trong khi quân dân VNCH cũ, có đồng nào đã bị Đảng càn quét mấy đợt hết sạch, còn gì đâu để được đối xử tử tế. Ông Trương Vũ còn nói thẳng: "Lãnh đạo trong nước thì rõ ràng là chưa thực lòng hòa hợp hòa giải. Nó chỉ nằm trên khẩu hiệu và nghị quyết". Ông đã nhận xét đúng, nhưng đặt vấn đề sai, khi cho rằng: "Phần còn lại bây giờ chỉ là nỗ lực hàn gắn giữa những người Việt bình thường với nhau". Giữa người Việt bình thường, đâu có hận thù, đâu có đổ vỡ mà cần hàn gắn? Bộ Chính Trị Đảng Cộng Sản Việt Nam, những kẻ gây ra hận thù, phải đi bước đầu và thực tâm hòa giải. Gần 30 năm rồi, họ vẫn ngoan cố không chịu làm việc này, người dân bình thường chỉ còn cách đuổi họ đi.

*

Ngoài một số nhà văn gốc Việt, ông Trần Văn Thủy còn phỏng vấn một nhà văn Mỹ gốc Do Thái, kiêm giáo sư văn chương tại một đại học Mỹ, đó là ông Wayne Karlin. Ông này trước đây đã từng tham chiến ở Việt Nam, với

nhiệm vụ một xạ thủ trên trực thăng. Ông Wayne Karlin đã đề cao tình người, vô cùng tha thiết với vấn đề hòa hợp hòa giải. Ông nói rất cảm động, như chính bản thân ông là người Việt Nam: "...bất cứ ai, ở phe nào, cũng đã mất mát nhiều trong chiến tranh Việt Nam. Cái đau khổ của chúng ta chỉ kéo dài mà thôi, nếu chúng ta tiếp tục đi tìm công bằng tuyệt đỉnh. Chúng ta không thể chờ đợi công bằng trong lãnh vực chính trị, mà phải đi tìm tình yêu và thông cảm của con người. Tôi nhớ một câu tôi thường nghe lúc dân chúng ở đây phản đối cách đối xử anh Rodney King: 'Không có công bằng thì không thể nào có hòa bình.' Nhưng nếu ai cũng muốn được công bằng tuyệt đỉnh, thì tôi nghĩ không bao giờ chúng ta có hòa bình. Đau khổ đã lâu rồi, đây chính là lúc chúng ta nên hòa hợp hòa giải". (NĐHB tr.162)

Người viết đã có dịp đề cập tới trong phần nhận định về lời phát biểu của nhà văn Nhật Tiến, rằng hận thù bắt nguồn từ bất công. Nay ông Wayne Karlin nói rằng, chúng ta sẽ kéo dài sự đau khổ, nếu tiếp tục đi tìm công bằng tuyệt đỉnh. Nếu bất công là nguồn gốc của hận thù, nguyên nhân của đau khổ, đi tìm công bằng, là tìm thuốc chữa. Nhưng ông Wayne lại khuyên phải thôi tìm thuốc chữa, để khỏi đau khổ. Lời khuyên khá lạ, nếu không coi như mâu thuẫn. Có lẽ ông không chống lại việc đi tìm công bằng, nhưng chỉ tìm loại công bằng vừa phải thôi, không nên đòi "công bằng tuyệt đỉnh". Nhưng thế nào là công bằng tuyệt đỉnh? Một là có công bằng, hai là không có công bằng, làm gì có thứ công bằng nửa vời?

Mong mỏi người bị xử tệ từ bỏ cơ hội đòi lại những gì mình bị lấy mất, là điều rất khó, và tạo thêm bất công. Xin lấy một thí dụ ngay trong Nếu Đi Hết Biển, và người chủ động chẳng ai khác hơn là vai chính Trần Văn Thủy. Vào dịp Hà Nội cho xuất bản bộ sách lớn ba cuốn về cố học giả Hoàng Xuân Hãn, ông Trần Văn Thủy, người đã có dịp tiếp xúc với ông bà Hoàng Xuân Hãn, được đặt viết một bài, với lời hứa "sẽ được đăng nguyên xi, không bị cắt xén". Sách được hoàn thành, ban tổ chức buổi ra mắt nhấn mạnh: "Cuốn sách đầu tiên của một trí thức không phải đảng viên Đảng Cộng Sản mà được in trang trọng, nhiều tập, công phu như thế này". Cộng Sản thường rêu rao họ có đủ thứ tự do, kể cả tự do sáng tác và xuất bản. Nhưng rồi chính họ xác nhận bộ sách về Hoàng Xuân Hãn là sách đầu tiên của một trí thức không phải đảng viên được ấn hành trang trọng. Nhưng đó là chuyện phụ. Chuyện chính là bài của ông Trần Văn Thủy đã bị cắt xén 267 chữ, mà không ai nói cho ông biết, trước cũng như sau khi sách xuất bản. Tác giả cảm thấy đã bị đối xử không đẹp, lời hứa không cắt xén dành cho ông đã không được tôn trọng.

Tuy là người tích cực cổ võ chấm dứt bất hòa để hòa giải, hòa hợp, ông Trần Văn Thủy đã không thể bỏ qua chuyện nhỏ này. Ông không thể quên 267 chữ đã bị lấy mất. Cuối cùng, ông đã tìm cơ hội tự đền bù sự mất mát này,

bằng cách in lại cả bài về học giả Hoàng Xuân Hãn, cả phần bị cắt, trong Nếu Đi Hết Biển. Xin cám ơn ông Trần Văn Thủy, nhờ được đọc những chữ bị kiểm duyệt trong bài của ông, người viết đã có cơ hội biết là mình không lầm, khi đánh giá thấp bọn người đang cầm quyền ở Việt Nam. Nhân tiện, cũng xin hỏi ông Wayne Karlin: Người được chế độ ưu đãi như ông Trần Văn Thủy còn bị đối xử bất công, viết bài còn bị cắt xén thẳng tay, liệu những nhà văn lưu vong một khi trở về sẽ được sử dụng ra sao? Và một cán bộ văn hóa như ông Trần Văn Thủy, nếu không thể xí xóa một chuyện nhỏ như chuyện bị cắt xén 267 chữ, làm sao những người bị mất cơ nghiệp, mất người thân, mất tương lai, mất lẽ sống, có thể bỏ qua tội ác của những người đang cầm quyền?

Ông Wayne Karlin đã so sánh cộng đồng tỵ nạn Việt Nam cũng có những nét giống như cộng đồng Do Thái. Là một người xuất thân từ cộng đồng tỵ nạn Do Thái, chắc ông Wayne Karlin không thể bỏ qua sự kiện là, cho đến nay, Do Thái vẫn lùng kiếm khắp thế giới, bắt những phần tử có dính dáng tới Đức Quốc Xã để đem ra trị tội. Việc này là tìm kiếm công bằng tuyệt đỉnh, hay công bằng tương đối? Đau khổ đã lâu rồi, người chết đã nhiều rồi, sao Do Thái chưa thể hòa giải hòa hợp với những người anh em Ả-Rập? Dầu sao, ông Wayne cũng có lý, khi nói rằng "Chúng ta không thể chờ đợi công bằng trong lãnh vực chính trị". Đúng! Chúng ta không thể chờ đợi. Chúng ta phải thay đổi chính trị, để tạo công bằng.

*

Bài cuối cùng trong Nếu Đi Hết Biển là một câu chuyện tình Việt Mỹ, Tuyết và Chris, do bà Tuyết viết. Mối tình thật đẹp, và nhiều gian nan. Bà Tuyết đã hoạt động phản chiến từ thời còn đi học, đám cưới có cả cờ MTGPMN, nhưng khi hòa bình, lại có tên trong sổ đen của Cộng Sản, và bị Công An theo dõi sát. Sau ba mươi năm gắn bó, ông Chris đã từ giã vợ con, ra đi vì bạo bệnh. Người viết cảm thấy không được quyền có lời bàn về mối tình lớn, đã trở thành thiêng liêng này.

*

Đoạn kết bài Lời Giới Thiệu của ông Kevin Bowen viết rằng: "Những đối thoại và tham luận trong tập sách này là những dữ liệu cần đọc cho bất cứ ai muốn hiểu sâu Việt Nam, hiểu được những cái giá phải trả cho cuộc xung đột ý thức hệ trong thế kỷ qua". Đọc xong Nếu Đi Hết Biển..., người ta thấy rõ ràng một cố gắng vận động hòa giải, và trở về hợp tác, nhưng chính nội dung tập sách cũng cho thấy cố gắng này khó thành công.

Sau ba mươi năm kể từ khi chiến tranh chấm dứt, vẫn chỉ có người đi, và còn đang đi, mà chưa có người về. Không phải người ta ra đi vì chiến tranh, mà ra đi vì những việc làm độc ác sau chiến tranh. Người ta chưa về, không phải vì thù dai, hay thiếu tình người, mà vì những lý do khiến người ta ra đi

vẫn còn đó. Đất lành dân ở, đất dữ dân đi. Người đi chưa thể trở về, nếu đất vẫn còn dữ.

Các ông Nhật Tiến, Nguyễn Mộng Giác, Trương Vũ đều mong muốn hòa giải, nhưng hòa giải giữa ai với ai? Hòa giải dân tộc, hay hòa giải giữa người dân với nhau, là đặt sai vấn đề. Không ông nào nêu được bằng chứng là các thành phần dân tộc chống đối lẫn nhau. Dân trong nước không chống nhau, chẳng những không chống những người đã ra đi, còn tỏ ra rất âu yếm. Những người ra đi không chống dân trong nước. Gần ba triệu người, mỗi năm gửi về cỡ ba tỷ Đô La Mỹ, tính đổ đồng, mỗi đầu người gửi về hơn một ngàn Đô La. Nếu chống nhau, đâu có gửi nhiều tiền như vậy. Người ra đi, cũng như người trong nước, nếu có chống, là chống tập đoàn cai trị.

Phải chăng quý vị chủ trương hòa giải với nhà cầm quyền? Điều này cũng không ổn, vì hai lẽ: Trước hết, người dân trong nước, cũng như những người đã ra đi, đâu có lầm lỗi điều chi mà phải hòa giải với thủ phạm đã gây tội ác? Thứ đến, dù có muốn hòa giải với nhà cầm quyền, cũng không được. Họ đâu có muốn. Chính ông Trương Vũ đã khẳng định: "Lãnh đạo trong nước thì rõ ràng là chưa thực lòng hòa hợp, hòa giải. Nó chỉ nằm trên khẩu hiệu và nghị quyết". Các quý vị cổ võ hòa giải đều ghi nhận báo chí, sách vở trong nước vẫn tiếp tục miệt thị quân dân chế độ cũ. Báo chí, và các phương tiện truyền thông khác, đều phản ảnh đường lối của nhà cầm quyền, không phải quan điểm của tư nhân.

Câu cuối cùng của Lời Giới Thiệu viết: "Những đối thoại của họ đã làm ngắn đi nhịp cầu của con sông đã làm phân cách dân tộc Việt Nam, và khiến cho những sự thật, dù nó không thể kém đi phần đau thương, trở nên dễ thấu hiểu và cảm nhận hơn, từ cả hai phía". Cần nhắc lại một lần nữa, không có con sông nào ngăn cách dân tộc Việt Nam. Chỉ có sự ngăn cách giữa băng đảng cai trị, và khối dân tộc bị trị.

Tiếng nói của quý vị trong tập sách này, chỉ có thể đóng vai nhịp cầu thông cảm, nếu được nghe từ cả hai phía. Sách đã được xuất bản ở hải ngoại. Nếu nó không được ra mắt ở trong nước, nhịp cầu qua sông sẽ biến thành một thứ nhịp cầu nửa vời, một thứ cạm bẫy cho người bên này, vì tưởng "ngụy kiểu" là cầu thật. Ai dùng nó, sẽ rớt xuống sông, trong khi phía bên kia không có ảnh hưởng gì cả. Quý vị lên tiếng trong sách đã tỏ ra công bằng, chỉ trích cả hai phía. Nhưng nếu chỉ có một phía được nghe, tiếng nói của quý vị đã bị sử dụng như một công cụ gây bất hòa với cộng đồng gần mình, trong khi quý vị mong mỏi hòa giải với những người ở xa. Và sau hết, nếu tiếng nói của quý vị chỉ có một phía được nghe, làm sao tạo được sự cảm nhận từ cả hai phía, như ông Bowen giới thiệu? Rút cục, cố gắng hòa giải của quý vị, đã gây thêm bất hòa!■

đọc "nếu đi hết biển" của trần văn thủy

QUỐC VIỆT

Thưa quý vị thính giả

Nếu Đi Hết Biển là tên quyển bút ký của nhà đạo diễn điện ảnh Trần Văn Thủy hiện còn sống trong nước, sau chuyến đi Hoa Kỳ của ông cách đây không lâu thuật lại những cuộc tiếp xúc với một số nhà văn, nhà báo ở hải ngoại, trong số đó có những cây bút quen thuộc như Nhật Tiến, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Hoàng Khởi Phong, Cao Xuân Huy v.v...

Tập bút ký này do nhà Thời Văn tại Mỹ xuất bản, từ khi ra đời năm 2003 đến nay đã gây được sự chú ý khá đặc biệt của công luận người Việt hải ngoại, nhất là sau khi có sự phê bình của nhà văn Hoàng Hải Thủy với lời lẽ khá nặng nhắm vào những người đã được Trần Văn Thủy gặp gỡ, cũng như sau khi nhà văn Phan Nhật Nam viết về câu chuyện của hai người bạn ông trong tập bút ký này là Hoàng Khởi Phong và Cao Xuân Huy. Sổ Tay Văn Nghệ kỳ trước đã gửi đến quý vị cảm nghĩ của nhà văn Tưởng Năng Tiến về quyển bút ký của Trần Văn Thủy qua bài viết "Đã Đi Hết Biển".

Trước khi đọc những bài tường thuật lại nội dung các cuộc gặp gỡ giữa Trần Văn Thủy với những người khác, tối nay xin hãy đọc qua những phần do chính tác giả đưa ra trình bày cảm nghĩ của chính mình.

*

Bốn chương mở đầu cho tập Nếu Đi Hết Biển là của riêng tác giả Trần Văn Thủy mang các tiểu tựa, Mấy Lời Rào Đón, Nếu Đi Hết Biển, Một Bức Thư và Thày Mù Xem Voi.

Khác hẳn với hầu như tất cả mọi người viết với cách thức mở đầu thường thấy là Lời Nói Đầu, Trần Văn Thủy ở đây đã làm người đọc lập tức chú ý với cách gọi những điều ông muốn trình bày là Mấy Lời Rào Đón.

Ông đã phải rào đón thế nào, Trần Văn Thủy thanh minh thanh nga rằng:

Đây thuần túy chỉ là những ghi chép thô sơ từ cuộc sống, từ công việc của tôi cùng với những ý kiến đóng góp, trao đổi trong tình thân của một số quí vị mà tôi được coi là bạn.

Vậy, nếu ai muốn tìm kiếm những điều cao siêu về tư tưởng, văn chương hoặc soi mói những điều kém cỏi về lập trường, quan điểm xin hãy bỏ qua, đừng đọc tiếp.

Tôi không có sở trường giới thiệu mình bằng ngòi bút, không có nguyện vọng đăng đàn diễn thuyết và đặc biệt là không có khả năng tranh cãi với bất kỳ ai. Ở đây tôi chỉ ghi chép lại đôi điều tôi nghĩ, tôi thấy, tôi trải qua cùng

việc trò chuyện với một số trí thức, nhà văn hải ngoại. Khi con người chỉ muốn trình bày cái sự nghĩ của mình mà phải rào đón là không có khả năng tranh cãi với ai, tự biết đã là hèn lắm rồi.

Thực ra ý tưởng của cái sự viết đôi điều tản mạn này nó ám ảnh tôi từ những năm 80, khi vào dịp đó, trong bối cảnh không mấy sáng sủa, chúng tôi đã thực hiện một số phim tài liệu, trong đó có hai bộ phim được người xem trong và ngoài nước quan tâm: Hà Nội Trong Mắt Ai, *1982 và* Chuyện Tử Tế, *1985. Tuy nhiên những bộ phim đó mãi tới cuối 1987 mới được phép chính thức khởi chiếu. Đó là những năm định mệnh trong cuộc đời làm phim của tôi.*

Nghĩ ra, nhiều khi con người cảm thấy đơn côi ngay cả với chính mình. Tôi bụng bảo dạ: "Sao mày u mê đến thế nhỉ, thần kinh đến thế nhỉ? Đó là những chuyện trời ơi đất hỡi. Rỗi hơi! Mày hãy sống cho yên thân!".

Vâng, loài người nói chung và con người nói riêng đa phần vẫn có thói quen muốn sống cho yên thân, sống cho bản thân mình. Chí phải! Tôi cũng vậy. Đấy là chưa kể những ham muốn, những khát khao trong một cảnh ngộ mà chất Người *thì ít, chất* Con *thì nhiều. Nhưng rồi những khoảnh khắc tĩnh lặng, những đêm trắng thâu canh, hình như có một cái gì đó nó dựng mình dậy, hối thúc mình, mách bảo mình phải nghĩ một cái gì đó, bận tâm một cái gì đó, hành sử một cái gì đó. Chẳng qua chỉ là để giải tỏa cho chính mình, đối thoại với chính mình, hoài niệm cho chính mình.*

*

Như tất cả mọi nhà văn, nhà báo, mọi người làm văn hóa nghệ thuật trong nước, Trần Văn Thủy đang sống trong vòng kiểm soát chặt chẽ của nhà nước, của chế độ luôn muốn giới văn nghệ sĩ phải viết văn, dịch văn theo kiểu "phải đạo", nghĩa là không được trái với chủ trương văn hóa, văn nghệ mà Đảng đã đề ra cho giới nhà văn, người nghiên cứu trong chế độ. Đi ngược lại thì bị tù đày, trù dập ngay. Do đó dù không cần ai phải lên tiếng cảnh cáo nhưng ở đây, có lẽ Trần Văn Thủy đã phải rào đón để khi về lại Việt Nam không bị trù dập, trả thù.

Tuy nhiên, cách rào đón rất là thưa gửi của Trần Văn Thủy qua những câu văn ấy mang rõ biểu hiện thủ pháp điện ảnh mà ông đã chiếm được cảm tình của đa số những người từng xem qua hai phim Chuyện Tử Tế và Hà Nội Trong Mắt Ai, ấy là làm ra vẻ cố hạ mình xuống nhận rằng mình hèn, kém cỏi, nhưng cùng lúc buộc người đọc phải nghĩ ngay đến những hình ảnh khác... như quãng thời gian ông gọi là **những năm định mệnh trong đời làm phim của mình,** tức là từ khi thực hiện các phim Hà Nội Trong Mắt Ai năm 1982, Chuyện Tử Tế năm 1985 nhưng mãi đến cuối 1987 mới được phép chính thức khởi chiếu.

Hai bộ phim này của Trần Văn Thủy - nhất là phim Chuyện Tử Tế - trình

bày một xã hội Việt Nam sau chiến tranh, trong khi giới lãnh đạo Đảng và Nhà nước CSVN miệng luôn hô khẩu hiệu tự hào với chiến thắng vĩ đại của họ thì thực tế, như nhà thơ Nguyễn Duy từ xa nhìn về tổ quốc mình lại thấy:

Vâng đã có một thời hùng vĩ lắm
Hùng vĩ đau thương hùng vĩ máu xương
Mất người chết trừng trừng không chịu nhắm
Vâng một thời không thể nào phủ nhận
Tất cả trôi ôcấm lội ngược dòng
Thần tượng giả xèo xèo phi hành mở
Ợ lên thum thủm cả tim gan
Ta đã xuyên suốt cuộc chiến tranh
Nỗi day dứt không nguôi vón thành sạn gót chân
Nhói dài mỗi bước
Thời hậu chiến vẫn ta người trong cuộc
Xứ sở phì nhiêu sao thật lắm ăn mày?

*

Mấy Lời Rào Đón của Trần Văn Thủy muốn phơi bày tình cảnh cô đơn của những người còn chút lương tri, còn chút khát khao như ông nói là **"trong một cảnh ngộ chất NGƯỜI thì ít mà chất CON thì nhiều"**.

Chỉ với một câu ngắn gọn và đơn giản này Trần Văn Thủy đã vẽ được toàn bộ quang cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, nơi mà Thú tính ngự trị lấn áp hết cả phần Nhân tính – qua những bản tin xã hội, hình sự được đăng tải triền miên ngày này sang ngày khác trên báo chí nhà nước, đại loại như tin chỉ vì đồng tiền mà cháu giết bà, con chém cha đuổi mẹ, anh em tàn sát lẫn nhau, những tin tức bộc lộ cái tha hóa đến tận cùng, phá sản mọi giá trị đạo đức lễ nghĩa truyền thống.

như Nguyễn Duy đã từng than trước kia:

Xứ sở nhân tình
Sao thật lắm thương binh đi kiếm ăn đủ kiểu
Nạng gỗ khua rỗ mặt đường làng
Mẹ liệt sĩ gọi con đội mồ lên đi kiện
Ma cụt đầu phục kích nhà quan

Xứ sở từ bi sao thật lắm thứ ma
Ma quái ma cô ma tà ma mãnh...
Quỷ nhập tràng xiêu vẹo những hình hài

Xứ sở linh thiêng
Sao thật lắm đình chùa làm kho hợp tác

Đánh quả tù mù trấn lột cả thần linh
Giấy rách mất lề
Tượng Phật khóc Đức Tin lưu lạc
Thiện Ác nhập nhằng
Công Lý nổi lênh phênh

Xứ sở thông minh
Sao thật lắm trẻ con thất học
Lắm ngôi trường xơ xác đến tang thương
Tuổi thơ oằn vai mồ hôi nước mắt
Tuổi thơ còng lưng xuống chiếc bơm xe đạp
Tuổi thơ bay như lá ngã tư đường.
Bịt mắt bắt dê đâu cũng đụng thần đồng
Mở mắt... bóng nhân tài thất thểu

Xứ sở thật thà
Sao thật lắm thứ điếm
Điếm biệt thự Điếm chợ - Điếm vườn...
Điếm cấp thấp bán trôn nuôi miệng
Điếm cấp cao bán miệng nuôi trôn
Vật giá tăng
Vì hạ giá linh hồn

Xứ sở cần cù
Sao thật lắm Lãng Ông
Lắm mẹo lãn công
Giả vờ lĩnh lương
Giả vờ làm việc
Tội lỗi dửng dưng
Lạnh lùng gian ác vặt
Đạo Chích thành tôn giáo phổ thông
Ào ạt xuống đường các tập đoàn quân buôn
Buôn hàng lậu buôn quan buôn thánh thần buôn tuốt...
Quyền lực bày ra đấu giá trước công đường

Xứ sở bao dung
Sao thật lắm thần dân lìa xứ
Lắm cuộc chia ly toe toét cười
Mặc kệ cỏ hoang cánh đồng gái góa

Chen nhau sang nước người làm thuê
Biển Thái Bình bồng bềnh thuyền định mệnh
Nhắm mắt đưa chân không hẹn ngày về

Xứ sở kỷ cương
Sao thật lắm thứ vua
Vua mánh vua lừa vua chôm vua chĩa
Vua không ngai vua choai choai vua nhỏ
Lãnh chúa sứ quân san sát vùng cát cứ
Lúc nhúc cường hào đầu trâu mặt ngựa
Luật pháp như đùa như có như không có
Một người đi chật cả con đường.
Vết bầm đen gập vuông thước thợ

Và Trần Văn Thủy đã bộc bạch rằng những điều phải làm chẳng qua là để giải tỏa cho chính mình, đối thoại với chính mình, hoài niệm cho chính mình, như Nguyễn Duy tự nhủ:

Có thể ta không tin ai đó
Có thể không ai tin ta nữa
Dù có sao vẫn tin ở con người
Dù có sao
Đừng khoanh tay

*

Trong phần kế tiếp mang tựa đề Nếu Đi Hết Biển Trần Văn Thủy mượn cách kể lại câu chuyện với bà thím đã khuất của ông, tuy đã khiến nhiều người đọc như nhà văn Tưởng Năng Tiến kỳ trước trong cương vị người bỏ nước ra đi đã phải kêu lên rằng **"người ta bỏ đi và không về chỉ vì không về được nữa"**, nhưng nếu đọc kỹ, hẳn cũng nên có chút thông cảm với tác giả vì ông cũng đã cố gắng để bộc bạch ý nghĩ thật của mình rằng đã lầm khi cho rằng **"ai xa quê rồi cũng sẽ trở về"** như mình:

Giờ đây trên đất Mỹ, tiếp xúc với cộng đồng người Việt, tôi không khỏi băn khoăn về cái điều tâm huyết tôi nói bên mộ thím tôi: "...Nếu đi hết biển, qua các đại dương và các châu lục, đi mãi, đi mãi thì cuối cùng lại trở về quê mình, làng mình..." *Tôi không biết trong lịch sử thịnh suy của đất nước tôi có thời điểm nào, hoàn cảnh nào dẫn đến sự ly tán lòng người sâu thẳm, dẫn đến việc hàng triệu người chạy ra biển ly hương bất cần mạng sống đến thế không. Nhưng tôi biết rất rõ không ít người Việt xa xứ "qua các đại dương và các châu lục, đi mãi, đi mãi" mà cuối cùng không thể "trở về quê mình, làng mình" được.*

Tôi đã nhầm khi tưởng rằng điều tâm huyết của tôi trong bộ phim nọ đúng với mọi người. Ở đây, người ta đi hết biển thì chỉ tới nước Mỹ. Và tại nước Mỹ, cộng đồng người Việt là một thế giới muôn hình muôn vẻ, với bao nhiêu vấn đề cần suy ngẫm, luận bàn, không có giấy mực nào tả xiết.

Có lẽ Trần Văn Thủy đã muốn nói một điều gì đó khi khẳng định rằng: từ xưa đến nay trong lịch sử lúc thịnh lúc suy của Việt Nam chưa hề có một thời điểm nào, hoàn cảnh nào dẫn đến việc hàng triệu người phải chạy ra biển bất cần mạng sống như thế.

Và hẳn nhiều người, ở cả hai bên chiến tuyến, sau năm 1975 đã từng như Trần Văn Thủy băn khoăn không ít khi nghĩ đến cảnh phân ly của biết bao gia đình, biết bao bạn bè như trường hợp của tác giả và người bạn ấu thơ năm xưa ở Nam Định, theo gia đình di cư vào Nam năm 1954, mãi đến năm 2002 mới gặp lại như ông kể trong phần ba mang tựa đề Một Bức Thư:

Tôi không ngủ được. Chẳng hẳn vì những kỷ niệm xa xưa thời học trò với bạn tôi sống lại, dội về. Chẳng hẳn vì chuyện Đính tự tử hụt trong trại cải tạo. Cũng chẳng hẳn vì những lần tôi suýt chết trong các trận chiến ác liệt. Mà tôi cứ hình dung ra một sự hoán vị rất có thể xảy ra giữa hai chúng tôi. Tôi giả định rằng vào cái thời điểm 1954 ấy, thầy mẹ tôi không vì sự ràng buộc với quê cha đất tổ hoặc vì có sự rủ rê mà kéo bầy con cái di cư vào Nam thì tôi trở thành Ngụy là điều khó tránh khỏi. Còn gia đình bạn tôi, vì một lý do nào đó mà ở lại miền Bắc thì bạn tôi lại trở thành Việt cộng là cái chắc.

Chúng tôi hoàn toàn không có ý tránh né chuyện chính trị, không có mảy may một sự gượng gạo nào mà tự nhiên đến hồn nhiên nối lại tình bạn thuở học trò thơ ngây ngày nào. Tự sâu trong đáy lòng tôi và bạn tôi rất yên ả, rất thanh thản và tôi còn nhận ra một điều may mắn rằng cuộc đời con người ta chỉ là một chớp mắt mà ông trời đã cho mình vậy là quá nhiều.

*

Tiếp theo, trong chương Thày Mù Xem Voi, Trần Văn Thủy muốn trình bày đến trường hợp những người Việt ở Âu châu mà ông đã có dịp gặp từ cuối năm 1988 đến năm 1990. Những mẩu chuyện về những người tỵ nạn Việt Nam tại Đức, như câu chuyện về một cựu viên chức cao cấp miền Nam, từng bị buộc vào tù cải tạo sau đây:

Câu hỏi thứ nhất, tôi hỏi là lý do và hoàn cảnh nào đã dẫn đến việc bác và gia đình sang định cư tại Tây Đức. Thì bác đã nói rất rõ bác là viên chức cao cấp của chế độ cũ, cho nên bác phải đi cải tạo rất cực. Khi được về lại Sài Gòn, với tư cách là phó thường dân, hằng tuần bác phải đi trình diện, đấy là một điều rất đau khổ đối với bác, vì thế bác không ở lại được. Qua câu hỏi ấy, người ta nhận biết chân dung một con người.

Đến câu hỏi thứ hai: "Nghe nói vào tháng Tám, tháng Chín năm 1945

bác có mặt ở Hà Nội, bác có kỷ niệm gì đáng nhớ?" *Có lẽ tôi khó tìm gặp được một người nào kể về Cách mạng tháng Tám, kể về ngày 2 tháng Chín 1945 mà hào hứng, tình cảm, sinh động và da diết như bác:* "Tôi đã có mặt trong ngày Tuyên ngôn độc lập 2 tháng Chín 1945. Quảng trường Ba Đình như một biển người cuồn cuộn, cuồn cuộn. Một rừng cờ và biểu ngữ, trùng trùng, điệp điệp. Cụ Hồ đi một cái xe Peugoet hay Citroen gì đó, có hai đoàn xe đạp hộ tống, tiếng hoan hô vang dậy..."

Vậy mà khi qua câu hỏi thứ ba, tôi hỏi: "Bác có thể kể về những giấc mơ gần đây của bác được không?" *Tôi nghĩ rằng, nếu nói về phim tài liệu thì đây là đoạn đắc ý. Cái quái ác là ở chỗ tuy đã sống ở nước ngoài rồi, mà bây giờ, đêm đêm nằm mơ, bác chỉ mơ thấy hàng chục lần phải trở lại trại cải tạo. Sợ hãi, ú ớ, la hét:* "Ơ... ơ... Tôi đã hết hạn cải tạo rồi cơ mà! Đây, giấy ra trại của tôi đây. Tại sao cán bộ lại bắt tôi trở lại trại?..." *Tỉnh lại, nhìn thấy chùm đèn trên trần nhà mới thở phào, định thần lại rằng mình đang sống ở Tây Đức. Còn bao nhiêu kỷ niệm trong đời ở quê hương, về Hồ Gươm, Hồ Tây, về những người đẹp có tà áo dài thì không bao giờ mơ thấy.*

Thế rồi tiếp theo câu hỏi thứ tư: "Về những người ham chống Cộng một cách cực đoan, bác nghĩ thế nào?" *Tôi thấy nhiều người ngồi trước máy quay của tôi cũng rất ngần ngại khi phải trả lời những câu hỏi trực tiếp. Nhưng ở đây, bác Quý lại là người có thái độ thẳng thắn đáng kính trọng:* "Tôi không thích những chuyện bạo lực, những chuyện chính trị một cách hồ đồ, viển vông. Người ta chống Cộng kiểu sa lông, phòng trà. Có kẻ còn tệ hại hơn là vận động, thu tiền bỏ túi mình để... chống Cộng..."

Qua câu chuyện này, trong khi có người chỉ trích là Trần Văn Thủy cố tình đưa ra khía cạnh gọi là "chống Cộng cực đoan" khi đặt câu hỏi như thế, nhưng nhiều người đọc lại thấy được điều khác mà Trần Văn Thủy thực sự muốn nêu lên. Đó là khía cạnh thẳng thắn, đầy sĩ khí của người gọi là nhân vật viên chức cao cấp của chế độ Việt Nam Cộng Hòa, một người thực sự kể về Cách Mạng tháng Tám, về ngày 2 tháng Chín 1945 một cách **"hào hứng tình cảm sinh động và da diết"** hơn cả những người Cộng sản, vốn đã giảo quyệt cướp công kháng chiến của toàn dân để rồi khăng khăng lấy làm công riêng của Đảng mình như thế. Và cách mà Trần Văn Thủy gián tiếp mô tả cái khủng khiếp của chế độ nhà tù lớn bé tại Việt Nam, khiến nhiều người sau khi trải qua cuộc đày đọa ấy, bây giờ dù đã thoát ra nước ngoài mà vẫn thường xuyên gặp lại trong ác mộng, qua câu chuyện của nhân chứng ấy, thật là ít có.

Hoặc như câu chuyện của cựu Đại sứ VNCH tại Cam Bốt Phạm Trọng Nhân:

Chúng tôi phỏng vấn ông Phạm Trọng Nhân, Đại sứ thời ông Diệm ở Cambốt. Khi ngồi nói chuyện phiếm, ông Nhân kể lại nhiều chuyện đau khổ, oái oăm trong các trại cải tạo mà ông đã trải qua. Là một người có học thức và gia phong (ông là cháu cụ Phạm Quỳnh), khi ngồi trước máy quay của tôi, ông không hề than phiền, mà còn tránh né, không kể về những năm trong trại cải tạo. Tôi hỏi thẳng: "Những gì trong trại cải tạo làm ông nhớ nhất, buồn nhất?" *Ông im lặng một giây và điềm tĩnh trả lời:* "Tôi chỉ buồn cho vận mệnh đoàn kết, thống nhất của dân tộc. Buồn cho sự phân hóa, cho sự mất mát không đáng mất của dân tộc chúng ta."

Hay sự thật về thực trạng xã hội Miền Bắc xã hội chủ nghĩa như câu chuyện Trần Văn Thủy kể về một người tỵ nạn ra di từ miền Bắc:

Trong những thuyền nhân mà tôi phỏng vấn có chị Phùng Hồng Thúy ra đi từ Hà Nội. Tìm gặp chị Thúy không phải dễ, vì cái thành kiến vốn có đối với những người trong nước qua. Nhưng sau khi tiếp xúc với tôi, thì chị có phần quý mến. Mọi người đã thấy chị nói gì. Đó là những chuyện hết sức thật. Tôi nhớ chị Thúy là người nhạy cảm, rất thương bố mẹ, thương bạn bè, xứ sở. Chị đã nói rất xúc động. Hỏi mà không khéo là chị ấy khóc. Có một ý đã ám ảnh tôi, mặc dù ý kiến này có thể nhiều người không tán thành, nhưng vì tôn trọng chị, tôi đã dựng vào phim. Khi tôi nói: "Chị hãy giúp chúng tôi bằng cách là chị nói thật những gì chị đã trải qua." *Chị suy nghĩ rồi bảo:* "Ngay cả việc ấy cũng hết sức là khó vì từ bé tôi đâu có được học nói thật bao giờ." *Tất nhiên nó cũng không hoàn toàn 100% là thế, nhưng nó là nỗi đau, dù là nỗi đau của một con người.*

*

Và cũng sẽ rất là bất công với Trần Văn Thủy nếu như người đọc không để ý đến phần ông kể lại câu chuyện về trường hợp ông đã phỏng vấn cố học giả Hoàng Xuân Hãn tại Pháp.

Theo Trần Văn Thủy, sau khi GS Hoàng Xuân Hãn qua đời thì tại Việt Nam nhà nước cho phép một nhóm nghiên cứu xuất bản một tuyển tập mang tên La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn gồm nhiều bài viết của Hoàng Xuân Hãn cũng như của nhiều người về ông. Trần Văn Thủy thuật lại trong Nếu Đi Hết Biển, ở trang 51 của tiểu mục Thày Mù Xem Voi rằng:

Nhà văn Nguyễn Văn Hiền đặt tôi viết một bài, tôi nhận lời với tình cảm kính trọng sâu sắc dành cho học giả Hoàng Xuân Hãn. Bài viết được gửi đi và lên khuôn. Tôi hỏi ông Hiền: "Có bị cắt xén gì không?" *Ông Hiền trả lời:* "Bài của cậu sẽ đăng nguyên si. Yên chí!".

Sách ra, ông Hiền mời tôi tới Nhà xuất bản Giáo dục dự buổi gặp mặt, ra mắt cuốn "La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn." *Không khí buổi gặp mặt rất thân mật, hồ hởi. Một vị trong Ban Tổ chức nhấn mạnh:* "Đây là một cuốn

sách đầu tiên của một trí thức không phải Đảng viên Đảng Cộng sản mà được in trang trọng, nhiều tập, công phu như thế này." *Tôi được tặng tập 1, trong đó có bài của tôi. Yên chí bài của mình không bị cắt xén, mấy ngày sau giở ra đọc, tôi thấy có nhiều bài quá hay của những người được ít nhiều tiếp cận với ông Hoàng Xuân Hãn. Rồi tôi đọc lại bài của tôi từ trang 297, tôi ngờ ngợ và nhận ra rằng bài đã bị thiến đi một đoạn khá dài. Và đấy là đoạn ông Hoàng Xuân Hãn nói đôi điều (rất khiêm nhường) về cải cách ruộng đất.*

Đoạn văn của Trần Văn Thủy, như nguyên văn ông gọi là **"bị thiến"** ấy là gì? Có gì ghê gớm, phản động không, Trần Văn Thủy cho biết là đoạn văn sau đây:

Trước ống kính máy quay, ông cũng đã trầm tư kể lại những mất mát to lớn của gia đình ông ở quê nhà trong thời kỳ cải cách ruộng đất. Ông đặc biệt quan tâm đến sự thịnh suy của nông thôn Việt Nam. Ông nói:

- Sau cải cách ruộng đất đã có sửa sai. Ông Cụ đã nhìn thấy cái sai. Vậy là may. Cái hậu quả của sai lầm trong cải cách ruộng đất không chỉ trên bình diện kinh tế, chính trị, văn hóa. Theo chỗ tôi hiểu, cái mất mát lớn nhất bởi những sai lầm trong cải cách ruộng đất là nó đã phá vỡ mất nông thôn Việt Nam và phá vỡ mất lòng tin.

Tôi mạnh dạn hỏi ông:

- Thưa bác, cháu hỏi thế này, nếu không phải xin bác bỏ quá. Cháu chưa hiểu được tại sao những người như bác có những mất mát ít nhiều bởi những lầm lẫn của chế độ, vậy mà vẫn bền lòng hướng về đất nước, gắn bó với quê hương, thuận hòa với thể chế?

Ông im lặng một khắc rồi ngước lên, tiếng nói vẫn pha giọng miền Trung:

- Chẳng riêng tôi mà có lẽ đó là một nét chung của dân tộc Việt mình. Cái lòng ái quốc của dân Việt mình nó lớn lắm. Cho dù có buồn phiền, thương tổn, riêng tư gì nhưng đứng trước cái vận mệnh, cái thịnh suy của đất nước thì đều bỏ qua cả. Tôi vẫn muốn nói rằng cái lòng ái quốc của dân Việt mình nó lớn lắm.

*

Cũng trong phần Thày Mù Xem voi này, Trần Văn Thủy kể lại ý kiến của một nhà báo Pháp để bày tỏ quan điểm của mình về tình cảnh dân Việt hiện nay:

Thế tôi mới ngờ rằng cái bệnh hiếp đáp nhau, giẫm đạp lên nhau, bắt người khác phải phục tùng mình, phải chăng đó là bệnh của dân tộc Việt? Nếu như đó là bệnh của một thể chế chính trị thì có thể sửa được, khi nó thay đổi tích cực lên thì những điều xấu ấy mất đi. Nhưng nếu đó là những khuyết tật của dân tộc thì thật là đau đớn vô cùng. Đè nặng lên trong tôi vẫn là cái cảm giác dân tộc mình khó mà khá lên được, khó lòng đuổi kịp các nước, dù

là những nước trung bình trên thế giới. Đó là sự thật. Ai càng yêu nước nhiều càng buồn nhiều!

Hồi đó, phóng viên tờ Đức-Việt tại Franfurt/M đã hỏi tôi: "Thử nghĩ xa hơn một chút. Hiện tình là vậy thì lỗi lầm bắt đầu từ đâu?" *Thay vì trả lời, tôi kể lại một lần đối thoại ngắn ngủi với một nhà báo Cộng sản Pháp. Trong một buổi chiêu đãi báo chí tại Hà Nội cuối năm 1987, nhà báo nọ nâng ly chúc mừng hai bộ phim của tôi (*Hà Nội Trong Mắt Ai, Chuyện Tử Tế*) được công chiếu. Rồi ông nhún vai bảo rằng:* "Nhưng công bằng mà nói, các ông đổ lỗi cho Chính phủ, cho Nhà nước của các ông nhiều quá." *Tôi hỏi:* "Ông là người ngoại quốc, có thể ông có cái nhìn tinh tế hơn?" *Ông ta lại nhún vai:* "Cũng chẳng có gì đáng gọi là tinh tế cả. Phương ngôn Pháp của chúng tôi có câu: "**Nhân dân nào, Chính phủ nấy**". Các ông rất xứng đáng với Chính phủ của các ông!"

Buộc người dân Việt Nam phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về tình cảnh đất nước như thế thì hơi quá, như cựu tướng từng có công rất lớn với Đảng, với chế độ CSVN nhưng cuối đời đã bị vùi dập không thương tiếc là Trần Độ đã từng đánh giá chế độ CSVN hiện nay là **"một chế độ kết hợp giữa cái ngu muội của Tần Thủy Hoàng và sự tàn bạo của Hitler"**.

Thực ra ở đây cần để ý đến ý kiến của nhà văn Dương Thu Hương, người nhìn ra căn bệnh liệt kháng tinh thần nguy hại này của đại đa số toàn dân Việt hôm nay. Trong một bài phỏng vấn với nhà văn Trần Ngọc Tuấn ở Tiệp Khắc hồi gần đây, Dương Thu Hương đã bày tỏ quan điểm của bà rằng:

"Cái bi kịch lớn nhất, khốn nạn nhất cho giới cầm bút nói riêng và đa số trí thức, người dân Việt Nam là: Bệnh liệt kháng trước bất công. Họ tự nguyện hèn nhát để đổi lấy sự an toàn. Cho nên văn hóa Việt Nam vẫn ì ạch như từ trước đến nay, có lẽ phải tới một thời điểm nào đó thích hợp...

Chúng ta không nên đặt toàn bộ niềm tin vào số đông câm nín là khi có một động lực tích cực thúc đẩy thì họ sẽ khác, cái chính là phải cần có những tiếng nói dũng cảm cất lên, trước mắt những tiếng nói này bị đàn áp, vu khống, thậm chí có thể bị tiêu diệt, nhưng nó là những viên sỏi làm lay động cái ao tù của xã hội Việt Nam hiện tại, nó là cái đầu tàu kéo theo số đông quần chúng."

Dương Thu Hương nói thêm:

Đạo diễn Trần Văn Thủy có nói đại ý, "Nhân dân nào, chính phủ ấy, nhân dân đã bầu chính phủ ấy lên cầm quyền thì họ phải chịu..." Nhưng nhân dân có bầu đâu, làm gì có tự do bầu cử... Họ lên cầm quyền khi mọi sự đã rồi, họ cướp chính quyền kia mà, mà kẻ cướp thì muôn đời vẫn là kẻ cướp...

Trở ngại khủng khiếp nhất, ngăn trở tất cả là những kẻ cầm quyền. Sự tăm tối cộng với căn bệnh sính dùng bạo lực, thói quen gia trưởng chính trị, cộng thêm với tiểu xảo lưu manh, láu cá vặt đã khiến cho người cầm bút bị tê liệt

thiên chức lương thiện phải có.

Ở các thể chế độc tài cái lũ này khá giống nhau, chúng hay thò mũi vào công việc của người khác, chúng muốn tất cả phải tụng ca chế độ trong màn đồng ca mà chúng là nhạc trưởng. Vì vậy, nó kéo theo sự câm nín, nó làm tàn lụi sáng tạo, nó khiến ý chí con người luôn sợ hãi, thỏa hiệp và chỉ lo cho an toàn cá nhân. Một dân tộc không bị khuất phục, khiếp nhược trước kẻ cầm quyền, thế mà bây giờ chỉ vì bát cơm manh áo là sự đớn đau tủi nhục cho những ai còn viết, còn suy nghĩ và có lương tri."

*

Thưa quý thính giả

Tiếp tục bài điểm tác phẩm Nếu Đi Hết Biển của đạo diễn điện ảnh trong nước Trần Văn Thủy, hôm nay xin giới thiệu đến quý vị phần nói chuyện giữa tác giả và nhà văn Cao Xuân Huy.

Xin nhắc lại, Nếu Đi Hết Biển tên quyển bút ký của đạo diễn điện ảnh Trần Văn Thủy hiện còn sống trong nước, sau chuyến đi Hoa Kỳ của ông cách đây không lâu thuật lại những cuộc tiếp xúc với một số nhà văn, nhà báo ở hải ngoại, trong số đó có những cây bút quen thuộc như Nhật Tiến, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Hoàng Khởi Phong, Cao Xuân Huy v.v...

Tập bút ký này do nhà Thời Văn tại Mỹ xuất bản, từ khi ra đời hồi đầu năm đến nay đã gây được sự chú ý khá đặc biệt của công luận người Việt hải ngoại, nhất là sau khi có sự phê bình của nhà văn Hoàng Hải Thủy với lời lẽ khá nặng nhắm vào những người đã được Trần Văn Thủy gặp gỡ, cũng như sau khi nhà văn Phan Nhật Nam nói lên cảm nghĩ về câu chuyện của hai người bạn ông trong tập bút ký này là Hoàng Khởi Phong và Cao Xuân Huy.

Trước khi mời quý vị nghe phần nói chuyện giữa Cao Xuân Huy và Trần Văn Thủy xin xem qua nhận định của nhà văn, người tù Phan Nhật Nam về tác phẩm này.

*

Xin mở dấu ngoặc, Phan Nhật Nam là một trong mười hai nhân vật - trong đó nhân vật chính là ông Nguyễn Hữu Luyện - cùng đứng tên trong vụ khởi tố William Joiner Center, thuộc đại học UMASS, vì lý do Trung tâm nghiên cứu này đã thuê hai nhà nghiên cứu Hoàng Học Hiến và Nguyễn Huệ Chi từ Việt Nam sang Mỹ để làm các cuộc nghiên cứu về cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại. Vụ kiện đã được đem ra xét xử lần đầu, và trong lần xét xử này tòa án đã ra phán quyết vô hiệu hóa một số tác nhân đứng nguyên đơn. Nay vụ kiện đã bước sang giai đoạn thứ hai, lần này nguyên đơn là một mình ông Nguyễn Hữu Luyện.

Nhà văn Phan Nhật Nam cho rằng khi Trần Văn Thủy nêu câu hỏi "không

biết trong lịch sử thịnh suy của đất nước có thời điểm nào, hoàn cảnh nào dẫn đến sự ly tán lòng người sâu thẳm dẫn đến việc hàng triệu người phải chạy ra biển ly hương bất cần mạng sống đến thế không" thì:

Anh đã (phải) hiểu rõ hơn ai hết từ khi làm phim Chuyện Tử Tế; Hà Nội Trong Mắt Ai, *nhưng không nói ra lời - Có thể vì chưa nhận "được phép" nói, hoặc chỉ được phép nói về "một nửa sự thật" mà thôi."*

Phan Nhật Nam nhận xét rằng phần trả lời của nhà văn Cao Xuân Huy trong Nếu Đi Hết Biển là những câu trả lời hay nhất, bốc lửa, và "thấm" đau nhất, chẳng phải vì **cảm tính khen-chê; yêu-ghét** nhưng vì đấy là người **bạn văn mà bản thân ông quen, đọc, hiểu, và hiểu đúng chữ bạn viết, lời bạn nói, cách bạn sống**. Theo nhận định của Phan Nhật Nam thì:

Bạn đã nói thật hơn lòng tôi ước đoán, bạn đã nói đủ hơn phần tôi dự trù, bạn đã hành sử cao thượng, thẳng thắn như tâm chất hằng có của Người Lính.

Nói chuyện với Trần Văn Thủy, Cao Xuân Huy kể lại cuộc gặp gỡ sau 25 năm chia cách của ông với người cha ruột. Trước 1954, ông cụ của nhà văn đi kháng chiến rồi ở lại miền Bắc, Cao Xuân Huy theo mẹ di cư vào Nam. Lớn lên ông đi lính, phục vụ trong binh chủng TQLC, bị CS bắt làm tù binh cuối tháng Ba 75 khi đơn vị ông tan hàng ở cửa biển Thuận An, như ông đã thuật lại trong hồi ký Tháng Ba Gãy Súng.

Cao Xuân Huy đã kể rõ tình tiết khi ông gặp cha mình lần đầu tiên năm 78 khi đang ở trong trại tù CS.

- Lúc ở tù, tôi không muốn liên lạc với bố, vì không biết ông cụ có nhận thằng sĩ quan "ngụy" này là con không, đồng thời cũng lại sợ ông cụ sẽ bị liên lụy vì có thằng con "có nợ máu với nhân dân". Không hiểu tên tôi, thằng con đi Nam, có trong danh sách những người con của bố không. Trong khi chính tôi, trong bản khai lý lịch khi đi lính, tôi đã phải khai "bố chết" để tránh những rườm rà với cơ quan an ninh quân đội. Tôi không biết tin tức gì về bố, và tuy rất thèm nhưng tôi không bao giờ chờ đợi có được một sự liên lạc gì giữa hai cha con. Bất ngờ, thật bất ngờ anh ạ, khoảng năm 78, khi ở tù tại Thanh Hóa, đang đốn lim ở một nơi gọi là công trường lòng hồ sông Mực, tôi được cán bộ quản giáo thông báo nguyên văn: "Anh có ông bố vào thăm, ông cụ về rồi, có gửi lại cho anh một ba lô đồ thăm nuôi." Trời! Có ngoài mơ ước của tôi không? Tôi đã được bố vào thăm! Bố tôi đã đi tìm tôi! Mặc dù tôi không được gặp bố và cũng không nhận được cái ba lô "thăm nuôi". Tôi đờ đẫn vì những hình ảnh mơ hồ về bố.

- Cái ba lô thăm nuôi lúc đó là cả một gia tài lớn, tôi tưởng chỉ lớn với thằng tù là tôi, hóa ra cũng lớn cả với cán bộ trại, thành ra, trên nguyên tắc, và với bố tôi, tôi được nhận, nhưng trên thực tế, và với riêng tôi, tôi không

nhận được. Bài học tập chính trị nằm lòng: "Cách mạng đã tha tội chết cho các anh...". Tôi thầm nghĩ, tha chết là mừng rồi, còn cái ba lô không "tha", thì có sao đâu, phải không anh. Chỉ nghĩ thương bố thân già lặn lội đường rừng, hăm hở đi tìm con, đến nơi, không được cho gặp, lủi thủi quay về, tôi buồn. Nhưng mặt khác, thấy bố không được "ưu tiên", tôi lại mừng, vì điều này chứng tỏ bố không thuộc thành phần... "nhân dân", và như thế, tôi không có "nợ máu" gì với ông cả, hên quá.

- Lần đầu hai bố con gặp nhau là cuối năm 79, khi tôi ở trại tù Bình Điền, Huế. Lúc đó tôi đã được "ra lệnh tha" vì hết khả năng lao động, nhưng vì sát với ngày lễ nên bị giữ lại trong tù, nhập vào toán lao động nhẹ để không bị cắt phần ăn. Đang lao động thì cán bộ trại sai tôi vác ghế vào nhà thăm nuôi, khi gần đến nhà thăm nuôi, tôi bỗng nghe có tiếng hỏi phía sau lưng: "Beng đấy hả?" Tôi giật mình, chỉ có những người trong gia đình mới biết cái tên cúng cơm này. Tôi quay lại, một ông già tay khoác túi vải, tay cầm cái điếu cày, từ một nhánh đường mòn nhỏ ven đồi bước ra, lững thững đi sau lưng tôi. Nhìn ông, biết ngay là bố mình anh ạ. Nước mắt tôi tự nhiên ứa ra, cổ họng khô đi và như bị nghẹn, không nói được gì. Tiếng "dạ" của tôi hình như không thoát ra khỏi miệng. Bố tôi bảo: "Vào nhà thăm nuôi đã". Tôi đi mà lòng lâng lâng cứ như say rượu ấy. Cho đến bây giờ, tôi vẫn tự hỏi, làm sao chỉ nhìn từ sau lưng mà ông cụ nhận ra "thằng Beng", thằng con ông mới chỉ bế trên tay có một lần trong đời, lúc nó mới được vài tháng.

- Trong nhà thăm nuôi, một cán bộ trại đã ngồi sẵn. Như anh biết, bố tôi là người ít nói, và thú thật với anh, tôi cũng ít nói y như ông cụ vậy. "Mày có khỏe không?" "Dạ, con khỏe." "Mày có nhận ngay ra bố không?" "Dạ, con có nhận ra." "Mày ăn thịt gà đi, thịt gà này chú Phùng Quán làm cho mày đấy." "Mình có họ với chú Phùng Quán hả bố?" "Không, nhưng chú ấy xem tao như anh." Tôi xúc động ứa nước mắt, và cảm thấy hãnh diện về ông bố của mình, vì ông thân với Phùng Quán, một nhà thơ trong nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm, có những câu thơ tôi thuộc lòng từ ngày còn bé: "Yêu ai cứ bảo là yêu, ghét ai cứ bảo là ghét; Dù ai cầm dao dọa giết, cũng không nói ghét thành yêu...". *Trong gần hai tiếng đồng hồ thăm nuôi, cha con tôi chỉ nói vỏn vẹn có thế thôi. Thời gian còn lại là của cán bộ trại, người cán bộ cứ huyên thuyên với bố tôi về Hà Nội.*

Hai hôm sau, khi được ra khỏi trại tù, tôi đến tìm bố ở một khách sạn ngoài Huế. Nhìn vẻ hoảng hốt của ông cụ khi thấy tôi trong bộ quần áo tù, ông hẹn tôi vội vàng là đến chiều ra cái quán cóc ở bờ sông Hương, tôi thấy thương bố quá. Buổi chiều tối, hai cha con ngồi nói chuyện với nhau. Tôi đã hơn 30 tuổi, đây là lần đầu tiên, hai bố con mới thật sự được nói chuyện với nhau. Đủ thứ chuyện lan man, nhưng tôi nhớ nhất câu hỏi của bố. Ông vừa

cười vừa hỏi: "Mày ghét Cộng Sản lắm hay sao mà đi cái thứ lính ác ôn này?" Tôi nói: "Ghét thì con không ghét, có thù oán gì đâu, nhưng gặp đâu thì bắn đó". "Thế mày bắn cả bố mày à?"...

Cao Xuân Huy không trả lời ông cụ thân sinh ra mình, nhưng như trong phần mở đầu của hồi ký Tháng Ba Gãy Súng ông đã từng nhấn mạnh:

Trong lứa tuổi của tôi, lứa tuổi dưới mười khi theo gia đình di cư từ Bắc vào Nam, ngoại trừ những người có thân nhân ruột thịt bị giết bởi Việt Cộng, còn hầu hết, có bao nhiêu người thực sự căm thù Việt Cộng đâu, vì rõ rệt một điều là từ lứa tuổi tôi trở xuống, có đứa nào biết Việt Cộng là cái gì đâu. Cũng y như lứa tuổi dưới mười khi theo cha mẹ qua Mỹ từ năm 1975 ở đây bây giờ. Cũng thù ghét Việt Cộng vậy, nhưng chỉ là cái thù gia truyền, cha mẹ thù ghét thì mình thù ghét theo thế thôi, chứ chẳng có gì là sâu đậm cả. Cho đến khi lớn lên, đầu óc đã tạm đủ để suy xét thì khổ một nỗi, hệ thống tuyên truyền của Việt Nam Cộng Hòa lại có giá trị phản tuyên truyền nhiều hơn là tuyên truyền. Cho nên khi vào quân đội, tôi tình nguyện vào đơn vị tác chiến thứ thiệt vì căm thù kẻ địch thì ít mà vì cái máu ngông nghênh của tuổi trẻ, vì bị kích thích bởi những cảm giác mạnh của chiến trường thì nhiều. Tuy nhiên, vì ở một đơn vị thường xuyên tác chiến, cùng gian nguy, cùng sống chết với nhau nên tôi đã gắn bó với bạn bè, đồng đội trong đơn vị như với anh em ruột thịt. Tôi yêu đơn vị tôi, tôi yêu màu mũ, màu áo tôi, tôi yêu thuộc cấp tôi và tôi kính trọng thượng cấp tôi.

Ông cầm súng chiến đấu và chiến đấu gan dạ trong một đơn vị tổng trừ bị chỉ với tấm lòng thương yêu, quyến luyến bạn bè đồng đội, không "rực lửa căm thù" vì bị chế độ nhào nắn thành những tấm bia thịt di động như những kẻ xâm mình Sinh Bắc Tử Nam. Thế nhưng để trả lời câu hỏi của Trần Văn Thủy rằng trong thời gian chiến tranh, ở vị trí người cầm súng ông đinh ninh điều gì, Cao Xuân Huy không hô khẩu hiệu, không hoan hô đả đảo, nhưng chỉ bằng lời lẽ rất tâm tình đã cho thấy cái hơn hẳn của một người lính bình thường miền Nam đứng trong hàng ngũ chiến đấu vì ý nghĩa tự do rất lãng mạn:

- Khoan hãy nói tôi đinh ninh điều gì. Ngoài ba mươi tuổi, tôi, ở lính hơn bảy năm và ở tù gần năm năm. Những kỷ niệm về chiến trận, những kỷ niệm về tù đày thì nhiều, nhiều lắm. Vui buồn đều có cả. Nhưng điều đáng nhớ nhất lại không ở chuyện đánh trận hay chuyện tù đày, mà lại là chuyện không bảo vệ được lãnh thổ.. Tôi kể anh nghe. Tết năm 74, tiểu đoàn tôi đang nằm ứng chiến ở Phú Bài, Huế, thì Trung Cộng đánh chiếm Hoàng Sa. Hoàng Sa thuộc lãnh thổ Quân Đoàn I, tiểu đoàn tôi là lực lượng trừ bị của Quân Đoàn, được lệnh chuẩn bị ra đánh lấy lại Hoàng Sa. Đơn vị thủy xa của Sư Đoàn đã từ Sài

Gòn ra đến Đà Nẵng, tiểu đoàn tôi đã ở trong tư thế sẵn sàng, đợi lệnh xuống tàu. Thủy Quân Lục Chiến đi lấy lại Hoàng Sa là đúng "chỉ số" rồi. Gì chứ đánh nhau để bảo toàn lãnh thổ, lính tráng tụi tôi thằng nào cũng háo hức, tuy biết rõ rằng đi là chết, nhưng đánh nhau để giành lại đất nước, từ quan đến lính chúng tôi, thằng nào cũng hăm hở. Nhưng, ngay lúc đó, mặt trận trong nội địa miền Trung cùng lúc nở rộ, những cuộc tấn công lớn của các đơn vị Bắc Việt đã cầm chân chúng tôi, chúng tôi đã không có lệnh xuất quân đến Hoàng Sa. Tin tức và hình ảnh về những chiếc tàu của Hải Quân trên đường ra cứu Hoàng Sa bị bắn chìm, những người lính đồn trú ở Hoàng Sa bị Trung Cộng bắt, rồi được trao trả từ tận... bên Tàu, làm chúng tôi thấy nhục. Nhục chứ anh, địa danh nào trong tay Miền Bắc hay Miền Nam thì cũng vẫn là của người Việt Nam, Hoàng Sa bị Trung Cộng chiếm, mà không lấy lại, tôi nghĩ, miền Bắc và cả miền Nam, đều có tội với tổ tiên, với cha ông, dung túng cho đô hộ hay nô lệ Tàu hay Tây thì tội cũng ngang nhau. "Một ngàn năm nô lệ giặc Tàu", Hoàng Sa còn. "Một trăm năm đô hộ giặc Tây", Hoàng Sa còn. Ông cha ta chèo thuyền, giong buồm mà vẫn bảo vệ được những hòn đảo nhỏ xíu ở tít tận mù khơi. Vậy mà bây giờ, quân đội hai miền tự nhận là thiện chiến nhất nhì thế giới, lại bỏ mặc một phần lãnh thổ lọt vào tay ngoại bang. Tôi hỏi anh chứ, chính anh, anh có thấy nhục không? Một trăm năm, một nghìn năm nữa, hay đến tận bao giờ chúng ta mới lấy lại được Hoàng Sa? Đã mất, hay sẽ còn mất thêm?

Mà thôi, anh cũng định hỏi tôi tại sao có ông bố ở ngoài Bắc mà lại đi cái thứ lính dữ dằn ấy phải không? Giản dị lắm anh ạ. Vốn dĩ tôi là người ghét chiến tranh. Tôi rất buồn chuyện anh em, vì ở hai miền của đất nước mà phải bắn giết lẫn nhau. Tuy nhiên, vì yêu tự do và chống mọi hình thức độc tài, tôi đi lính. Mà đã đi lính, thì đương nhiên phải là lính "thứ thiệt". Tôi gia nhập vào một binh chủng chỉ nhận những người tình nguyện, chuyên đánh những trận lớn, dữ dội mang tính quyết định ở từng mặt trận. Thú thật với anh, tôi đánh trận thuộc loại cừ, và ở một đơn vị thiện chiến nhất nhì của miền Nam. À, anh vừa hỏi tôi đinh ninh điều gì trong vai trò người lính? Thưa anh, trong suốt thời gian ở nhà binh, tôi vẫn chỉ đinh ninh một điều, là sẽ có cuộc Bắc tiến, tiếp thu Hà Nội, và, như trong một câu hát: "giữa đoàn hùng binh có tôi đi hàng đầu". *Ấy thế mà...*

Và Cao Xuân Huy nói về mơ ước tương lai của riêng ông, cũng là ước mơ của hàng bao nhiêu người khác ở cả hai miền đất nước từ biết bao lâu nay:

Mơ ước? Mơ quá đi chứ anh. Nhưng, đất nước đã thống nhất, đã hòa bình, vậy mà sự thù hận vẫn còn trong lòng của những thế hệ dính dự vào cuộc chiến, nên chuyện tôi mơ ước được sống thoải mái bên cạnh bố trong những ngày cuối đời của ông, vẫn chỉ là mơ ước. ■

văn học có thể làm nhịp cầu hòa giải trong ngoài ngắn lại không?

BÙI VĂN PHÚ

Đọc "Nếu đi hết biển", Trần Văn Thủy, NXB Thời Văn, 2004, 193 trang

Giới sinh hoạt và yêu văn học nghệ thuật Việt Nam biết đến Trần Văn Thủy là một đạo diễn phim tài liệu hơn là một người viết. Từ trước đến nay đạo diễn họ Trần thường đặt câu hỏi cho đối tượng trả lời rồi ghi vào phim nhựa. Hoặc sau buổi chiếu phim, ông trả lời nhà báo, trả lời khán giả về những gì đã thực hiện để họ viết về Trần Văn Thủy.

Từng làm phóng viên chiến trường, theo chân bộ đội miền Bắc vào Nam trong thời chiến và những năm sau này, ông đã thực hiện nhiều phim như *Hà Nội trong mắt ai, Chuyện tử tế, Tiếng vĩ cầm ở Mỹ Lai, Chuyện góc phố*. Lần này, *Nếu đi hết biển* của Trần Văn Thủy không phải một bộ phim mà là một tài liệu viết cho William Joiner Center, đại học Massachusetts Boston, trong đó ông ghi lại ít nhiều về thời thơ ấu của mình, về một người bạn học cũ, về vài phim tài liệu ông đã thực hiện. Ông cũng ghi lại tâm tình, nhận xét về nhiều vấn đề qua cái nhìn của một số nhà văn Việt ở Mỹ: Nhật Tiến, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Thị Hoàng Bắc; một số người từng là lính Việt Nam Cộng Hòa như Cao Xuân Huy, Trương Vũ, Hoàng Khởi Phong. Nhiều đề tài được nhắc đến, từ nguyên do bỏ nước ra đi, đời sống nơi xứ người đến sinh hoạt thương mại, văn học, chính trị trong cộng đồng người Việt, những hoài niệm và hy vọng về quê hương cũ và hai đề tài còn nhiều bức xúc: người Việt ở hải ngoại có được tự do sáng tác? Liệu văn chương có thể là cầu nối mang lại sự hòa hợp, hoà giải cho người Việt Nam ở hai bên bờ biển Thái Bình?

Nhưng tác giả đã rào trước, đón sau ngay trong bài 1 rằng: "Ở đây tôi chỉ ghi chép lại đôi điều tôi nghĩ, tôi thấy, tôi trải qua cùng việc trò chuyện với một số trí thức, nhà văn hải ngoại. Khi con người chỉ muốn trình bày cái sự nghĩ của mình mà phải rào đón là không có khả năng tranh cãi với ai, tự biết đã là hèn lắm rồi". Viết vậy, nhưng người đọc sẽ tìm thấy sự tử tế và lòng can đảm của Trần Văn Thủy trong *Nếu đi hết biển*. Tập sách hứa hẹn sẽ gây tranh luận.

Bài 2, cũng là tựa tập sách: chuyện về một người thím tuy không biết chữ nhưng qua những lời ru, chuyện kể đã trở thành người thầy đầu tiên của tác giả. Từ ngôi làng An Phú, bà thím thuộc địa danh từ làng này qua làng kia,

liền nhau ra tận tới biển. Nhưng khi đứa cháu hỏi: "Nếu đi hết biển thì đến đâu?". Bà thím không biết. Nay tác giả khôn lớn, được ra nước ngoài nhiều và nhận ra rằng nếu cứ tiếp tục đi, sẽ qua biển, qua những châu lục và cuối cùng cũng trở về nơi khởi hành.

Nhưng không phải cứ đi rồi ai cũng sẽ về lại chốn cũ.

Có những người Việt ở Mỹ đã không về lại nơi mình sinh ra và còn ngăn cấm những ai muốn trở về hay làm gì tốt cho quê xưa. Nguyên do, theo Nguyễn Mộng Giác, một nhà văn hải ngoại có tác phẩm được in trong nước, thì người Việt ra đi vào nhiều thời điểm và mỗi người khi đi "mang theo một hình ảnh quê hương khác nhau, và khuynh hướng chung là cố giữ nguyên hình ảnh quê hương ấy như một thứ gia tài riêng, không muốn nó đổi thay".

Trong *Nếu đi hết biển*, Trần Văn Thủy ghi lại chuyện bác Quý kể nỗi vui ở Ba Đình trong ngày 2 tháng Chín 1945 nhưng bây giờ đêm ngủ còn gặp ác mộng, tưởng như vẫn bị giam trong trại cải tạo, dù bác đang sống bên trời Âu; chuyện chị Thúy sống ở miền Bắc trong bao nhiêu năm không được phép nói thật; ghi lời nhà văn Nhật Tiến muốn có những hòa giải trong ngoài và chê khuynh hướng chống mọi thứ mang nhãn hiệu Việt Nam từ du lịch, mặt hàng, ca sĩ, đến những công tác từ thiện là "một thứ đường mòn vô dụng không đem lại một lợi ích nào cho dân tộc nếu không muốn nói là lại còn làm cản trở bước tiến của dân tộc".

Đạo diễn họ Trần trân trọng điều đối tượng thể hiện nên có khi mặc kệ cho câu văn rời rạc, chữ nghĩa không chải chuốt, như lá thư của chị Trần Khánh Tuyết kể chuyện đời mình khi còn là sinh viên cầm cờ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam xuống đường biểu tình phản chiến ở Mỹ thì bị dán nhãn "Việt Cộng", rồi chị lấy chồng Mỹ biết tiếng Việt thì bị nghi ngờ là "xịa" (CIA), còn một người quen của Trần Văn Thủy lại gọi chị là "lực lượng thứ ba".

Có nhà văn Việt ở hải ngoại lên tiếng chê trách một số người có hành động cản trở tự do sinh hoạt và sáng tác của người Việt ở nước ngoài thì chính tác giả cũng than phiền giới làm văn học trong nước cắt xén bài ông viết về học giả Hoàng Xuân Hãn ở những chỗ nhắc đến chính sách cải cách ruộng đất, dù đã được nhà văn Nguyễn Văn Hiền đảm bảo: "Bài của cậu sẽ đăng nguyên xi. Yên chí!". Qua những trang sách, đạo diễn họ Trần không ngại ghi lại những đau khổ của con người, những cản trở do chính sách trong nước, những xách động trong sinh hoạt chính trị cộng đồng làm cho hòa giải trong và ngoài nước vẫn còn là một nhịp cầu dài.

Câu chuyện cảm động nhất là "Một bức thư" của Nguyễn Hữu Đính, người bạn cùng lớp đệ thất B3 trường Nguyễn Khuyến, Nam Định. Hai người đã phải chia tay nhau năm 1954 để kẻ ở Bắc người vào Nam. Đính kể lại đời

mình trong Nam từ ngày di cư. Biến cố 30 tháng Tư xảy đến, nhiều người lính Việt Nam Cộng Hoà tự vẫn, Đính cũng muốn tự tử theo. Khi đi học tập cải tạo ở Phú Quốc, quá tuyệt vọng Đính cũng toan tự tử. Bom đạn chiến tranh không giết chết Đính mà hai lần Đính suýt tự giết mình và mấy lần thoát chết vì vượt biển. Còn Trần Văn Thủy theo bộ đội vào Nam cứ áy náy lo sợ bị bạn mình bắn chết. Bốn mươi tám năm sau hai người gặp lại nhau trên đất Mỹ: "một thằng Việt Cộng, và một thằng Ngụy nằm chung một phòng, chuyện trò râm ran đến tận khuya".

Con người của Trần Văn Thủy, như hôm diễn thuyết ở Đại Học Berkeley vào tháng 1, 2003 có vẻ là một nghệ sĩ muốn yên thân. Ông đã từ chối yêu cầu được phỏng vấn sau buổi chiếu phim ở đó: "Tôi chỉ muốn được yên thân khi về nước". Nhưng sau ba mươi chuyến bay, đi ngang dọc nước Mỹ diễn thuyết, gặp gỡ, trao đổi với nhiều người thì đạo diễn họ Trần lại như không muốn được yên thân mà cho ra đời *Nếu đi hết biển*. Có phải đó là lòng tử tế giữa con người với con người? Hay ông không thể quên lời trăn trối của một đồng nghiệp là phải làm một cái gì đó bắt đầu bằng tình thương yêu hay nỗi đau của con người? Lời trăn trối đó đã là động lực thúc đẩy Trần Văn Thủy thực hiện phim *Chuyện tử tế* và là tác phẩm đã gắn liền với tên tuổi và định mệnh đời ông.

Khi thực hiện những phim *Hà Nội trong mắt ai* và *Chuyện tử tế* trong một xã hội còn khép kín, trói buộc, ông cảm thấy cô đơn và tự nhủ với bản thân: "Sao mày u mê đến thế nhỉ, thần kinh đến thế nhỉ? Đó là những chuyện trời ơi đất hỡi. Rỗi hơi! Mày hãy sống cho yên thân". Nhưng nhờ hai phim đó mà ông được đi nước ngoài dài dài, hết châu Âu, châu Úc rồi qua châu Mỹ.

Nếu đi hết biển ra đời là kết quả sau nhiều chuyến đi trên đất Mỹ. Đọc nó độc giả sẽ thấy nỗi bức xúc về sự hòa giải giữa những người anh em đến nay vẫn chưa có, gần 30 năm sau khi hết bắn giết nhau. Có chăng những gặp gỡ, trao đổi mang tính hòa giải cục bộ mà vẫn phải nhờ sự sắp xếp của người ngoài, nhà văn Wayne Karlin là một thí dụ. Bao giờ có những buổi hội luận dành cho những nhà làm văn học Việt, hoặc gốc Việt, thuộc nhiều khuynh hướng, thế hệ được tổ chức trong và ngoài nước?

Mười năm trước nhà viết sử Trần Quốc Vượng sau thời gian nghiên cứu ở Mỹ về và *Trong cõi* ra đời làm ông phải vất vả đối phó. Nay có đạo diễn Trần Văn Thủy cũng đi Mỹ nghiên cứu rồi viết sách. Liệu ông có được yên thân khi trở về và người trong nước có được tự do tìm đọc *Nếu đi hết biển*? Câu trả lời sẽ giúp cho việc xác định văn học có làm nhịp cầu hòa giải ngắn lại hay không. ■

đọc "nếu đi hết biển" của trần văn thủy

VŨ ÁNH

Khi đọc hết 170 trang sách kể cả cái bìa phía sau in các đoạn trích dẫn của tác giả và của những người được phỏng vấn, tôi cảm thấy băn khoăn. Phải chăng vấn đề được đặt ra trong cuốn sách này quá lớn? Phải chăng tự vấn đề đã là một trở lực cho sự hàn gắn lại tất cả những gì do cuộc chiến và cuộc tranh chấp quốc cộng gây ra?

Cuộc chiến Việt Nam đã tạo ra những chấn động sâu xa hơn chúng ta tưởng. Nó ảnh hưởng đến mọi khía cạnh của đời sống, và quan trọng nhất chính là sự ly tán lòng người đã kéo dài 30 năm qua, chưa hàn gắn được là bao. Thảm kịch này của dân tộc đã được Trần Văn Thủy đặt lên bàn cân qua "Nếu Đi Hết Biển", một hành động can đảm mà ít có tác phẩm văn học nào đề cấp tới trong giai đoạn gần đây. Dĩ nhiên, nó đã và tiếp tục tạo ra những phản ứng cả thuận lẫn nghịch trong dư luận của cộng đồng người Việt hải ngoại, một cộng đồng gồm những cá nhân rất nhạy cảm. Trong một xã hội mà chỉ cần Hoàng Khởi Phong, một cựu sĩ quan Miền Nam Việt Nam đón tiếp và chơi thân với Trần Văn Thủy, một cựu binh Miền Bắc Việt Nam là đã phải đón nhận những bài báo đả kích thiếu sự công bằng rồi, huống chi phải mổ xẻ những cấm kị mà cuốn sách đề cập tới. Sau cuộc chiến, những người lính của hai bên không có quyền chơi thân với nhau chăng? Không chơi với nhau thì thù nhau cho đến bao giờ? Và thù nhau thì có cần thiết gì cho việc người Việt Nam phải viết lại những trang sử tốt đẹp hơn cho đất nước mình không?

Thú thật là hai năm sau khi đến Mỹ, lửa hận trong tôi đối với những kẻ thắng trận vẫn còn. Tôi không thù vì chính quyền Cộng Sản bỏ tù tôi hơn 13 năm. Ngay trong thời gian ở trong các trại tù của họ, tôi bình thản chấp nhận những bất hạnh dành cho phe thua cuộc trong cuộc chiến huynh đệ, nhưng tôi không chấp nhận chế độ Cộng Sản vì nôm na, đó chỉ là một hình thức khác

của những kiểu độc tài trên thế giới này mà thôi. Những lúc bị đánh đập và bỏ đói trong xà lim nơi các nhà tù Cộng Sản năm này qua năm khác, tôi vẫn thường tự hỏi rằng, nếu Miền Nam Việt Nam thắng trận thì điều mà tôi đang phải hứng chịu lúc đó có xảy ra với binh lính Miền Bắc không. Tự vấn như thế rồi tự an ủi rằng, nếu chúng tôi thắng trận, chắc những điều tồi tệ sẽ không xảy ra với sĩ quan và binh lính Miền Bắc. Nhưng rồi sau này sống được vài năm ở Mỹ cùng với một số "người Quốc Gia", tôi thấy họ chẳng khác gì mấy anh cán bộ cộng sản mà tôi gặp trong trại giam, loại người mà Nguyễn Mộng Giác gọi là người chỉ thích "biểu diễn lập trường". Chữ nghĩa ông Giác dùng khó trật vào đâu được, nếu chúng ta chịu khó quan sát những "mặt trận", những "chiến dịch" này nọ diễn ra như cơm bữa ở đây. Họ tập trung vài ba chục người lại, đọc những lá truyền đơn dài lê thê, trương biểu ngữ hạ quyết tâm giải thể Cộng Sản, đạp mặt Hồ Chí Minh, chửi bới những người không đồng quan điểm với mình, buổi tối mặc quần áo đẹp, đi ăn bữa tiệc "đánh dấu ngày phát động" rồi về nhà, vài tuần sau, vài tháng sau ngay cả những người tổ chức cũng không còn nhớ rằng mình đã bỏ quên đứa con "chiến dịch", "mặt trận" này bên lề đường Bolsa rồi. Không cần phải hy sinh gì nhiều, không cần phải đối diện với Cộng Sản, và cũng chẳng bao giờ sợ rằng mình phải quay lại những cánh cổng nhà tù Cộng Sản. Tôi không trách gì họ mà ngược lại hoàn toàn thông cảm với họ vì những cái giá to lớn mà họ cũng như tôi đã phải trả một cách phi lý trong cuộc chiến vừa qua. Nhưng tôi không thể chịu được những cung cách chỉ biết chống Cộng bằng mồm của một số người, thậm chí bằng cả những hành vi đàn áp sự suy nghĩ của những đồng hương khác nếu đã suy nghĩ khác hay đi ngược với suy nghĩ của chính họ.

Chỉ cần nhìn vào bối cảnh và môi trường sinh hoạt như thế cũng có thể đã có một hình ảnh về phản ứng sẽ có của cuốn "Nếu Đi Hết Biển" và tác giả của nó vốn là nhà quay phim, viết truyện và đạo diễn Trần Văn Thủy.

Khi đọc những trang đầu tiên của cuốn sách, rồi dần dần vào những suy nghĩ mà những nhà văn được tác giả trình bày dưới dạng những bài phỏng vấn, tôi hoàn toàn cảm thông với những khó khăn mà ông sẽ gặp phải, nhưng đồng thời tôi cũng biết rằng có rất nhiều người - không thích và không cần phải biểu diễn lập trường - sẽ đón nhận "Nếu Đi Hết Biển" như một luồng gió mới, với những phê phán vấn đề (nếu có) sẽ được đặt ra công bằng hơn.

Tôi xin kể lại một câu chuyện cũ có liên quan gần hơn đến vấn đề mà Trần Văn Thủy đặt ra trong "Nếu Đi Hết Biển".

Đầu Tháng Tư 1973, đám báo chí Miền Nam chúng tôi tháp tùng Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu lúc thăm Mỹ, Đức, Ý, Anh, Nam Hàn và Đài Loan. Chúng tôi đã phải lưu lại Roma, Ý ba ngày sau hành trình đầy mệt nhọc và cay đắng tại Mỹ đã làm cho mọi người gần như muốn quị xuống. Nhưng thủ

đô đầy những thánh tích và tu viện Công giáo này khiến lòng chúng tôi dịu lại mặc dù khắp nơi tại thủ đô, đảng Cộng Sản Ý dán những tấm poster phản đối sự hiện diện của ông Thiệu. Những hoạt động của chính phủ VNCH ở đây rất nhẹ nhàng, phần đông chỉ là những cuộc thăm hỏi xã giao, cộng thêm với một cuộc họp báo truyền hình của Tổng Thống Thiệu và quan trọng nhất vẫn là cuộc gặp gỡ Đức Giáo Hoàng. Trong khi chờ đợi vào Vatican, chúng tôi không phải làm việc nhiều và có nhiều giờ rảnh hơn để lang thang ở công trường Thánh Phê-rô chụp hình và mua một chút kỷ vật. Khi vào một kiosk để mua cuốn Tân Ước khắc trong những miếng gỗ mỏng dính có mùi thơm, người bán hàng vốn là một nữ tu dòng Tiểu Muội hỏi tôi: "*Ông ở đâu tới*?". Tôi đáp "*Miền Nam Việt Nam, Việt Nam Cộng Hòa*". Vị nữ tu buột miệng: "*Á, à tôi biết rồi, xứ các ông ngày nào cũng có bắn giết phải không?*". Tôi hỏi: "*Bà lấy tin tức ở đâu vậy*?". Vị nữ tu cho biết, truyền hình và báo chí Ý ngày nào chẳng loan báo tin chiến sự liên quan đến Việt Nam. Tôi phải giải thích một thôi một hồi, nhưng cuối cùng vị nữ tu người Ý hỏi: "*Tôi không hiểu được tại làm sao mà hai miền Nam Bắc các ông không hòa giải với nhau được, chiến tranh như vậy là quá lâu, dân các ông giết nhau hằng ngày như thế làm sao mà chịu nổi*". Thật tình lúc đó, tôi đành phải im lặng vì không biết giải thích sao cho vị nữ tu người Ý này hiểu được rằng đất nước tôi bất hạnh như thế không phải là người Việt Nam chúng tôi muốn như thế. *Nguồn gốc của cuộc chiến đến từ bên ngoài, nhưng cái oái oăm nhất là điều này thật khó nói giữa chúng tôi với nhau và giữa chúng tôi với thế giới bên ngoài.*

Thế hệ tôi và thế hệ Trần Văn Thủy có độ chênh lệch không đáng kể về tuổi tác. Khi tôi ở tuổi ngoài hai mươi vào lúc đang lang thang trên công trường Thánh Phê-rô thì Trần Văn Thủy cũng đang ở bậc đại học. Độ chín của những suy nghĩ giữa chúng tôi có thể khác nhau nhưng cái chuyện phải đối mặt với chiến tranh như thế nào, thì giống nhau. Và vào những năm tháng Thủy còn vác máy quay xông vào lửa đạn ở chiến tuyến của phía anh ta thì tôi vẫn phải làm cái công việc tường thuật cuộc chiến suốt từ vĩ tuyến 17 vào đến U Minh Thượng cho đài phát thanh chính thức của những chính phủ khác nhau ở Miền Nam Việt Nam. Cảnh mà cả hai phải chứng kiến vẫn là máu xương Việt Nam chan hòa, chỉ có khác khẩu súng cầm trên tay đều không phải của người Việt làm ra và khác ở ý thức hệ. Đối với những người làm công tác tuyên truyền như tôi và Thủy lúc đó, nhận diện cho đầy đủ tính chất tàn bạo của một cuộc chiến không phải là điều dễ dàng. Chúng tôi có những bổn phận với chế độ mà chúng tôi sống với. Tôi được coi là một chiến sĩ tuyên tuyền tác động trên tâm lý của những người bảo vệ "tiền đồn cho Thế Giới Tự Do", Thủy là chiến sĩ tuyên vận có trách nhiệm ghi hình những thước phim để tác động cho những người có sứ mạng "chống Mỹ cứu nước". Chỉ

được trang bị đơn giản như vậy, hai bên chúng tôi như người bị đồng thiếp lao vào cuộc chiến dài gần bằng chiều dài tuổi thanh niên của mình.

Nhưng trước khi tàn cuộc chiến, rất nhiều người giữ vai trò dẫn dắt cuộc chiến đã không hề phải trả cái giá cho sự bất tài của họ, mà người phải trả giá là bọn chúng tôi. Vâng, tất cả là bọn chúng tôi, những con tốt đen, bé mọn nhất của cái tiền đồn chống Cộng đã phải lãnh, có người tới mười bốn, mười lăm cuốn lịch. Chúng tôi bóc những tờ lịch hằng ngày như bóc đi tất cả tuổi trẻ, sức lực, cơ bắp, trí não của mình đi. Chúng tôi đếm được khoảng cách giữa thần chết và chúng tôi đang được thu ngắn dần khi nhìn thấy những bắp thịt ngày một teo đi, những mảng da ngày một mục thêm vì thiếu ăn và bệnh tật. *Cái giá đó, chỉ cho tôi một điều lợi duy nhất là khi da thịt mất dần đi thì óc tôi sáng suốt hơn, nhìn thấu con đường mình đã đi qua, để mà nhận ra điều mình tin thật ra chỉ là sự phỉnh gạt.*

Ra khỏi tù, nhờ bốn năm sống thực với chế độ cộng sản, với cái nghề chân tay, bán sức lao động mà sống, *tôi hiểu rằng nhiều người ở phía đối phương của tôi trong đó có Trần Văn Thủy, cũng bị cho ăn bánh vẽ. Mấy chục triệu dân cũng đã bị vài ngàn nhà "lãnh đạo ưu việt của chủ nghĩa xã hội Việt Nam" lừa dối với những trò còn thô bỉ hơn nhiều.*

Cuối cùng, sau khi làm chết ba triệu người và khi dân chúng đã trở thành vô sản thật thì lớp tư bản đỏ xuất hiện. Cuốn phim tài liệu "Chuyện Tử Tế" của Trần Văn Thủy vì thế đã trở thành bản cáo trạng đối với những kẻ lường gạt dân chúng và oái oăm thay bản cáo trạng ấy lại khởi đầu bằng một câu của Karl Marx: "*Chỉ có loài thú mới quay lưng lại với đồng loại để chăm lo cho bộ da của mình*".

Phải là một người can đảm và còn một tấm lòng, Trần Văn Thủy mới dám thực hiện những tác phẩm sống động như thế trong lòng một chế độ mà kinh nghiệm sống của ông giúp ông biết chắc là khó tránh được rục xương trong khám lạnh. Cũng may Đại Hội Điện Ảnh Leipiz (Lai-Xích) cuối cùng của khối Đông Âu tại Đông Đức đã giúp ông thoát được cảnh gông cùm trong nhà tù nhỏ, nhưng những khốn đốn trong nhà tù lớn Việt Nam lúc đó cũng không thiếu những đau đớn, tủi hổ về tinh thần.

Thế còn **"Nếu Đi Hết Biển"**?

Có người cho rằng đây không phải là một tác phẩm nghiên cứu vì thiếu tính chất của phương pháp học. Với tư cách là một độc giả, tôi không quan tâm đến phương pháp học (methodology) theo đòi hỏi của các công trình nghiên cứu, mà chỉ quan tâm đến hơi thở của tác phẩm, những vấn đề vẫn còn nóng hổi và cấm kỵ được đặt ra trong bối cảnh cộng đồng tị nạn còn nhạy cảm ở Hoa Kỳ. Thời gian cách đây 10 năm, 20 năm những suy nghĩ được nói ra một cách thẳng thắn như Nhật Tiến, Cao Xuân Huy, Nguyễn Mộng Giác,

Trương Vũ, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Wayne Karlin có thể nhận lãnh sự trừng phạt thô bạo bởi những người Việt cực đoan. Có một thói quen ở trong cộng đồng của người Việt hải ngoại: đó là, không biết ai đã vạch ra sẵn những cái khung, ai không chịu biểu diễn lập trường chống Cộng trong những chuẩn định thì không phải là người Quốc Gia. Mà ngay cả từ ngữ Quốc Gia cũng được định nghĩa khá kỳ cục và được ban phát tùy theo cảm tính yêu, ghét của một nhóm người.

Cho nên tác phẩm của Trần Văn Thủy có người khen, có người chê cũng là chuyện thường tình thôi. Trong hoàn cảnh này, khen thì khó, mà chê và kết tội thì dễ dàng. Bởi vì chê thì được công kênh bởi một số đồng hương vốn cần nhu cầu phải biểu lộ lập trường, còn khen thì sẽ lãnh búa rìu.

Dài dòng như vậy cũng chỉ là cái cớ vẽ lại bối cảnh ra đời của "Nếu Đi Hết Biển". Đề tài và những vấn đề được đặt ra trong tác phẩm không có gì mới mẻ cả. Có chăng là nó được nói ra một cách thẳng thắn, không hề che giấu, không hề sợ phạm húy, phạm những điều cấm kỵ. Tôi cho rằng Trần Văn Thủy và những nhân vật của ông dám nói thẳng vì lòng họ ngay thẳng, và vì niềm tin vào vị trí của sự thật trong tất cả câu chuyện và trong mọi vấn đề được bàn tới. Hãy đọc những dòng sau đây của Trần Văn Thủy:

"Giờ đây trên đất Mỹ, tiếp xúc với cộng đồng người Việt, tôi không khỏi băn khoăn về cái điều tâm huyết tôi nói bên một thím tôi: [...Nếu đi hết biển, qua các đại dương và các châu lục, đi mãi, đi mãi thì cuối cùng lại trở về quê mình, làng mình] *Tôi không biết trong lịch sử thịnh suy của đất nước tôi, có thời điểm nào, hoàn cảnh nào dẫn đến sự ly tán lòng người sâu thẳm, dẫn đến việc hàng triệu người chạy ra biển ly hương bất cần mạng sống đến thế không. Nhưng tôi biết rất rõ, không ít người Việt xa xứ qua các đại dương và các châu lục, đi mãi, đi mãi mà cuối cùng không thể trở về quê mình làng mình được..."*

Thật ra, theo tác giả Trần Văn Thủy, "Nếu Đi Hết Biển" chỉ là lấy ý của một bộ phim mà Trần Văn Thủy thực hiện theo tài trợ của Bộ Văn Hóa Nhật Bản nhan đề "Có Một Làng Quê". Nhưng chủ đề mà ông đặt ra cho cuốn sách mới chỉ là một tiếng thở dài sau cuộc biển dâu vô lý. Sau tiếng thở dài ấy là một loạt những vấn đề lớn: hậu quả của cuộc chiến tranh tương tàn, ly tán, thù hận tiếp tục được khơi rộng không phương hàn gắn, những nỗ lực hòa giải hàn gắn bị ngộ nhận. Nội dung câu chuyện trong "Một Bức Thư" là một bức họa với nhiều khối mầu xám của một đất nước bị chia cắt, và sự chia cắt ấy dẫn tới nhiều hoàn cảnh đáng buồn cho một dân tộc. Nó giống như câu chuyện tại một trại tù mà tôi có dịp đi qua những ngày đầu tiên sau khi miền Nam sụp đổ: trại tù B-5 Tân Hiệp, Biên Hòa. Tôi ở chung với một số sĩ quan và binh lính của Sư Đoàn 18 Bộ Binh bị bắt làm tù binh. Cái oái oăm là một trong số

những sĩ quan này có một ông anh ruột tên là Bé lại là một cán bộ trông coi về an ninh cho trại giam này. Không biết có phải Bé có một người em là sĩ quan ở phía đối phương đang bị giam ở trại giam này mà anh ta rất tốt với đám tù nhân chúng tôi. Bé mang cấp bậc Thượng Úy và anh ta thường hay la cà vào trước buồng giam của chúng tôi nói chuyện. Bé thường nói như phân bua: *"Thôi cố gắng học tập tốt đi rồi về. Tình huống nầy thì phải chịu thôi chứ biết sao. Nếu như tôi không ở lại với nội tôi ở trong làng mà theo ba má tôi về Biên Hòa thì nay tôi cũng giống như thằng em tôi và các anh mà thôi"*. Tôi không tin là trường hợp gia đình Bé bị phân ra hai chiến tuyến là trường hợp duy nhất. Ngay cả gia đình bố mẹ tôi cũng vậy. Ông bà nội tôi có ba con trai và hai gái. Kể cả năm người đều theo kháng chiến chống Pháp, nhưng đến năm 1949 bố tôi đành bỏ kháng chiến về Hải Phòng. Khi đất nước bị chia cắt, bố tôi di cư vào Nam. Thế là trong suốt 21 năm, anh em chúng tôi và những người anh em con của chú, bác, và cô chúng tôi đứng ở hai chiến tuyến khác nhau. Nhưng việc hội ngộ sau ngày 30 tháng Tư 1975 giữa bố tôi và các chú, cô, bác tôi vẫn nhuốm vẻ cay đắng cho mãi tới một năm trước khi bố tôi mất. Ngược lại, các cuộc gặp giữa chúng tôi và các anh chị em họ chú bác của chúng tôi suôn sẻ hơn. Một tháng sau khi tôi ra khỏi nhà tù, anh chị em họ tôi lần lượt vào Sài Gòn thăm tôi. Tôi nghĩ có lẽ chúng tôi bị vướng mắc vào cuộc kháng chiến chống Pháp, vào những chuyện bỏ đi hay ở lại với Việt Minh và chỉ trở thành đối phương của nhau khi tất cả ở hai miền đều bị gọi động viên và cầm súng. Hết chiến tranh, tôi ở tù về cũng phải lao đầu kiếm sống với nghề lao động chân tay, anh chị em họ tôi cũng không hơn gì. Giải ngũ ra thì cũng phải làm thợ làm thuyền hay buôn chui bán lậu để kiếm sống.

Người gây ấn tượng nhất cho những cuộc gặp gỡ của gia đình tôi chính là chị Thắm con bác cả Thắm tôi. Chị là người chăm bẵm tôi từ thời tôi còn ấu thơ. Trong tất cả các cuộc gỡ với những người anh em con chú con bác, chỉ có cuộc gặp giữa tôi và chị Thắm là có nhiều nước mắt nhất. Chuẩn bị cho chuyến đi từ Bắc và Nam thăm tôi, chị đã phải tiêu gần hết số tiền dành dụm lương hưu của một giáo viên cấp ba để mua được cho tôi vài hộp sữa, một ký đường và vài bánh thuốc lào Tiên Lãng. Đứng giữa những người trong gia đình, lần đầu nhìn thấy tôi như có linh tính, chị nhào tới cầm lấy tay tôi và hỏi: *"Bé của chị phải không?"* (Bé là tên thường gọi ở nhà ngay cả khi tôi đã trưởng thành, bố mẹ tôi cũng chỉ gọi tôi là Bé chỉ khi nào giận bố tôi mới gọi: Ánh, mày ra đây bố cần nói chuyện). Nghe chị Thắm hỏi là tôi đã òa khóc như một đứa trẻ. Mối liên lạc giữa chị em chúng tôi sau khi chị về lại Miền Bắc chỉ qua thư từ cho đến khi chị mất vì tai biến mạch máu não vào sau Tết 1992.

Tháng Ba 1992 tôi đến Hoa Kỳ, bận rộn với cuộc sống mới, kỷ niệm về

chị Thắm như đã ngủ yên trong tiềm thức. Nhưng nó bật sống dậy rất sinh động sau khi đọc câu chuyện của Cao Xuân Huy trong "Nếu Đi Hết Biển". Bố con Cao Xuân Huy ở hai chiến tuyến khác nhau do những éo le của lịch sử khi đất nước chia đôi và khi gặp lại thì cũng là thời điểm Cao Xuân Huy ở trong hàng ngũ người thua cuộc và thân phụ Cao Xuân Huy là cụ Cao Nhị ở phần đất thắng cuộc. Huy kể:

"Lần đầu tiên hai bố con gặp nhau là cuối năm 79 khi tôi ở trại tù Bình Điền, Huế. Lúc đó tôi đã được "ra lệnh tha" vì hết khả năng lao động, nhưng vì sát với ngày lễ nên bị giữ lại trong tù, nhập vào toán lao động nhẹ để không bị cắt phần ăn. Đang lao động thì cán bộ trại sai tôi vác ghế vào nhà thăm nuôi, khi gần đến nhà thăm nuôi tôi bỗng nghe có tiếng hỏi phía sau lưng: Beng đấy hả? Tôi giật mình, chỉ có những người trong gia đình mới biết cái tên cúng cơm này. Tôi quay lại, một ông già tay khoác túi vải, tay cầm cái điếu cày, từ một nhánh đường mòn nhỏ ven đồi bước ra, lững thững đi sau lưng tôi. Nhìn ông, tôi biết ngay là bố mình anh ạ. Nước mắt tôi tự nhiên ứa ra, cổ họng khô đi và như bị nghẹn, không nói được gì... Cho đến bây giờ tôi vẫn tự hỏi làm sao chỉ nhìn từ sau lưng mà ông cụ nhận ra Thằng Beng, thằng con ông mới chỉ bế trên tay có một lần trong đời, lúc đó mới được vài tháng..."

Vâng, câu chuyện của thằng Beng ấy đã có thể làm dấy lên trong lòng tất cả những ai từng trải qua sự ly tán, rồi đoàn tụ trong hoàn cảnh oái oăm của đất nước những kỷ niệm, tưởng rằng đã quên, nhưng thật ra nó vẫn sống mãi trong tiềm thức của mỗi người. Trần Văn Thủy cũng vậy. Ông cũng có những người bạn nối khố từ thuở học trò cần phải tìm và ông đã tìm được qua những thư đăng báo. Người bạn ấy, Nguyễn Hữu Đính di cư vào Nam, Trần Văn Thủy ở lại và trở thành đối phương của nhau khi họ cùng nhập ngũ. Sau chiến tranh, Đính đi tù, trở về sang định cư tại Pháp vì có vợ quốc tịch Pháp, rồi lại xin di dân qua Canada. Trần Văn Thủy tiếp tục làm phim. Họ gặp lại nhau tại Boston. Trần Văn Thủy đã viết lại:

"Cái đêm hội ngộ hiếm hoi trong đời sau gần nửa thế kỷ chờ đợi ấy, một thằng Việt Cộng và một thằng Ngụy nằm chung một phòng, chuyện trò râm ran đến tận khuya. Tôi không ngủ được. Chẳng vì những kỷ niệm xa xưa thời học trò với bạn tôi sống lại. Chẳng hẳn vì chuyện Đính từng tự tử trong trại cải tạo. Cũng chẳng hẳn vì những lần tôi suýt chết trong các trận chiến ác liệt. Mà tôi cứ hình dung ra một sự hoán vị rất có thể xảy ra giữa hai chúng tôi. Tôi giả định rằng vào cái thời điểm năm 1954, thầy mẹ tôi không vì sự ràng buộc với quê cha đất tổ hoặc vì có sự rủ rê mà kéo bầy con cái di cư vào Nam thì trở thành ngụy là điều khó tránh khỏi. Còn gia đình bạn tôi vì một lý do nào đó mà ở lại miền Bắc thì bạn tôi trở thành Việt Cộng là cái chắc. Chúng tôi hoàn toàn không có ý tránh né chuyện chính trị, không có mảy may

gượng gạo nào mà tự nhiên đến hồn nhiên nối lại tình bạn thuở học trò thơ ngây ngày nào. Tự sâu trong đáy lòng tôi và bạn tôi đều yên ả và rất thanh thản và tôi còn nhận ra một điều may mắn rằng cuộc đời con người ta chỉ là một chớp mắt mà ông trời đã cho mình như vậy là quá nhiều".

Những nét chấm phá mà Trần Văn Thủy, Nguyễn Hữu Đính, thằng Beng, chị Thắm của tôi hòa quện vào những tai ương lịch sử chưa đủ để làm nổi hiện cái nhu cầu cần có sự thay đổi trong nếp suy nghĩ hiện nay của người Việt Nam ở cả hải ngoại lẫn ở trong nước, một điều mà tôi coi là tiền đề cho chuyện hàn gắn giữa những người Việt Nam với nhau. Nhưng còn câu trả lời và những suy nghĩ của các nhà văn Hoàng Khởi Phong, Nhật Tiến, Trương Vũ, Nguyễn Thị Hoàng Bắc thì sao? Nếu không đọc cho kỹ tất cả những câu trả lời này từ A đến Z, người đọc có thể ngộ nhận với một hoài nghi: sao họ chỉ nói xấu phía mình mà không nói tới bên kia. Thật ra thì những nhà văn, những người mà Hoàng Khởi Phong cho rằng có bổn phận viết ra những tác phẩm *"thể hiện đời sống trên mặt giấy"* và dùng để làm lớn dậy con người chứ không phải để phục vụ cho thị hiếu tầm thường của con người, không cần phải có một biện minh chính trị nào cho họ cả. Và khi đã gọi là người cầm bút thì người đó cũng chẳng cần phải tự đặt trong đầu mình một guồng máy tự kiểm duyệt nào theo thị hiếu chính trị nếu họ tin rằng suy nghĩ của mình là đứng đắn. Vì thế cần phải nhìn những chê trách của họ đối với những hiện tượng xu thời tại cộng đồng người Việt hải ngoại cũng như ở trong nước. Chẳng hạn trong cộng động người Việt ở hải ngoại trước khi viết một điều gì hơi nhạy cảm một chút là phải hô khẩu hiệu chống Cộng trước, cũng như nhiều cây viết ở trong nước cũng cần phải mô tả phía Miền Nam Việt Nam trước đây không làm được một điều gì tốt cả trước khi cần trình bày hay khuyến cáo về một vấn đề cốt lõi.

Thế là nghĩa lý gì và tại sao cả hai bên đều vẫn còn khá nhiều hiện tượng phải biểu diễn lập trường. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác đưa ra cái nhìn của ông:

"Ở trong nước thì dễ hiểu rồi, nhưng ngoài này do nhu cầu tâm lý... Mỗi người Việt Nam tha hương đều mang theo hình ảnh quê hương riêng và không muốn thay đổi hình ảnh ấy. Đối với những người gốc Miền Nam đã ra đi vì không thể sống dưới chế độ Cộng Sản thì hình ảnh ấy thật là bi thảm. Nó có vẻ nghịch lý nhưng là thực tế: nhiều người Việt ở nước ngoài không mấy vui khi Việt Nam thay đổi, khi nghe đời sống của người Việt trong nước thăng tiến so với trước, và họ không muốn nghe, không muốn có sự thay đổi đó..."

Rồi một câu hỏi khác được đặt ra không những với Nguyễn Mộng Giác, với Hoàng Khởi Phong, với Trương Vũ hay Nguyễn Thị Hoàng Bắc mà còn

với tất cả những ai cầm bút: "biểu diễn lập trường là một căn bệnh trầm kha, nhưng trong chốn riêng tư của những người thầm lặng thì căn bệnh này có thuyên giảm không?"

Nếu nói không thì không ai có thể giải thích được sự tan rã của khối Cộng Sản Liên Xô, không ai có thể giải thích được hiện tượng phản kháng trong giới văn nghệ trong nước. Khi tôi đi tù về thì cuốn phim tài liệu "Hà Nội Trong Mắt Ai" của Trần Văn Thủy đã bị cấm. Nhưng với vài chục ngàn để dành được trong những tháng đầu đổ mồ hôi đạp xích lô, tôi đã xem được trọn bộ phim này, tôi đã có được bản sao video Đoàn Kịch Hà Nội trình diễn vở *"Hồn Trương Ba Da Hàng Thịt"* của Lưu Quang Vũ, tôi vẫn có thể mua lậu được tác phẩm đã bị cấm vào lúc đó của Dương Thu Hương là cuốn *"Những Thiên Đường Mù"*, những truyện ngắn, truyện dài của Nguyễn Huy Thiệp với văn phong như những vết dao sâu hoắm để lại trên thân thể của cả một nền văn nghệ, văn học *có lập trường và tính Đảng*. Và gần đây nhất, Hoàng Khởi Phong có tặng tôi một bản sao DVD cuốn phim tài liệu *"Chuyện Tử Tế"*, một phim bị cấm chiếu, một phim mà lúc còn ở trong nước, tôi đã đề nghị một viên chức tại Viện Phim Tư Liệu trên đường Phan Kế Bính một món tiền khá lớn vào cuối năm 1989, ông ta cũng không dám cho tôi xem.

Tôi phải xem lại cuốn phim này vào tuần trước đến ba lần, mời một số bạn tù khá cực đoan và khá thân của tôi đến xem. Cuốn phim với những lời dẫn truyện sâu sắc và văn chương của Trần Văn Thủy, kèm với những hình ảnh thảm hại trong cuộc sống người dân trong chế độ xã hội chủ nghĩa, *cuốn phim như một bãi nước bọt khinh bỉ hất vào mặt tất cả những chế độ nào khắc nghiệt sống trên xương máu của người dân. Độc tài Quốc Gia hay độc tài Cộng Sản thì cũng giống nhau. Dưới những chế độ như thế, những điều bình thường như cần đối xử với nhau cho tử tế mà còn phải nhắc nhở.*

Và như lời Nguyễn Mộng Giác, *"chúng ta đang ở mê lộ ghê gớm như thế tại sao chúng ta không hay biết gì cả"* và vì thế "Chuyện Tử Tế" của Trần Văn Thủy là một thức tỉnh quí giá. Phải là người can đảm trong bối cảnh của xã hội Việt Nam vào những năm sau thập niên 80, Trần Văn Thủy mới dám làm những thước phim như vậy. Hoàn cảnh làm phim lúc đó của ông không giống với hoàn cảnh của người chuyên môn vác hình nộm Hồ Chí Minh trong các cuộc biểu tình ở quận Cam này và yêu cầu mọi người đạp mặt để chứng tỏ lập trường chống Cộng.

Đạp mặt Hồ Chí Minh ở đây thì an toàn, được bảo vệ và được công kênh, nhưng nhổ nước bọt vào mặt chế độ ở Việt Nam thì sẽ không thể có những điều kiện an toàn ấy. Trần Văn Thủy thoát được tù đầy cũng là nhờ Hà Nội, lúc phim "Chuyện Tử Tế" lọt ra ngoài và được Đại Hội Điện Ảnh của khối Đông Âu công chiếu khai mạc, tác giả của bộ phim đã được dư luận thế giới

nói tới và thời điểm ấy Hà Nội đã dóng trống khua chiêng "đổi mới tư duy" rồi. Hơn nữa bỏ tù một người đã được giới điện ảnh quốc tế lúc đó biết tới không có lợi cho chế độ.

Trương Vũ, không những nhà văn mà còn là một khoa bảng và đã đóng góp hữu ích trí tuệ của mình trong lãnh vực khoa học không gian cho đất nước đã cưu mang ông. Bằng tất cả những cố gắng có thể làm bàng hoàng bất cứ ai nghe chuyện, nhà văn Trương Vũ đã tìm được cho ông và gia đình một con đường để đi trong hoàn cảnh mới, thích ứng được với xã hội hiện tại mà không làm mất tính chất Việt Nam. Ông quan niệm là người trí thức thì không thể viết mà cứ phải lách và không ưa lối suy nghĩ cực đoan của một số nhà chính trị và văn nghệ ở hải ngoại cũng như trong nước. Với Trương Vũ, không nên trốn tránh những sự thật, dù sự thật có phũ phàng, có chua chát. Dường như bị dẫn dắt vào cơn mê lộ của thù hận, nên người Việt Nam dù ở trong nước hay ở hải ngoại không dễ gì bỏ được những mối hoài nghi lớn trong mỗi vấn đề được đặt ra. Cho nên, cuộc chiến đã chấm dứt 28 năm rồi mà những mâu thuẫn giữa người Việt với nhau vẫn còn trên đất nước Việt Nam, trong các cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại và có khi còn ở trong mỗi con người chúng ta. Nhưng có một điểm đáng chú ý trong nếp suy nghĩ của ông. Ông cho rằng bẩy tám năm trước đây ở vùng Hoa Thịnh Đốn có những cuộc biểu tình chống đồng hương gởi tiền hay về thăm nhà và cho đó là hành động thiếu quyết tâm chống Cộng, tiếp tay nuôi dưỡng chế độ Cộng Sản. Người biểu tình khoảng 100, nhưng số tiền gởi về là 2 tỷ, số đồng hương về thăm quê hương cũ vào những năm đó là 200,000, cứ mỗi năm một tăng lên. Trương Vũ cho biết ông không tin rằng những người này đều thương yêu chế độ chính trị hiện thời tại Việt Nam. Nhưng họ thương yêu gia đình còn lại của họ, đồng bào và đất nước của họ. Ca sĩ từ Việt Nam sang trình diễn bị biểu tình bên ngoài nơi trình diễn, nhưng thường thì bên trong đông hơn nhiều. Họ không hát gì khác hơn ngoài tình ca như ca sĩ hải ngoại thường hát. Nhưng nhà văn Trương Vũ nhấn mạnh: *"Một mặt nào đó, tôi thích sự khác biệt trong những phản ứng, nó đem lại sự đa dạng cho đời sống, miễn là đừng dùng vũ lực hay bất cứ hình thức nào để đe dọa buộc người khác suy nghĩ giống mình"*.

Những hiện tượng mà nhà văn Trương Vũ nêu ra chỉ là chuyện nhỏ và ngày nay tác dụng của những cuộc biểu tình đại loại như nêu ở trên cũng không còn đáng kể gì. Nhưng những nỗ lực để ngăn chặn hòa giải của những người có quyền và thắng trận ở Việt Nam vẫn còn đáng kể. Lẽ ra, những hận thù và mâu thuẫn giữa anh em đã phải được kết thúc ngay sau khi chiến tranh huynh đệ kết thúc. Sau 30 tháng Tư 1975 là trại cải tạo, là đổi tiền, là kinh tế mới là chế độ khẩu phần, sự đối xử phân biệt, rồi cả triệu người Việt lại phải nhào xuống biển bất kể phải làm mồi cho cá hay hải tặc. Không thấy có bao

nhiêu giọt nước mắt dành cho họ mà chỉ thấy từ những người cầm quyền Việt Nam lời kết án thô bạo. Sau bất cứ cuộc chiến nào, người thắng trận dễ chìa bàn tay hòa giải ra nhất, nhưng họ đã không làm điều đó mà còn làm ngược lại. Lần trở lại Việt Nam thăm nhà lần đầu, gặp lại tất cả các đồng nghiệp giáo học, những học trò cũ của ông nay đã thành người, sống vẫn giữ được nhân cách giữa một xã hội cứ mỗi ngày một đọa lạc và tan nát thêm, và nhất là tình cảm thầy trò vẫn còn chan hòa, ông cảm động vô cùng. Ông cho rằng nó đã củng cố niềm tin vững mạnh nơi ông: hòa giải không thể là một tiến trình có tính chất áp lực và cưỡng bức, mà đó là một tiến trình tự nhiên của một dân tộc bị chia cắt khi nhu cầu đó đã chín mùi. Thực ra, nếu thiếu sự hậu thuẫn chính trị và sự cổ võ, nỗ lực này khó hơn và phức tạp hơn. Tuy nhiên, nó có thể dễ dàng hơn nhờ tình đồng bào và tánh không thù dai của người Việt Nam và Trương Vũ nhấn mạnh: *"Đúng ra, vấn đề hòa hợp hòa giải không nên còn là một vấn đề lớn của người Việt. Cứ đến với một con người chỉ vì cá nhân người đó, anh có thể thương, anh có thể ghét, nhưng chỉ vì cá nhân người đó thôi, không vì những nhãn hiệu gắn lên cho anh ta. Tốt hơn nữa, anh nên kính trọng sự khác biệt, khác biệt do hoàn cảnh, do giáo dục, do tôn giáo và đặc biệt do sự lựa chọn chính trị của cá nhân"*.

Dường như không mấy ai trong số những nhà văn Việt Nam ở trong các cộng đồng Việt ở Hoa Kỳ còn giữ được tính độc lập của ngòi bút, tránh hùa theo đám đông, đều không ít thì nhiều cũng đã mang trong tâm hồn mình những vết thẹo gây ra bởi những nỗ lực của những kẻ hoang tưởng muốn đặt ra một cơ quan kiểm duyệt vô hình lên tất cả những sinh hoạt chính trị. Không ít người đã từng đặt vấn đề tự do sáng tác và đã nhận chịu những lời thóa mạ đầy thương tổn. Trong "Nếu Đi Hết Biển", Trần Văn Thủy lại đưa vấn đề này ra đối với nhà văn Hoàng Khởi Phong và câu trả lời của nhà văn này là:

"Tự do hay không là chính ở người viết, hãy cứ nhìn thật sâu vào cõi lòng mình, không e dè, không húy kỵ, và phải viết cho thật hay, thật tới. Đừng bao giờ viết mà lúc nào cũng nơm nớp sợ có ông chính ủy ngồi chễm trệ trước mặt hay ông cộng đồng lấp ló phía sau. Nếu ở trong nước thì chẳng thà im lặng không sáng tác như Văn Cao, còn hơn là viết ngàn bài ca 'cúng cụ'. Còn ở hải ngoại thì không bị một ai dí súng vào màng tang bắt viết thì hà cớ gì mà phải vừa viết vừa cảnh giác đề phòng cộng đồng biểu tình chống đối. Tôi nghĩ là hải ngoại này, chúng tôi tự do sáng tác, nhưng với tôi điều quan trọng hơn chính là phải viết như thế nào, thỉnh thoảng trong lúc viết có phải đứng phắt dậy hô khẩu hiệu hay không".

Vâng, không ai có thể cấm một nhà văn hay một nhà báo viết ra những suy nghĩ của mình ở ngay cả ở một đất nước đang phải sống dưới chế độ độc tài Cộng Sản, bởi vì cấm thì họ chui, họ lách, họ tìm cách để cho tác phẩm lọt

ra in tại những nơi không bị cấm. Đã có bao nhiêu nhà văn nhà báo khốn đốn và bị giết dưới nhiều thể chế độc tài khác nhau trên thế giới này, ấy vậy mà những tác phẩm của họ có bao giờ bị che khuất trong bóng tối vĩnh viễn đâu. Sống trong chế độ độc tài, viết ra được điều gì ra khỏi những cái khung được ấn định trước đã khó rồi, chuyển nó ra khỏi nước để phổ biến sẽ còn phải leo thêm biết bao nhiêu núi đồi nữa, có khi phải trả cái giá bằng sinh mạng của mình, chứ tù đầy là chuyện đương nhiên rồi. Vậy thì khi đã được cái may mắn sống trong một đất nước được tự do viết mà không hề phải lách, phải chui, phải đổi với cái giá của tù đầy, thì tại sao trước khi ngồi vào bàn viết, một nhà văn hay một nhà báo lại tự nặn ra một ông kiểm duyệt dữ dằn ngồi trước mặt mình. Những người muốn kiểm duyệt tư tưởng của một người khác trên xứ Mỹ này trước hết họ đã vi phạm vào pháp luật và hiến pháp của nước Mỹ. Thứ nữa, là sau khi phải trả giá bằng tù đầy, sau khi phải trả giá của sự chết trên các chuyến hành trình vượt biển Đông để tìm ra đất sống trong đó nhân cách con người được tôn trọng, thì có một số người lại chối bỏ cách sống tự do để chọn cách sống thiếu nhân cách của bọn cường quyền nơi quê hương cũ của mình. Theo tôi đây là điều đáng buồn và đáng xấu hổ nhất, đó là chưa kể cái kiểu phản đối nhắm vào cơ sở làm ăn thương mại của những người mình không ưa vì cách hành sử tự do của họ, hoặc làm cho đối tượng mà mình muốn kiểm soát mất việc làm. Nói tóm lại đã bao lâu nay, trong cộng đồng người Việt tự do ở Mỹ, nhà văn nhà báo được tự do viết, tự do sáng tác, nhưng cũng không thiếu gì nhà văn nhà báo phải trả cái giá cho những suy nghĩ mới mẻ, cấp tiến và hòa bình của mình bằng sự lăng mạ, bằng những trò côn đồ, chụp mũ, bóp méo. Tôi không nghĩ là cả một khối người thầm lặng, ôn hòa còn nhiệt tình muốn làm những chuyện đẹp đẽ cho người tị nạn Cộng Sản cứ làm ngơ mãi cho một nhóm thiểu số, rất thiểu số, múa may trong những cơn đồng thiếp, mượn danh chống Cộng để làm những trò không khác gì những trò mà nhà cầm quyền Cộng Sản đang áp dụng với các nhà văn, nhà báo, và những người đối lập trong nước.

Lẽ ra, trong cộng đồng người Việt tị nạn ở Mỹ này, đã không còn phải nhắc đến chữ tự do sáng tác nữa, thế những thực tế thì vẫn còn, chỉ vì trong cộng đồng vẫn còn một thiểu số ít ỏi ôm khư khư tinh thần quân phiệt, học phiệt. Trong "Nếu Đi Hết Biển", khi đã đọc được những lời khẳng định vinh danh tự do như Wayne Karlin, Khánh Tuyết, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, chúng ta lại nghĩ đến một nhà văn mà anh em vẫn gọi là người đi trước thời cuộc nên bị "lãnh quả", đó là Nhật Tiến.

Nhắc đến ông, tôi còn nhớ lại một chuyện xảy ra đã lâu. Một năm trước (1967), luật sư Trương Đình Dzu bị bị bắt và bị lôi ra trước tòa án chỉ vì ông ta đã yêu cầu chính quyền VNCH nên thương lượng để tìm một giải pháp hòa

bình với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam Việt Nam để chấm dứt cuộc chiến tương tàn. Khi ông Dzu đã nằm yên ở Côn Sơn rồi, ngày 2/11/1968, cả hai ông Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ phải ra trước Quốc Hội Lưỡng Viện VNCH để đọc bài diễn văn loan báo Miền Nam Việt Nam chấp nhận ngồi vào bàn hội nghị với Cộng Sản tại thủ đô Pháp. Nhà giáo và nhà văn Nhật Tiến đã có những suy nghĩ ngược lại khuynh hướng cực đoan trong cộng đồng (đại để như chủ trương không du lịch về Việt Nam, không gởi tiền về trợ giúp thân nhân cũng như các công tác từ thiện, không tiêu thụ những sản phẩm gởi ra từ trong nước). Trong cuộc trả lời phỏng vấn trong tác phẩm "Nếu Đi Hết Biển", nhà văn Nhật Tiến đã nói rõ quan điểm của ông là ông thông cảm tâm trạng của những người chủ trương cứng rắn đó, nhưng ông thấy rằng chủ trương cứu nước này của một số người là con đường mòn vô dụng và cho đến bây giờ ai cũng đã thấy là nó vô dụng thật. Những suy nghĩ chính trị và việc trở về thăm quê hương cũ của ông là quá sớm như ông đã xác nhận, nhưng đó không phải là cái tội để có thể khoác cho ông cái áo Cộng Sản một cách nhỏ nhen như thế. Lúc Nhật Tiến trở lại Việt Nam, là lúc tôi vừa từ trại tù trở về và đang sống bằng nghề xích lô. Những lúc ấy tôi rất muốn gặp ông không phải là để khuyến cáo ông không nên về, nhưng là để nhờ ông một chuyện, đó là khi trở lại Mỹ ông nhắn tin giùm cho vợ một người bạn tù của tôi. Người bạn tôi ra tù trước, bà vợ và mấy đứa con đã vượt biên, nhưng anh ta không hề biết tin vợ con mình ra sao. Anh ấy muốn tìm biết tin tức là để yêu cầu vợ anh gởi cho anh thuốc trị lao vì anh đang bị lao rất nặng. Thuốc chống lao thì ở Sài Gòn còn ê hề ở khu chợ trời Trần Văn Thạch, Trần Quang Khải Tân Định, nhưng phải có tiền. Bạn bè, người nào cũng nghèo cả có đóng góp cũng không bao nhiêu. Chỉ cần vợ anh gởi cho anh vài trăm đô la là có thể cứu mạng sống của anh rồi. Nhưng tôi không gặp ông Nhật Tiến được, mà khi sang đây rồi, tôi hiểu rằng có gặp ông, ông có nhắn tin chắc cũng không kiếm ra người vợ của bạn tôi. Cô ấy đã có một gia đình khác.

Tôi viết lại chuyện này chỉ để gợi nhớ rằng, Nhật Tiến lúc đó đã có suy nghĩ không sớm đâu, đúng lúc đấy. Bởi tôi đã chứng kiến không biết bao nhiêu cảnh đời ở Sài Gòn, không kiếm ra việc làm và có khi không được nhà cầm quyền để cho làm, hằng tháng hồi hộp chờ đợi người giao tiền gởi từ Mỹ đến gõ cửa như thế nào, y hệt cảnh "trông mẹ về chợ" của trẻ con. Chuyện này nói ra còn dài lắm, toàn những chuyện với đầy đủ tính chất bi thảm của cuộc sống bị đổi thay. Tôi chỉ nhắc lại một chi tiết rất nhỏ như vậy để nói huych toẹt ra rằng, chủ trương chống cộng cứng rắn lúc đó của một số người đã vô dụng vì khi vạch ra và hô hào chính sách này, đã một ông bà nào về Việt Nam sống cái sống của đám dân đen đâu mà biết!

Từ nhà tù được thả về cuối tháng 12-1988 thì đến tháng Ba năm 1989, tôi

sống bằng nghề xích lô, sống thật, sống kiếm tiền nuôi gia đình chứ không phải sống để che mắt mấy anh công an khu vực. Tôi vui vẻ sống theo nỗi buồn vui của đường phố cho đến hai tuần trước khi đi tị nạn, đời sống đổ mồ hôi cũng có được những bát cơm có thịt, cá. Tết 90, Việt kiều về thật đông, và nhờ họ tôi kiếm được một món tiền đủ gọi là lớn trong ba ngày Tết và lai rai suốt cả tháng Giêng. Việt kiều càng đông, chúng tôi càng mừng. Họ giúp bọn làm cái nghề lam lũ như chúng tôi cái Tết đó cũng như những cái Tết sau này không còn thiếu thốn nữa. Những ngành dịch vụ khác cũng vậy, cứ mỗi dịp gần Tết là ngóng cổ theo dõi và cầu sao càng có nhiều Việt kiều về cho đông. Bà Bẩy, người phụ nữ chuyên bán se sẻ tại Lăng Ông (lăng Lê Văn Duyệt) vào những giai đoạn đó là người theo dõi tình hình Việt kiều về quê ăn Tết hăng say nhất. Rồi còn những ông viết sớ, những người bán kỷ vật thủ công, đám người đi kinh tế mới ùa về thành phố sống tại những "Hotels de la Hiên", tức là những khu lề đường quanh Lăng Ông. Phần đông những Việt kiều đến lễ bái, xin xâm ở Lăng Ông đều phát lì xì cho những người này.

Hy vọng của chúng tôi cũng chỉ tầm thường như thế thôi. Chúng tôi chở họ đi đến những di tích ở Sài Gòn, có khi đạp lòng vòng khắp nơi ở Sài Gòn, để cho họ thăm người thân, và bù lại tiền công được trả hậu hĩnh. Lúc đó, trong lòng tôi chỉ có một chuyện quan trọng: cứu cho gia đình khỏi đói và tôi nghĩ rằng những người trong hoàn cảnh lam lũ như tôi lúc đó cũng chỉ vậy mà thôi.

Dĩ nhiên, một hy vọng như thế là hèn mọn, không thể nào sánh với được những cao kiến của một số lãnh tụ cộng đồng ở đây: *dân phải đói, phải khổ thì mới nổi lên giải thể cộng sản được*.

Tôi còn nhớ, tết năm 1991, tôi đón hai khách Việt kiều tại khách sạn Quê Hương đường Hai Bà Trưng để đi Lăng Ông Bà Chiểu. Hai thanh niên, ăn mặc giản dị, áo sơ mi quần kaki đi sandal, nhưng chỉ cần nhìn nước da là đã có thể hiểu sự ưu việt của chế độ dinh dưỡng ở Mỹ. Cả hai đều còn nói được tiếng Việt. Đến Cầu Bông Dakao, họ bảo tôi ngừng lại và xuống rồi nói: "*Tụi cháu qua bên kia cầu rồi chú đón cho nhẹ, chúng cháu sợ nặng quá chú lên dốc không nổi*". (Lời lẽ này là tôi đã thêm chủ từ và động từ vào câu nói của hai Việt kiều trẻ cho quí độc giả đọc cho dễ). Đến Lăng Ông, họ đưa cho tôi 5 đô la. Như thế tức là họ đã trả gấp đôi giá thỏa thuận lúc đầu.

Vào thời gian này tôi chưa được xem phim "Chuyện Tử Tế", nên chưa biết diễn tả tình cảm này ra sao. Nhưng bây giờ tôi đã xem rồi thì tôi có thể kết luận như thế này: "Vâng thưa quí độc giả, chính sự tử tế và lòng trắc ẩn của những Việt kiều đó làm cho tôi lấy lại được niềm tin về cuộc đời giữa cái xã hội mà đến 10 giờ sáng rồi, trong những quá cà phê còn đầy nhóc thanh niên. Họ giầu có? Không, họ là những người không kiếm ra việc làm. Trong

số người thất nghiệp ấy, phần đông là con em chúng ta, con những người lính, những người dân mà chúng ta không bảo vệ được họ".

Chính sự trở lại của những Việt kiều như hai thanh niên kia đã làm cho người dân Miền Nam lúc đó hiểu được rằng cha mẹ của họ ra đi và trở về đều có một ý nghĩa nào đó, chứ không phải chỉ mang hình ảnh của sự phản bội như nhiều nhân vật chính trị ở đây nghĩ và nhìn.

Số tiền mà một gia đình nhận được của thân nhân từ nước ngoài không mất đi một đồng nào. Tiền đó được đổi ra, và đem tiêu ngoài thị trường. Tham nhũng khắp mọi ngõ ngách khiến cho hình ảnh chính quyền Việt Nam hiện tại trở thành một khuôn mặt dị dạng, méo mó thảm hại, đen đúa. Đó là cách kết luận theo một số nhà báo ở đây. Còn cách kết luận của nhiều người từng về thăm quê cũ thì lại khác, cái lối kết luận không công khai vì sợ rằng mình sẽ trở thành đối tượng không hay của vài cơ quan truyền thông và báo chí trong cộng đồng. Mà kết luận của những người này chung qui chỉ là "có nhiều thay đổi tại Việt Nam, nhưng dân khổ còn nhiều". Cũng trong chỗ riêng tư, phần đông những người gởi tiền về Việt Nam giúp gia đình hay tom góp vốn liếng ở đây mở một cơ sở làm ăn ở Việt Nam để giúp người trong gia đình họ hàng có công ăn việc làm, nói với tôi như thế này: "*Gia đình chúng mình như một thứ con tin, cần phải giúp đỡ họ trước. Các ông ấy có biết rằng muốn giải thể cộng sản mà cứ đứng bên này la hét, tự cô lập và không can dự thì biết đến bao giờ mới giải thể được họ không, và chúng tôi phải chờ đến bao giờ?*".

Mười hai năm nay, kể từ ngày tôi sang định cư tại Hoa Kỳ, chưa một lần nào tôi trở lại quê cũ, nên cứ phải tạm tin vào những phán đoán của những người từng trở về. Hằng ngày làm việc, chúng tôi đọc không thiếu gì những tài liệu trên internet, trên báo chí Tây phương cũng có, mà từ Việt Nam cũng có. Không ai có thể tin hoàn toàn vào những gì được đề cập đến trên báo chí của một quốc gia không có tự do báo chí. Nhưng cứ cho rằng những nhận định đó chỉ đúng được một nửa sự thật, tôi cũng đã thấy nó khác xa hơn tình trạng của Việt Nam vào thời điểm tôi còn trong nước. Tôi không có chủ trương nào bênh vực cho chế độ ở trong nước. Đó là việc làm của báo chí trong nước, nhưng một nhà báo chỉ biết cường điệu hóa cái xấu của họ mà lờ hẳn đi một số những điều họ làm được để đưa ra những phán đoán, tôi cho đấy là một việc làm cực đoan. Đồng hương của chúng ta trở lại quê cũ ngày càng nhiều. Tiếp tục làm tuyên vận theo cách làm cũ "*cái gì của mình cũng tốt và cái gì đối phương cũng xấu*" sẽ làm cho những ai đã chứng kiến tận mắt những gì đang xảy ra ở quê nhà hoài nghi về sự chân thật của nhà văn hay nhà báo ở hải ngoại.

Tôi biết rằng, lối trình bày của tôi có thể làm cho một số độc giả và những nhà chính trị chống Cộng cực đoan không hài lòng, thậm chí giận dữ,

hoặc có khi còn cáo buộc tôi là chao đảo, là ăn cơm Quốc Gia thờ ma Cộng Sản, là nằm vùng, là phản bội. Tôi không phàn nàn gì nếu như có ai xử sự như vậy với tôi, bởi lẽ dễ hiểu tôi đã từng bị xử sự như vậy.

Trong thời gian gần đây, một vài nhà văn nhà báo đó coi "Nếu Đi Hết Biển" là một tác phẩm kiểu diễn tiến hòa bình ở hải ngoại, thiên Cộng hay thậm chí là một công cụ của Cộng Sản. Tôi tôn trọng những dư luận này. Nhưng khi đọc hết cuốn "Nếu Đi Hết Biển", tôi nghĩ rằng nhà cầm quyền Việt Nam không dễ gì cho phổ biến tác phẩm này ở trong nước. Tôi không trích ra những đoạn húy kỵ đối với nhà cầm quyền đương thời tại Việt Nam trong "Nếu Đi Hết Biển". Nhưng tôi chỉ mong mỏi đồng hương một điều, hãy đọc kỹ cuốn "Nếu Đi Hết Biển", hãy xem kỹ phim "Chuyện Tử Tế" trước khi đưa ra kết luận.

Riêng tôi, "Nếu Đi Hết Biển" tạo cho tôi thêm một niềm tin khác là ***không một quyền lực nào có thể làm tan biến biên giới giữa tử tế và bất lương***.■

TÌM ĐỌC
nếu đi hết biển
quyển sách đang gây ồn ào
và làm tốn nhiều giấy mực
trong năm 2004 vừa qua.
Liên lạc:
14352 Beach Blvd # 95
Westminster, CA 92683
(714) 891-8416

bên ni biển

ĐỖ THÁI NHIÊN

Ra khỏi khám Chí Hòa, tôi chỉ có hai món tài sản. Một là lệnh tha cầm trên tay. Hai là mưu tính vượt biên cất trong đầu. Sáng 20 tháng Chạp cận Tết Tân Sửu 1985, trước khi đi Trà Vinh tìm đường vượt biên, tôi đạp xe đạp quanh quẩn Sài Gòn như một cử chỉ từ giã nồng nàn nhất dành cho "Hòn Ngọc Biển Đông", nơi mà tôi đã gửi gấm biết bao kỷ niệm êm đềm của thời hoa niên. Tại công viên nằm ở góc đường Tự Do, Lê Thánh Tôn, đồng bào vùng kinh tế mới kéo về đó "tạm cư", bất cần giấy tờ "hộ khẩu". Trong tận cùng của công viên một "căn hộ" ổ chuột đã dựng lên từ mấy ngày qua. "Nền nhà" của căn hộ là chiếc chiếu hoa cũ kỹ, trên đó "chủ nhà" trang trí một cành mai vàng, cắm trong vỏ chai bia chứa nước lạnh. Ngày xưa Nguyễn Công Trứ cho rằng: Ngôi chợ nhỏ hay ánh trăng mong manh cũng đủ làm cho lòng người cảm thấy rộn rã hay an nhàn:

"Thị tại môn tiền náo
Nguyệt lai môn hạ nhàn"

Nhìn mai vàng trong căn nhà ổ chuột, tôi không thấy "nhàn", chẳng thấy "náo", chỉ nhận ra nỗi xót xa nghi ngút đất trời... Từ Trà Vinh, tôi vượt biên với nỗi xót xa nghi ngút kia.

Ngay lúc này, tôi đang đứng trên bãi biển California. Nói theo ngôn ngữ của người miền Trung, đối với tôi, bờ biển Mỹ là "bên ni" biển, bờ Việt Nam là "bên nớ" biển. Nhiều năm qua, đặc biệt là trong những ngày gần Tết, sống "bên ni", tôi nhớ "bên nớ" vô cùng, nhớ chuyến vượt biên trước Tết, nhớ biển khơi Thái Bình, nhớ kinh lạch miền Nam, nhớ Sài Gòn yêu mến, nhớ quê hương gấm vóc, nhớ cành mai vàng phô diễn hương sắc trong "căn hộ" ổ chuột... Giữa những nhớ nhung bao la và quay cuồng đó, tôi chợt bắt gặp một ý nghĩ đáng quan tâm. Nhân khi xây dựng tác phẩm "Nếu Đi Hết Biển...", tác giả Trần Văn Thủy nhận định: *"Nếu đi hết biển, qua các đại dương, và các châu lục, đi mãi, đi mãi thì cuối cùng lại trở về quê mình, làng mình..."* (Nếu Đi Hết Biển, trang 23). Tại sao rất nhiều người Việt Nam tại hải ngoại, đã "đi hết biển" từ nhiều thập niên qua, đến nay vẫn ở lại "bên ni" biển, vẫn không "trở về quê mình, làng mình"? Giữa "bên ni" và "bên nớ" không phải chỉ bị

ngăn cách bởi các đại dương mà còn bởi *"sự ly tán lòng người sâu thẳm"* (Nếu Đi Hết Biển, trang 24). Nhằm hóa giải sự ly tán lòng người sâu thẳm đó, Trần Văn Thủy mở một cuộc đối thoại với bảy nhà văn Việt Nam hải ngoại và một nhà văn Mỹ gốc Do Thái. Phải chăng dân tộc Việt Nam bị ly tán bởi hậu quả của chiến tranh? Nó là sự ly tán giữa cá nhân này với cá nhân kia, hay là sự ly tán giữa nhiều suy nghĩ chính trị khác nhau? Ngay trang đầu tiên của Nếu Đi Hết Biển, Trần Văn Thủy đã gián tiếp trả lời các câu hỏi vừa nêu bằng cách làm cho người đọc chú ý đến một đoạn văn được trích dẫn như sau:

"Thời gian của chúng ta còn bao nhiêu nữa để ta có thể yêu người bạn đời của mình? Ta còn đủ thời gian không? Hay ta chẳng còn bao nhiêu? Tôi luôn tự hỏi: Mình cần bao nhiêu thời gian để yêu người mình yêu?" (Christopher Jenkins. Tôi và Em)

Thế nhưng:

- Đọc "Một Bức Thư" (Nếu Đi Hết Biển, trang 25-41) người đọc ghi nhận: Sau 45 năm vật đổi sao dời, Trần Văn Thủy và Nguyễn Hữu Đính gặp lại nhau, tay bắt mặt mừng. Tình bạn cũ bừng bừng sống lại, không thông qua bất kỳ "thủ tục" hòa hợp hòa giải nào.

- Đọc "Tản Mạn với Cao Xuân Huy" (Nếu Đi Hết Biển, trang 57-66): Người đọc ghi nhận: Không cần được dẫn đạo bởi tư tưởng hòa hợp hòa giải, ông Bố của Cao Xuân Huy vẫn nhận ra "thằng Beng" (tên cúng cơm của Cao Xuân Huy) từ sau lưng của nhà văn này. Bố Việt Cộng và con Ngụy hoàn toàn thân thiết với nhau. Chiến tranh Việt Nam không ảnh hưởng gì đến tình bố con.

Không có sự chối cãi rằng dân tộc Việt Nam hiện đang sống trong ly tán. Ly tán không do người Việt thiếu "thời gian để yêu người mình yêu". Ly tán không do chiến tranh đã làm cho tình bố con, tình bạn bè biến thành sỏi đá. Vậy thì cội nguồn của sự ly tán nằm ở đâu? Nhà văn Nhật Tiến đã trang trọng mang sự ly tán đặt lên bàn mổ khi ông nói về chính ông, nói về tâm sự bị lưu vong ngay cả trên quê hương mình:

"Cảm giác xa lạ, sự không hòa nhập được vào đám đông ở chung quanh mình và cái bầu không khí sinh hoạt văn hóa nói chung, văn học nghệ thuật cũng như báo chí nói riêng, vẫn bao trùm một niềm kiêu hãnh rằng: "Dân tộc ta anh hùng, đã đánh cho Mỹ cút, đã đánh cho Ngụy nhào". Là một người xuất thân từ miền Nam trước đây, làm sao tôi có thể hòa nhập được? Tuy nhiên cũng phải nói thêm là những nhận thức này tôi chỉ cảm thấy khi ra tiếp xúc với xã hội bên ngoài, còn ở chỗ riêng tư trong gia đình hay trong vòng thân mật giữa các bạn bè, dù ở bất cứ nơi đâu, Hà Nội hay Sài Gòn, tôi đều thấy chan hòa, một tình cảm thân thuộc gắn bó." (Nếu Đi Hết Biển trang 68).

Các nhận định "rất Người" của Nhật Tiến đã nêu bật sự thực rằng: Tại

Việt Nam, nói một cách chung nhất, sự ly tán không hề có mặt trong những liên hệ tình cảm riêng tư giữa người dân với người dân. Sự ly tán kia chỉ là hậu quả của sự việc nhà cầm quyền điều động và tổ chức xã hội theo một cung cách đặc biệt. Để có thể có được ý niệm cụ thể hơn về điều được gọi là "cung cách đặc biệt", chúng ta hãy nhìn vào thực trạng sinh hoạt tôn giáo tại Việt Nam ngày nay. Nói tới tôn giáo là nói tới độ lượng và hòa đồng, nói tới tha thứ và kết hợp. Thế nhưng từ sau 1975 đến nay, tất cả hội thánh của các tôn giáo trên lãnh thổ Việt Nam đều bị ly tán làm đôi: Bên kia là giáo hội quốc doanh, bên này không quốc doanh. Bên kia là giáo hội được nhà nước nhìn nhận, bên này là giáo hội vô thừa nhận... Từ địa bàn tôn giáo nhìn ra toàn cảnh xã hội chúng ta thấy rằng: Ly tán Việt Nam là ly tán giữa hai thành phần chủ yếu. Thành phần thứ nhất là giới thống trị, là nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam cộng với những cá nhân và đoàn thể có quyền lợi gắn bó với nhà cầm quyền. Thành phần thứ hai là quần chúng bị trị. Sự ly tán giữa thống trị và bị trị là gốc rễ của mọi tệ nạn khác. Tệ nạn "biểu diễn lập trường" theo kiểu diễn tả của nhà văn Nguyễn Mộng Giác. Tệ nạn thân Cộng cực đoan đối đầu với tệ nạn chụp nón cối bừa bãi. Tệ nạn áo gấm về làng, kéo theo tệ nạn lên án mọi trường hợp về thăm Việt Nam. Tệ nạn tập thể này "mắng mỏ" tập thể kia chỉ vì đôi bên không đồng ý với nhau về phương pháp mang lại tự do dân chủ cho Việt Nam v.v... Tất cả tệ nạn vừa kể làm cho tình trạng ly tán trở nên muôn hình vạn trạng. Ngắm nhìn hoạt cảnh muôn hình vạn trạng đau lòng đó, nhà văn Nhật Tiến tha thiết kêu gọi:

"Con đường hòa hợp hòa giải dân tộc là sinh lộ duy nhất để đem quê hương ra khỏi tình trạng mất tự do dân chủ, nghèo nàn, chậm tiến và tràn lan tệ nạn tham nhũng và bất công như hiện nay," (Nếu Đi Hết Biển, trang 71)

Phải chăng "hòa hợp hòa giải" là thuật ngữ có hậu ý kêu gọi mọi người Việt Nam hãy đoàn kết sau lưng Đảng Cộng Sản Việt Nam để cùng nhau xây dựng quê hương? Nhà văn Nhật Tiến mạnh mẽ khẳng định:

"Tôi chưa và cũng chẳng bao giờ lại chủ trương hòa giải, hòa hợp với độc tài hay bạo lực." (Nếu Đi Hết Biển, trang 71).

Như vậy:

- Hòa hợp hòa giải không có nghĩa là cùng nhau xây dựng quê hương dưới quyền lãnh đạo của Cộng Sản Việt Nam.

- Hòa hợp hòa giải không là nhu cầu cần thiết trong lãnh vực sinh hoạt tình cảm riêng tư giữa người dân với người dân trên cả ba miền Nam Trung Bắc.

Sau hai bài toán trừ kể trên, ý nghĩa đích thực của thuật ngữ hòa hợp hòa giải đã được xác định: Hòa hợp hòa giải chính là giải pháp có chủ đích tháo gỡ quan hệ thống trị và bị trị hiện nay để thay vào đó là quan hệ hòa hài giữa

quần chúng và nhà cầm quyền mới. Nhà cầm quyền mới là nhà cầm quyền nào? Nhà văn Hoàng Khởi Phong đã trả lời câu hỏi vừa nêu bằng cách trình bày một quan điểm tổng hợp được xây dựng trên các luận cứ chừng mực và thích nghi. Đề cập tới "căn bệnh" Việt Nam, Hoàng Khởi Phong nói với Trần Văn Thủy:

"Để chữa khỏi căn bệnh này tôi cho là phải mất một hai thế hệ, và phải được giáo dục cẩn thận, trau dồi nhân cách của mọi người. Nhưng trước đó phải có một chính quyền thu phục được nhân tâm, một thể chế dân chủ, một chính quyền mạnh, thượng tôn pháp luật. Hiện nay ở trong nước đã cho thấy một nền tư pháp, công lý bảo hiểm cho tội ác. Và như thế thì sẽ không bao giờ nhân cách khá lên được." (Nếu Đi Hết Biển, trang 129)

Nhận xét về những suy nghĩ khác nhau giữa người này với kẻ khác, người Việt Nam thường nói: "Chín người mười ý". Mỗi ý là một nguyên. Mười ý là đa nguyên. Sinh hoạt xã hội là sinh hoạt đa nguyên. Tuy nhiên, nếu đa nguyên hiểu theo nghĩa khô cứng thì mỗi người là một ốc đảo, loài người sẽ không thể sống chung trong hợp tác và tiến bộ. Vì vậy, đối đầu với mỗi tình huống đa nguyên, mọi thành phần xã hội cần đối thoại với nhau nhằm có một đồng thuận để toàn dân có thể cùng nhau xây dựng và phát triển quốc gia. Cuộc đối thoại trường kỳ nhất, quan trọng nhất chính là cuộc đối thoại giữa nhà cầm quyền và quần chúng. Thiếu đi cuộc đối thoại này, quan hệ giữa nhà cầm quyền và quần chúng sẽ trở nên tê liệt, trở nên ly tán. Nhằm tránh tệ nạn ly tán kia, chế độ dân chủ đòi hỏi cấp lãnh đạo do dân bầu lên chỉ được hành sử quyền lãnh đạo bằng một nhiệm kỳ nhất định. Hết nhiệm kỳ, cấp lãnh đạo lại phải đối thoại với người dân để được biết trong nhiệm kỳ vừa qua chính phủ có làm điều gì phật ý người dân hay không? Đối thoại với người dân có nghĩa là hòa hợp hòa giải với người dân. Đối thoại với người dân có nghĩa là nghe dân nói bằng lá phiếu. Dĩ nhiên lá phiếu ở đây phải là lá phiếu của một cuộc bầu cử thực sự tự do. Bầu cử theo kiểu đảng chỉ định ứng cử viên (thông qua Mặt Trận Tổ Quốc), dân "tự do" bỏ phiếu, hiển nhiên là bầu cử gian dối. Hòa hợp hòa giải thông qua bầu cử dân chủ chân chính rõ ràng là phương pháp gìn giữ cho quan hệ giữa quần chúng và nhà cầm quyền thường xuyên hòa hài và ổn định. Trước cuộc bầu cử ngày 02 tháng Mười Một 2004 tại Hoa Kỳ, quần chúng Hoa Kỳ gần như bị vỡ làm hai: Bên này theo Bush, bên kia theo Kerry. Trận chiến ngôn ngữ giữa hai bên đôi khi rất căng thẳng. Thế nhưng ngay sau khi kết quả cuộc bầu cử được công bố, sinh hoạt chính trị của xã hội Hoa Kỳ nhanh chóng trở nên hòa hài. Liên hệ giữa quần chúng Hoa Kỳ và vị tổng thống vừa tái đắc cử lập tức được xác lập trong ổn định.

Có thể nói được rằng do bản chất đa nguyên của xã hội, lịch sử của mối quan hệ giữa nhà cầm quyền và quần chúng tại bất kỳ quốc gia nào cũng đều

là lịch sử của những ly tán. Điểm khác nhau trội yếu giữa dân chủ và độc tài là sự việc chế độ dân chủ bền bỉ trung thành với nguyên tắc tuyệt đối tôn trọng lá phiếu của cử tri. Đó là phương pháp nghiêm chỉnh nhất, hữu hiệu nhất trong cố gắng duy trì quan hệ hòa hợp hòa giải giữa nhà cầm quyền và người dân. Không có tự do bầu cử, người dân sẽ quay lưng lại với nhà cầm quyền. Đó là cội nguồn đích thực của tình trạng "ly tán lòng người".

Từ bên nớ qua bên ni biển, Trần Văn Thủy mang theo ý muốn giải quyết bài toán "ly tán lòng người". Dường như trong suy nghĩ của nhà đạo diễn họ Trần, "ly tán lòng người" chẳng khác nào trạng thái băng giá của mùa đông vùng Bắc Mỹ. Vì vậy Trần Văn Thủy đã ân cần mang đến cho người đọc hương vị nồng ấm của lòng thương yêu, thương yêu giữa người Việt với người Việt. Thế nhưng, thật là oái ăm, trong thế giới tình cảm nồng ấm kia, đâu đó một vài đám mây mù lại xuất hiện.

- Mây mù thứ nhất: Trong tất cả những cuộc phỏng vấn dành cho tám nhà văn sinh sống tại hải ngoại, Trần Văn Thủy tuyệt nhiên không hề nhắc tới, dầu chỉ một lần, mối quan hệ giữa nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam và tập thể quần chúng Việt Nam. Bằng cách "không nhắc tới" như vừa kể, Trần Văn Thủy đã vô tình hay hữu ý mang lại cho người đọc cảm nghĩ rằng Đảng Cộng Sản Việt Nam hoàn toàn vô can trước sự việc "ly tán lòng người" trong xã hội dưới quyền cai trị của người Cộng Sản.

- Mây mù thứ hai: Nhằm đền bù cho thái độ "không nhắc tới" như đã nói ở "mây mù thứ nhất", Trần Văn Thủy đã dịu dàng kể cho chúng ta nghe đủ loại chuyện tình rất não lòng: Tình bố con, tình bè bạn, tình hai vợ chồng khác chủng tộc nhưng rất yêu thương Việt Nam... Những chuyện tình này thực sự cảm động nhưng chúng chẳng liên hệ gì đến câu chuyện hòa hợp hòa giải cả. Hòa hợp hòa giải phải là hòa hợp hòa giải giữa nhà cầm quyền và quần chúng thông qua tự do bầu cử. Mâu thuẫn chính là mâu thuẫn giữa thống trị và bị trị. Tất cả những mâu thuẫn khác trong muôn loại ly tán chỉ là mâu thuẫn phụ. Giải trừ được mâu thuẫn chính, vô số mâu thuẫn phụ tự chúng phải giải tiêu.

- Mây mù thứ ba: Mây mù thứ nhất và mây mù thứ hai "hợp tấu" thành lời kêu gọi người Việt Nam hãy yêu thương nhau, hãy hòa hợp hòa giải với nhau, hiểu theo nghĩa cùng nhau xây dựng quê hương, dĩ nhiên là dưới quyền lãnh đạo của Cộng Sản Việt Nam. Phải chăng đây đích thực là thâm ý của Trần Văn Thủy? Câu trả lời, nếu thiếu thận trọng, chúng ta sẽ mất đi một người bạn, một chiến sĩ của tự do dân chủ.

Nói tới Trần Văn Thủy, không thể không nói tới bộ phim "Chuyện Tử Tế". Bộ phim này hiển nhiên là lời nguyền rủa, tuy không ầm ĩ, nhưng rất gay gắt. Nó nói thẳng vào mặt Đảng Cộng Sản Việt Nam: Nhân dân Việt Nam đã

lầm than lấm rồi, các ông hãy tức thì chấm dứt tội ác độc tài, nham hiểm và tham ô! Hãy sống cho ra người! Hãy sống tử tế hơn! Đừng quên rằng Chuyện Tử Tế ra đời năm 1985. Đây là một trong những năm Cộng Sản Việt Nam tỏ ra cực kỳ hách dịch, ngổ ngáo và hoàn toàn vô văn hóa. Trình bày vấn tắt như vừa kể nhằm đi đến nhận định: Trần Văn Thủy quả thực là một người đã vận dụng tất cả lòng can đam để gào lên hai chữ "Tử Tế" giữa bầy lang sói!

Mới đây nhất, ngay trong tác phẩm Nếu Đi Hết Biển, một lần nữa, Trần Văn Thủy (một cư dân trên lãnh thổ Việt Nam) lại tiếp tục tử tế và can đảm bằng cách nói cho mọi người biết hai sự thật dưới chế độ Cộng Sản Việt Nam:

- Sự thật thứ nhất: Nếu Đi Hết Biển, trang 47, Trần Văn Thủy viết: *"Trong những thuyền nhân mà tôi phỏng vấn có chị Phùng Hồng Thúy, ra đi từ Hà Nội. Tìm gặp chị Thúy không phải dễ vì cái thành kiến vốn có đối với những người trong nước qua."* Kế đến Trần Văn Thủy lại viết: *Khi tôi nói: "Chị hãy giúp chúng tôi bằng cách là chị nói thật những gì chị đã trải qua." Chị nghĩ, rồi bảo: "Ngay cả việc ấy cũng hết sức là khó vì từ bé tôi đâu có được học nói thật bao giờ!"*

Thông qua mẩu đối thoại ngắn gọn nêu trên, Trần Văn Thủy đã lột tả một cách linh động và chính xác: Bằng cách nào Cộng Sản Việt Nam đã phạm tội ác hủy diệt truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam.

- Sự thật thứ hai: Nếu Đi Hết Biển, trang 50 và các trang kế tiếp, Trần Văn Thủy trần thuật một sự việc nguyên văn như sau:

"Tưởng nhớ đức độ, công lao và sự nghiệp của ông (Hoàng Xuân Hãn), *một nhóm tác giả ở Hà Nội do nhà nghiên cứu Hữu Ngọc, nhà văn Nguyễn Văn Hiền chủ trương cho ra ba tập đồ sộ với tên: "La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn".*

Nhà văn Nguyễn Văn Hiền đặt tôi viết một bài, tôi nhận lời với tình cảm kính trọng sâu sắc dành cho học giả Hoàng Xuân Hãn. Bài viết được gửi đi và lên khuôn. Tôi hỏi ông Hiền: "Có bị cắt xén gì không?" Ông Hiền trả lời: "Bài của cậu sẽ đăng nguyên xi. Yên chí" (Hết lời dẫn)

Thế nhưng, sau đó vài ngày Trần Văn Thủy được biết "bài của cậu" đã bị cắt ở đoạn học giả Hoàng Xuân Hãn nói về cải cách ruộng đất dưới thời Hồ Chí Minh. Nhằm phản đối hành động cắt xén của Hà Nội, Trần Văn Thủy đã đăng lại trong Nếu Đi Hết Biển nguyên văn câu nói của cụ Hoàng Xuân Hãn. Câu nói đó như sau: *"Cái hậu quả của sai lầm trong cải cách ruộng đất không chỉ trên bình diện kinh tế, chính trị, văn hóa. Theo chỗ tôi hiểu, cái mất mát lớn nhất bởi những sai lầm trong cải cách ruộng đất là nó đã phá vỡ mất nông thôn Việt Nam và phá vỡ mất lòng tin"* (Nếu Đi Hết Biển, trang 55)

Không còn nghi ngờ gì nữa, qua ngôn ngữ của học giả Hoàng Xuân Hãn, Trần Văn Thủy đã nghiêm khắc tố cáo:

- Tội ác hàng đầu của Cộng Sản Việt Nam là tội ác hủy diệt dòng sống của dân tộc, lòng tin của dân tộc, tình tự dân tộc.

- "Ly tán lòng người" là ly tán giữa Cộng Sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam khởi đi từ vụ án cải cách ruộng đất.

Bây giờ, mang một chuỗi tử tế và can đảm của Trần Văn Thủy đặt bên cạnh vài đám mây mù trong Nếu Đi Hết Biển, người đọc có nhận ra chân lý nào chăng? Chân lý rằng: Trên con đường đấu tranh cho tự do dân chủ, người Việt trong và ngoài nước có rất nhiều khác biệt về mặt phương pháp hành động. Chân lý rằng: Người Việt quốc nội phải đấu tranh ở thế cài răng lược với công an Cộng Sản. Để bảo toàn lực lượng, người Việt quốc nội cần "chiến đấu" theo kiểu vừa đấm vừa xoa. Xoa chiếu lệ. Đấm nặng ngàn cân. Mây mù là xoa. Hành động tố cáo tội ác của Cộng Sản mới chính là những quả đấm đánh thẳng vào tim óc của chế độ. Chân lý rằng: Việt Nam chỉ thực sự có được tự do dân chủ chừng nào người Việt hải ngoại biết nhìn nhận lẫn nhau. Người Việt trong và ngoài nước biết nhìn nhận lẫn nhau. Nhìn nhận lẫn nhau bằng cách hãy dồn toàn lực của toàn dân vào mục tiêu đấu tranh cho tự do dân chủ. Xin hãy quên đi tất cả những khác biệt về ngôn ngữ diễn tả, về phương pháp hành động. Xin hãy quên hẳn đi tất cả những gì không có lợi cho nhu cầu đấu tranh.

Bài viết này được viết ra trong khoảng thời gian trời đất đi tìm Mùa Xuân. Nói tới Mùa Xuân là nói tới nắng hồng, trời xanh, tuyệt nhiên không có mây mù. Trước thềm Tết Ất Dậu 2005, người cầm bút thành thực kính chúc người Việt trong và ngoài nước có khả năng xóa tan những đám mây mù để thấy rằng hòa hợp hòa giải tại Việt Nam phải là hòa hợp hòa giải giữa quần chúng và nhà cầm quyền thông qua lá phiếu thực sự tự do của người dân, rằng trên con đường đấu tranh cho dân chủ đa nguyên chúng ta hãy thực thi đa nguyên bằng cách chân thành nhìn nhận lẫn nhau và rằng những chiến sĩ can đảm và tử tế kiểu Trần Văn Thủy không thể bị loại bỏ chỉ vì mây mù của kỹ thuật đấu tranh. Được như vậy, tự do dân chủ sẽ nhanh chóng ngự trị trên quê hương Việt Nam. Được như vậy, không cần thuyết phục, không cần năn nỉ, tất cả người Việt ở bên ni biển sẽ tấp nập kéo về biển bên nớ để cùng nhau xây dựng quê hương. Nam Bắc Trung một nhà. Quốc nội, quốc ngoại một nhà. Bao nhiêu kỷ niệm của lịch sử đau buồn sẽ chìm hẳn vào quá khứ. Trước mặt toàn khối dân tộc Việt là cả một trời Xuân tràn ngập yêu thương và hợp tác:

"Xin chào nhau giữa con đường,
Mùa Xuân phía trước, miên trường phía sau."
(Thơ Bùi Giáng)■

đùa với đường thi

ĐÀN BÁCH KIẾM

Đường thi như đôi cánh nhạn nghìn đời bay lượn trên thân phận con người. Tôi bơi lội trong Đường thi, ngậm ngùi, đùa giỡn. Chút mảnh hồn mang mang trong mưa xuân. Lấy chút lòng của cổ nhân mà cấy sinh tử phù vào hồn mình. Đôi cánh hạc có thật đã bay, bay mãi? Sao giấc mộng ban đầu vẫn trở về giữa trưa hè hanh nắng? Còn lại gì chăng, ngoài một mầu vàng hiu hắt đến muôn thuở?

Mục Đùa Với Đường Thi nhất định không phải là nơi biên khảo, nhận định, nghiên cứu, về Đường thi hay về bất cứ điều gì. Chỉ là nơi đìu đón ít vần thơ từ trời hội cũ về trời thơ hôm nay. Yêu mến nó, đùa giỡn với nó. Lúc thì nghịch ngợm một cách nghiêm chỉnh, khi thì đùa giỡn một cách lai rai. Mọi cuộc dịch tự trong tinh thể của nó vốn là một cuộc dời đổi. Lời thơ có di dịch về cõi miền nào khác cũng là điều tự nó. Mọi điển tích có tự nhiên mà dập dìu di về ngôn ngữ hôm nay cũng là điều thoải mái tự nhiên.

Bay về ổ chín tầng cao,
Con chim giã biệt quên chào mái hiên (BG)

Đôi cánh nhạn đã bay về ổ, thì xin một lần gắng gượng gọi nó trở về.

Đàn Bách Kiếm

- Sao gọi là đùa?
- Thưa, nghịch.
- Sao là nghịch?
- Thưa, là không giỡn.
- Nghĩa là?
- Là căng sợi dây trên thân phận con người mà nhẩy múa.
- Sao gọi là Đùa Với Đường Thi?
- Thưa là đem chút lòng của cổ nhân ra mà cưỡng bách một cuộc di dịch.
- Một cuộc dịch di?
- Hẳn thế. Một cuộc dời đổi về cái chỗ nguyên sơ ban đầu thuở ấy.

Chẳng hạn như thấy chữ túy thì dịch là tỉnh. *Túy hậu các phân tán* thì dịch là *sáng mai tỉnh dậy đời trôi phương nào.*

- Răng mà dịch tào lao rứa?

- Thưa, rứa là không nghiêm chỉnh.

- Hà cớ gì lại không nghiêm chỉnh?

- Thưa, say

- Sao lại say?

- Thưa tại đọc Tiếu Ngạo Giang Hồ, Kim Dung kiếm hiệp tiểu thuyết, thấy Đan Thanh sinh đem ba chiêu kiếm pháp ra đổi lấy bí quyết cất rượu.

- Bí quyết gì?

Rượu rót ra thơm ngào ngạt. Đan Thanh sinh nói:

- Mời tiểu đệ uống thử chén rượu này xem sao, xem thử rượu cất lâu đã bao nhiêu năm.

Lệnh Hồ Xung nâng chén lên uống, đoạn chép miệng trầm ngâm không nói.

Đan Thanh sinh hỏi:

- Thế nào, rượu thế nào?

Lệnh Hồ Xung đáp:

- Lạ lắm, lạ lắm.

- Lạ làm sao, lạ làm sao?

Lệnh Hồ Xung đáp:

- Đây là bồ đào mỹ tửu từ Tây Vực. Ba lần nấu, ba lần cất. Đem về Trung Nguyên nhọc nhằn vạn dặm, nhồi lên xóc xuống, ắt bị chua. Thế mà lại nếm như chưa từng trải qua một lần tiền trình vạn lý. Lạ hơn nữa là nếm vào, thấy vừa như đã cất trên trăm năm, lại vừa như mới cất hơn chục năm. Trong cái mới có cái cũ, trong cái cũ có cái mới. Thật là lạ lắm, lạ lắm.

Đan Thanh sinh vỗ tay cười ha hả nói:

- Hảo tửu đồ, hảo tửu đồ. Rượu này đã ba lần nấu, ba lần cất, cách đây hơn một trăm hai chục năm. Về đây ta cất lại một lần nữa cách nay mười hai năm, mười thùng lấy một thùng, rượu vừa không bị chua, vừa mới, lại vừa cũ, vừa cũ lại vừa mới, là vì thế. Lệnh Hồ tiểu đệ, ta đem ba chiêu kiếm pháp ra đổi lấy bí quyết ấy, ngươi bảo có thật xứng đáng không?

- Té ra là thế. Thế mục Đùa Với Đường Thi số này định dịch bài gì?

- Thưa, chủ bút Cao Xuân Huy ra lệnh chọn một bài để giã từ năm cũ, đăng số tất niên.

- Bài gì?

- Thưa Biệt Tuế.

- Cái ấy là của Tô Thức đời Tống, đâu mà Đường với lại Thi!

- Hẳn thế. Để về hỏi lại thầy Tuệ Sĩ.

Biệt Tuế
Cố nhân thích thiên lý
Lâm biệt thượng trì trì
Nhân hành do khả phục
Tuế hành na khả truy

Vấn tuế an sở chi
Viễn tại thiên nhất nha
Dĩ trục đông lưu thuỷ
Phó hải vô quy thì

Đông lân tửu sơ thục
Tây xá trệ diệc phì
Thả vị nhất nhật hoan
Úy thử cùng niên bi

Vật sai cựu tuế biệt
Hành dữ tân niên từ
Khứ khứ vật hồi cố
Hoàn quân lão dữ suy

Cố nhân đi ngàn dặm
Lúc chia tay cứ dùng dằng
Người đi còn trở lại
Năm tháng đã đi làm sao đuổi theo

Hỏi năm tháng về đâu
Xa xăm nơi chân trời nào
Theo nước trôi mãi về phương đông
Ra biển chẳng trở về

Phía đông láng giềng vừa cất rượu
Mé tây hàng xóm lợn đang béo căng
Hãy vui một ngày cho thật thỏa
Để bù lại bao nỗi buồn khổ một năm nay

Đừng quên giã từ năm cũ
Nhắn nó chào năm mới đang đến

Bảo nó đi đi đừng ngoảnh lại
Trả lại nó tuổi già và sự suy yếu
Tô Đông Pha

Giã Từ Năm Cũ
Người đi, đi muôn dặm
Ngày đi, bịn rịn chân
Người đi, còn gặp lại
Tháng năm, đi biệt tăm

Hỏi năm về chốn ấy
Chân trời nào xa xăm
Sao theo sông trôi mãi
Mờ mịt tít biển đông

Xóm đông, rượu vừa chín
Mái tây lợn béo căng
Xin một ngày hạnh phúc
Vất vả, rồi, cả năm

Nhờ năm mới giã biệt
Bảo năm cũ gói khăn
Chớ quay đầu ngoảnh lại
Đem đi tuổi già, suy
Đàn Bách Kiếm

- Sao bài ni dịch nghiêm chỉnh thế?
- Thưa, tỉnh.
- Sao trong Văn Học số trước, Đương đại bất ẩm tửu, Hư danh an dụng tai không dịch là:
Lúc sống không uống rượu,
Nổi tiếng ích gì không?
mà lại dịch là
Sống mà không ăn nhậu
Thà chết quách đi thôi
- Thưa, túy.

Đàn Bách Kiếm, Houston tháng 12, 2004

p.t.s.d và h.i.v

sổ tay thường dân

TƯỞNG NĂNG TIẾN

Cuối đời, Thanh Nam hay làm thơ và viết phiếm cho tờ Đất Mới - xuất bản ở Seattle, tiểu bang Washington. Ông phụ trách mục "Chuyện Quanh Bàn Nhậu", và có "tha thiết" ngỏ ý mời tôi cộng tác.

Thuở ấy, những năm đầu của thập niên 80, tôi được coi là một "mầm non có (rất) nhiều triển vọng" - trong cả hai giới: cầm chai và cầm viết - nên "được lời như cởi tấm lòng". Tôi hăm hở gửi đến ông câu chuyện đầu tiên, ghi được quanh bàn nhậu:

"Sau tháng Tư năm 1975 không lâu, bộ đội cũng như dân chúng hai miền Nam - Bắc đều muốn 'giã từ' nón tai bèo và nón cối. Đội mãi rồi cũng ớn. Đến một lúc - tự nhiên - cả nước cùng chợt nhận ra rằng cả hai loại nón (thổ tả) này trông xấu xí, quê mùa đến độ không còn ai chịu nổi nữa."

"Trước tình trạng này, một vị Ủy Viên Trung Ương Đảng bèn có ý kiến rằng nón tai bèo thì cho đi luôn là phải, để lại không những đã bận mắt mà còn có thể làm cho đám Mặt Trân Giải Phóng Miền Nam nổi giận (hay nổi loạn). Nhưng nón cối thì phải tìm cách lưu giữ."

"Lý do được nêu ra là Đảng ta hoàn toàn không có tương lai, buộc phải sống nhờ vào dĩ vãng (nói cách khác là phải ăn mày dĩ vãng) mà trong chuyện lễ lạc rầm rộ để tưởng niệm những chiến thắng xa xưa thì rất cần nón cối. Thiếu nó 'cách mạng' sẽ mất đi vẻ truyền thống."

"Từ đó, ở Việt Nam có Viện Lưu Trữ Nón Cối. Làm giám đốc cái viện này - tất nhiên - không có cơ hội xà xẻo, móc ngoặc hoặc tham nhũng nhưng được cái là an nhàn và (chắc chắn) an thân. Ai cũng tưởng vậy mà không phải vậy."

"Một hôm, Cục Tình Báo Hải Ngoại bỗng phát hiện ra cả trăm ngàn cái nón cối đã bị mang ra nước ngoài, và được sử dụng thường xuyên trong những cộng đồng người Việt tị nạn. Thế là vị giám đốc bị đưa ra tòa, lãnh rất nhiều năm tù - và cả đống năm quản chế - với tội danh là "hoạt động gián điệp, tạo điều kiện cho kẻ địch xâm nhập vào hàng ngũ Đảng."

"Bản cáo trạng về vụ án này, cũng như tất cả những bản cáo trạng (có liên quan đến gián điệp) trước cũng như sau đó của hệ thống pháp lý CHXHCNVN, chỉ là một sự vu cáo trắng trợn. Sự thực, số nón cối thất thoát đã

không rơi vào tay bất cứ một tổ chức nào tại hải ngoại mà đều được mua lại bởi những cửa hàng - chuyên buôn bán những vật dụng dùng cho việc thủ dâm."

- Đừng có giễu dở nha, cha nội. Trong vụ này nếu nghèo óc tưởng tượng và cần "tiếp thị" (visual aid) thì người ta mua báo Play Boy hay đồ lót của phụ nữ ở Victoria Secret chớ ai nhìn tới cái nón cối làm chi. Coi ghê thấy mẹ.

- Nói như vậy là biết một mà không biết hai. Thủ dâm có tới hai kiểu chớ không phải một.

- Thiệt vậy sao?

- Chớ sao, khi không có người bạn tình (sexual partner) bên cạnh mà có nhu cầu giải quyết những "bức xúc" sinh lý thì người ta mới nhìn vào (hoặc hình dung ra) một hình ảnh gợi dục nào đó để thủ dâm bằng tay. Còn khi muốn chống cộng quá cỡ mà dân làng Ba Đình Hà Nội ở quá xa, với không tới thì người ta dùng tới nón cối. Cứ chụp đại nó lên đầu bất cứ một thằng cha con mẹ nào đó, đang đứng sớ rớ ở kề bên, hô hoán lên nó là cộng sản hoặc làm tay sai cho cộng sản, rồi nhào vô đánh đấm túi bụi, chửi rủa xối xả cho nó đã (miệng). Đó là một hình thức "thủ dâm", để thỏa mãn nhu cầu tâm lý!"

Sau khi đọc xong, Thanh Nam xé mấy trang bản thảo làm tư và vứt vào sọt rác. Trông ông (bỗng) nghiêm và buồn thấy rõ:

- Chụp mũ là một thảm kịch của chúng ta, không phải là một chuyện đùa. Nếu chú quan tâm đến vấn đề thì phải bỏ thời giờ suy nghĩ, tìm hiểu để viết một bài báo nghiêm chỉnh. Đâu phải chuyện gì cũng mang ra để cười giỡn được. Nói chú đừng tự ái chứ chuyện chú viết tôi cười không nổi, nó chỉ khiến tôi buồn, và buồn (thiếu điều) muốn chết!

Rồi ông qua đời thật, không lâu, sau đó. Tôi ở lại hụt hẫng, thôi la cà quanh bàn nhậu nhưng vẫn uống lai rai, và (thường) uống mình ên. Đôi lúc, khi chuyếnh choáng, tôi vẫn nghĩ đến những câu thơ - đẫm nước mắt và hơi men - mà Thanh Nam làm lúc cuối đời, và món nợ về "thảm kịch chụp mũ" (vẫn) chưa thanh thỏa được với ông.

Có thời gian (ngắn ngắn) tôi làm xướng ngôn viên, trong một trại tị nạn, ở Thái Lan. Công việc hằng ngày chấm dứt đúng vào lúc 10 giờ tối, với thông báo cuối của ban phát thanh, như sau: "*Đồng hồ của phòng thông tin chúng tôi bây giờ là 10 giờ tối, xin mọi người vui lòng trở về lô lều của mình, và điều chỉnh mọi âm thanh vừa đủ nghe để khỏi làm phiền người bên cạnh, đang cần sự yên lặng để nghỉ ngơi. Kính chúc đồng bào một đêm an lành và ngon giấc.*"

Tôi luôn luôn cảm thấy có đôi chút ngập ngừng ở câu nói cuối cùng. Vào thời điểm đó, suốt những năm dài của cả thập niên 1980, không ai trong số hàng triệu người Việt ở khắp những trại tị nạn Á Châu (kể cả những đứa bé thơ) có được một giấc ngủ bình thường - nói chi đến chuyện "an lành" hay

"ngon giấc". Những cơn ác mộng của những kẻ hốt hoảng, bồng bế dắt díu nhau bỏ chạy khỏi quê hương, đều gần giống như nhau: bị săn đuổi, bắt bớ, đánh đập, hãm hiếp, lạc lõng đói khát giữa biển trời bao la, hay bị chìm thuyền giữa đại dương giông bão.

Sau mộng mị, chúng tôi thường thức giấc giữa khuya - toát đẫm mồ hôi vì sợ hãi và mệt nhọc - nằm định thần một lát rồi thở phào nhẹ nhõm khi nhận ra rằng mình đã thoát, và (chỉ) vừa trải qua một giấc mơ! Mộng dữ như thế thưa dần, với thời gian, rồi dứt hẳn nơi phần lớn những người tị nạn - nhất là sau khi cuộc sống của họ đã tạm ổn định nơi vùng đất mới.

Tiến trình bình thường này, tiếc thay, không xẩy ra cho tất cả mọi người. Với số người còn lại, thỉnh thoảng, họ vẫn cứ tiếp tục bị mộng mị và những hồi ức hãi hùng theo đuổi. Một số ít hơn nữa thì sống hoàn toàn bình thường và an lành một thời gian, rồi bỗng dưng lại bị ám ảnh bởi những cơn ác mộng hay những hồi tưởng về những kinh nghiệm khủng khiếp mà họ đã trải qua.

Trường hợp sau, có tên gọi là hội chứng PTSD (Post Traumatic Stress Disorder) With Delay Onset. Theo DSM - IV – TR (*Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorder*, Fourth Edition. Text Revision. Washington, DC, American Psychiatric Association, 2000 - cẩm nang hiện dụng của khoa Tâm Thần Học) thì dù "phát chậm" (delay) hay không, Hậu Chấn Thương Tâm Lý đều có nguyên nhân từ những biến cố kinh hoàng - ngoài sức chịu đựng bình thường của con người - thường xẩy ra nơi chiến trận, hay khi chúng ta là nạn nhân của sự bạo hành, hãm hiếp, cướp bóc, tù đầy, khủng bố, tra tấn.

Ngoài ác mộng và những hồi tưởng như thật, DSM - IV - TR cũng liệt kê đến những hội chứng khác nữa của PTSD như: nghi ngại thái quá, bất an, lãnh đạm (*hypervigilance, sense of foreshortened future, feelings of detachment from others*, sđd, trang 468).

Có đến mười phần trăm dân số Việt Nam (hay hơn nữa) đã trải qua cảnh vượt biên, tù đầy - hoặc cả hai. Số còn lại, nếu không bị thương tích hay tai họa gây ra do bom đạn trong thời chiến, đều phải chịu đựng những kinh nghiệm sống (rất) bất thường khác dưới chế độ cộng sản: cải cách ruộng đất, kiểm thảo, đấu tố, vượt tuyến, di cư, di tản, đổi tiền, kiểm kê tài sản, thi hành nghĩa vụ lao động, đi kinh tê mới. Dân Việt, ở thời đại này, có vô số "cơ hội" để mắc chứng Hậu Chấn Thương Tâm Lý!

Đôi lúc, tôi trộm nghĩ dân tộc mình đang bị "PTSD tập thể". Nếu không, làm sao giải thích được sự nghi ngại thái quá (hypervigilance) của cả một cộng đồng như vậy - ở hải ngoại. Trong ánh mắt của chúng ta, tha nhân - hình như - ai cũng đang đội cái nón cối trên đầu, ai cũng có vẻ như đang giấu một cái đuôi hay một cái gì đó sau lưng.

Thái độ e ngại dè dặt này, có thể, khiến cho một số người "yên tâm" hơn nhưng (chắc chắn) không làm cho chúng ta vững mạnh hơn - nếu chưa muốn nói là ngược lại. Tôi thường nghe là cộng sản cho người trà trộn vào những tổ chức, hay hội đoàn gì đó để gây chia rẽ và làm suy yếu cộng đồng.

Trời, sao đang sống ở phố Bolsa của tiểu bang California mà nói năng y trang như đám dân làng Ba Đình, Hà Nội vậy - mấy cha? Tụi nó cũng luôn miệng kết tội và bỏ tù hết người này đến người khác vì "lạm dụng tự do và dân chủ", dù dân chủ cũng như tự do đều chỉ là "hàng mẫu không bán" trong chế độ cộng sản. Tương tự, chúng ta cũng có bao giờ đoàn kết và mạnh mẽ đâu mà "lo" chuyện bị kẻ địch len lỏi vào hàng ngũ để làm cho chia rẽ hay suy yếu.

"Với một lực lượng hùng hậu vài triệu 'nhân tài' ở nước ngoài, cộng đồng hải ngoại không làm được gì hơn là hô hào và trông chờ vào con số đếm trên đầu ngón tay những người đấu tranh trong nước" (*Lê Phạm Bảo Khánh, "Dân Chủ Từ Trên Trời Rơi Xuống,"* Đàn Chim Việt, *Dec. 2003*). Nói thế tuy hoàn toàn không sai nhưng (e) chưa đủ. Con số đếm trên đầu ngón tay này không phải chỉ là chỗ "trông chờ" của vài triệu "nhân tài" ở hải ngoại thôi đâu. Đó còn là niềm hãnh diện và hy vọng (rất) mong manh của toàn dân cơ đấy.

Và dân Việt, có lẽ, chỉ còn số người ("đếm trên đầu ngón tay") này dám sống. Kỳ dư, kể như là đã chết hay đang chờ chết. Xin đơn cử vài thí dụ, về những trường hợp dở sống và dở chết như thế.

Tế Hanh từng là ủy viên ban chấp hành hoặc thường vụ Hội Nhà Văn Việt Nam, từng mười năm liền phụ trách đối ngoại của hội, từng có chân trong ban phụ trách nhà xuất bản Văn Học. Ông cũng từng hãnh diện khoe rằng "bọn tôi, thừ thuở 20-25 đã làm nên Thơ Mới. Rồi bọn tôi thay nhau dẫn đầu trong thơ viết về chống Mỹ, cũng như có những bài thơ hay nhất ca ngợi chủ nghĩa xã hội."

Và cái "bọn tôi" đó, vào lúc cuối đời, đều đành chép miệng mà rằng: "trải qua hai cuộc chiến tranh mình còn được sống, được làm thơ, còn may mắn hơn khối người khác, thế là được rồi" [Vương Trí Nhàn, *Cây Bút Đời Người*, (Phương Nam Corp, 2002]. Sống dở chết dở ra sao, làm thơ để chống ai hay ca ngợi ai thì dường như không phải là những điều mà "bọn tôi" (dám) bận tâm?

Sao mà dễ chịu (và dễ dậy) đến thế nhỉ? Bất cứ một ông hay một bà cửu vạn nào đó - đang ngồi bó gối, ở vỉa hè của khu phố Giảng Võ - cũng đều có thể suy nghĩ y như thi sĩ Tế Hanh. Họ cũng tự an ủi là mình "còn may mắn hơn khối người khác".

- Ai?

- Thì những người *homeless* khác nhưng không còn đủ chân tay để làm

phu cứu vạn chứ ai?

Tại sao mọi người đều "nhìn xuống", đều không còn ai dám kỳ vọng gì nữa vào một nếp sống bình thường hay tốt đẹp, và tất cả đều sống với cái cảm giác tạm bợ (*sense of foreshortened future*), vô vọng - đến như thế? Có phải đây là một hội chứng khác của bệnh Post Traumatic Stress Disorder hay không?

Còn lớp người trẻ hiện tại - họ sinh sau chiến tranh hay may mắn không phải sống trong thời chiến, không bị những thương tật tinh thần do "cách mạng" gây ra - thì sao? Họ có bình thường và lành mạnh hơn cha anh của mình không?

Hình như không! Hoặc nếu có (e) cũng không nhiều. Họ bị "lây" chứng lãnh đạm (*feelings of detachment from others*) từ PTSD của những thế hệ trước nên đều mắc vào một thứ bệnh thời đại khác: bệnh "mackeno". Đây cũng là một dạng thức HIV, về tâm lý, có tên là "bệnh liệt kháng trước bất công" - theo như cách nói hiện giờ.

Lịch sử của giai cấp cầm quyền (thường) chỉ là lịch sử của những thằng hay những con ăn cướp. Và ít có đảng cướp nào "may mắn" như Đảng CSVN. Sau khi dồn toàn dân vào hết cuộc chiến này đến cuộc chiến khác, bắt ép mọi người trải qua đủ thứ kinh nghiệm sống hãi hùng (đến độ phát sinh tâm bệnh), rồi họ "tọa hưởng kỳ thành".

Thành quả ở đây là mồ hôi nước mắt của cả một dân tộc, là tài nguyên của cả một quốc gia, là những đồng tiền vay mượn hay viện trợ để mà tha hồ phung phá. Họ không gặp phải sự ngăn cản hoặc chống đối của bất cứ ai vì cả dân tộc Việt đều còn đang trong tình trạng thương tật.

Bao giờ mà những thương tật tinh thần này chưa được nhìn nhận và giải tỏa thì tập đoàn lãnh đạo cộng sản (hay bất cứ một nhóm người bất nhân nào khác) vẫn còn có cơ hội nắm được quyền bính ở đất nước này. ■

Cung Cấp DỊCH VỤ nối vào INTERNET NHANH & RẺ
Nationwide Networks như AOL, MSN & AT&T

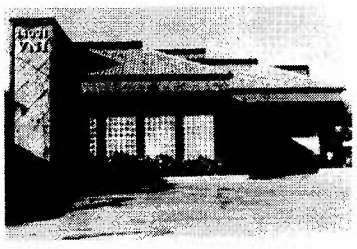

- Rẻ hơn AOL, MSN và AT&T
- Có email account để dùng hơn Hotmail & Yahoo
- Nhận/gởi email cho bất cứ ai ở nơi nào trên thế giới
- Nhận/Gởi email có dấu tiếng Việt bằng UNICODE mà người nhận không cần phải có font tiếng Việt mà vẫn đọc được tiếng Việt.
- Chat & Instant messenger bằng tiếng Việt
- Có email filter để lọc các spam & junk emails.

$14.95/tháng • $30/6 tháng • $150/1 năm

VNI 14091 Goldenwest St.,
Westminster, CA. 92683, USA
(714) 891-7656 • www.vnisoft.com

những giọt mồ hôi mùa đông

tạp ghi

HOÀNG MAI ĐẠT

Đạp đạp đạp.

Mấy bữa nay trời lạnh, mây mưa giăng kín bầu trời. Mưa ở Nam California rất hiếm, hiếm như gặp một ông cộng sản không biết nói xạo hoặc một bà ca sĩ chưa bao giờ bước vào thẩm mỹ viện. Vậy mà cuối tuần này mưa suốt ngày ở khu phố của người Việt Nam. Hết mưa thì trời lạnh. Cơn lạnh ở xứ ấm Bolsa cũng có thể buốt tái da, bắt người ta phải ở trong nhà, không thể ra vườn cắt cây, tỉa lá, không thể xuống bãi biển Huntington Beach câu vài con cá, hoặc chạy bộ trong công viên Miles Square Park. Không có nắng ấm, tôi ngồi co ro trong phòng, bắt đầu nghĩ ngợi, suy tư như người Bắc Âu. Mùa đông ở Bolsa không lạnh như ở Chicago, Toronto hay Paris, ngoại trừ nếu bạn phải đạp xe giữa tháng 12 hay trong tháng Giêng.

Mùa đông ba năm trước tôi đã rét lạnh trong lúc đạp xe ở ngoài đường. Rét mà thấy sung sướng vô cùng. Tôi bắt đầu đạp xe từ nhà đến sở làm trong tháng Năm. Lúc bấy giờ mùa xuân đang nở rộ, khí trời mát mẻ, mặc có ái áo thun cụt tay mà còn thấy nóng. Nếu có bộ ngực nở nang thì tôi đã vất áo thun từ lâu. Cái bụng to tròn, trắng ởn không giúp gì hơn cho vóc dáng trai già trên dưới bốn mươi tuổi. Trên một tờ truyền đơn mà tôi lượm đọc ở một công viên, người ta khuyến khích tôi đi xe đạp để tiết kiệm xăng, để tập thể dục và bảo vệ sức khỏe.

Hồi mới qua Mỹ tôi cũng thường đạp xe ở miền quê, không hẳn vì lý do thể thao, mà vì muốn giải tỏa sự bực bội. Tiếng Anh kém, về Việt Nam không xong, người bà con ở tiểu bang xa tít mịt mù, không muốn liên lạc, sống ở Mỹ không biết tương lai sẽ ra sao, vùng Rillton, Pennsylvania của tôi không có một đồng hương. Mỗi cuối tuần tôi phóng xe đạp lên xuống những đường dốc, quanh co lên đồi, phóng cho đến khi mệt, té lăn xuống một bãi cỏ và nằm soãi tay nhìn lên bầu trời. Tôi không phải là một thể tháo gia. Thế nhưng cũng có những lúc tôi đạp quá cơn mệt, và rồi tiếp tục đạp mà không còn thấy đau trong bắp thịt. Những lúc đó tôi có thể đạp như trong một cơn mê sảng. Vừa đau đớn mà lại vừa thích thú, đê mê. Những ngày cuối tuần như vậy tôi có thể đạp xa mấy chục dặm đến một nơi hoang vắng, trước khi tìm một con đường khác để trở về nhà theo ánh nắng hoàng hôn.

Lần này tôi đạp xe vì cần có thay đổi trong những thói quen hằng ngày. Nghe tôi năn nỉ hoài vợ mới cho đạp xe đến sở làm. Ai cũng đi xe bốn bánh, bộ khùng sao đi xe hai bánh cho mệt người. Nàng cản.

Bụng anh đang bành trướng, cần có biện pháp ngăn chặn ngay tức khắc, bằng không hai đứa mình ôm nhau chỉ nghe bụng với bụng, kỳ chết. Tôi nói vậy cho vợ thôi cản, chứ tôi không dám nói hết sự thật giấu trong lòng.

Sở làm của tôi là đài phát thanh thương mại ở Bolsa. Lúc đó sở đang thay đổi chế độ, có người ra người vô trong ban giám đốc. Như một cộng hòa chuối – banana republic – cứ vài năm, có khi vài tháng, sở lại có chế độ mới. Người này trượt té, người kia đạp lên vỏ chuối, ôm nhau xoay vòng, cứ vậy mà xứ cộng hòa tiến tới. Tôi thuộc thành phần lao động trí óc, từ sáng đến chiều cày bừa chữ nghĩa trên mấy trang giấy, tối về mệt đừ, vui buồn với mấy chai bia, không có tinh thần cách mạng cho lắm. Đám lao động ở đâu cũng vậy, cũng được đỉnh cao trí tuệ vỗ vai khen thưởng và phải làm việc tối ngày. Sự thay đổi ở đây cũng còn văn minh, không thô bạo như sự thay đổi chế độ ở Việt Nam vào năm 1975. Không có ai lái xe tăng ủi sập bàn làm việc của tôi, không có đứa nào làm người hùng, chạy cắm cờ vào đống báo trên bàn, và chờ người khác quay phim làm tài liệu, không có hình ông nào bà nào lạ hoắc mà tôi phải treo như hình cha mẹ, và cũng không ai bắt tôi phải ca tụng giả dối cho đến khi không biết đâu là giả đâu là thật.

Nhưng mà cuộc đổi quyền nào cũng có vài hiện tượng tan tác giống nhau. Có những người thuộc thành phần "30 tháng Tư", lật đật chạy theo quyền thế mới, lập công lập trạng với chủ, có những người chợt khúm núm, nhớn nhác o bế người có quyền hành, có những người được mặc áo sang hơn, làm ngơ bạn mặc dù hai người mới ôm vai nhậu đêm trước. Và cũng có những người im lặng như một nông dân chợt nghe trời gầm ở giữa đồng, lắng nghe, rồi trở lại với đất chưa cấy, với hạt chưa gieo, cặm cụi đi theo con trâu kéo cày. Tôi là người không có khiếu xã giao, thiếu khôn ngoan, không biết điếu đóm, cũng không biết chạy tìm những liên minh, việc mình mình làm, lủi thủi giữa đồng để bị sét đánh, cho xe tăng ủi nát cán cày. Một ngày kia tôi khám phá một tấm bảng để gần phòng, không biết có người đã tình cờ hay cố ý vất bảng ở đó. Bảng vẽ sơ đồ của công ty từ đỉnh cao trí tuệ, ban quảng cáo, ban kỹ thuật xuống thành phần bần cố nông. Không hiểu sao ban thư viện cũng nằm trên bảng, mặc dù ban này không có ai, chỉ gồm mấy kệ sách và kệ nhạc. Thư viện nằm ở dưới cùng, đội sổ, ngang hàng với ban tin tức của tôi. Cũng may thư viện còn có mấy cuốn tự điển, sách Phật, và kinh thánh. Nằm cạnh mấy ngài tôi tạm được yên thân. Chỉ tiếc cho mấy từ ngữ lý tưởng mà tôi đành cất vào trong túi, thỉnh thoảng sờ xem còn hay mất.

Đạp đạp đạp.

Đạp quá cơn đau, hết biết mệt.

Vợ chồng tôi đi garage sale, mua được một chiếc xe đạp thể thao còn tốt mà chỉ có mười đồng. Ban đầu anh chàng bán xe đưa giá hai chục. Tôi chịu

liền. Rẻ quá so với giá bảy, tám chục cho xe mới ở tiệm. Lúc tôi đưa tiền anh chàng nói lấy mười đồng thôi, còn cám ơn tôi đã mua xe giùm. Chiếc xe đen thùi, thuộc loại chạy đường rừng, lỗi thời so với mấy chiếc mới có thêm hệ thống ống nhún, êm mông.

Mỗi ngày tôi đạp xe từ sáu giờ rưỡi sáng. Đến sở làm khoảng bảy giờ. Từ nhà tôi đến sở làm cũng gần, không tới năm dặm, từ bên này qua bên kia khu phố Bolsa. Càng đạp cơ thể tôi càng rắn chắc, da sạm nắng, có điều chiều về uống bia càng thấy ngon hơn, bụng to trở lại. Mỗi buổi sáng khi mặt trời chưa ló dạng, tôi đeo túi trên vai, đạp mạnh lấy đà và phóng ra khỏi nhà xuống con đường Jennrich. Quẹo phải trên đường Bushard tôi đạp hết sức về hướng nam, ào ào băng qua đường Bolsa đánh bại đèn đỏ. Trước khi đến ngã tư McFadden, tôi lái bánh lên lề đường, chạy tắt qua một dãy nhà chung cư, vừa chạy ở một bên lề vừa chờ đường vắng xe để cắt ngang qua bên kia đường. Từ McFadden tôi quẹo phải ở ngã tư Brookhurst, vượt qua một khu thương xá, đứng trên xe cho khỏi ê mông trong lúc bánh bị giồng trên bãi đậu hướng vào sở làm. Sau khi gác xe ở một gốc cây, tôi bước vào sở nhễ nhại mồ hôi, dồi dào sinh lực và sẵn sàng cày hết mấy chục bản tin trong ngày.

Trong giờ ăn trưa tôi thường ra sân vắng đứng ngắm xe đạp. Chiếc xe nằm yên dưới gốc cây, bình thản trước sự hạnh phúc của tôi mỗi khi tôi nhìn thấy nó. Xe không biết trong mấy giờ đồng hồ qua tôi phải đọc những tin bạo động, đổ máu, chết chóc, gian xảo, kéo dài từ ngày này qua ngày nọ ở khắp mọi nơi, không biết tôi đã học tập cải tạo tốt hay xấu, cũng không biết tôi sung sướng đến cỡ nào mỗi buổi chiều cùng xe phóng về nhà. Những buổi chiều đẹp tuyệt vời. Có những lúc vui tôi lèo lách giữa những dòng xe chờ đèn xanh ở góc Bolsa. Đèn sắp xanh tôi đã chạy ra giữa đường, qua mặt mấy chiếc xe bốn bánh. Có những khi tôi đạp sát bên lề, chạy đua với xe hơi rú ga ở trên đường. Về gần đến nhà tôi đạp bình thản, thong thả dừng trước sân như một ông công chức cù lần, không cho vợ biết tôi đã phóng xe liều lĩnh như thế nào. Thường thì tôi không thể giấu vợ. Hơi thở nóng hổi của tôi qua nụ hôn đã cho nàng biết tôi đã chạy nước rút, như sợ không thoát khỏi bàn tay của sở làm.

Đến mùa thu năm ấy thì tôi có lý do chính đáng để tiếp tục đạp xe đến sở. Con trai lớn của chúng tôi vào đại học, cần xe đi lại. Chúng tôi không có tiền để mua thêm một chiếc xe thứ ba. Vợ tôi một chiếc, con một chiếc, còn tôi chung tình với chiếc xe hai bánh đen đủi. Ngoại trừ những ngày mưa hiếm có mà vợ có thể lái xe đưa tôi đến sở, những ngày khác tôi đi xe đạp.

Tôi đã đạp xe vùn vụt vào một buổi bình minh đẹp trời giữa phố Bolsa. Đường xá vắng lặng, chỉ dăm ba chiếc xe chở những người đi làm trong một buổi sáng sắp sang thu, còn hơi ấm của mùa hè. Vài người gốc Châu Mỹ La

Tinh cũng đạp xe. Họ cúi đầu tới trước, lao tới một nơi lao động nào đó còn rất xa, không mấy chú ý đến gã Á Đông đeo kiếng cận, đeo túi xách trên lưng. Như những ngày khác, đám đạp xe chúng tôi thường gặp nhau ở những ngã tư chờ đèn xanh. Những tia nắng cam hồng đã chấm phá những áng mây trôi về hướng Santa Ana. Trong những lúc toát mồ hôi dưới lớp áo lạnh, tôi thường hát trong miệng một bài hát nào đó, để quên sự mệt mỏi, đau nhức trên hai bắp đùi và trong buồng ngực. Buổi sáng hôm ấy tôi đã đạp đều chân theo bài hát quen thuộc "Here Comes The Sun" mà George Harrison đã hát trong ban Beatles. *Kìa mặt trời lên. Mọi chuyện sẽ bình an.* Bài hát vang lên trong đầu tôi trong lúc xe phóng về phía mặt trời. Một buổi sáng đẹp chưa từng thấy, tôi tưởng vậy, cho đến khi gác xe ở gốc cây và bước vào sở làm. Hai màn ảnh truyền hình trong phòng tin tức của tôi đã chiếu hình một tòa nhà bị sụp đổ tại New York. Hôm ấy là ngày 11 tháng Chín năm 2001, một ngày kinh hoàng, thê lương nhất trong lịch sử Hoa Kỳ. Phải chi hôm đó tôi cứ đạp xe đi miết, đến một cánh đồng, một miền núi hoặc một bãi biển nào đó, để không bao giờ biết có một ngày ghê gớm như vậy.

Đạp đạp đạp.

Những bánh xe quay đều, tròn một vòng sinh tử.

Đạp xe mùa đông ở Bolsa cũng lạnh gớm. Đến tháng 12 những ngón tay của tôi tê buốt, tưởng chừng như không còn một giọt máu nóng nào ở bên trong. Tôi phải quấn khăn che cổ, mang theo một bình cà phê nóng mà tôi có thể hớp nhẹ trong lúc chờ đèn đổi màu. Những ngày đông ngắn dần. Trời đã tối những lúc tôi đạp xe rời sở làm. Trên những ngả đường về đêm, tôi rượt theo ánh đèn đỏ của những chiếc xe vụt qua trước mặt, không rà thắng, quay đều chân hướng về một mái ấm nằm trên đường Jennrich. Ánh đèn vàng từ trong bếp thường chiếu ra mái hiên, chờ tôi dựng xe, hé cửa bước vào nhà.

Đài phát thanh cũng hoạt động như ty cảnh sát hoặc bệnh viện. Đài không đóng cửa nghỉ lễ, nên tôi cũng không thể nghỉ trong những dịp lễ lớn. Tôi có thể nghỉ bù vào những ngày khác. Đạp xe vào buổi sáng Giáng Sinh cho tôi một cảm giác cô độc rất thú vị. Đường phố vắng vẻ, không một bóng người. Ra khỏi khu xóm Jennrich chật cứng xe đậu hai bên lề, tôi không thấy một chiếc xe nào khác chạy trên đường. Tôi có thể đạp xe băng qua đèn đỏ ở Bolsa mà không có ai hay biết. Buổi sáng đầu năm cũng vậy, yên tịnh như ở một nơi hoang dã.

Qua đến Tết Việt Nam thì khác. Mùa xuân về rất sớm tại Nam California. Trong những ngày sắp đến Tết Nguyên Đán, cuối tháng Giêng hoặc đầu tháng Hai dương lịch, những góc phố thường có những chợ hoa, trưng bày màu sắc thắm tươi. Chưa tới 7 giờ sáng mà phố xá đã có nhiều người. Họ khiêng cây cối, bánh, trái xuống phố, chuẩn bị mua bán ở những góc chợ

xuân. Có những lúc tôi mải mê xem người ta bày hàng, không biết đèn đã bật xanh từ lâu mà chân còn chần chừ trên bàn đạp.

Đến cuối tháng Tư trời có thể nóng nực như mùa hè. Tôi lại mặc áo thun, đội thêm nón cho mặt đỡ bị cháy nắng theo lời dặn của vợ. Đạp xe băng qua phố Bolsa vào một buổi sáng cuối tháng Tư đã làm tôi xúc động. Tôi đã dừng xe để xem những lá cờ treo trên những cột đèn. Cờ Mỹ và cờ vàng Việt Nam Cộng Hòa được treo bên nhau trên những con đường ngang dọc khu phố. Tôi còn nhớ mười mấy năm trước muốn treo một lá cờ vàng như vậy dưới phố Bolsa không phải là chuyện dễ. Phải xin phép, phải tranh đấu, phải vận động, phải hô hào, phải biểu tình thì người tị nạn mới được treo lá cờ thân yêu của họ. Cờ vàng từng đại diện cho một nửa Việt Nam. Giờ đây lá cờ là biểu tượng cho chính nghĩa tự do, một lý tưởng mà không ai có thể cướp đi mất. Cho dù mai này phố Bolsa có thay đổi – thêm người mới đến, thêm cơ sở kinh doanh, thêm tiếng nói của những thế hệ khác – người ta vẫn nhớ phố được xây đắp bởi những người tị nạn từng tranh đấu cho lá cờ vàng. Buổi sáng cuối tháng Tư đó tôi đã ngưng đạp xe, say mê nhìn màu cờ. Hôm ấy tôi đến sở trễ mấy phút, thế nhưng tin tức tôi tràn ngập một niềm tin, sống động trong lý tưởng phục vụ cộng đồng.

Đạp đạp đạp.

Quay tròn một niềm vui.

Qua hết mùa hè vợ ban lệnh không vui: Anh làm ơn cất xe đạp, lái xe thường giùm em. Mấy ông thợ Mễ đang sửa nhà mình. Thấy anh trai già hùng hổ đạp xe như trai tơ, họ cười cho. Chạy lạng quạng có ngày bị xe lớn cán dẹp xác.

Lúc bấy giờ tình hình cũng có thay đổi. Chúng tôi đã có khả năng trả góp một chiếc xe khác. Một lý do chính đáng hơn nữa là chúng tôi đã bước vào nghề địa ốc. Tôi không thể đạp xe chở khách đi xem nhà. Kỳ chết. Bộ tính bán nhà lá sao cha nội?

Đến nay tôi vẫn nhớ mười-tám tháng đạp xe đi làm, nhất là vào mùa đông. Những giọt mồ hôi toát trong người đã giúp tôi bừng sức sống giữa một buổi sáng lạnh lẽo. Tôi nhớ chiếc xe vô cùng. Tôi bớt đạp xe, bụng càng mập tròn hơn. Giờ đây tôi viện lý do muốn thảy banh ở một công viên đằng sau nhà, để có thể đạp xe vào sáng sớm trước giờ đi làm. Thay vì đạp xe đến công viên, thỉnh thoảng tôi phóng xuống phố Bolsa theo đường Bushard, lặng lẽ ngắm đường phố thân thuộc như lén thăm tình nhân, sau đó vòng về nhà theo đường Magnolia.Tôi bắt đầu bài tạp ghi này với ý định viết về mùa đông. Vì một lý do nào đó tôi đã đạp xe chạy lung tung, sắp kết thúc ở phố Bolsa. Có lẽ vì Bolsa đã trở thành một phần trong đời tôi, như chiếc xe đã đến với một kẻ muôn đời lưu lạc ở xứ người.■

giới thiệu sách

HOÀNG MAI ĐẠT phụ trách

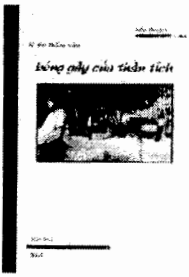

BÓNG GÃY CỦA THẦN TÍCH

Tiểu thuyết của Lê Thị Thấm Vân

Lạ và táo bạo. Đó là ý của những người từng khen những tác phẩm trước của Lê Thị Thấm Vân. Phá vỡ để tái tạo. Ý của Lê Thị Thấm Vân về tác phẩm mới nhất của bà – *Bóng Gẫy Của Thần Tích*. Trong phần mở đầu của tiểu thuyết "*Bóng Gẫy Của Thần Tích*", Lê Thị Thấm Vân đã viết về hai nhân vật chính Bí Xanh và Bí Vàng: "Bí Xanh & Bí Vàng giống nhau như hai giọt nước lăn chảy trên mặt, hay tuôn chảy dưới háng. Thứ duy nhất, Võ Thị Gái phân biệt được, là một đứa có máu ấm và một đứa có máu mát. Nhưng cũng làm Võ Thị Gái điên đầu, là dòng máu mát và ấm ấy lại thường xuyên thay đổi." Từ đó "Bóng Gãy Của Thần Tích" trôi miên man giữa những dòng sống ở quê hương và hải ngoại, từ mùi nách bà ngoại, mơ làm tình với một người che mặt, mắc bệnh AIDS, đến những chuyện thời sự linh mục sờ mó con nít, Mẹ Theresa, nhạc John Lennon.

Hồ Trường An đã viết về hai tác phẩm trước, "Xứ Nắng" và "Âm Vọng", mà cũng có thể đúng với tác phẩm mới nhất của Lê Thị Thấm Vân: "Chị phá phách cái cũ bằng ý thức sáng tỏ hiếm có, chị tìm cái mới bằng một tấm lòng thành khẩn tuyệt vời." Đỗ Khiêm cũng viết về bà như thế này: "Tính dục, tuy chẳng có gì là xấu cả, nhưng ở tác giả chỉ là một nấc thang để trèo lên khái niệm bên cạnh tự do cá nhân là nữ quyền trong tác phẩm của bà. Muốn đến với nữ quyền, phải trèo qua cái xác của tính dục trong căn phòng của tự do cá nhân."

Liệu Lê Thị Thấm Vân đã "trèo" được tới đâu trong tác phẩm mới nhất? "Bóng Gẫy Của Thần Tích" dày 230 trang, in đẹp, trình bày sáng sủa, do Anh Thư xuất bản, giá bán 10 Mỹ kim. Địa chỉ: P.O. Box 390910, Mountain View, CA 94039. Email: thamvan@sbcglobal.net.

TẨU KHÚC, Văn Chương / Triết Lý

biên khảo của Đặng Phùng Quân

Mới và phá thể. Đó là những ý kiến tích cực về Đặng Phùng Quân. Một số bài viết trong "Tẩu Khúc, Văn Chương / Triết Lý" đã được đăng trên những tạp chí Chủ Đề, Gió Văn và những mạng Internet như nhanvan.com, talawas.net, và gio-o.com. Trước khi bước vào sách mới nhất của Đặng Phùng Quân, chúng ta cần biết về ông qua nhận xét về những tác phẩm trước. Ông đã viết 12 tác phẩm, mà đa số là về triết học.

Nguyễn Thiên Thụ đã viết về Đặng Phùng Quân như sau: "...Về tiểu thuyết, Đặng Phùng Quân là người tích cực trong việc đi tìm một hướng mới cho tiểu thuyết Việt Nam, và ông có công quảng bá nghệ thuật tân tiểu thuyết của Tây phương hiện đại. Về biên khảo, ông là một người khác tích cực vì từ khi ra ngoại quốc, ông đã viết khá nhiều tác phẩm về triết học. Ông đã là một trong những người hiếm hoi mổ xẻ những sai lầm của chủ nghĩa Marx, và đặt mối tương quan giữa triết học với văn chương, nhất là văn chương lưu đày."

Đào Trung Đạo đã viết thêm về ông: "Trước hết, viết tiểu thuyết mới, phá thể là một bày tỏ muốn nói lên một cái gì mới hơn những cái gì đã có, một vận động hủy diệt trong sáng tạo..." Một người khuyết danh đã có ý kiến: "Lối viết của Đặng Phùng Quân vốn đã khó đọc, nay lại thêm nhiều câu trích dẫn tiếng Đức, tiếng Anh, tiếng Pháp làm rối thêm... Đây là một cuốn sách khó đọc, từ hình thức đến nội dung."

Những lời trên được viết ở bìa sau của "Tẩu Khúc, Văn Chương / Triết Lý" như lời báo trước về 11 bài viết và một bài phỏng vấn trong sách mới của Đặng Phùng Quân. Sách dày gần 230 trang, Gió Văn xuất bản, giá bán 15 Mỹ kim. Địa chỉ liên lạc: Đặng Phùng Quân, P.O. Box 721892, Houston, TX 77272.

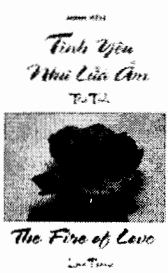

TÌNH YÊU NHƯ LỬA ẤM

Thơ của Minh Viên

"Tình Yêu Như Lửa Ấm" gồm 53 bài thơ tình được sáng tác bằng tiếng Việt và dịch sang tiếng Anh, và như vậy sách có trên 100 bài thơ. Bài thơ mở đầu của Minh Viên là hình thức của những bài sau: "Anh mơ làm trăng vằng-vặc đêm khuya / Tắm mát da thịt em hừng-hực lửa / I dream of being the brilliant moonlight / To penetrate entire your red-hot body at night."

"Tình Yêu Như Lửa Ấm" giá bán 15 Mỹ kim. Địa chỉ: Moonlit Garden, 5102 Westlake Parkway, Sacramento, CA 95835.

THÊM, MỘT ĐÓA HỒ NGHI

Thơ của Xuyên Trà

"Thêm, Một Đóa Hồ Nghi" gồm gần 90 bài thờ của Xuyên Trà. Trong lời giới thiệu, thi sĩ Du Tử Lê đã viết: "...Đời-kiếp-thi-ca của một thi sĩ thường rất ngắn! Ông / Bà ấy có thể vẫn làm thơ cho tới ngày cuối đời-sống-thân xác... Nhưng đa số thường lập lại chính mình! Tôi cho đó là một bất hạnh, là thảm kịch lớn lao nhất, của thi sĩ. Nó như mặt khác của ân sủng thiêng liêng bất thường (mà,) trước đó, Thượng Đế đã quá mức nhẹ dạ dành riêng cho thi sĩ. Nói như thế, không có nghĩa tất cả mọi thi sĩ, đều chịu chung một số phận. Bằng cớ hôm nay Xuyên Trà đã cho chính ông, trước nhất; sau đó, tới chúng ta, thi phẩm mới của ông."

"Thêm, Một Đóa Hồ Nghi" được bán với giá 10 Mỹ kim. Địa chỉ liên lạc Xuyên Trà, 3109 Ascot Ct., Chamblee, GA 30341. Điện thoại (770) 458-9659.

NHỮNG ĐÓA MẪU ĐƠN

tuyển tập thơ văn của Đặng Phú Phong

"Những Đóa Mẫu Đơn" gồm 11 bài văn và 38 bài thơ. Những bài văn được chia thành ba phần, xen kẽ hai phần thơ. Đặng Phú Phong có lối viết bình dị, nhẹ nhàng, giàu tưởng tượng và châm biếm. Trong bài "Chung Quanh Một Giải Thưởng Văn Chương," ông mô tả một nhà văn Việt Nam được giải Nobel. Chỉ trong chốc lát cuộc đời của Văn Hào Ẩn Cư bỗng thay đổi, từ một kẻ thầm lặng ít ai biết thành một nhân vật mà ai cũng từng có dịp quen "ngài." Văn và thơ của Ẩn Cư được nhắc đến ở khắp mọi nơi, kể cả "Trong vũ trường những cặp ôm nhau nhảy đầm thầm thì những câu văn, câu thơ lãng mạn tình tứ của Ẩn Cư. Trên mục tìm bạn bốn phương người ta thấy xuất hiện thêm những dòng thích thơ văn Ẩn Cư."

Thơ của Đặng Phú Phong cũng có không khí thoải mái, yêu đời như văn của ông. Trong "Đôi Mắt Chuồn Chuồn", ông viết: "Tôi yêu em / Trước tiên là đôi mắt / Đôi mắt chuồn chuồn màu thủy ngân / Đã nhìn vào rốn tôi / Rồi đưa cái miệng nham nhở / Cắn thật sâu vào / Cho tôi nghiến răng / Đổ mồ hôi hột."

Đặng Phú Phong từng xuất bản tập thơ "*Nghiêng Cây Bóng Xế*" vào năm 1970 tại miền Nam Việt Nam. "*Những Đóa Mẫu Đơn*" dày 215 trang, do Văn Hóa xuất bản tại California với giá bán $12 Mỹ kim. Địa chỉ liên lạc Đặng Phú Phong, 653 S. Roanne St., Anaheim, CA 92804. Điện thoại (714) 952-1730.

BÌNH GIẢI SẤM KÝ TRẠNG TRÌNH

biên khảo của Kiều Nguyên Tá

Kiều Nguyên Tá đã viết báo và viết sách tại hải ngoại. Trong sáu cuốn sách được xuất bản trong hơn 10 năm qua, ông đã viết về đạo, thượng đế, và những đề tài siêu linh. Trong tác phẩm mới nhất, ông cho biết hoài bão của ông: "Ở Việt Nam suốt năm thế kỷ qua, không ai không biết và nghe ít nhiều về Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm. Bằng khả năng tiên tri của ngài, đưa ra những biến cố trọng đại việc hiện hữu cùng việc sẽ xảy ra. Đặc biệt trong thế kỷ 20 và các biến diễn đang tới ở thiên niên kỷ thứ 3 này. [...] Chúng tôi cố gắng biên soạn tập sách này nói về những câu chuyện, thân thế và giai thoại của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm để mọi người cùng suy nghiệm cho chung thế giới và nhất là nước Việt Nam đã, đang và sẽ ra sao vào những năm tới đây."

Bình Giải Sâm Ký Trạng Trình dày hơn 170 trang, không đề giá bán. Liên lạc: Làng Đạo Việt Nam, P.O. Box 4643, Garden Grove, CA 92642. E-mail: kieunta@go2vni.com.\

THE BATTLE OF SAIGON

tập truyện của Ngô Thế Vinh

The Battle of Saigon là bản tiếng Anh của tuyển tập *Mặt Trận Ở Sài Gòn* từng được Văn Nghệ xuất bản vào năm 1996.

Ký giả Mark Frankland, nguyên là phóng viên của tờ báo Anh, *The Observer*, và tác giả của bốn cuốn sách đã viết: "*Mặt Trận Ở Sài Gòn* sẽ tạo mối xúc động và chú tâm cho những ai còn tha thiết tới số phận của Việt Nam. Nó cũng sẽ gây ngạc nhiên cho những ai ít hiểu biết về tâm trạng phức tạp của người dân miền Nam đối với cuộc chiến tranh mà cho đến nay vẫn còn để lại những hậu quả và ảnh hưởng trên số phận của họ. Ngô Thế Vinh đã đặc biệt quan tâm tới tâm trạng của những người lính Miền Nam. Trong *Mặt Trận Ở Sài Gòn*, những người lính ấy có cơ hội nói ra và kết quả là tác giả đã phác họa được một chân dung chính trực và nhân bản của những con người ấy giữa

cuộc chiến tranh – mà lẽ ra phải được thế giới bên ngoài quan tâm thay vì quên lãng."

Phóng viên Tim Page, tác giả của chín tác phẩm kể những cuốn về cuộc chiến Việt Nam, đã viết: "Vẫn liên tiếp xuất hiện những cuốn sách viết về cuộc chiến tranh Việt Nam, tuy nhiên có rất ít sách đề cập tới quan điểm từ miền Nam, từ góc cạnh của những người thất trận nhưng họ đã từng chiến đấu và tin tưởng ở một nền Cộng Hòa miền Nam mới khai sinh. Ngô Thế Vinh qua kinh nghiệm một y sĩ trong một đơn vị Biệt Cách thiện chiến đã đem tới cho chúng ta những lý giải và soi sáng về những tình huống lưỡng nan ngoài trận địa. Rồi ông cũng đề cập tới cuộc sống hỗn mang ban đầu của một người tỵ nạn tạo dựng lại cuộc đời trong sự xa lạ của một miền nam California, với phấn đấu để trở lại nghiệp cũ giữa một cộng đồng di dân gồm cả nửa triệu thuyền nhân với những khuynh hướng chánh trị phân hóa đa dạng. Một bối cảnh như vậy hầu như hoàn toàn bị lãng quên trong văn học."

The Battle of Saigon do Xlibris xuất bản 2004, mẫu bìa Khánh Trường, hình bìa Tim Page. Địa chỉ liên lạc: vngothe@pol.net.

LỤC BÁT HOÀNG XUÂN SƠN

thơ Hoàng Xuân Sơn

Lục Bát Hoàng Xuân Sơn là tác phẩm thứ ba của nhà thơ Hoàng Xuân Sơn. Ông đang sống tại Gia Nã Đại, nơi mà cảnh vật, người và tâm tình đã thấm vào đời thơ của ông. Tuy tựa đề *là Lục Bát Hoàng Xuân Sơn*, hầu hết trong hơn tám-mươi bài thơ đã không theo thể thơ sáu-tám như thường tình. Vẫn là lục bát nhưng mà một thể lục bát mới (có còn gọi là lục bát?).

Hãy nghe Cao Vị Khanh mô tả về thơ lục bát của tác giả: "Lần này, với Hoàng Xuân Sơn cái trật tự lành lặn cũ cũng phải bị phá đổ đi để lập lại một trật tự mới, trật tự của cuộc điêu tàn mới. Lục bát bị xé ra từng mảnh rồi ráp lại theo cái nhìn vỡ vụn của con mắt điêu linh. [...] *tiễn cung. vút / một đuôi mày / hỡi ơi tình lụy / ngón tay / trễ tràng.*"

Lục Bát Hoàng Xuân Sơn dày trên 160 trang, do Thư Ấn Quán xuất bản, giá bán $15 Mỹ kim. Liên lạc: Hoàng Xuân Sơn, #38, 14 rue – Roxboro – Quebec H8Y 1M6, Canada. Email: son_hoang42@yahoo.com. Điện thoại (514) 685-0116.

TRẢ TA SÔNG NÚI

hồi ký tập 3 của Phạm Văn Liễu

Ông Phạm Văn Liễu từng mang cấp bậc đại tá của quân đội Việt Nam Cộng Hòa trước năm 1975. *Trả Ta Sông Núi* là một hồi ký gồm ba tập của ông. Mỗi tập ghi nhận một giai đoạn trong đời của ông. Tập một từ năm 1928 đến năm 1963. Tập hai từ 1963 đến 1975. Tập ba ghi lại thời gian tị nạn và định cư tại Hoa Kỳ từ năm 1975 đến 2001. Trong tập mới nhất, *Trả Ta Sông Núi* của ông Phạm Văn Liễu đã dày cộm với rất nhiều chi tiết về mặt trận kháng chiến mà người Việt tại hải ngoại đã ủng hộ rầm rộ trong thập niên 80.

Trả Ta Sông Núi tập ba đã có những chương viết về phong trào kháng chiến chống Cộng Sản của Hoàng Cơ Minh, từ giai đoạn thành lập đến lúc tan vỡ với cái chết của người cầm đầu và sự kiện tụng của những phe nhóm liên hệ. Hồi ký đã có những chương như "Chiến Khu Thái Lan", "Phong Trào Yểm Trợ Kháng Chiến", "Mặt Thật Họ Hoàng & Phe Nhóm", và "Từ Rạn Nứt Tới Đổ Vỡ".

Trả Ta Sông Núi tập ba dày trên 540 trang, giá bán $25 Mỹ kim, do Văn Hóa xuất bản qua địa chỉ P.O. Box 721049, Houston, Texas 77272, điện thoại ACS (714) 965-4631, email vanhoaxbph@aol.com.

Century 21®
Newtek Realty
15576 Brookhurst St., #A
Westminster, CA 92683
Cell phone 714-290-4456
dat.hoang@century21.com

Nguyễn Minh Thủy
Hoàng Mai Đạt
Realtors ®

Mua bán nhà đất - Tài trợ địa ốc
Đầu tư bất động sản
TẬN TÂM, KÍN ĐÁO, UY TÍN

Trung Tâm William Joiner
Nghiên Cứu về Chiến Tranh và Hậu Quả Chiến Tranh
Đại Học Massachusetts Boston

*

Nghiên Cứu Gia Khoa Học Nhân Văn Quỹ Rockefeller 2005-2006

Đề Án "Vấn Đề của Văn Hóa Nghệ Thuật, Tác Động của Những Chấn Thương, cùng Nỗ Lực Tồn Tại và Phát Triển Trong Bối Cảnh Việt Nam"

Đề Tài Nghiên Cứu Gợi Ý:

1. Vai Trò Của Văn Hóa, Nghệ Thuật, Văn Chương, v.v... Trong Tiến Trình Hàn Gắn, Bảo Tồn Và Phát Triển Sau Chiến Tranh.

2. Những Chấn Thương, Những Mâu Thuẫn, Những Khó Khăn Còn Tồn Đọng Sau Chiến Tranh.

3. Phân Tích Và So Sánh Những Phát Triển Văn Hóa, Nghệ Thuật, Văn Học, v.v... Trong Nước Và Hải Ngoại.

4. Tiếp Tục Khai Triển Những Đề Tài Quan Yếu Liên Hệ Trong Chương Trình Rockefeller 2000-2003 "(Tái) Xây Dựng Diện Mạo Và Quê Hương Của Người Việt Ở Nước Ngoài."

Chương Trình Học Bổng:

Đề án sẽ cấp học bổng cho 4 tới 10 nghiên cứu gia hằng năm, với những chương trình nghiên cứu từ 1 tới 9 tháng. Trợ cấp tối đa cho một chương trình nghiên cứu 9 tháng là 35.000 Mỹ kim cộng với một khoản chi phí di chuyển nhỏ. Nghiên cứu gia có thể nộp đơn và nghiên cứu hoàn toàn bằng tiếng Việt. Tùy nội dung đề tài, phương cách nội trú cá biệt có thể được thảo luận.

Thời Hạn:

Hạn chót nộp hồ sơ: Ngày 31 tháng Giêng năm 2005 cho niên khóa 2005-2006 (31/1/2006 cho niên khóa 2006-2007).

Đồng Tham Dự Đề Án:

Chương Trình Nghiên Cứu Người Mỹ Gốc Á Châu, Chương Trình Đông Á Học, Viện Nghiên Cứu Người Mỹ Gốc Á Châu.

Địa Chỉ Liên Lạc:

Kevin Bowen / Nguyễn Bá Chung
William Joiner Center for the Study of War and Social Consequences
University of Massachusetts-Boston
Boston, MA 02125-3393
(617)287-5850, fax (617) 287-5855
e-mail <Chung.Nguyen@umb.edu>

Xin tham khảo tiết mục "Programs Education" ở Web Site:
<http:// www.joinercenter.umb.edu/>

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

P.O.BOX 287
Gardena, CA 90248
Tel: (310) 366-6867 – Fax: (310) 366-6967

NHỮNG SÁCH MỚI CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Truyện Và Những Đoản Văn
Lâm Chương, giá $12.00

Văn Hóa, Giới Tính Và Văn Học
Tiểu luận Nguyễn Hoàng Văn, giá $14.00

Nghĩ Về Văn Học Hải Ngoại
Tiểu luận Nguyễn Mộng Giác, giá $13.00

Sống Với Chữ
Tiểu luận, tùy bút Nguyễn Hưng Quốc, giá $12.00

Ngựa Nản Chân Bon
Truyện ngắn Nguyễn Mộng Giác, giá $13.00

Nhện
Truyện và kịch Nguyễn Thị Hoàng Bắc, giá $10.00

Sử Việt Đọc Vài Quyển
Tạ Chí Đại Trường, giá $20.00

Chữ Dưới Chân Tường
Tập truyện Nguyễn Viện, giá $12.00

Tuổi 20 Yêu Dấu
Truyện Nguyễn Huy Thiệp, giá $12.00

Dấu Ấn
Tập truyện Nguyễn Thị Thanh Bình, giá $14.00

Con Người Muôn Mặt HỒ CHÍ MINH
Trần Viết Đại Hưng, giá $17.00

Phiếm
Song Thao, giá $15.00

*

Quý độc giả muốn mua sách, chi phiếu xin đề Nguyễn Khoa, gửi về địa chỉ trên. Không tính cước phí trong nước Mỹ.

Du khách nào mới tới vùng Orange County cũng đều ghé lại

Nhà sách VĂN KHOA

9200 Bolsa Ave, Ste. # 123, Westminster CA 92683
(trong khu thương xá Phúc Lộc Thọ)
TEL: (714) 892 - 0801
Số điện thoại miễn phí: 866-869-6384

Sách mới về mỗi tuần. Đầy đủ sách báo và CD, DVD, Tự điển,
Sách học Anh văn có Băng, Videos, Băng đọc truyện, Postcards.

SÁCH MỚI VỀ MÙA THU 2004:

- *Nhất Linh, Người Nghệ Sĩ, Người Chiến Sĩ* (326p., photos)
  Nhiều tác giả, $30.00
- *Trận Chiến Bí Mật* (304p.)
  về Biệt Kích thả dù ra bắc, Nha Kỹ Thuật/BTTM, $15.00
- *Tìm Về Nguồn Gốc Văn Minh Việt Nam* (627p.)
  biên khảo giá trị, Cung Đ. Thanh, $25.00
- *Tự Học Computer* (2DVD ex.)
  bộ 1 Tổng Quát, bộ 2 Internet, bộ 3 Email, $12 ea.
- *Thắp Tạ* (140p.)
  tập thơ mới nhất của nhà thơ nổi tiếng Tô Thùy Yên, $12.00
- *Hạnh Phúc, Mộng và Thực* (259p.)
  sách mới nhất của Thích Nhất Hạnh, $16.00
- *Hồi Ức Tù Cải Tạo* (742p.)
  của Nguyên Đại Tá Nguyễn Huy Hùng, $20.00
- *Bùa Yêu* (2CD)
  băng đọc truyện mới của Ng. Ngọc Ngạn, đọc với Hồng Đào, $11.00
- *Trả Ta Sông Núi 3* (542p.)
  được nhiều người chờ đợi của Phạm Văn Liễu, $25.00
- *Số Đỏ* (2DVD)
  phim truyện Bắc dựa theo tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng, $8.00
- *Truyện Lục Vân Tiên & Chữ Nôm* (583p.)
  Ng, Đ. Chiểu, Ng. Bá Triệu chú giải, $30.00
- *Những Sự Thật Chiến Tranh Việt Nam 54-75* (497p.)
  Trung Tướng Nguyễn Văn Toàn, $20.00

Ở xa mua sách: Xin gửi chi phiếu đề cho **Văn Khoa**,
giá tiền bằng giá liệt kê, miễn cước phí nếu ở Hoa Kỳ

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: .....

Địa chỉ: ..... Thành phố .....

Tiểu bang ..... Zip .....

Quốc gia .....

Đồng ý ..... □ Mua
□ Gia hạn

Thời hạn ..... năm ..... từ số ..... đến số .....

Đính kèm chi phiếu với số tiền US$.....

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN

áp dụng từ 1 tháng Chín 2004

HOA KỲ / MỘT NĂM
(media mail) US$50
CANADA / MỘT NĂM
(air mail) US$80

Á CHÂU, ÂU CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM
(global priority) US$100

Giá bán tại các hiệu sách US$10

U.S. TOURS

Www.ustours.com
Tel 1-877-578-8687
1-877-5ustours

CÔNG TY DU LỊCH VÀ CHUYỂN TIỀN VỀ VIỆT NAM
ĐẦU TIÊN CỦA NGƯỜI VIỆT TẠI CALI

9452 Garvey Ave. Suite A
S. El Monte, CA 91733
Tel: (626) 444-1999
Fax: (626) 444-2099
Mở xửa từ 9AM-6PM

9550 Bolsa Ave. Suite 126
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 531-8100
Fax: (714) 531-1973
Mở cửa từ 9AM-7PM

2 USD/100

SÀI GÒN
Hồi Báo 1 Ngày

3 USD/100

CÁC TỈNH
MIỀN TRUNG
& MIỀN NAM
(Trừ Cà Mau, Bạc Liêu, Minh Hải, Quảng Bình & Quảng Trị)
Hồi Báo 1 đến 3 Ngày

4 USD/100

MIỀN BẮC:
Hà Nội, Hải Phòng
MIỀN TRUNG:
Quảng Bình
CAO NGUYÊN:
Kontum, Gia Lai, Đắc Lắc
Hồi Báo 1 đến 3 Ngày

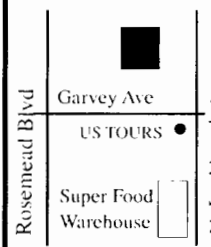

CÓ BÁN VÉ MÁY BAY
QUỐC NỘI VÀ QUỐC NGOẠI
VỀ VIỆT NAM
Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc US TOURS
Đến với US TOURS là đến với sự
UY TÍN - GIÁ RẺ
& THÀNH TÂM PHỤC Vụ

NHẬN GỬI QUÀ
VỀ VIỆT NAM:
Vải, quần áo,
đồ dùng cá nhân v.v...
Giá $7USD/lb
Thân nhân nhận quà tại nhà.
Không cần phải trả thuế.
(Ít nhất 4lbs trở lên một lần gửi.
Gửi nhiều hơn có giá đặc biệt)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

P.O.BOX 287
Gardena, CA 90248
Tel: (310) 366-6867 – Fax: (310) 366-6967

TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU
BA TÁC PHẨM MỚI NHẤT

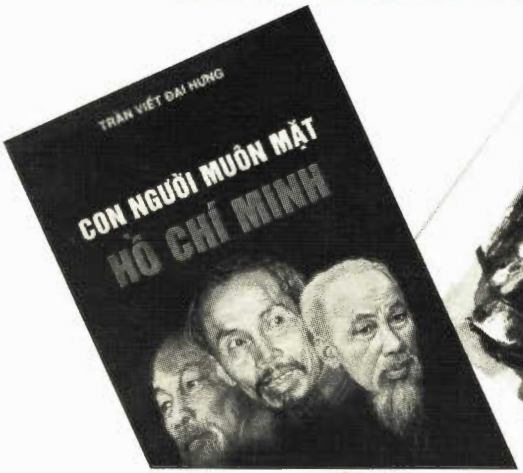

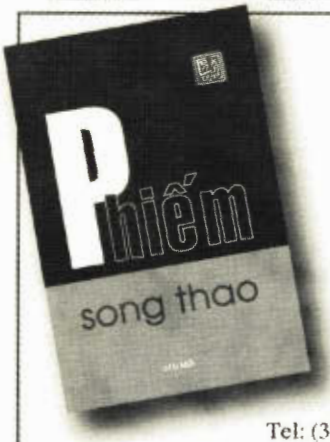

Đã phát hành:

Phiếm

của **SONG THAO**

40 chuyện phiếm, 380 trang.
Ấn phí 15 Mỹ kim

VĂN MỚI xuất bản
P.O. BOX 287
Gardena, CA 90248
Tel: (310) 366-6867 - Fax: (310) 366-6967

Giá 12 mỹ kim